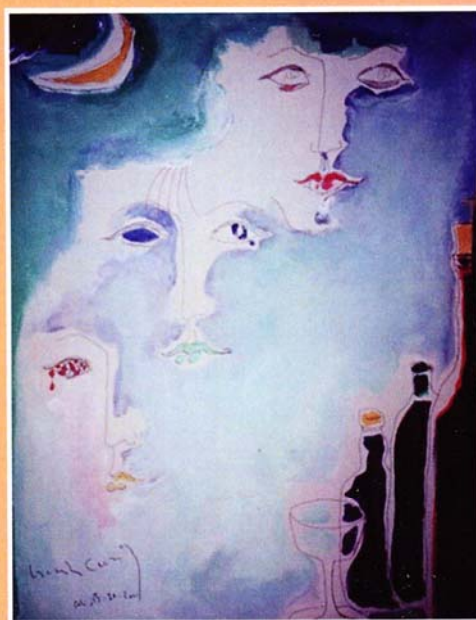


DỪA HƠI

BÈ BẠN 2

Trần Hữu Ân



HỎI KÝ RỜI

bé kị châu và từng đồ quý toàn
hoàng xuân sơn hồ thành đức làm chương
nguyễn mộng giác nguyễn sa mai nguyễn văn xuân
nguyễn vy khanh nhật ngân phan thị trọng tuyền phan xuân sinh thái tuấn
trần mộng tú trần hòa i thư trịnh hồng trường kỳ vĩnh diệu võ phiến

nhân ảnh



2007

Luân hoán Đưa hơi bè bạn

tập 2



2007



nvxuân

vphiển

ttuần

tcung

đqtoàn



béký

tmộngtú

ptttuyến

hxuânsơn

nvụkhanh



nmộnggiác

nsoamai

lâmchương

hthànhđức

vinhđiện



nhậtgân

trườngkỳ

pxuânsinh

cvântùng

trầnhoàithư



Luân hoán Dựa Hơi Bè Bạn

Chân thành cảm ơn các bạn đã cho tôi dựa hơi
Đa tạ các bạn đọc
LUÂNHOÁN

tập 2

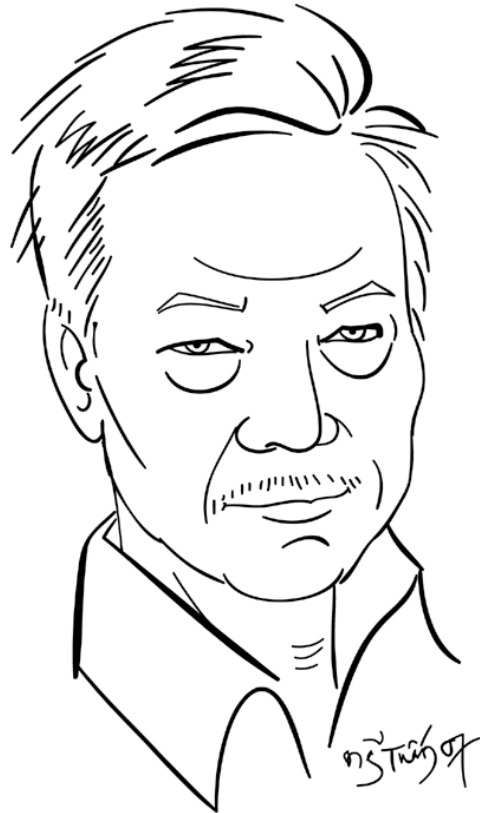
Nguyễn Văn Xuân
Võ Phiến
Vĩnh Điện
Hoàng Xuân Sơn
Châu Văn Tùng
Nguyễn Sao Mai
Nhật Ngân
Bé Ký
Hồ Thành Đức
Phan Thị Trọng Tuyền
Nguyễn Mộng Giác
Trần Hoài Thư
Trần Mộng Tú
Trịnh Cung
Đỗ Quý Toàn
Phan Xuân Sinh
Lâm Chương
Nguyễn Vy Khanh
Thái Tuấn
Trường Kỳ

.

.

tập 1

Nguyễn Nho Sa Mạc
Vũ Hữu Định
Phan Nhự Thức
Đỳnh Hoàng Sa
Nguyễn Đông Ngạc
Nghieu Đề
Vương Thanh
Song Thao
Phạm Thế Mỹ
Hà Nguyên Thạch
Thành Tôn
Phan Ni Tấn
Chu Vương Miện
Thái Tú Hạp
Lê Hân
Luu Nguyễn
Đình Cường
Trang Châu
Lê Vĩnh Thọ
Võ Kỳ Điền
Song Vinh
Hồ Đình Nghiêm



hội ký rời
LUÂN HOÁN
trình bày bìa và layout Lê Bảo Hoàng
phác họa Luân Hoán: Nguyễn Tuấn (từ Saigon VN)
sửa chính tả Song Thao
chăm sóc ấn loát Lê Hân
NHÂN ANH
xuất bản
2007

Vào tập



Ở tập thứ nhất, tôi có luận đại khái về bốn chữ **Dựa Hơi Bè Bạn**, nên ở đây không dám bàn thêm. Tuy vậy, tôi thấy cần có vài ghi chú:

Tuy không có ý định môn men vào lãnh vực văn học nghệ thuật, nhưng một số tác giả được tôi dựa hơi trong tập này, có gia tài văn học quá lớn, tôi không thể không nhắc đến. Và mỗi lần như vậy, tôi chọn giải pháp trích đăng của chính họ hoặc của những người khác viết về họ là tiện nhất. Từ những bài đã đánh máy sẵn trên các trang *web*, chỉ cần chọn, *copy* những dòng nào thích hợp và *pass* vào bài là xong ngay. Dĩ nhiên, tôi có ghi chú xuất xứ ngay tại chỗ. Xin được chân thành cảm ơn tất cả.

Những người tôi chọn và cho phép tôi dựa hơi còn nhiều, như thi sĩ Du Tử Lê, (người đã có sự “*vây tay chào nhau*” từ đầu thập niên 60 và có những giao hảo sau này), như họa sĩ Khánh Trường, (ông bạn dzàng, lúc nào cũng rộng lòng cho tôi những nét vẽ tài hoa của anh), và nhiều bạn khác. Nhưng tôi chưa thực hiện kịp, hy vọng sức khỏe giúp tôi tiếp tục ở những trang chữ sắp đến.

A handwritten signature in black ink, appearing to read 'Luan Hoan'.

Luân Hoán .10

Dựa Hơi Bè Bạ

Nguyễn Văn Xuân, từ Bão Rừng đến bão con voi (xangsane)

“*Nhất tự vi sư, bán tự vi sư*” đó là phong cách lễ nghĩa của tiền nhân. Còn chúng tôi, những người sinh sau, để muộn, ra đời vào thập niên 40, tại hai khu vực Hội An, Đà Nẵng gần như đi quá cái mầu mực này. Bởi dù không thọ giáo một nửa chữ nào với nhà văn Nguyễn Văn Xuân, chúng tôi cũng hoan hỷ lẫn hãnh diện gọi ông là thầy.

Nói một thể hệ của hai khu vực địa lý, dù có phần thật cũng có vẻ hơi quá lớn, nên xin được cụ thể hơn:

Chúng tôi ở đây là những Hà Nguyên Thạch, Thái Tú Hạp, Lam Hồ, Thành Tôn, Phan Duy Nhân, Hoàng Quy, Huy Giang, Hoàng Lộc, Luân Hoán...

Danh từ “thầy” được dùng khá rộng rãi trong nhiều lãnh vực. Do đó trong đời sống, chúng ta đã có các vị : thầy dòng (người tu đạo Thiên chúa), thầy cả (linh mục Thiên chúa giáo), thầy kiện (luật sư), thầy cãi (luật sư), thầy biện (luật sư), thầy cò (chuyên lo môi giới những việc kiện tụng), thầy phán (công chức hạng trung), thầy ký (công chức hạng thấp), thầy khóa (công chức), thầy thông (công chức hạng trung), thầy pháp (hành nghề phù thủy), thầy cúng (hành nghề cúng vái thần linh), thầy mo (thầy cúng ở miền thượng du), thầy địa (hành nghề xem đất theo phong thủy), thầy lang (thầy thuốc đông y), thầy thuốc (hành nghề chữa bệnh), thầy bói (người đoán trước quá khứ tương lai), thầy số (người tự cho có khả năng xem tốt xấu cho người khác), thầy chùa (không phải là sư, chỉ trông coi việc trong chùa), thầy tu (người tu hành), thầy quyền (lính hoặc cai thời phong kiến), thầy dùi (người chuyên xúi giục những kẻ khác gây sự), thầy đồ (người dạy học chữ Nho) thầy giáo (người làm nghề dạy văn hóa), thầy, u (danh từ gọi cha mẹ của một số người Việt miền Bắc)...và có lẽ còn nhiều loại thầy khác nữa. Lắm cảm liệt kê như trên, để thấy cái đa dạng của một chữ “thầy”.



Cá nhân tôi có ấn tượng tốt với chữ “thầy”. Rất tiếc trong đời mình chỉ có một vài năm ngắn ngủi được gọi là “thầy”, mà cũng không được chính danh, vì đứng trước chữ “thầy” của đám binh sĩ dành cho tôi còn có một chữ “ông” để làm nên hai tiếng: “ông thầy”, ăn cắp danh xưng của dân miền núi dành cho ông ba mươi, đích thị là con cọp, con hổ.

Danh từ “thầy” chúng tôi dành cho nhà văn Nguyễn Văn Xuân mang đầy đủ ý nghĩa kính trọng, ngưỡng mộ lẫn thương mến. Dĩ nhiên danh xưng này bắt nguồn từ việc ông hành nghề dạy học và rất có uy tín trong ngành giáo dục, nơi trường ốc. Về sau này, dựa vào những công trình ông hoàn tất, giới trí thức gọi ông thêm vài cái “nhà” nữa: nhà nghiên cứu, nhà Quảng Nam Học.

Nhà văn Nguyễn Văn Xuân ra đời năm 1921, tại làng Tham Chiêm xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam trong một gia đình khá giả. Ngoài việc giữ nhà, trông em, ông còn được cho kê cận với đèn sách ngay ở làng quê, trước khi cho ra Huế tiếp tục trau dồi chữ nghĩa. Nhưng con đường học vấn của ông bị dừng lại năm ông lên 16 tuổi. Là một người ham học, nên ông tiếp tục tự học ngay sau khi rời ghế nhà trường.

Vào thời điểm 17 tuổi, Nguyễn Văn Xuân khởi đầu đến với nghiệp viết văn. Việc thành bại của sinh hoạt văn hóa trong giai đoạn này, hầu hết được định đoạt bởi tài năng. Những cơ sở báo chí, điểm tựa cụ thể để phát huy năng lực, lúc bấy giờ rất trong sáng, giàu trình độ và thật nghiêm túc. Tờ báo Bạn Dân ở tận Hà Nội là phần đất đầu tiên giúp cho những truyện ngắn của Nguyễn Văn Xuân phát triển đều đặn. Bên cạnh những bước tiến thuận tiện, Nguyễn Văn Xuân còn được tạp chí Thế Giới tại Hà Nội đẩy mạnh sau lưng, qua việc chọn truyện ngắn đầu tay “Bóng Tối và Ánh Sáng” của ông để trang trọng trao giải nhất về truyện ngắn.

Con đường viết văn của Nguyễn Văn Xuân đã khởi bước nhích nhàng. Ông cộng tác với tạp chí Thế Giới rồi chuyển qua tạp chí Mới tại Sài Gòn. Năm 1940, được mười chín tuổi, Nguyễn Văn Xuân giữ nhiều mục khác nhau trên tạp chí Văn Lang tại Sài Gòn, bên cạnh những cây bút đã rạng rỡ uy tín như Hồ Tá Khanh (bác sĩ, giữ chức Chủ Bút), Huỳnh U Mai (Phan Văn Hùm), Jean Turoi, Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn, Hải

Vân (nhà biên khảo Thiên Giang sau này, giữ chức Thư ký Tòa soạn), Lê Thọ Xuân,...

Trong giai đoạn từ 1941 đến 1945, Nguyễn Văn Xuân cộng tác với tạp chí Tiểu Thuyết Thứ Bảy ở Hà Nội. Sáng tác chính của ông vẫn là những truyện ngắn, trình bày những sinh hoạt đời thường, cùng giới thiệu, đề cao tâm hồn chất phát, giản dị của lớp quần chúng lam lũ. Thể loại sáng tác của Nguyễn Văn Xuân bỗng nhiên thay đổi trong khoảng thời gian từ 1945 đến 1954, ông chú trọng và khai thác ngành kịch nghệ, bao gồm thoại kịch và hát bội. Cũng như nhiều thanh niên cùng trang lứa, ông tham gia vào những phong trào do tình hình chính trị của đất nước phát sinh. Ông được giao nhiệm vụ Ủy viên Kịch nghệ thuộc Hội Văn Nghệ Quảng Nam rồi Ủy viên Kịch nghệ của Liên Khu V trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp. Ông cũng từng giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Cách mạng Cứu quốc xã Thanh Chiêm. Với những nhiệm vụ, công tác trên, cộng thêm 9 năm ở vùng đất “tự do” Tiên Phước, nhưng ông cũng bị cho đi ngồi tù vì tội tiểu tư sản. Năm 1954, mãn hạn tù đập, ông đến Huế hành nghề dạy học cùng làm báo. Ông đã cùng các ông Võ Phiến, Võ Thu Tịnh, Đỗ Tấn Xuân... viết cho báo Mùa Lúa Mới. Khi điều hành tạp chí Văn Nghệ Mới, dưới bút hiệu Việt Hiến, ông chủ trương dân chủ hiện thực, có hơi hám chính trị nên bị bắt nhốt một thời gian tại Thừa Phủ Huế. Ra tù, Nguyễn Văn Xuân trở về Quảng Nam, lập nghiệp tại Đà Nẵng. Năm 1965 ông làm giảng viên chữ Nôm cùng các môn Hát Bộ, Tuồng Cổ tại Đại học Văn khoa Huế. Song song với nghề làm thầy giáo, ông chú tâm nghiên cứu văn học, sáng tác và hoạt động xã hội, chủ yếu là ngành giáo dục.

Nhà văn Nguyễn Văn Xuân có một đời thường bình dị và khá đầy đủ. Ông có một ngôi nhà khang trang nằm trong một con hẻm, nhưng chỉ cách xa mặt đường phố, mang tên Thái Phiến, chừng 100 mét. Vợ ông là một người đàn bà cao ráo, có nhan sắc tuyệt hảo của một phu nhân. Bà đảm đang công việc gia đình, vừa buôn bán vừa tận tụy chăm sóc chồng con. Sau 1975, gia đình nhà văn Nguyễn Văn Xuân không có điều kiện di tản. Hiện nay ông sống cùng vài người con trong tuổi già và bệnh tật, tại thành phố Đà Nẵng.

Khởi đầu với bạn đọc bằng những truyện ngắn như Bóng Tối Và Ánh Sáng (đầu tay), Ngày Giỗ Cha, Ngày Cuối Năm Trên Đảo...(trong giai đoạn 1941-1945) rồi những vở kịch như: Kẽ Xu Thời, Một Chuyện Không Tiện Nói Ra... Nhưng nhà văn Nguyễn Văn Xuân chính thức trình diện những đứa con tinh thần của mình, bằng in ấn thành tác phẩm đảng hoàng, là một công trình có tầm vóc lớn, qua thể loại tiểu thuyết: Bão Rừng. Tác phẩm này được ra đời năm 1957 do nhà xuất bản Trùng Dương ấn hành, có lời tựa của nhà văn Lưu Nghi..

Bão Rừng là một tiểu thuyết không có bề dày đáng kể, chỉ chừng 220 trang, chuyên chở 24 chương chứa đựng những cảnh đời của những người lao động, tạp dịch kiếm sống tại một đồn điền do người Pháp làm chủ ngay trên mảnh đất thân yêu của những người nghèo khó, bị trị. Tác giả từng có mặt, sinh hoạt trong cái thế giới bị ngược đãi này. Tuy không có mục đích điếm sách, tôi cũng xin được trích một đoạn trong Bão Rừng, để bạn đọc biết qua văn phong của nhà văn Nguyễn Văn Xuân:

... *“Tôi được tiếp xúc ngay với “bà chủ” . Tôi không mấy băn khoăn về công việc sắp nhận. Nhưng về con người bà ta thì tôi rất nghĩ ngợi. Đâu có phải tôi nghĩ bằng những tư tưởng đúng đắn. Tôi đã hiểu thế nào là mẹ Tây, vợ Tây từ thuở lên mười hai, lúc ra Huế; và các xóm loanh quanh vùng tôi tá túc thì con gái sinh ra có số lấy Tây hết tám phần mười cũng như con trai phải làm bồi bếp. Bởi thế, ý nghĩ về bà chủ đã lẩn vịn chũa cay...*

Vào dạo ấy, “bà chủ” đã trên ba mươi lăm. Trông bà trẻ hơn tuổi, nhưng có một vẻ gì tự cao, sang trọng. Bà ta có đẹp không? Tôi không hiểu song có điều chắc chắn là bà đẹp hơn tất cả những người đàn bà tôi gặp quanh bà. Và tự nhiên nhìn con người cao lớn, mập mạp, hai má căng ra và đỏ hồng dưới phấn son tươi thắm, tôi bất giác nghĩ: “Đây là một người chỉ đẹp lúc về già”.

Bà chủ gặp tôi, nhìn tôi với đôi mắt khoan hồng. Qua cái nhìn ấy, tôi hiểu là tôi không đến nỗi bị liệt vào hàng tầm thường. Tuy nhiên tôi vẫn không chịu nổi khi mắt bà đi một lượt từ đầu xuống đến chân tôi. “Minh là con vật gì vậy?” Tôi thâm nghĩ thế.

Bà hỏi:

- Thầy năm nay bao nhiêu tuổi?

Lần đầu tiên có người gọi tôi bằng thầy, tôi đỏ mặt và có lẽ đổ đến đầu ngón chân út. Tuy thế, một chút tự phụ ngớ ngẩn như men rượu, bàng hoàng tâm hồn. Tôi không muốn là nhãi con nên đáp:

- Tôi mười sáu tuổi.

Tôi đứng rất thẳng, hơi uốn ngược cho đúng dáng điệu một người lớn. Tôi cũng muốn nói tiếp là tuổi mười sáu là tuổi một số văn hào thiên tài đã làm nên một cái gì. Nhưng bà đâu biết sự tự kiêu ngộ nghĩnh ấy. Bà mỉm cười:

- À

Tiếng “à” có nhiều nghĩa. Người nghe thấy cái lợi nào cho mình thì cứ nghe. Bà chủ quả từng trải...”

(đầu chương 2)

Qua trích dẫn trên, có thể thấy nhà văn Nguyễn Văn Xuân có lối hành văn giản dị, sáng sủa, đặc biệt là cách dùng chữ, vừa chính xác vừa dí dỏm. Những mẫu đối thoại giữa các nhân vật ngắn gọn, hợp lý. Tất cả những ưu điểm kỹ thuật này nhằm làm sống động một cốt truyện từng xảy ra trên đất nước chúng ta. Bão Rừng đã gây được một tiếng vang khá lớn trong văn học Việt Nam ở giai đoạn đầu, chuẩn bị bước vào nền văn học miền Nam Việt Nam thật sinh động về sau.

Tiếp theo chân Bão Rừng, tuyển tập truyện ngắn **Dịch Cát**, đã đưa tên tuổi Nguyễn Văn Xuân rực rỡ trên làng văn. Đây là một tập truyện ngắn chọn lọc trong vòng 10 năm sáng tác của ông, tính từ 1956 đến 1966. Tác phẩm gồm 9 truyện: Cây Đa Đồn Cũ (27 trang), Buổi Tắm Tất Niên (8 trang), Dịch Cát (8 trang), Một Cuộc Tấn Công (8 trang), Xóm Mới (27 trang), Con “Hiện Sinh” (16 trang), Tiếng Động (27 trang), Chạy Đua Với Tử Thần (37 trang). Mỗi một truyện có sức hấp dẫn riêng, thu hút người đọc bằng những tình tiết bất ngờ, có cả những nét bạo lực lẫn nhân bản.

Cây Đa Đồn Cũ vào truyện bằng một trận bão lụt “trời đất câm lặng, nhưng tất cả vang động cho dòng nước với những tiếng đất lở ầm ầm, với tiếng mõ, tiếng trống mơ hồ vẳng lên xa xa” để rồi trên mặt nước mênh mông trắng xóa, anh Năm Cụt, một nông dân, mất một cánh tay trong một trận đánh, mà chính anh không tham dự ở phe nào, đóng bè chuối để “xuôi về bến Điện”. Trên đường xuôi dòng, anh Năm Cụt có đủ thong

dong, bình thản như một người lạc quan, yêu đời với “*com nắm, muối mè và một ít thịt rang gói trong lá chuối khô*”. Trong cảnh trời nước mênh mông, một mình một bè, Năm Cụt gặp một người xin quá giang. Anh chấp thuận. Cuộc hải trình với hai người trở nên vui vẻ hơn. Họ nói chuyện, họ bỏ túc cho nhau những nhận xét về thiên nhiên, cảnh vật gặp trên sông nước. Năm Cụt và Cát (tên người xin quá giang) cũng bàn về chiến tranh, thù hận, đại khái:

- “...*Cảnh này cũng đáng ghê gớm không khác gì cảnh chiến tranh. Cho nên hết chiến tranh, con người sung sướng thật.*

Cát lắc đầu, xoa mạnh tay trên mái tóc bị gió thổi bạt cả về phía sau:

- *Hết chiến tranh chưa hẳn đã hết chết chóc. Sao anh quá lạc quan vậy? Tôi tưởng hết chiến tranh...*

- *Thì hết hận thù, thì....*

- *Anh lầm rồi. Lúc này mới là lúc rửa hận thù đó. Anh đã biết ba hôm nay, có việc gì không?..”*

Rồi Cát đưa ra những nhận định khá bị quan nhưng cũng có phần xác thực của mình. Câu chuyện cứ thế cho đến khi chiếc bè được điều khiển đến gần khu vực đồn Xã Bường, nơi có một cây đa, mà Cát từng bị bắt giam tại đó ba tháng trời, suýt bị xử bắn trong nghệ thuật hành quyết thật dã man của người Pháp. “*Cây đa bây giờ đã chết khô*” nhưng không ai dám chặt bỏ vì sợ những oan hồn. Rồi những gì sẽ đến đã xảy ra trước sự chứng kiến của anh Năm Cụt.

Một trong hai bao bố hành lý của Cát đựng một con người, tên Hương Chính, cựu thù của Cát. Hương Chính là người xã Trường Ca, từng tìm đến đồn Xã Bường chịu đựng nhiều nhục nhã để mua một chân Lý hương. Với chức sắc nhỏ nhoi này Hương Chính đã hãm hại nhiều người, trong đó có việc giết hại em Cát, đồng thời làm cho thân phụ Cát phải qua đời trong sợ hãi. Riêng phần Cát, Hương Chính về hòa với quan thầy Pháp, bắt Cát phải chịu nhiều cực hình, cụ thể như “*đứng suốt ngày đêm trong một cái chuồng chật ních đầy cả phân người, bốn bề kín mít như bung*”, ba lần khủng bố tinh thần bằng cách bắt leo lên cây đa, vị trí dành để tử hình, nhưng cả ba lần đều gọi trở xuống. Bất quỳ lạy trước thân thể trần truồng của một con đĩ, vốn đã từng ở đợ cho nhà Cát... Cảnh trả thù của Cát cũng vô

cùng tàn bạo. Hấn bỏ lơ những lời can ngăn của Năm Cụt cùng những lời van xin, hối lỗi của Hương Chính. Nhưng cuối cùng, trong một tình huống bất ngờ đã xảy ra trước sự chứng kiến của anh Năm Cụt:

“Cát đã đứng giạng hai chân đầy tự tin ở mép bè. Một tay anh nắm tóc, một tay nắm chặt vào nách Hương Chính. Hương Chính ngòai chồm hồm trên hai bắp vế chắc nịch, cậm lặng đợi chờ. Hít một tiếng mạnh, Cát vung tay ném Hương Chính ra giữa dòng nước chảy. Nhưng đáng lẽ chỉ có một tiếng kêu từ giữa côi đời thì cả hai người cùng kêu lên và cả hai cái xác cùng bay vụt ra: Cát trước, kéo Hương Chính theo sau.

Thì ra trong phút cuối cùng, Hương Chính đã nhảy chồm trên hai chân theo đà tay vung của Cát, phóng hết sức mạnh của đầu vào ngực Cát làm Cát tung bắn đi”.

....

(Nguyễn Văn Xuân, 1959)

Truyện đầu sách như vậy, truyện cuối sách, Chạy Đua Với Tử Thân, có phần hấp dẫn hơn: truyện viết về những người tử tù, nhưng không biết rõ mình đã phạm những tội gì. Có chăng là tội làm người Việt Nam không theo Pháp và tự trọng không biết hô *“Vive la France”*. Nhân vật chính của truyện là một thanh niên mang tên Liễn. Anh bị giam trong một nhà tù có hai phòng, cạnh dòng sông Cẩm Lê xứ Quảng Nam, nổi tiếng với đặc sản thuốc lá. Những bạn tù ở chung với Liễn, được anh mô tả tỉ mỉ về hình dạng cũng như tính tình. Trong số này chúng ta thấy một ông già *“miệng móm dù chưa gãy hết răng”*, tinh thần sa sút trầm trọng, luôn luôn sợ hãi với chính những bạn tù. Người kế tiếp là một thanh niên cường tráng, lẫm li nhưng suốt ngày có cái thú vun xới cho một hột mít, lượm được đầu đó, nẩy mầm trong lòng đất. Một người khác ở lứa tuổi ba mươi, bội thu về râu tóc, nên có tục danh Râu Xồm, luôn luôn mang trên vai một túi xách của Tây vớt bỏ. Một người khác nữa, thường trực trong màu áo đà (nâu) và nói năng luôn miệng, có tục danh Áo Đà. Bên cạnh họ còn có một người chừng 25 tuổi, miệng không rời được thuốc lá và một người to con, có dáng là thợ máy, nên được gọi bằng tên Ra-vê-thợ-máy. Ở phòng bên cạnh của Liễn cũng có chừng 5, 6 người. Tất cả bọn họ bị giam cầm trong một không gian chật chội, nóng bức. *“Không có gió. Mãi không có gió. Những*

lá trên ngọn cao nhất của cây bàng không lát phát đã đành vì lá bàng dày và nặng, chứ mỏng và nhẹ như những lá so đũa, lá thâu đầu sao cũng không lay động. Cái nóng hừng hực từ trên mái ngói xuống, từ thềm gạch lên, từ bốn bức tường hẹp tỏa ra sau khi nắng hè rực rỡ thấm suốt ngày, đốt cháy những tế bào của đất sét nung...” Nhưng dù sao họ còn giữ được ít nhiều hóm hỉnh để trôi qua ngày. Họ còn biết thêm xác thịt, khi nhìn qua khe hở những cô gái giang hồ từ Đà Nẵng lên hú hí với bọn cai ngục người Pháp. Họ còn đôi phút chợt tưởng tượng ra hình ảnh người con gái mặc quần mỏng trước gió. “*Liễn nhớ một người bạn lớn từng nói ‘ không hiểu y phục nào khiêu dâm hơn cái quần Việt Nam. Đằm thế mà nó chỉ bày ra từ cái vế xuống, mình không nhìn thủng qua váy được. Chớ đến cái quần Việt Nam thì...’*” Niềm vui khiêm nhường trên của họ chợt khựng lại trong một ngày viên quản ngục nói qua tên thông ngôn, sẽ tổ chức một cuộc thi chạy. Tên nào nhanh chân vượt qua lần vôi ở nửa cầu bên kia sẽ sống sót, tên nào chậm chân sẽ bị bắn bỏ. Đây là một cuộc chơi phát xuất từ tinh thần yêu thể thao của một binh sĩ Pháp trong những năm tháng viễn chinh. Cuộc thi cũng là một cuộc hành quyết hợp pháp của giới thống trị. Một không khí lo buồn bao trùm xuống đầu những người sẽ phải cố gắng vượt qua số phận bằng chính những sai chân yếu đuối, mất sức của mình. Ông già miệng móm đã phóng uế ra cả nơi đang nằm. Râu Xòm đã phải bẻ chiếc răng vàng trong miệng mình, nhờ người gác tù bán đi, mua cho một ít thức ăn để chia tay với cuộc sống... Riêng Liễn, là người có nhiều suy tư nên đã phải chịu nhiều thao thức, lo nghĩ nhất. Một trong những ao ước của anh là bỗng chốc được như Giàng, một tay chạy đua nổi tiếng của Đà Nẵng. Trong những ngày còn lại ít ỏi, Liễn cũng thèm những món ăn, nhớ nhung cả cái eo thon của cô Thoa, người anh yêu. Và trong ý chí sinh tồn, Liễn hồi hải tập thể dục nhưng không quên cái chết trước mặt. Một cái chết mà anh đã có lần cho rằng: “*...có lẽ sự chết gây cái khoái cảm đặc biệt nhất cũng nên*”

Ngày cuối cùng của định mệnh cũng đã đến. Quang cảnh của cuộc đua kỳ dị nhất đời này cũng có đông bào đến xem đông đảo, dù “*họ đứng xa xa, trong các ngõ, dưới gốc cây*” Trong số họ không thiếu những bà mẹ của tù nhân. Tâm trạng mỗi tay đua bất đắc dĩ, được nhà văn Nguyễn Văn Xuân diễn đạt rất khéo, ám ứ những lời chia tay, vĩnh biệt chớp nhoáng bên đường.

- A vos marques

- Prêt !

.....

- Partez !

.....Hình như Áo Đà bị vấp ngã trên cái thân xác bị bắn làm ngã cán đường. Ba bước, Liễn đã đuổi kịp rồi thấy hai vết đen thâm của đối thủ bỏ lại. Như thế chỉ còn Liễn và Ra-vê-thợ-máy. Tiếng thở của Liễn đã loạn nhưng hơi thở khịt khịt của đối phương rất đều, Tiếng súng thanh toán đoàn người không ngớt. Liễn phóng lên. Liễn cầu sự sống. Sự sống bày ra đằng kia, nơi mức cán trắng toát. Một đường hay ba đường trắng toát ? Người lính Tây giơ cao lá cờ với một tiếng cười chờ đợi hồn nhiên. Lá cờ phát phát vẫy gọi. Nó gọi mình. Liễn phóng tới....

Lão quản bắn cả hai tay. Lão bắn không trật. Cái chết sắp ghim vào đúng phía sau lưng, nơi trái tim Liễn. Mình phải sống ! Phải sống ! Thốt nhiên, Liễn nghe chính nơi miệng Ra-vê-thợ-máy kêu lên:

- Tôi là vô địch Giàng. Nhảy xuống sông bơi đi ! Tôi bút !

Mức chỉ còn vài mươi bước. Hấn bút, vút một cái lao về phía trước. Liễn rụng rời tưởng tiếng đạn sắp nổ từ trong trái tim mình. Không kịp nghĩ ngợi, Liễn đảo qua một bên rồi nhảy phóc qua lan can. Liễn thấy rõ trời xanh trôi dưới dòng nước sâu, chảy mạnh. Liễn nghe có tiếng véo của viên đạn qua đầu. Liễn còn kịp nghĩ: “ Lần này quả nhiên hấn bắn trật”. Rồi tất cả trời nước lộn nhào cùng với Liễn trên dòng Cẩm Lệ”

(Nguyễn Văn Xuân, 1966)

Mục đích chính của nhà văn Nguyễn Văn Xuân khi viết Dịch Cát, có lẽ để là làm sáng lên những mẫu đời thường của con dân đất Quảng Nam. Trong đó sự nghèo đói, bệnh tật cùng những khốn khổ, nhục nhằn đến từ thiên tai, từ giới chức chính quyền, được ông vẽ ra một cách trung thực, không cường điệu. Những nhân vật như Lão Cứu, bà Cứu, Ông Tham Ích (trong truyện Buổi Tắm Tắt Niên), Trùm Lựu, thầy Tú, chị Sinh, đám dân chài (trong truyện Dịch Cát), anh Tú, bà Qui, bà Duật, bà Phiến, bà Lựu, con Thân, con Liễu, Ông Phiến, ông Hương Là...(trong Xóm Mới) cùng nhiều nhân vật khác hiện diện trong các truyện Một Cuộc Tấn Công, Con “Hiện Sinh”, Tiếng Đồng, đều là những nhân vật hư cấu nhưng đại diện một cách trung thực

cho những mẫu người sống thực ngoài xã hội đương thời. Cái mê thuốc phiện, thuốc bách-tô của lão Cửu, cái mê tiền của ông Hương Là cùng cái mê gái của một ông lão trong Xóm Mới là những chuyện bình thường. Những cảnh đời được dựng lên với đầy đủ những dáng vẻ hiện thực của một cuộc sống nông thôn còn vô cùng lạc hậu. Đến với tác phẩm của Nguyễn Văn Xuân là thờ hít với từng nhân vật linh hoạt của ông, dù trong bất cứ vai nào. Đọc văn ông dễ gần gũi, thương xót những con người chưa hề xa lạ với chúng ta. Nguyễn Văn Xuân có nét vẽ nhân dạng rất sắc nét. Hãy ngắm để biết một viên quân cơ, thời Pháp thuộc:

... “ Mặt hấn đỏ gay có lẽ vì nắng mà cũng có lẽ vì rượu mạnh. Cái mũi điều hâu bao giờ cũng như bay tới trước; hai con mắt sâu hoắm như hai cánh bướm xanh, luôn luôn nhìn ai là muốn nuốt sống ăn tươi. Cặp môi dày dưới bộ ria ghi đông. Cái trán cao, nổi những cục thịt dưới làn tóc vàng nhạt. Tất cả chùng ấy thờ dựng đứng trên cái cổ quá cao, trái khê lòi ra một cục xương dư...”

(Nguyễn Văn Xuân, Chạy Đua Cùng Tử Thần)



Vẽ ra tâm trạng, Nguyễn Văn Xuân cũng rất giàu hoa tay. Dưới đây là một phụ nữ (bà Thái Phiên) trước sự ra đi về cõi chết của chồng:

... “ Nàng ngủ hay thức ? Đôi mắt nàng vẫn mở trôn trôn thì đúng là nàng thức, nhưng cái vẻ bất động tuyệt đối kia lại chính là trạng thái của người đang ngủ. Mắt nàng ráo khô mà đỏ khé cứ giương vào trong khoảng không...

Thốt nhiên vai nàng nấc lên, nấc lên nhanh quá rồi một tiếng rít rùng rợn phát ra từ đôi hàm răng nghiến chặt của nàng. Sự thay đổi thái độ bất ngờ làm nàng trở nên hung dữ và tuyệt vọng. Bất thành linh, nàng đấm một tay xuống rồi đấm luôn cả trán nàng trên mặt bàn gỗ. Khay trà, ấm chén bị dội mạnh tung kêu loảng xoảng. Chiếc nắp ấm rơi xuống bể tan

(Nguyễn Văn Xuân, Rồi Máu Lên Hương)

Năm 1969, một tập truyện ký có tên **Hương Máu**, được nhà văn Nguyễn Văn Xuân cho in tiếp sau Dịch Cát. Tập truyện gồm có bảy truyện: Hương Máu (37 trang), Viên Đồi Hàu (15 trang), Thăng Thu (13 trang), Về Làng (5 trang), Cái Giò ((25 trang), Chiếc Cánh Điều (8 trang), Rồi Máu Lên Hương (16 trang). Đây là một tập truyện viết về những cái chết. Sự tử giả cõi đời của mọi người dưới mắt nhà văn đều có những nét cần nên ghi lại. Quan niệm rộng rãi như vậy nên qua Hương Máu chúng ta sẽ gặp những cảnh chết đầy bi tráng của một số anh hùng của đất “Ngũ Phụng Tê Phi”, bên cạnh những cái chết của những người đối nghịch cũng được mô tả, dựng lại một cách nghiêm túc. Hương Máu là một tập truyện có giá trị nghệ thuật vừa chứa đựng một số tình tiết lịch sử trong giai đoạn người Pháp mở đầu cuộc xung đột với các vua nhà Nguyễn, trước khi áp đặt chế độ cai trị trên toàn cõi Việt Nam. Đây không phải là những mẩu chuyện thuộc loại dã sử. Mở đầu cuốn sách, nhà văn có bày tỏ những lời “Trước khi vào truyện”, xin trích một số dòng:

“ Những chuyện chết tôi trình bày ở đây chỉ là mấy cái chết khiêm tốn của những con người ở miền xương xẩu của đất nước Việt Nam. Tôi chọn nhân vật của tỉnh Quảng Nam (nay chia thêm Quảng Tín) này không phải do óc tự hào địa phương, cái địa phương vốn là một trong những nguồn cung cấp những con người ưu tú để hiến dâng đất nước và niềm hứng khởi lớn lao cho bản hùng ca của tranh đấu sử...”

... Những nhân vật lịch sử này cũng phát xuất từ làng tôi hoặc ở các làng chung quanh, có người ở sát vách, có người năm mươi cây số, thành thử chuyện của họ thường hoà bát nước

chè đậm Tiên Phước, tô mì Phú Chiêm hay buổi cày bừa, lúc hò khoan hát hò... Do đó, mỗi khi suy tư về họ, tôi mừng tượng thấy cả dòng nước xanh của nhánh sông Thu Bồn êm ái chảy qua đầu làng Thanh Chiêm nghèo nàn tuy lúa, rau xanh nghìn nghít, nơi đã từng mọc lên một cách hiên ngang những thành quách vững chãi của các chúa Nguyễn trên đường mở sinh lộ ở phương nam.

Tôi mong sẽ có nhiều cơ hội biết và giai hòa tình cảm tôi với nhiều địa phương khác để viết vì nơi nào chẳng là Đất Mẹ, đáng cho ta mến yêu và khai thác. Tôi cũng hy vọng sẽ viết được nhiều những đề tài khác, tuy tôi vẫn tin chắc chuyện chết không bao giờ hết là nguồn cảm hứng cao cả, sâu xa. Vì chết cho biết chết sẽ chỉ dành cho những ai sống một đời đáng sống. Mà tất cả chúng ta ai ai và bao giờ cũng sống đời đáng sống hay không”

(Nguyễn Văn Xuân)

Nhà văn Nguyễn Văn Xuân không những thành công trong các thể loại tiểu thuyết, truyện ngắn, ông còn rất xuất sắc trong lãnh vực biên khảo. Năm 1967 ông cho ấn hành cuốn **Khi Những Lưu Dân Trở Lại**. Trong tác phẩm có cái tên rất tiêu thuyết này, tác giả không ngần ngại bày tỏ: đã có một thời ông “không cần biết văn chương miền Nam là gì” và “cứ định ninh là nó sẽ chẳng đi đến đâu cả”. Nó ở đây, theo ông là những truyện Tàu được dịch sang Việt ngữ của Tín Đức Thư Xã, những tập văn vần Phạm Công Cúc Hoa, Thoại Khanh Châu Tuấn... thậm chí đến những bộ tiểu thuyết của nhà văn Hồ Biểu Chánh. Dưới mắt ông, miền Nam có hai loại: bình dân và trí thức. Bình dân thì “quê mùa, hủ lậu” chỉ biết tới những Tuyết Hồng Lệ Sử, Vợ Tôi, Vợ Lẽ Yêu Của Tôi vv... Còn trí thức, đa số là những người “retour de France” chỉ viết bằng Pháp ngữ, tối tăm và khó hiểu, dù miền Nam đầy dẫy những bác phu xe ngồi dựa ngựa đọc báo ở bên vệ đường, khác hẳn với miền Bắc, miền Trung.

Nhưng sau khi vượt qua cái tuổi ba mươi, Nguyễn Văn Xuân có cái nhìn rộng rãi và xác thực hơn, ông có tham vọng định lại giá trị văn hóa miền Nam, bắt đầu bằng sự khẳng định báo chí miền Nam phong phú, đa dạng và “hiện đại hóa” nhất nước, cụ thể như Phụ Nữ Tân Văn. Ông cũng nêu lên danh tính một số cây bút miền Nam đi tiên phong trong bộ môn tiểu thuyết của cả nước như Trần Chánh Chiêu, Lý Hoảng Mưu, Tân Dân... Ông còn đi xa hơn trong việc đánh giá những dịch giả, khi

nêu lên thắc mắc: “...tại sao nhắc đến Nguyễn Văn Vĩnh mà không nhắc đến những dịch giả truyện Tàu đầu tiên, những người đã có công dẫn khởi cho nền văn nghệ miền Nam buổi ban đầu?”

Tin tưởng nền văn học sẽ phát triển không ngừng, trong nhịp tiến của chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, Nguyễn Văn Xuân bắt tay vào việc nhận định vóc dáng đã và đang có của nền văn học nghệ thuật miền Nam tự do. Ông đi từ những đề mục:

1/ Văn nghệ miền Bắc di chuyển vào Nam và tại sao văn học miền Nam căn bản là nói và trình diễn. 35 trang dành triển khai đề mục này.

2/ Đi về miền Nam (18 trang)

3/ Hiện tượng Lục Vân Tiên (11 trang)

4/ Các làn sóng mới (27 trang)

5/ Một Thời Mới (20 trang)

Ở mỗi đề mục, Nguyễn Văn Xuân nhận định và phân tích rất cẩn thận, tinh tế.

Nếu đi sâu vào những gì ông nhà văn kiêm học giả này trình bày, chắc sẽ không thích hợp với một bài viết vốn chỉ có mục đích ghi lại những kỷ niệm mà tôi đã may mắn có được với tác giả Bảo Rừng.

Một tập biên khảo thứ hai không kém phần quan trọng và rất cần thiết cho nền văn hóa Việt Nam, do Nguyễn Văn Xuân viết là tập **Phong Trào Duy Tân**, ấn hành năm 1969. Tác phẩm này đã được giới trí thức trước và sau 1975, đánh giá là một “*công trình sử học*” công phu và đồ sộ nhất trong việc tìm hiểu, giới thiệu những người làm cách mạng chống Pháp đầu thế kỷ XX tại Việt Nam, mà đất Quảng Nam vốn được xem là cái nôi. Nhà văn Nguyễn Văn Xuân được sinh ra, lớn lên trên chính con đất “địa linh nhân kiệt” này, nên những nghiên cứu của ông có giá trị chính xác cao và chắc chắn ít thiếu sót. Bố cục của tác phẩm như sau:

Phần I: Nguyễn Lộ Trạch và thiên hạ đại thể luận.

Phan Châu Trinh : Cuộc đời, tư tưởng và hoạt động.

Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu (1867-1940).

Phần II: Căn cứ địa của phong trào Duy Tân.

Phát động phong trào.

Nam du.

Khi Phan Châu Trinh xuất ngoại trở về.

Phần III: Từ lý thuyết tới thực hành.

Hợp thương và “quốc thương”.

Nông hội đầu tiên.

Học không thi ? Học để biết ?

Một anh hùng thảo dã: Lê Cơ.

Các hiện tượng khác của phong trào.

Nghệ Tĩnh, lãnh tụ phong trào DT bị bắt trước nhất.

Đông Kinh Nghĩa Thục hay phong trào DT miền Bắc.

Phần IV: Những cuộc biểu tình vĩ đại-1908.

Diễn tiến: dân làm chủ tình hình.

Khủng bố trắng.

Cái quan luận định.

Sách biên khảo, nhất là chuyên đề về sử học, theo tôi, khá kén đọc giả. Những người tìm đọc đa số là giới trí thức, và một ít có tâm hồn dân tộc bén nhạy. Không biết những lần tái bản Phong Trào Duy Tân sau 1975 tại quốc nội, sức thu hút bạn đọc của sách ra sao ? Năm 1969, năm tác phẩm Phong Trào Duy Tân xuất bản, tôi có mở một quán bán sách trên đường Hùng Vương, Đà Nẵng, quán Ngôn Ngữ, nên tôi biết khá rõ tình trạng tiêu thụ khiêm nhường của tác phẩm này. Đó là điều đáng buồn. Rất may, giá trị của một tác phẩm đích thực không phụ nhiều vào mức tiêu thụ. Hình như ngày nay các bạn trẻ trong nước đã tìm đến với Phong Trào Duy Tân của Nguyễn Văn Xuân nhiều hơn. Tôi vui mừng khi nghe nói cuốn sách đã được tái bản nhiều lần. Nhưng cũng hơi buồn, không tìm thấy lời giới thiệu nào qua mạng điện toán, vốn đã rất nhộn nhịp ở Việt Nam. Khi dự định viết bài kỷ niệm này, tôi gắng tìm đọc một số tài liệu ít ỏi về Nguyễn Văn Xuân tại thư viện Mile End của thành phố Montréal. Thật vui mừng khi tìm gặp cuốn Quảng Nam Đất Nước Và Nhân Vật I & II của ông Nguyễn Q. Thắng, nhưng niềm vui tắt ngay sau đó, bởi trong cuốn sách dày đến 832 trang này, giới thiệu đến 140 nhân vật, từ quý ông Đặng Tất, Đặng Dung... đến Nguyễn Văn Trỗi, Chu Cẩm Phong, Lưu Quang Vũ nhưng không có ông nhà văn hoạt bát, thích đàm đạo với thể hệ trẻ Nguyễn Văn Xuân. Sự thiếu sót của ông Nguyễn Q. Thắng có lẽ không phải là sự vô tình. Tuy bị một vài cá nhân làm công tác văn học sơ ý hữu tình như vậy, nhưng nhà văn Nguyễn Văn Xuân, một người thành danh từ miền Nam, hình như vẫn được tiếp tục kính trọng và tìm đọc sau 1975. Và rất may mắn, tiểu sử

ông được ghi trong cuốn Tự Điển Văn Học bộ mới, do nhà xuất bản Thế Giới ấn hành 2000 cuốn vào năm 2004. Bài giới thiệu về Nguyễn Văn Xuân nằm ở trang 1226 do Bùi Thị Thiên Thai viết. Chân dung ông không có trong các trang in ảnh.

Nhà văn Nguyễn Văn Xuân rời bục giảng nhà trường sau 1975, nhưng vẫn sinh hoạt trong lãnh vực văn học. Ông đã có dịp ra thăm Hà Nội, nơi đã từng phổ biến đến bạn đọc truyện ngắn đầu tay của ông. Anh cũng đã đi khá nhiều vùng của đất nước, tham dự nhiều cuộc hội thảo văn học như: Kỷ niệm 130 năm ngày bị Pháp đô hộ (1988) tại Đà Nẵng, Đại hội lần 3 của hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tại Hà Nội năm 1995, Hội thảo 530 năm vua Lê Thánh Tông đặt danh xưng Thừa Tuyên Quảng Nam ở Tam Kỳ năm 2001...

Về tác phẩm, ông cho nhà xuất bản Đà Nẵng ấn hành cuốn **Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân Khúc**, đây là một công trình nghiên cứu, phát hiện tài liệu văn học của ông từ năm 1971, tiếp theo những công trình của học giả Hoàng Xuân Hãn. Trong công trình này, Nguyễn Văn Xuân đã dùng khả năng Hán Nôm của mình để khẳng định bản dịch Chinh Phụ Ngâm, đúng danh là Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân Khúc của ông Phan Huy Ích thay vì bà Đoàn Thị Điểm. Cũng theo học giả Nguyễn Văn Xuân, Đặng Trần Côn đã viết tác phẩm bằng chữ Hán này vào năm 1754 hoặc sớm hơn. Bản dịch của Phan Huy Ích có từ năm 1804 (Giáp Tý).

Một cuốn tiểu thuyết, có thể sau cùng của Nguyễn Văn Xuân, được nhà xuất bản Trẻ, cùng công ty Văn Hóa Phương Nam tại Đà Nẵng cho ấn hành dưới tên **Kỳ Nữ Họ Tống**, vào tháng 11 năm 2002. Đây là một cuốn tiểu thuyết lịch sử. Trong 428 trang, khổ 13cm x 19cm, một câu chuyện có thật trong lịch thời chúa Nguyễn, được thuật lại bằng những tư liệu có thực và tài hư cấu linh hoạt, để cho câu chuyện thêm sống động trong suốt 19 chương, chia làm 6 phần: Người Chị Dịu Hiền, Sóng Gió, Con Người Khác, Nội Chiến, Hy Vọng Mới, Quyền Lực Cuối Cùng. Nhân vật chính của truyện là Tống Thị, một nhân vật lịch sử của xứ Đàng Trong, một người đàn bà có sắc đẹp tuyệt vời, ý chí kiên cường cùng những tham vọng lẫn thủ đoạn bất nhân, đủ để làm chao đảo một triều đại. Nhưng nhân vật chính sẽ không được nổi bật nếu không có nhân vật Hải Bằng, người yêu của Tống Thị. Nhà văn Nguyễn Văn Xuân đã nhập hồn vào



trong nhân vật này, để thuật lại câu chuyện. Cái “tôi” của Hải Bằng, người muôn năm cũ, chính là cái “tôi” của Nguyễn Văn Xuân. Tôi không tóm lược cốt truyện ở đây, để mong bạn đọc tự tìm đến với người kỳ nữ Việt Nam của chúng ta, mà tôi tin không thua sút bất cứ

nhân vật nữ tài danh nào trong lịch sử Trung Hoa.

Bên cạnh hai tác phẩm in sau năm 1975, nhà văn Nguyễn Văn Xuân còn cho phổ biến nhiều bài trên các đặc san, tạp chí. Riêng tại hải ngoại, chúng ta có thể tìm đọc các bài viết sau đây của ông:

Những Hội Mùa Xuân Ở Miền Trung (đặc san Quảng Đà, Hoa Kỳ, 1991)/ Đà Nẵng Thời Tây Sơn (đặc san Quảng Đà, 1994)/ Quê Ta Ngày Tết (Quảng Đà, 1994)/ Đất Quảng Quê Tôi (đặc san Quảng Nam Đà Nẵng, Hoa Kỳ, 1999)/ Cù Lao Chàm Và Đà Nẵng Đều Là Hồng Kông...Hạt (Sông Thu, Hoa Kỳ, 1999)/ Trường Phái Âm Thực Quảng Nam Cũ – No Và Đậm (Quảng Đà, Hoa Kỳ, 2000.)/ Những Nhân Vật Đặc Biệt Của Hội An (Quảng Nam Đà Nẵng, Hoa Kỳ, 2000)/ Người Ngoại Quốc Tới Hội An Từ Thế Kỷ 17 – 19 (đặc san Xứ Quảng, Hoa Kỳ, 2000)/ Những Nhân Vật Nổi Bật Của Người Hoa Ở Hội An Thế Kỷ XVII (QNĐN, HKY,2001)/ Ảnh Hưởng Của Hoàng Diệu (đặc san Quảng Đà, Hoa Kỳ, 2004)...

Nhìn về bối cảnh tác phẩm, ngoài hai cuốn Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân Khúc và cuốn **Vụ Án Truyện Kiều** (bị thất lạc) những đề tài của nhà văn Nguyễn Văn Xuân đều được ông cố tình giới hạn trong lãnh địa xứ Quảng. Điều này, đã làm cho khá nhiều người đánh giá ông có đầu óc cục bộ, địa phương. Nhưng ông cho rằng những công sức của ông vẫn chưa đủ nói lên được, nói hết được cái tình với đất đai, với con người dành cho một vùng đất ông được sinh ra và trưởng thành. Có lẽ việc dồn mọi tâm huyết về đề tài địa phương của mình, qua truyện

ngắn, tiểu thuyết lẫn biên khảo, nên ông được những người làm văn hóa sau này phong ông là nhà Quảng Nam Học.

Tôi không còn nhớ rõ, đã được quen biết với nhà văn Nguyễn Văn Xuân trong dịp nào, cơ hội nào. Nhưng điều chắc chắn là đã khá lâu, vì chúng tôi, tuy nằm trong hai lứa tuổi chênh lệch nhau khá nhiều, nhưng cùng ở trong lòng một thành phố, cùng có một đam mê văn chương. Nói chưa học ở ông “*bán tự*” nào là nói việc học hành ở ghé nhà trường. Thật ra, tôi và đám bạn cùng lứa đã thụ huấn từ nhà giáo Nguyễn Văn Xuân rất nhiều điều trong văn hóa cũng như cuộc sống. Mỗi lần có dịp đến thăm ông hoặc đôi khi ông buồn chân ghé qua, là một cơ hội tôi được nghe ông giảng dạy nhiều điều bổ ích. Chẳng thể nào không học được cái khôn từ một người, giữa thập niên 50, đã là một nhà giáo trung học nổi tiếng tại các trường Tây Hồ, Tân Thanh, Phan Thanh Giản, Sao Mai, Bán Công...Người đó lại ham học hỏi, biết cả Hán, Nôm, Pháp ngữ, thông thạo tiếng Nhật, đủ làm thông ngôn cho Nhật một thời gian. Trước năm 1969, tôi ít khi ghé thăm nhà ông một mình. Tôi thường đi với một vài bạn khác, có thể với Thái Tú Hạp, với Hoàng Trọng Bản, Châu Văn Tùng hoặc Hà Nguyên Thạch, Nguyễn Thiều Dũng (cháu gọi Nguyễn Văn Xuân bằng cậu)...

Không rõ ông dọn về ở tại căn nhà 54 E trong con hẻm ngắn trên đường Thái Phiên tự bao giờ. Căn nhà này, tôi được lui tới nhiều lần. Vuông sân trước mặt tiền hẹp nhưng vừa ấm vừa mát. Ấm về mùa thu, mùa đông, vì kín gió, nhờ sự che chắn của các tường nhà chung quanh. Mát về mùa xuân, mùa hạ vì những bóng râm mát cũng từ những mái ngói, cây xanh của các nhà láng giềng. Tôi rất khoái nền gạch hoa trong ngôi nhà ông. Những lát gạch màu xám nhạt, không mang hình một loại hoa nào, nhưng lại mang những đường nét như một phần nhỏ của một góc họa phẩm nào đó, đậm đà, đặc biệt. Ngoài cái nền gạch hoa mát lạnh, mà một đôi lần tôi cời cả vớ để hai bàn chân được tiếp thu cái man mát, để chịu nhiều hơn, tôi còn rất tâm đắc, thích thú với cái phản gỗ rất dày, rất bóng, mà nhà văn Nguyễn Văn Xuân, dùng làm một phần bàn viết. Bao nhiêu sách báo, tự điển, giấy viết, nằm ngổn ngang trên mặt phản uy nghiêm này. Tôi nhìn từng vật với thiện cảm quý mến của mình, và có cảm tưởng chúng cũng đang reo vui trong cái hạnh phúc nằm nghỉ,

khi chủ nhân của chúng say vui trong câu chuyện với khách đến thăm. Chính cái phần viết của nhà văn Nguyễn Văn Xuân thời nào, đã giúp tôi hình thành được cái giường viết cho mình hiện nay. Chỉ khác, cái giường chữ nghĩa eo hẹp của tôi, nằm ép gần sát, ngay sau cái ghế quay để ngồi nhìn mặt máy còm, thay vì cái phần viết nằm bên trái hay bên phải cái bàn nhỏ của nhà văn Nguyễn Văn Xuân.

Trong khoảng 1970 đến 1984, tôi có dịp gặp gỡ với tác giả Bão Rừng nhiều hơn. Ông được tin nhiệm tối đa để giữ chức Chủ tịch Hội Khuyến Học Đà Nẵng, thành lập năm 1970, bên cạnh Phó Chủ tịch Đặc trách Văn hóa- Nghệ thuật, nhà văn Duy Lam, tức trung tá Nguyễn Kim Tuấn, Chánh Văn Phòng cho nhiều vị tướng Chỉ huy trưởng Quân đoàn I. Và Phó Chủ tịch đặc trách xã hội, nhà văn Phan Du. Cố vấn cho hội gồm ba vị trưởng lão trong ngành Y: bác sĩ Trần Đình Nam, (nhân sĩ, từng giữ chức Thị trưởng Đà Nẵng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ chính phủ Trần Trọng Kim, niên trưởng Giám sát viện thời Đệ nhị Cộng hòa Việt Nam; qua đời tại Đà Nẵng năm 1973, tang lễ cử hành trọng thể dưới sự hiện diện của tướng Ngô Quang Trưởng, đại diện cho chính phủ), bác sĩ Thái Can, nhà thơ, bác sĩ Huỳnh Tấn Đồi, chủ tịch hội Hồng Thập Tự Đà Nẵng.

Hội Khuyến Học tọa lạc ở số 38 đại lộ Độc Lập. Đây là con đường chỉ cho lưu hành một chiều. Ngôi nhà được thị xã cấp cho hội rất bề thế, khang trang, được sử dụng theo nhu cầu sinh hoạt, nên đi đến quyết định chung: cho người Mỹ thuê một phần để làm Phòng Thông Tin và Hội Việt Mỹ. Phần còn lại, là trụ sở của hội. Đê vào nơi sinh hoạt, hội viên, quan khách và học sinh đều phải dùng con đường nằm bên hông toàn bộ ngôi nhà. Tuy là một con đường hẻm nhưng có chiều ngang khá rộng đủ để cho xe hơi ra vào hai chiều dễ dàng. Con đường phụ này cũng dẫn đến quán cà phê Ngọc Anh, một chỗ ngồi rất được ưa chuộng của đám nam thanh nữ tú có hương đèn sách của Đà Nẵng. Tư gia của nhà văn Duy Lam cũng nằm trong khu vực yên tĩnh và có phong thái trí thức này.

Các hoạt động của hội Khuyến Học lúc bấy giờ nhằm trong các công việc xã hội: thành lập phòng đọc sách, mở lớp dạy đêm, mở quán cơm học sinh (dành cho các em nghèo từ nông thôn ra tỉnh), xét cấp học bổng, tổ chức những sinh hoạt công cộng như thuyết trình, ra mắt sách, triển lãm tranh... Ngoài

những công tác thường xuyên trên, hội Khuyến Học đã tổ chức thành công một Tuần lễ Văn hóa. Trong tuần lễ này hội đã đưa những hội viên và chúng tôi, về thăm viếng nông thôn, nghiên cứu việc trồng trọt, sau đó thực hiện những giỏ trồng khoai, ươm giá ngay tại nhà, rất lý thú.

Nhìn chung trong đám người “*ăn cơm nhà vác ngà voi*” ấy (vì không ai có lương cho công việc của mình), nhà văn Nguyễn Văn Xuân, ông Hội trưởng, vẫn là người hăng say, tích cực nhất. Ông nhìn việc, định người rất khéo léo sáng suốt. Riêng cá nhân tôi, một người lang bang, không có mặt trong Hội Khổng Học của nhà thơ Trần Gia Thoại, cũng chẳng là hội viên của hội Khuyến Học của thầy Xuân. Nhưng nơi nào tôi cũng xẹt qua, làm một vai thân hữu, không chứng minh thư. Tuy vậy, qua thân tình, nhà văn Nguyễn Văn Xuân cũng đánh hơi tôi có khả năng thực hiện các bài phóng sự, nên thường đề nghị tôi đi thăm nơi này, đi viếng nơi kia. Một địa chỉ, tôi đã nghe lời ông mà đến, tiếc rằng tôi không thực hiện được kỳ vọng của ông. Chỉ đem về cho riêng tôi một bài thơ không lấy gì xuất sắc. Bài thơ có tên “Tặng Các Em Cô Nhi Viện An Hòa”, in trong tập Rượu Hồng Đã Rót, nguyên bản:

*“Cánh chưa mỏi nhưng lòng vừa muốn đậu/ trên vai hồng
những búp tuổi măng non/ trên vàng trán của mặt trời dậy sớm/
trên môi cười của từng nỗi cô đơn*

*tôi, chẳng phải là loại chim kỳ lạ/ bay tình cờ ghé lại cội
đời em/ cũng không phải gã lái buôn vắn điệu/ uốn nắn lòng cho
ngôn ngữ giàu thêm*

*tình chân thật là món quà ra mắt/ mong các em cho tôi
được làm quen/ từng viên gạch lót phòng em ngồi học/ từng góc
giường em trần trọc mỗi đêm*

*từng tiếng kiếng tay quàng vai tập hát/ từng nụ cười Đại
đức dạy em ngoan/ từng gáo nước Ni cô âu yếm dội/ vào hồn em
trong suốt nỗi hân hoan*

*tôi muốn viết, vâng rất thèm được viết/ những hạt cơm,
những chiếc áo hằng ngày/ những phép tắc một đời cô nhi viện/
những ước mơ không có dịp tỏ bày*

*hãy gắng nói về những điều đang nghĩ/ như đóa hoa vừa
mới nở sau vườn/ như nước mắt một đêm nào ướt gối/ nhớ từng
người, từng vách lá, con mương...*

*các em hãy khóc đi, đừng cố gắng/ nuốt lệ vào, nuôi can
đảm, cười khan/ đời tồn tại cũng đành com với áo/ lỡ làm người,
ai không có bi quan*

*các em hãy cho tôi cùng dự cuộc/ bởi đời tôi nào đã chắc
gì hơn/ còn cha mẹ chắc gì không lạc lõng/ sống một mình không
hắn đã cô đơn*

*các em chớ cho tôi giàu kiêu cách/ sống, suy tư, không
chân thật, bình thường/ bởi đời vốn đầy đầy điều phi lý/ không
dối hờn đâu dễ biết yêu thương*

*thôi xin lỗi các em, tôi lảm chuyện/ ghé vào đây đâu phải
để phân trần/ điều vẫn dặn lòng mình, là hãy thở/ hơi vào người,
hơi nhập vào thân/*

*dẫu phút chốc cũng sẽ thành vô nghĩa/ lần gặp này, xin
được nhớ man man/ chào các em, chào trăm dòng suối nhỏ/
trăm rìng cây vừa phai thuốc khai quang”*

(Luân Hoán- Rượu Hồng Đà Rót)

Một sinh hoạt văn hóa khác mà giới trí thức Đà Nẵng thời bấy giờ rất hết lòng là vận động để thành lập viện đại học. Trong công việc này, nhà văn Nguyễn Văn Xuân cũng được ghi công đầu. Tôi có cơ hội diện kiến ông nhiều hơn, nghe ông nói nhiều hơn. Là một nhà giáo thâm niên, Nguyễn Văn Xuân có tài hùng biện. Những gì ông trình bày có sức lôi cuốn sự theo dõi của người nghe một cách tuyệt đối. Mạch lạc, rõ ràng ngay trong việc dùng chữ, dù giọng ông khá nặng chát Quảng Nam thuần túy. Ông rất thích đề cập đến ngành Hát Bộ. Ông nói về những khám phá của mình trong môn nghệ thuật này một cách say sưa. Ngồi nghe ông nói, tôi nghiệm ra, chẳng phải ông nói chuyện, mà ông đang lên lớp, đang giảng bài. Và chắc chắn ông đã tìm thấy thích thú trong những buổi đàm thoại của mình với bất cứ người nào, bạn văn nào.

Nguyễn Văn Xuân có sự tự tôn địa phương rất lớn. Ông chưa chê bai một vùng đất nào của tổ quốc, nhưng đề cập về Quảng Nam, ông luôn luôn thấy được những ưu điểm của vùng đất mà những người ngoài vùng đều tỏ ý ngại ngùng, nếu phải đến cư ngụ. Ông yêu đất, ưu tiên là đất Quảng Nam. Ông yêu người, ưu tiên là người Quảng Nam. Những phố cổ Hội An, Ngũ Hành Sơn, Bà Nà núi Chúa, thôn làng Thanh Chiêm... đã làm ông hãnh diện. Phải trực tiếp ngồi nghe ông nói về những thắng cảnh của quê hương ông, mới thấy thích thú, mới thấy mỗi cảnh

sắc có phần đẹp hơn ra, giống như thay da đổi thịt dưới con mắt tầm thường của mình. Nói chuyện nghiêm túc hấp dẫn, lôi cuốn, nhưng một đôi khi có dịp “nói hoang” ông cũng tỏ ra tinh tế, hóm hỉnh và thâm trầm rất mực, điều này có thể tìm thấy trong văn phong của tác phẩm Kỳ Nữ Họ Tống. Ông là một Phan Khôi của những thập niên 60, 70 khi nhắc về Quảng Nam, khi nói đến văn học nghệ thuật xứ Quảng có sông Hàn.

Sau buổi trưa ngày 29 tháng 3 năm 1975, ngày bước chân đầu tiên của các bạn du kích công khai vào thành phố Đà Nẵng, chúng tôi có nhiều dịp gặp nhau. Lặng lẽ, nghe ngóng, trông chừng, thủ thế...là thái độ chung của chúng tôi. Không dại gì không “*chấp hành nghiêm chỉnh*” những việc mình có thể “chấp hành” được. Tôi ít ra đã hơn thầy Xuân một chữ Ngụ. Thầy chỉ có “dân” và “quyền”, tôi có cả “quân”. Ngày 30 tháng 3 năm 1975, Đà Nẵng vẫn còn trong tình trạng vô chính phủ. Bước sang tháng tư, trong tuần đầu, không khí ngột ngạt nhưng vẫn còn rất dễ thở. Tôi trình diện ở sân chùa Hải Châu dưới vai ngục quân thay vì ngục quyền. Không rõ thầy Xuân đã trình diện tại đâu. Cuối một ngày trình diện ở chùa Hải Châu về, tôi gặp tác giả Dịch Cát tại nhà tôi, 58 đường Hùng Vương. Nhà văn Nguyễn Văn Xuân không bi quan mà cũng chẳng lạc quan. Ông chấp nhận sự đổi thay của lịch sử một cách trầm tĩnh, không bày tỏ một thái độ nào. Ông chỉ hỏi thăm tôi về những thiệt hại khi nhìn cánh cửa sắt chưa kịp sửa chữa. Trong lần gặp gỡ này, ông đã giao cho tôi một mẫu khai lý lịch, dài chừng 30 trang. Ông cho biết đây là mẫu khai dành cho những người có viết lách lãnh nhãng. Ông cũng dặn đi dặn lại nên chép làm 2 bản, một bản giữ lại, một bản để nộp. Chuyện khai thật, khai giả tùy nghi, không quan trọng, nhưng đừng quên những điều đã khai, sau này chắc phải còn lặp lại. Khi mang tới cho tôi mẫu khai này, nhà văn Nguyễn Văn Xuân có lẽ đã sẵn sàng cùng tôi chia xẻ những hoạn nạn sắp xảy ra trước mắt. Chuyện đồn, ông được nhà văn Vũ Hạnh cấp cho một cái giấy chứng nhận gì đó, chắc là chuyện tưởng tượng. Tôi đã không kịp khai lý lịch theo mẫu “bồi bút” vì sáng hôm sau, tôi đã cùng nhà thơ Hoàng Quy khăn gói ra trình diện.

Trong cuộc sống có những cái may mắn bất ngờ. Trên đường đến nơi trình diện, để cho thêm ấm bụng, tôi và Quy ghé

quán mì Quảng trên đường Lê Lợi. Những sợi mì vàng óng, những cọng giá trắng tươi cùng những cọng rau xanh, ớt đỏ... đã tức thì đánh thức tôi với dấu hỏi trong đầu, tại sao phải trình diện, khi tôi đã là một tài nguyên phế thải, một sĩ quan chỉ có sổ cấp dưỡng? Thế là, tôi thất tín với Quy, để cho ông Quản đốc Đai phát thanh trình diện một mình. Trong giai đoạn này, bất cứ ai đã lỡ lọt vào cửa trình diện cải tạo thì đừng hòng trở ra. Không đến nỗi “*giết làm hơn bỏ sót*” nhưng được “*học tập*” vẫn không thừa, vẫn quý hơn không. Tôi đã có một quyết định xuất thân vô cùng sáng suốt. Nhưng không có nghĩa tôi trốn được cái nợ không vay, phải trả. Bởi sau đó tôi vào trại Ngô Văn Sở. Nếu chuyện đổi tiền xảy ra chậm trễ hơn, tôi chưa biết đã trôi nổi về đâu.

Phần tôi thì như vậy, còn phần nhà văn Nguyễn Văn Xuân ra sao, tôi không được rõ lắm, chỉ biết từ đó ông trở thành một người “*mất dạy, vô lương*” cho đến ngày nay. Bi đát hơn, hoàn cảnh ông không được lạc quan như trong bài Vết Thương, tôi đã viết:

“...em không hỏi, vì sao em yêu dấu/ cứ nuôi ta thằng mất dạy vô lương/ cứ yêu ta như nụ tình em vẫn nở/ đóa hoa hồng trong cùn tận vết thương”

Người vợ xinh đẹp đảm đang của ông bị chiếm đi quày bán vải tại chợ Hàn. Nguồn sinh kế dồi dào bỗng đứt. Những người con cũng lần lượt mất việc. Uất ức đã đưa bà vợ hiền của thầy Xuân đến cái dốc tinh thần trầm trọng. Bà cười khóc bất thường, quên cả mặt mũi chồng con. Nhà văn Nguyễn Văn Xuân đành bậm bụng chịu đựng. Ông đạp xe đi suốt ngày, chẳng biết đi đâu. Có lần tôi ngồi trong nhà anh tôi, ở trên đường Thái Phiên, rất gần nhà ông, vợ vẫn nhìn ra đường, phát hiện ông đang lang thang. Những bước lang thang của ông cũng rất bất thường, chỉ thu hẹp trong một đoạn đường ngắn, chợt đứng, chợt đi, chợt nhìn quanh, chợt cúi đầu. Tôi định vù ra chào hỏi, nhưng rồi lại thôi. Lặng lẽ quan sát ông, rồi ngậm ngùi giả lơ. Ông đang buồn, đang lo, chắc chắn là như vậy. Tôi tôn trọng giây phút suy ngẫm buồn phiền của ông. Một lần khác tôi đã bạo miệng, đề nghị dành một chỗ ngồi cho con trai ông, trước hiên nhà tôi, nếu anh ấy muốn mua bán hoặc làm một cái nghề gì đó. Con trai ông, tôi không còn nhớ tên, đã có đến ngồi trước hiên nhà tôi vài tuần rồi bỏ cuộc.

Trước hoàn cảnh gia đình bi đát như thế nhà văn Nguyễn Văn Xuân vẫn giữ được sự điềm đạm. Gặp nhau không còn nói chuyện thơ văn mà đề cập, hỏi han đến đời sống từng bạn văn. Một hôm ông đến rủ tôi ra thăm nhà văn Phan Du đang ốm nặng. Tôi sợ nhất là đi thăm người *ôm thập tử nhất sinh* và đi đưa tang. Nhưng không thể không tháp tùng ông đến tư gia tác giả Hai Châu Lan Tô Tâm...ở tận ngoài bãi biển Thanh Bình. Không biết nhà văn Phan Du đã về sống bên mép sóng biển từ bao giờ ? Ông đến với cuộc đời từ ngày 01 tháng 5 năm 1915, có hơn nhà văn Nguyễn Văn Xuân đến những 6 năm. Nhà văn Phan Du người làng Phước Đức, huyện Quế Sơn, là một công tử (út) của vị tiến sĩ Phan Quang (một trong năm con phụng cùng bay- ngũ phụng tề phi- khoa Tiến sĩ hoàng triều Thành Thái -1889-1907- năm thứ 10), có một đời sống công chức khá giả, nhưng những ngày cuối đời khá âm đạm. Trong suốt buổi thăm viếng, tôi gần như giữ im lặng. Chính nhà văn Nguyễn Văn Xuân cũng tiết kiệm lời tâm sự rất nhiều. Buổi thăm viếng buồn bã này đã thường cho tôi một trận cảm cúm kéo dài mấy tuần sau.

Khác với nhà văn Phan Du, nhà văn Nguyễn Văn Xuân có một sức khỏe rất khả quan. Ông cao lớn, rắn rỏi và năng động vô cùng. Ông vẫn giữ được những ưu điểm này cho đến ngày tôi ra nước ngoài, và có lẽ kéo dài được sự bền bỉ trong nhiều năm sau. Tại hải ngoại, một lần Thái Tú Hạp nhận được một tin thất thiệt, chúng tôi đã đăng phân ưu cho ông, sau đó mới biết nhầm lẫn. Khi nhận được thư xin lỗi của chúng tôi, ông gởi cho tôi một hồi âm, đây cũng là thư duy nhất của ông, tôi nhận được. Trong thư ông viết:

... “ Về chuyện ấy, anh chớ nên để ý. Tôi đã chết nhiều lần. Hồi 1954, về nhà anh tôi, tôi thấy có ảnh và bàn thờ. Tôi chỉ mỉm cười...”.

Ngoài chuyện bày tỏ sự bình tâm trước chuyện sống, chết, ông còn cho biết:

... “tôi không quá cực về vật chất, nhưng gia đình bệnh và buồn. Buồn lắm.

Thân ái thăm anh và các bạn, ước mong có ngày vui như anh mong ước, khi chữ nghĩa không bị hạn chế trong một nơi nào”.

Thư ông viết vào ngày 03 tháng 8 năm 1992. Hơn 14 năm qua, mọi chuyện đã có nhiều đổi thay. Giới trí thức miền Bắc đã

biết kính nể khi tìm đọc tác phẩm của ông, dù sự kỳ thị vẫn còn thấp thoáng đâu đó. Một tuyển tập Nguyễn Văn Xuân, dày 1012 trang đã được in, phát hành với bìa cứng, đã ít nhiều nói lên sự thay đổi trong đánh giá của giới lãnh đạo văn học nhà nước. Nhưng với trên 80 triệu dân, tác phẩm chỉ được tung ra thị trường 700 cuốn, quả là một con số đáng suy ngẫm. Năm 2002, tôi có về Đà Nẵng trong gần 3 tuần. Tôi có ghé đến 54E Thái Phiên nhưng chỉ được nhìn những cánh cửa khép kín, cái vuông sân như co cụm, nhỏ đi rất nhiều. Buồn. Cậu em vợ chở tôi chạy quanh một vòng thành phố. Tôi ghé nhiều tiệm bán sách. Và cuối cùng tìm được tuyển tập Nguyễn Văn Xuân tại một nhà sách trên đường Lê Lợi. Tôi mua một cuốn. Trong 699 cuốn khác của tác phẩm quý giá này, không biết được mấy cuốn đã và sẽ về với những tủ sách gia đình ?



Một năm sau, trên đặc san Quảng Nam Đà Nẵng, do hội Quảng Đà ở Dallas Hoa Kỳ thực hiện, tôi đọc được bút ký “Đà Nẵng, Tôi Về” của Trần Yên Hòa, một cây bút khởi đi từ hải ngoại, sau 1975. Trong bút ký anh Hòa cho biết có ghé thăm thầy Xuân, một ông thầy chính anh cũng chưa thọ giáo được “nửa chữ” nào. Lần đầu Hoà ghé đến không gặp được người mà nhà thơ Thành Tôn dặn dò nên gặp. Lần thứ nhì:

... *“Tôi đến căn nhà cũ, gõ cửa. Tiếng người đàn ông vọng ra:*

- Ai đó ?

Tôi trả lời:

- Tôi đây ! Tôi đến thăm thầy Nguyễn Văn Xuân.

Có tiếng người ngồi dậy, rồi tiếng nói:

- Đẩy cửa vào đi, cửa không khóa.

Tôi đẩy cửa vào, vẫn căn phòng hôm qua, bừa bộn những đồ linh tinh trên sàn nhà, trên sofa, nào là giấy, khăn, quần áo vắt bừa bãi. Một ông già từ phòng trong khệnh khạng bước ra. Ông đang mặc áo vào vì ông ở trần, tay ông run run nên ông mặc áo rất khó khăn. Ông bước ra ngoài phòng khách và chân

đi không nói. Ông đi như lết từng bước ngắn. Thấy vậy, tôi liền bước vào phòng trong để dìu ông. Tôi vừa dìu vừa hỏi:

- Thầy là thầy Xuân ?

- Dạ

....

Bây giờ trước mắt tôi là một ông già trên tám mươi tuổi, gầy còm, ốm yếu, bệnh hoạn. Đôi chân ông khẳng khiu, teo lại như chỉ còn hai khúc xương, không còn chút thịt nào. Đầu tóc ông hói đậm, tóc thưa thớt, răng rụng gần hết”...

Ông thầy Xuân tráng kiện, sung sức của chúng tôi ngày xưa bây giờ đã trở nên quá bi thảm qua cái tả chân, có lẽ rất chân thực của Trần Yên Hòa. Hậu quả này không chỉ do thời gian, mà đích thực nỗi buồn phiền đã góp tay gây tội. Làm sao có thể giữ gìn khả quan thân thể khi điều kiện kinh tế gia đình cũng bào mòn lượng máu thịt:

- “Già rồi còn sức đâu mà viết, mà lúc này bệnh hoạn quá, yếu quá. Nhà xuất bản Đà Nẵng có xin phép tôi và cho in tuyển tập Nguyễn Văn Xuân. Họ cho tôi 20 quyển bảo tôi bán lấy tiền thay tiền nhuận bút. Tôi bán được rất ít nên còn đó...”

(Trần Yên Hòa)

Thật đáng thương cho một nhà văn có chân tài và nổi tiếng. Không biết hội nhà văn Việt Nam đã truy tặng cho ông một tấm bằng khen, một huy chương nào chưa. 20 cuốn sách cho một công trình dài suốt một đời tâm huyết, có chút gì như chua xót chọt đến với tôi. Câu nói: “Nhà văn An Nam khổ như chó” của nhà thơ Nguyễn Vỹ quả chẳng thấm vào đâu so với lời bày tỏ chân tình của nhà văn Nguyễn Văn Xuân.

Những năm tháng tiếp theo, tôi nhận được tin ông ngồi xe lăn, ông được tán thưởng. Buồn vui lẫn lộn. Bài viết về ông, một người thầy, một người anh, một người bạn, tôi viết khá khó khăn, không rõ vì sao. Bài chưa chấm dứt, chiều hôm qua, 15 tháng 10 năm 2006, tôi nhận được một điện thư do anh Đặng Tiến *forward* từ họa sĩ Đinh Cường, điện thư của anh Trần Phương Kỳ (chuyên viên văn hóa Chàm) Nội dung:

“Anh ĐT thân,

Anh khỏe không. Chiều nay tôi vừa ở Hà Nội về, ghé thăm thầy Nguyễn Văn Xuân. Ông khỏe hơn trước. Ăn uống được và vừa đọc xong quyển sách gần 600 trang viết về Quảng Nam. Mừng vì ông rất tình tào.

Chỉ có một tin tôi muốn gửi đến anh và thân hữu của thầy Xuân, là, trong cơn bão khủng khiếp vừa qua, nhà ông bị hư hại nặng, nhất là dãy nhà làm để cho thuê, kế sinh nhai hàng ngày của gia đình ông, bị hư sụp phải sửa lại rất tốn kém, mà ông thì bó tay.

Vậy nếu có thể nhờ anh vận động một tay dùm để giúp đỡ thầy Xuân..

...
Kỳ”

Mấy dòng tin từ quê nhà làm tôi nao nao buồn, lại càng ngậm ngùi hơn khi cảm thấy cái bất lực của mình trước sự không may của một người thân quen. Không có “lá lành đùm lá rách” thì tạm dùng “lá rách đợ lá rách” chắc chẳng ai trách phiền. Ngồi nghĩ mông lung, đâm ra nghi ngờ nhà văn Nguyễn Văn Xuân có duyên nợ gì với sự bão tố hay chăng ? Cách đây hơn 60 năm, ông đã dựng nên một trận bão rừng. Trận bão của văn chương này đã làm điêu đứng nhiều nhân vật, trong đó có cả tác giả. Ngày nay một trận bão của đất trời lại trực tiếp gây họa cho gia đình người đã dựng nên bão rừng, chắc ít nhiều cũng làm cho nhà văn Nguyễn Văn Xuân ngậm ngùi. Sự thiệt hại lớn lao về vật chất không thể không là một vết thương trầm trọng của một người chỉ giàu tình yêu đất nước, chữ nghĩa. Cuốn **Hồi Ký** đời ông và tác phẩm **Truy Tâm Bản Sắc Việt Nam** của ông còn có cơ hội đến với bạn đọc ? Tôi hy vọng, vẫn còn nhiều tấm lòng sẽ mở đường cho những đứa con đã hoàn tất của nhà văn Nguyễn Văn Xuân ra đời. Tôi cũng hy vọng sẽ được thấy tận mắt những thịt da, mang hơi thở sau cùng của nhà Quảng Nam Học, trước khi theo ông về một cõi xa, không cần địa chỉ.

16-10-2006, đúng giờ thứ 20, Montréal đang mưa nhẹ, lá cây đã đủ màu vàng, đỏ...



Võ Phiến, cuối cùng tôi được gặp.

Trong văn giới của Việt Nam Cộng Hòa có hai người tôi rất ngưỡng mộ, kính phục: nhà văn Nguyễn Văn Xuân và nhà văn Võ Phiến. Với ông “Quảng Nam Học” (1), tôi được may mắn gặp mặt nhiều lần. Ngược lại, với ngài “Biệt Kích Văn Hóa” (1), tôi hụt nhiều cơ hội đối diện.



Được gặp mặt, được bắt tay, được ngồi nghe những câu nói gửi trực tiếp đến với mình, từ một người danh tiếng, quả thật là một kỳ thú, một hạnh diện. Tuy không cố tình săn đuổi những cơ hội này, nhưng nếu hữu duyên có được sự hội ngộ, tôi sẽ rất phơi phới trong lòng. Bằng hữu, dù là đàn anh, đàn chị, đàn em, đàn...cháu, vẫn quý báu như nhau. Không được là bằng hữu, chỉ tương kính xã giao cũng vô vàn sung sướng.

Với nhà văn Võ Phiến, được quen biết ông, được gặp mặt ông, kể như có thêm một hạnh phúc. Chắc chắn nhiều bạn sẽ nhăn mặt, cho rằng tôi có phần tâng bốc, ra chiều nịnh bợ. Không sao. Đây là niềm vui tôi tìm thấy, khi cảm nhận mình được hưởng ké cái rục rờ của một nhân tài, bất cứ họ hoạt động ở lãnh vực nào.

Sự tâng bốc của tôi dành cho nhà văn Võ Phiến nếu có, cũng là chuyện bình thường, bởi những gì ông đã dành cho nền văn học Việt Nam không nhỏ chút nào. Để xác định điều này, chúng ta thử ghé qua từng trang đời của ông, một cách vắn tắt.

Nhà văn Võ Phiến ra đời vào ngày 13 tháng 9 năm Ất Sửu, nhằm ngày 30 tháng 10 năm 1925. Nhưng trong khai sinh ghi sứt mất 7 ngày. Có lẽ đây là ngày làm giấy khai sinh? Địa danh nhà văn chính thức đến với cuộc sống được ghi rõ: làng Trà Bình, tổng Trung Bình, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Ông mang tên gọi Đoàn Thế Nhơn, bởi thân phụ ông là Đoàn Thế Cần, một lưu dân làm ăn tại miền Rạch Giá, Nam kỳ, chỉ gặp

mặt con khi cậu đã lên 7. Thân mẫu ông, bà Ngô Thị Cương cũng bỏ ông lại quê nhà để theo chồng vào năm 1934. Cả hai bậc sinh thành, đều đã qua đời (ông đi trước bà theo sau, vào 30-3-1983 và 06-11-1989). Võ Phiến đã theo học tại Qui Nhơn đến năm 1941 và tại Huế đến năm 1943. Năm 1944 ông được học giả Đào Duy Anh đưa ra Hà Nội nuôi ăn học. Năm 1945, trở về Bình Định để thi hành nghĩa vụ thanh niên trong đơn vị tuyên truyền xung phong. Năm 1946 lại trở ra nhà cụ Đào, rồi lại trở về Bình Định, dạy các lớp bình dân học vụ và làm việc trong ngành thuế quan. Ông gặp bà Viễn Phố rồi cùng bà chấp cánh thông dong một đời kể từ năm 1948. Vợ sinh con, cuối năm 1948, ông dạy học, cùng lúc bắt đầu chống đối chủ thuyết cộng sản, nên bị bắt ngày 17-10-1952. Tòa án liên khu V xử 5 năm tù, giam tại Phú Nhiêu. Nhờ hiệp định Genève, ông được phóng thích vào tháng 9-1954. Cuối năm 1954, ông ra Huế làm việc cho Nha Thông Tin Trung Việt. Đầu năm 1955, ông được chuyển làm Trưởng Ty Thông Tin Quảng Trị. Sau đó làm Trưởng Ty Thông Tin Bình Định từ 1955 đến 1959. Giữa khoảng thời gian này, năm 1956, ông gặp lại cha mẹ ở Trà Vinh, ông đưa cả nhà về đoàn tụ tại Bình Định. Cuối năm 1959, ông cùng gia đình vào Sài Gòn. Ông làm việc tại Bộ Thông Tin cho đến ngày ra xứ người, vào ngày 22 tháng 4 năm 1975. Ông tỵ nạn tại trại Pennsylvania cho đến ngày 03-9-1975. Trên lãnh thổ Hoa Kỳ, gia đình ông cư ngụ tại Minneapolis, Minnesota rồi dời đến Santa Monica, Los Angeles (kể từ 07-4-1977). Hiện nay, sau khi hồi hưu vào năm 1994, ông cùng gia đình, định cư tại Hightland Park, Los Angeles California, trong một căn nhà yên tĩnh với cây lá xanh tươi quanh vườn. Mặc dù đã qua hai lần mổ tim tại Hoa Kỳ (ngày 05-10-1985 và 01-4-1992), sức khoẻ của nhà văn Võ Phiến vẫn rất khả quan.

Về văn nghiệp, nhà văn Võ Phiến bắt đầu bằng những bài tùy bút đăng trên các báo Trung Bắc, Chủ Nhật tại Hà Nội vào năm 1943. Ông viết cho tờ Mùa Lúa Mới năm 1955. Rồi cộng tác với Bách Khoa, Sáng Tạo cùng nhiều tạp chí khác tại thủ đô Sài Gòn. Ông được trao giải Văn chương toàn quốc năm 1960 với tác phẩm Mưa Đêm Cuối Năm. Ông là một trong những vị giám khảo của giải Văn Học Nghệ Thuật hàng năm của Việt Nam Cộng Hòa (từ 1961 đến 1974). Năm 1962 ông thành lập nhà xuất bản Thời Mới. Từ năm 1970 đến 1974 ông có mặt trong

Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục của Việt Nam Cộng Hòa. Năm 1978, sau khi đã định cư tại Hoa Kỳ, ông chủ trương tạp chí Văn



Học Nghệ Thuật. Báo ra được 13 số, kể từ tháng 4-1978 đến tháng 12-1979. Năm 1985 ông cùng các nhà văn Nguyễn Mộng Giác, Lê Tất Điều cho tục bản tạp chí Văn Học Nghệ Thuật, phát hành từ tháng 5-1985 đến tháng 1-1986, sau đó, ông giao trách nhiệm lại cho nhà văn Nguyễn Mộng Giác, để chú tâm vào việc sáng tác, biên khảo. Gia tài tác phẩm của ông thật đồ sộ gồm: 4 tiểu thuyết, 7 tập truyện ngắn, 9 tập tùy bút, 9 tập tiểu luận, 8 tập phê bình, 5 tập truyện dịch được ký dưới bút hiệu Tràng Thiên, 1 tập thơ. Trong thời gian gần đây, những tác phẩm của ông được cho tái bản dưới tên Võ Phiến toàn tập, gồm: tùy bút 1, tùy bút 2, tạp bút, tiểu luận, tạp luận, truyện ngắn 1, truyện ngắn 2, tiểu thuyết 1, tiểu thuyết 2, tổng cộng 3247 trang.

Sáng tác của Võ Phiến không những dồi dào số lượng, mà ở bất cứ bộ môn nào, dưới ngọn bút của ông, cũng có một giá trị đặc biệt, thu phục người đọc. Vì thế, sau khi thưởng ngoạn tác phẩm của ông, nhiều người cầm bút muốn bày tỏ những nhận xét, những tán thưởng của mình. Số lượng những bài viết về Võ

Phiên mỗi ngày một nhiều. Có người viết nguyên một cuốn sách như nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc với cuốn “Võ Phiến”. Như John C. Schafer, một tác giả ngoại quốc, với cuốn “Võ Phiến And The Sadness of Exile”. Những tên tuổi liệt kê dưới đây đã đóng góp mỗi người một bài hoặc hai ba bài, tùy theo sự cảm nhận và tùy hứng riêng: Đặng Tiến, Vũ Hạnh, Cao Huy Khanh, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Mộng Giác, Phan Lạc Phúc, Mai Thảo, Đỗ Tấn, Huỳnh Phan Anh, Viên Linh, Nguyễn Quốc Trụ, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Hữu Nghĩa, Võ Đình, Thế Uyên, Ngô Nguyên Dũng, Hồ Trường An, Phan Lạc Tiếp, Lê Tất Điều, Trần Long Hồ, Hà Thúc Sinh, Trúc Chi, Nguyễn Ngọc Tuấn (bút hiệu khác của Nguyễn Hưng Quốc), Bùi Bảo Trúc, Bùi Vĩnh Phúc, Hoàng Khởi Phong, Lockhart Greg, Nam Chi (bút hiệu khác của Đặng Tiến), Nguyễn Thị Sông Hương, Thụy Khuê, Trần Hữu Thục (tên thật của Trần Doãn Nho), Nguyễn Hoàng Văn, Lê Minh Hà, Hoàng Nga, Nguyễn Hữu Lê, Minh Nguyệt, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Vy Khanh, Tạ Chí Đại Trùng, Quỳnh Dao (ca sĩ), Ngự Thuyết, Trần Văn Nam, Triều Hoa Đại...Lắm lắm danh sách này, tôi không có ý mơ mộng, mai sau tên mình cũng được đứng chung trong đội ngũ đọc và viết về Võ Phiến. Bởi giản dị, tôi hoàn toàn không có khả năng biên khảo, cũng như thực sự không muốn làm một người thông dịch ý tưởng, tình cảm người khác. Hơn nữa, tôi luôn luôn là một bạn đọc tài tử với bất kỳ một tác giả nào, dù tôi đã làm quen với cái tên gọi Võ Phiến từ những năm 1962, 1963...

Trở lại với sinh hoạt chữ nghĩa của miền Nam tự do, trong giai đoạn đầu thập niên 60 đến tháng 4 năm 1975, tuy chỉ hời hợt theo dõi, tôi cũng có thể đoán chắc, miền Nam Việt Nam có một nền văn học sung mãn về nhân tài và tác phẩm. Những công trình tìm óc, đa số có giá trị văn học, nghệ thuật.. Không khí sinh hoạt cởi mở, hào hứng, tuy có sự ngấm ngấm phân chia cánh miền Bắc, cánh miền Nam, cánh miền Trung, nhưng không có sự kỳ thị rõ nét. Sự cạnh tranh giữa những “thế lực văn học” chính là sự tranh đua cần thiết để phát triển nghề nghiệp một cách tốt đẹp hơn. Nhà văn Võ Phiến là một trong những người đứng hàng đầu của giới cầm bút tại miền Nam Việt Nam thời bấy giờ. Ngưỡng mộ ông, tôi càng muốn được quen biết với ông. Nhưng đến tòa soạn để tìm gặp tác giả, không phải là một việc tôi cho

phép tôi thực hiện . Tôi chưa làm điều này với bất cứ tác giả nào.
Nhớ có lần ghé Bình Định chơi, tôi có hỏi một anh bạn, người
địa phương, nhà tác giả Chữ Tình ở đâu ? Hỏi chỉ cho có chuyện
vậy thôi. Bởi tôi biết, ông đang sinh sống, làm việc tại Sài Gòn.

Thân mến,

Nguyễn

10-9-95

JB. - Tên này gửi anh là người như vậy, đang làm
cho anh, trong vườn. Chắc gặp một chút anh mình
hết thân, nhất, thân mật. Không có sự tự nguyện
sì!

Cho dù ông đang có mặt tại Bình Định, tôi cũng không đủ bạo
dạn để đường đột ra mắt ông. Nếu không có biên cô lịch sử
1975, và nếu không bôn tẩu ra hải ngoại, có lẽ tôi không bao giờ
có cơ hội gọi là quen biết nhà văn Võ Phiến.

Tình bằng hữu chỉ có được bởi những thân tình. Những
thân tình này chẳng lẽ chỉ hạn chế, dành riêng cho những sự gặp
gỡ, thù tạc, đối ẩm, bàn luận, tán dóc?...Giữa tôi và nhà văn Võ
Phiến chưa một lần gặp mặt, nhưng đối với nhau không có quá
nhiều xa lạ, ít nhất là với chủ quan của riêng tôi, cho riêng tôi.
Ông hơn tôi nhiều mặt. Ông là bậc đàn anh. Tôi kính trọng,
ngưỡng mộ, thần phục ông. Dĩ nhiên ngoài tôi, còn có hàng vạn
người quý mến, kính nể ông. Dù vậy, tôi thật sự băn khoăn
không biết có nên dựa vào thân thế sự nghiệp hoành tráng của
ông để vẽ bùa cho cái tôi quá nhỏ nhoi của mình ? Chọn ông để
có viết “đôi dòng chẳng đáng chi” có lẽ tôi đã vô lễ, thất kính
với ông, với cả tôi. Nhưng buông bút, bỏ qua lại thấy tiếc, thấy

thiếu thiếu, lại thấy không thành thật với dụng ý muốn dựa hơi của chính mình, do đó, tôi đã cố gắng hết sức để viết cho chính mình bài tạp hồi ký này.

Tháng 7 năm 1985, tôi nhờ nhà thơ Thái Tú Hạp chuyển đến nhà văn Võ Phiến một ít tư liệu vắn tắt về năm bảy người cầm bút tại miền Trung mà ông Võ Phiến hỏi xin qua trung gian Thái Tú Hạp. Những tư liệu vụn này ông dùng bổ sung cho phần phụ lục cuốn Văn Học Miền Nam, tổng quan của ông. Ngày 17 tháng 7 năm 1985, tôi nhận được thư đầu tiên của ông. Thư viết tay trên giấy có in sẵn tên và địa chỉ tạp chí ông đang chăm sóc, tờ Văn Học Nghệ Thuật. Ngoài vài dòng cảm ơn, nhà văn còn nhờ tôi cho biết thêm *“chi tiết về các nạn nhân của chế độ cộng sản tại Việt Nam”*. Ông ghi rõ từng dòng những điểm cần thiết và để những dấu chấm lửng dành cho tôi. Nét chữ ông viết thuộc dạng chữ nghiêng, một dạng chữ, theo tôi, rất thông dụng của những người thuộc thế hệ 30 trở về trước. Chữ ông viết dễ đọc, có thể gọi là đẹp. Chữ ký rất bay bướm. Dĩ nhiên sau đó, tôi còn được đôi lần nhận thư ông. Một ít thơ của tôi viết sau 1975 được ông cho đi trên Văn Học Nghệ Thuật rồi Văn Học do ông điều hành. Cái tình giữa những người cầm bút với nhau phát triển khá nhanh trong sự cởi mở, thân mật, như ông đã viết... *“xa xôi, chưa từng gặp nhau mà đã mến nhau! Cái duyên văn nghệ thật quý hoá”* (thư 9-1995).

Cơ hội thứ nhất tôi có thể nhìn tận dung nhan nhà văn Võ Phiến vào năm 1989, khi ông đến thăm thành phố Montréal, nơi tôi đang cư ngụ. Vào thời điểm này, giới cầm bút người Việt tại Montréal đang tổ chức đại hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Nhà văn Võ Phiến hình như không phải là người đi phó hội. Tôi không có mặt tại những địa điểm diễn ra sinh hoạt này, nên không rõ có sự hiện diện của ông Võ Phiến tại những hội trường đó không. Theo nhà thơ Lưu Nguyễn, tác giả Thương Hoài Ngàn Năm... được một nhóm bạn văn từ Toronto lên, đưa đi thăm những nơi nổi tiếng của thành phố Montréal. Biết ông đến, nhưng không rõ chỗ tạm trú của ông nên tôi đành bỏ qua một dịp tốt để trình diện ông. Thật tiếc.

Cơ hội thứ hai, có khoảng cách xa xôi hơn. Năm 1995, nhà văn Võ Phiến được các bạn văn, bạn đọc: Phó Ngọc Vãn, Trần

Long Hồ, Đinh Cường... tại thủ đô Washington Hoa Kỳ tổ chức một đêm vinh danh, có tên gọi Đêm Võ Phiến, tương tự như Đêm Mai Thảo đã được tổ chức trước đó mấy năm. Dĩ nhiên tác giả Người Tù...phải có mặt. Những bạn văn từ các vùng Virginia, New Jersey... nao nức đến thăm viếng, tri ân ông. Cảnh viết lách lãng nhãng của chúng tôi ở Montréal cũng dự định lên đường. Riêng tôi rất háo hức nghĩ đến cái phút được hưởng ké cái hương danh của ông. Nhưng rủi, vào phút chót, không hiểu sao chuyến đi của anh em Montréal trở thành một buổi gặp mặt tại quán cà phê *Van Houtte*, để ký tên. Một cái *cravate* trang nhã, khiêm nhường đi kèm với một tấm thiệp chúc mừng đơn giản, mang chữ ký của Hồ Đình Nghiêm, Trang Châu, Lưu Nguyễn, Hoàng Xuân Sơn, Song Thao, Phạm Nhuận, Luân Hoán được giao cho nhà văn Trang Châu mang sang Hoa Kỳ, đệ trình ông. Chút tình bé mọn, ngay sau đó đã giúp tôi nhận thêm mấy câu của tác giả Thư Gửi Bạn: “ *Anh chắc đã có cái thiệp con, gửi anh Trang Châu chuyển hộ, để tỏ chút lòng biết ơn anh em Canada...*”

Nhiều năm tiếp theo tôi cũng chưa có cái cơ hội để được ngồi nghe người cha đẻ của những nhân vật Chị Bốn Chìa Vôi, chị Lộc, chị Lê, các anh Hữu, anh Bốn Thôi, anh Nam Hà, anh Thập Tam... kể lể tỉ mỉ chuyện “Về Một Xóm Quê”, hay miên man dựng lại những cái rất nhàm của cuộc sống, mà người nghe, người đọc vẫn không chán chút nào. Khoảng cách địa lý giữa nơi tôi và bậc đàn anh tôi trọng vọng thật là lớn. Mỗi ngày như một rộng thêm ra bởi tình trạng sức khỏe, kinh tế lẫn bản tính ngại đi xa của tôi. Giữa lúc tôi dần quên đi cái mong muốn gặp cho biết, gặp để chụp hình chung cho oai... thì tạp chí Văn Học nhen lại trong tôi một “muru toan” mới. Không được gặp nhà văn, thì cũng nên góp lời tán thưởng ông.

Dự định của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, thực hiện một số đặc biệt về Võ Phiến, được tạp chí Văn Học thông báo. Tôi mở cờ trong bụng, định viết một cái gì. “Cái gì” của tôi dĩ nhiên vẫn là bản cũ soạn lại: mấy câu văn vắn ! Chuyện tưởng khá dễ, nhưng cầm bút lên, tôi mới biết thật sự quá sức mình. Viết văn vắn cho nên thơ không phải là chuyện đùa. Và rủi ro hơn, không hiểu sao, những gì tôi cảm, tôi nghĩ về người chồng của bà Viễn

Phố đi đâu mất hết. Tôi chợt nghiệm ra, làm thơ ngợi ca (đương nhiên phải ca ngợi) một người nào đó là một chuyện vô cùng khó khăn, nhất là người đó chưa quá vãng. Khó có thể nói dóc, nói láo về một người đang sống, đang ở trong thời kỳ sinh hoạt sung sức nhất. Làm thơ huê tình tán gái, làm thơ suy tư lẫm chẫm hay làm thơ tỏ tình cùng cỏ cây, đất đá, quê hương, dễ hơn nhiều. Có lẽ đây cũng là lý do nhà thơ Hoàng Lộc từng từ chối đề nghị, khi tôi nhờ anh viết về một vài người bạn chung.

Không có ý, không có hứng, nhưng tôi cũng liều mạng cuồng, viết. Rất may nhà văn Nguyễn Mộng Giác và nhóm chủ biên Văn Học kịp thời phát hiện cái dở của bài thơ và loại bỏ. Số đặc biệt về Võ Phiến rơi vào số 150 và 151 dành cho hai tháng 10, 11 năm 1998 thật phong phú, qui tụ các bài viết của Nguyễn Hưng Quốc, Võ Đình, Trần Hữu Thục, Trần Doãn Nho, Nguyễn Hoàng Văn, Lê Minh Hà, Nguyễn Hữu Lê, Trúc Chi, Minh Nguyệt, Hoàng Nga, Tạ Chí Đại Trường, Quỳnh Dao, Ngự Thuyết, Trần Long Hồ, Hoàng Xuân Sơn, Ngô Nguyên Dũng, Trần Văn Nam, Trần Hoài Thư, Nguyễn Vy Khanh... về thơ có Huệ Thu, Hà Thượng Nhân, Sử Mặc (bút hiệu khác của Hoàng Xuân Sơn). Bài thơ của tôi có tên: *Tim Trắng*, không có duyên. Nhưng vì tiếc nuôi một “chút tình văn một chiều” (xin đừng hiểu nhầm đồng tình luyến ái) với tác giả Phù Thế, Ảo Ảnh, Giã Từ, Nguyên Vẹn... tôi giữ lại, và cảm lòng không đậu nên cho in vào tập “*Sông Núi Cùng Người Thơm Ngát Thơ*” phát hành năm 2002. Bây giờ, lại xin can đảm một lần nữa ghi đây đủ dưới đây:

Tim Trắng

tặng một nhà văn Việt Nam

*xách cái tâm thơ vào Bình Định
ngoài con đường nắng, chẳng quen ai
ở đâu hương sắc đậm Đạm Thủy ?
La Tính trôi thơm lọn tóc dài ?*

*lơ lửng một mình qua phố biển
Trà Vinh, Phù Mỹ chỗ nào đây ?
cỏ hoa nào đỡ bàn tay viết ?
chữ thấm thịt da vỗ cánh bay*

có phải chỗ này người đứng ngắm

*sóng mênh mang trải khúc Hoan Ca ?
con còng ngậm gió lang thang mộng
lòng thả vãn ra mở cánh hoa*

*đâu chỉ con người là nhân vật
bụi, rêu, hương, phấn... rù nhau vui
tha thiết, tình vì nguồn máu tiếp
chữ mọc chân qua thế giới người*

*xách cái tâm thơ vào Bình Định
tôi tìm dòm lên một lần chơi
Chữ Tình, Áo Ảnh hay Phù Thế ?
Tạp Bút xanh thơm một góc trời*

*Viễn phố mười lần tôi với nắng
đi về nắng túi xách vô duyên
chợt nghe đời trở mình trong sách
cùng lúc trắng vào âm mái hiên*

(Sông Núi Cùng Người Thơm Ngát Thơ - trang 95)

Vì bài thơ không đứng được trong số đặc biệt của Văn Học, nên đến nay chắc chắn nhà văn Võ Phiến vẫn chưa cơ hội bực mình lẫn ái ngại cho cái liều mạng đáng xấu hổ của tôi. Hú hồn. Nếu sau này, ông có tình cờ đọc, xin lượng tình bỏ lỗi.

Sau chuyện làm thơ cầu thân không thành, cái cơ hội tìm thăm nhà văn Võ Phiến của tôi càng mịt mờ. Tuy vậy tôi vẫn theo dõi những sinh hoạt thật ngoạn mục của ông. Ngoài truyện ngắn, tùy bút, tạp bút... ông còn cho phát hành một tập thơ năm 1997. Những biên khảo về văn học của ông được đánh giá cao (nói theo kiểu quốc nội ngày nay), được ghi nhận rất cần thiết, đã góp sức làm sống lại một nền văn học đích thực có giá trị, đã và vẫn đang có ý đồ bỏ qua, vì đồ kỵ, mặc cảm thua sút của chính phủ đương quyền Việt Nam.

Chẳng thể đưa ra những những nhận xét, đánh giá về văn tài Võ Phiến, cũng không trích dẫn đoạn văn nào của ông, tôi xin chép một bài trong thể loại, ông ít chuyên nhất, mời bạn đọc thưởng lãm. Sự trích đăng ở đây không có mục đích dẫn chứng một điều gì. Nó chỉ có ý nghĩa mang cái hồn của ông đến, để làm ấm, làm thơm một chút cho bài viết này:

*một ngày một ngày lại một ngày
chân cứ đều chân lòng man mác
trước mặt mây bay trời bát ngát
cúi đầu bước tới, ngày lại ngày
dưới đồng lá khô cỏ ai hay
những con bọ nhỏ còn lúc nhúc
dăm tiếng khóc nhỏ còn tám tức
lấp vùi dưới những tháng năm xưa
lấp vùi những tự buổi ngây thơ
dăm tiếng cười vui còn rúc rích
như tia nắng lọt qua khe vách
qua khe hở một thập niên xa
có đôi ánh mắt còn thiết tha
gửi đến ngày nay tia nhấp nháy
khởi bước ra đi từ buổi ấy
một thân dầu dãi mấy phong trần
mỏi mê nghĩ đến lúc dừng chân
ngẩng mặt, mây bay trời bát ngát
ta vỗ lên cái thi thể sắp lạnh của một đời người mà hát:
“thời gian ơi thời gian”*

(Thời Gian – trong thi phẩm Thơ Thân- Võ Phiến)

Hẳn nhiên không phải ai cũng tán thưởng Võ Phiến. Ông có chừng vài phần trăm những người chỉ trích ông. Theo nhận xét của nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc:

... “ Sau 1975, lên đại học, tôi ngạc nhiên thấy nhiều thầy giáo của mình từ miền Bắc vào - phần lớn đều là những người viết lách ít nhiều – khen Võ Phiến nức nở hoặc chửi bới Võ Phiến thậm tệ. Trong cả lời khen lẫn tiếng chê, tôi đều thấy thấp thoáng có chút gì như tán phục. Vì tán phục nên mới nghĩ là ông nguy hiểm, mới phong cho ông cái chức là “tên biệt kích văn nghệ hàng đầu”...”

(Đền với Võ Phiến - Nguyễn Hưng Quốc)

Tại hải ngoại, nhà văn Võ Phiến bị “đánh” khi cho phát hành bộ sách Văn Học Miền Nam, cuốn đặc biệt biên khảo về thi ca. Sách dày 534 trang, giới thiệu 32 người, đã đem đến cho ông ít nhiều xúc cảm khi đọc thơ. Với số lượng này, nhiều nhà thơ

thành danh của miền Nam, trước 1975 bị ông bỏ sót. Đây có thể là một trong những lý do.

Dù được khen, dù bị chê, nhà văn Võ Phiến vẫn thản nhiên tiếp tục công việc của mình. Phần tôi, tự biết thiếu quá nhiều điều kiện cần thiết, sự mong muốn được gặp mặt ông giảm đi rất nhiều. Tuy vậy nếu có cơ hội, tôi thực hiện ý muốn của mình ngay. Cơ hội đó bất ngờ đến với tôi trong tháng 7 năm 2006.



Chuyến đến thăm Sài Gòn Nhỏ ở quận Cam California lâu nay đối với tôi không có gì tha thiết. Trước đây tôi đã từ chối lòng tốt của nhiều người bạn có nhã ý, bao ăn ở, bao cả vé máy bay, cho tôi đi thăm sinh hoạt của người Việt nói chung, của anh em cầm bút nói riêng, tại thủ đô người tị nạn Việt Nam. Tôi từ chối, chẳng phải vì không ham đến cái địa danh đã trở nên nổi tiếng, thân quen này. Mà tôi muốn luôn được tưởng tượng về miền đất ấy với những gì sinh động, tốt đẹp nhất. Dĩ nhiên không thiếu những nguy hiểm ở đây. Và với một chút không thật tình này đã phủi tôi ra khỏi cái lý do không thuyết phục được ai. Tôi cùng gia đình đến khu Phước Lộc Thọ trong chuyến đi qua 6 tiểu bang (Idaho, Utah, Nevada, California, Arizona, Montana) của Hoa Kỳ vào mùa vợ tôi nghỉ hè năm 2006. Đến Westminster,

đến Los Angeles, không thể không tạt qua dòm mặt mũi của một số bạn văn. Nhà văn Võ Phiến, đương nhiên là mục tiêu tôi có chằm trong chương trình vui chơi của mình. Tôi đến nhà ông bà Võ Phiến vào buổi xế trưa ngày 20 tháng 7 năm 2006 trong sự tiến dẫn của hai cặp vợ chồng Thái Tú Hạp - Ái Cầm, Thành Tôn - Trinh. Theo chân tôi còn có cô nhân tình thâm niên chẵn góit Trần Thị Lý (một người thường tỏ ý bất mãn với cái tên của mình vì thiếu một chữ lót). Chưa ra khỏi chiếc Mercedes Benz cáu cạnh của Hạp (bè bạn ở đây gọi Hạp là ông nhà giàu), tôi đã thấy ông Võ Phiến đứng đón ở đầu hiên, trong khi bà đang vội vã mở cửa cổng vào.

Ngay trong cái bắt tay đầu tiên cả tôi lẫn ông nhà văn đàn anh, hình như không có sự bỡ ngỡ, xa lạ nào. Với một bàn tay nắm khá chặt tay tôi, bàn tay còn lại, ông vỗ vỗ, nhẹ lên lưng bàn tay tôi đang được ông nắm: “*Khoẻ, khoẻ luôn chứ?*”. Tất cả chúng tôi đều gọi ông bà bằng anh chị và xưng tôi.

Ông Võ Phiến có da thịt, tuy không được căng hồng lắm, nhưng gân như không có những nốt tàn nhang, dấu ấn của thời gian. Tóc ông chải gọn ra sau, ít sợi bạc, số lượng vừa đủ giữ nét đẹp cho cái góc thứ hai của con người. Mũi thẳng, đầu sống mũi hơi chòm về phía trước một chút, kín. Trán cao, rộng, không có tí vết nào của năm tháng. Cả hai hàm răng còn gần đầy đủ. Hai cánh chân mày cân đối với hai vành tai đều và lớn vừa phải. Cái thước đo tuổi thọ hình như ở đây, không rõ đúng hay sai. Với cặp mắt như muốn cười lẫn muốn thờ ra, thỉnh thoảng lóe lên những thăm dò, đánh giá, cân nhắc mọi hình thế đang diễn ra chung quanh. Tất cả những đơn vị riêng rẽ đó tập hợp trên khuôn mặt ông những nét hiền hòa dung dị, thư thái và rất thông minh dù tuổi tác đã phần nào dim đi nét tinh nhuệ, phán đoán. Ông Võ Phiến không cao lắm, hoặc chiều dài cuộc sống đã làm co dãn lại. Ông mặc quần tây màu mỡ gà nhạt, áo sơ mi tay dài, xanh có ô ra rô trắng, bỏ ngoài quần, nhưng không lộm thuộm. Ở vào cái tuổi 81 ông vẫn minh mẫn. Nghe, nhìn, nói, cười, đi, ngồi... đều rất bình thường, khoan thai. Ông cho biết trí nhớ rất tốt về những chuyện xa xưa, nhưng lại chóng quên những sự việc mới gặp hôm qua, hôm kia hoặc vừa cách một vài giờ. Tình trạng này hình như số đông người có tuổi cao đều mắc phải.

Chúng tôi ngồi trong phòng khách rộng thoáng. Vách tường được dán giấy có vân hoa, màu hồng nhạt, mát mắt, lưu

giữ một trang trí hơi có tuổi. Trên một vách, treo hơi cao một họa phẩm của họa sĩ Võ Đình tặng ông. Bộ *salon* gồm hai bàn, hai *sofa*, và một đèn để bàn đều làm bằng mây tre, đã lên nước vàng óng, bóng ngời. Ghế được trải nệm bọc vải hoa. Ông Võ Phiến tiếp ba chúng tôi tại bộ ghế ngồi này. Trong khi bà Võ Phiến rỉ rả tâm sự cùng ba ả đều mê chồng làm thơ.



Như thói quen, câu chuyện của những người sinh văn chương, sau khi những thăm hỏi sức khỏe xã giao đều quay trở lại đề tài bất biến: viết và đọc. Biết cả ba chúng tôi đều là dân Quảng Nam chính tông, ông Võ Phiến kể lại thời vàng son của ông khi sinh hoạt cùng nhà văn Nguyễn Văn Xuân. Ông khen tác giả Dịch Cát một cách chân thật. Ông thăm hỏi về cái chết của nhà văn Phan Du sau 1975. Và cả thời kỳ Mùa Lúa Mới, Nhân Loại... chợt xôn xang trong đôi mắt ông. Những đường gân máu ẩn bên trong vầng trán hình như chao động. Tôi kín đáo quan sát và chụp bắt được ít nhiều những tiếc nhớ ông vừa vuốt ve. Giọng nói của ông có vẻ như hồi hải, sợ không theo kịp nhịp chân của trí nhớ. Từ cao, nhanh đến đều đều, liền mạch, lạnh lặn như một giọng ru. Tôi ngồi đầu một *sofa*, ông ngồi đầu một *sofa* khác, giao nhau thành một góc vuông. Khoảng cách giữa hai chúng tôi không quá một vớ tay. Tôi nghe rất rõ, vài lần, nhịp hụt hơi của ông khi nói một câu quá dài. Ông đã rất chân tình giữ vai một ông anh lớn, khi căn dặn chúng tôi cố gắng sáng tác. Viết nhanh, viết khỏe khi thời gian còn cho phép. Được ông tặng cho mấy chữ “*hãy còn trẻ*”, cá nhân tôi chợt cảm thấy vui vui. Trong phút

chốc như quên đi cái 65 mùa xuân của mình. Và hình như, thật sự tôi vẫn còn rất trung niên, sung sức ở cả mọi sinh hoạt đầy chữ. Lai rai nhức đầu sổ mũi chỉ là bệnh thời khí thân quen. Tôi thăm so sánh sức khỏe mình với ông mà quên đi tôi ở sau lưng ông đến những 16 năm dài. Tuổi 81 rồi sẽ tới, ngày đó tôi có được như ông anh của tôi bây giờ ? Khó.

Hạp chợt hỏi về tác phẩm của John C. Schafer viết về ông. Ông cười mỉm, nhẹ nhàng vào phòng trong. Khi ông trở ra, hai tay chùng như trĩu nặng cuốn *Võ Phiến And The Sadness of Exile*. Tôi đỡ cuốn sách từ tay ông. Phát hiện trọng lượng không phải từ độ dày mấy trăm trang chữ đầy mà ở sự cung kính, trang trọng của người nhận xét và hết lòng viết về ông, về những đứa con tinh thần của ông. Dù giới bình thân thế nào, chúng tôi cũng tìm thấy, hiểu ra niềm hạnh diện ông đang có, nỗi vui sướng trong phút giây. Chúng tôi cũng thật sự hạnh diện về ông, một người anh đức độ, lẫn tài năng.

Trong lúc chúng tôi lan man trong chuyện sách báo, bà Võ Phiến tâm sự cùng ba ả phu nhân của chúng tôi. Sau này, Lý cho tôi biết các quý tử của ông bà Võ Phiến đã thành tài, ra riêng. Căn nhà khang trang chỉ còn lại hai ông bà. Bà Võ Phiến có số tuổi đời thấp hơn người bạn tình của mình, nhưng tinh thoảng vẫn âu lo rất dễ thương. Bà ngại nếu chẳng may bà nhanh chân hơn trong chuyến tàu cuối cùng, ai sẽ là người chăm sóc cho nhà văn, một người bà đã từng ngưỡng mộ, từng mê, từng kính phục và yêu thương suốt đời.

Giữa những tiếng trò chuyện âm áp của cả hai nhóm chúng tôi, chợt vang lên tiếng va chạm giữa xâu chìa khóa của chị Ái Cẩm với sàn nhà, kéo theo tiếng đàn cò trên gác. Ba ả phu nhân tức thì theo chị Võ Phiến lên chỗ đang phát ra những giai điệu rất cổ xưa nhưng rất quen thuộc của người Tàu. Tối về khách sạn, Lý cho tôi biết anh chị Võ Phiến được bè bạn tặng cho một bộ hình tượng người Tàu để trang trí. Nếu có tiếng động vừa đủ mạnh hình tượng đó sẽ phát ra những điệu nhạc được gài sẵn bên trong. Lý rất thích, cô nàng đã hỏi bà Viễn Phố nơi bán, nên ngay sáng hôm sau, chúng tôi ra khu Phước Lộc Thọ mua về một tượng giống y chang tượng ông bà Võ Phiến đang có.

Chúng tôi rời nhà anh chị Võ Phiến vào khoảng 4 giờ chiều. Vài hôm sau, chúng tôi rời Westminster. Từ giã Sài Gòn Nhỏ, từ giã các anh bạn văn Nguyễn Mộng Giác, Lữ Quỳnh,

Nguyễn Mạnh Trinh, Thái Tú Hạp, Thành Tôn, Trần Văn Nam, Đạm Thạch, Bé Ký, Hồ Thành Đức, Đặng Hiền, Ái Cẩm, Hạ Quốc Huy, Rừng-Nguyễn Tuấn Khanh, Phạm Phú Minh, Nguyễn Nam An, Hà Nguyên Du, Trần Yên Hòa... và những người tôi chưa kịp nhớ tên, đã cho tôi được gặp gỡ trong vài tiếng đồng hồ thân quý. Cảm ơn quận Cam Cali, nơi cho tôi thấy những ngọn chuối xanh mướt, những giàn hoa giấy rực rỡ hương sắc Việt Nam ngoài bờ giậu. Cảm ơn chuyến đi tình cờ, vội vã.

Sau khi tôi đã có mặt tại Montréal, cuốn Dừa Hơi Bè Bạn tập 1 của tôi đã in xong. Lê Hân săn sóc tận tình, sách in rất đẹp. Đặc biệt là cái bìa, do chính tôi liệu mạng trình bày, Họa sĩ Đình Cường, nhận được sách đã gửi ngay email: ... *“Trông bìa thấy bạn đứng như James Dean...Thật lắm liệt là bạn tôi...Bạn nói Dừa Hơi Bè Bạn Bè, nói vậy mà không phải vậy.DC”* (Sat.9 sep.2006. 16:24:46 EDT, From: Cuongnhung@aol.com)

Vui nhưng chột giật mình. Còn một số kỷ niệm thân tình nữa chưa viết được. Chẳng ai thêm đòi, nhưng rõ ràng tôi đang nợ. Nghỉ ngơi một thời gian, ngồi gõ lại có phần hơi khó. Bắt đầu từ nhân vật nào ? Tôi ghi ra giấy hơn hai mươi cái tên. Đọc thăm từng tên một và đánh hơi cái thân thiết với từng người. Nghĩ, nhớ miên man. Tôi chột chột chọn một người có ít kỷ niệm với mình nhất đi đầu tiên cho loạt bài mới. Nhà văn Võ Phiến. Đây là một lựa chọn nằm ngoài danh sách dự trù, hơi liều mạng, bởi văn nghiệp của ông Võ Phiến quá lớn. Tầm vóc của ông không thể để tôi mang ra dựa hơi. Nhưng suy đi ngẫm lại cái chân tình của ông dành cho tuy đơn sơ nhưng không thiếu âm áp, tôi khuyến khích tôi. Để bắt đầu, tôi tìm đọc lại những gì ông viết. Thật đáng tiếc tôi không có nhiều tác phẩm của ông. Những bài viết về ông rất nhiều nhưng chẳng có bài nào tôi đọc trọn vẹn, kể cả những bài của những tay viết phê bình nhận định tài hoa Nguyễn Hưng Quốc, Thụy Khuê. Viết được một bài na ná như bài tập làm văn thời trung học đã hơi khó. Tôi không đại gì chơi những đề tài, đã thử đặt ra: Những đặc biệt trong văn phong Võ Phiến, Lắng nghe hơi thở nhân vật của Võ Phiến, Sự thay đổi giữa Võ Phiến quốc nội và Võ Phiến hải ngoại, vân vân... Tôi trung thành với lối kể chuyện tâm phào. Và đề bài viết có chút xíu hơi hám văn học, tôi xin đạo văn của chính Võ Phiến đã viết

về nhà văn Nguyễn Tuân, mạn phép sửa lại cái tên cùng thêm vào chút đỉnh, để làm câu kết cho bài này:

“ *Võ Phiến (nguyên bản là Nguyễn Tuân) là một nhà văn lỗi lạc; khen ông không lo bị hổ. Có nhiều người khen, có nhiều cách khen...* ” Tôi không chỉ khen ông là một nhà văn có tài. Ông còn là một nhà văn có tâm. Cái tâm đó ông dành trọn vẹn cho văn học Việt Nam. Tôi biết, để được quyền khen ông, không phải là chuyện dễ. Nhưng đã lỡ tay rồi, kính xin ông và bạn đọc lượng thứ. Ngày trước thi sĩ Bùi Giáng đã viết: “*Yêu em ta rất có quyền / ngồi trên bãi cỏ quàng xiêng vẽ hình.../*” tôi xin nhại lại: “*Mê văn tôi hẳn có quyền / ba hoa ăn ké làm duyên cho mình*”.

Chịu hay không chịu đành chịu !

19 Aout 2006



Ghi chú : (1) chữ dùng của nhà cầm quyền VN đương thời tặng cho hai nhà văn Nguyễn Văn Xuân và Võ Phiến.

- Tuyển Tập Võ Phiến, 1080 trang Người Việt xuất bản, buổi ra mắt và vinh danh tác giả được tổ chức tại hội trường Lê Đình Diểu của cơ sở Người Việt (Hoa Kỳ) lúc 13 giờ, ngày 28-01-2007.

- tạp chí Văn Học, số 234 ra ngày 11.12.2006 thực hiện số đặc biệt về Võ Phiến

Vĩnh Điện, dấu lặng giữa dòng tình ca

Dùng tên gọi một vùng đất, một dòng sông, một đỉnh núi, một loài hoa, thậm chí một gốc cây... để làm bút danh, không có gì mới lạ. Qua sách báo, chúng ta từng bắt gặp những quý danh thuần nhất như *An Khê, Biển Hồ, Hương Thủy, Nông Sơn, Sông Thao, Trường Sa*... hoặc ghép thêm một chữ như: Nguyễn Đông Ngạc, Nguyễn Đông Giang, Kiên Giang Hà Huy Hà... Sau 1975, tại hải ngoại,



phong trào này có phần gia tăng theo tình thương nhớ quê hương, chúng ta có thêm những *Cố Ngự, Phạm Xuân Đài, Hà Kỳ Lam, Trần Quảng Nam, Nguyễn Văn Quảng Ngãi, Võ Hương An, Phạm Cây Trâm, Trần Đại Lộc, Tràm Cà Mau*... Chính việc sử dụng và kết hợp dễ thương này, đã làm tôi có một thời mừng hụt. Thời đó, khi chưa được nhà thơ Lê Vĩnh Thọ giới thiệu, tôi vẫn tưởng Vĩnh Điện là con dân của đất Điện Bàn, Quảng Nam, vì Vĩnh Điện là tên gọi một thị trấn của Điện Bàn, miền quê ngoại thân thương của tôi.

Thật ra Vĩnh Điện tên đầy đủ là Nguyễn Phúc Vĩnh Điện, thuộc dòng dõi vua chúa nhà Nguyễn. Trong thời ông Nguyễn Phúc Đảm tức là vua Minh Mạng trị vì, ông có đặt ra một bài ngũ ngôn tứ tuyệt có tên Đế Hệ Thi, để chỉ các tôn hiệu dùng cho các đời tiếp nối ông sau này :

*Miên Hồng (Hùng) Ứng Bửu Vĩnh
Bảo Quý Định Long Trường
Hiền Năng Kham Kế Thuật
Thế Thoại Quốc Gia Xương
(vua Minh Mạng)*

Tôi nghĩ, mỗi một chữ của bài Đế Hệ Thi phải là một chữ lót có lẽ đúng hơn. Nhưng không hiểu sao, một số chữ lót này, hình như đã được xem như một cái họ mới. Những ông Vĩnh

Thụy, Bửu Lộc, Bảo Long...không rõ trên khai sinh có ghi thêm hai chữ “Nguyễn Phúc” hay không ? Nhưng dù có dù không các ông cũng đều từ Nguyễn Phúc Nguyên tức chúa Sãi (1613-1635) mà ra. Mỗi một đời gánh một chữ. Thân phụ của Vĩnh Điện có tên Bửu Tuệ (Nguyễn Phúc Bửu Tuệ) như vậy đến phiên anh, sẽ mang chữ Vĩnh, trong hệ nhánh “Ninh Thuận Quận Vương” ngang hàng với vua Bảo Đại. Oai thật.Và các con trai anh sẽ mang chữ Bảo trước mỗi tên riêng.

Tuy thuộc dòng hoàng tộc, nhưng thân mẫu của Vĩnh Điện, bà Nguyễn Thị Dung, đã cho anh ra đời tại Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa vào một ngày trong tháng 8 năm 1940.

Thuở nhỏ Vĩnh Điện tung a,b,c và cộng, trừ, nhân, chia... hết bậc tiểu học ở trường làng, không nằm trong lãnh địa kinh thành Huế.Vì mộ đạo Công Giáo, lúc lên trung học anh lần lượt có mặt tại trường dòng Lasan, rồi Bá Ninh, Tương Lai, Lê Quý Đôn. Năm lên đệ nhất, anh ngồi ở trường Võ Tánh, vẫn của thành phố Nha Trang. Vĩnh Điện biết yêu năm 17 tuổi, có phần chậm hơn tôi rất xa:

Sững sờ nhìn con bạn/ lú lo trên phấn cao/ nó hát gì không rõ/ lòng ta cứ làm sao.

Ta nghe bằng đôi mắt/ ta nhìn bằng tứ chi/lâng lâng hồn bay bổng/ theo tiếng ai thắm thì.

mấy mươi năm về trước/ lên tám hay lên mười /ta mắt hồn như thế/ chắc chắn vì biết yêu ?

(LH - Đưa Nhau Về Đến Đầu)

Vĩnh Điện khi đã bén hơi nhi nữ cũng là lúc anh bắt đầu thích ca hát. Người tình đầu đời, ngồi cùng lớp, là một sức mạnh, đầy niềm si mê âm nhạc trong anh cao lên mỗi ngày. Nhờ đó, “Tình Thu 57”, ca khúc đầu tay ra đời. Những nốt nhạc tự học được anh đong vào từng dòng kẻ sau khóa sol, chắc chắn không thiếu những vụng dại. Nhưng để xác định trò chơi của mình rất chừng chạc, nghiêm túc, Vĩnh Điện đặt ngay một bút hiệu rất văn chương: Thụy Vũ.

Trận mưa tốt lành (Thụy Vũ) vào vườn âm nhạc, không giàu may mắn nhưng khá suông sẻ. Anh có một cô bạn học cùng lớp rất đa tài. Cô vừa hát trong ban nhạc do chính người anh trai thành lập, vừa được diễn một vai phụ trong phim Hồi Chuông Thiên Mục, bên cạnh vai chính, nữ tài tử Kiều Chinh. Vĩnh Điện

qua giới thiệu của cô bạn này đã được những người đang sinh hoạt tại ban nhạc cũng như đoàn làm phim hướng dẫn thêm về căn bản sáng tác. Với chút vốn nhạc lý bình thường như mọi học sinh trung học khác, cộng với sự giúp đỡ của những nghệ sĩ có lòng vừa nêu trên, Vĩnh Điện hằng hái học hỏi thêm từ sách vở âm nhạc, vốn không được dồi dào thời bấy giờ ở Nha Trang. Tuy vậy, ngày giã từ thành phố cát trắng, Vĩnh Điện đã có trong tay hai ca khúc “Nha Trang Chiều Thu Xa” và “Trăng Sầu” để ra mắt xứ Huế, đất cội nguồn của anh và cũng là nơi dưỡng dục anh trong thời kỳ ăn ngủ cùng Đại học Huế.

Hai ca khúc “Nha Trang Chiều Thu Xa” và “Trăng Sầu” đã may mắn được hai giọng ca nữ thành danh đương thời: Hà Thanh và Thúy Hồng gởi đến thánh giá qua đài phát thanh Huế. Bước đi đầu của Vĩnh Điện đến âm nhạc, quả thật đã mở ra cho anh một con đường khá thuận tiện. Nhưng không hiểu tại sao anh phát triển không được sinh động. Có chăng sự thiết tha với âm nhạc của anh chưa đúng mức ?

Năm 1963, Vĩnh Điện rời giảng đường Đại học Khoa học, đi làm công chức. Trước tiên, anh tòng sự tại Tòa Đại biểu Chính phủ Huế. Sau biến cố 1 tháng 11 năm 1963, anh được chuyển về Tòa Hành chánh tỉnh Thừa Thiên, rồi về làm Quản trị ban ba Vũ Đại Nội Huế. Vĩnh Điện chắc chắn không sắm cho mình cái ô dù nào. Nhưng hình ảnh “*sáng cắp ô đi tối cắp về*” thật sự đã được lặp lại, và những dòng nhạc của anh hình như cũng tạm lơ mơ ngủ trong cái êm ả, bình lặng của đời công chức. Sự dễ chịu của một cuộc sống đủ ăn, đủ mặc càng trở nên giàu hạnh phúc khi cô nữ sinh lớp đệ nhất Đồng Khánh, Nguyễn Thị Huệ, chiến thắng nhiều đối thủ, để đến vĩnh viễn nằm chung giường với người nhạc sĩ chưa mấy nổi danh, vào năm 1965.

Là một thanh niên cao lớn, da thịt hồng hào, nói năng hoạt bát, Vĩnh Điện được liệt vào hạng đẹp trai. Nét đẹp trai của Vĩnh Điện sớm có chủ. Nhưng người chủ của nó đã không thể cầm giữ cho riêng mình. Tổ quốc cần trung dụng, nên cô Huệ đành ngậm ngùi tiễn chồng vào khóa 22 Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức, sau khi cùng anh cho phát hành một tác phẩm đầu lòng đầy đủ máu thịt, Bảo Trân. Sau này, chữ Bảo sau lưng chữ Vĩnh của Vĩnh Điện còn có thêm những Bảo Trường, Bảo Trình, Bảo Triều và một o con gái Tôn Nữ Thảo Trâm.

Không rõ dòng dõi hoàng tộc của Vĩnh Điện có giúp anh được gì không ? Với những khả năng nào anh có đủ yếu tố “con ông cháu cha” (COCC) để được thụ huấn ngành chuyên môn, được trọng vọng bậc nhất thời bấy giờ: Hành chánh Tài chánh ? Đã vậy, khi ra trường Vĩnh Điện còn được đưa về sở Hành Chánh Tài Chánh số 2, đặt tại thành phố Đà Nẵng. Ngoài cặp lon mới anh còn có hai chữ Thọ to tướng trên vai áo.

Tôi trực tiếp tham gia bóp cò súng qua cửa ngõ khóa 24 Sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Chiến cuộc giữa hai bên Bắc Nam hình như mỗi ngày một thu hút sự quan tâm của thế giới hơn trong những thập niên 60 trở về sau. Theo đuổi những Tôn Thất Chân Tu (nhà thơ Chu Tân), Nguyễn Văn Xuân của trung học Phan Châu Trinh Đà Nẵng, tôi bất ngờ tặng cho mặt trận Quảng Ngãi một bàn chân trái. Lúc bấy giờ, Lê Vĩnh Thọ, bạn tôi, đã là một sĩ quan của tiểu đoàn 10 Chiến tranh Chính trị, đóng tại bãi biển Thanh Bình Đà Nẵng. Thọ là cây cầu để tôi và Vĩnh Điện đến với nhau.

Không còn nhớ độ ấm của hai bàn tay lần đầu tiên nắm nhau ra sao. Nụ cười ở đôi môi vàng thuốc lá của thằng nào nở trước. Chúng tôi thân thiết với nhau tức thì. Phạm Thế Mỹ, Lê Vĩnh Thọ, Tống Nhạn, Cao Thoại Châu, cùng rất nhiều khuôn mặt trẻ khác tiếp sức chúng tôi bằng những hào hứng, chân tình. Tôi làm thơ không mệt mỏi. Con nhúc của vết thương chưa lành hẳn bị đẩy sang một bên. Thơ, nhạc, hội họa và sự giao du bè bạn quả thật là một linh dược, đã giúp tôi trị liệu những đau xót, tủi nhục, xấu số của mình. Cũng như Thọ và tôi, trong giai đoạn này, Vĩnh Điện sáng tác dồi dào nhất. Tác phẩm của anh đang được trung tâm thu băng *Shotguns* của nhạc sĩ Ngọc Chánh độc quyền thu vào băng đĩa. Những giọng ca hàng đầu của nền tân nhạc Việt Nam đương thời đều vui vẻ chuyên chở những tâm sự, những thao thức của Vĩnh Điện đến với người nghe. Elvis Phương thành công với những ca khúc : “Từ Lòng Quê Hương”, “Hãy Ngồi Lại Gắn Nhau”, “Đó Quê Hương Tôi”, “Vết Thương Sỏi Đá...” . Giọng ca vượt thời gian Thái Thanh óng ánh trong “Hỏi Người Em Hòa Bình”. Lê Thu trầm buồn với “Xa Xôi”. Thanh Thúy nức nở với “Ca Nguyện”. Sôi nổi, thao thức cùng “Bài Ca Hòa Bình” là Connie Kim... Dĩ nhiên còn nhiều giọng ca mượt mà, tươi trẻ khác tại nhiều địa phương trình bày nhạc

của Vĩnh Điện nhưng tôi không thể biết hết. Song song với sự thành công trong việc gửi tác phẩm đến người nghe, Vĩnh Điện lo tập trung, tuyển lựa những đứa con của mình để hình thành tuyển tập Những Bài Ca Nguyễn. Tập nhạc được hoàn tất dưới hình thức *ronéo*.

Việc in tác phẩm bằng *typo* của những người làm công việc văn học nghệ thuật tại các tỉnh lẻ thời bấy giờ vô cùng khó khăn. Thực hiện được những bản *ronéo* đã là một nỗ lực đáng khuyến khích. Nhạc sĩ Phạm Duy đã chọn bài “Tôi Chỉ Muốn Làm Người” trong tập nhạc này để chính ông trình diễn tại thành phố hoa lệ Paris của Pháp trong những năm 1970-1972, một thời điểm đang diễn ra cuộc hòa đàm Ba Lê. Theo lời thuật của nhạc sĩ Phạm Duy, nội dung ca khúc đã giúp giọng hát của ông không những thu về những tràng pháo tay nồng nàn, mà còn góp nhặt được rất nhiều giọt lệ của sinh viên và kiều bào đang có mặt tại Pháp. Ca khúc này sau đó được thu trong băng Jo Marcel 27 với giọng hát Julie Quang. Cũng từ ca khúc này, Vĩnh Điện trở lại với cái tên hoàng tộc của mình trong những sáng tác về sau. Lý do, “trên sân chơi chữ nghĩa” tại miền Nam Việt Nam, một nhà văn nữ đã xuất hiện một cách lẫm liệt với cái tên Nguyễn Thị Thụy Vũ (chị ruột nhà văn Hồ Trường An).

Một tác phẩm, đánh dấu sự làm việc chung của Vĩnh Điện, Lê Vĩnh Thọ và tôi là tuyển tập Lục Bát Ca. Khởi sự cho công việc này có lẽ chỉ là một sự tình cờ. Một hôm Vĩnh Điện mang ra văn phòng tiểu đoàn 10 Chiến Tranh Chính Trị của Thọ bài Dạ Hành. Bài lục bát của Thọ trên tay Vĩnh Điện đã trở thành một ca khúc. Anh hát cho Thọ nghe. Khoái quá, Thọ đề nghị Vĩnh Điện phổ thêm một số bài khác. Tuy đưa ý kiến với Vĩnh Điện, nhưng Thọ đang say trong chủ đề phản chiến với những bài thơ tự do thật dài. Anh sử dụng khá ít thể loại lục bát. Anh nghĩ ngay đến tôi, một cái kho 6/8 kha khá. Tôi vốn tin thể lục bát, ngoài bài Ngậm Ngùi của Huy Cận, do Phạm Duy phổ, khó có bài khác phổ thành công. Nhưng có thơ được phổ nhạc là điều vô cùng thích thú (miễn là đừng bỏ tiền để thuê người phổ, rồi thuê tiếp người hát thì hơi thiếu tôn trọng chính mình), tôi đồng ý ngay. Và không cần phải tìm kiếm, tôi giao liền cho Vĩnh Điện mấy bài. Thật đáng kinh ngạc chỉ độ một tuần sau, Vĩnh Điện tìm tôi, rủ theo cả Thọ cùng cây đàn *guitar* thùng. Vĩnh Điện say

sua đàn hát một hơi 12 ca khúc. Chuyện hình thành tác phẩm này, Vĩnh Điện đã có kể lại trong một bài viết, anh dành riêng cho tập Luân Hoán-Một Đồi Thơ, xuất bản năm 2005, nhưng có vài điểm thiếu sót, nên tôi xin bổ túc thêm:

Toàn tập Lục Bát Ca có 12 ca khúc. Sáu bài của Thọ và sáu bài của tôi. Trong ba đĩa, tôi là người đang nằm dưỡng thương, có nhiều thời gian, chịu trách nhiệm kẻ dòng và chép nốt nhạc. Vừa chép vừa trình bày, tôi hoàn tất khá nhanh. Sách được in *ronéo*, nhưng không phải dùng máy quay *ronéo* loại thông dụng. Lê Vĩnh Thọ đang điều hành tiểu đoàn 10 CTCT, tại đây có loại máy quay của Mỹ tốt hơn. Nếu bản thảo mình đẹp, khi quay ra không thua sút in *typo* bao nhiêu. Điều đáng tiếc là cái máy đánh chữ dùng trình bày lời ca có nét chữ hơi cùn và xưa cũ, nên không thay hình đổi dạng tân tiến là bao nhiêu. Cách trình bày của tôi rất hợp lý. Mở đầu, lời giới thiệu với những nhận định chung về việc phổ thơ, cùng giới thiệu tài năng của người phổ nhạc, bài này Lê Vĩnh Thọ viết. Kế tiếp là mục lục những bài thơ được phổ nhạc của Thọ. Tương tự như vậy, phần thơ của tôi được in sau. Ngay sau mỗi phần mục lục là nguyên bản bài thơ được in trọn vẹn. Tiếp theo là phần nhạc, được in trên hai mặt chữ lẽ của số trang. Với cách này, người đánh đàn khỏi phải lật trang trong một ca khúc. Giấy in thuộc loại giấy trắng tốt, đặc biệt chỉ in một mặt nhưng gấp ở mặt ngoài (thay vì gấp ở gáy sách). Khi đóng, chỉ cắt xén ở phần gáy, nên sách mở ra không có trang để trống. Bìa mặt, ngoài chữ Lục Bát Ca lớn, cắt dán từ các loại chữ sắc nét của báo Mỹ, còn có in hình ba khuôn mặt, sắp xếp theo hàng dọc. Cụ thể: ảnh Lê Vĩnh Thọ / một đường ngang ngay dưới ảnh của Thọ / bên phải trên đường ngang này in tên Lê Vĩnh Thọ. Ảnh của Luân Hoán nằm bên dưới và trình bày tương tự. Tiếp theo là một khoảng cách vừa phải, rồi đến ảnh của Vĩnh Điện cùng những trang trí như trên. Trong ba tác giả tôi là người xấu trai nhất, nghèo nhất. Nhưng lại có cái ảnh nhìn nghiêng trông bảnh nhất, rất có vẻ “dân ăn điện”. Với tám ảnh do nhà ảnh Lê Hậu chụp này, Thọ thường nói đùa: “*mày nên mang ra cho mấy tiệm hớt tóc thuê, để treo làm mẫu*”. Thật sự, tôi không cần cho thuê, nhà ảnh cũng đã chung nó rất ư đàng hoàng và cuốn Lục Bát Ca bán khá chạy, không chùng nhờ cái mái tóc, sống mũi... ăn tiền của tôi. Đùa vậy thôi. Lục Bát Ca gửi đến bạn đọc khả quan nhờ vào buổi Vĩnh Điện và hai cô Tâm Nguyên,

Trần Thị Hương trình diễn ra mắt tại hội trường trường Trung học Phan Châu Trinh Đà Nẵng.

Những ngày sinh hoạt tích cực của chúng tôi chợt khựng lại, khi tôi đã chán thời gian “ 29 ngày tái khám” và trở lại với nghề công chức. Thọ cũng trở lại với nghề đứng trên bục giảng, xa tận Bình Dương. Phạm Thế Mỹ khăn gói vào với Đại học Vạn Hạnh. Để tránh ca hát một mình, Vĩnh Điện bắt đầu dành thời gian ăn bót của quân đội cho các lớp nhạc ở trường Quốc Gia Nghĩa Tử. Bên tài sáng tác, Vĩnh Điện có một giọng hát rất tốt, đủ để trở thành một ca sĩ ăn khách. Đám học trò của cả thành phố Đà Nẵng ái mộ anh. Tiếng thơm đồn xa, anh được nhiều nơi mời đến trình diễn. Hội An, Nha Trang, Huế, Quảng Ngãi, Sài Gòn...đều có những *live show* của Vĩnh Điện.

Năm 1972, tình cờ mục kích được những hình ảnh kinh hoàng trên đại lộ Ái Tử Quảng Trị, Vĩnh Điện hoàn tất tập trường ca mang tên Con Đường Cho Tiếng Hát Người Tình Sĩ, trong 45 ngày, nhằm bày tỏ nỗi khát khao hòa bình cùng những đau xót mà một dân tộc nhược tiểu gánh chịu. Trường ca này đã được tiểu đoàn 10 CTCT Vùng I chiến thuật thực hiện thành phim trường ca nhạc cảnh với lời dẫn nhập của Luân Hoán; đã được trình chiếu trên đài truyền hình Huế và đài truyền hình Đà Nẵng năm 1973.

Năm 1974, nhạc sĩ Vĩnh Điện được chuyển chuyên về quân y viện Nguyễn Tri Phương, đồn trú tại Huế, vẫn trong chức năng hành chánh tài chánh. Giai đoạn này tôi rất ít gặp Vĩnh Điện, nhưng tin về anh vẫn thường đến tai. Tôi nghe nói, Vĩnh Điện hồi xuân (dù chưa hết thanh xuân) trong một cuộc tình với cô sinh viên giữa mùa đông xứ Huế. Vị ngọt ngào của tình yêu, nhất là tình yêu vụng trộm, đã đẩy Vĩnh Điện trở lại thời kỳ lãng mạn trong các ca khúc lừa đời mà trước đây gần như anh rất nghèo nàn (chỉ có độc nhất một Vết Thương Sỏi Đá). Có lẽ không có đề tài nào chóng làm phong phú sự nghiệp cho người sáng tác hơn tình yêu nam nữ. Trong đời thường, ngoài người vợ thân yêu, tháo vát, Vĩnh Điện vẫn thường có một vài bóng hồng e ấp nở bên cạnh. Điều này hình như không làm cho hạnh phúc gia đình anh vui đi, mà vừa đủ để giúp anh có những ca khúc mới. “Tình Khúc Vĩnh Điện” gồm 10 ca khúc mau chóng có mặt ở trung tâm *Shotguns* chờ chọn giọng ca, lên băng.

Nhưng những bước chân di tản chiến thuật của giới hữu trách của Việt Nam Cộng Hòa đã bất ngờ tăng tốc. Mười tình khúc ngọt ngào của Vĩnh Điện hụt chuyến tàu lên đường đến với giới thường ngoạn.

Vĩnh Điện đột ngột chuyển trở về Đà Nẵng, phục vụ tại Tổng hành dinh Sư đoàn 3 Bộ binh. Lúc này, mỗi bên trên hai ve cổ áo anh đã có ba bông mai vàng. Anh vẫn giữ việc phát lương hàng tháng cho anh em binh sĩ. Vẫn có xe Jeep để chạy như ngày nào, nhưng trên đầu anh có thêm một cái nón sắt, bọc lưới hắt hoi. Vĩnh Điện chỉ ở với những “hoa hậu chiến trường” (Bộ binh) vồn vện ba tháng thì tan hàng trước cả quân lệnh của Đại tướng hoa lan Dương Văn Minh.

Chín năm tiếp sau ngày 29 tháng ba, thất thủ Đà Nẵng, Vĩnh Điện lặn lội trong các “trại thui chột ý chí, mài mòn tri thức” của những người chưa đánh đã thắng dựng trên khắp đất nước. Kỳ Sơn, An Điền...trùng điệp núi non, dày đặc gian khổ, bi hận, không làm cho nguồn âm thanh trong trái tim “*chỉ muốn làm người*” của Vĩnh Điện hao hụt. Anh âm thầm viết và phổ biến qua truyền miệng những “Trên Nhánh Rong Đồi” (thơ Hạ Quốc Huy), “Vạch Mặt” (thơ Nguyễn Điều), “Nếu Tôi Cầm Đì”, “Hãy Sống Cho Nhau”... Trong thời gian đó, tôi may mắn hơn, khi được xếp vào loại “*cận bã của xã hội*”, nhưng vẫn được trưng dụng để vất vả một ít nghiệp vụ chuyên môn.

Vào một buổi tối, không còn nhớ rõ thuộc mùa nào của năm 1984, Vĩnh Điện cùng một người bạn gõ cửa sau nhà tôi. Vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, chúng tôi nhìn không rõ mặt nhau dù bốn cánh tay ôm nhau thân tình như kiểu văn minh hữu nghị Việt Trung. Ngọn đèn dầu thay cho cái bóng 60w bị rơi vào thời khắc cắt điện tùy hứng không giúp được chúng tôi nhìn ra những hư hao, cùn mòn của nhau. Anh bạn của Vĩnh Điện gần như cung kính giữ im lặng hoàn toàn. Chung quanh những người mới ra khỏi “trại cải tạo” cái gì cũng đáng nghi ngại, cần thủ thế. Vĩnh Điện hỏi hỏi xin vợ tôi hai ổ bánh mì thịt. Lý lách ra cửa nhẹ nhàng như một con mèo, khiến cho Vĩnh Điện có ý nghĩ vợ tôi đã phải đi mua chịu ! (sau này anh cho biết cảm nghĩ của anh như vậy). Trong khi tôi để ý và rất tâm đắc với cây đàn *guitar* Vĩnh Điện tự tay đóng trong tù, vào giai đoạn mà ít nhiều lương tâm của những người anh hùng dẹp râu lơ mơ thức tỉnh. Quá

hiều và tin nhau nên trước khi vùn vụt chia tay, Điện ghé sát tai tôi chia vui: “*Viết được nhiều lắm, nhưng để từ từ mình cho nghe*”. Đứng nhìn bóng người bạn cũ mất dần trên đường, tôi vui nhưng không ngăn được tiếng thở ra. Rõ ràng bạn tôi vẫn còn khá nhiều lạc quan. Tôi chợt nghiệm ra, hình như những người sáng tác nhạc thường có niềm lạc quan cao hơn những ai gắn bó với một bộ môn nghệ thuật khác. Suy nghiệm của tôi không chắc gì đã đúng.

Vĩnh Điện gốc hoàng tộc Huế, nhưng sinh quán tại Cam Ranh nên anh bị đưa về quản chế tại đây. Những người học trò thành niên quả thật khó dạy. Dù nhồi sọ đến đâu cái ‘chân lý’ “*Vì trăm năm trồng người*” cũng trở thành trò châm biếm mỉa mai, không làm trở ngại Vĩnh Điện viết tiếp “Sẽ Không Bao Giờ Quên”, “Quê Hương Tôi Xa Lạ”, “Vô Cùng Cô Đơn”, “Dưới Năm Mộ Sâu”...Anh viết để gói đầu, để hát thầm như những món ăn phụ bồi bổ chất xám cho chính mình.

Vào thời kỳ chưa sử dụng máy *computer*, việc mở hộp thư mỗi ngày của tôi vô cùng quan trọng. Lúc này tôi còn đang ở ấp (appartement). Hộp thư ở những cao ốc cho thuê thường có hình chữ nhật, nằm dọc với nhau một hàng ngang, rất gọn gàng, đẹp mắt. Mỗi gia đình cư ngụ chiếm hữu một hộp, có ghi rõ những con số trùng hợp với số phòng mình ở, và dĩ nhiên, được giữ chìa khóa riêng. Gắn trên đầu mỗi hộp thư đều có để hờ một khoảng trống nhỏ, nằm ngang, có thể nhét vào đó những carte visite, những quảng cáo nhỏ...Nhưng người đưa thư có chìa khóa chung và chỉ cần một ổ khóa, họ mở một lúc tất cả các hộp thư. Tôi là người giữ chìa khóa hộp thư của gia đình. Không ngày nào tôi không nao nức chờ đợi phút giây này. Nếu đi làm, sau giờ tan sở vội vã ra về và việc đầu tiên là mở hộp thư. Nếu ở nhà, tôi ngóng nhân viên sở Bưu điện đến, thường rất đúng giờ. Tôi không hấp tấp ra đón thư trên tay họ. Mất thú. Nhưng ngay sau khi người phát thư quay lưng, tôi có mặt trước hộp thư. Và rất nhanh nhả nhìn vào khe hở, để lượng định số thư thu hoạch trong ngày. Rồi thận trọng tra chìa khóa vào ổ, nhẹ nhàng nhìn hai ngón tay xoay...để lóe lên vui mừng hay một thoáng thất vọng không đâu. Hộp thư của tôi luôn luôn bội thực vì sách báo bè bạn nhiều nơi trên thế giới gửi về cho, cộng thêm những hóa đơn đòi nợ, những cánh bướm quảng cáo đủ loại đủ cỡ. Thời ở

đường Bourret tôi đã phải dùng một cái bao nylon nhỏ, có ghi số hộp thư cẩn thận, treo kèm một bên. Quả nhiên những người đưa thư thông minh, tử tế, đã thận trọng để vào đó những tạp chí, những cuốn sách hơi đồ sộ như bộ “Thơ Văn Việt Nam Hải Ngoại” (của Thái Tú Hạp), “Đại Học Máu” (của Hà Thúc Sinh)...

Trong một ngày bão tuyết cuối năm 1991, tôi thật sự xúc động khi nhìn bên góc trái một bì thư hai chữ Vĩnh Điện, đứng nổi bật trên mấy dòng ghi địa chỉ. Vĩnh Điện đã cùng gia đình anh đến Hoa Kỳ theo diện H.O. (Humanitarian Operation). Chương trình nhân đạo của người Mỹ quả thật đáng ca ngợi. Qua thư, Vĩnh Điện cho tôi biết anh cùng gia đình đang cư ngụ tại thành phố Baltimore, tiểu bang Maryland. Với sự tin tưởng Đảng Cứu Thế Kitô, anh được một nhà thờ cho một chân làm vệ sinh nơi tôn nghiêm. Chúng tôi bắt đầu liên lạc thư từ và điện thoại với nhau, tuy không thường xuyên, nhưng không để cách khoảng quá lâu. Trong một lá thư, Vĩnh Điện viết:

Nhớ bạn lắm, viết làm vài dòng - qua đây
 không có gì đáng làm mình thất vọng, vì mình tin
 chuẩn bị kỳ thanh toán đi ra đi, kiên sống vì sẽ
 vật vờ ở Mỹ, ngoài trừ một điều: Sao thật khó
 tìm lại một tình bạn ở những người thân quen
 cũ - không biết rồi lại lại mình có thể thanh toán
 thế không? Do đó khi qua đây chỉ nghĩ, ngoài trừ
 bạn ra, mình không thông báo lại cho ai biết, sẽ không
 ngoài nữa của mình - tất cả hoàn toàn là cách bạn họ
 cũ, nghĩ như thế lại hơn -

Trong một thư khác, viết đêm 21-10-1992, Vĩnh Điện tâm sự:

“... Cảm ơn đã nhớ đến mình trong sáng tác. Có lẽ bạn là người duy nhất vẫn còn nhớ đến Vĩnh Điện này. Cũng thấy đời vẫn chưa mất hết...”

Ngày tháng đầu tiên va chạm với cuộc sống tại xứ người, Vĩnh Điện không bị hụt hẫng trong kinh tế, trong môi trường sinh sống. Anh bất ngờ về những tình cảm từ những người đồng hương. Anh thêm có những cuốn sách, những tờ báo, dù lá cải, của bạn bè đang làm phổ biến đều khắp. Rất ít bạn gọi cho anh những món ăn tinh thần, dù không thiếu ít nhiều vô duyên ấy. Thân với Vĩnh Điện đương nhiên tôi đã sớm giúp anh khắc phục



ít nhiều những mặc cảm chận chân trong những sinh hoạt tại hải ngoại. Vĩnh Điện đã soạn lại những ca khúc cũ, viết, phổ thêm một số ca khúc mới gọi qua cho tôi gọi là “tùy nghi”. Vì sự giao thiệp của tôi chỉ mận mà trong vùng địa phương, nên tôi chỉ giúp được Vĩnh Điện đăng nhạc trên tạp chí Nắng Mới. Chuyện đăng nhạc trên tạp chí, xét cho ngay chỉ là một trò chơi, hâm lại cái tên tác giả, vốn đã thất lạc lâu ngày đối với bạn đọc. Nhưng có vẫn còn hơn không. Có lẽ nhờ vậy, Vĩnh Điện cũng tìm lại được đôi phần hứng thú. Thơ của tôi được anh phổ thêm những bài: Truy Niệm, Thu-Tình Em, Thức Dậy Cùng Mặt Trời, Chiều Chờ Em Đi Học, Mưa-Vẫn Mưa Ngày Cũ, (ngoài bài Truy Niệm dùng tên khác và chỉ phổ phần cuối cùng của bài thơ rất dài Trong Sân Trường Bữa Ấy, những bài khác dùng tên của bài

thơ). Những thi sĩ khác được Vĩnh Điện chọn: Thái Tú Hạp, Lê Hân, Du Tử Lê, Hoàng Lộc, Trần Hoài Thu, Phó Ngọc Văn, Nghiêu Minh, Trường Đình, Dư Mỹ, Lâm Thúy, Đặng Trần Giáng Tiên, ... (1)

Dù viết bài mới, dù phổ thơ, sáng tác nào của Vĩnh Điện ra đời cũng bằng sự thận trọng và hết lòng. Giá trị nghệ thuật được đánh giá từ những đâu ? Làm sao để nhận diện một người viết nhạc có cân xứng tâm vóc với hai chữ nhạc sĩ ? Sự phổ biến và mức độ đón nhận có lẽ là những điểm tiên quyết. Nhưng với môi trường âm nhạc tại hải ngoại hiện nay, chỉ một việc phổ biến đã là một chuyện khó khăn. Người viết nhạc khó đủ khả năng để trả công cho một giọng hát có uy tín, nhằm giới thiệu ca khúc của mình một cách rộng rãi. Vĩnh Điện là một nhạc sĩ thành danh nhưng có phần hạn chế giới thưởng ngoạn, nên không thể không gặp những khó khăn trong thị trường âm nhạc Việt Nam nơi xứ người.

Mùa hè năm 1993, bắt chước nhà văn kiêm học giả Hồ Hữu Tường, tôi cùng gia đình thực hiện một chuyến “*Phi Lạc Sang Hoa Kỳ*”. Chuyến đi bằng xe hơi trong một tuần lễ. Chúng tôi đến Baltimore M.D, vào khoảng 5 giờ chiều. Vợ chồng Vĩnh Điện hoàn toàn bất ngờ khi đón những người khách không hề báo trước. Nhưng anh chị và các cháu rất nhiệt tình và vui vẻ. Anh chị vừa mua lại một căn nhà tươm tất nằm trên đường Philadelphia. Sau 9 năm trời gặp lại nhau, những gì giữa hai người bạn đều rất vụn vặt, chẳng đâu vào đâu. Vĩnh Điện gần như không có gì thay đổi. Bóng dáng thời gian chỉ thấp thoáng trên khuôn mặt anh, một khuôn mặt gợi nhớ nhưng cho nhiều nữ nhân lãng mạn. Chị Huệ có vẻ đầy đặn hơn ngày trước. Chị cũng dành cho mình nhiều thời gian để nói hơn người khác. Chị kể chuyện học Anh ngữ, chuyện ở sở làm, chuyện dự định tìm vợ cho con... (Thời đó cháu Bảo Trường có lẽ chưa viết nhạc. Những ca khúc Sao Đồi Ngôi, Ngõ Như Là Tình Yêu, Bên Nước... không rõ Bảo Trường đã viết từ bao giờ. Sau này, Bảo Trường thực hiện được 2 CD cho mình với nhiều giọng ca tại quốc nội và hai giọng vàng Ý Lan, Tuấn Ngọc).

Trước khi ghé thăm gia đình Vĩnh Điện, chúng tôi đã dùng sớm bữa tối tại quán ăn Peter Pan, nên không mang nhiều tiền

hà đến cho chủ nhà. Trong thời gian chờ ngả lưng, cả nhà Vĩnh Điện đưa chúng tôi đi dạo mát ở hải cảng Inner Habar. Khu phố Vĩnh Điện cư ngụ thanh vắng như một vùng ngoại ô, nhưng khu vực hải cảng thật đông đảo. Lê bờ sông lát gạch, được quét dọn sạch sẽ, đây cũng là lối đi dạo của cư dân trong vùng và du khách. Những quán ăn, quán giải khát được dựng liền nhau, nằm trên một mặt bằng cao hơn bờ sông chừng một thước. Ánh điện không rực rỡ, chỉ vừa đủ để cảm nhận sự thân thiết, hiền hòa chung quanh. Chúng tôi thả bước chậm rãi trong hơi nước, hơi người. Thật không có thì giờ để hồi tưởng, để nhắc cho nhau những kỷ niệm xưa cũ. Mặt nước óng ánh những đường ánh sáng, có lẽ từ nhiều nguồn phát quang hội tụ. Không nhìn trời, nhưng tôi biết đêm có nhiều sao. Chúng tôi nói với nhau về những chuyện hôm nay, chuyện ngày mai, linh tinh nhiều điều. Không đi bầy bước thành thơ như người xưa, nhưng để cảm ơn cái tán thưởng: “*Mi làm việc ghê quá !*” của Vĩnh Điện. Tôi đọc cho anh mấy câu:

*“Lại điện kiến nhau, ông H.O
Đàn đâu ? bỏ mát cả ba lô !
Trăng rằm ? không phải, trăng chưa mọc
Thoáng sáng một thời nhạc với thơ”*

Một thời đã qua, nhưng chưa hề mất hết. Dù chẳng gọi lại, vẫn loáng thoáng bên chúng tôi rất nhiều mảnh đời cũ. Kỷ niệm không có hình dạng, không màu sắc nhưng có hơi thở thật nồng. Tôi có thể bắt gặp cả khoảnh sân khiêm nhường, nơi gia đình Vĩnh Điện từng cư ngụ. Ngọn cây trứng cá mới vừa một tầm với tay. Lá thưa không dựng nổi ánh nắng, làm rớt từng vệt dài xuống nền sân cát, óng vàng. Những con chim se se chẳng bao giờ biết hót, chỉ biết ríu rít chuyện trò, tâm sự. Chúng nhón nhác dòm tôi, gọi nhau trong bóng chiều. Tôi đã đến sớm hơn giờ hẹn, Vĩnh Điện còn la cà đâu đó. Sợi dây phơi áo trong sân oằn theo chiều gió dạo. Tôi muốn quay về nhưng lại ngồi xuống thềm nhà, nôn nao chờ nghe chính tác giả hát ca khúc mà nhạc sĩ Phạm Duy đã hát ở tận trời tây:

*“ Xin đừng hỏi tôi, xin đừng hỏi tôi, sao không đâu thai
làm con chim nhỏ, sao không đâu thai làm cây làm cỏ, mà lại
sinh ra làm người trong nôi, mà lại sinh ra làm người đơn côi,
mà lại sinh ra làm người như tôi...”*

Vĩnh Điện nện mạnh gót chân xuống sàn sân khấu, anh gần như gào lên:

... “*đừng hỏi tôi, đừng hỏi tôi, đừng hỏi tôi...tôi chỉ muốn sinh ra làm người mà thôi, tôi chỉ muốn sinh ra làm người mà thôi, cho dù lấy đá thay cơm một đời, và làm người và làm người Việt Nam thôi...Thôi đừng hỏi tôi, thôi đừng hỏi tôi, tôi không làm chim để quên đau khô, tôi không làm cây để quên bom nổ, để mặc cho tôi làm người bên nhau, để mặc cho tôi kể chuyện mai sau, để mặc cho tôi đại diện thương đau...*”.

Phong cách trình diễn của Vĩnh Điện thật sinh động, rất mới lạ trong thời buổi ấy. Những tiếng vỗ tay rào rào. Tôi nhìn anh hát hơn là nghe anh hát buổi hôm đó...

Vĩnh Điện đạp thắng gấp. Chiếc Jeep lùn như giạt mình đứng lại. Tôi đưa tay về phía trước, thủ thế. Hẻm vào nhà Lê Vĩnh Thọ khá rộng, nhưng người đi lại bừa bãi, vô ý. Tiếng chó sủa từng nhịp một, thăm dò, thách thức...

Tôi vừa đi, vừa nói chuyện với Vĩnh Điện, vừa tìm thấy những hình ảnh chờn vờn trong trí như trên, trong một không gian nhộn nhịp nhưng vô cùng êm ả. Một đêm ngắn ở thành phố Baltimore thật dài trong kỷ niệm tôi.

Sáng hôm sau, vợ chồng Vĩnh Điện theo chúng tôi đi thăm thủ đô Washington của Hoa Kỳ. Chúng tôi thực hiện được nhiều ảnh chụp: trước tòa Bạch ốc, trước ngọn tháp “bút chì”, trước tấm đá đen khắc tên những chiến sĩ Hoa Kỳ đã hy sinh trên con đất hình chữ S, Trước trụ cột *Zero Milestone*, trước tượng đài *The Second Division*, trước nhiều tượng đồng đen người lẫn ngựa... Ảnh chụp là một nghệ thuật lưu giữ thực tế trung thực. Thời khắc, nhân dạng trong khoảnh khắc dừng lại mãi mãi trên mặt giấy. Nhiều lúc buồn buồn tôi mở *album* xem lại. Vợ chồng Vĩnh Điện đồng phục một màu trắng. Anh trông có vẻ còn phong độ lắm. Tôi lúc này chưa nuôi râu. Trừ Nguyễn Minh Dũng, LN Thạch Bích, vợ chồng tôi, cùng LN Hòa Bình, LN Quốc Bảo, LN Hoàng Bách đều chơi kính màu đậm như một đám xã hội đen. Bề ngoài trông tươi vui như vậy, nhưng trong lòng, đâu biết ra sao ? Chúng tôi không nằm trong “*khúc ruột ngàn dặm*” của Việt Nam. Chúng tôi là những người tị nạn, không chối bỏ màu da và cội nguồn dân tộc, nhưng không thân thiết gì với một chính thể khéo léo phủ nhận quyền làm người tự do.

Năm sau, 1994, Vĩnh Điện đơn thân độc mã sang thăm tôi



tra lễ. Tôi giới thiệu với anh những người bạn văn mới Lưu Nguyễn, Vũ Ngọc Hiến, Lê Quang Xuân... Tờ Năng Mới đi khá nhiều ca khúc của Vĩnh Điện. Ông cựu quan ba hành chánh tài chánh ấy vẫn mê hát. Ông đã đóng kín cửa buồng ngủ để vừa chơi đàn *guitar* vừa ca, và bạo hơn nữa là thu luôn vào *cassette* gởi sang cho tôi. Ngày nhận được quà, không ghiền uống trà, tôi cũng lục lon chè trên bàn thờ, pha đậm một chén, ngồi lắng lòng nghe nhạc. Đã. Nhạc lạ, giọng ấm lẫn tiếng gió thỉnh thoảng lọt vào khe cửa, giúp tiếng đàn tây ban cầm lá lướt hơn. Một điều chợt nhận ra, nghe Vĩnh Điện đàn hát, không thể không nhớ thời nằm thương thức băng nháp những ca khúc Bà Mẹ Phù Sa, Giọt Mưa Trên Lá... của anh Phạm Duy gởi cho.

Thương quý nhau, nhưng chúng tôi chỉ thỉnh thoảng gọi tán dóc năm, mười phút. Thư từ cũng thưa dần. Vợ chồng Vĩnh Điện đã tạo được căn nhà mới. Anh đã cưới vợ, gả chồng cho tất cả năm đứa con. Lên chức ông nội từ mấy năm nay, nhưng anh vẫn đi “cày”. Năm 2005, em tôi, Lê Hân, thực hiện cuốn Luân Hoán-Một Đồi Thơ, Vĩnh Điện góp một bài “Về thời phổ Lục

Bát Ca”. Anh nhớ về quá khứ khá rõ. Anh còn gởi cho tôi ảnh cô bé “tiếng hát học trò Tâm Nguyên”. Thói thường, người đời “nhìn ảnh nhớ người”, nhưng tôi nhìn ảnh lại nhớ tôi và nhớ cả một thời...khoái thật. Nên đã viết thêm cho Vĩnh Điện mấy câu:

*ngộ Vết Thương Sôi Đá
trên bước tình lang thang
sao Một Đời Chỉ Muốn
Làm Một Người Việt Nam ?
đàn hát vốn là thú
của người biết hưởng nhàn
yêu đời chưa hẳn đủ
nếu ngừng cuộc tình tang*

Vĩnh Điện chưa ngừng “cuộc tình tang” , năm 2001 trong một chuyến nghỉ phép đi thăm California, anh đã được một số bằng hữu cũ, những Du Tử Lê, Thái Tú Hạp, Hạ Quốc Huy, Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Chí Khả...đứng ra tổ chức cho anh một đêm “Tình CaVĩnh Điện” tại hội quán Thùy Dương của nhạc sĩ Hoàng Trọng Thụy. Đêm nhạc thành công, đủ cung cấp thứ nhiên liệu hứng thú cho Vĩnh Điện lần lượt mang tiếng hát, ngón đàn ghé nhiều tiểu bang của nước cờ hoa. Anh đã rất hạnh phúc được hát cho đám bạn cựu tù nghe trong buổi “Hội Ngộ Bạn Tù Kỳ Sơn, An Điền” tại thành phố San Jose năm 2003. Vĩnh Điện cũng vô cùng sung sướng khi phổ biến các ca khúc phổ thơ Thái Tú Hạp: Trái Tim Người Viễn Xứ, Xin Người Hãy Quên, Lời Nguyện Giữa Biển Đông qua hai CD do Thái Tú Hạp đã thực hiện. Anh cũng hy vọng 12 ca khúc khác anh cũng phổ thơ Thái Tú Hạp sẽ sớm được ông chủ báo Saigon Times ở Los Angeles cho trình làng.

Năm 2006, tôi bỏ đường dây điện thoại viễn liên của hãng *Primus*, chỉ dùng *phone card* để gọi đi xa khi cần thiết. Mọi giao thiệp với bè bạn thường qua điện thư. Hộp thư thuê bao từ *Videotron* của tôi có sức chứa, và tốc độ chuyển gởi đạt thật tuyệt, nhưng cái bút hiệu Luân Hoán, một phần của địa chỉ, không hiểu vì lý do gì thỉnh thoảng cù rữ vài anh *virus* tinh nghịch lạc vào đại não. Tôi đành phải dùng một vài địa chỉ khác.Vĩnh Điện và vài bạn văn bị tôi sơ ý quên thông báo. Chúng tôi mất tin nhau gần 10 tháng, cho đến ngày anh hỏi mua

mấy cuốn sách mới của tôi từ Lê Hân. Cũng năm 2006, vào tháng 7, qua Thái Tú Hạp, tôi biết Vĩnh Điện có tên trong sổ phong thần ung thư. Tuyển tiền liệt (trái tim thứ hai của người đàn ông) của anh có vấn đề. Từ California về đến Montréal, tôi đã gọi Vĩnh Điện rất nhiều lần. Chuông reo nhưng không lần nào có người bắt *phone*. Rất may, qua vài cái điện thư, tôi nhận được tin của Vĩnh Điện.

Anh cho biết chính xác anh bị *prostate cancer* và đã qua phẫu thuật, đang bước vào giai đoạn xạ trị (dùng tia x quang năng lượng cao để diệt tế bào ung thư, được thực hiện bởi thiết bị tín số 3 chiều của những loại máy gia tốc synchrotron, cyclotron vv...). “Sinh lão bệnh tử” chuyện đương nhiên, thường tình của con người. Ai cũng biết và đều nói vậy, nhưng mấy ai có thể bình thân trước cái tai nạn của chính mình. Nỗi buồn đau, tôi nghĩ, đều rất giống nhau, chỉ sự biểu lộ có phần khác nhau. “*Muốn chết mà sợ chết*” đó là điều bình thường huống gì không muốn chết mà hy vọng sống còn thật mong manh. Với tâm trạng bi quan này, trên giường bệnh, đúng vào ngày sinh nhật năm 65 tuổi, Vĩnh Điện đã gắng viết một ca khúc, mà anh cho là bài tình cuối của anh:

*“Mặt hồ đang lặng yên, viên sỏi nào vô tình rơi xuống,
làm xao động hồn ta, trong bóng chiều bao la, tựa gốc cây thông già,
đợi chờ bóng đêm rơi, ta lần lần đến hạt cuối trong chuỗi đời ta toi.
Trôi đi trong mê muội, thời gian lặng lẽ chôn vùi,
những kỷ niệm buồn vui, hạnh phúc và đớn đau, buổi sáng mùa xuân
tinh khôi. Đất trời lung linh mưa bụi, với cây cỏ lá hoa mọc lên
hồn nhiên, buổi trưa đầu mùa hạ, đáng lẽ rong chơi trên đồi xa,
con mê nào đưa người lên đỉnh núi, ác mộng nào xô ta xuống vực sâu.
Chiều thu đang về đây, lá thu rơi tàn tạ, mới hay đời quá mỏng manh.
Tóc xanh ngày nào nay đã bạc trắng mái đầu.
Có đếm được bao nhiêu sợi tóc đen còn lại vương vấn trần ai...
Tựa gốc cây thông già đợi cơn giá lạnh đêm đông, nước mắt chảy vào trong.
Sống chỉ một đời, sao đớn đau nhiều kiếp. Trong bóng chiều mệnh mỏng,
ta lần lần đến hạt cuối cùng trong chuỗi đời lận đận...”*

Có thể Vĩnh Điện đang lần ngón tay qua từng mắt chuỗi đời, nhưng tôi vẫn còn ít nhiều lạc quan, bạn tôi vẫn còn khá lâu mới lần đến hạt cuối cùng. Con bệnh của anh có thể ngặt nghèo vì hai tiếng “ung thư”, nhưng tôi tin, đây chỉ là một dấu lặng trên

dòng tình ca của một người từng biết yêu thương và tha thiết làm người, nhất là làm người Việt Nam, giàu lận đận.

Bạn vàng ơi, hãy nghĩ về cây đàn *guitar*, hãy nghĩ về khóa *sol* cùng những nốt đen, nốt kép, nốt tròn. Đô, rê, mi, fa, sol, la, si... Những âm thanh mềm mại nhưng bền chắc như một cái võng, cái nôi... Những dấu lặng, dấu ngắt, dấu ngừng... bạn từng sử dụng, sai khiến tùy hứng cơ mà. Tôi muốn nhờ bạn phổ thêm cho tôi một ca khúc yêu đời nữa.

Gắng nhé. Tiếp tục cầm đàn lên, tôi tiếp sức:

Đời vui như một bài ca

không cần phải hát cũng bao la tình

ngó quanh người đã gặp mình

hoàng hôn đích thực là bình minh soi

hãy nhìn cho thật hẳn hoi

hãy nghe cho thấu tiếng ngoài âm trong

mở ra cho hết tấm lòng

yêu quanh hạnh phúc yêu vòng đau thương

buồn, xin cứ tự nhiên buồn

viết thêm vài khúc ca... buồn hát chơi

sống lâu, mệt, cứ việc ngồi

hãy ngồi trong trái tim đời an nhiên



(1) Ghi chú: Xin thành thành cảm tạ các nhạc sĩ, bè bạn: Minh Duy, Phan Ni Tấn ND, Vĩnh Điện, Vũ Thái Hòa, Nhật Ngân, Vũ Đình Trường, Mai Đức Vinh... đã cho thơ tôi có cơ hội sống cùng với âm nhạc. Rất tiếc tôi đã không dám biến những ca khúc phổ từ lòng thương quý của các bạn, thành phụ bản trong các tập thơ đã in, vì ngại đồng hóa với phong trào khá thịnh hành. Những tác phẩm này, trong tương lai, hy vọng sẽ được tập trung giới thiệu trong một tuyển tập hẳn hoi. Đa tạ.
LH

Hoàng Xuân Sơn, “con đồ khảm nặng tình ni nó”

Khởi từ chữ ký vợ chồng em trai tôi, Lê Hân- Trần Thị Bích Vân, đến những chữ ký của giới chức có thẩm quyền Bộ Di Trú Québec, chính phủ Canada, tôi và gia đình, gồm sáu người, bắt đầu bước vào một cuộc sống mới, ngày 30 tháng 01 năm 1985. Trước ngày tháng khó quên này, ở Sài Gòn, tôi lo trước một số việc cần thiết. Nhưng vì nôn nao, hồi hộp, chúng tôi thật sự lúng túng trong sự chuẩn bị. Chuyện mua sắm vật dụng linh tinh để mang đi, vốn không



cần thiết theo lời nhắn dặn của chú em, nhưng chúng tôi vẫn thực hiện. Vì không làm việc này, chẳng biết phải làm những gì. Trong niềm vui, người ta dễ trở nên ngờ nghệch. Ngoài khá nhiều bộ tranh sơn mài, đủ cỡ, chúng tôi còn “chở củi về rừng” rất nhiều thứ ngớ ngẩn: muỗng nĩa *inoxidable*, ly tách (loại đã theo chân binh sĩ Hoa Kỳ đến Việt Nam), kem đánh răng, xà phòng thơm... Trong mớ hành lý di dân ngàn dặm xa ấy, không có một nhúm đất nào của quê hương, không có một mầm lá cây nào được ép khô trong vở. Vài con sư tử đá, vài con rùa đồng, vài con cua bằng đất nung... tất cả, mỗi loại chỉ lớn bằng bàn tay. Đó là tài sản chúng tôi đã mang theo, đến một vùng đất khác hẳn về phong thổ, thời khắc, ngôn ngữ lẫn tập quán. Cùng với những di vật này, riêng tôi, còn có một cuốn *Agenda*, khổ 10cm x 19cm, tầm cỡ *livre de poche*, do nhà xuất bản Văn Hóa sản xuất năm 1985. Cuốn sổ tay không có số trang. Phần đầu có 8 trang in đồng kẻ ngang, dùng để ghi chú. Hai trang nói về sự thay đổi ngày tết âm lịch của năm Ất Sửu (1985), 1 trang ghi các ngày tiết trong năm, đại hàn, tiểu hàn vv..., 1 trang ghi số những đường dây điện thoại đặc biệt, mà trong bản in dùng hai chữ “máy nói”, 1 trang quảng cáo nhà xuất bản Văn Hóa, hai trang in bảng so sánh giờ của Hà Nội với một số thành phố lớn trên thế

giới, 1 trang lịch, đủ 12 tháng, chữ nhỏ. Tiếp theo là phần chính: những trang giấy in sẵn tháng, và các ngày trong tuần. Theo thứ tự hàng ngang: thứ...ngày...rồi ô để trống có dòng kẻ để người sử dụng viết ngay thẳng., Sau phần này, hơn nửa cuốn còn lại là những trang có dòng kẻ sẵn. Trong toàn tập có in một phụ bản, ảnh chụp hai cô thiếu nữ trong hai màu áo vàng và đỏ trước tòa đô sảnh Sài Gòn. Hai màu vàng đỏ của hai chiếc áo dài, đã nhiều lúc làm tôi băn khoăn và nao nao buồn. Sự chia cắt tội tệ của đất nước đã chấm dứt. Nhưng sự thống nhất của tổ quốc lại đẩy chúng tôi ra đi, chẳng thể không ngậm ngùi.

Tôi kể linh tinh như trên chỉ cốt trợ hứng, lấy đà để khai rằng, tôi đã dùng cuốn *agenda* này để ghi khá nhiều tên họ, địa chỉ, số điện thoại những người tôi đã được quen biết, hiện sống tại Canada và Hoa Kỳ. Dĩ nhiên có cả Việt Nam. Những tên họ ấy, tiêu biểu có: Lê Hoàng, Hoàng Thị Liêm, Hoàng Kim Uyên, Huỳnh Thị Tâm, Trương Chánh Học, Hoàng Xuân Sơn, Hoàng Trọng Bách, Hoàng Trọng Thước, Tăng Nhật Thăng, Đoàn Thị Kim Sơn, Châu Thị Lan, Lê Hân, Đinh Hoàng Huy, Nguyễn Gia Danh...nhiều lắm. Còn dài. Tôi đã ghi đầy đủ, cận kề với hy vọng sẽ liên lạc được khi đã ở trên đất Canada. Sự đơn lẻ nơi xứ người chắc chắn sẽ có được hơi thở đồng hương, đồng bào sưởi ấm

Dự định chu đáo và có mục đích dễ thương như thế, nhưng phải hơn một tuần lễ sau ngày có mặt tại Montréal, tôi mới dám thử thực hiện. Tôi đọc lướt danh sách. Có khá nhiều người ở cùng mã vùng điện thoại, 514, với tôi. Lẽ ra tôi gọi cô cựu á hậu Việt Nam Hoàng Kim Uyên trước, nhưng rồi đổi ý, bấm số của Hoàng Xuân Sơn. Chuông reo...chờ đến hai, ba phút, đang chuẩn bị gác điện thoại, thì nghe được:

- Sơn nghe đây, ai đó, có gì không ?
- Hoàng Xuân Sơn hả ? Anh đây, Châu đây, em mạnh không ?

Có tiếng va chạm nhẹ nhàng như tuồng thay đổi tay nắm điện thoại, rồi tiếng hỏi ngắn gọn, thắc mắc

- Xin lỗi ai đầu dây, tôi, Hoàng Xuân Sơn đây. Anh cần gì không ?

Tôi hơi khựng một giây. Rõ ràng cái giọng trợ trợ, nhưng sao có vẻ là lạ, như khàn hơn...ngờ vực, tôi thăm dò:

- Xin lỗi có phải Sơn em chị Dung đó không ?

Đầu dây bên kia với vẻ vội vã:

- Xin lỗi, ông nhầm dây rồi, tôi là Hoàng Xuân Sơn.

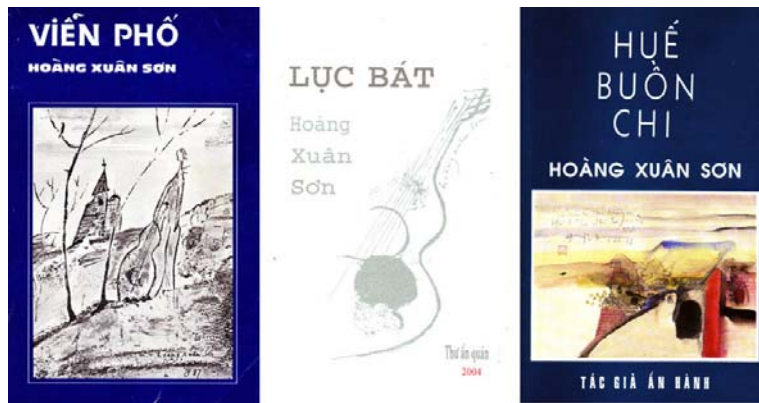
Tôi không kịp nghe hết câu, không nhớ tôi đã gác máy trước hay Hoàng Xuân Sơn bực mình cắt ngang trước. Gác máy rồi tôi vẫn còn băn khoăn. Rõ ràng Hoàng Thị Xuân Dung, một đồng nghiệp của tôi ở Ngân hàng Việt Nam Thương Tín, chi nhánh Đà Nẵng, cho tôi số điện thoại của Sơn. Dung là chị ruột của Sơn. Hai chị em, và cô Hoàng Thị Xuân Ba nữa, đều là em ruột của nghị sĩ Hoàng Xuân Tửu, em họ của Trung Tướng Việt Nam Cộng Hòa Hoàng Xuân Lãm. Dân Quảng Trị. Tôi thối mái rồi bực mình về sự thất bại trong lần ra quân tìm bạn đầu tiên của mình. Nhìn những địa chỉ khác tôi đâm ra nghi ngờ, tạm dẹp qua chuyện gọi *phone*.

Kể từ đó đến hôm nay, gần trọn 21 năm dài, tôi vẫn chưa liên lạc được với Hoàng Xuân Sơn, cậu em của thượng nghị sĩ Việt Nam Cộng Hòa Hoàng Xuân Tửu. Nhưng đã thành người bạn khá thân với nhà thơ Hoàng Xuân Sơn, người đã tiếp điện thoại của tôi trong giờ anh đang điều hành công việc tại một hãng may, do chính anh và người vợ hiền Quách Kim Lân làm chủ, hôm nào.

Sự trở thành bè bạn giữa nhà thơ Hoàng Xuân Sơn và tôi, không có gì khó hiểu. Những người cầm bút, đại khái như những nhân vật giang hồ trong võ lâm của truyện và phim kiếm hiệp Tàu. Không Đông Tà, Tây Độc, chẳng Lão Ngoan Đồng, Hồng Thất Công, ...nhưng cùng ở chung một thành phố, cùng gặp tên trên nhiều tạp chí, việc tìm đến thăm nhau, chuyện trò, tán dóc... là chuyện đương nhiên. Ấy vậy, mà bây giờ nghĩ lại, nhớ không ra đầu dây mối nhợ buổi gặp nhau lần đầu tiên như thế nào? Tại đâu. ? Bè bạn khen tôi có trí nhớ tốt, xem ra cần xét lại. (**). Để từ từ đi lần trở về những kỷ niệm đẹp, tôi xin khoe thân thế, sự nghiệp của ông bạn tôi trước tiên:

Hoàng Xuân Sơn tên thật và cũng là bút hiệu. Ngoài ra anh còn có những bút danh rất quen thuộc khác: Hoàng Hà Tĩnh, Sứ Mặc. Năm Nhâm Ngọ, 1942, tại làng Vỹ Dạ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, bà Nguyễn Thị Bích Châu, tự Mười (qua đời tại Montréal năm 2001) sinh cho ông Hoàng Xuân Hiến (qua đời năm 1951 tại Huế), người gốc làng Nhân Thọ, phủ Đức Thọ, tỉnh

Hà Tĩnh, một cậu con trai. Vì thời buổi chiến tranh, phải bôn ba di tản qua nhiều nơi nghèo khó lánh nạn, nên tờ khai sinh của cậu quý tử Hoàng Xuân Sơn bị thất lạc. Và cũng bởi chạy giặc nhiều, chạy luôn qua tuổi cần đến lớp học, nên khi có dịp làm lại khai sinh, ông bà Hiền, Châu không ngại quay lui ngày tháng ra đời của cậu con mình xuống 5 năm, cho phù hợp với trang lứa a,b,c. Năm 1942 trở thành năm 1947 cũng chẳng xê xích bao nhiêu, vì ngày nay nhìn Hoàng Xuân Sơn cũng rất tương xứng với năm sinh 1947. Sự trẻ trung, tươi vui đến độ hồn nhiên đã được ba mẹ lo trước cho anh rồi.



Tuy nhập môn trễ, nhưng Hoàng Xuân Sơn là học sinh xuất sắc của trường Bán công Huế. Anh lấy ngay cái hạng Bình trong kỳ thi Trung học Đệ nhất cấp, và đương nhiên được chọn vào trường trung học công lập Quốc Học. Từ ngôi trường danh tiếng một thời này, Hoàng Xuân Sơn lần lượt lấy về cho mình các văn bằng: Cử nhân Giáo khoa Triết Học Tây Phương của Đại học Văn Khoa Sài Gòn, Cao Học Chính Trị Kinh Doanh của Đại học Đà Lạt. Thành công trên bước đường học vấn, mở ra cho Hoàng Xuân Sơn một đời sống sung túc, dễ chịu, dù anh thả mình vào cuộc đời công chức. Một cái ghế Thanh Tra của Tổng Cục Bưu Chính Việt Nam Cộng Hòa thuộc Bộ Giao Thông Bưu Điện đã dành cho anh. Trên bục giảng của trường Quốc Gia Bưu Điện, sau đó, cũng có dấu chân anh đứng nhiều năm.

Với bản tính lạc quan, yêu đời, Hoàng Xuân Sơn tìm đến cùng các sinh hoạt văn học nghệ thuật và xã hội tại thủ đô miền Nam Việt Nam. Anh trở thành một thành viên năng động của Chương trình Phát Triển Sinh Hoạt Thanh Niên Học Đường, gọi tắt là CPS. Nhóm Sinh viên Văn Hóa cũng có chân anh. Không dừng lại đây, anh còn cùng bạn hữu sáng lập và điều hành Quán Văn, Quán Thăng Bờm, là những địa điểm rất có tiếng vang thời bấy giờ. Để sinh hoạt sống động, nhịp nhàng hơn, Hoàng Xuân Sơn cùng người em trai, Hoàng Xuân Giang và người bạn, Ngô Vương Toại cho khai sinh ban nhạc tài tử Giang-Son-Toại. Đôi song ca Sơn, Giang được giới trẻ Sài Gòn biết đến nhiều từ những buổi trình diễn tại nhiều tụ điểm trong thành phố. Năm 1971, Hoàng Xuân Sơn đã góp tiếng trong băng nhạc ghi âm tại phòng thu Pat Lâm, Chợ Lớn : Kinh Việt Nam, Ta Phải Thấy Mặt Trời, hát cùng chính tác giả Trịnh Công Sơn, Vân Hòa, Vân Quỳnh, Vân Khanh . Băng nhạc này do một số băng hữu của TCS sưu tập lại được . Quý bạn có thể nghe từ địa chỉ web Saigonline.com, trang Trịnh Công Sơn.

Năm 1970, cùng với ca hát, Hoàng Xuân Sơn làm thơ và gửi đăng trên các tạp chí Văn, Chính Văn, rồi lần lượt theo sự xuất hiện của tạp chí, anh có thơ trên: Diễn Đàn, Khởi Hành, Nghiên Cứu Văn Học, Đối Diện, Thân Hữu, Xây Dựng Nông Thôn, Ngưỡng Cửa, Nhà Văn...

Sau 1975, Hoàng Xuân Sơn được nhà nước xã hội cho lưu dụng nhờ có khả năng chuyên môn từ trường ốc. Tuy vậy sự thiếu vắng những sinh hoạt hợp với sở thích, đã đẩy Hoàng Xuân Sơn ra đi và đến Montréal cuối năm 1981. Cùng với vợ, anh bắt đầu tổ chức lại cuộc sống nơi xứ người. Trong gần 25 năm Hoàng Xuân Sơn đã thủ đủ vai, từ chủ đến thợ, lúc lên lúc xuống. Có thời anh phải qua tuốt bên Washington cùng Ngô Vương Toại, Giang Hữu Tuyên làm báo, làm bồi bàn cho một quán ăn của bạn . Không khá, lại trở về Montréal, ở nhà thuê, đi xe thuê một thời gian, trước khi mua được một ngôi nhà khang trang tại thành phố Roxboro, ngoại vi Montréal. Chị Lân trở thành viên chức thành phố Montreal. Cuộc sống mỗi ngày một ấm áp với sự thành tài nha sĩ của cậu con trai duy nhất, Hoàng Xuân Duy Khiêm. Năm 2005 ông bà Hoàng Xuân Sơn bán nhà, mua nhà mới ở Laval. Và anh chưa thể nghỉ hưu vì cái năm sinh 1947, ngày 01 tháng 01. Lẽ ra bước vào năm 2007 anh đã ung

dung ngồi nhận tiền già như tôi, nhưng giờ phải chờ thêm 5 năm rong chơi trong tuổi trung niên nữa !

Một điểm son trong tiểu sử Hoàng Xuân Sơn, anh không buông tay đàn, tay viết, trong cuộc sống chạy đua với thời gian tại hải ngoại. Cảm thấy nơi ăn chốn ở ổn định một chút, anh nắm giữ ngay nhiệm vụ trưởng toán Du Ca Đồng Vọng một thời gian, tham gia tích cực vào các chương trình văn nghệ của cộng đồng người Việt Quốc Gia vùng Montréal và phụ cận, cùng lúc nguồn thơ của anh mỗi ngày một sung mãn. Gần như tuần báo, nguyệt san, tạp chí... ở bất cứ quốc gia tự do nào trên thế giới cũng xuất hiện đều đặn những Sử Mặc, Hoàng Hà Tĩnh, Hoàng Xuân Sơn... không chừng còn nhiều bút hiệu khác mà tôi chưa kịp phát hiện. Anh trở thành quen thân với bạn đọc của các báo: Làng Văn, Văn Học, Văn, Thế Kỷ 21, Chủ Đề, Sóng, Sóng Văn, Năng Mới, Saigon Times, Hợp Lưu, Phố Văn, Gió Văn, Đi Tới, Tạp chí Thơ... cùng nhiều tờ báo trên mạng lưới điện toán.

Hoàng Xuân Sơn cũng không lười tham gia vào một số hội đoàn như Văn Bút (Trung tâm Québec), Gia đình Cựu Giáo chức, nhóm Việt Thường (giai đoạn đầu với Luân Hoán, Đỗ Quý Toàn, Phạm Nhuận, Hoàng Xuân Sơn, Hồ Đình Nghiêm, Lưu Nguyễn, Lê Quang Xuân / hiện nay với Luân Hoán, Song Thao, Lưu Nguyễn, Hoàng Xuân Sơn, Trang Châu, Hồ Đình Nghiêm)...

Năm 1988, Hoàng Xuân Sơn cho ấn hành tập thơ đầu tiên của anh, thi tập Viễn Phố. Sách dày 140 trang, giấy màu mỡ gà. Bìa do chính Hoàng Xuân Sơn vẽ và trình bày. Trang điểm thêm cho phân hình thức có các bản vẽ của Võ Đình, Thạch Miên, Đình Cường, Hoàng Xuân Sơn. Làm duyên cho tập thơ còn hai bản phổ nhạc của Hà Thúc Sinh và Phan Ni Tấn ND. Tôi chưa được hân hạnh góp tay trong thi phẩm đầu của Sơn nhưng được anh đề tặng ở một bài mang tên Phong Thổ. Nguyên bản:

*“Nếu ai thấy nắng còn than mệt / qua hết mùa đông tuyết
nẫu người/ cái lạnh thổi từ âm phong trắng/ khô khóc đêm dài
cánh cửa tôi.*

*Có một đôi khi đời khóa trái/ làm sao nhốt được côi mây
ngoài/ như nắng chứa chan lòng mới gội/ chép được gì giấc
mộng vừa trôi ?*

*Mười hai năm tới còn xô đẩy/ lặn lướt ra đi tận miệt nào/
đất trời bốn phía nắp vung đây/ sông nước cách lè một hướng
sao.*

*Bình thân trong lòng không dọn sóng/ bạn cứ ngâm đi mấy
đoạn trường/ đã quen nếp sống dày phong thổ/ chẳng có gì
ngoài chén rượu suông.*

*Uống nhè đêm nay mừng tình nạn/ hát bạn nghe chơi khúc
vô câu/ những kẻ ngồi không từ sáng sớm/ chiều ngâm ngùi hồn
lọt cửa sau.*

*Thêm mười năm nữa không câu thúc/ đời đã lầy chưa cái
nợ nần/ kẻ đến người đi dần thừa thớt/ tóc dài treo một sợi nghìn
cân.*

(Viễn Phố, Hoàng Xuân Sơn, trang 66, 67)

Nhận bản tặng Viễn Phố Hoàng Xuân Sơn đề tặng trong tháng 8/1988 tôi không có nhiều ngạc nhiên. Nhưng mở trang trong, đọc được bài đề tặng mình, tôi thật sự cảm động. Chỉ sau ba năm, từ cái cuộc điện đàm không mấy vui trước đây, tôi đã có thêm được một bạn thơ, và nhất là người bạn đó tỏ ra rất hiểu mình, đã chia sẻ với mình nỗi buồn thất thời, thất chí: *Những kẻ ngồi không từ sáng sớm/ chiều ngâm ngùi hồn lọt cửa sau...* đúng là một hình ảnh trung thực của cái tôi thời bấy giờ.



Trong thời gian viết lãng nhãng kiếm nhuận bút của nhà chủ báo Sóng, Nguyễn Tăng Chương, dưới bút danh Châu Ngọc Lê, tôi có thực hiện một bài phỏng vấn tác giả Viễn Phố, loanh quanh về chuyện làm thơ. Xin dẫn lại đây ít câu trả lời của Hoàng

Xuân Sơn, mà tôi nghĩ có thể nắm bắt được một ít nhận định và quan niệm về thi ca của anh.

... *“Trong cương vị một người làm thơ và được đọc thơ mình trước, tôi thấy bài nào tôi “chịu” đều xuất phát từ những cảm xúc ít nhiều có thật. Bởi thế, thơ phải “cảm” trước tiên, tùy*

tâm trạng, hoàn cảnh mỗi người. Thơ không cần giải thích dài dòng.

...cái hồn thơ trong mỗi người Việt Nam vẫn còn tiếp tục duy trì mãi mãi. Thơ trở thành máu huyết, mà máu huyết thì luân lưu hoài không bao giờ cạn. Và đó chính là niềm tự hào, là điều hãnh diện của dân tộc Việt Nam (tuy nhiên, vẫn có trường hợp ngoại lệ đối với những ai có tình khước từ Nguồn Việt, đối với mọi chủ thuyết vong bản phi nhân)

...trong văn chương nói chung, không có sự phân biệt bộ môn nào chủ yếu, thứ yếu. Như bàn tay có năm ngón, dòng sông lớn có những phụ lưu đổ về, hay một khu vườn với trăm hoa đua nở. Thơ, văn, họa hay nhạc hay bất cứ một bộ môn nào khác cũng đều mang một sứ mệnh riêng, một nét đẹp riêng, làm cho khu vườn văn chương khởi sắc, cho dòng sông văn học nghệ thuật tuôn chảy đời đời và cho bàn tay xây dựng tình người, tình đời hướng về chân, thiện, mỹ.

Tôi là một người làm thơ, bởi thế, một cách chủ quan, tôi cho rằng thơ chiếm một vị trí hết sức đặc biệt trong sinh hoạt văn học nghệ thuật. Anh thử nhìn lại xem: giờ bất cứ tờ báo nào, một tập san nào (từ trước tới nay), thơ vẫn dồi dào, phong phú không kém văn về phẩm cũng như về lượng. Để không khí buổi nói chuyện bớt nặng và vui đùa một tí, tôi xin trích lại phát biểu của một vài văn hữu cho rằng làm thơ “ngon lành” hơn viết văn:

“Con đường vương giả là phải làm thơ” (Võ Phiến, lời tựa tiểu thuyết Ngựa Năn Chân Bôn của Nguyễn Mộng Giác)

hoặc:

“Chính nhiều người kể lại đã gặp và nhìn tận mắt nhiều thi sĩ mặc vét, đeo cà vạt...” (Nguyễn Bá Trạc, Ngọn Cỏ Bông, trang 32, dòng 10, 11)

Và

“Thơ cao quý, ngắn gọn, chừng hai ba câu, nhà thơ có thể biểu dương sở trường, sở đoán của mình. Còn nhà văn phải viết ít nhất một vài trang mới làm cho độc giả biết tài nghệ của mình” (Hồ Trường An-trích thư riêng)

... Tập Viễn Phố quả được viết dưới nhiều thể loại thơ, tùy tâm trạng, tùy lúc, không có chọn lựa trước. Tôi thấy thơ lục bát dễ làm nhưng khó hay. Thơ thất ngôn âm điệu du dương trầm

bông, quen thuộc, dễ lôi cuốn. Tuy nhiên, nếu phải chọn, tôi sẽ chọn hình thức 6 chữ, vì không cường điệu quá, ngắn ngủi quá, trầm buồn, vừa đủ để tâm sự, kể lể, tỉ như:

*“Một hôm ngộ cảm đất trời
Cái thân run đi nhè nhẹ
Quanh ta những cánh và người
Nhìn ra vô cùng nhỏ bé”*

(tạp chí Sóng số 80 Xuân Kỷ Ty, 1989)

Trở lại với thi phẩm Viễn Phố. Chúng ta bắt gặp ngay từ những trang đầu, Hoàng Xuân Sơn bày tỏ rõ hơn về quan niệm thi ca:

... “ Thơ - những gì hiện ra bất chợt, đôi khi, trong một khoảnh khắc nào đó của đời sống như muốn thăm thì, kể lể về một giấc mơ, một thể tình từ một gặp gỡ, một chuyến đi bên đường lữ thứ. Tôi làm thơ và ao ước muốn nói lên những điều ấp ủ, khát khao, muốn nói lên tiếng nói Yêu thương, Phần nộ từ Tâm lòng chân thật đó. Với tôi, thơ không rao truyền một ngôn ngữ nào to tát, thơ chỉ là tâm sự, là “một chút riêng tư” trao gửi đến người thân, bạn bè, những kẻ đồng hành biết và sẽ quen...”

Tôi nghĩ quan niệm này của Sơn có rất nhiều bạn làm thơ đồng tình, trong số này có tôi. Làm thơ sẽ giản dị như hít, như thở, nếu thật sự mình yêu thích thi ca. Từ sự giản dị này, thơ chỉ là những phát tiết những điều đơn thuần nhất của tâm hồn. Bắt ép thơ vào một cái rọ ngôn ngữ nào đó, dù tưởng rất tự nhiên, không gượng ép, cũng có thể làm cho thơ trở nên hư hỏng. Căn nguyên tình ý, cảm nhận của mình ra sao cứ tùy nghi vào cái hứng để thể hiện. Dĩ nhiên, điều này chỉ dành cho những người thật sự biết làm thơ.

Họa sĩ kiêm nhà văn Võ Đình, “*một người có hân hạnh cùng quê ở Thừa Thiên, Huế với thi sĩ họ Hoàng*”, trong bài viết “*Đọc thơ một ngày xuân lạnh*” để thay lời bạt cho Viễn Phố, nhận xét:

... “Hoàng cũng nhớ nước, nhớ người, cũng đau sâu viễn xứ, trong thơ Hoàng cũng có rượu, có say, cũng có khi vỗ tay mà hát ‘ngửa mặt nhìn trời đất hè’...Nhưng thơ Hoàng bộc lộ nhiều nhất ở chỗ, nói theo kiểu Huế ‘da diết dễ sợ’. Thơ Hoàng trù nặng u uất, ràn rụa hư hao...”

Viễn Phố được Hoàng Xuân Sơn chia làm 4 phần, mỗi phần mang một tên riêng: Quê Nhà Như Một Vết Thương, gồm

14 bài. Ở Một Nơi Đến, gồm 19 bài. Hoài Niệm, gồm 22 bài. Dù Đường Thiên Lý, gồm 22 bài. Trong toàn tập, 77 bài, Hoàng Xuân Sơn dành một bài tặng vợ con, một bài dành cho cậu em Hoàng Xuân Giang, một bài tặng cho ba người cháu và 16 bài dành tặng bè bạn. Điều này cho thấy anh rất thương quý bằng hữu. Những phóng bút thân thiện này là bản tính đích thực ngoài đời của anh. Khác hẳn với hai câu tục ngữ xưa cũ với quan niệm lạc hậu, hẹp hòi về nam thanh nữ tú của đất “*non bất cao thủy bất thâm*”, Hoàng Xuân Sơn là một người chân thật, thẳng thắn. Lòng tốt của anh dành cho mọi người được hầu hết bè bạn công nhận, tán dương. Trong mọi sinh hoạt văn học nghệ thuật, như đón bạn văn từ phương xa đến, các buổi lễ lớn của người Việt tổ chức, những buổi thuyết trình, ra mắt sách, hầu hết đều có sự góp phần của Hoàng Xuân Sơn. Dù nhận được vô số tràng pháo tay tán thưởng cùng những lời cổ vũ nồng nhiệt, anh luôn luôn giữ được bản tính khiêm nhường trong tài nghệ của mình. Tôi đã đặt câu hỏi về khả năng âm nhạc, được anh trả lời:

- Tôi không biết một tí gì về nhạc lý nên không có chuyên sáng tác nhạc đâu anh. Hát

thì có hay hát. Hát cho bạn bè nghe, có tí hứng thì nghe tạm, lên sân khấu thì... dở ẹc...

Nhắc về ra mắt sách, kể từ lúc tôi có mặt tại Montréal, anh em bạn văn của thành phố văn hóa này đã tổ chức được trên dưới 30 buổi. Tôi chưa có tác phẩm nào được trình diện giới ham đọc sách báo tại Montréal, nhưng đã được anh em cho trình diện cuốn sách viết về tôi của nhiều tác giả, đó là cuốn Chân Dung Thơ Luân Hoán, ra mắt tại giảng đường B.421 đại học Montréal, số 200 rue Vincent D’Indy, lúc 19h30 ngày 15-5-1992. Hoàng Xuân Sơn cùng nhiều giọng ca khác đã có mặt trong phần văn nghệ, đi kèm. Riêng với Hoàng Xuân Sơn, anh cũng có một tập thơ được phối hợp tổ chức với hội Văn Bút Việt Nam (Trung tâm Québec), trình làng trọng thể tại Centre d’Essai thuộc đại học Montréal ngày 04 tháng 12 năm 1993. Đây là thi phẩm thứ hai của Hoàng Xuân Sơn có tên Huế Buồn Chi. Phần diễn ngâm tập thơ trong buổi ra mắt sách do đông đảo giới yêu nghệ thuật đóng góp: Phạm Đình Cường, Tôn Nữ Hương Bình, Lê Phan Lân, Thanh Hằng, Thanh Hà (nay đổi thành Thái Hà), Lê Văn Anh Cát, Diệu Trang, Hoàng Phúc, Kim Tuấn, Võ Anh Tuấn và chính tác giả. Nhà báo Ngô Vương Toại từ Washington DC và

nhà văn Hồ Đình Nghiêm, trình bày những nhận xét của mình trong phần giới thiệu tác phẩm.

Huế Buồn Chi, dày 122 trang. Mẫu bìa in một bản vẽ màu rất nghệ thuật của họa sĩ Võ Đình, do Hồ Đình Nghiêm trình bày. Bìa sau in chân dung thi sĩ chụp bắt bởi Hoàng Hà. Bốn phụ bản đen trắng cho tập thơ của hai họa sĩ Đinh Cường, Võ Đình (mỗi người 2 bản). Một ca khúc phổ từ thơ được Lê Văn Thành thực hiện. Đặc biệt nhất là bài viết dài 8 trang của nhà văn Hồ Đình Nghiêm, thay lời bạt: Tạ Lỗi Cùng Huế. Nhìn chung những người cùng đứng trong phần đất Huế Buồn Chi, đều có cội rễ hoặc đan díu đậm đà (con rể, trường hợp Đinh Cường) với Huế. Có thể nói đây là một tác phẩm Huế rất (theo giọng Quảng Nam của tôi).

Trước khi trích vài bài thơ đọc chơi, chúng ta thử xem Hồ Đình Nghiêm viết những gì trong Tạ Lỗi Cùng Huế:

... *“Ông ấy là Hoàng Xuân Sơn ? Hoàng Xuân Sơn nào vậy ? Cái ông đang ôm đàn ngồi hát đó có ‘bà con’ chi với một ông chuyên làm thơ ? Nhân gian này vẫn thường nghe, vẫn luôn thấy đời nghiêng. Nhưng nhân gian cách trở ở cái Mộng Lệ An (Montréal, chủ thích của người viết) nhỏ bé này có khi nào chứa tới một lúc những hai ông họ Hoàng trùng tên trùng chữ lót phiêu giạt chạy tới xin định cư ? (điều này có thật, chủ thích của người viết):*

*Em qua tới bặt em ngồi
tới bờ em đứng khóc mùi mẫn em...*

Không, không, chỉ có một thôi. Sài Gòn, Hà Nội thì rằng không biết, chứ Huế mền thì chỉ độc có một ôn Hoàng Xuân Sơn nó đó ni. Ôn hát mùi dễ sợ ôn làm thơ cũng hay ác ôn”

Một đoạn khác:

... *“Họ nói tới những người viết gốc Huế, đêm không xuể trên đầu mấy ngón tay đưa ra. Và trên những ngón tay ấy có đậu một cái tên Hoàng Xuân Sơn. Khuất lấp bên trong tường rêu cổ xưa là trường Cao đẳng Mỹ thuật, láng giềng cận kề nó là trường Quốc Gia Âm Nhạc đang có ai ngồi chơi đàn piano thánh thót run lên những cung bậc trong chiều vắng lặng. Những chân mây tím, mặt trời xuống núi như còn gởi lại tia lửa bùng cháy đi viễn cam trên đỉnh Ngọ Môn. Tiếng đàn lan man đi vọng dội giữa một vùng đất phì nhiêu lau lách và phượng vĩ và thâu đầu (sầu đông) và mù u. Và hôm nay đây, lần đầu tiên nhìn thấy*

Hoàng Xuân Sơn trên xứ người, tiếng đàn tịch lặng ấy lại chảy về như nước cuốn cùng với thú hình ảnh của một Huế thoi thóp, của một Huế biến động, của một Huế bị kéo phăng đi về phía bên kia vĩ tuyến của tôi tắm, xóa nhòa, xa cách, đày đọa...”

... “Và cuối cùng, tôi đã được nhìn thấy ôn, được quen ôn mà không cần tới sự giới thiệu của Mưòng Mán. Ôn hay yên ?

*Cặp gương trắng như lòng yên trắng
Yên lên ngàn có chộ hôn quê ?*

...

Tôi yêu biết mấy những câu lục bát của ôn, như từng yêu Mưòng Mán, từng yêu Phạm Nhuận, từng yêu Huỳnh Liễu Ngạn. Những đứa con Huế thất tung kẻ ở người đi...

...

Nhà thơ họ Hoàng là người nặng lòng với Huế. Tôi là kẻ lòng nặng mà bất tài. Vừa có tài vừa có lòng như thế thì tôi mong Huế Buồn Chi sẽ không chỉ loanh quanh ở sông Hương núi Ngự mà nó còn bước chân qua đèo Hải Vân để xuôi Nam hay sang cầu Hiền Lương mà ngược Bắc. Nó không là ‘văn chương miền trung’ mà nó phải là một cái gì hơn thế...”

(Hồ Đình Nghiêm)

Bài viết của Hồ Đình Nghiêm thật có duyên. Anh không cần phân tích, trích dẫn nhiều thơ Hoàng Xuân Sơn. Loanh quanh từ những hình ảnh cận kề với tác giả Huế Buồn Chi, Hồ Đình Nghiêm đã giới thiệu khuôn mặt người bạn văn chương của mình một cách độc đáo. Ngoài ra anh còn bày tỏ được niềm tự hào, hãnh diện của mỗi một công dân Huế, trong đó có anh, một cách kín đáo, tế nhị. Những đánh giá, ước mong “*nó không là văn chương miền Trung, mà nó phải là một cái gì hơn thế*”, hoàn toàn chính xác. Thơ của Hoàng Xuân Sơn không chỉ dành riêng cho những bạn đọc gốc Huế, mà dành cho tất cả người Việt Nam, cùng những người yêu thích và nghiên cứu về văn chương, ngôn ngữ Việt Nam. Nhưng, dĩ nhiên, gốc Huế trước tiên phải được dân chính Huế vun đắp, phổ biến kỹ hơn. Tôi không tin bất kỳ một tổ chức nào thực hiện những chương trình về Huế, như *đêm nhớ Huế, gặp mặt Huế*, có giới thiệu những tác phẩm từ tâm hồn của những đứa con cất ruột của mình, mà bỏ sót, không nhắc đến ông thi sĩ Hoàng Xuân Sơn. Không dám mong bù đắp những thiếu sót ngớ ngẩn như vậy, tôi chỉ mời bạn đọc ít câu, ít bài

ngăn ngẫn về Huế của Hoàng Xuân Sơn cho ngấm thêm cái hương vị đất cố đô:

*“Sông Hương chừ trắng nợ rồi
phủ tay còn chút buồn rơi cuối dòng”*
(thơ đầu tập)

*thưa em chút nắng trên đò
tan sông giờ cũng óm o gầy mòn”*
(nắng qua đò)

*“Lâu lắm không hề nghe thổ âm
Răng, rứa, chừ, mô cũng lạ dần
giọng treo trên núi hôn xiêu lạc
giọng bỏ về nơi chốn tị trần”*
(thổ âm)

*“Thôi đừng tắm sông nữa em à
sợ chiều se lạnh nước mòn da
sợ trắng ngả xuống thêm râu mục
sợ cả đêm hoang gió thổi nhà”*
(thôi đừng)

*“nước chảy đi rồi không lộn lại
mà người đứng mãi ở bờ sông
con đò khảm nắng tình ni nở
hò thăm, đêm ai mới lọt lòng”*
(nước chảy)

Lòng dạ của Hoàng Xuân Sơn như lòng của một con đò trên sóng nước sông Hương. Lòng con đò đó thật mênh mông, theo năm tháng đã khảm nắng những huy hoàng, những tai ương, vui, buồn của bao kiếp người, nhưng không chìm khuất.

*“Huế buồn chi Huế không vui
Huế o ở lại Huế tui đoạn đành
O đau sưng khó một mình
Tui đi ray rứt Nội thành tái tê
Huế buồn chi, tội rứa tề
Tình xưa nghĩa cũ ngó về tựa nương
Huế ơi mộng tới đường trường
Kim Luông Vỹ Dạ dòng Hương có còn
Trèo tình lên núi mà thương
Cỏ cây chắt ngát phố phường ở mô
Huế chừ cách mấy triệu o
Mưa qua cửa Thượng chiều co bến Thừa”*

(Huế Buồn Chi)

Tình thật là tình. Thương thật là thương. Tôi từng là “*học trò xứ Quảng ra thi...*” và cũng từng khẩn khoản “*Xin Huế Một Người Tình*”, nhưng mãi mãi vẫn chỉ là:

“chờ mái tóc lưng chừng vai áo trắng/ chờ nụ cười nghiêng vành nón xa xăm/ chờ đôi gót wôm hoa lên đường phố/ chờ gió bay sau tà áo lụa thơm” đề rồi tiếp tục năn ni: *“Em xứ Huế hỡi người em xứ Huế/ hãy yêu ta như yêu trái nhãn lồng/ hãy yêu ta như yêu từng viên ngói/ trên nóc nội thành vàng bóng hoàng hôn...”*

Cuối cùng vẫn phải tự lừa dối mình, đem cái tự tôn ra gỡ thể diện:

“Em xứ Huế hỡi người em xứ Huế/ ta qua đò, ta qua hết dòng sông/ sông bớt đẹp nếu ta không yêu mến/ các người em gái nhỏ dễ thương/ xin âu yếm hỏi em điều vẫn sợ: - làm rể người xứ Huế khó hay không ?”

(LH- RHDR, 1974)

Thắc mắc từ thời trẻ thơ của tôi, mãi đến nay vẫn chưa có cơ hội được giải đáp. Muộn rồi. Hết rồi. Tiếc.

Thi phẩm Huế Buồn Chi không chỉ được tổ chức ra mắt tại Montréal mà còn được vợ chồng được sĩ Võ Thành Tân, một người bạn thân giao của Hoàng Xuân Sơn tổ chức trình sách tại nhà hàng Việt Nam của cựu Dân biểu Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Tiết ở thành phố Toronto vào tận năm...2000. Cùng ra mắt tác phẩm với Sơn, nhà văn Trang Châu cũng giới thiệu đến bạn đọc tiếng Việt ở Toronto tập truyện ngắn Di Thu của anh. Để hỗ trợ tinh thần bằng hữu, nhà văn Song Thao, nhà thơ Lưu Nguyễn cùng tôi vượt đường trường sang tham dự. Buổi ra mắt sách rơi vào một buổi chiều chủ nhật, nên sự thành công có phần hạn chế trong cái âm áp của những người viết và đọc lẫn nhau.

Tôi với Hoàng Xuân Sơn, Song Thao còn có dịp trở lại Toronto phát hành sách vào ngày 07 tháng 5 năm 2006 vừa qua. Lần này, Hoàng Xuân Sơn đi cùng vợ, chị Quách Kim Lân. Thi phẩm mới của anh là một tập thơ sử dụng thể 6/8 lấy đúng tên Lục Bát do Thư Án Quán của nhà văn Trần Hoài Thư xuất bản năm 2004. Mẫu bìa do chính Hoàng Xuân Sơn vẽ và trình bày, in gián dị một màu, nhưng rất mỹ thuật. Sách dày 166 trang, giấy

tốt, có vân. Chân dung tác giả qua nét phác họa của Vivi, từ năm 1990. Ngoài lời mở rất ngắn gọn của người chủ trương nhà ấn hành, còn có bài giới thiệu tác giả và tác phẩm của Cao Vị Khanh. Để cuốn sách được hình thành, Trần Hoài Thu đã phải chia công cùng các bạn: Phạm Văn Nhân *layout* trang ruột, Trần Quý Thoại (con trai Trần Hoài Thu) góp phụ bản.

Cao Vị Khanh là bút hiệu của ông Võ Trung Hiền, cùng định cư tại miền tây đảo Montreal (West Island) với Sơn. Cao Vị Khanh viết lời bạt cho Lục Bát Hoàng Xuân Sơn, có lẽ, không những do tình bạn, mà còn do sự phân công khá minh bạch của ông đầu tàu Thư Quán Bản Thảo, Trần Hoài Thu. Bài bạt của ông Khanh viết theo lối hành văn rất “tân hình thức”. Có rất nhiều ngoặc đơn trong một câu. Bài viết khá dài, tiêu biểu:

“...Xuống hàng là xuống hàng. Chấm và hết. Không có hỏi han lời thôi. Mà cũng không có phân trần lếch thếch. (thơ chớ bộ nhân tình nhân nghĩa gì sao mà i ôi...)

Xuống hàng là xuống hàng. Giống y cái ngã ba đường đời vậy đó. Tới đó là phải tan-hàng-cố-gắng. Tới đó là phải anh-đường-anh-tôi-đường-tôi. Tới đó là người-lên-ngựa-kẻ-chia-bào. Có niu có kéo có trì thì cũng có cưỡng lại được đâu. Thì còn hỏi tại sao làm chi cho thêm ngổ ngán. Mà có hỏi thì cũng có ai trả lời đâu. Thiên hà ngôn tại !

Tới đó thì xuống hàng vậy đó. Mà điều có thấy không. Tự dưng nghe như thâm thiết hơn khi lời thơ bị bứt rời ra, đứt lìa ra. Và hình ảnh không còn là một bức tranh tĩnh (chết) nữa mà trở thành một hoạt cảnh (sống, động) hẫng hoi. Mà tôi cánh bướm tà dương chập chờn. Thơ đi một hơi một mạch nghĩa là vẫn còn đó, sức sống. Sự liên lạc của chữ nghĩa mang trong nó hình ảnh của gấn bó (dù le lói) ? Như vậy là câu thơ không chuyển được hết cái ý nghĩa của thôi-đành, của đành-vậy của cũng-đành, của đầu-hàng, của chịu-trận, của hết-thuốc-chữa...nghĩa là của tuyệt vọng

Mà tôi cánh bướm tà dương

chập chờn

(hai chữ ‘chập chờn’ rớt xuống hàng dưới hình như đôi cánh mới đã rụng xuống chiều nào, thấy không)...

Hình như ông Cao Vị Khanh đang luận về kỹ thuật xuống hàng trong lục bát Hoàng Xuân Sơn. Và cứ thế, ông viết một

mạch rất liền hơi, khó có thể cắt xén để trích đoạn, mà không bỏ sót ý tưởng nhận định của ông, nên xin ngừng trích.

Hoàng Xuân Sơn là một nhà thơ ở cùng lứa tuổi với tôi. Anh chỉ chậm hơn tôi một năm khi đến với cuộc đời. Và đến với thơ có lẽ chỉ sau tôi vài ba năm, nhưng anh có vẻ trẻ trung mãi, phơi phơi mãi. Anh luôn luôn theo kịp trào lưu của cách tân, đổi mới. Tôi trụ lại trong cái cố tuổi của vắn điệu, trong khi anh phát huy nhiều cái mới, ngay cả cái hình thức ở câu thơ lục bát dân tộc. Viết nhiều ở tạp chí Thơ, anh là bằng hữu thân thiết của các tay kiệu tướng Khế Iêm, Đỗ KH, Chân Phương, Đinh Linh...trong phong trào làm mới thi ca, rất được tán thưởng tại hải ngoại. Bài dưới đây được Hoàng Xuân Sơn ký Sử Mặc đăng trên tạp chí Thơ số mùa xuân 2005:

*“Một tị nữa thôi
Mà: chừa chỗ cho nhau ngồi với không
kéo nay mai nỏ kịp bông
bé nhau lánh đại nạn hồng hà dằng
lũ tràn tuôn ngập ngựa dân
này nữa là trôi tắt ngàn rong rêu
quỷ mị nhân sinh bọt bèo
trên rừng dưới rú cạp beo cáo cầy
hàng hàng lớp lớp banh thầy
rửa xả nhိếc móc bầy hầy mánh mung
thời những kẻ chung đụng chung
tình chung lưng đấu cật phùng phùng cơn
phong ba lý sự dập dôn
không kịp nhìn mặt cái con
mẹ dài như tiếng thở, còn đâu đây
lâm bồn trên lá trên cây
trên cuống thịt ôi vữa, ngày tàn thu
rối nhích tí nữa cho cù
rũ lộn kiếp mai đánh đu ờ ề”*

Bài thơ có tên Nhích Ra. Vì là lục bát nên vắn điệu đủ đầy, chỉ hơi khác ở bài này ông Sử Mặc ít xuống dòng từ một chữ, hai chữ hay ba bốn chữ. Và cũng tương đối dễ nắm bắt ý tưởng tác giả. Cái mới ở đây là sự sử dụng chữ, đồng thời phảng phất ít nhiều chất thơ Bút Tre. Bên cạnh khả năng làm mới thi ca,

Hoàng Xuân Sơn còn có một sức sáng tác ít có ai theo kịp. Hãy đọc tất cả tạp chí Việt ngữ tại hải ngoại để kiểm chứng điều này.

Với đời thường, nhà thơ Hoàng Xuân Sơn rất mực dễ mến. Có lẽ không khi nào anh làm phiền lòng ai. Bản tính hiền hòa,



thích giao du bè bạn, khá dễ bị níu kéo, cù rử trong những sinh hoạt có tính cách văn nghệ, văn học. Vóc người trung bình mẫu Việt Nam. Mặt mũi có thể liệt vào thành phần đẹp trai, dễ dụ phái đẹp. Nhất là cách ăn nói chỉ kém nhà thơ Du Tử Lê và nhà thơ Hà Nguyên Thạch một chút ít. Yêu và kính vợ ngang tầm cỡ nhạc sĩ Từ Công Phụng.

Trong những thập niên 80, 90 sinh hoạt nghệ thuật văn hóa tại Montréal rất khởi sắc, phần lớn nhờ vào sự giao tình tốt đẹp, cởi mở giữa những anh em cầm bút. Thời đó, Hoàng Xuân Sơn cũng như chúng tôi, những Nguyễn Đông Ngạc, Nguyễn Khắc Ngữ, Hoàng Phúc, Nguyễn Hữu Chung, Đỗ Quý Toàn, Hồ Đình Nghiêm, Luân Hoán, Song Thao, Lưu Nguyễn, Nguyễn Minh Đức, Trang Châu, Lê Quang Xuân, Vũ Ngọc Hiến, Vivi, Phạm Nhuận...hầu như tháng nào cũng có gặp nhau một đôi lần. Những bữa cà phê, những bữa rượu, không quá đà cả đêm nhưng vô cùng thoải mái. Hoàng Xuân Sơn mãi mê đàn hát. Những ca khúc tuyệt vời của Trịnh Công Sơn được anh cho bè bạn nghe lại

cùng tiếng *guitar* thùng, làm sống lại một thời đã qua. Giọng Sơn thích hợp với loại nhạc thánh phòng. Nhiều lúc anh như ca sĩ Tuấn Ngọc, lắng lòng, nhắm mắt để tự theo dõi, tự thưởng thức nguồn âm thanh từ tim, từ bụng, từ cổ mình loan ra, chan hòa chung quanh.

Ngày gia đình Nghiêu Đề sang thăm, tôi đưa lên nhà anh. Sơn cũng rất thân với vợ chồng Nghiêu Đề, thân đến độ anh từng mang giúp một số tranh sơn dầu trong chuyến di cư của mình. Ngày hai ông bà họa sĩ Bé Ký, Hồ Thành Đức qua, cũng không quên ghé tư gia Hoàng Xuân Sơn. Những buổi khoản đãi bè bạn



chị Kim Lân lo rất chu đáo và rất ngon miệng. Tôi với ông bà Sơn, Lân có giao tình chậm hơn hai ông bạn họa sĩ trên, nhưng cặp vợ chồng dễ thương này cho gia đình chúng tôi nhiều kỷ niệm quý, khó quên. Trong cả hai dịp làm lễ vu qui cho hai cô con gái, vợ chồng Sơn, Lân đến với chúng tôi như một thành viên của gia đình nhà gái. Ngoài chuyện tiếp chuyện cùng nhà trai, cúng dường trước bàn thờ tổ tiên, Hoàng Xuân Sơn còn là người điều khiển chương trình trong cả hai đêm dạ tiệc cưới. Tôi nghĩ, nếu ở Hoa Kỳ, nếu có duyên, có cơ hội Hoàng Xuân Sơn sẽ là một *MC* rất có hạng trong những chương trình trình diễn âm nhạc. Tài hoa và cởi mở nhưng ông bạn thi sĩ của tôi hình như không được nhiều thông dong.

Tình yêu thương vợ con không màu mè phơi bày lên giấy trắng mực đen như tôi, nhưng đậm đà, rất mực, nhiều lúc bè bạn cũng phải cúi đầu, suy ngẫm.

Chẳng phải “*bánh ít trao đi bánh chi trao lại*”, tôi làm đôi bài thơ tặng Hoàng Xuân Sơn tự nhiên, như đã tặng rất nhiều bè

bạn khác. Trong tình bằng hữu, chúng tôi khen thẹn, khi tự khen: chúng tôi đều là những người có một tấm lòng. Những câu thơ tán tụng vợ không là gì cả, có chăng là một niềm vui tìm thấy ngay trong lúc viết. Từ bài Phong Thổ của Sơn đề tặng, tôi viết mấy câu lục bát, không dấu kín được sự gương ép:

*“Trong phong thổ trắng thơ người
Hơi buồn nở trắng chỗ ngồi quanh hiu
Lòng ta đâu chỉ bấy nhiêu
Hâm thơ thế rượu cùng liêu như nhau”*

(LH-NTCKMX)

Và trong Giữ Riêng Vài Nét Như Là, một bài thơ dài nhiều đoạn, mỗi đoạn là một khuôn mặt, in trong tập Luân Hoán-Một Đời Thơ, về Hoàng Xuân Sơn, tôi vẽ thành ngũ ngôn:

*“Tò mò tra tự điển
Sử Mặc nghĩa thế nào
chắc có nhiều khúc mắc ?
ấn bóng dáng hồng đào ?
ngón đàn bay hương rượu
giọng hát trầm ngọt ngào
đã tới chưa Viễn Phố
áo phơi thơm hàng rào”*

(LH- LHMDT)

Có cổ lắm, thơ vẽ bè bạn của tôi cũng chỉ có thế. Nhưng cái tình của tôi chắc chắn phải nặng cân hơn. “Lục bát tông tâm” mà. Nhiều câu “nói chữ” thật thú vị. Ngoài bài Phong Thổ, Hoàng Xuân Sơn còn tặng tôi 4 câu lục bát, có phần trực tiếp hơn:

*“Phước Ninh quê ở nơi nào
Áo quần giặt giữ đã bao lâu rồi
Tình là nắng ấm hong phơi
Còn nghe hương ủ bồi hồi dáng thơ”*

(Hoàng Xuân Sơn)

Không giải thích thơ, tôi chỉ nêu ra và cắt nghĩa như chú thích điển tích, dù ở đây chẳng có điển tích gì. Phước Ninh là địa danh nơi vợ tôi ra đời, thuộc Quận Nhất thành phố Đà Nẵng, Phước Ninh nằm tiếp cận với Hải Châu. Nhà ba mẹ vợ tôi nằm giữa hai con đường Phan Thanh Giản (nay là Hoàng Văn Thụ) và Lê Đình Dương. *Áo quần giặt giữ...* do một bài thơ của tôi viết có tên Giặt Áo Quần Cho Vợ. Đây là một bài thơ được khá

nhieu người biết đến, trong cả hai đánh giá khen lẫn chê. Nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc một lần gặp vợ chồng chúng tôi đã đùa: “ Anh giặt áo quần trắng sạch chưa mà đi chơi đây ?” (câu này chỉ viết lại đại ý của chị Bắc, không đúng hẳn nguyên “bồn”).

Đó, các bạn xem, những niềm vui của những người làm thơ chúng tôi, đôi lúc chỉ đơn giản như đang giỡn vậy thôi. Trong cuộc sống mịt mù xa tổ quốc, thêm gặp được một người bạn để được nói đôi câu tâm thường, quen thuộc nhất, đại loại: “*Ê Sơn, khỏe không ? Sao tóc tai coi bộ đã đến mùa đông quá vậy ?*” hoặc “*A anh Hoán, lâu ni trên mạng có gì mới không ôn?*” Chuyện không khó, nhưng vẫn khó thực hiện được. Thêm vào đó, cuộc rượt đuổi của vật chất theo mức tiến kỹ thuật, chúng tôi, dù không muốn cũng phải theo đòi cho phải phép. Thi giờ nghĩ về nhau để có bao nhiêu. Đọc được bài viết của một bạn trên báo, biết thẳng này còn ok, mừng cho nó. Như sáng hôm nay Đinh Cường vừa cho biết Hoàng Xuân Sơn đang đăng hồi ký trên báo Phố Vãn, như vậy Sơn vẫn ôn, bàn tay đánh đàn vẫn còn ngồi gõ phím chữ được, không bị quan than thở như hồi tháng 5 vừa qua. Hoan hô Hoàng Xuân Sơn, người con của xứ Huế Buồn Chi lạ.

Montréal, 20-10-2006

Ghi thêm:

1/ Những bài viết trong hai tập Dừa Hơi Bè Bạn, phần nhiều sau khi bản nháp hoàn tất, tôi gửi đến người cho tôi dựa hơi đọc trước, để có thể bổ túc thêm một đôi điều tôi chưa kịp nhớ ra. Hoàng Xuân Sơn, sau khi đọc gửi lại cho tôi, với lời nhắc, nguyên văn của anh:

*(**)Anh Luân Hoán quên thì để tôi nhắc : Lúc anh gọi điện thoại, bị anh xưng là Lê Ngọc Châu, thành thử tôi nghĩ là anh gọi lầm số . Sau đó biết anh là nhà thơ Luân Hoán, một thi sĩ mà tôi rất ngưỡng mộ tự hồi còn tập tễnh thơ thân, tôi vội vã phóng xe lên nhà anh . . .tạ lỗi . Sau đó, bọn mình làm một châu*

phở/cà phê sơ giao tại Phở Bắc đường Victoria . Và : “Rồi Từ Đó Hai Đứa Mình Quen Nhau . . .” - HXS

2/ Tôi cũng có quen với người em trai của Sơn, anh Hoàng Xuân Giang. Người bạn này to con lớn xác hơn ông anh. Xét về dung mạo, cả hai anh em đều xuất sắc như nhau. Bản tính cả hai đều vui vẻ, hoạt bát, dễ hòa đồng cùng đám đông. Hình như ngoài đời, Hoàng Xuân Giang lớn hơn ông anh trong mục sưu tập bạn gái.



Hoàng Xuân Giang sinh năm 1946 tại Huế. Là cựu học sinh các trường Lê Lợi, Providence (Huế), đại học Văn Khoa Sài Gòn. Anh bắt đầu làm thơ, viết nhạc sau năm 1975. Rất có thể vì có tên trong danh sách biên tập viên của một tạp chí (Đất Việt) đang bị chống đối, nên những sáng tác của anh đã không có nhiều cơ hội phổ biến. Năm 1994 nhà xuất bản Âm

Nhạc ở trong nước in cho anh một tập nhạc có tên *Hãy Nhìn Tôi Như Thế*, gồm các ca khúc: *Lời Xưa Em Khấn Nguyện, Đẻ Lòng Thương Nhớ Ai, Đôi Khi, Hãy Nhìn Tôi Như Thế, Cho Ta Hương Phấn Nồng, Em Đã Quên Tình Ai, Hương Đêm, Nỗi Buồn Chưa Quên, Trăm Năm Tiếng Cười, Quê Nhà Xa Xăm, Phai Theo Những Vòng Không, Phai Nhặt Giữa Đất Trời, Về Trong Mênh Mông, Ngày Sau Sẽ Nhớ...Quên, Yêu Em Tóc Ngắn, Chiều Ni Ngoài Nớ* (thơ Nguyễn Thị Hoàng), *Lời Vô Thường* (thơ Huỳnh Liễu Ngạn), *Nói Với Mùa Thu* (thơ Liên Hương), Tập nhạc do chính anh vẽ bìa và nhà thơ Lữ Quỳnh trình bày. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, một người bạn thân của cả hai anh em, đã viết lời vào tập cho Giang:

“Ai đi qua cuộc đời mà không tiếc thương. Đời sống thì dài mà đời ta thì ngắn. Có những khi ta ngồi thẩn thờ nhìn ngắm cuộc đời và tự hỏi: đời ở đâu và ta ở đâu.

Hoàng Xuân Giang viết nhạc như một cách nhìn ngắm cuộc đời để rồi bày tỏ lòng mình. Nhưng cuộc đời im lặng xa xôi, và Giang hốt hoảng, trong phút giây, muốn níu kéo một điều gì vô hình mà lẽ ra rất thực. Giang viết và nói “Hãy Nhìn Tôi Như Thế”. Hãy nhìn tôi như thế vì đời lãng quên tôi, vì tôi nhỏ bé, vì

*tôi sẽ biến mất trước khi cuộc đời vội vã nhớ lại như một thoáng
ăn năn vô vị.*

*Những gì Hoàng Xuân Giang muốn nói thì gần như đã nói
được trong những ca khúc của mình. Nói mà không nói bởi vì cái
lẽ vô ngôn trong những xô bồ ngôn ngữ làm sao Đời chia xẻ hết
được...”*

(Trịnh Công Sơn, Sài Gòn, tháng 4-1994)

Tôi có ghé đến chơi nhà anh nhiều lần. Vợ anh, chị Mai,
rất vui tính. Cả hai vợ chồng đều thích ca hát. Không biết có phải
nhờ nguồn âm thanh ngọt ngào vang mãi trong căn nhà hay
không, mà anh chị Giang Mai sinh được một cô con gái rất xinh
đẹp.

Giữa cuộc sống đang phơi phới cùng gia đình, cùng bè
bạn, Hoàng Xuân Giang vội vã bỏ đi xa. Cái chết vì bạo bệnh
của anh tại thành phố Montréal thật bất ngờ. Hầu hết anh em bạn
văn nghệ đều xúc động, ngậm ngùi.



Châu Văn Tùng, người đọc giả thứ hai

Độc giả là người bạn đường của người viết. Trong giai đoạn tôi tập tễnh bước vào cuộc chơi thơ văn, Châu Văn Tùng là độc giả thứ hai của tôi. Không dành cho anh vị trí thứ nhất, bởi vì chính tôi giữ vai trò này. Dù thật sự, sau khi làm được một bài thơ, tôi chỉ đọc lại qua loa, thay đổi vài chữ hoặc không, tôi cũng tìm ngay đến Tùng để khoe.



Tùng và tôi đã gặp và sớm thân nhau từ khu nhà lá của lớp Đệ Ngũ 3 trường trung học Phan Châu Trinh Đà Nẵng, niên khóa 1957-1958, sau khi tôi từ trường trung học Trần Cao Vân Tam Kỳ chuyển ra trung học Trần Quý Cáp Hội An, rồi chuyển tiếp về Phan Châu Trinh. Lớp Ngũ 3 của chúng tôi gồm toàn những học sinh có trang bị súng cá nhân. Những thằng cu này khá tinh nghịch và đã rậm lông, dày cánh lấm ròi. Cả lớp có chừng năm mươi tên, ngồi đầy hai dãy bàn trong một căn phòng thoáng mát. Phía trước mặt, bàn ghế của thầy, cô giáo nằm trên một bục cao, kế bên là tấm bảng xanh to rộng. Cánh cửa ra vào thứ nhất đứng không xa tấm bảng. Xóm nhà lá gồm bốn bàn, nằm cả hai dãy. Tôi và Tùng ngồi sát vai nhau, gần cửa ra vào thứ hai, tiếp cận ngay hành lang. Sân trường rộng, mặt cát. Năm bảy cây xanh tận lè đường Lê Lợi, mới được trồng, vừa đủ cao ngang đầu một học sinh tầm thấp. Tùng được cho vào xóm nhà lá có lẽ do vóc xác cao lớn của anh. Tôi được bổ sung quân số cho xóm này, có thể do đôi kính quá dày của thầy Trần Tấn, nhìn không ra sự hiền lành lẫn nhút nhát của tôi, trong lần đầu cầm giấy giới thiệu từ văn phòng xuống lớp. Âu cũng may. Định mệnh an bài không chừng. Vì nếu tôi không là dân xóm nhà lá, mà là dân xóm trên, ngồi cạnh một người không luôn tay vẽ vờ trong giờ học, thì cái nguồn thơ của tôi có thể đã sớm cạn, và cuộc đời tôi biết đâu đã chuyển sang một ngành nghề khác, không phải thơ thần. Hên,

xui thật sự đến bây giờ tôi cũng chưa xác định rõ. Nhưng tôi đã thực sự vui mừng, hạnh phúc, khi có được một người bạn tốt, và cũng đã chọn cho mình một thú chơi không tệ.

Tình bạn học giữa tôi và Tùng phát triển mau lẹ nhờ vào nhiều món giải trí giống nhau. Đứng đầu là môn đọc sách. Từ



những lãng mạn cổ điển của Thạch Lam, Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Xuân Diệu, Nguyễn Bính chúng tôi chuyển qua tả chân, hiện thực Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyễn Tuân... Những

Đề Mèn Phiêu Phiêu Lưu Ký, Xóm Giếng Ngày Xưa, Quê Ngoại, Bì Vô, Những Ngày Thơ Ấu... đến cả Tâm Hồn Cao Thượng, Jack London... cù rừ chúng tôi cả ngày. Dù đọc chỉ để đọc, không biết để làm gì. Tùng vẫn thích phác họa khuôn mặt thiếu nữ. Nét vẽ của anh có non yếu hơn họa sĩ Ngọc Dũng chút ít, nhưng vẫn mang đầy đủ chất nghệ thuật và sáng tạo, rất tiếc thành phố Đà Nẵng, thời điểm này không có nổi một tờ báo đúng nghĩa. Còn tôi, thì vẫn làm “con cóc nhảy ra”, nhưng con cóc “không ngồi đó...” mà nó nhảy vào các trang của tuần báo thiếu nhi Tuổi Xanh ở số 380 đường Da Bà Bàu Chợ Lớn.

- Mà làm bài thơ này được lắm - Bài này, tao thấy có mấy chữ mà dùng còn vẻ hơi cái

lượng, mà xem đổi lại đi - Bài này dài quá, tao thấy nên cắt ra làm hai, thành hai bài được, nếu mà sửa lại một chút...

Thường thường sau những góp ý đại khái như trên của Tùng, tôi đều xem lại bài viết. Có thể có thay đổi chút đỉnh hoặc không. Những bài thơ trong sáng, ngây ngô của giai đoạn này, tôi đều loại bỏ, không chọn lại khi có dịp in thành tập sau này, dù trong số đó có bài đã được một nhóm soạn sách giáo khoa ở Sài Gòn, chọn làm bài học thuộc lòng, in trong sách Việt ngữ lớp nhì, lớp nhất. Việc này, một dạo đã làm lỗ mũi tôi lớn gần bằng hai ống thở của ông Ngưu Ma Vương, chồng Ngọc Diện Công chúa trong Tây Du Ký.

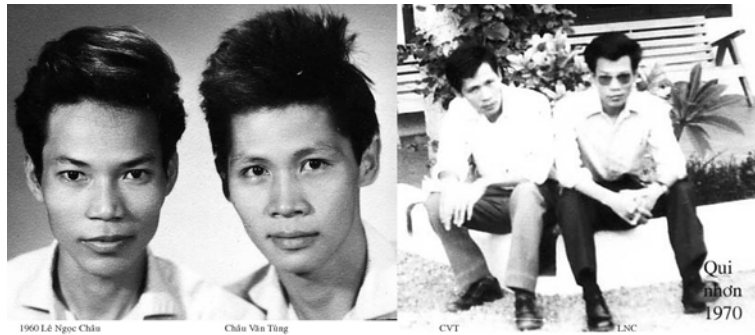
Vì em trai tôi, Lê Hân cũng làm thơ, làm ô chữ cho Tuổi Xanh, nên để khỏi trùng địa chỉ nhận báo tặng, tôi mượn địa chỉ nhà của Châu Văn Tùng. Lúc bấy giờ căn nhà ngói gồm nhiều

phòng của ba mẹ Tùng, mang số 66 nằm trên đường Triệu Nữ Vương, một con đường tương đối ngắn, nối từ rạp chiếu bóng Chợ Cồn đến đồn cảnh sát Hoàng Diệu. Tôi vẫn thường hiện diện trong ngôi nhà này. Nếu tình ý thêm một chút, đào hoa hơn một chút, có thể tôi đã trở thành em rể của Tùng. Vì anh có hai cô em gái, Châu Thị Hồng, rất sắc sảo, Châu Thị Đào mũm mĩm như một con búp bê Nhật. Ba mẹ Tùng đãi ngộ tôi như con. Bác trai, Châu Văn Chỉ, xuất thân từ cái nôi giáo dục của người Pháp, từng giữ chức Phó Thị Trưởng thành phố Đà Nẵng, rồi Tổng Giám Đốc Quỹ Bù Trừ Pháp toàn cõi Trung Việt cho đến ngày hồi hưu. Ông gốc Quảng Nam. Bác gái vốn là một khuê các của dòng trâm anh Huế. Nhưng bà không thừa hưởng những khó tính rất nổi tiếng của các mẹ. Tôi cũng từng ghé thăm ngôi nhà bà ra đời. Từng “*lạ nơi khép nép nằm nghe muỗi, năn nỉ như đòi chung gói chần*” (COĐĐT...) vì cái cổ kính, uy nghi của ngôi nhà, nằm im trong rượt hàng rào bằng những hàng cây xanh, dày.

Châu Văn Tùng ra đời tại quê nội, Hải Châu Đà Nẵng, vào năm 1942, theo khai sinh. Đứng ra anh cũng cầm tinh con rồng như tôi, nhưng không biết khúc đầu hay đoạn đuôi. Dù đầu hay đuôi, hễ đã là rồng đều là rồng lộn cả, nên cuộc đời đứa nào cũng không thiếu long đong, bầm dập. Ngoài hai cô em gái, Tùng còn có một ông anh, tốt nghiệp bác sĩ, anh Châu Văn Thạch (bạn học cùng nhà thơ Tạ Ký) làm việc tại Sài Gòn. Bà chị Châu Thị Lan, phu nhân của một nhà thầu, kiêm thương gia giàu có nổi tiếng của Đà Nẵng. Một bà chị khác dịu dàng, hiền thực trong nghề làm cô giáo, chị Châu Thị Mai, lớn hơn chúng tôi chừng hai tuổi. Nhìn chung, Tùng có nhiều điều kiện để theo đuổi thú chơi thơ văn, hội họa... hơn tôi, nhưng không hiểu sao, anh không chọn con đường vinh hoa, thiếu phú quý này. Ngoài chuyện vẽ vờ, mua sách làm tủ sách gia đình, Châu Văn Tùng còn say mê sưu tập thơ. Anh chép gần đầy đủ những thi tập tiền chiến vào trong các cuốn sổ đóng sẵn, bìa cứng, có gáy như sách. Có cuốn dày đến 500 trang. Chữ viết của Tùng khá đẹp. Chép thơ cũng là cơ hội cho các bản vẽ thiếu nữ của Tùng có chỗ trang trí nghiêm túc. Tôi cũng bắt chước Tùng làm công việc này một thời gian. Tùng cũng là một người sưu tập và chơi tem có hạng trong thành phố. Anh sắm những cuốn album đặc biệt, đắt tiền cho thú chơi trường giả và có vẻ trí thức này. Biết mình không có khả năng, tôi không mấy hứng thú với tem cò. Nhưng Tùng quyết tâm chia

xẻ cùng tôi, anh tặng album, tặng tem dư, tặng luôn cả kính lúp. Rất tiếc, chỉ một thời gian ngắn, tôi phụ kỳ vọng của anh để nuôi cá kiểng, một trò chơi Tùng không mấy thích. Thật ra việc chơi cá kiểng của tôi cũng bắt nguồn từ hồ cá, như một cái ăng lớn trong sân nhà của Tùng. Tôi khoái những con cá tàu đỏ, ba đuôi, đài các. Tôi thích những rễ cây nhỏ nhắn ăn bám vào mặt đá, một nửa ngấm nước, một nửa phơi nắng cả ngày. Tôi thích những cọng rêu, những cánh bèo rất ít khi được chao động. Cá kiểng đã làm bạn với tôi qua nhiều chặng đời. Sau này, vào thập niên 80, tôi chuyển hẳn tay qua nghề chơi chim. Hiện nay, tại hải ngoại, tôi trở lại với cá kiểng, dù không rườm rà, cầu kỳ như ngày xưa.

Nhắc lại kỷ niệm thời trung học với Châu Văn Tùng không phải là chuyện khó. Rất nhiều hình ảnh, rất nhiều câu đối thoại xa xưa vẫn còn rất đậm trong lòng tôi, chỉ cần nhắm mắt lại trong giây lát, tôi có thể đưa lên mặt giấy bộn bề một thời quá khứ. Nhưng chẳng lẽ làm phiền quá nhiều bạn đọc, tôi chỉ xin làm sống lại đây đôi điều chợt chạm đến trí nhớ.



Từ nhà, 66 Triệu Nữ Vương, Châu Văn Tùng có thể theo vài ngã phố khác nhau để đến trường Phan Châu Trinh, nằm trên đường Lê Lợi. Nhưng anh đã chọn ngã đi ngang qua nhà tôi. Với lối đi này, Tùng phải tiến qua gốc cây đa, qua luôn một ngôi chùa của Thiên Tiên Thánh Mẫu, (nơi vẫn thường phát ra những điếu rất “kích động”, tôi rất mê) để đến ngã ba Hùng Vương, Triệu Nữ Vương. Rồi Tùng phải đi ngang tiệm thuốc Lào Quỳnh

Lâm, phòng mạch bác sĩ Thái Can (ông “*anh biết em đi chẳng trở về*”), nhà may mui nệm Nguyễn Niệm...đến đầu tường bệnh viện Pháp vừa giao lại cho Việt Nam, Tùng rẽ trái qua Đông Kinh Nghĩa Thục. Sau khi qua ngã ba Pasteur, cửa sân vận động Chi Lăng, chắc Tùng đã sẵn sàng tiếng gọi:

- Châu ơi...

Tôi đã phục kích âm thanh này, và tức thì phóng xe ra đi. Cả hai thằng queo phải ở Thống Nhất, chỉ cách đó chừng 100 mét. Tôi cười xe đạp dầm, Tùng khệnh khạng trên xe đạp dàn ngang. Anh vốn cao lớn hơn tôi gần nửa cái đầu. Chúng tôi qua trụ sở Nghiệp đoàn Lao động với cái đầu trâu to tướng, đen thùi dựng trước sân, qua chân một gò đất cao, sau này là trường nữ trung học Hồng Đức, để đến Lê Lợi, để làm môn đệ gián tiếp của nhà cách mạng Phan Châu Trinh. Bạn học của chúng tôi thằng nào cũng dễ thương. Nhưng đáng nhớ đời là những tên đại tinh nghịch, đại xuất sắc, như Trần Hữu Chí, Trần Lục, Trương Văn Phương, Nguyễn Văn Thơ, Phan Quảng...Sau giờ học, chúng tôi thường dạo một vòng Đồng Khánh, Trần Hưng Đạo, rồi chia tay ở ngã tư đường Hùng Vương, Đông Kinh Nghĩa Thục.

Không có cuối tuần nào, chúng tôi không bát phở. Hôm nay tôi tạt lại nhà Tùng để cùng thông dong, hôm sau Tùng ghé nhà tôi để tiếp tục chuyến đi không khứ của ngày hôm trước. Tính chung, Tùng ghé đến tôi nhiều hơn, vì nhà tôi ở, đến những nơi thường đến gần hơn. Dĩ nhiên những ngày cuối tuần chúng tôi chỉ lội bộ. Những con đường để chúng tôi “bát” của thành phố Đà Nẵng thời bấy giờ không nhiều. Chung qui cũng chỉ là khu vực thương mại sầm uất loanh quanh chợ Hàn. Ở tọa độ này, chúng tôi có một số điểm đến gần như cố định: Quán sách Lam Sơn, quán sách Sông Đà, (cả hai đều nằm trên đường Độc Lập), Ty Thông Tin (ở góc hai đường Đồng Khánh, Yên Bái). Và quán trà Thành Ký, nằm đối diện chệnh chéch với “nhà thờ Con gà” Đà Nẵng.

Quán sách Lam Sơn và Sông Đà có hai ông chủ trung niên, không được coi mỡ lắm. Có lẽ vì công việc buôn bán làm cho cả hai ông có vẻ trầm tư một cách khó tính. Ở quán sách Sông Đà có một căn gác, nhà văn Lưu Nghi đã từng tạm trú một thời gian rất ngắn ở đây. Nhà văn Trang Thế Hy hình như cũng từng ghé đến. Tùng và tôi không hiểu đã vì lẽ gì, đã có lần leo

lên gác này thăm ông Lưu Nghi, nghe nói dốc hết cả một buổi chiều. Ông thầy giáo dạy Việt văn của chúng tôi, Trần Ngọc Quế, cũng rất thường hiện diện trong quán sách Sông Đà. Nhưng chúng tôi tìm thấy sự thoải mái nhiều hơn ở quán sách Lam Sơn. Ông chủ Lam Sơn vốn thường mặc áo len, dáng người hơi thấp. Ông biết cười nhiều hơn ông Sông Đà, đối thủ của ông. Chúng tôi nạp tiền cho ông này nhiều hơn ông kia gấp bội. Những dịp Giáng Sinh, cuối năm đông đảo, ánh mắt ông có vẻ ít xôn hơn khi thấy chúng tôi chiếm chỗ xó rợ. Ty Thông Tin Đà Nẵng, nằm trên hai mặt đường Đồng Khánh, Yên Bái. Sau ngày cụ Diệm lên ngôi, cơ sở này được sửa lại khang trang, rộng rãi hơn trước. Đây cũng là một trạm chúng tôi thường ghé vào để nghỉ chân, lật lật những tờ báo khổ lớn, được kẹp cứng trong hai thanh gỗ ở phần gáy, để khỏi bị cảm nhảm. Ty thông tin thường hay trưng bày ảnh thời sự có tính cách thông tin. Chúng tôi từng nhìn thấy ảnh các tướng Trịnh Minh Thế, Tôn Thất Định... ở đây. Tiệm trà Thành Ký khá khiêm nhường, chỉ có chiều sâu, chiều ngang khá hẹp. Rất ít khi chúng tôi ngồi bàn trong nhà. Tiệm chuyên bán cà phê, ca cao, trà cúc, bánh ngọt, bánh *paté chaud*. Cô chủ là một người Trung Hoa, chắc chắn lớn hơn chúng tôi vài ba tuổi. Cô có một khuôn mặt xinh xinh, mặn mà, duyên dáng như minh tinh Miêu Khả Tú và một vóc dáng gợi mở như nữ diễn viên Đinh Phôi. Sự phát triển thân thể của cô đang ở trong giai đoạn tuyệt vời nhất của người phụ nữ. Tôi nhiều lần nhìn trộm cô qua rất nhiều phần bất mắt trên cơ thể. Những gì tiên sinh Nguyễn Du vẽ trong truyện Kiều tôi đều lên tham quan. Con mắt của tôi đương nhiên có phần vô phép, nó nồng nàn không thua sút hơi thơ của thi sĩ Bích Khê. Mỗi lần nhìn trộm, tôi phát hiện có nhiều thao thức kỳ thú trong lòng, khác hẳn với khi ngắm nhìn một bạn nữ sinh. Nhiều đêm còn nằm mơ cùng cô hàng hoan lạc nữa. Những giấc mơ rất ư là Liêu Trai Chí Dị. Không giỏi môn địa lý, nhưng tôi cũng rất thường hay “vẽ bản đồ” trong thời kỳ này.

Những chuyến bắt phở của lứa tuổi học sinh choai choai chúng tôi, thường được xem là những chuyến đi thưởng ngoạn nhan sắc thanh xuân của thiếu nữ, nói bộc trực hơn là đi “nghề gái” Đối tượng của chúng tôi chủ yếu là đám nữ sinh. Họ thường tha thướt trong các chiếc áo dài trắng từng nhóm vài ba người. Cũng có một số cá biệt, ăn mặc theo đúng thời trang và

lượn xe qua phố trong phong thái lả lướt linh động hơn. Những hình ảnh này tôi đã giữ lại tiêu biểu trong ít vần lục bát:

*“vào chiều, mặc jupe-serrée/ mang giày gót nhọn lượn xe,
vội người/ sợi tình thả lỏng chân vui/ cho ngọn gió đủ thơm
người đứng hong/ vai nghiêng theo nhánh đường vòng/ đôi găng
lụa bạch bênh bồng nắng chao*

*nguồn hương thuốc lá côi nào/ mon men rủ đến cúi chào
ngón hoa/ chồn vờn, lấp ló, la cà/ nắn nì trông ngọn thi ca sống
cùng*

*địu dàng chiều đẩy sau lưng/ bênh bồng ngọn tóc thanh
xuân bên trời/ vòng solex lướt thành thoi/ vô tình dẫm chiếc
bóng ngời ngóng theo*

phố chiều vương hạt bụi treo...”

(Chiều Phố- Trôi Sông)

Nói cho ngay, tôi và Châu Văn Tùng không đặt nặng vấn đề đi ngắm mặt mũi, dáng đi, dáng đứng của các em. Chúng tôi bắt phố như một thói quen của một giai đoạn trong đời sống. Hơn nữa ngoài những bóng hồng ra, chúng tôi còn rất thích thú với cảnh sinh hoạt nhộn nhịp, đông vui của phố phường. Sự lặp lại trong sinh hoạt của mỗi ngày nơi đô thị, mới nhìn qua, tưởng na ná như nhau, nhưng thật ra có sự khác biệt từng phút, nếu chúng ta có lòng quan sát, chiêm nghiệm. Về cái tội ngắm gái đối với tôi, có lẽ còn có, nhưng đối với Tùng, thì oan cho anh. Thích vẽ người đẹp, nhưng anh rất ít khi nhắc đến bóng hồng này, nhan sắc kia, hay có một ánh nhìn bất ngờ dành cho một người đẹp nào đó qua đường. Đây có lẽ là một nghịch lý mà tôi không giải thích được. Biết bạn mình không nhiều hào hứng với loài hoa biết nói, nên tôi đã cô đơn một mình, trong những lần qua các ngõ nhà mỹ nhân: Minh Xuân, Như Thoa, Trần Châu, Lâm An, Lâm Vui, Bích Quân, Thu Hà, Thu Liên, Quỳnh Chi, Quỳnh Cư, Quỳnh Diên, Thúy Oanh, Ái Cầm, Diệu Minh, Quý Phẩm, Thạch Trúc, Bích Hà, Hồ Hồng, Huỳnh Phú...hay âm thầm Nghiêng Chèo Đà Nẵng Tiểu Thư Quỳnh Như, Ngọc Lan, Bích Hà...Hoặc:

*“...một mình qua phố chiều mưa/ tôi cong lưng đạp đi
mua tình người/ lượn thâm từng vụn tin vui/ chắt chiu ủ kín đợt
cười chớm xanh...”*

*tôi đi lững thững bên trời/ porte-bagages nặng vốn lời
nhân sinh/ thâm thương cho nhúm thơ tình/ em chưa chịu thả
chân linh hiển vào...”*

Tôi lãng mạn, tôi đa tình cũng chỉ vì thơ thôi. Vừa đạp xe, vừa làm thơ là chuyện bình thường. Nếu không làm thơ, thì giờ đâu để viết nữa, bởi “*Lang thang đi dạo cả ngày, con đường nhẵn gót, ngọn cây nhẵn mây...*”. Tùng cũng đi nhiều, nhưng kém xa tôi. Hơn nữa, hình như anh không bao giờ làm người độc hành. Anh cũng thiếu vắng những bay bướm cần thiết. Khuôn mặt sáng sủa, đẹp trai, thân hình cân đối, cao lớn, nhưng anh là một người thuộc loại “nhát gái” đáng nể. Trong suốt thời kỳ thơ sinh, Tùng gần như không quen biết, hoặc để ý đến một người nữ nào. Nếu tôi từng biết hương vị của thất tình là gì, thì Tùng gần như suốt đời anh, không hề được chạm đến “cái thú đau thương” này.

Kỷ niệm đánh dấu cụ thể sự trưởng thành của chúng tôi nằm vào hai đôi giày. Vào những ngày cận Tết, không còn nhớ chính xác năm nào, tôi và Tùng đều cảm thấy mình đã lớn lắm rồi, nên trang bị cho thân thể những phục sức đàng hoàng hơn, chỉnh tề hơn. Chúng tôi cùng đồng ý loại bỏ loại *sandale* vẫn mang hằng ngày bằng loại *soulier à lacet*. Hai thằng hớn hờ dạo một vòng phố, ghé không sót một hiệu bán giày nào, cuối cùng vào cửa tiệm Á Châu của chị Bánh Nhã Quyên (một người Hoa, về sau là đồng nghiệp của chúng tôi), chọn mỗi đứa một đôi giày da đen, đế cứng có cả “con đĩa” đóng dưới đế. Chia tay nhau mỗi đứa về nhà mình tập làm người lớn. Ngày hôm sau, thằng nào cũng bị phỏng đỏ cả hai bàn chân vì chưa quen với sự cọt xát hơi cứng của da giày. Chúng tôi đã chia tay ngay với món quà của chính mình đi mua sắm cho mình lần đầu tiên.

Trong giai đoạn thi hành nghĩa vụ quân sự, chúng tôi cùng được đào tạo trong một lò bộ binh Thủ Đức. Cùng nhau vào trại nhập ngũ số 1, ngoài đường Đồng Đa, cùng cân đo ở Tổng Y viện Duy Tân, nhưng Tùng không ngồi C130 vào Tân Sơn Nhất cùng tôi. Anh rất lè phè, nhẵn nha. Phần thưởng dành cho những “đơn giản hoá” sự việc của anh là 3 tháng căn bản quân sự tại quân trường Quang Trung. Tôi chưa biết mặt mũi trung tâm huấn luyện này như thế nào. Nhưng nó rất nổi tiếng. Trong thơ, trong nhạc của nửa nước Việt Nam vẫn thường nhắc đến cái quân

trường lớn nhất, đào tạo binh sĩ cho quân lực Việt Nam Cộng Hòa này.

Tôi gặp Tùng trong giai đoạn 2 ở Thủ Đức, rồi cùng tốt nghiệp, rù nhau về Trung đoàn 4 sư đoàn 2 Bộ Binh, cùng hai bạn học, cũng là đồng đội khác, Nguyễn Văn Pháp và Trần Mỹ Lộc. Nếu không có Tùng, Pháp, Lộc, chắc chắn tôi không về với rừng núi Trà Bồng, Thiên Ấn. Và biết chừng đâu tôi khỏi phải mất một bàn chân, hoặc chỉ phải mất một cái mạng, ai mà biết trước được. Sau ngày 10 tháng 11 năm 1967, Lộc hy sinh sớm ở Xuân Phổ. Chúng tôi có tiếp một trận đánh khốc liệt ở gần đồi Lâm Lộc. Mặt trận này làm đại đội của Tùng “rách áo” chừng một phần ba. Tùng an toàn, và ngay sau đó, anh được chuyển về Trung đoàn Đặc biệt 51, cũng thuộc binh chủng bộ binh.

Đã mang xác ra chỗ “*đạn tránh người, chứ người không tránh đạn*”, Trước sau gì ngực áo cũng nặng “*chiến thương bội tinh*”. Tôi sưu tập được ba cái loại dề kiềm này. Tùng tề hơn, anh chỉ tìm được một cái, nhưng vừa đủ để được xếp loại 2.

... “ *Tùng thân mến,
Tao đang nằm ở bệnh viện I đã chiến
nhận tin mày
không khóc, không than thở
nước mắt có giúp được gì chúng ta ?
mày đã đứt gân máu ở bắp đùi trái
đã gãy một khúc xương
đã mất một cánh tay
hay một con mắt ?
nhưng chắc vẫn còn trái tim
tao cũng vậy.
Này vết thương,
Chúng tôi có lời cảm ơn...*”

(Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu)

Bài thơ gửi cho Tùng không lâu, tôi lại ngã ngựa. Mặt trận Quảng Ngãi mà. Chúng tôi cùng rời quân ngũ. Cùng làm người lính của Bộ Cựu Chiến Binh, Nha Hưu Bổng và Sở Cấp Dưỡng đến suốt đời. Không yên với đồng lương tùy theo cấp độ tàn phế, chúng tôi trở lại với nghề chuyên môn của mình. Châu Văn Tùng làm việc tại Việt Nam Công Thương, một ngân hàng lớn vốn có từ thời Pháp thuộc. Tôi đi đi về về với Việt Nam Thương Tín,

một ngân hàng trẻ và bề thế vào bậc nhất thời bấy giờ. Cuộc sống công chức của cả hai vô cùng ổn định. Lương của ngành ngân hàng khá cao. Thằng nào cũng vợ con đê huề. Chị Trương Thị Hinh, vợ của Tùng cũng làm cùng nhiệm sở với chồng. Anh chị có với nhau một trai một gái. Không biết nếu người đẹp, dòng dõi Trương Công Huynh Đệ, ngày ngày không cùng một mái sở, thì bạn tôi đến bao giờ mới có bạn gái, dù khả năng viếng thăm những Ngã Ba Chú Ía, hẻm Hòa Hưng ...thời theo học làm quan ở Thủ Đức của anh không tệ. Hình ảnh trong mấy câu lục bát sau đây, trong một dịp, tôi xong việc, ngồi đợi Tùng hoàn thành tốt nhiệm vụ cho chính anh:

*“hỡi em Gò Vấp An Nhơn
chút gia tài cũ méo tròn ra rặng
còn khi mô nhớ lãng nhăng
tiếng thẻ bài chạm leng keng cổ chàng
lên chùng mực xuống vôi vàng
gừng cay muối mặn đang hoang đãi nhau
đang ngang giữa xấp hiệp đầu” ...*

(Cảm Ôn Đất Đá Trỏ Thơ. Lòng Ta Hạt Bụi Vu Vợ Bám Hoài)

Sau ngày 29 tháng 3 năm 1975, chúng tôi vẫn được gặp nhau ở nhiều điểm. Chuyện cũ kể hoài cũng chán. Nhưng không kể e bỏ sót một nhánh thời gian của cuộc đời đã sống. Tôi khuyên tôi quên đi chuyện trình diện ở sân chùa Hải Châu, chuyện ngồi lết gở mìn quanh vòng đai Quân đoàn I, chuyện khai lý lịch, chuyện “học tập”... Chỉ xin trích một phần của một bài thơ, có tôi và có Tùng, bạn tôi trong những ngày đầu bước vào một đoạn đời mới, dưới một màu cờ mới:

*... “mày có nhớ những hình ảnh nào đã đến/ ngày đầu
tiên chúng ta đến Đông Phương (tên một ngân hàng)/ nắng
tháng tư sao vàng ủa buồn buồn/ rơi trên áo người phong trần,
lỡ vận/ Chúng ta đó những người từng tham trận/ không ra hàng
mà ngược ngập bao nhiêu/ trong hồn ta dựng hết cả buổi chiều/
chúng ta đứng đợi đong từng ký gạo/ đời chó đẻ nên vẫn cần
cơm áo/ không đi xin mà tay đã giữa ra/ tao bậm môi giữ lại
tiếng khóc òa/ bởi tao nhớ vợ con tao đang đợi/ bởi mày cũng vợ
con và con đỏi/ sẽ diễn hành mai một có xa đâu/ sát vai nhau,
đầu cúi sát bên đầu/ chúng ta vẫn là chúng ta bằng hữu/ tình
cảm đó nuôi chúng ta từng bữa/ dựa vai nhau tập nhân nhục, âu*

lo/ mong chóng qua, mong chóng hết vai trò/ rất hèn mọn của
một đời phù phiếm/

Lý lịch xấu, ba đời đều thiếu điểm/ còn tạm xài khai thác
nghề chuyên môn/ qua một ngày giàu thêm một cô đơn/ sống
thường trực cùng âu lo run rẩy/ cây muốn lặng, gió từng giấy
đưa đây/ đời chúng ta rồi trôi nổi ra sao/ mây nổi trôi cùng kính
rạch đang đào/ tao ở lại ngân hàng cùng chữ số/ thơ của tao có
phải là cuốn số/ đoạn trường không, khi mà được gọi tên/
thương mến mà, tao nghĩ cũng không nên.../ nhưng đâu dễ quên
tên mà cho được/ ta đã viết và đã từng nghĩ trước/ sẽ không sao
vì tao chẳng in ra/ viết gọi là thay tiếng thở ra/ ai lỡ đọc hẳn bỏ
qua tha thứ/

Sầu một chút cho vơi dần tư lự/ thương Việt Nam thì
thương lấy nhà thơ/ máu nhỏ ra cho đến bao giờ/ về với đất, với
cỏ cây vinh hiển/ đời vinh hiển hỡi ơi đời vinh hiển ?”

(tặng CVT, Hoi Thờ Việt Nam)

Địa chỉ cũ 58 Hùng Vương Đà Nẵng
Địa chỉ mới

-Không nợ trực tiếp,
-Không bảo lãnh nợ,
-Không là thành viên của Công ty vay nợ
các Ngân hàng thuộc chế độ cũ trong phạm vi Tỉnh QN/ĐN.

Đà Nẵng, ngày 9 tháng 10 năm 1984 .
TM. NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TỈNH QN/ĐN
NGÂN HÀNG T/PHỐ ĐÀ NẴNG
(Ban Thanh lý các Ngân hàng Chế độ cũ)

Cán bộ theo dõi thanh lý, Kiểm soát, Giám đốc Ngân hàng

UTM

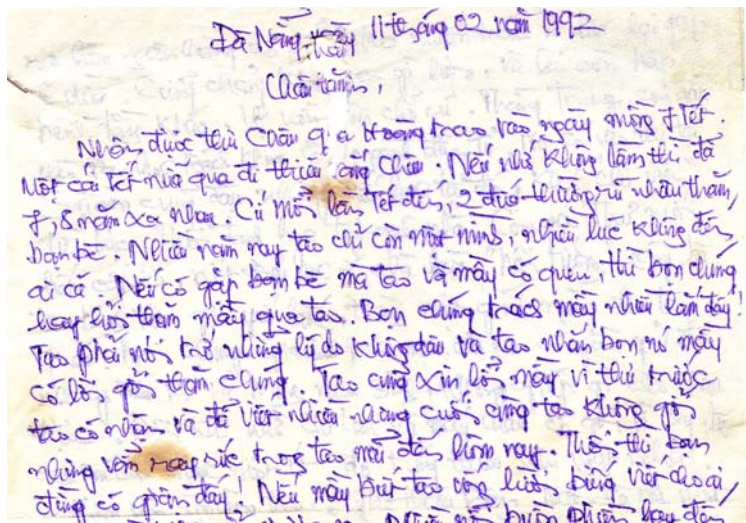
PHAN MINH

Rất may, Châu Văn Tùng chỉ đi lao động ở kênh đào Phú
Ninh một thời gian rồi cũng được “điều” về Ngân hàng, nhưng
anh vẫn bị đày một thời gian lên “miền cao, miền xa” thuộc
nhiều chi nhánh. Mãi đến khi tôi gần xuất ngoại anh mới được
làm việc tại Ty Ngân Khố, nơi một thời ba tôi đã làm việc. Trong
hồ sơ xuất cảnh của tôi có “Giấy xác nhận không thiếu nợ ngân

hàng thuộc chế độ cũ trong phạm vi tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng”, do chính Châu Văn Tùng ký ngày 9-10-1984 trong vai trò Cán bộ theo dõi thanh lý, bên cạnh vị kiểm soát và giám đốc ngân hàng, ông Phan Minh

Châu Văn Tùng không có số xuất ngoại, dù anh có ông anh ở Hoa Kỳ, bà chị định cư tại Canada từ 1975.

Sau bảy năm ở xứ người, tôi nhận được thư hồi âm của Tùng viết ngày 11 tháng 02 năm 1992. Lời buồn trong nét chữ quen trên ba trang *pelure* mỏng mảnh, nhẹ nhõm nhưng nặng



đầy kỷ niệm.

Tôi không siêng viết thư cho Tùng, nhưng trong tập Cỏ Hoa Gối Đầu, tôi đã dành hai bài, tặng anh. Bài Hai Đoạn Lục Bát Cho Châu Văn Tùng (trang 71-74) và bài Phúc Thư Châu Văn Tùng Đà Nẵng như sau:

“*Tao sẽ chưa về thăm mày được/ bởi vì, giản dị, thiếu tiền
thôi/ sáu con bốn chín (một loại vé số của Canada) đều vô cả/ có
quốc, về chơi, có mấy hồi*

*đâu phải tao thềm mang áo gấm/ vênh mày giữa đôi rách
bà con/ túi quần, tẻ lấm vài trăm bạc/ trả tiền nhậu nhẹt, trả tiền
hôn*

*chẳng lẽ để mày bao tất cả/ như thời mang súng được hay
sao/ dù gì tao cũng hai quốc tịch/ mắt mặt Việt kiều, thâm biết
bao*

*mang tiếng đi cày gân trọn giáp/ về thăm, xơ xác, nghĩ sao
cam/ giữa tay giữa chợ còn coi được/ ăn chực người thân mãi,
dị òm*

*cảm ơn mày hứa lo tất cả/ suy đi, tính lại, thôi, Tùng ơi/
quê hương, bè bạn trong lòng cả/
tao ngó lòng tao, tạm đủ rồi*

*nói dóc, nói đùa hay nói láo/ vẫn tin mày hiểu cái tâm tao/
trái tim còn đập, còn thương nhớ/ đời mười năm nữa có là bao*

*năm nay tao mới năm tư tuổi/ truyền thống ông cha thọ rất
cao/ gắng sống chờ tao lên chín chục/ hồi hương, cụng chén, tán
tào lao*

*quên mất, nhờ mày thêm một việc/ rao dùm trên báo mẫu
tín vui:/ các em kiều nữ mê Châu cũ/ ta vẫn còn thương nhớ các
người ...*

(Cỏ Hoa Gối Đầu)

Tôi quên nói: thời đi học cũng như thời đi lính, Châu Văn Tùng rất hào phóng. Anh là người luôn luôn chi trả tiền cà phê, thuốc lá, tiền ăn nhậu, chơi bời cho tôi, mười lần như một. Đây là sự thật trăm phần trăm như cái chân lý “*sông có thể cạn, núi có thể mòn*”, nhưng tiền Châu tiêu Tùng trả” là điều đương nhiên. Anh chẳng nợ gì tôi, ngoại trừ một nỗi trắc ẫn, tội nghiệp và thương cho một thằng bạn nghèo mà thôi. Rất may, trong đời sống, tôi không biết ghiền một thứ nào. Cà phê uống cũng được, đen, đá gì cũng xong, nhưng không uống cũng không sao, không ngáp vặt. Thuốc lá phì phà ra khói lỗ mũi, lỗ miệng gì cũng được, nhưng không có cũng chẳng lạt lưỡi, chảy nước dãi... Ăn nhậu không nhiều, bia, rượu vừa đủ làm duyên xã giao. Chơi bời chẳng mấy khi, chỉ gọi là cho biết với đời. Tùng thì khác, ngoài ăn nhậu, chơi bời, y hết như tôi. Anh ghiền cà phê và thuốc lá ở mức độ nặng. Anh không khoái thuốc có đầu lọc như *Salem* và cà phê sữa. *Pall Mall*, cà phê đen nóng là cái “*gout*” của Tùng. Năm 2002, tôi về Đà Nẵng, Tùng vẫn giữ được sở thích này.

17 năm lưu lạc, hơn cô Thúy Kiều của cụ Tiên Điền Nguyễn Du đến những hai năm, quê nhà Đà Nẵng hiện ra trước mắt tôi với rất nhiều vẻ lạ. Nhà cửa đường phố thay đổi, trong khuôn mặt, vóc dáng nghênh ngang hơn nhiều. Cái “*phồn hoa giả tạo*” trước 1975 được lập lại rất kỹ. Những cây cầu thi nhau bắc qua một đoạn sông, nhiều đến mức hơi thừa thãi. Rất may, người bạn của tôi, anh Châu Văn Tùng vẫn trắng trẻo, rất thư sinh như ngày nào. Còn tôi đã có thể thay anh trả tiền vài bữa nhậu, nhưng Châu Văn Tùng vẫn dành cái thú vị này. Anh đưa tôi đi thăm những thằng bạn chung như Nguyễn Văn Pháp,



Hoàng Oanh, Nguyễn Hữu Nuôi, Đặng Văn Hải...Anh đưa tôi đến sân chùa Hải Châu, quán Ngọc Anh và nhiều quán cà phê mới mọc, dĩ nhiên không sót vài quán bia ôm. Chúng tôi chả ôm ai, chỉ “*đi thực tế*” bằng cách ngồi ngó cho biết lấy thảo. Tùng đã về hưu, nhưng anh vẫn tiếp tục đi làm cho một ngân hàng tư, đời sống không mấy khó khăn. Căn nhà của anh vẫn cổ kính như xưa, dù số nhà đã thay đổi, từ con số 66 lên con số 72. Hai con của anh chị đều đã trưởng thành. Cô bé đã lập gia đình. Cậu Châu Văn Trung thì vẫn còn bên lưng bố mẹ, dù đã chọn cho mình một nhiệm sở để đi đi về về.

Ngồi trong nhà Tùng, đứng tại chỗ mình vẫn ngồi bao nhiêu năm, một niềm nhung nhớ đâu đâu cứ đột nhập vào lòng

tôi. Cây vú sữa ngoài sân đã mất. Nhưng cây mai vẫn còn, tiếc là không phải mùa hoa, để thấy lại những nụ vàng óng, cao sang. Cái ăng nuôi cá chỉ còn một khoảnh trống, lơ mơ vài chiếc lá vô danh năm đọt hóa thân. Bậc thềm, mái hiên, chẳng có gì thay đổi. Cả những con se sẽ vẫn như vậy, dù chúng chắc chắn chỉ là cháu chít của cái thời dĩ vãng xa xưa. Hồng đã theo chồng. Đào đã có một ngôi nhà riêng đứng một bên góc sân. Đào vắng nhà. Tôi ngó cánh cửa khóa trái và ngẫm nghĩ, và tra vấn lòng mình. Trước khi Đào về với Trần Mỹ Lộc, người bạn nhỏ đã quá cố của tôi, đã có lần nào tôi ao ước được hôn môi Đào một cái? Có lẽ là chưa. Tôi vẫn như Tùng, là “*anh của đám đàn em nhỏ*”. Còn bác trai? đâu rồi sự quở trách: “*mấy cậu bây giờ học Pháp văn sao dở quá...Đưa cho Châu coi cái này đi Tùng*” Cái này là một đoạn gì đó trong *Paris Match*, tờ báo bác Chi mua dài hạn. Còn bác gái: “*Xuống ăn cơm luôn con, Châu, hôm nay có món dưa giá con thích..., Đào ơi, lấy cho anh Châu mi ly nước*” Đã từ bao giờ, tôi vô tình được hiểu ngầm là một thành viên trong gia đình một người bạn? Tôi ứa nước mắt đứng trước dãy bàn thờ uy nghiêm. Lặng lẽng ngược nhìn ba mẹ Tùng qua hai tấm ảnh thờ. Tôi thấp nhang. Khói chính là những lời cầu nguyện, thăm hỏi của tôi dâng lên hai bậc tôi từng kính thương. Tôi dạo mát quanh phòng, nhận bắt, tìm kiếm lại những gì còn mất. Trí nhớ của tôi không cùn mòn lắm. Tùng đầu đình từ ngày nào vẫn còn nằm đấy, nhưng những tấm lịch vẫn mãi thay đổi hằng năm. Mùi mát lạnh của toàn gian nhà vẫn như xưa. Chỗ Tùng đang nằm trước khi tôi gõ cửa bước vào, chính là nơi ba anh đã từng nằm, nơi tôi từng ghé sát đến bên ông trong giai đoạn ông đã hơi nặng tai.

Tôi bước ra hành lang, xuống nhà dưới, mỗi bước chân tôi âm lại những hình ảnh chưa mờ nhạt. “*Tôi đi từ chỗ sẽ về/ tôi về lại chỗ chưa hề ra đi/ đi, về cũng có đôi khi/ bình thân một chỗ, đã đi, đã về*”...(CHGD). Có thể tôi chưa đi đâu thật, dù xa cách nơi này đến những 17 năm.

Người bạn tôi bước theo ngay sau lưng. Anh nói: “*để hôm nào tao soạn lại cho mày những tấm ảnh cũ...*”. Cảm ơn Tùng biết bao nhiêu. Chúng ta đã chưa hề cho nhau sự khách sáo nào. Nhưng lời cảm ơn của tao đây rất cần nên có, hồi ông độc giả thứ hai ngày nào của tao. Tối nay, tao có thể gọi thăm mày, để

xin ý kiến về cuốn Dừa Hơi Bè Bạn tập 1, mà mà vừa nhận cùng cuốn Quá Khứ Trước Mặt, con tao, Lê Ngọc Quốc Bảo đã mang về cho mà. Tao tin mà vẫn có nhận xét chân thật như ngày nào. Tùng ơi, tao bỏ hút thuốc đã lâu, nhưng chợt thêm khói *Pall Mall* lắm. Mà đốt một điếu nhé, cần thêm một miếng pho mát đầu bò, thứ mà ghiền hồi chúng ta làm lính ở xứ Quảng Ngãi đấy. Cảm ơn.

24-10-2006



Nguyễn Sao Mai, cùng hẹn, cùng chờ đợi

Một trong những người bạn tôi có sự liên lạc, làm việc chung thường xuyên trong nhiều năm liền, nhưng chưa một lần gặp mặt là nhà văn Nguyễn Sao Mai. Tên gọi này chỉ là một bút hiệu của tác giả cuốn truyện dài Căn Nhà, cuốn sách có giấy phép xuất bản năm cuối năm 1974 và định in năm 1975 nhưng chỉ xuất hiện trên thị trường chữ nghĩa Việt Nam hải ngoại vào năm 1997. Tác giả còn có các bút danh Nguyễn Phương Đông,



Phương Thảo, N. Saomai. Bút danh Nguyễn Sao Mai bắt nguồn từ lòng yêu thương, kính quý một người đàn bà, một người mẹ trong thời chiến tranh, mà cuộc đời của bà đã phản ánh trong tác phẩm Bọn Nó Lệ Trong Đèn Thờ, một truyện dài khác của Nguyễn Sao Mai. Người đàn bà Việt Nam cao quý đó chính là thân mẫu của anh, bà Nguyễn Thị Như Mai, sinh năm 1919, thứ nữ của quan tri huyện Tuy Phong Nguyễn Hữu Châu, vị tiền hiền khai khẩn hai làng Thượng Chát và Thượng Văn (nay nhập chung thành Thượng Văn) của đất Khe Sanh, Quảng Trị. Họ và tên của thân mẫu đã đóng dấu ấn lên bút danh Nguyễn Sao Mai.

Giao tình bằng hữu giữa chúng tôi khởi đầu từ năm 1996.

Vào một buổi sáng trong tháng 6, giữa cái ẩm áp của mùa xuân, tôi nhận được điện thoại từ thành phố Miami tỉnh bang Florida Hoa Kỳ gọi đến. Cuộc điện đàm ngắn gọn, nhưng rất cởi mở. Nội dung yêu cầu của người gọi, anh Nguyễn Sao Mai, được tôi chấp thuận mau lẹ. Viết lách, làm báo tuy không lành nghề, nhưng là một mạch sống thường trực của tôi. Tôi gửi bài đến Sóng Văn ngay sau cuộc nói chuyện bất ngờ đó. Anh Nguyễn Sao Mai cho “đi” luôn một lúc ba bài thơ ngắn của tôi., trong đó có bài Ngày Vu Quy Của Chuột, tôi viết đề làm quà cho cô thứ nữ Lê Ngọc Thạch Bích về với Nguyễn Minh Dũng. Thơ rằng:

*“Hạ vàng chuột biếc sang sông/ (con gái tôi cầm tinh con
chuột, 1972)/ tha luôn đi chút hương lòng ba mẹ/ nắng xanh
chao cánh lọng che/ bày phơi phơi sợi cười se sẽ buồn/ ngày đi
chầm chậm, dễ thương/ trái tim cây cỏ bên đường trẻ ra/ mây
vàng trải khúc hoan ca/ đời bình yên đẹp trong tà áo bay/ hương
ngày nằm bú ngón tay/ hương thời ôm cặp hồn đầy thanh thu/
vẫn còn thơm phức, hình như/ tình yêu kết nụ khởi từ nguyên lai/
gắng nghe con chuột bày hai/ lát sấm hạnh phúc lai rai ngậm
đều/ sang trang nhé, đời trong veo/ bởi ba mẹ vẫn ngóng theo
bên lòng/ hạ vàng chuột biếc sang sông...”*

(Cỏ Hoa Gối Đầu)

Sóng Vắn là một tạp chí khổ 14 x 21cm, xuất bản định kỳ hai tháng một lần. Số ra mắt rơi vào tháng 3&4 năm 1996. Bên cạnh ông chủ bút kiêm chủ nhiệm Nguyễn Sao Mai, còn có cô tổng thư ký Thanh Tâm, họa sĩ chuyên phụ trách nghệ thuật Nguyễn Khai và một nhóm biên tập, tăng cường theo thời gian, gồm: Hoàng Thị Bích Ti, Triều Hoa Đại, Kinh Dương Vương, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Luân Hoán, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Quốc Trụ. Với tuổi “hường dương” chỉ bốn năm, nhưng Sóng Vắn không thiếu những cây bút sung sức nhất tại hải ngoại góp bài: Song Thao, Lâm Chương, Trần Doãn Nho, Trần Hoài Thư, Phan Ni Tấn ND, Phan Xuân Sinh, Lưu Nguyễn, Nguyễn Đông Ngạc, Hoàng Xuân Sơn, Trần Diệu Hằng, Trần Long Hồ, Hồ Minh Dũng, Phan Lạc Tiếp, Trần Thiện Hiệp, Nguyễn Tấn Hưng, Ngô Tịnh Yên, Phạm Nhã Dự, Hồ Đình Nghiêm, Cao Xuân Lý, Song Hồ, Nguyễn Vy Khanh, Dung Nham, Hồng Khắc Kim Mai, Ngô Xuân Hậu, Hoàng Lộc, Lê Thị Huệ, Trần Sa, Thành Tôn, Trần Mộng Tú, Hoàng Du Thụy, Nguyễn Mạnh Trinh, Cao My Nhân, Chu Vương Miện, NhuNguyen Nicole, Nguyễn Văn Sâm, Thái Tú Hạp, Trần Văn Lệ, Ai Cầm, Trần Trung Tá, Nguyễn Ngọc Bích, Phạm Ngũ Yên... Những cây bút còn ở trong nước cũng có bài trên Sóng Vắn: Hà Nguyên Thạch, Tường Linh, Hoàng Qui, Nguyễn Đức Sơn, Lê Vĩnh Thọ, Hoài Khanh... Về hình thức, có lẽ Sóng Vắn là tạp chí văn học đi tiên phong trong việc in bìa màu thường xuyên cho mỗi kỳ phát hành. Họa phẩm của các họa sĩ Việt Nam có tên tuổi, được họa sĩ Nguyễn Khai trình bày, lần lượt xuất hiện những Đinh Cường, Nguyễn Trung, Rùng, Hương Alaska, Nguyễn Khai, Võ Đình, Nguyễn Phước, Ann Phong... tạo nên khuôn mặt một tạp chí

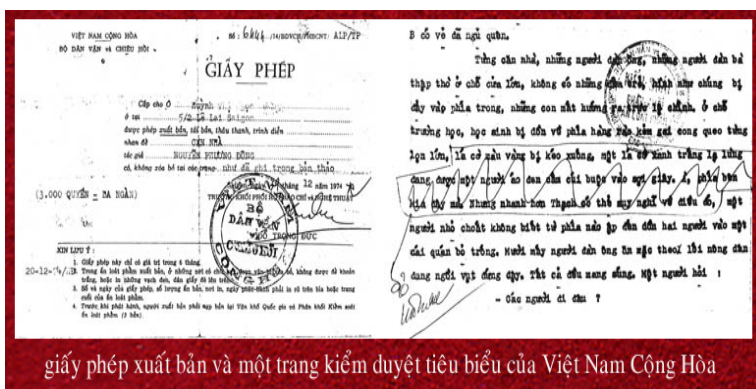
đứng đắn “rất văn học nghệ thuật”. Tuy thời gian sinh hoạt không lâu, nhưng Sóng Văn được giới yêu thích chữ nghĩa đón đọc, và là một phần đất làm vũng tay nhiều cây bút mới trình làng: Hoa Thi, Hoàng Thị Bích Ti, Vạn Giã, Quan Dương, Bảo Trân, Phạm Chi Lan, Sương Mai, Trần Bát Nhã, Hằng Hà Sa, Cỏ Đồng, Thanh Tâm, Lạc Phô... Đặc biệt nhất là Sóng Văn đã mở ra một cuộc phỏng vấn dành cho những người bạn đời của các tác giả, nói về đời sống cũng như tác phẩm của những vị phối ngẫu.

Ngoài ra, Sóng Văn là một trong những tờ báo ở hải ngoại có một ban biên tập “có thật” và hoạt động theo đúng nghĩa của nó. Vì sự cần thiết phải làm việc trực tiếp và gắn bó với nhau, chúng tôi làm việc qua điện thoại và Nguyễn Sao Mai gần như ngày nào cũng điện thoại cho tôi. Mỗi ngày vài ba lần là chuyện thường. Anh cho biết, anh cũng đã sinh hoạt với các anh chị em khác trong ban biên tập của tờ báo qua điện thoại như vậy. Công ty điện thoại *BellSouth* bỏ túi khá nhiều “sinh hoạt phí” của anh. Dĩ nhiên chúng tôi không chỉ nói chuyện về báo chí, bài vở. Chuyện gia đình, chuyện thời sự đánh đấm linh tinh đều có đủ. Nhưng gần như không bao giờ bén mảng qua các chuyện trai gái mát mẻ, bởi Nguyễn Sao Mai là một người “cực kỳ” đứng đắn. Anh rất nghiêm túc trong mọi câu chuyện được nêu ra “thảo luận”. Một trong những việc này là sự tiến bộ kỹ thuật về các mặt đánh máy, in ấn, chuyển tin, chuyển bài... Cái máy *computer* được nhắc tới.

Một người chỉ lai rai làm thơ tùy hứng như tôi, sử dụng một chiếc máy *AX-18 Electronic Typewriter* đã là quá bảnh, huống chi vừa được nhà văn Song Thao tặng một bộ “còm” thời mới ra đời, thì việc xuất chiêu “nhất đương chỉ” thuận tiện biết mấy, nhưng tôi vẫn không bỏ được cái tật phàn nàn và cái bệnh ưa than van: “*cái máy chỉ có một công dụng duy nhất là gõ ra chữ*”. Cảm thông cái nghèo của người bạn mới quen, nhà văn Nguyễn Sao Mai đề nghị tặng tôi một dàn máy còm, loại đương đại để “làm việc” cho dễ dàng hơn. Không thể “lấy thúng úp voi” nhất là con voi nghèo khó, có tầm vóc hơn hẳn con voi của tạo hóa, nên tôi không khách sáo *ok*. Vài tuần sau, Nguyễn Sao Mai điện thoại cho tôi biết đã gửi quà đi. Chẳng rõ chiều dài đích thực của đường bay từ thành phố Miami Florida Hoa Kỳ đến thành phố Montréal Canada là bao nhiêu, nhưng dàn máy “còm”

của tác giả Xin Cảm Ôn Cái Chết Hạnh Phúc lại chọn con “đường đi không tới” của nhà văn Xuân Vũ ngày nào. Chờ đợi đến vài tháng chúng tôi mới yên tâm món quà đã thất lạc. Anh Nguyễn Sao Mai không mua bảo hiểm cho sự mất mát nên cũng bó tay. Quà của Nguyễn Sao Mai không đến, nhưng tình bạn của anh vẫn đến với tôi mỗi ngày một thân thiết hơn.

Nhà văn Nguyễn Sao Mai, tên thật Huỳnh Bá Minh, được sinh ra từ miền đất “cày lên sỏi đá” Quảng Nam, vào ngày 19 tháng 02 năm 1940, nhưng mới 7 tháng tuổi, anh đã được đưa vào Nam, và trưởng thành tại thủ đô Sài Gòn. Anh cũng từng sinh sống tại thành phố sương mù Đà Lạt một thời gian lâu. Nguyễn Sao Mai là con trưởng trong một gia đình gồm 10 anh,



giấy phép xuất bản và một trang kiểm duyệt tiêu biểu của Việt Nam Cộng Hòa

chị em. Trong cuộc chiến giữa quốc cộng, anh đã mất hai người em trai phục vụ trong Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Riêng anh không tham dự vào cuộc tranh chấp ý thức hệ to lớn này. Anh chống lệnh nhập ngũ hay được hoãn dịch? Sự hoãn dịch của anh có thể vì lý do sức khỏe chẳng? Anh thường than với tôi, cơ thể anh không được phương phi lắm và không hiếm những cơ hội để nhưc đầu, sờ mũi. Nhưng phu nhân của nhà văn Nguyễn Quốc Trụ, có lần theo chồng qua thăm Nguyễn Sao Mai về cho tôi biết, “ông chủ nhiệm kiêm chủ bút *Sóng Văn cao lớn, điển trai lắm*”. Tầm vóc cơ thể của ngày hôm nay, không là sức lực của quá khứ. Bạn Nguyễn Sao Mai của tôi có thể rất gầy yếu trong thời thanh niên. Một thời anh rất năng động trong sinh hoạt chữ nghĩa. Hoàn tất 4 tác phẩm truyện dài trước 1975, không phải là

một công trình nhỏ. Đáng tiếc cả bốn tác phẩm của anh đều bị bàn tay kiểm duyệt của miền Nam Việt Nam không cho ấn hành, ngoại trừ cuốn Căn Nhà được giấy phép xuất bản vào phút cuối cùng của miền Nam. Nội dung của ba tác phẩm kia chắc chắn không phải thuộc diện đồi trụy, mà có lẽ là những trái bom phản chiến nặng ký. Đây chỉ là nghi vấn của tôi.

Về tác phẩm Căn Nhà, tuy đã có giấy phép của Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi do ông Đỗ Trọng Đức ký ngày 29-12-1974 tại Sài Gòn, nhưng hoàn cảnh chính trị thay đổi đã không kịp in ấn. Trong lời tựa của bản in tại hải ngoại năm 1997, tác giả viết:

“ ... Đây không phải là một câu chuyện tình, cũng không phải chỉ là một tiểu thuyết xã hội. Đây là câu chuyện của những người không có một chỗ trong xã hội, và trong chính trái tim của con người - một mặt, không thể chống chọi với thực tại nghiệt ngã, một mặt khác, tuyệt vọng trước những tình cảm đôi khi vốn không thực, đã để lộ bản chất thực của nó, nhất là trong một xã hội mà những tội tệ diễn ra y như không bao giờ có sự ngừng dứt...”

Tác giả cũng cho biết:

“ ... Tập sách này không phải để tố cáo một chế độ, hay một nhãn hiệu, bởi tính chất vô nghĩa của những chế độ, những nhãn hiệu so với cuộc hành trình dài dặc của con người. Vì vậy trong sách, Dalat có những mẫu hình ảnh của những thời gian khác nhau, một chút gì trước năm 60, một chút gì sau năm 70, mới hay cũ, gần hay xa, bối cảnh đã trở nên không cần thiết, nhất là khi thảm cảnh đã gắn liền với thân phận con người ở một xã hội nghèo đói như xã hội Việt Nam lúc nào cũng dư thừa những trái tim đen tối...”

Nhân vật Thạch, người xuất hiện từ những trang thứ nhất và hiện diện gắn liền tục cho đến trang cuối cùng, có lẽ là người được Nguyễn Sao Mai giao cho trách nhiệm nhiều nhất trong việc bày tỏ những suy tư, tình cảm của anh. Thạch là một thanh niên độc thân có học, có công ăn việc làm, nhưng bất mãn với thời đại anh sinh sống, nhất là hoàn cảnh chiến tranh, nên anh trốn lính như một phản đối tiêu cực. Thạch là đại diện chính cho ý thức khắc khoải đi tìm tự do đích thực cho cuộc sống, dĩ nhiên anh thất bại và dẫn đến hậu quả, một thời anh phải núp dưới bóng một cây dù có thể lực, nhưng ti tiện, nhiều thủ đoạn, một

loại ung nhọt làm suy yếu hạ tầng cơ sở chính quyền vì tham nhũng, hối lộ. Người đó là dựng ghê anh, ông Ruân.

Những dẫn vật thềm muốn một loại tự do không tưởng trong thời chiến như Thạch, dù ít dù nhiều là có thật trong cuộc sống chúng ta. Quan niệm của Thạch có thể không hẳn là của tác giả, nhưng tôi có cảm tưởng ý thức này là mâu chốt của tác phẩm. Chúng ta có thể suy ngẫm từ những đối thoại giữa Thạch và một người bạn tên Văn:

“Tao chỉ muốn chạy, muốn bay, trần truồng theo những chiếc xe chở rơm rạ. Mà hiều không ?

Văn cười:

Đến trẻ con bây giờ cũng không được như vậy nữa. Chúng nó không có thời giờ chạy theo những chiếc xe chở rơm rạ của mày. Sáng nay một thằng bé bị xe lửa cán đứt làm đôi lúc toan nhảy lên một toa hàng.

Tao cũng nhìn thấy.

Mày cũng phải như vậy. Cũng phải tìm kiếm. Cũng phải giành giật. Có thể phải chịu chết như thằng bé. Có cách nào khác đâu ?”

(Căn Nhà trang 95-96)

Văn là một hình ảnh đối ngược với Thạch, anh *“thực tế và dứt khoát, ghét những cái do dự, những suy nghĩ quanh quẩn một vấn đề mà không dám chọn lựa hẳn một giải pháp hợp lý nhất. Hẳn lại đang bực mình về cái giấy phép gọi nhập ngũ gửi đến nhà sáng nay:*

Tao bị gọi.

Gọi gì ?

Đi lính !

Thạch thở dài....

...Thôi trốn mẹ nó cho xong

Vì sao phải trốn ?

Cậu thích lắm sao ?

Văn cười:

Thích ? Dĩ nhiên là không. Nhưng cứ để mặc cuộc sống xô đẩy mình thật tự nhiên...”

Rồi Văn lý luận tiếp với Thạch:

“...Tôi bắn súng hay tôi dạy học, kéo xe hay làm đĩ, những thứ đó là cuộc đời chứ có phải tôi đâu ? Nếu cậu chịu khó suy

nghĩ một chút, cậu sẽ thấy có ngày cậu phải từ bỏ cái phi lý hôm nay. Cậu muốn trốn ? Xin lỗi, thực là trẻ con...Bởi vì trốn đi đâu. Cậu cũng như tôi suốt đời phải là những nô lệ cuộc sống. Nhưng nếu cậu bắt xét chuyện đó, cậu sẽ là một tên nô lệ tự do..."

(Căn Nhà trang 116, 117)



Dĩ nhiên chung quanh Thạch, ngoài Văn, ông Ruân ra, tác giả còn bố trí nhiều nhân vật khác, như bà Bảy, ông Chánh, ông Phan, thằng Thắm, cô Thanh, cô Phụng, cô Thi v...v... Mỗi nhân vật thể hiện một số mẫu người thường gặp trong xã hội miền Nam, trước 1975. Mỗi người đóng đúng vai trò rất bình thường của mình do tác giả dàn dựng. Những sự kiện trong Căn Nhà gần như chỉ có mục đích tô đậm nỗi suy tư không đi đến đâu của nhân vật chính.

Một vài người bạn tôi cho rằng đọc Căn Nhà khá vất vả. Tôi đoán chắc nếu họ chịu khó đọc qua vài chương đầu, họ sẽ thấy thích thú và sẽ tìm được những ngậm ngùi, băn khoăn khi trang cuối được đóng lại.

Xin bỏ trong ngoặc đơn lời xin lỗi anh Nguyễn Sao Mai, tôi đã làm dáng như là điếm sách, thật ra là không, chỉ là những ba hoa vượt khỏi “nghịệp vụ” chuyên môn.

Nguyễn Sao Mai rời Việt Nam ngày 29 tháng 4 năm 1975 cùng với ba người con. Một người em của anh thuộc binh chủng Không quân đã đáp Chinook xuống khu vực hòa xa sau nhà, đường Lê Lai, ngay trung tâm Saigon đêm 28 tháng 4 khi phi trường Biên Hòa bị phá vỡ, để đưa tất cả đại gia đình thoát khỏi thủ đô đang bị bao vây. Sáng sớm ngày 29 tháng 4 đến hộ tống hạm U.S.S Duluth (LPD6) thuộc Đệ thất Hạm đội Hoa Kỳ lúc đó đang ở ngoài khơi Vũng Tàu. Anh đến Mỹ tháng 5 năm 1975, định cư tại bang Florida tháng 6 năm 1975.

Nhờ thông thạo Anh ngữ, Nguyễn Sao Mai muốn chen chân vào lãnh vực báo chí của người bản xứ. Vài tháng sau khi định cư, anh đến tòa soạn nhật báo Miami Herald đề nghị viết về Việt Nam. Mặc dù chưa đọc những bài Nguyễn Sao Mai dự định viết, báo Miami Herald có lẽ vì lý do chính trị nên đã từ chối, với thư trả lời ngày 18 tháng 11, 1975:

“Thank you for your proposal to write articles on Vietnam. I’m afraid, however, that we haven’t a place for them at the present time. Sincerely,”

Ron Martin

Một nhà thơ mà Nguyễn Sao Mai có dịp quen biết trong những ngày đầu mới đến Mỹ, bà E.F. Curtin, liền giới thiệu anh với Frank Soler, một Vice President ở tờ nhật báo. Mặc dầu ông này nói sẽ giúp cho anh một việc làm khác, tốt và phù hợp với tài năng, nhưng Nguyễn Sao Mai từ chối sự giúp đỡ của Frank Soler khi anh vẫn giữ ý định xin viết về Việt Nam.

Không vào làng báo Mỹ được, Nguyễn Sao Mai đã im lặng trên dưới 20 năm. Thật ra khi mới đến Mỹ anh đã tìm đủ mọi cách để in những truyện dài mà bản thảo anh vẫn mang theo. Để thực hiện, điều đầu tiên phải tìm một máy chữ có dấu tiếng Việt, Nguyễn Sao Mai liên hệ với hãng IBM về một máy đánh chữ có khả năng đánh được tiếng Việt và xài “film ribbon” để bản đánh máy được rõ nét. Nhưng máy đánh chữ *IBM Model D “Executive”* với *keyboard #654* do IBM giới thiệu năm đó vẫn chưa thỏa mãn được nhu cầu để in một cuốn sách tiếng Việt có thể “xem được”, vì cách bỏ các dấu giọng cao thấp lem nhem không khác những máy đánh chữ trước đây ở Việt Nam. Các báo tiếng Việt phát hành sớm nhất trong giai đoạn này ở Cali đã phải bỏ dấu bằng tay, như tờ Hồn Việt của Ngọc Hoài Phương, tờ

Thức Tỉnh của Tô Văn v.v... Thêm nữa, vấn đề nhà in cũng là một trở ngại không nhỏ, do đó mà ý định in ấn của Nguyễn Sao Mai năm 1975 đã không thể thực hiện được.

Năm 1996, anh thực sự đến với cuộc chơi báo chí Việt Nam, và tờ Sóng Văn nhờ đó có cơ hội góp mặt với làng báo Việt ngữ hải ngoại, với số đăng ký quốc tế, nạp bản tại thư viện Hoa Kỳ: ISSN 1089-8123.

Để tạ tình bằng hữu của Nguyễn Sao Mai, tôi cũng gửi quà. Quà tôi gửi là những tập thơ đã in, đã tái bản. Một thời gian không lâu sau khi nhận quà, Nguyễn Sao Mai gọi hỏi tôi: “*Sao lâu quá không thấy anh in thơ ?*” Từ câu hỏi này, anh gợi ý cho tôi in tập thơ mới, qua cơ sở xuất bản Songvan Magazine. Dĩ nhiên tôi không bỏ qua cơ hội ngàn vàng.

Những Tường Năng Tiến, Nguyễn Khánh Hồng, Thái Tú Hạp... đã đỡ đê cho “Hơi Thở Việt Nam”, “Ngơ Ngác Cõi Người”; một Trương Văn Nghĩa (nhà in Kinh Đô, Hoa Kỳ) vuông tròn cho “Cảm Ôn Đất Đá Trở Thơ- Lòng Ta Hạt Bụi Vu Vơ Bám Hoài”; một Nguyễn Dũng Tiến đứng tên khai sinh cho “Mời Em Lên Ngựa” thì tại sao không có một Nguyễn Sao Mai cho “Cỏ Hoa Gối Đầu” ? Một tập thơ vẫn chỉ có mục đích:

*“Vẽ tâm
vẽ dạng
vẽ đời
từ sinh đến diệt
treo chơi mấy ngày ?
móc tôi lên nhánh chũm này
một giây cũng quý
nửa giây cũng mừng
đu đưa giữa cõi vô cùng”*

(viết – CHGD trang 10)

Ngoài việc xuất bản Cỏ Hoa Gối Đầu, Nguyễn Sao Mai còn đóng góp già một trang chữ để mở vào thi phẩm này của tôi. Anh viết:

*“ Có lẽ, từ cái chỗ đã đến được và không còn phải đi đâu,
nhà thơ, trong cõi riêng mình, tự tại, thông dong, hạnh phúc với
đầy đủ cảm nhận của một người đang thực sống, nắm bắt đời*

sống bằng những chứng nghiệm rất riêng. Với Luân Hoán, cái chứng nghiệm rất riêng đó, nhiều nhất ở trong tình.

...Giữa cơn sốt đang trần trở của những tìm tòi và khám phá mới về cách diễn đạt trong sinh hoạt thi ca, Luân Hoán vẫn, bằng những cách thể bình thường nhất, thơ vẫn. Có lẽ gần bó với thơ vẫn, đối với Luân Hoán cũng không phải là điều quan trọng. Quen vẽ bằng cọ, thì cứ vẽ bằng cọ, thể thôi. Và cũng chính điều không coi là quan trọng này sẽ xóa bỏ biên giới giữa thơ và người làm thơ. Chỉ còn lại Luân Hoán thơ. Thơ Luân Hoán...”

Việc xuất bản thi phẩm Cỏ Hoa Gối Đầu của tôi nằm trong chủ trương đóng góp tích cực hơn vào sinh hoạt văn học hải ngoại của Nguyễn Sao Mai, và anh dựng nên nhà xuất bản Songvan Magazine không phải chỉ để in tạp chí Sóng Văn (và Wordbridge sau này). Cơ sở xuất bản Songvan Magazine tôi đã ghi trong Tác Giả Việt Nam: là cơ sở xuất bản sách báo văn học, và là cơ sở xuất bản độc lập của các tạp chí Sóng Văn và Wordbridge. Nhà văn Nguyễn Sao Mai không lạ gì với chuyện khó khăn trong vấn đề phát hành, đến vấn đề thu hồi lại nguồn vốn. Việc kinh doanh sách báo thành công tại hải ngoại vẫn nằm trong tay những người từng hoạt động trong ngành nghề này trước 1975, di tản sang.

Nguyễn Sao Mai không chỉ là một nhà văn, anh còn là một nhà thơ. Và có thể nói, là một người tích cực bảo vệ nguồn thơ có vần điệu. Anh có cảm nhận tinh tế khi đọc thơ. Không viết bình luận về thi ca, nhưng những bày tỏ của anh qua những cuộc điện đàm, cũng như cách chọn thơ để đi trên Sóng Văn, hoặc chọn thơ để chuyển ngữ sang Anh văn, cho biết trình độ thưởng ngoạn thi ca của Nguyễn Sao Mai rất tốt. Anh cho biết đã viết hàng trăm bài thơ, có bài dài như một tác phẩm dài hơi, nhưng anh chưa thích in ấn để phổ biến. Tôi xin trích dưới đây ba bài thơ của anh cùng một bài thơ của tôi đã được anh dịch ra Anh ngữ.

Bài Chữ Viết (Sóng Văn số ra mắt, 3&-1996)

“Khi gươm bén của trí cùn chém lên chữ viết / Ta chém ta thành hai mảnh trắng, đen/ mảnh đáy vực hai chân xiềng xích trói/ mảnh hư không tay đỡ mặt trời chìm.

*Ta chạy mỗi qua suốt vùng trí nhớ/ dẫm chân trên từng
mẫu vận a, b/ quanh quần mãi với tình xanh ý đỏ/ chợt thấy ta
khung vẽ trắng đi, về.*

*Trong nét chấm hết-đời-ta thuở trước/ hiện hồn ma xưa
hoa cúc nở ngày/ từng nét phẩy như những đường gươm bén/
ché trái tim thành những ngón tay.*

*Ta vốn đã lâu rồi cảm đá núi/ sáng hôm nay bập bẹ tiếng
côn trùng/ không từng thấy đâu cỏ yên, tơ biếc/ sao bây giờ tơ
biếc như cỏ nhưng?*

*Đã gắng lắm làm tên khùng giữa chợ/ chó Hàn Lư vẫn
hung hãn trên thềm*/ quanh quần mãi với tình xanh ý đỏ/ vẫn
thấy mình khung vẽ trắng như đêm” (*lưu ly cổ điệu chiếu minh
nguyệt, nhẵn tuấn hàn lư không thượng giai. Tuyết Đậu)*

(Nguyễn Sao Mai, 12-1995)

Bài Cổ Xưa (Sóng Văn số 3);

*“Ta gặp hồn ta rất cổ xưa/ sáng nay, trên tờ lá hai mùa/ ở
trong nỗi chết từng giây phút/ có chút gì như lửa xé trưa.*

*Và sẽ bay vào trong gió đêm/ rất thân nhiên, chào nỗi ưu
phiền/ hiện thân mây trắng trên đầu núi/ về đứng ngòi ở chỗ
không tên.*

*Và em, em rất mặt trời dòn/ cắn vỡ đêm từng mảng núi
non/ đứng đó, sao cười trong cõi khác/ hồn rất tươi mà rất héo
hôn.*

*Em vẫn là ta, rất cổ xưa/ sáng nay, trên tờ lá hai mùa/
buông tay rớt xuống đời hiu quạnh/ trôi thiếp sông dài đêm gió
mưa”*

(Nguyễn Sao Mai)

Bài Với Hồn Ma Cúc (Sóng Văn số 10)

*“Lòng ta như con nước xuôi/ sao chân động lá trên đồi
thiên thu/ thì ra, em vẫn bây giờ/ nghiêng vai đá núi nằm trơ cõi
này/ với ma xưa cúc gọi bây/ cười âm ỉ gió trên ngày lao đao/ ta
ngồi nghĩ dốc chiêm bao/ gọi hoa vô sắc nở vào trăng xưa/ hồn
ta sợi mỏng như tơ/ theo hơi mê nhạc rụng bờ vai em/ xin em thả
lá làm thuyền/ đưa nhau một chuyến tới miền sâu hoa/ đưa nhau
đến cõi-người-ta/ trong nhang khói sẽ hiện tà áo bay/ và sông
núi giữa nét mây/ hồn ta cỏ mọc như ngày thanh xuân*

*Ơi em tình đã về gần/ mà trên đầu trượng ngạo ngàn ma
xưa”*

(Nguyễn Sao Mai)

Bài The Pray on The Execution Grounds

(translated by N.

SAOMAI)

“ The sky is still blue, perhaps./ Here I go down on my knees./ A lulling sound breaks into song/ Sad may be, I am to hear.

My hands are bound with cords,/ my body shadows the earth./ This country of sorrow / my closed eyes look at no more.

Oh you brothers in front of me!/ Oh you friends behind me!/ Oh you small bullets!/ Let me drink my cup.

Spring will have arrived/ Songs will be sung/ But which dream is my mother's,/ which sobbing my sister's?

Please let my eyes open/ Let me see those hands trembling. / Since no victory is great/ against the life of suffering human.

Pray I know not/ you are man as I am/ Pray I know not/ I die at your hands”.

(bài gốc Lời Nguyễn Pháp Trường thơ LH trong tập Chết Trong Lòng Người xb năm 1967: *Chắc trời còn xanh lắm/ cho tôi quỳ xuống đây/ tiếng ru nào trót dậy/ chắc buồn mà không hay/ tôi tay đây vòng buộc/ thân che lòng cát này/ quê hương sâu tôi đây/ mắt nào nhìn lại đây?/ hỡi người anh phía trước/ hỡi người bạn sau lưng/ hỡi từng viên đạn nhỏ/ cho tôi ly rượu mừng/ mùa xuân nào lại tới/ lời ca nào lại bay/ giấc mơ nào của mẹ/ tiếng lệ nào của em/ cho tôi xin mở mắt/ nhìn tay người đang run/ chiến công nào cao lớn/ hơn mạng người đau thương ?/ lạy trời tôi đừng biết/ tôi là người như anh/ lạy trời tôi đừng biết/ tôi chết vì tay anh” (Phạm Thế Mỹ phổ nhạc, Miền Đức Thắng hát trong đĩa Việt Nam 2)*

Ngoài dịch thơ, Nguyễn Sao Mai còn chuyển sang Anh ngữ truyền ngắn của nhiều tác giả. Đây là một công việc nằm trong kế hoạch của anh, nhằm phổ biến văn hóa Việt đến với người bản xứ, cũng như đến với những sắc dân khác thông thạo Anh ngữ. Anh vừa hoàn tất bản dịch thi phẩm Thấp Tinh của nhà thơ Thành Tôn. Bản dịch này có lẽ sẽ được in trong nay mai.

Với ước mong phổ biến rộng rãi văn hóa Việt, nhà văn Nguyễn Sao Mai không ngại vất vả, tốn kém để thực hiện tạp chí văn học và dịch thuật Wordbridge. Đây có lẽ là tạp chí Anh ngữ đầu tiên và duy nhất trong cộng đồng văn chương Việt Nam hải ngoại kể từ 30-4-1975 đến nay. Số ra mắt ghi là Premier Issue, phát hành vào mùa xuân năm 2002, hiện vẫn còn tiếp tục. Tuy chỉ thực hiện khiêm nhường mỗi năm hai số, nhưng tạp chí Wordbridge được đón đọc khá rộng rãi, được lưu trữ tại các đại học lớn ở Hoa Kỳ. Một số tác giả hiện sinh sống tại quốc nội cũng gửi bài đóng góp. Bắt đầu từ số 8, Spring 2006, họa sĩ Nguyễn Khai chính thức cộng tác với Wordbridge về phần nghệ thuật, trách nhiệm trình bày tranh bìa và giới thiệu các họa sĩ, như anh đã từng cộng tác với tạp chí Sóng Văn trước đây.

Về dịch thuật thì ngoài bài vở của các tác giả (tự dịch) và dịch giả Việt Nam như Ngô Thế Vinh, Nguyễn Ngọc Bích, Võ Đình Mai, Nguyễn Sao Mai, Nguyễn Hữu Trí, Thiên Nhất Phương, Trần Lệ Khanh, Đỗ Đình Tuân, Thanh Thanh, Đỗ Vinh, Ngự Thuyết, Nguyễn Thanh Trúc, Vô Tình, Nguyễn Minh Triết, Ngô Đa Thiện, Song Hồ, Nguyễn Phan Thịnh (trong nước), Đỗ Xuân Oánh (trong nước), Đặng Thân (trong nước), Phạm Viêm Phương (trong nước), Trần Yên Thảo (trong nước), Đoàn Thuận (trong nước), còn có những cây bút người Anh Mỹ đóng góp bài vở như Martha Lackritz (Mỹ) với những bài dịch ca dao, Kelli Craig Dang (Mỹ) và Rhonda Corcoran (Mỹ) cùng dịch với dịch giả Thiên Nhất Phương, Tony O'Donnell (Úc) v.v... Những tác giả và dịch giả nói trên đã tự giới thiệu công trình văn thơ của mình, hoặc giới thiệu công trình văn thơ của các tác giả: Quang Dũng, Huy Cận, Đặng Tiến, Khê Iêm, Kinh Dương Vương, Huy Tường, Luân Hoán, Nguyễn Mạnh Trinh, Lê Thị Huệ, Lê Quỳnh Mai, Hoàng Lộc, Nguyễn Thị Thanh Bình, Song Nhị, Song Vinh, N.P., Hoa Thi, Hoàng Thị Bích Ti, Trần Gia Nam, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Song Thao, Hoàng Xuân Sơn, Dung Nham, Chu Vương Miện, Inrasara, Giảng Anh Yên, Đỗ Kh., Đoàn Minh Hải, Đức Phổ, Nguyễn Đăng Thường, Lưu Hy Lạc, Nguyễn Cảnh Nguyên, Nguyễn Lương Ba, Từ Hoa, Phạm Nguyên Lương, Ngô Bích Lan, Lê Nguyễn, Phan Xuân Sinh, Thành Tôn, Mai Văn Phấn (trong nước), Hà Nguyên Du v.v...

Tuy nhiên, tạp chí Wordbridge không chỉ đơn thuần là một tạp chí nhằm phổ biến văn chương Việt Nam qua việc dịch

thuật, mà còn là một tạp chí giới thiệu những sáng tác giá trị viết bằng Anh ngữ với sự cộng tác của Uyên Nicole Dương, Hồng Khắc Kim Mai, Hoàng Xuân Sơn, N. Saomai, Trần Mộng Tú, Thanh Nhung, Lee Minh McGuire, Tu Huynh, Đặng Thân (trong nước), Quế Sơn, Vũ Thi An, Đinh Linh, Thu Hương, Yên Trâm v.. v..., và những tác giả Anh Mỹ khác như Zaak Fresh (người Mỹ), nhà thơ Aidan Andrew Dun (người Anh) v..v...

Về nghệ thuật, Wordbridge đã giới thiệu các họa sĩ Nguyễn Khai, Hồ Hữu Thủ, Ann Phong, Nguyễn Thị Hợp v..v...

Đại học Cornell, một trong những đại học đặt mua để lưu trữ ngay khi nhận được số ra mắt, đã tóm tắt mô tả Wordbridge trong Catalog của đại học:

“A magazine of Vietnamese literature in translation, and a magazine for literary works of quality originally written in English by established and new writers. Contains selected literary pieces in a variety of genres: fiction (short stories, excerpts from unpublished novel), poetry (rhymed poems, free verse), translations, reviews, literary critiques, and essays on literature and art.”

Đồng thời Cornell cũng liệt kê The Writers Post, là tờ báo điện tử trên liên mạng cũng do Nguyễn Sao Mai chủ trương và chủ biên, hoạt động song song với Wordbridge, và tóm tắt về tạp chí này đúng theo những gì Nguyễn Sao Mai đã giới thiệu:

“The Writers Post is an electronic magazine of writing whose aim is simply to provide the reader with good reading, the writer with a place perhaps more easily accessible to publish his/her work. The reader is introduced to a magazine where selected pieces of literature by published authors, and new writers as well, are presented. Fine writings that Vietnamese literature produced may be found in the “Vietnamese literature translation” section. The section “Vietnamese poets and writers abroad” includes factual information on the authors”.

Mời bạn đến thăm ngôi nhà văn học nghệ thuật này qua địa chỉ: <http://thewriterspost.net>

Nói Wordbridge là tờ báo văn học và dịch thuật Anh ngữ đầu tiên và duy nhất trong cộng đồng văn chương Việt Nam hải ngoại kể từ 30-4-1975 đến nay không phải là không chính xác. Mặc dầu trước đó có những sách báo về Việt Nam hoặc văn

chương Việt Nam viết và xuất bản trong các đại học bởi các giáo sư Huỳnh Sanh Thông, Trần Quý Phiệt, Huỳnh Kim Khanh v.v... Nhưng thật ra những sách báo này là những sách báo hàn lâm, chuyên sưu tập, dịch thuật hoặc nghiên cứu về văn chương và văn hóa Việt Nam, nhưng chỉ sinh hoạt và lưu hành cục bộ trong hệ thống trường ốc đại học Mỹ. Trong những sách báo đại học này, có thể kể những tờ báo như Lạc Việt Series, The Vietnam Forum do Huỳnh Sanh Thông chủ biên tại đại học Yale. Tạp chí Wordbridge thì trái lại, phát xuất từ cộng đồng văn chương Việt Nam hải ngoại, năng động và tích cực, với sự cộng tác khá đông đảo của những nhà văn nhà thơ ở hải ngoại cũng như trong nước.

Cũng không ngoài mục đích giới thiệu văn chương Việt Nam, Nguyễn Sao Mai đã phê bình nặng nề bản dịch thơ Hồ Xuân Hương của giáo sư đại học kiêm nhà thơ Mỹ John Balaban. Đó là cuốn Spring Essence, The poetry of Hồ Xuân Hương, Copper Canyon Press xuất bản ở Mỹ năm 2000, số ISBN: 1-55659-148-9. Nguyễn Sao Mai cho rằng:

“Cuốn Spring Essence không những chứa đựng quá nhiều sai sót nông nổi về dịch thuật, mà còn cho thấy sự không am tường ngôn ngữ và văn hóa Việt của giáo sư đại học này, khi giới thiệu một cách bôi bác thơ Hồ Xuân Hương”.

Trong khi cả quốc nội lẫn hải ngoại không ít người làm văn học đã đề cao cuốn sách và coi như là một sự hãnh diện cho văn chương Việt Nam thì Nguyễn Sao Mai đã phê bình không nương tay cuốn Spring Essence với trên 30 trang báo Wordbridge, Double Issue 3 & 4: Winter 2003& Spring 2004, (đăng lại một lần nữa trên số 5 –Autumn 2004, trên The Writers Post, và trên báo điện tử Gió-O của nhà văn Lê Thị Huệ). Nguyễn Sao Mai cũng gián tiếp thách thức tranh luận trên The Writers Post, trong mục ‘Editorial Page & Letter to the editor:

“... The writers published in The Writers Post express their readiness to discuss any issues they wrote, and The Writers Post would like to print any response, especially to criticism, for other point of view...”

Một mình một ngựa, Nguyễn Sao Mai cặm cụi làm việc suốt ngày. Nhưng gần như không có ngày nào anh quên gọi cho tôi để làm việc chung. Mục “Vietnamese Poets and Writers

Abroad” do tôi sưu tập được phổ biến trên Wordbridge. Thú thật, tôi đã hoàn tất được công trình Tác Giả Việt Nam, một phần lớn nhờ vào sự động viên của nhà văn Nguyễn Sao Mai, cũng như sự đồng ý xuất bản của Songvan Magazine. Đúng như tục ngữ, ông cha ta đã nói “*cái khó bó cái khôn*” sự rộng lòng của một nhà văn qua nhiều năm dài điều hành hai tạp chí văn học và một cơ sở xuất bản bất vụ lợi mà không hưởng bất cứ tài trợ hoặc hỗ trợ nào đương nhiên phải khiêm nhường. Hậu quả là bản in đầu tiên do Songvan Magazine xuất bản không thể thực hiện phần chân dung tác giả. Và dĩ nhiên nội dung của cuốn sách cũng có rất nhiều khuyết điểm. Rất may, dưới con mắt độ lượng của bạn đọc, bạn văn, chúng tôi cũng nhận được vài ba ý kiến khích lệ. Cụ thể như nhận xét của nhà văn Phạm Xuân Đài trên tạp chí Thế Kỷ 21, báo Người Việt online, hoặc của nhà văn Hoàng Khởi Phong...

“Trong năm 2005 có hai cuốn sách tương đối quan trọng với những người quan tâm tới văn học Việt Nam, đó là cuốn “Từ Điển Văn Học” được nhà xuất bản Thế Kỷ ở trong nước phát hành, và cuốn “Tác Giả Việt Nam” của Lê Bảo Hoàng sưu tập, được Cơ Sở Xuất Bản Sóng Văn phát hành ở Mỹ...

....Cuốn sách xuất bản ở hải ngoại: Tác Giả Việt Nam là một công trình sưu tập chỉ có một tác giả duy nhất là Lê Bảo Hoàng. Nếu như các tác giả của Từ Điển Văn Học như Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá cùng hàng trăm biên tập viên mà trong đó có rất nhiều học vị tiến sĩ, là những người được đào tạo để trở thành các nhà biên khảo, đã hoàn tất hàng ngàn bài viết trong các tập san nghiên cứu, hàng trăm tác phẩm biên khảo thì Lê Bảo Hoàng chỉ là một người lính thi sĩ của QLVNCH. Ông chính là nhà thơ Luân Hoán...

...Dẫu có những khuyết điểm đã nêu ở trên, Tác Giả Việt Nam cũng như Từ Điển Văn Học là hai cuốn sách nên có trong các tủ sách gia đình. Nếu để ý kỹ thì dường như hai cuốn sách này đã bổ sung những cái yếu cho nhau. Nếu độc giả cần tìm tòi các tác giả của dòng văn học Hán Nôm của Việt Nam nhiều thế kỷ trước, thì Từ Điển Văn Học là một cuốn sách rất tốt, mà trong đó người đọc có thể thấy văn học Việt Nam hầu như bắt đầu cùng một lúc với nền tự chủ của nước nhà. Nếu như độc giả cần tìm các tài liệu liên quan đến các tác giả xuất thân từ miền Nam, một nhánh lớn của văn học Việt Nam từ 1954 đến 1975 ở trong

nước cho tới tận bây giờ là dòng văn chương của người Việt ở hải ngoại thì Tác Giả Việt Nam đã cung ứng cho quý vị những nét tiêu biểu nhất của các tác giả cũng như những tác phẩm chính của các tác giả này...”

(Hoàng Khởi Phong Radio Free Asia-RFA)

Với ý định mỗi lần phát hành 500 cuốn, như một thăm dò và chờ đợi sửa sai, bổ sung, từ bạn văn, bạn đọc bốn phương góp tay, tôi đã hơi vội vã khi cho tái bản, khổ lớn hơn và có chân dung tác giả. Tôi thực hiện điều này vì trong khi *layout* bản in lần đầu, tôi vô tình bỏ sót một số tác giả có uy tín đã sưu tập sẵn như họa sĩ Thái Tuấn, họa sĩ Trịnh Cung, nhạc sĩ Từ Công Phụng, nhà biên khảo Thụy Khuê, nhà văn Nguyễn Viện (Việt Nam) nhà thơ Phan Nhiên Hạo... Dù rộng lòng và hết mình cố động tôi cho tái bản, tôi nghĩ, nhà văn Nguyễn Sao Mai cũng không được vui lắm, vì ấn bản thứ nhất chưa tiêu thụ được khả quan, nghĩa là số vốn Songvan Magazine bỏ in Tác Giả Việt Nam khó có cơ hội lấy lại. Sự ưu ái của anh dành cho tôi, nói riêng và cho văn học nghệ thuật, nói chung thật không thể không vỗ tay. Nhưng bài viết này không phải là tràng pháo tay đên đáp tình anh. Tôi chỉ muốn ghi lại để lưu giữ một vài kỷ niệm đã may mắn cùng anh có được.

Nhắc đến nhà văn Nguyễn Sao Mai là nhắc đến chữ tín và nguyên tắc. Chữ tín tuyệt vời nhưng nguyên tắc làm việc hình như không được mềm mỏng lắm. Một vài bạn văn than phiền anh khi xin một bản dịch trên báo của anh để đăng lại, anh đề nghị phải xin phép tác giả bài viết trước (nếu là anh dịch) hoặc xin phép dịch giả (nếu là bài do dịch giả gửi đến cộng tác), đây là một ví dụ điển hình. Dĩ nhiên trên nguyên tắc, anh không có gì đi quá, nhưng với chuyện làm báo thông thoáng tại hải ngoại, rất dễ bị hiểu lầm.

Thôi, dẹp qua hết, để trở lại đòi thường của ông Huỳnh Bá Minh một chút nữa.

Nguyễn Sao Mai năm nay 67 tuổi. Đời sống hôn nhân của anh chấm dứt từ năm 1968, anh ở vậy với ba người con. Thanh Tâm thứ nữ, sau này là tổng thư ký tạp chí Sóng Văn. Thanh Tâm đã viết bạt cho Căn Nhà với 4 câu thơ:

*“Đứng ngồi ở chỗ không tâm ý
Ngó xuống thiên đường cỏ mọc hoang*

*Tấm lòng u uẩn lẫn quay mãi
Trái đất tròn quay cục đất tròn”.*

(Thanh Tâm, bạt Căn Nhà, 1997)

Hạnh phúc hơn nữa, tác giả Căn Nhà vẫn còn bên cạnh ông cụ thân sinh gần 90 tuổi, còn minh mẫn, mặc dù đã mất một chân vì bệnh cao đường trong máu. Anh có hai cô em sinh hoạt xã hội và văn học. Nhà thơ Từ Hoa tác giả Bát Nhã Ca (Thơ. Hoa Kỳ: 2004), Nhập Pháp Giới Lược Giải (Thi hóa kinh hoa nghiêm. Hoa Kỳ: 2002), Muôn pháp hội trở một hoa vô tướng (Thi hóa kinh Diệu Pháp Liên Hoa, khoảng 3400 câu thơ 8 chữ. VN: CD, 2006), và nhà văn Hoàng Thị Bích Ti (sinh ngày 01-5-1959), tác giả tập truyện Người Đàn Bà Sau Tấm Bàng Quảng Cáo (1996), Khi Loài Sâu Biết Khóc (tiểu thuyết, 2004) cùng vài tuyển tập truyện ngắn in chung với nhà văn Trần Nghi Hoàng.

Tôi còn nợ Nguyễn Sao Mai một chuyến viếng thăm tư gia của anh, tại Florida, nơi gần như năm nào anh cũng thu vén sách vở, chuẩn bị để chạy trốn bão. Nguyễn Sao Mai cũng nợ tôi một lần ghé Montréal, mà tôi chắc rằng anh không dám đến, vì bạn vẫn ở đây, hăm he sẽ đưa anh tham quan các sản phẩm “tươi mát” để chữa trị bệnh gai nói về phái đẹp của anh. Chúng tôi cứ hứa với nhau, nhưng chưa biết ai sẽ thực hiện trước, không chừng chúng tôi chỉ có dịp gặp nhau ở một chốn xa hơn. Ngày tháng của cả hai đưa gần hết rồi còn gì. Mấy câu thơ đã cũ, dành cho Nguyễn Sao Mai, xin chép lại, thay lời cảm ơn tình bạn của anh

*“Căn Nhà thom nhạt nguyệt
thao thức nhánh suy tư
tâm thân chợt hư thực
không chuông mõ làm sư
thăng hoa văn hóa Việt
trăn trở mộng quê nhà
đầy vơi nguồn dị biệt
xanh biếc nổi ngậm ngùi” ...*

02-11-2006



Nhật Ngân, người Đưa Em Sang Sông

Mỹ nhân, và Âm nhạc là những đề tài ưu tiên mà bọn học sinh choai choai, ở lứa tuổi cuối thập niên ba mươi, đầu thập niên 40, của thành phố Đà Nẵng thường hay trao đổi với nhau, khởi đầu từ những năm 1958, 1959. Đa số trong cặp sách, trong túi áo của mỗi nam sinh các trường Phan Châu Trinh, Phan Thanh Giản, Nguyễn Công Trứ, Bán Công, Sao Mai, Bồ Đề, Kỹ Thuật...có lẽ đều có một những tên gọi, những ca khúc.



Về mỹ nhân, cá nhân tôi xin thành thật tạ ơn “*những môi, những mắt, những da thịt nõng/ những vòng đất biết trở bông*” dù họ “*thuận (hay) không, tôi cũng đã trông ra thơ*”. Chắc hẳn những Huỳnh Thị Phú, Hồ Thị Hồng, Thu Hà, Quỳnh Chi, Thu Liên, Như Thoa, Thạch Trúc, Minh Xuân, Bích Hà, Lâm Vui, Lâm An, Quỳnh Cư, Bích Quân, Trần Châu, Thúy Oanh, Quỳnh Như, Quỳnh Cư, Hồng Hạnh và hàng trăm bông hoa hương sắc khác từng rửa thơm, chửi nhẩn tôi bất tận ngôn, nhưng làm sao bây giờ, khi tôi đã lỡ trang trọng mời họ sống đời với thơ. “*Thôi thì xin cảm ơn người/ háy, hứ đôi cái, rồi cười bỏ qua*”. Tôi xin hứa rằng chừa và thành tâm “*nguyện đem theo xuống suối vàng*” những tình yêu vớ vẩn, nhưng rất chân tình một thời của mình, không chia sẻ với ai nữa, kể cả Diêm Vương, ông bạn vàng trong tương lai, đang chờ đón tôi.

Về âm nhạc, thời đó, chúng tôi thích những Hình Ảnh Một Buổi Chiều (Lâm Tuyên), Dứt Đường Tơ (Dzoãn Mẫn), Dư Âm (Nguyễn Văn Tý), Trăng Mờ Bên Suối (Lê Mộng Nguyên), Nụ Cười Sơn Cước (Tô Hải), Sơn Nữ Ca (Trần Hoàn)... kèm theo

những Chàng Đi Theo Nước, Bên Bờ Đại Dương, Thoi Tơ, Đường Chiều... Và bất ngờ, một bài ca, không đến với chúng tôi qua những giọng ca từ Ty Thông tin Đà Nẵng, từ Đài Phát thanh Sài Gòn..., mà đến với chúng tôi bằng những giọng hay-hát-hon-là-hát-hay, trong đám học sinh. Bài ca có tên Tôi Đưa Em Sang Sông.

Chuyện gì chứ chuyện đưa em, tôi rất khoái. “Em” ở đây, đương nhiên là một người đẹp, hiểu đậm hơn chút nữa là một tình nhân. “Em!”, một tiếng gọi gọn nhẹ, nhưng tức thì thấy rõ tất cả cái lộng lẫy, dịu dàng của người thực nữ.

“Lãnh thổ thơ tôi, một cõi Em/ hàng trăm chánh thất, chỉ một tên/ và không cung nữ, không hoàng hậu/ lộng lẫy trong cùng một dáng Em”

(LH-Mời Em Lên Ngựa).

Si tình, trọng vọng rất đúng tinh thần “*Vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương*” đến thế, nên tôi mau chóng tâm đắc với lời ca tiếng nhạc của Tôi Đưa Em Sang Sông, dù chỉ mới nằm lòng chập chờn mấy câu:

“Tôi đưa em sang sông/ chiều xưa mưa rơi âm thầm/ để thám ướt chiếc áo xanh/ và dẫm ướt mái tóc em...”

Tội ơi là tội, chưa chi mà đã thấy thương đến bạc những sợi tóc. Cái hoàn cảnh chưa từng xảy ra với chính mình và gần như ước lệ cho nhiều cuộc tình dang dở, đầy tính chất phổ thông, nhưng sao nghe ra như chuyện thật của mình, tưởng chừng như đang diễn ra, và mình đang chịu đựng.

... “Nếu tôi đừng đưa em / thì chắc đôi mình không quen/ đừng bước chung một lối mòn/ có đâu chiều nay tôi buồn...”

Những điều đương nhiên đó, cận kề với “sáu câu” đến thế, nhưng giai điệu ngũ cung đã xóa bỏ ranh giới giữa trí thức và bình dân, để cho câu chữ có nhịp đập của trái tim, có hơi thở của đời sống, đủ thu hút sự thưởng ngoạn thoải mái của nhiều người, nhất là đám trẻ đang yêu, chuẩn bị yêu. Bài ca được chép tay, chuyển miệng rộng rãi, mau chóng trong đám “*dài lưng tôn vải, ăn no lại nằm*” (tục ngữ) của thành phố Đà Nẵng. Tôi có chút ngạc nhiên khi biết ca khúc này chưa xuôi qua cầu Câu Lâu, chưa vượt khỏi đèo Hải Vân mà đã có sức sống. Nhất là nó không thành hình từ ông thầy Hoàng Bích Sơn, dạy nhạc ở Phan Châu Trinh, cũng không từ lòng một người đã thơ tay, Phạm

Thế Mỹ. Nó ra đời từ một người còn vô danh, tuổi đời nhỏ hơn tôi đến những một năm.

Chưa vội tìm hiểu tác giả, đám bạn tôi đã mách ngay cái thằng viết ra bản nhạc nghe rất “được” đó. Thằng Ngân. Anh chàng không lớn xác này cũng là dân Phan Châu Trinh, thuộc lớp đàn em, vì “*mãi quân*” sau tôi một năm. “*Thùng rỗng kêu to*” (tục ngữ), tôi không kêu, nhưng không thiếu những cao ngạo rất trẻ con. Lần đầu dòm qua ông nhạc sĩ, ánh nhìn của tôi giả bộ tế nhị, dù trong bụng đã có đôi phần nể phục.

Tôi không có ý định làm quen với Nhật Ngân dù năm 1960, ca khúc Tôi Đưa Em Sang Sông được in ấn, phát hành rộng rãi. Tên tác giả Trần Nhật Ngân được ghi trên bản nhạc, bên cạnh một tên khác: Y Vũ. Bài hát đi vào quần chúng thật mau lẹ, nhưng khoảng cách giữa chúng tôi vẫn không có gì thay đổi. Trong phạm vi của một thành phố nhỏ, chúng tôi biết đến tên nhau, cùng những lần tình cờ thấy nhau, không lạnh lùng nhưng chắc chắn không thiếu dửng dưng.

Nhật Ngân, có đạo Thiên Chúa, anh đến với âm nhạc qua sự dìu dắt, chỉ dạy của các vị linh mục và hai nhạc sĩ Đỗ Thế Phiệt, Nhật Bằng. Khởi đầu anh muốn trở thành một nhạc công, một nghệ sĩ trình diễn. Mê *Violon* và *Piano*, hai nhạc cụ, Nhật Ngân từng mơ ước sử dụng. Nhưng nhà nghèo, anh chỉ có thể kéo nhờ cây vĩ cầm của một người em họ, và dĩ nhiên phải bỏ cuộc. Người em họ, Nhật Hiền, đã thay anh thành tài, thành danh, nắm giữ chức Giám Đốc trường Quốc gia Âm nhạc Huế một thời gian.

Dựa theo đối thoại giữa Nhật Ngân cùng nhà báo Nguyễn Ngọc Chấn CNN, đăng trên tạp chí Thế Giới Nghệ Thuật, volume 01 No.7 1999, và lời dẫn nhập từng ca khúc của chính Nhật Ngân viết, trong tập Tình Yêu và Quê Hương, dành cho buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật, do nhà thơ Lê Hân, nhà giáo Đoàn Phế và nhóm bạn, tổ chức tại thính đường Noel Ryan, số 301 Burnhamthorpe, Mississauga, Ontario, Canada, ngày chủ nhật, 05 tháng 11 năm 2006, giới thiệu ngoại âm nhạc biết rõ hơn về sáng tác đầu tay của Nhật Ngân: Tôi Đưa Em Sang Sông, cụ thể như sau:

“Tôi bước chân vào lãnh vực âm nhạc tương đối sớm. Năm 14, 15 tuổi, thời đang còn học đệ ngũ, đệ tứ (lớp 8, 9 bây

giờ), tôi đã ôm đàn lên sân khấu nhà trường hát và được các bạn cùng trường, cùng lứa tuổi (nhất là các cô) ưa thích.

Cũng vì yêu nhạc, thích hát và lòng bông tối ngày, nên việc học hành của tôi không khá, cuối năm đủ điểm lên lớp là may. Năm đệ nhị (lớp 11), cô bạn gái của tôi, cũng có thể nói là người yêu của tôi thời bấy giờ, thấy tôi tối ngày đàn hát mơ mộng như người đi trên mây, nên cô ta đi lấy chồng. Không biết chuyện buồn này là chuyện xui của đời tôi hay là may mắn cho sự nghiệp âm nhạc của tôi, và thời điểm đó, 1960, tôi đã viết ca khúc *Tôi Đưa Em Sang Sông* (tính tới nay, bài hát này đã có số tuổi gần 50)..."

(Tình Yêu Và Quê Hương, phần 1: nhạc tình yêu thời tuổi trẻ)

Nhà báo Nguyễn Ngọc Chân CNN (mà Nhật Ngân gọi là "giáo sư", bỏ trong ngoặc kép đảng hoàng), ghi lại lời tâm sự của Nhật Ngân:

"... "Giáo sư" CNN hỏi. là khơi lại vết thương lòng của 'tớ' rồi. *Tôi Đưa Em Sang Sông* ! Sau khi mình thọ giáo thầy Đỗ Thế Phiệt, khoảng 59, 60. Với số vốn nhạc lý làm hành trang, sẵn lại đang có mối tình đầu tới thời kỳ lên cao độ. Nàng là gái Huế, thuộc gia đình khá giả. Tuy hai trẻ yêu nhau ra-dzít, nhưng tình yêu không thắng nổi lý trí. Là một chàng trai còn đang lêu bêu, nàng làm sao dám chấp nhận lập gia đình với một cậu học trò rách. Thế rồi một ngày đẹp trời, nàng báo tin lên xe hoa về nhà chồng. Tuy còn yêu nhau tha thiết, nhưng hai người đành chia tay, mình liên tưởng tới những buổi trưa, đưa nàng qua sông Hương, buồn quá, viết thành khúc hát để "chúc" nàng hạnh phúc..."

(Nguyễn Ngọc Chân - Thế Giới Nghệ Thuật)

Nhật Ngân cho biết tiếp về sự phát hành của bài hát, qua bài viết của ký giả kịch ảnh, sân khấu Trường Kỳ :

"... " Mặc dù chưa có phương tiện phổ biến rộng rãi trong thời gian đầu, nhưng "*Tôi Đưa Em Sang Sông*" đã trở thành một ca khúc được giới học sinh Đà Nẵng rất ưa thích, chép tay chuyền cho nhau hát. Sau đó Nhật Ngân gửi ca khúc này vào Sài Gòn nhờ nhạc sĩ Y Vân phổ biến dùm, với sự sửa đổi một vài chữ trong bản nhạc cho hợp với đường lối của Bộ Thông Tin. Lúc đó không cho phép phổ biến những nhạc phẩm ủy mị, ướt át.

Câu "Rồi thời gian lặng lẽ trôi, đời tôi là cánh mây trời bốn phương trời. Và đời em là cánh hoa thì bao người ước mơ, đưa đón trông chờ" được nhạc sĩ Y Vân đổi thành "Rồi thời gian lặng lẽ trôi, đời tôi là chiến binh đi khắp phương trời. Mà đời em là ước mơ đẹp muôn ngàn ý thơ, như ngóng trông chờ" cho phù hợp với hoàn cảnh chiến tranh của đất nước.

Câu kết của bản chính là "Nàng đã thay một lối về, thay cả bàn tay đón đưa" cũng đã được Y Vân đổi thành "Nàng đã thay một lối về, quên cả người trong gió mưa."

Sự thay đổi lời ca này đã khiến cho tác giả cảm thấy "hẫng" đi một chút, như lời ông nói, vì không đúng với tâm trạng của mình, khi chưa hề trải qua đời sống trong quân ngũ.

Hơn nữa, vì tác giả còn là một người chưa có tên tuổi, nên cần nhờ tới một nhạc sĩ nổi tiếng đứng chung tên với "Tôi Đưa Em Sang Sông" để dễ dàng đến với quần chúng hơn. Khi được phát hành, "Tôi Đưa Em Sang Sông" được ký tên bởi hai người là Trần Nhật Ngân và Y Vũ...

(Nhật Ngân 40 năm Âm Nhạc-Trường Kỳ)

Nhật Ngân và Y Vũ hiện nay, không những sống giữa hai vùng địa lý khác nhau, mà còn khác biệt ở thể chế chính trị của hai quốc gia đối nghịch, tư bản và cộng sản. Những sáng tác của Nhật Ngân bị cấm phổ biến trong nước, điều này có thể mang đến việc không được nêu tên anh dưới bất cứ hình thức nào tại nơi Y Vũ đang sống ?

Gần đây, tôi đọc thấy trên trang điện toán Vietnamdaily.com, số 4969 lên ngày 21-01-2006, một bài kể lại chuyện về thăm quê hương, gặp được một số bạn cũ, mối của nhạc sĩ Trịnh Hưng từ Pháp về. Nhạc sĩ Trịnh Hưng sau khi được bạn cũ, nhạc sĩ Y Vân, giới thiệu lần đầu tiên với Y Vũ (em trai, kém Y Vân 9 tuổi, theo Trịnh Hưng), đã có hỏi về nhạc phẩm Tôi Đưa Em Sang Sông. Và Y Vũ cho biết: (nguyên văn của nhạc sĩ Trịnh Hưng)

... " Y Vũ ngâm ngùi tâm sự:

Đó là nhạc ghi lại mối tình đầu của em. Đạo đó, em còn là học sinh trung học tư thực Hàn Thuyên ở phố Cao Thắng, gần nhà và lớp nhạc của anh, yêu một nữ sinh cùng lớp tên Thanh. Đó là mối tình học trò, trong trắng. Tình yêu chúng em chỉ cảm

nhận qua ánh mắt trao đổi, chứ chưa một lần nắm tay nhau. Nhà nàng giàu sang, có cây xăng ở ngã bảy Lý Thái Tổ, còn em thì nghèo, chỉ có chiếc xe gắn máy hiệu Bromic do anh Y Vân mua cho. Nàng dặn em, mỗi ngày cứ vào buổi chiều, canh đúng giờ nàng ra thay thế cho cha mẹ nàng về nhà nghỉ ngơi, thì tới để nàng đổ đầy bình xăng cho, không phải trả tiền. Và cứ thế, rồi băng đi một tuần không thấy Thanh đi học và ra cây xăng. Em nhớ Thanh quá, mới lấy hết can đảm tới nhà nàng, hỏi thăm có em gái nàng, thì được biết mấy hôm nay nhà bạn rộn vì phải tiếp nhận lễ hỏi cưới chị Thanh, do cha mẹ gả cho một ông bác sĩ lớn tuổi.

Được tin nàng lấy chồng, em buồn quá, lui thủ ghé nhà một người bạn ở xóm nghèo, gần nghĩa trang. Tối đó lần đầu tiên em uống rượu say. Mãi đến 2 giờ sáng mới tỉnh rượu, em mở cửa sổ, nhìn ra thấy mưa hiu hắt trên những nắm mộ, em bèn cầm cây đàn guitar và ứng khẩu hát như người ứng tác:

Nếu như trời không mưa

Đường đâu cần tôi đưa

Nàng đã quên cả lối về, quên cả người trong gió mưa

Từ đó tới sáng, em hoàn thành bài nhạc một cách bất ngờ...”

(Trịnh Hưng - Nhạc sĩ Y Vũ với bài ca TĐESS)

Nhạc sĩ Trịnh Hưng ghi lại lời kể của nhạc sĩ Y Vũ một cách giản dị, dễ hiểu và chắc chắn rất trung thực. Tôi nghĩ ông cũng tin 100% như thế, bởi Y Vũ đã đưa ra rất nhiều điểm cụ thể, mong chứng minh sự thành thật của mình, trong ý định dành tác quyền. Những điểm cụ thể nhạc sĩ Y Vũ nêu gồm: tên gọi người yêu của ông, địa điểm cây xăng và những diễn tiến rất nhịp nhàng, trôi chảy có cốt truyện hấp dẫn. Duy có một điều ông quên nhắc đến cái tên Trần Nhật Ngân, một cái tên đã từng nằm trước cái tên Y Vũ trong ấn bản đầu tiên, cũng như trong những lần tái bản về sau. Khó có thể tin Y Vũ vô tình quên, cũng khó có thể tin ông vì lo sợ điều gì khi phải nhắc đến cái tên Trần Nhật Ngân. Tôi nghĩ, nhạc sĩ Y Vũ có vẻ cố tình gạt ra cái tên của một người đích thực đã góp phần lớn để hoàn tất một ca khúc, đã có thời được đón nhận rộng rãi.

Một chi tiết rất đáng thắc mắc qua lời kể của Y Vũ, hy vọng đây là một nhận định hời hợt do sự yếu kém hiểu biết về

sáng tác nhạc của tôi mà ra. Người thanh niên thất tình, “nửa đêm về sáng” mở cửa sổ nhìn trời hắt hiu mưa trên những nấm mồ và cất tiếng hát. Những câu hát này không là điểm khởi hành của bài nhạc, sao vậy nhỉ ? Tác giả bắt hứng từ hình ảnh trời mưa một chập, rồi sau đó mới quay trở lại điểm xuất phát để đi một hơi. Trong sáng tác, nhạc cũng như thơ, người viết có thể viết trước bất cứ đoạn nào trong tổng thể của bài viết, sau đó mới bố cục lại, là chuyện bình thường. Nhưng theo lời kể của nhạc sĩ Y Vũ, tôi cảm thấy, có chút ít lẩn cẩn, ngờ ngợ. Dòng sông, bối cảnh chính của bản nhạc, dĩ nhiên không cần có cụ thể như sông Hương hay sông Hàn, bởi dòng sông được đưa ra chỉ có ý niệm cho một sự sang ngang. Y Vũ có lý khi không cần nhắc đến một con sông nào từng có kỷ niệm giữa ông và người yêu. Kỷ niệm của ông và cô Thanh thiết thực hơn. Những nghĩa cử cho đỡ xằng chừa nói lên cái nặng tình một cách đậm đà hơn là đưa đón. Từ những kỷ niệm đơn giản, chất phác này tưởng tượng ra cảnh đưa em sang sông, đón em dưới mưa quả thật khó thực hiện nổi nếu không có một tâm hồn nghệ sĩ.

Nhân vật chính trong Tôi Đưa Em Sang Sông của Y Vũ, đã đi lấy một ông bác sĩ già. Không biết đoạn đời sau của nàng ra sao. Nhân vật chính trong Tôi Đưa Em Sang Sông của Nhật Ngân cũng con nhà giàu, lấy chồng môn đăng hộ đối, nhưng cũng không hạnh phúc. Nhật Ngân bật mí cho Nguyễn Ngọc Chân biết:



“ Tôi Đưa Em Sang Sông trở thành tiếng lòng nước nở của hàng triệu con tim rướm máu, tình khúc bỗng nổi một cách bất ngờ. Chông nàng bị chọc què, dấn vật, cuối cùng không kèn, không trống, họ gãy cánh giữa đàng”

Và Nhật Ngân *“...rất ân hận, vì vô tình phá vỡ hạnh phúc người mình yêu. Về sau gặp lại, mình tôn trọng nàng và nàng muốn*

chứng minh với đời : tội này chỉ là bạn. Sau đó, giòng đời chia cắt đôi nơi, trở thành “mây bốn phương trời” không gặp lại nữa”

Tôi quả thật đang giấu một số hoài nghi trong lòng, trước những tường thuật của Nhật Ngân.

Y Vũ tên thật Trần Gia Hội, em ruột của nhạc sĩ Y Vân, Trần Tấn Hậu. Nhạc sĩ Y Vân là một nhạc sĩ đã nổi tiếng. Khó có thể nêu lên lý do thuyết phục, về việc cái tên của Nhật Ngân trên bản nhạc, mà ông ta không có công sáng tác. Một anh chàng thư sinh hoàn toàn vô danh và nghèo khó, ở tận miền Trung, không dung được đứng tên chung trong một sáng tác, kể cũng lạ. Đây quả là chuyện khó tin và... không có thật. Sự thật và nửa-sự-thật đáng tiếc này hy vọng trong tương lai sẽ được xác định rõ ràng và chân thực hơn.

Rất may, thực tài của Nhật Ngân lẫn Y Vũ đã thể hiện trong những sáng tác về sau, riêng rẽ, của hai người. Tính đến nay, những sáng tác của Nhật Ngân, có phần lấn lướt về số lượng cũng như được sự chọn trình bày của ca sĩ, lẫn sự đón nhận của giới yêu âm nhạc, nếu so với Y Vũ và cả Trịnh Hưng.

Nhật Ngân họ Trần, ra đời năm 1942 tại Thanh Hóa. Anh là con út của cặp vợ chồng có 6 con. Thân phụ anh, một nhân viên công chức, đã thất lộc. Nhật Ngân theo mẹ, cùng các anh chị vào miền Trung, sống tại Đà Nẵng một thời gian trước khi vào Sài Gòn. Anh theo học tại trường Võ Trường Toản. Có Tú Tài, Nhật Ngân trở ra dạy việt văn và âm nhạc tại trường trung học tư thục Phan Thanh Giản. Năm 1965, anh gia nhập quân đội Việt Nam Cộng Hòa, tòng sự tại Cục Tâm Lý Chiến. Một năm sau, anh được chuyển về làm trưởng ban văn nghệ tại Trung tâm Huấn luyện Quang Trung.

Chị Mai Nương đã chấm dứt cuộc sống độc thân của anh từ năm 1969. Tình yêu của Ngân và Nương đã đúc kết được ba tác phẩm lớn. Sau 30 tháng 4-1975, Nhật Ngân chạ chân lên tàu, nhờ đó tạo được 7 năm kiến thức thực tế về chế độ xã hội chủ nghĩa. Năm 1982, anh vượt biên đến tỵ nạn tại Sikiu Thái Lan, không có đoàn thể tử bên cạnh. Năm 1984, anh được nhận vào Hoa Kỳ. Gia đình ca sĩ Thanh Thúy bảo trợ anh về sống ở phía bắc Hollywood, trước khi thuê chung nhà cùng nghệ sĩ Nguyễn Long, tục danh Long Đất tại Orange County.

Trong thời gian đầu ở Mỹ, Nhật Ngân được gọi thủ vai một quân nhân “mệnh yếu” trong phim Đoạn Cuối Tình Yêu, bên cạnh những Băng Châu, Anh Hoa, Huy Khánh, Mai Khanh... Cuốn phim này do Nguyễn Ngọc Chấn CNN thực hiện. (Nguyễn Ngọc Chấn là cựu học sinh Chu Văn An... Sài Gòn, bằng hữu thân thiết cùng Du Tử Lê, Ngọc Hoài Phương, Phương Triều, Vũ Thành An... Ông được bè bạn gọi là “cậu trời”, tôi không được rõ ba chữ viết tắt đi liền sau tên và họ).

Sinh hoạt âm nhạc tại hải ngoại trong giai đoạn này còn hạn hẹp, Nhật Ngân xoay qua làm báo sau khi được nhà văn Hoài Điệp Từ (1943-1987) mời về cộng tác với báo Mai. Phong trào phim bộ cùng những trung tâm thương mại âm nhạc ra đời, kéo theo sự sinh động trong bộ môn âm nhạc. Nhật Ngân cũng như nhiều nhạc sĩ khác đã có cơ hội sinh hoạt theo sở thích của mình không ngừng nghỉ. Năm 1990 vợ con anh được sang đoàn tụ. Nhật Ngân phải đi cày nhiều hơn để nuôi vợ và con đến trường. Chị Nhật Ngân đã trở thành một y tá. Trưởng nữ, Ngân Khánh, tốt nghiệp Cử nhân Âm nhạc tại Đại học Fullerton, California. Em trai thứ nhất của Ngân Khánh theo học ngành được và cậu út, tốt nghiệp ngành điện toán.

Nhật Ngân ngã bệnh vào năm 1992. Cái bao tử của anh đan díu với bệnh ung thư, phải cắt bỏ mất hai phần ba. Nhưng nhờ biết vui sống với bệnh nan y, Nhật Ngân hồi phục dần và anh tiếp tục sáng tác. Chị Nhật Ngân không xuất bản thêm cho anh tác phẩm nào, nhưng ca khúc thì Nhật Ngân có đều đều. Thử lược kết lại những gì Nhật Ngân đã viết qua từng giai đoạn:

Thời phơi phơi thanh xuân, Nhật Ngân viết: Tôi Đưa Em Sang Sông, Đêm Nay Ai Đưa Em Về (kỷ niệm cuộc tình với một ca sĩ. Giọng hát Lê Thanh khởi đầu với sự phụ họa của Hồng Phúc, Thanh Sơn), Ngày Vui Qua Mau, Bài Hát Cho Người Kỹ Nữ, Lời Đắng Cho Một Cuộc Tình, Nỗi Buồn Con Gái, Cho Vừa Lòng Em, Lời Tình Tự, Tình Buồn Trong Mưa, Trách Ai Vô Tình, Xin Chia Buồn, Trời Còn Mưa Không Anh, Rước Xuân Về Nhà,...

Thời mặc áo màu ô liu: Xin Làm Chim Rừng Núi, Một Mai Giã Từ Vũ Khí (một ca khúc chứa đựng nhiều hình ảnh của một đất nước giàu chiến tranh, ca khúc này nhà văn Song Thao rất thích, ông đã say mê hát nho nhỏ khi ngồi nghe một ca sĩ

trình bày ca khúc này trong buổi sinh hoạt ngày 5-11-2006 tại Mississauga, Ontario, Canada), Xuân Này Con Sẽ Về,...

Thời hậu 1975 tại quê nhà, có ca khúc Anh Giải Phóng Tôi Hay Tôi Giải Phóng Anh.(bài ca được hát đầu tiên tại hải ngoại bởi ca sĩ Ngọc Minh, sau đó Elvis Phương thu vào băng do trung tâm Phương Nga tại Pháp thực hiện)

Thời tự do tại hải ngoại, Nhật Ngân viết thoải mái, gồm:

Sáng tác: Tôi Biết Tôi Sẽ Buồn, Vẫn Mơ Về Đà Nẵng, Quảng Nam Quê Ta Oi, Tình Yêu Và Chiếc Bóng Bay, Về Đây Hỡi Em, Có Mất Gì Đâu, Hãy Hát Lên Tình Yêu, Bao Giờ Gặp Lại Em, Một Đồi Tiếc Nuối, Một Đồi Tìm Nhau, Một Lần Dang Dở, Ngày Minh Thôi Yêu Nhau, Sỏi Đá Buồn Tênh, Xuân Này Con Về Mẹ Ở Đâu (Nhật Ngân cho biết viết bài này theo ý của Duy Khánh)

Phổ thơ: Hương (thơ Nguyễn Long), Kiếp Sau (thơ Trần Mộng Tú), Một Thời Đà Nẵng Dấu Yêu (thơ Luân Hoán), Con Đường Năm Xưa (thơ Lê Hân), Khán Cổ Gọi Tình Về (thơ Trần Yên Hòa), Hồi Âm (thơ Thành Tôn), Phương (thơ Nguyễn Nam An), Thôi Cười Cho Em Vui (thơ Hạ Quốc Huy), Nỗi Nhớ Bồng Quay Về (thơ Hồ Thành Đức), Ngày Trở Lại Hội An (thơ Hoàng Lộc), Mỗi Mùa Xuân Thêm Một Lần Dối Mẹ (thơ Trần Trung Đạo), Chút Tình Cho Huế (thơ Phan Xuân Sinh), Xa Vắng Mẹ (thơ Thái Tú Hạp), Chia Tay (thơ Trần Mộng Tú), Hương Tình Muộn (thơ Hương Thảo), Mặt Trời Độ Lượng (thơ Nguyễn Bình Thường)...

Lời Việt cho ca khúc ngoại quốc: Về Đây Hỡi Em (nhạc Pháp), Mưa Trên Biển Vắng (nhạc Pháp), Tình Xưa Xa Rồi (nhạc Trung Hoa), Bến Thượng Hải (nhạc Trung Hoa)...

Ngoài những sáng tác riêng, Nhật Ngân còn viết chung một số ca khúc với nhạc sĩ Trần Trịnh (chồng cũ của ca sĩ Mai Lệ Huyền, hiện ở Hoa Kỳ) dưới bút danh Trịnh Lâm Ngân. Bút danh này được kết nối giữa ba người bạn. Hai người là nhạc sĩ, một người là con rể ông Tám Oanh, chủ hãng đĩa Sóng Nhạc, anh Lâm Đệ (đã qua đời). Những ca khúc dưới tên Trịnh Lâm Ngân được phổ biến:

Bao Giờ Ta Gặp Lại Ta, Cảm Ơn, Chiều Qua Phà Sông Hậu, Em Vẫn Hoài Yêu Anh, Hai Trái Tim Vàng, Hạnh Phúc Nơi Nào, Hồn Trinh Nữ, Lính Xa Nhà, Lửa Mùa Hạ, Mùa

Phượng Tím, Mùa Xuân Của Mẹ, Ngàn Đợi Chờ Mong, Ngày Xuân Thăm Nhau, Người Tình Và Quê Hương, Qua Con Mè, Rộn Ràng Niềm Vui, Thư Xuân Trên Rừng Cao, Tình Trinh Nữ, Trời Huế Vào Xuân Chưa Em, Yêu Một Minh, Xuân này Con Không Về (ca khúc này là bài tử của ca nhạc sĩ Duy Khánh, sống rục rờ qua từng mùa xuân), Vòng Tay Yêu Thương, Mắt Xanh Con Gái...

Chính Nhật Ngân và Trần Trịnh đã dựng nên đôi song ca nhạc kịch động Mai Lệ Huyền-Hùng Cường. Tất cả những sáng tác của Nhật Ngân cũng như của Trịnh Lâm Ngân đều có số tiêu thụ cao trước 1975, tại miền nam. Nhật Ngân cho nhà báo Nguyễn Ngọc Chấn biết nhíp phát hành, phổ biến nhạc của anh vào thị trường âm nhạc Sài Gòn, trong hơi thở của Việt Nam Cộng Hòa :

“Bài bản do nhạc sĩ bỏ tiền in, rồi phân phối cho đại lý, lời ăn, lỗ chịu. Ế quá thì thuê về chất đồng dôm chơi. Một bài hát vốn in 1 đồng, in nhiều, kỳ kèo có thể xuống 90 xu. Cậu rình bán cho đại lý là 3 đồng 8 mỗi tờ, tiệm bán cho khách 5 đồng...”

Những bản nhạc ăn khách có số bán cao lên đến 500, 700 ngàn, bán lai rai, bán dài dài trong vài năm. Khi phong trào nhạc giết vừa ra, bản Gặp Nhau Trên Phố, Hai Trái Tim Vàng chẳng hạn, tụi này bán 300, 400 ngàn bài trong vòng một tháng. Nhà in khắp Sài Gòn, Chợ Lớn được trưng dụng một số đủ cho khách...”

Việc làm ra tiền nhờ vào sáng tác xem ra cũng rất lý tưởng, dù bên cạnh đó không thiếu một vài bụi mực vì nạn cắt xén, ăn chặn, hoặc cạnh tranh. Nhật Ngân kể lại một kỷ niệm với ông Nguyễn Ngọc Chấn:

“...Lúc thịnh thời, tụi này đặt nhà in Tuyết Vân, trước mặt Sở Cứu hỏa Sài Gòn. In xong, nhận hàng đủ, chất đầy ba chiếc xích lô, đem phân phối cho đại lý. Trên đường đi, tớ nhớ bỏ quên cái hộp quẹt trên bàn quản lý. Vừa quay đầu trở lại, tụi này chưng hửng, lại thấy ba xe xích lô khác, cũng đầy nhạc của mình, cũng Ba Trái Tim Vàng, cũng Gặp Nhau Trên Phố, chở vào một ngõ hẹp nào đó...”

Nhờ âm nhạc, tên tuổi Nhật Ngân mỗi ngày một được biết đến nhiều hơn trước. Nhưng sự quan hệ giữa anh và tôi không hề phát triển. Ngoài lý do sinh hoạt trong hai bộ môn khác nhau,

chúng tôi không sống cùng một địa phương. Thêm vào đó, những nhận định, đánh giá của tôi về âm nhạc thời bấy giờ, có nhiều điểm có phần hơi làm dáng, thiếu chân thực. Tuy vẫn nghe nhạc thời trang đều đều vì đang là lính chiến, nhưng vẫn không chịu chấp nhận đó là một phần tâm sự của chính mình. “Xuân Nay Con Không Về” là một chuyên chở tình cảm dung dị, chân tình, nghe vô cùng cảm động, nhất là đang ở ngoài tiền đồn, nhưng tôi đã không đặt nó trong vị trí trang trọng đáng có trong sự thương ngoạn của mình. Trong ca khúc Việt Nam, ranh giới giữa trí thức và bình dân là điều có thực. Nhưng không phải bài ca phổ thông nào cũng không có những nét trí tuệ, vốn được lồng rất khéo vào sự bình dị như ca dao. Ngay những bài ca thời tiền chiến, thường được gọi là nhạc của những người có trình độ, vẫn không thiếu những câu “thường thường”

Quan niệm ấu trĩ của tôi cũng như của nhiều người khác, thật sự đã có cơ hội thay đổi sau khi lưu lạc trên xứ người. Thú thật tôi đã từng ứa nước mắt khi được nghe lại những ca khúc vinh danh người lính, những ca khúc tí tê tâm sự của những em hậu phương, ước sững những giận hờn, trách móc, nhớ nhung... đậm đà tình Lan và Điệp. Tôi tìm nghe lại những giọng ca Duy Khánh, Phương Dung, Thanh Tuyền, Chế Linh, Hoàng Oanh, Thanh Thúy, Minh Hiếu, Sơn Ca... trong những ca khúc mà một thời tôi nghe chỉ để nghe cho hết thì giờ. Tôi gặp lại rất nhiều lần Nhật Ngân qua những gì anh đã viết.

Ngân là một thanh niên lãng mạn rất yêu đời, dù cuộc đời như *“áng mây bay khắp phương trời”*

Ngân cô đơn, bi quan trước những khám phá niềm vui qua mau cùng những hờ hững vô tình của tuổi trẻ.

Ngân ưu tư, thao thức về nỗi đau của dân tộc của đất nước.

Ngân ngỡ ngàng cay đắng cho đời tù tội vì chính lý tưởng của mình.

Ngân lạc lõng, hoang mang trên bước đường chạy tìm một vùng đất mới.

Nhìn chung, ở đâu, nơi nào, Nhật Ngân cũng thấy được cái tôi của anh từ cái chung của mọi người, và ngược lại. Điều này đã giúp cho hồn nhạc của anh cận kề với cuộc sống hằng ngày của mọi người. Có thể công nhận sinh hoạt của Nhật Ngân tại hải ngoại có phần thịnh vượng hơn trước 1975. Chính Nhật Ngân

cho biết những yếu tố bên lề đã giúp cho những nhạc sĩ tị nạn, trong đó có anh, thành công trong sáng tác:

- Phong trào phát thanh, phát hình mỗi ngày một cải thiện, lớn mạnh.
- Việc phát hành băng đĩa vừa tối tân vừa dễ dàng, thuận tiện hơn.
- Những trung tâm thương mại âm nhạc góp tay tích cực trong việc phổ biến.
- Phong trào yêu nhạc Việt được đẩy mạnh tại nhiều quốc gia.
- Thành phần ca sĩ đông vui, và có trình độ kỹ thuật vững vàng, sự cạnh tranh khắt khe tạo được trau dồi liên tục.
- Nhạc sĩ có được một đời thường thoải mái trong tự do để yên tâm cho sáng tác.
- Tên người cha đẻ của ca khúc đã thật sự được nhắc đến trong mọi chương trình trình

diễn, có vẻ trang trọng và thật tình hơn từ trước rất nhiều.

Với những ưu điểm cụ thể như trên, Nhật Ngân đã ngưng làm nhiều việc để “*viết nhạc full time*”. Và ngoài những ca khúc rời, Nhật Ngân viết nhiều nhạc cảnh cho phổ biến qua các băng video, những buổi đại nhạc hội, cụ thể như: Nhạc truyện Tấm Cám, Đêm Vu Quy...

Từ Montréal, tôi gặp Nhật Ngân qua nhiều cuốn video của các trung tâm ca nhạc lớn nhỏ. Với dáng người tầm thước, khuôn mặt rắn rỏi, nuôi hàng râu trên môi nhẹ nhàng, Nhật Ngân không đẹp trai, nhưng không thể là người thiếu dễ thương. Nét mặt điềm đạm đó luôn thu hoạch được những tình cảm thân thiện, thương mến của nhiều người khi tiếp xúc. Chúng tôi vẫn chưa hề là bạn thật sự của nhau, dù đã có vài lần liên lạc qua thư từ, điện thoại. Tôi thích nhạc của Nhật Ngân qua các ca khúc anh phổ nhạc. Bản Kiếp Sau, thơ của chị Trần Mộng Tú thật mượt mà xinh xắn như những nụ hoa, nhạc Nhật Ngân đã giúp bài thơ thêm duyên dáng, dễ thương. Bài Hồi Âm của nhà thơ Thành Tôn chân tình, giàu hình ảnh. Nhạc sĩ Nhật Ngân đã đưa những ưu điểm của bài thơ vượt khỏi cái vắn điệu bình thường của thể loại 8 chữ. Ranh giới giữa thơ và nhạc bị xóa nhòa. Âm thanh và ngôn từ trở thành một khối đồng nhất, trong một nỗi ngậm ngùi man mác đến vô cùng. Nhật Ngân, theo tôi, rất thành công trong

việc dùng thơ phổ nhạc. Nếu phải chọn 10 nhạc sĩ có trình độ cao nhất về cái tài này, tôi không ngần ngại, đề cử Nhật Ngân. Sự thành công của Ngân ngoài phần có căn bản nhạc lý, còn có sự tương thông giữa những tâm hồn đồng điệu, cùng một vốn sống cần thiết cho việc sáng tác. Nhạc sĩ Nhật Ngân cũng rất bén nhạy trong vấn đề nhận xét, đánh giá những thăng trầm, thành bại của bộ môn anh sinh hoạt. Đại ý vài nhận định của anh:

- Tại hải ngoại, nhạc sĩ có thể sống được với ngành âm nhạc.
- Không có sự khác biệt giữa hai môi trường sáng tác, quốc nội hay hải ngoại, nếu tác giả bắt gặp được những rung động, cảm xúc thật sự từ những tình huống, hoàn cảnh của cuộc sống.
- Mức độ sáng tác của mỗi nhạc sĩ tùy theo lòng yêu nghề, sự tha thiết với sự nghiệp mình đã chọn .
- Nên thông cảm với những khó khăn của các trung tâm thương mại âm nhạc khi phải căn cứ vào giá trị nghệ thuật ca khúc, và danh tiếng của tác giả để chọn nhạc phổ biến.
- Nhạc viết từ những nhạc sĩ trong nước đã có một số ca khúc được giới thưởng ngoạn hải ngoại đón nhận, bởi giá trị nghệ thuật đích thực của nó. Nhưng số lượng chưa được nhiều so với một đội ngũ nhạc sĩ rất hùng hậu trong nước. Và rất đáng quan ngại, số lượng những ca khúc chấp nhận được hình như chưa hề gia tăng, nếu không muốn nói đang ngừng lại.

Hy vọng những nhận định của Nhật Ngân, tôi tóm lược trên, sẽ đem đến cơ hội suy nghĩ cho những người quan tâm đến nền âm nhạc Việt Nam, không phân biệt, trong ngoài đất nước hình chữ S.

Tháng 7 năm 2006, tôi ghé quán cà phê Factory tại thành phố Westminster, California, nơi tụ họp cuối tuần của anh em sinh hoạt văn học, văn nghệ. Không khí đông vui cởi mở của những người bạn văn khiến tôi cảm động, tối trở về khách sạn, vui tay, tôi viết liền mấy câu:

*“Hẹn nhau tại quán cà phê/ tay bắt mắt ngó chính tề, ba
hoa/ đi đâu ta cũng là ta/ bạn cũng là bạn, tà tà giống nhau
mỗi thằng thông một nhóm râu/ thằng để thằng cạo hơn
nhau điểm nào?/nhìn chung, một bọn tào lao/ viết hay nói cũng
tầm phào quanh năm.*

*thèm đi, thèm ngủ, thèm nằm/ thèm bao nhiêu thứ...trăm
năm bình thường/ hơn gì nhau chuyện yêu thương/ thua gì nhau
nỗi vui buồn chung riêng .*

*nói nhảm vẫn ám nét duyên/ chửi thề vớ vẫn đầu phiền
lòng ai/ cà phê từng ngậm lại rai/ cái ngon ở chỗ cụng vai nói
cười'*

(tạp chí Hợp Lưu số 91, tháng 10 và tháng 11-2006)



Bài thơ cốt để tặng một số bạn có mặt hôm đó như Bé Ký, Hồ Thành Đức, Đặng Hiền, Nguyễn Nam An, Thái Tú Hạp, Nguyễn Mạnh Trinh, Trần Văn Nam, Hạ Quốc Huy, Đạm Thạch, Ái Cẩm, Nguyễn Ngọc, Trinh, Thành Tôn, Phạm Phú Minh, Rừng, Trần Yên Hòa, Vương Trùng DươngÔng nhạc sĩ Nhật Ngân, người tôi hy vọng gặp cho biết mặt, đang thông dong ở Việt Nam. Chẳng dễ gì trở lại quận Cam lần thứ hai, cơ hội gặp Nhật Ngân một lần coi bộ mong manh. Tôi muốn gặp để cảm ơn cái tình anh đã dành cho Quảng Nam, cho Đà Nẵng, nơi anh tự nhận đã có những gấn bó khó quên với con người, với phong thổ của quê quán tôi.

Giữa lúc phân vân có nên nhận lời rủ của Thái Tú Hạp, qua thủ đô người Việt tị nạn một lần nữa hay không, tôi được tin nhà thơ Lê Hân tổ chức buổi nhạc thính phòng cho Nhật Ngân tại thành phố Mississauga, tỉnh bang Ontario của Canada. Hân réo tôi cùng nhà văn Song Thao qua góp mặt cho vui.

Lê Hân cùng anh Đoàn Phế và nhóm bạn ở Toronto đã từng tổ chức rất thành công những sinh hoạt đại loại rất văn học như thế này. Thính phòng ấm áp, trang trọng với ánh sáng, với ghế ngồi tiện nghi, sang trọng. Âm thanh đủ tiêu chuẩn cần thiết. Nhạc sĩ, ca sĩ góp sức thừa tài nghệ, chuyên nghiệp. Và nhất là thành phần khán thính giả rất có lòng, giàu trình độ thưởng ngoạn. Tôi và nhà văn Song Thao vui vẻ nhận lời. Dự tính lên đường vào ngày 03 tháng 11 năm 2006 để thông thả dự buổi sinh hoạt sẽ tiến hành vào 2 ngày sau. Ngoài hai chúng tôi, ông ký giả nổi tiếng về ca nhạc, kịch ảnh Trường Kỳ cũng ham vui, theo chân, với ý định sẽ viết phóng sự, tường thuật.

Trời Montréal đổi mùa, giờ đông hồ được vụn lui lại một tiếng. Không mấy ảnh hưởng, nhưng chuyến đi của chúng tôi chậm thêm một ngày, vì cái nhức đầu sổ mũi của tôi chưa cho phép. Một điều rất lạ, sức khoẻ tôi khá bình thường, đang bình thường, chợt có một cơ hội đi đây, đi đó, hơi quan trọng một chút, là tôi tức thì có vấn đề. Tôi không đóng kịch, không giả bộ để thoả thoát. Cái bệnh lười biếng của tôi có giới hạn thời. Cái bệnh trở chứng ể mình luôn luôn có thật. Chính điểm này, mọi dự trù, toan tính của tôi chỉ được quyết định vào phút chót. Và như vậy, cuối cùng, dù mệt, tôi cũng phải lên xe của nhà văn Song Thao.

Với ngựa mới thay, đầy đủ tiện nghi, rộng rãi, mã lực mạnh, Song Thao, gài *régulateur de vitesse* 120 cây số rồi 140 cho mỗi giờ, lao đi. Chúng tôi đến nhà Hân khá sớm. Dù ông hay Phiếm chuyện đời vẫn dành năm phút, để ngả lưng lim dim trong lòng chiếc *Honda Accord*, chỉ mới về với anh mới mấy tháng. Đoạn đường non non 600 cây số, con ngựa bốn bánh đang chạy lần thứ ba, thật vất vả cho người và ngựa.

Vợ chồng Nhật Ngân đến Toronto trước chúng tôi một hôm. Anh chị tạm trú ở một khách sạn, gần nhà Hân. Chúng tôi gặp nhau vào khoảng 7 giờ tối. “Tay bắt, mặt mừng” tình như anh em. Dĩ nhiên tôi luôn luôn là “ông anh” vì như đã nói, tôi già

hơn Nhật Ngân đến một năm tuổi. Nhật Ngân “bất hình dong” tôi:

- “*Trông ông không được khoẻ !*”.

Khỏe thế nào được, khi cuồng họng như có cái gì chặn lại. Nước bọt trong cổ tôi thật đặc biệt. Vào những ngày “trái gió, trở trời” chúng trắng xóa như bột xà phòng, và dính đặc như một chất keo. Chúng làm tôi khó thở, may là không khô khè bao giờ. Bác sĩ phán bệnh suyễn, nhưng tôi nghĩ không chính xác. Tôi tự kê toa thuốc cho mình nhiều khi rất khả quan. Chỉ tiếc có quá nhiều loại thuốc phải có toa của bác sĩ thứ thiệt mới mua được. Trong đời ba tháng vừa qua, có ít người quen biết với sách báo qua đời vì bệnh suyễn. Nhà văn Thanh Tâm Tuyền, con trai nhà thơ Viên Linh và hình như còn ai đó nữa. Mai một, một ngày xấu trời có thêm tin: Luân Hoán đã thắng hà vì bệnh suyễn cũng là điều bình thường, bạn bè chắc có thể tiên đoán trước, không ngạc nhiên.

Có lẽ thấy tôi “nhác chơi” nên ngay sau khi gặp mặt, câu chuyện giữa chúng tôi bắt đầu, đi vào nhiều thứ bệnh. Nhật Ngân khổ vì cái bao tử, khả năng ăn uống của anh đương nhiên bị hạn chế. Trường Kỳ đang ở giai đoạn ngày phải chích bốn mũi vào bụng để trị bệnh tiểu đường. Vợ Nhật Ngân là một y tá chuyên nghiệp, nên chị rất hào hứng trong việc trao đổi cách chữa trị và thuốc men. Theo kinh nghiệm, chị khuyên chúng tôi nên ăn hành lá xanh mỗi ngày, sẽ ngăn ngừa được nhiều thứ bệnh nhất là về đường tiểu.

Sau chuyện đau ốm, chúng tôi bàn đến chương trình sinh hoạt chiều hôm sau. Mọi thứ đều được Lê Hân, Đoàn Phê và nhóm ca nhạc sĩ của họ ổn định cả. Tôi nhìn thấy trong cuốn chương trình, có chỗ Nhật Ngân định mời tôi lên sân khấu để thừa chuyện với khán giả. Tôi cảm ơn anh và xin anh rút lại ý định. Tôi sẽ vô cùng xấu hổ khi phải càn nhắc lên trình diện trước đám đông. Năm 1970, thực hiện tập Nén Hương Cho Bàn Chân Trái là cái tình của bè bạn dành cho, nhưng tôi đã từng bị chỉ trích, dùng cái đầu của mình để làm nổi. Sợ rồi, tôi chả dại để ai thương hại. Hơn nữa tài ăn nói của tôi đã cùn mòn từ lâu. Không mặc cảm về thanh giọng phát âm, nhưng hồ nghi mình nói có ai nghe hiểu kịp không? Tôi từ chối “xuất đầu lộ diện” là thượng sách, chứ chẳng phải khiêm nhường.

Bữa ăn tối của tất cả chúng tôi, đêm 04-11-2006, được anh chị Đoàn Phế đãi tại nhà hàng Đào Viên, Mississauga. Bè bạn thường nhận xét tôi ăn ít. Trật lất cả. Tôi ăn không ít, nếu không muốn nói tôi ăn nhiều. Tốc độ nhai nuốt của tôi, ngó qua rất từ tốn chậm chạp, nhưng thật ra nhanh nhẹn vô cùng. Thêm vào đó, trong lúc bè bạn vừa chuyện trò vừa ăn, thì tôi im lặng để nhai, để lượng chừng cái bao tử của mình còn chứa được bao nhiêu. Thức ăn ngon, nhưng tôi ăn đúng mức. Sau bữa ăn trở về nhà Hân chúng tôi lo tiếp vài việc cho ngày mai. Nhà văn Song Thao mở từng cuốn Chôn Cũ, và các cuốn Phiếm 2, Phiếm 3 ra đóng dấu sẵn. Nét son đỏ của con dấu làm tăng cái duyên cho cuốn sách rõ ràng. Người mua sách chắc sẽ hãnh diện, sung sướng. Cả đời tôi chưa sắm nổi một con dấu, nhìn bạn bè làm thì thích, mà mình muốn làm thì lười, đành tự hẹn có ngày sẽ thực hiện. Không khó lắm.

Tôi xót rờ một chập bên bàn có anh chị Nhật Ngân, Bắc Phong, rồi xuống phòng. Tôi có ngay một đêm thức trắng sau đó. Thiếu hơi vợ một phần, tiếng động của cái máy điều hòa độ ẩm một phần, làm tôi trần trọc. Không gác tay lên trán mà vẫn suy nghĩ, nhớ thử, mình đã phải đi “tè” nhiều lần như mấy bạn mắc bệnh tiểu đường không? Tôi vốn cực kỳ hảo ngọt, ngày nào cũng ăn bánh, kẹo, hoặc chè, thì chuyện dính tiểu đường không chừng dễ lắm. Áp huyết đã cao, đã có rồi, đang uống *Novo-Triamzide*, tạm ổn định. Nhưng nghe Trường Kỳ nói cái bộ ba tiểu đường, cao máu, thừa mỡ, thường đi cặp kè với nhau, đâm ớn. Suốt đoạn đường từ Montréal đến Mississauga tôi ngưng ngay việc ngâm kẹo, dù có mang theo một gói khá nhiều. Hết nghĩ về bệnh, tôi nghĩ đến những bài viết chưa thực hiện được. Những khuôn mặt, những kỷ niệm sẽ song hành cùng ngón “nhất dương chỉ” của tôi trước bàn gõ. Mọi chuyện đều tâm phào, vui chơi thôi, nhưng vẫn thấy canh cánh một bên lòng.

Trời hừng sáng, lò mò mang chân giả, tôi mau chóng hoàn tất thủ tục vệ sinh cá nhân rồi lên phòng khách. Chưa ai dậy. Tôi uống nửa ly nước trong. Một chút hồi hộp băng quơ khi nghĩ đến buổi chiều sinh hoạt sắp tới. Bè bạn tôi có những ai đang sống tại hai thành phố Toronto, Mississauga sẽ vui chân tới dự ? Ở đây có nhóm cựu học sinh Phan Châu Trinh, có thể tìm thấy một vài người đã quen ? Thời gian ngồi chờ Song Thao, Trường Kỳ, Lê

Hân thức dậy khá lâu, tôi lục chồng báo cũ, đọc những quảng cáo, nhìn một số ảnh chụp, qua đi mấy giờ.

Anh Nguyễn Anh Lễ của tuần báo Thời Báo mời Song Thao, Trường Kỳ đi ăn phở ở Rùa Vàng. Kỳ và Thao là hai cây bút thường trực của báo này. Tôi ngại ngủng chút đỉnh, nhưng không lẽ ngồi nhà một mình, đành lạng lẽ đi theo ăn ké.



Cũng như buổi nhạc thính phòng của Từ Công Phụng trước đây, thính đường Noel Ryan đông đầy khách mời. Chương trình khá dài. Phần trình làng tập truyện Chốn Cũ của Song Thao và cuốn Dừa Hơi Bè Bạn, hồi ký rời của tôi, trôi qua gọn nhẹ, nhờ tài ăn nói có duyên và lưu loát của anh nhà văn gốc Hà Nội Song Thao. Tôi chỉ có việc làm duy nhất là ngồi nghe và vỗ tay.

Phần nhạc của Nhật Ngân dĩ nhiên sôi động, thu hút hơn. Tôi không viết lời dẫn nhập cho nhạc Nhật Ngân, như đã làm cho Từ Công Phụng, vì sợ người nghe nhàm chán. Tôi đề nghị Nhật Ngân trực tiếp hướng dẫn chương trình để có cơ hội nêu lên “lý lịch” của từng ca khúc anh viết, người nghe sẽ thú vị hơn. Nhật Ngân đã làm điều này rất tốt.

Tình khúc Tôi Đưa Em Sang Sông với giọng nam ca sĩ Quốc Thắng đã mở đầu rất hợp lý cho chương trình ca nhạc. Dáng người dong dong cao, chững chạc và phoi phoi thanh xuân cùng chất giọng trầm ấm, Quốc Thắng đang bước những bước vững vàng trong sự nghiệp ca hát. Tiếp theo là giọng nữ Lâm Quỳnh Như trong ca khúc Tình Yêu Và Chiếc Bóng Bay. Lâm

Quỳnh Như là một giọng ca vừa đoạt hạng ba giải Ca Sĩ Tượng Vàng của Cơ sở Văn hóa Đông Phương tại Hoa Kỳ. Tiết tấu bài hát nhí nhảnh như người trình bày. Niềm vui đi liền với nỗi buồn. Từ một hình ảnh rất thơ ngây trong sáng, Nhật Ngân liên tưởng đến những phiêu pha của cuộc tình, cuộc đời, và anh nghiệm ra “...*tình một ngày tình cũng trăm năm, tình một đời tình vẫn xa xăm...*” Giọng Lâm Quỳnh Như rất thích hợp với ca khúc này. Lần lượt các giọng hát chuyên nghiệp tại Toronto đến với khán thính giả.

Tôi thấy một Hoàng Lan xinh đẹp, rất đài các trong y phục màu sẫm quý phái. Nụ “Hoa Vàng Mấy Độ” vẫn giữ thói quen tĩnh tọa trong lúc hát. Cái kính mát gài hờ trên mái tóc phẳng phất nét Ngọc Minh (ca sĩ). Chiếc nhẫn trên ngón trỏ của bàn tay cầm *micro* không nói lên sự ràng buộc. Hoàng Lan se sẽ khép mi nhiều lần để diễn đạt tâm sự. Ca từ của Nhật Ngân mềm mại, đơn giản... “*Tình như bóng mây, ngàn năm mây bay, mây ơi mây hỡi cánh mây giang hồ. Ngày tháng lênh đênh, bờ bên nơi đâu, biết cho tình em vẫn luôn chờ mong..*” Những nhớ nhung quẩn quít cùng những hồi tưởng, truy niệm về một cuộc tình tưởng đã xa mà vẫn chưa khuất. Có lẽ Hoàng Lan đã thay Nhật Ngân nói hộ cho nhiều người, những người từng có những cuộc tình đẹp không trọn vẹn.

Tôi thấy bên trái dãy ghế tôi đang ngồi có một thiếu nữ, đương nhiên là xinh đẹp. Cô mặc một chiếc áo xường xám uyển chuyển của người Trung Hoa. Nhờ dáng người thanh mảnh, mượt mà, cái áo tỏa ra sức lôi cuốn lạ thường. Người mặc quả khéo chọn một chiếc áo có màu sắc điều hòa, nghệ thuật. Vừa có cái lộng lẫy của màu đỏ, vừa có cái thâm trầm, sâu lắng của màu đen. Bên cạnh đó những vụn vàng nhạt, nâu, trắng, hồng phấn của những hoa văn làm tăng phần lãng mạn. Tôi có thể đã vụng tay với những nét vừa minh họa, vì thú thật, tôi không thể vô phép quan sát một cách tỉ mỉ. Hơn nữa mái tóc của người thiếu nữ, mới là nguyên nhân chính giữ lại ánh mắt tình cờ của tôi. Mái tóc rất giống Lê Thị Quỳnh Như, một tiểu thư tôi từng nghiêng chào:

*“Chào em, Lê Thị Quỳnh Như/ xin đừng nghiêng nón, nắng
thu rất hiền/ con đường này đã dành riêng/ cho người con gái có
duyên như là/ cô hoa khôi của Tam Tòa/ thong dong dạo bước
trong ta mỗi ngày/ ngón chân như những sợi mây/ lòng ta ngập*

*vóc tình đầy tiểu thư/ thừa em, Lê Thị Quỳnh Như/ em thơm như
ngọn thơ từ Nguyễn Du”*

(Trôi Sông – LH)

Tôi đoán thầm cô gái là một ca sĩ, chắc sẽ lên sân khấu, và tôi chờ, và tôi không thất vọng. Cô là ca sĩ thật. Ca sĩ My My. My My không hát một mình, cô song ca cùng nam ca sĩ Duy Hùng. Cả hai cải trang đúng như cặp tình nhân trong phim Máu Nhuộm Bãi Thượng Hải của Hồng Kông. Duy Hùng là giọng ca lỗi lạc của Toronto. Sự điều luyện trong lối trình diễn của Duy Hùng, My My đã gây thích thú cho khán giả. Nhạc phim bộ Hồng Kông một thời tôi từng chú ý, nhưng rất bất ngờ lời Việt của ca khúc này của Nhật Ngân. Anh thật có tài, tôi nghĩ vậy, dù không rõ anh dịch từ nguyên bản hay dựa theo cốt truyện và vịn vào nốt nhạc để viết lời ?

Trong thính đường âm áp cùng những trái tim kính cẩn lắng nghe. Âm nhạc chợt trở nên rất thiêng liêng, ngọt ngào, tôi được gặp thêm những Điền Nguyên, Thảo Hương, Thanh Hằng, Minh Luân, Xuân Mai, Nguyễn Hải, Hoàng Dũng, Nhật Lâm, Trần Thái Hà... Mỗi người mỗi vẻ, mỗi chất giọng riêng. Tôi muốn ba hoa vẽ vời từng giọng hát, nhân đó đi nhẹ vào nội dung từng ca khúc của Nhật Ngân. Nhưng tôi chưa thực hiện được. Hẹn vậy.

Trong chương trình, Nhạc sĩ Nhật Ngân cũng hát một bài anh phổ thơ. Đặc biệt bài thơ lại là của tôi. Nội dung bài thơ nói về những tình yêu vu vơ một thời. Người nghe có thể nghi không thật. Nhưng sự thật đến chín mươi phần trăm. Giọng ca Nhật Ngân không thể so sánh với Vũ Khanh, Tuấn Ngọc... nhưng tôi rất khoái, rất quý, vì được nghe chính tác giả trình bày.

Tất cả các giọng hát đều được bàn tay đệm đàn nhà nghề của anh Phạm Xuân Khôi, con trai nhạc sĩ Xuân Tiên, và anh Nguyễn Hữu Tuệ trái âm thanh đi kèm, giúp cho buổi trình diễn thành công trọn vẹn. Chương trình được khép với với một bất ngờ, khi Nhật Ngân, không giống Song Thao khoe sách, mà anh khoe giọng hát của vợ anh. Không khí thân mật càng trở nên âm áp thân tình.

Tôi gặp Nhật Ngân chỉ ngắn ngủi trong một sinh hoạt đơn thuần vì nghệ thuật như vậy, nhưng tôi vẫn lượm được những kỷ niệm đẹp. Tôi xin giữ riêng. Mấy chục năm trước, Nhật Ngân đã

Đưa Em Sang Sông, giờ đến phiên tôi. Loay hoay tìm dòng sông, tìm con đò mới chợt nhớ ra “cô em tưởng tượng” của tôi đã sang sông lâu rồi. Thi sĩ Lưu Trọng Lư đã viết:

*“ ...Nhìn nhau buồn vời vợi
Có nói cũng không cùng
...nhìn nhau mà lệ ứa
một ngày một cách xa...”*

(Mùa Đông - Lưu Trọng Lư)

Tôi làm sao dám viết gì hơn ? Nhật Ngân đưa em sang sông, Tôi đưa tôi sang một dòng tình.

Tháng 11.2006



Bé Ký, Hồ Thành Đức, “Song Kiếm Hợp Bích...”

Chừng một phút trước, tôi vẫn có ý định chia gia tài kỷ niệm có được với Hồ Thành Đức và Bé Ký thành hai phần riêng rẽ. Nhưng khi bắt đầu gỡ những dòng này, tôi chợt thấy không nên và cũng không thể tách rời cặp *song kiếm hợp bích* trong hội họa Việt Nam này.

Xin lỗi, tôi đã vừa ví von thiếu chính xác và vô duyên. *Song kiếm hợp bích* là một bộ kiếm pháp tuyệt đỉnh, đòi hỏi một đôi nam nữ, tâm đầu ý hiệp, cùng nhau hết lòng luyện tập mới đạt được kết quả tốt. Trong bộ kỹ thư võ hiệp Thiên Long Bát Bộ, nhà tiểu thuyết lỗi lạc của Trung Hoa, ông Kim Dung, đã cho hai nhân vật Dương Quá và Tiểu Long Nữ luyện thành công bộ kiếm pháp này trong một ngôi cô mộ. Ngoài tình yêu, Tiểu Long Nữ và Dương Quá chỉ cùng luyện chung một bộ môn võ thuật. Như vậy, Bé Ký và Hồ Thành Đức chỉ có thể là *song kiếm hợp bích* trong tình yêu, tình chăn gối. Ở lãnh vực hội họa, họ có trường phái riêng, sở trường riêng. Tuy luôn luôn hỗ trợ nhau trong nghệ thuật, nhưng họ hoàn toàn độc lập khi thực hiện tác phẩm.

Bé Ký là một họa sĩ thành danh với nghệ thuật *carricature* gồm hoạt họa, ký họa, tóc họa... và tranh lụa. Tài năng vô cùng đặc biệt này được ra đời từ Hải Dương, miền bắc Việt Nam trong năm 1938, mang một danh xưng rất ít người biết: Nguyễn Thị Bé. Mặc dù cuộc đời khắc nghiệt, sớm cướp mất của chị Bé cả hai đáng sinh thành, chị vẫn say mê hội họa và khởi đầu sự nghiệp bằng thiên phú bẩm sinh. Theo tiết lộ của người bạn tình, họa sĩ Hồ Thành Đức, Bé Ký bắt đầu đùa nghịch với cây bút mình cầm, từ năm lên năm, lên sáu nhưng mãi đến khi chị vượt qua cái tuổi lên mười một vài năm, ngọn bút trên tay chị mới bắt đầu nhuần nhuyễn.



Con chim, con cá, con trâu, con gà...rồi bụi cỏ, nhánh cây, cục đất...rủ rê bàn tay của một cô bé sớm biết nhìn ngắm, biết yêu thiên nhiên. Trong một dịp được đi Hải Phòng, cô bé tình cờ đi ngang một phòng tranh, và đã không cưỡng được sự tò mò, cô ghé vào xem. Lòng yêu thích hội họa, đưa cô bé từ bạo dạn làm người xem tranh đến việc xin phép vẽ thử. Họa sĩ Trần Đắc, chủ nhân của phòng tranh đã thích thú chấp thuận, và sau vài lần thử tay nghề, ông nhận Bé Ký vào làm học trò. Họa sĩ Trần Đắc đã



mang kinh nghiệm của mình, dạy cho Bé Ký phương pháp vẽ hoạt họa bằng chì than rồi đi dần qua màu sắc trên lụa. Cô học trò càng ngày càng xuất sắc. Ngoài những giờ ở xưởng vẽ, Bé Ký mang giấy bút dạo khắp phố Hải Phòng. Cô bé vẽ lại những hình ảnh cô cho là ngộ nghĩnh, dễ thương, trong đó cả những khuôn mặt của người ngoại quốc. Chính những phác thảo chân dung linh động này, đã thường xuyên mang lại cho cô bé những đồng tiền đầu đời. Đương nhiên cô bé mang cả về cho gia đình người thầy. Tình sư phụ ngày một tốt đẹp và không lâu sau, Bé Ký được chấp nhận làm con nuôi. Trong biên cố lịch sử 1954, cô Nguyễn Thị Bé theo gia đình cha mẹ nuôi vào Sài Gòn.

Trong những năm đầu của thập niên 60, không nhớ rõ năm nào, tôi đã được gặp họa sĩ Bé Ký trên những trang báo của tạp chí

Thế Giới Tự Do. Tạp chí này được xem là một tạp chí có hình thức đẹp nhất thời bấy giờ, với giấy trắng tốt, mực màu, do Phòng Thông Tin Mỹ phổ biến. Những bản vẽ của Bé Ký được in trang trọng bên cạnh bài giới thiệu rất ưu ái về tranh và tác giả. Tiếc rằng tôi không còn nhớ người viết. Cùng thời gian này, những người Sài Gòn chắc không xa lạ với hình ảnh một cô gái nhỏ nhắn, nhẹ nhàng, thường lang thang qua nhiều ngã phố với những tờ *croquis* đơn giản. Trên tay cô, theo tháng ngày, nặng dần những hình ảnh sinh hoạt đời thường của thị dân. Những hình ảnh được lưu giữ, được cho phép sống đời trên mặt giấy, qua một bút pháp vô cùng riêng biệt và cũng vô cùng độc đáo. Tài nghệ của cô gái thu hút mạnh mẽ sự thương ngoạn của mọi người, đặc biệt là những người ngoại quốc hiện diện trên phố Sài Gòn. Bé Ký đã thổi vào từng đường vẽ bay bướm nhưng đơn giản của mình cả tâm hồn thanh thản của chị. Sức sống mộc mạc được chị phân phát, chia sẻ trong từng hoạ phẩm. Đi từ đơn giản chân phương này đến cái chân phương đơn giản khác, chứ không vượt đến cái trừu tượng, cao siêu, nhưng tranh Bé Ký đứng vững được với thời gian vì nhờ cô động, sống thực. Nét đặc thù này chính là cá tính của tác phẩm Bé Ký.

Ngày 06 tháng 12 năm 1957, Bé Ký được ông René de Berval, phê bình gia mỹ thuật cho tạp chí France d'Asie (Sài Gòn) và Journal d'Extrême Orient, bảo trợ cuộc triển lãm đầu tiên tại cơ sở Alliance Francaise (Pháp Văn Đoàn Minh Hội). Cuộc triển lãm thành công về tài chánh, nhưng quan trọng hơn là có giá trị như một sự khẳng định tài năng của Bé Ký, người “Nữ Họa Sĩ Của Vía Hè Đô Thành”, một biệt hiệu thân mật được dân Sài Gòn dành cho chị.

Từ năm 1957 đến năm 1975, Bé Ký đã có đến 18 cơ hội khai mạc phòng tranh (16 lần tại Sài Gòn, 1 lần tại Pháp vào năm 1959 và 1 lần tại Nhật Bản, vào năm 1969, cùng với 9 họa sĩ khác quốc tịch). Sau 1975, chị bày tranh chung tại Ba Lan vào năm 1984, và 8 lần tại Hoa Kỳ, khi đã định cư tại Mỹ. Trong 8 lần này, có hai lần được xem là rất quan trọng trong việc đưa tên tuổi Bé Ký đi càng rộng trong giới thương ngoạn của thế giới.

Cuộc Triển Lãm Quốc Tế Women: Beyond Borders, tại Santa Barbara Contemporary Arts Forum (California) với mục đích giới thiệu tiếng nói hội họa của phái nữ toàn thế giới, được tổ chức năm 1995, kéo dài đến năm 2000. Trong năm năm, cuộc

triển lãm này được di chuyển qua một số quốc gia có họa sĩ được mời tham dự: Mỹ, Do Thái, Nhật Bản, Á Căn Đình, Kenya, Úc, Tây Ban Nha, Mễ Tây Cơ, Thụy Điển, Ý, Cu Ba, Pháp, Phần Lan. Bé Ký góp mặt trong cương vị hội họa của Việt Nam. Hiện nay cuộc triển lãm này đã được chuyển về lại Hoa Kỳ, và trở thành một phần trong một phòng tranh thường trực mở cửa lâu dài.

Cuộc triển lãm không kém phần quan trọng thứ hai có tên: “Cuộc Triển Lãm Quốc Tế Về Tình Yêu, Gia Đình Và Niềm Tin” tại Johnson Art Collection, vào ngày 23-9-2006 đến 21-10-2006. Chỉ có hai họa sĩ Việt Nam được mời tham dự : Bé Ký và Hồ Thành Đức, bên cạnh Yuroz (Armenia), Milon Townsend (Hoa Kỳ), Max Rodriguez (Cuba), Adrian Wong Shue (Jamaica), Ushangi (Georgia), Hank Garcia (Hoa Kỳ), Edward McCluney (Mỹ gốc Phi Châu).



Đề tài trong tranh Bé Ký thường dung dị với các hình ảnh súc vật và con người bao gồm những cảnh sinh hoạt, chân dung. Hình ảnh người mẹ được lưu giữ rất nhiều trong tranh Bé Ký. Con gái út của chị, Hồ Thị Hải Dương, một dược sĩ, viết một đoạn tùy bút về người mẹ họa sĩ của mình, rất chân tình cảm động:

“Khi nhìn thấy những tấm tranh mẹ con - chủ điểm trong đề

tài sáng tác của mẹ tôi, tôi biết rằng mẹ tôi thương yêu các con vô cùng ! Mẹ tôi vạch một đường cong là mắt mẹ nhìn lên, hai chấm đen tròn là mắt con ngược nhìn mẹ. Đơn giản vậy thôi nhưng lại âu yếm biết bao !

Mẹ tôi, người đàn bà nhỏ nhắn, giản dị nhưng mang một nét đẹp thuần túy của một phụ nữ Việt Nam, chân chất hiền từ và đầy lòng nhân hậu...

...Gia đình tôi, từ bố mẹ đến các anh chị ai cũng là họa sĩ, nhưng riêng tôi lại theo một ngành khác hẳn – Pharmacy, và gần như không có chút gì di truyền về năng khiếu hội họa. Tôi có cảm giác mình là “một ngoại lệ bất đắc dĩ” ! Thế nhưng , cái tên

Hải Dương của tôi lại gắn liền với tiểu sử mẹ tôi vì Hải Dương là quê hương của bà. Hơn nữa, trời đã công bằng để cho tôi được nổi truyền một tài nghệ khác ngoài vẽ ra, ở mẹ tôi- đó là tài nấu ăn”

Ngoài bóng dáng sinh hoạt của người mẹ, chúng ta còn bắt gặp ở tranh Bé Ký những thiếu nữ qua nhiều dáng vóc, độ tuổi khác nhau, có cả những chân dung khoả thân nhẹ nhàng, thanh khiết. Các tên tuổi lỗi lạc trong giới sinh hoạt chữ nghĩa, âm nhạc, hội họa... một số được sống đời với nghệ thuật Bé Ký, có thể kể: Bùi Giáng, Võ Phiến, Văn Cao, Phạm Duy, Nguyễn Sa, Du Tử Lê... Những phác họa chân dung này đương nhiên khác hẳn với lối vẽ truyền chân thường thấy ở những người hành nghề vẽ chân dung chuyên nghiệp, đòi hỏi sự giống nhau như nghệ thuật nhiếp ảnh. Bé Ký chỉ ghi lại cái phong thái, cái thần và đôi nét nổi bật của người được vẽ. Trong số chân dung các danh tài vừa kể, tôi thích nhất là bức phác họa thể hiện một người đàn ông nổi tiếng yêu châu chấu, chuồn chuồn. Ông tài hoa này cũng đã vẽ cả thiên hạ bằng thơ:

*“chân trời mộng mị vàng pha/ mùa Phương Lan giầy bên
tà dương buông/ với tay sâu khổ hao mòn/ đầu nghiêng rũ tóc
miệng tròn thơ ngây/ chiêm bao dàn rộng phai ngày/ liễu in
giòng rụng thu đầy hồ phôi/ hào hoa tiếng lạnh trong lời/vẽ
trong vãn thạch em ngòi vén xiêm”*

(Bùi Giáng, Sầu Lục Tinh, Mưa Nguồn)

Phải công nhận, sự thành danh nhanh chóng của họa sĩ Bé Ký một phần nhờ vào những người sưu tập hội họa Âu châu, tiếp theo là những bài viết giới thiệu, phê bình của nhiều tạp chí ngoại quốc như: Le Journal d'Extrême Orient, The Yomiuri Shimbun, The Manila Times, Asiaweek, The Orange County Register, Los Angeles Times. Về phía Việt Nam, nhà nghiên cứu, phê bình hội họa, Huỳnh Hữu Ủy đã nhận xét tranh Bé Ký:

“... Bút pháp của Bé Ký thuộc về đại chúng, đó là một thứ nghệ thuật của quần chúng. Như vậy, chẳng có gì đáng tiếc khi nghệ thuật của Bé Ký chỉ ngừng ngang mức dân gian mà không đi xa hơn nữa. Nếu chúng ta đã có những nguồn tranh dân gian Đông Hồ, Hàng Trống, tranh đồ Kim Hoàng, tranh làng Sình ở Huế, thì chúng ta còn có thêm một nguồn tranh dân gian quý giá không kém chính là thế giới tranh Bé Ký. Dĩ nhiên, tranh Bé Ký cao và thơ mộng hơn nhiều vì nó là hơi thở thuần nhất của một

nghệ sĩ chân thành và tài hoa, độc đáo và sáng tạo. Một giò tranh dân gian của đại chúng như tranh Đông Hồ, thì hoàn toàn ngược lại, xoá hẳn cá tính vì được hình thành bằng nhiều thể hệ qua thời gian và lịch sử.

Tôi chỉ muốn nói tranh Bé Ký dừng ngang mức dân gian, bởi vì bà không được đào luyện về kỹ thuật và ý thức hiện đại. Hơn nữa, bà cũng không có nhu cầu gì về một ý thức nghệ thuật hiện đại. Mà chính vì thế, bà lại như có được một lợi thế riêng biệt của mình: tạo được một thế giới rất đẹp, thắm đằm tâm hồn và hương hoa dân tộc...”

Ở đoạn cuối bài viết, nhà phê bình Huỳnh Hữu Ủy bày tỏ:

“...Bé Ký là một khuôn mặt nghệ thuật đầy bản sắc suốt hơn bốn thập niên qua, với một cuộc hành trình đầy đam mê và rất thơ mộng. Trước đây, Bé Ký nổi bật với các hoạt động vui tươi và đầy sinh khí của bà ở Sài Gòn, ở miền Nam. Ở miền Bắc người ta không biết đến Bé Ký. Nhưng ngày nay, tình hình đất nước đã đổi khác, đã trở thành một thể thống nhất, Bé Ký phải thuộc về toàn dân tộc, chứ chẳng thể của riêng ai...”

(Huỳnh Hữu Ủy, Mấy Nẻo Đường Của Nghệ Thuật Và Chữ Nghĩa)

Tranh Bé Ký đương nhiên được rất nhiều người trong giới sinh hoạt văn học nghệ thuật bày tỏ những nhận xét và hầu hết đều tán thưởng. Nhà văn Võ Phiến viết tám câu thơ tặng Bé Ký

“Bao năm cách nước xa non/ mượn hình nương tiếng lẫn
con đường về/ lấy câu lục bát làm quê/ trông tranh Bé Ký nghĩ
tre đầu đình/ nghe câu quan họ Bắc Ninh/ sóng bao xúc cảm ân
tình chứa chan...”

Đó đây thấp thoáng quê hương/ những mảnh quê hương
bên ngoài bờ cõi/ những mảnh quê hương trong tâm tay với/
những mảnh quê hương của giới lưu vong/ nghìn trùng vẫn núi
vẫn sông”

(Những mảnh quê hương ngoài biên giới- Võ Phiến)

Nhà thơ Du Tử Lê, không tặng thơ, ông viết mấy dòng:

“ Tranh Bé Ký đơn giản, mộc mạc, như tâm hồn chị. Một
chấm đen thay cho con mắt. Một vạch cong thay cho niềm vui
hay nỗi buồn. Vây mà, tài tình, lạ lùng xiết bao, ở những nét bút
đơn giản kia, không ngừng dấy lên những rung động Việt Nam,
rất Việt Nam. Có lẽ chẳng một cuốn sách, một tác phẩm biên

khảo nào tả chân-dung-tâm-hồn người phụ nữ Việt Nam được như tranh Bé Ký.

Tôi cho tranh Bé Ký là dương bản hồn tinh người mẹ Việt Nam vậy”.

(Du Tử Lê tháng 12-1994)

Nhà phê bình văn học Thụy Khuê cho rằng:

“...Các họa sĩ thường bắt đầu từ dessin rồi dựa vào dessin mới phóng ra các màu sắc khác nhau. Bé Ký dừng lại ở dessin. Đường như bà đã tìm thấy vùng đất Thánh và dứt khoát ở lại thiên đường nguồn cội của mình. Bà không lớn nữa. Có thể nói Bé Ký- như cái tên lựa chọn có ý tiền định của bà- đã lấy tuổi thơ làm quê hương, dừng lại ở thời điểm hàn vi, ngây thơ (nאי) trong hội họa và trong đời. Bé Ký là hiện tượng không già, rất độc đáo trong hội họa Việt...”

...Trong thế giới hội họa Bé Ký, nhân vật, động vật và tĩnh vật, rọi lọc qua ánh sáng giác ngộ, có những nét hồn nhiên và ngây thơ. Từ con trâu, em bé, đến chiếc xe thổ mộ, cái váy của người đàn bà, chiếc khăn mỏ quạ, tóc vấn đuôi gà...tất cả đều thoát ra một cái gì chân chất, rất lành, rất mộc mạc như chưa từng có lớp sơn màu lòe loẹt nào bay đến làm ô uế, ô nhiễm đi...”

(Bé Ký, Nỗi Hoài Nhớ Niềm Vui Đã Khuất)

Trong bài bày tỏ cảm nghĩ, nhân một cuộc triển lãm của Bé Ký được Việt Art Gallery tổ chức năm 2004, của ông Phan Gia Quang, có một đoạn, nhận xét rất tinh tế:

“...Chúng tôi rất lấy làm cảm phục khi thường ngắm một bức tranh của Bé Ký. Cảm phục bởi vì qua một vài nét đơn thanh thật đơn giản, Bé Ký đã có thể truyền đạt được cái chân thật của tình cảm một cách sống động và thuần túy. Khi nhìn vào một tác phẩm “Mẹ Con”, chúng tôi đã quên rằng mình đang ngắm một tác phẩm hội họa. Chúng tôi đã chìm đắm trong tình thương vô bờ bến, trong sự trù mến xuất phát từ những nét mực đen, những màu sắc giản dị và ấm cúng. Hình ảnh những đứa trẻ ngồi xem đá gà đã từ lâu được chôn trong tiềm thức của một kẻ xa quê hương. Bức tranh “Chơi Gà”, nay làm sống lại những nét tình nghịch, hồn nhiên của thời thơ ấu...Đặc điểm của Bé Ký không nằm ở chủ đề. Nó ẩn tàng trong cách vận dụng những nét mực một cách tối thiểu để biểu lộ tình người một cách tối đa. Nếu tranh Nhật Bản có tinh cách của thiên học, thì tranh Bé Ký

sẽ làm cho chúng ta liên tưởng đến tinh thần biểu hiện bản chất và giữ sự chất phác của Lão giáo. Bé Ký, với những nét mộc mạc nhưng không kém mỹ miều, đã tạo cho mình một vị trí biệt lập, độc đáo trong ngành hội họa Việt Nam.”

(Phan Gia Quang)

Tất cả những ý kiến trên, cùng nhiều ý kiến tôi chưa sưu tập được, cũng như những gì sẽ được những người thưởng ngoạn sẽ phát biểu về tranh Bé Ký sau này, tôi nghĩ sẽ không khác biệt nhau bao nhiêu. Nó làm cho người đọc, có cảm tưởng rằng mọi người đã bắt chước nhau trong sự nhận định. Người này lặp lại nhận xét của người kia. Thật ra, có lẽ, chẳng ai bắt chước ai mà chỉ vì tranh của Bé Ký đều cho mọi người một thẩm định gần như nhau, thế thôi. Ai cũng đọc được tranh của chị. Ai cũng thấy được lòng mình ra sao khi được nhìn ngắm những ký hoạt có tính cách trường cửu của chị. Tôi là người thiếu bén nhạy, thông minh và rất ảm ó trong nhiều lần bị bắt buộc phải đưa ra một ý kiến về một vấn đề gì đó, nên với chị Bé Ký và những đứa con tinh thần của chị, tôi đã viết lạng quạng mấy câu ngũ ngôn:

*“Sinh ký dong mực động
lung linh xanh đường gân
bàn tay chuyên hơi thở
dung ảnh ngời nét thần
đâu chỉ ngắm bằng mắt
diện nhận từ chân tâm
người vật chợt vô động
mà thở cùng thán năm”*

(LH- Ô Tinh Lận Lung)

Hồ Thành Đức là khúc đầu một con rồng, ra đời năm 1940. Trong thuật định tuổi âm lịch, dùng để chấm tử vi, người ta thường căn cứ vào Thập Lục Hoa Giáp tức là sự kết hợp giữa sáu chu kỳ hàng Can và năm chu kỳ hàng Chi. Đây là điều tôi nghe lóm, không biết có đúng hay không ? Nhưng mỗi tên gọi của hàng Chi là một con giáp, hay còn gọi là tuổi, là điều nhiều người đã biết. Và trong chúng ta ai cũng phải có một trong mười hai tuổi sau đây: tý (con chuột), sửu (con trâu), dần (con cạp) meo (con mèo), thìn (con rồng), tỵ (con rắn), ngọ (con ngựa), mùi (con dê), thân (con khỉ), dậu (con gà), tuất (con chó) hợi (con heo). Với hình ảnh một con vật tượng trưng cho năm sinh

của mình, chưa nói lên được sự thăng trầm của cuộc đời mình thừa hưởng. Ra đời năm sừ, cầm tinh con trâu không hẳn cả đời phải kéo cày. Ra đời năm dậu, cầm tinh con gà không nhất thiết phải buong chải để kiếm miếng ăn quanh năm. Ra đời năm thìn, cầm tinh con rồng, đâu đã chắc hưởng một kiếp thanh thân bay bổng trên mây xanh, Cầm tinh con ngựa, tuổi ngộ, nhưng chắc gì có dịp đi chu du thiên hạ. Mang nghiệp tuổi mùi, con dê, nhưng hiền lành như bụt cũng là chuyện thường... Bản tính và sự thịnh, suy của cuộc đời còn tùy thuộc vào ngày, giờ sinh và cái Can, đã qui định. Hồ Thành Đức có hình tượng con rồng nhưng lại rơi vào ngôi thứ bảy của thập Can có tên gọi là “Canh” nên chưa chắc đã thông dong hưởng cái phú quý trời cho. Số mệnh có thể là chuyện có thật, nhưng không hẳn hoàn toàn chính xác.



Hồ Thành Đức đến với cuộc đời với đầy đủ hai bậc sinh thành. Thân phụ anh người của nông thôn huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam. Thân mẫu anh, cùng tỉnh nhưng ở miền Điện Bàn. (vùng đất này cũng là sinh quán của mẹ ruột tôi). Hồ Thành Đức chính xác mang họ Nguyễn. Họ mà người cha chưa có cơ hội làm khai sinh cho con, đã vội vã về trời, kéo theo mẹ anh, không lâu sau đó. Hồ Thành Đức thành trẻ mồ côi rất sớm. Cuộc đời của trẻ mồ côi tại nông thôn một miền “cày lên sỏi đá” trong những thập niên 40 chắc cũng không khó hình dung. Trải qua nhiều gian khổ từ ấu thơ, Hồ Thành Đức, chắc nhờ cái mạng con rồng, nên được một bậc tu hành trong đạo Cao Đài tại Đà Nẵng nhận làm con nuôi. Con người phúc đức này có quý danh là Hồ Tăng Sinh, nên cậu bé mồ côi gốc Đại Lộc được khai sinh với cái tên Hồ Thành Đức. Thành là thành tài, thành đạt, thành công ? Đức là đức độ, đức hạnh, có lẽ vậy.

Đã có được tấm giấy khai sinh, hẳn nhiên phải từ từ có được những thứ linh kinh khác của cuộc đời, dù hơi muộn. Hồ Thành Đức làm quen với lớp học, với mẫu tự, vào năm lên mười, năm đã biết tắm mưa liếc trộm. Bậc tiểu học thủng thỉnh đi qua, ông bố nuôi, tuy tu hành nhưng có bèn duyên với Việt Bình

Đoàn theo thời thế, nên phải thuyên chuyển ra Huế. Hồ Thành Đức theo ra cố đô, và làm học trò của trường trung học Nguyễn Tri Phương. Lên đệ nhị cấp anh xin chuyển về trung học Phan Châu Trinh Đà Nẵng, nhưng lúc bấy giờ những anh hào học sinh như Phan Duy Nhân, Phan Nhật Nam, Huy Giang... chưa lộ, nên không có ai cầm chân, rủ rê anh. Anh lại về Huế. Hết trung học, Hồ Thành Đức trở thành sinh viên trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế trong hai năm. Con rồng đã thấp thoáng thấy mây xanh khi cùng Đinh Cường, Rùng, Nguyên Khai...ngồi trong Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định, và tốt nghiệp vào hai năm sau. Đức kể lại việc học vẽ của mình:

“...Và tôi có năng lực rất đặc biệt. Tôi ra Huế học và tôi được ông thầy dạy vẽ tôi từ trung học, ông ấy khen tôi, đó là ông Tôn Thất Quy, viết thơ bảo tôi ra Huế học. Không được học trong lớp ở đây được nữa. Anh đi học vẽ mới đúng nghề của anh, tôi thấy anh từ nhỏ đến lớn như vậy. Quả thật, khi ra học vẽ, không bao giờ tôi đứng nhì trong lớp. Các môn khác trong lớp bao giờ tôi cũng đứng chót...”

(lời ứng khẩu của Hồ Thành Đức trong ngày hội đồng hương Quảng Đà, tháng 5-2003, được đặc san QNĐN chép lại)

Năm 1960, hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam được thành lập tại Sài Gòn. Hồ Thành Đức là một trong những hội viên đầu tiên của hội. Một sinh hoạt có tính cách hằng năm là giải hội họa mùa xuân được thành hình sau đó. Hồ Thành Đức đã cùng Nguyên Khai đoạt huy chương đồng của giải này vào năm 1963. Năm họa sĩ Cù Nguyễn đoạt huy chương vàng. Và hai họa sĩ Đinh Cường, Trịnh Cung lãnh huy chương bạc. Theo Hồ Thành Đức tấm huy chương đồng đã mang đến cho anh một bước ngoặt mới, đây phần khởi trong sự nghiệp hội họa của anh sau này.

Theo nhận định, phân loại của những người có chuyên môn trong làng vẽ Việt Nam, Hồ Thành Đức được xếp vào trường phái ấn tượng (impressioniste) và trong giai đoạn đầu, dùng kỹ thuật đắp giấy (collage) để hoàn thành tác phẩm, sau này anh chuyển qua sơn dầu và sơn mài và vẫn giữ sở trường collage của mình. Trong giới cầm cọ Việt Nam, không rõ còn họa sĩ nào sử dụng kỹ thuật cắt dán, đắp giấy hay không? Nhưng nổi tiếng trong kỹ thuật này hình như chỉ một mình Hồ Thành Đức. Trên Washington Post, số tháng giêng, 1997, có một bài giới thiệu Hồ Thành Đức của Eric Sciliano. Bài này được ông

Phan Lang chuyển sang Việt ngữ đăng trên tạp chí Thế Giới Nghệ Thuật năm 1998, có đoạn:

“...Tranh của Đức là thành quả một quan niệm sáng tạo độc đáo: ông làm chủ được cách phối hợp kỹ thuật sơn mài cổ truyền Việt Nam với lối tranh dán giấy “collage” của Tây phương (sử dụng hình chụp màu trong tạp chí Tây phương). Ông tìm thấy con đường sáng tạo riêng ấy cho mình như bù đắp vào đời sống nghèo nàn của một chàng họa sĩ trẻ vào thời chiến tranh Việt Nam, những năm của thập niên 60 (sinh vào thế hệ của những năm 40) đang vươn lên thành tên tuổi lớn trong làng hội họa Sài Gòn thời bấy giờ. Màu vẽ nhập cảng thì mắc mớ, mà sách báo Anh ngữ đổ ra hàng núi từ các PX Mỹ. Đức vốn ham mộ họa sĩ Georges Braque- người đã sử dụng giấy báo và các phế liệu khác sáng tạo thành những tác phẩm bất hủ. Nhưng lối tranh dán của Đức thật khác hẳn với tranh của Braque hoặc các trường phái họa sĩ Pop Art thời 1960.

Thay vì giữ nguyên hình chụp hoặc in, vay mượn trong báo, ông đã sáng tạo lại, “vẽ lại” cắt xén, sắp xếp, tái bố cục những mảng hình rời rạc ấy, rồi sơn phết tô vẽ lên trên đến độ hình dán đột biến thành hình tượng bất ngờ. Chẳng hạn bức ảnh chụp tiểu tiết những nét khắc cuộn tròn trong nghệ thuật kiến trúc thời Baroque thì biến thể thành những lọn tóc quấn Đức Phật, hoặc tấm hình vô thân cây sần sùi thì trở thành làn da trên chiếc cổ quần quai của Chú Giê Su.

Suốt thời gian chiến tranh Việt Nam, rồi tiếp theo là những đói khổ tù đầy, tranh của Đức bủa đầy sắc màu thể lương của bóng tối và mộng dĩ. Góc phố trong tranh ông mà nhìn ra như những nẻo đường làng điệu linh chiến cuộc hoặc vùng tử địa tóa đầy âm khí, còn nhân vật trong tranh ông-dù là thần thánh hoặc những mặt tù đầy- cũng đều đề nặng những đau đớn nội tâm. Từ khi định cư tại nước ngoài, bước đầu đến trại tạm trú Phi Luật Tân, rồi tiếp theo là Little Saigon ở quận Cam, lần nữa chiếc giá màu của Đức lại bùng vỡ lên biết bao nhiêu màu sắc theo dòng sáng tạo. Những tảng những cấu trúc, lần nữa đối chọi nhau dững mãnh đến tàn bạo, rồi lùi mãi, lùi dần đến chỗ tan biến mờ mịt để bất chợt tìm thấy sự lắng đọng hài hòa của một cõi an tịnh nào đó. Chúng liên tiếp cận kề nhau như những âm vang chát chúa pha lẫn với những khả dĩ tự thành những mảnh đời con người tị nạn. Cái đối nghịch mâu thuẫn ấy cũng

chính là bản chất của mảnh đất tên gọi California vậy. Khiến ta nhớ cái danh từ thời thượng mà người ngoại quốc hay gọi là “The Vietnam experience” - cuộc kinh qua Việt Nam- thì biết sao tránh khỏi ? Nhưng, đây là một cuộc kinh qua được diễn tả đầy cuồng bạo và dùng thứ ngôn ngữ sắc màu của Roualt, Ensor, Kokoschika và trường phái biểu tượng Đức quốc. Tranh ông là nơi gặp gỡ chẳng những chỉ có hai thế giới Đông-Tây, mà có đến cả ba thế giới”

(Eric Scigliano – Phan Lang chuyển ngữ)

Không ít những người ngoại quốc viết về Hồ Thành Đức, nhưng qua đoạn trích dẫn trên, có lẽ đã quá đủ. Chỉ tiếc, hình như rất hiếm những bài viết về hội họa Hồ Thành Đức từ những người cùng một nguồn gốc với anh.

Trong cuộc đời sinh hoạt hội họa, Hồ Thành Đức đã khai mạc phòng tranh rất nhiều lần. Tại Sài Gòn vào các năm 1963, 1964, 1973. Tại các quốc gia khác gồm: Đài Loan, 1965; Ấn Độ năm 1965; Nhật Bản tại Tokyo và 9 thành phố khác năm 1969; Ba Lan 1984; Phi Luật Tân 1989. Riêng tại Hoa Kỳ, Hồ Thành Đức bày tranh và tham dự nhiều cuộc triển lãm tại nhiều thành phố: Burbank, California, 1992; Westminter, California, 1992; San Diego, California, 1992; Arlington VA, 1995; San Jose, 1996; Long Beach, 1996; Pasadena, 1996; Michigan Union, 1997... Hồ Thành Đức rất thú vị với “cuộc triển lãm quốc tế về tình yêu, gia đình và niềm tin”, kéo dài một tháng (23-9 đến 21-10-2006) tại John Art Collection. Anh càng hãnh diện hơn khi một mình anh là họa sĩ Việt Nam được mời tham dự cuộc triển lãm Artists For Human Rights (Nghệ Sĩ Vì Nhân quyền) tổ chức tại Los Angeles, bên cạnh 30 họa sĩ thế giới từ 26-10 đến 16-11-2006. Hồ Thành Đức đã chọn bức *The Sorrow Is Still There* (Nỗi Buồn Còn Nguyên) vẽ bằng nhiều chất liệu (mixed media) trên tấm gỗ vuông mỗi chiều 122cm (48 inch) để triển lãm. Trong tất cả những cuộc triển lãm kể trên, Hồ Thành Đức đều thu lượm được nhiều kết quả khả quan về tinh thần cũng như tài chánh. Nhưng đáng kể hơn hết là cuộc bày tranh lần đầu tiên. Lần đó, anh có thu hoạch bất ngờ và quá tuyệt vời.

Hồ Thành Đức kể lại, vào một giờ vắng khách, anh đang lai rai dạo quanh phòng tranh, ngắm lại những tác phẩm của mình đang hít thở trên các mặt tường. Anh muốn chia sẻ với chúng những hồi hộp chờ đợi, những băn khoăn, nghi ngại, chột

anh thấy từ cửa phòng tranh xuất hiện một cô gái tóc kẹp, thả dài xuống lưng. Anh bất ngờ giật mình, nhưng làm tỉnh được ngay. Cô gái đã đứng trước họa phẩm thứ nhất, im lặng ngắm. Ánh nắng chiều của Sài Gòn hình như đang dịu lại. Những tiếng ồn ào của một thành phố sinh động cũng chùng như lắng xuống. Hồ Thành Đức tưởng chừng những tiếng bước thật khẽ của cô gái là những âm thanh hiện hữu duy nhất trong phòng tranh giàu linh hồn của anh. Mỗi họa phẩm có mỗi trái tim riêng. Tất cả chúng đang cùng anh lắng nghe, đang cùng anh quan sát, theo dõi theo từng động tĩnh của một người biết yêu nghệ thuật. Cô gái quả thật không có nhan sắc của một giai nhân. Nhưng sự dịu dàng từ tốn đã là một sắc đẹp, gợi mở trong Hồ Thành Đức những thao thức rất lạ lùng. Anh thoáng nhớ đến cô nhân tình xinh xắn của mình. Trong một giây, bàn tay vô thức của anh đưa lên vuốt tóc. Những ngọn tóc rất ngoan không làm phiền cái vàng trán rộng rãi những ưu tư. Đức thật tình không muốn rình rập người khách đặc biệt mà anh đã biết rõ là ai. Nhưng lòng anh cứ thắc thỏm. Và sự chờ đợi như được sắp xếp từ tiền định đã đến.

Chào ông, phòng tranh có vẻ vắng quá.

Đức chột tìm thấy ngay cái mau miệng lém lỉnh của mình:

Không đâu thưa cô, có lẽ giờ này chưa được thuận tiện.

Anh cười dù có vẻ hơi phật lòng. Cô gái không mỉm cười trả lễ, nhưng không lạnh lùng, cô nhìn quanh phòng tranh. Đức cũng đưa mắt theo chiều quan sát của người khách. Bình hoa màu vàng óng, đang ánh lên những tầng nắng ghé thăm. Chiếc khăn trải bàn trắng nõn. Đức thấy cây bút nằm hờ hững trên lòng tập đựng chữ ký lưu niệm. Anh đang định mời cô gái, thì bất ngờ nghe tiếng hỏi

Anh có biết tôi là ai không ?

Chùng nửa giây ngập ngừng, Đức đáp chững chạc, tự nhiên;

Thưa rất làm tiếc, xin lỗi cô là ai.

Không lưỡng lự, cô gái, giới thiệu mình:

Tôi là Bé Ký

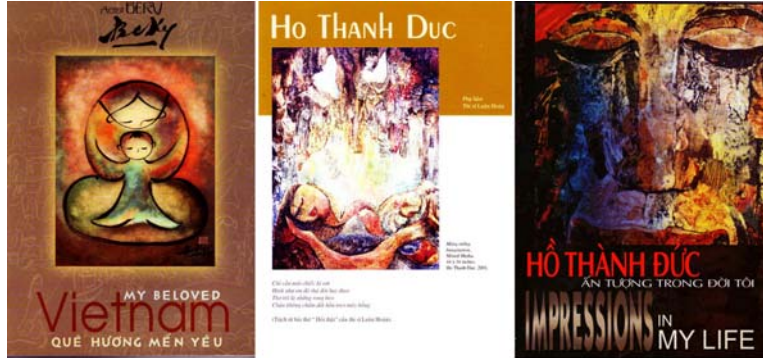
A, thế ra cô là những họa sĩ của hè phố

Lẽ ra Đức phải có cái nụ cười tinh nghịch, châm chọc như thói quen. Nhưng không hiểu sao, lòng anh thấy yên ả, bình thản và có cái gì như ấm áp đang vây bọc lấy anh.

Hôm nay cô không ra Lê Lợi, Catinat...?

Không, mấy hôm nay tôi không ở Sài Gòn. Tôi vừa từ Buôn Mê Thuột về đây, cốt yếu xem phòng tranh của anh.

Đức lượm được cái cảm động thật tình thú nhất. Anh mơ hồ thấy sự bẽ bồng của hồn vía mình. Tầng nắng chiều đang ngả sang màu vàng nhạt, mở ra cho hai người họa sĩ một khoảng không khí tươi mát vừa đủ để nói chuyện đời.



Hoá ra chẳng đời làm con nuôi của Bé Ký không được bằng phẳng dễ đi. Chị đã chịu đựng khá nhiều vất vả cũng như tủi nhục. Không chọn lựa sự giàu sang, nhưng “vừa ăn vừa khóc như mưa tháng mười” vẫn từng xảy ra. Chị đã mở hết một khoảng đời mình để cho người bạn họa sĩ vừa mới quen nhìn vào. Không hiểu vì sao họ chóng đọc được lòng nhau mau như vậy. Đức quên cô tình nhân đang có. Anh đưa người nữ họa sĩ của thủ đô Việt Nam Cộng Hòa về nhà. Và chẳng bao lâu sau. Anh chị cho bạn bè một bữa tiệc thân mật. Ngày cưới của Hồ Thành Đức, Bé Ký gần như không có họ hàng, bà con của cả hai bên. Họ sống chân tình với bằng hữu, nên trong ngày vui thật vô cùng đông đảo. Cánh bạn đồng hương Quảng Nam, cánh bạn họa sĩ, cánh bạn làm văn thơ, viết báo. Có cả những viên chức rùng rảng chức vụ, quyền uy. Ngày vui đó nằm trong năm 1965.

Sau khi thành cặp *song kiếm hợp bích* trên diện tích một cái giường đôi, hạnh phúc của đôi họa sĩ ngày một bành trướng nhanh hơn cả mây anh ba Tàu. Anh chị mua ngôi nhà đầu tiên có đến hai cái “sur” trên đường Yên Đỗ: 184/ 34/ 14.

Tôi gặp Hồ Thành Đức từ năm 1962, cũng có thể là 63, không nhớ chắc. Lần đó Đức về Đà Nẵng thăm ông bố nuôi. Nhà bố nuôi của anh nằm ngay sau lưng nhà Châu Văn Tùng, bạn tôi.

Nhà của ba mẹ Tùng gồm nhiều căn, thừa chỗ ở nên cho gia đình anh em Lê Viên Côn, Lê Hiếu Đăng thuê. Lê Viên Côn cùng lớp tôi ở Phan Châu Trinh, sau này anh trở thành Hải quân Trung Tá của Việt Nam Cộng Hòa, Côn hiện ở Houston Hoa Kỳ. Đăng học sau chúng tôi vài năm, về sau ra bung rồi về làm gì đó khá lớn ở thành phố Sài Gòn. Khi Đức về thăm, Tùng rủ tôi lên gặp mặt ông họa sĩ thủ đô. Tôi không ham lắm, nhưng cũng đến. Đêm đó, chúng tôi, gồm cả Côn và Đăng ngồi sau chái bếp nhà dưỡng phụ Đức cho muỗi đốt để nghe Đức nói dóc. Những người đi xa về, nhất là đang ở thủ đô, hình như cao lớn lên, kể cả ra. Không phải cái cao lớn về thể xác mà là cái tự tôn coi rất tự nhiên. Hồ Thành Đức lại là người hoạt bát, vui tính, có duyên nói đùa, có tài kể chuyện tiếu lâm. Anh kể rất nhiều chuyện trong giới sinh hoạt văn chương, âm nhạc, hội họa... tại Sài Gòn. Hình như chuyện nào anh cũng có thêm gia vị khôi hài. Đại loại như chuyện “đứt giấy n” của một bạn nhạc sĩ tài danh bậc nhất. Gặp Đức không thể không cười, sau này cũng vậy. Đức có tài chọc cười giống như họa sĩ Nghiêu Đề. Nhưng cái cù léc của Đức dễ gây ngộ nhận, hờn trách hơn anh Trai Bùng.

Năm 1967 tôi có dịp ghé thăm chị Bé Ký và Đức nhiều lần. Lúc đó ông bà đã đổi chỗ ở. Ngôi nhà mới nằm trên đường Trần Quang Diệu, gần Đại Học Vạn Hạnh. Ngôi nhà rộng rãi, có một khoảnh sân đủ cho những cơn gió nghỉ chân. Chỗ ở Bé Ký và Đức trở thành một địa điểm gặp mặt của một số bằng hữu thân tình. Không là một chiếu rượu lớn. Nhưng có Đức ở nhà là gần như có một vài bạn lai rai. Uống rượu không phải vì buồn. Uống rượu không phải vì vui. Uống rượu cũng không phải vì ghiền. Mà uống rượu để mừng gặp mặt nhau, để cho câu chuyện trên trời dưới đất có duyên, có thêm sức sống.

Tôi không rõ nghề tay phải của Đức vào thời gian đó, nhưng vào các năm sau, anh dạy học. Cái nghề gõ-đầu-trẻ-em-dậy-thì của Đức phát triển rất mau. Những năm từ 1969 đến 1975 anh là giáo sư hội họa của Đại Học Vạn Hạnh, và giữ chức Khoa Trưởng ngành Họa Thực Tiễn tại Đại Học Phương Nam Việt Nam (1974-1975). Tôi không biết chính xác Hồ Thành Đức có đảm nhiệm chức Chủ tịch của Hội Họa Sĩ Trẻ lần nào chưa. Tiểu sử anh trên vài tạp chí tại hải ngoại có ghi anh giữ vai trò này trong nhiệm kỳ 1968-1975. Nhưng tôi bị chỉ trích thiếu chính xác khi ghi lại điều này trong cuốn Tác giả Việt Nam. Chủ

tịch hay không chủ tịch cũng qua rồi một giai đoạn, cái quý là tác phẩm để lại, cái sức còn làm ra những tác phẩm có giá trị khác. Con gà thường ghét những tiếng gáy của nhau. Họa sĩ là những người tạo hình làm nên những tác phẩm nghệ thuật để đời. Tôi không tin những có những chuyện không đẹp trong giới sống còn vì cái đẹp.

Những lần ghé lai rai chim mía, khô mực với Đức, tôi rất ít khi được chuyện trò với chị Bé Ký dù chỉ vài ba câu. Bà họa sĩ lúc nào cũng bù đầu trong bếp. Chị làm được những món ăn rất ngon miệng. Trong thời điểm này, tranh chị vẫn bán chạy đều. Trong một bài viết của nhà báo Trần Lưu Nguyên Khanh trên tạp chí Thế Giới Nghệ Thuật số 2, tôi đọc thấy con số “*một ngàn năm trăm*” họa phẩm của chị đã được giới thưởng ngoạn mang về làm của riêng. Quả là một con số không nhỏ. Vì lý do thương mại, một số tranh của chị được làm bản phụ nhiều lần. Chính tôi cũng được chị cho một bản phụ, dù có đầy đủ triện son và chữ ký “*live*” của chị. Dĩ nhiên tôi rất quý.

Tôi với Hồ Thành Đức hình như có điểm giống nhau. Chúng tôi rất trân trọng tình bạn. Và cùng sợ đơn độc nên càng kết thân với nhiều người càng tốt. Trong vài năm đầu của thập niên 70, tôi đau tim, yếu phổi tưởng đã nghỉ chơi. Trong những ngày nằm bệnh, tôi nhớ bè bạn vô cùng bèn làm thơ. Trên Vuông Chiều Đồi Ta do đó mà có đến 132 câu, 7 chữ. Tên Hồ Thành Đức dĩ nhiên cũng bị réo tới:

*“...Hoan hô như thể Hồ Thành Đức/ năm ngoái gặp ta, đã
rỉ hơi:/“hai ta cùng tuổi canh Thìn đây/ sang năm giàu có đã
đến thời”/ thật đúng ý bon, chàng họa sĩ/ ta đang giàu có tiếng
kêu trời...”*

(RHĐR)

Tôi với Đức cư ngụ chung trên thân thể một con rồng. Cũng không ít bạn sinh hoạt nghệ thuật, văn học bám víu trên con linh vật này như Hồ Hữu Thủ (40), Lê Thành Nhơn (40), Lê Uyên Phương (02-2-41), Thái Tú Hạp (40), Nguyễn Đồng (40), Vĩnh Điện (40), Cao Đông Khánh (1-41), Nguyễn Khai (40)... Con vật chỉ là sản phẩm của tưởng tượng, chúng tôi cũng là những người không có thật chăng? Hay sự hiện diện vốn bênh bồng trên mây? So sánh cuộc đời đã đi qua giữa tôi và Đức, có nhiều điểm khác nhau. Đức hiên ngang, hoạt náo ở phần đầu đầy râu ria quắc thước của Canh Thìn (1940), còn tôi bám hờ ở tận cái

vảy đuôi ưa vùng vắng (1941). Nhưng thật là lạ. Nếu Đức có một tuổi thơ không được tốt đẹp, thì tôi, ngược lại, đã có được một ầu thời rất hạnh phúc. Hồ Thành Đức có khá nhiều gian truân trong cuộc sống để cuối cùng hưởng được những phúc lộc rất tươm tất. Tôi chưa có giai đoạn nào tuyệt vời phong phú, nhưng đã đi gần hết một đời thông dong. Ông bà ta nói “bảy mươi chưa khoe mình lành”. Tôi có gì, còn gì để khoe, ngoài vốn vẹn bốn năm biết lao động có mồ hôi và nước mắt. Ngày tháng của tôi gần như là một giây chuyên sống bám kéo dài. Thời nhỏ qua luôn cả thời độc thân, hết mẹ đến cha chăm sóc; vào quân ngũ, đồng đội chăm lo; lưu lạc xứ người có cô nhân tình bên cạnh đỡ đần. Tôi có mạng “chỉ tay năm ngón”, dù trong một phạm vi thật nhỏ hẹp. Và có khá nhiều độc đoán. Viết về Hồ Thành Đức, Bé Ký mà tôi xen “cái tôi” vô thể này, có phải là một cuộc đi lạc tinh cờ ? Đương nhiên không. Đây chỉ là những dòng hồi ký ghi lại một thời của chính tôi. Tôi dựa vào bè bạn để nhớ ra mình, vẽ lại mình, là một tính toán khôn khéo nhất, đủ để nhà văn Hoàng Mai Đạt, ghi ra khi giới thiệu cuốn Quá Khứ Trước Mặt của tôi trên tạp chí Văn Học và Hợp Lưu:

“... có lẽ ông là người có biệt tài nói về cái tôi hay nhất, nghệ thuật nhất trong những người viết tại hải ngoại...”

(Hợp Lưu, số tháng 8&9 năm 2006)

Hay, nghệ thuật hay không, không dám nhận. Chỉ mong được hiểu:

“từ bạn, tôi gặp lại tôi / gặp lại con muỗi, con ruồi... ngày xưa / gặp lại lá tre, lá dứa... / gặp lại cục đất, tảng đá, nắng, mưa... bên đời/ từ tôi, bạn gặp bạn ngồi,/ gặp bạn đi, đứng, nói, cười...vân vân/ trăm năm vẫn khoảng cách gần/ một phút vời vời buồn lẫn không qua

từ tôi, từ bạn thấy ra/ dãy sông con núi lân la bên người/ vụng tay thêm lần nữa rồi / từng trang mộ ám bóng người ảnh tôi ?/ vẽ ra người để thấy tôi/ vẽ tôi ra để thấy người, chúng ta / hôm nay đã khác hôm qua/ nhưng mà cốt lõi vẫn là như nhau/ cái chân cái bụng cái đầu/ sợi lông sợi tóc sợi râu vẫn là/ bèn từ hồn vía thịt da / vẫn thơm từ trẻ sang già đầy thôi/ vẽ người là để thấy tôi/ một đời sống ké hơi người ra sao...”

(Ồ Tình Lận Lụng)

Giữa năm 1984, tôi đưa gia đình vào Sài Gòn. Vì lo sợ những trục trặc có thể xảy ra trong chuyến ra đi đoàn tụ, tôi hạn

chế việc ghé thăm bè bạn. Nói là hạn chế, nhưng cũng đã gặp hầu hết những người quen biết: Trần Dạ Lữ, Chu Vương Miện, Thành Tôn, Hà Nguyên Thạch, Đynh Hoàng Sa, Phan Như Thức, Đinh Trầm Ca, Cung Tích Biền, Huy Tường, Hoàng Trọng Bản, Phan Kim Thịnh, Lê Vĩnh Thọ, Phạm Thế Mỹ, Thái Tuấn, Nghiêu Đề... Cả Mừng Mán cũng có bắt tay, đứng tán dóc mấy phút bên đường. Tôi ghé Hồ Thành Đức hai lần. Lần đầu nhị vị họa sĩ đi vắng. Lần sau, từ ngoài đường nhìn vào, thấy bạn Đức đang có một số khách đến chơi, tôi ngại không vào. Lần thứ ba theo dự định không thực hiện được. Tuy không gặp được anh chị Hồ Thành Đức, Bé Ký nhưng tôi nghe bè bạn kể về Đức khá nhiều. Có tin tốt, có tin xấu. Tốt xấu giữa một thời buổi giao thời thật ra không nên câu nệ lắm. Đức tham dự nhiều cuộc vượt biên. Bến đến đầu tiên của anh là trại giam Phan Đăng Lưu vào năm 1977. Bạn đồng điệu ngồi chung một mái nhà tù có những bậc trưởng thượng: Hồ Hữu Tường, Doãn Quốc Sỹ... Chị Bé Ký chỉ được cho nếm mùi tù tội có 4 tháng. Phần thưởng rút ngắn thời gian này có lẽ do bốn người con gián tiếp ký lệnh ân xá. (Bốn con của Ký, Đức lúc này còn khá nhỏ, sau này, tại Hoa Kỳ, Hồ Thành Cao tốt nghiệp kỹ sư; Hồ Thành Cung, nổi nghiệp bố mẹ; Hồ Thị Hải Dương, dược sĩ. Cô con gái Hồ Thị Cẩm Thư, theo tiếng gọi tình yêu, ở lại Việt Nam, vui chơi với nghề phóng viên cho Vietnam New). Hồ Thành Đức ăn cơm tù được tròn hai năm, đủ bằng cấp để nói về nhà tù, về một góc cạnh của một thời đã qua. Gần đây, trên trang Web VietWeekly, Đức giải độc một tin xấu của những tháng ngày sau 1975, qua cuộc phỏng vấn của ông Lê La:

“VW: Có dư luận cho rằng ông là “Cộng sản nằm vùng”, ông nghĩ sao?

HTĐ: Thì hồi ngày xưa bên nhà, tôi có khuynh hướng thiên tả. Nhưng tôi cũng không ưng chuyện Mỹ đổ bộ lên miền Nam, sau đó, tôi không thích Cộng sản, tôi bỏ tôi đi. Người Mỹ bảo lãnh cho tôi mà. Còn nói chuyện tôi “nằm vùng” là vô căn cứ. Ông viện trường viện Lê nin kia còn chán Cộng sản, nói gì đến tôi. Phải phân biệt ra người Việt Nam tiến bộ, yêu nước khác với người phát-xít chứ”.

Có lẽ có lỗi “đả tỵ”, hoặc ghi không chính xác câu trả lời của Đức, bởi đã khuynh tả thì chắc chắn không ưng chuyện Mỹ vào miền Nam, không cần phải “nhưng nhị” gì nữa. Nếu phải

nhưng thì câu tiếp đó phải là “nhưng tôi cũng không ưng Bắc Việt tiến đánh miền Nam” mới đề huề nói lên cái trung lập của mình. Việc phân biệt giữa người tiến bộ yêu nước với phát xít trong giai đoạn đó có vẻ mơ hồ, chưa nói là hơi nguy hiểm. Hình như Hồ Thành Đức còn bị đặt trong nhiều nghi vấn khi sở hữu ngôi *villa* do một người Pháp nhường lại trên đường Phan Thanh Giản, số 79 Bis. Đường Phan Thanh Giản nay đã thành đường Điện Biên Phủ. Ngôi *villa* hiện nay vẫn do con gái Đức, Hồ Thị Cẩm Thư cư ngụ. Một phần nhỏ của ngôi nhà được tặng cho một gia đình cán bộ. Có lẽ đây là một thủ tục đầu tiên cho một vấn đề gì đó. Hồ Thành Đức và Bé Ký vẫn thỉnh thoảng về thăm. Quê hương chẳng là một cái gì cả, nếu chúng ta không có một trái tim biết thương yêu.

Hồ Thành Đức, Bé Ký, không thuộc diện H.O, cũng không có thân nhân để được xếp vào chương trình O.D.P. Nếu trong lãnh vực nghệ thuật, Bé Ký lẫn Hồ Thành Đức đã nhờ vào tài năng và lòng đam mê để vươn lên, không phụ thuộc vào bất cứ thể lực nào khác, thì trong đời sống, nhờ vào sự thành danh của cả hai đã giúp gia đình họ đến Hoa Kỳ định cư, do chính người Mỹ trân quý nhân tài bảo lãnh. Tại Hoa Kỳ, những ngày đầu, gia đình Ký Đức được một nhà sưu tập tranh của Đức cấp cho chỗ ở, nhưng anh chị, ngay sau đó chọn về vùng đất lành, đông đồng hương: Quận Cam California.

Chị Bé Ký trả lời phỏng vấn của ký giả Jeffrey Brody trên tạp chí Register, số ra ngày 2 tháng 7 năm 1990, trong đó có câu:

“...Tôi không thể nào vẽ theo lối họ muốn được. Tôi nhớ có lần một cán bộ cho tôi coi bức họa theo lẽ lối anh ta thích. Thật là dễ sợ và không trung thực được...Chúng tôi đã có thể làm mọi thứ để mà sống còn...Nhưng vẽ tranh thì chúng tôi cần thể hiện cảm nghĩ của mình. Chúng tôi đã không thể làm được việc đó, bởi vậy nên đã ra đi”

Vào một dịp khác, Bé Ký tâm sự:

“...Tôi mất tình thương yêu gia đình từ thuở ấu thơ nên khi lập gia đình tôi sống trọn vẹn, trân quý với mái gia đình. Là người vợ, người mẹ, tôi làm trọn bổn phận của người đàn bà Việt Nam dù sống ở bất cứ nơi nào, thời điểm nào, đó là niềm hạnh phúc cao đẹp nhất tôi đã dâng hiến và được nhận lãnh. Tôi rất mê hội họa và yêu quê hương. Vì vận nước, vì thời thế đã hai lần tôi giã từ nơi chốn thân yêu, lòng tôi vẫn còn nhung nhớ. Từ

trước đến nay tôi vẫn vẽ tất cả hình ảnh mang bóng dáng, sinh hoạt của quê hương”

(tài liệu này được trích từ bài viết của nhà báo Trần Lư Nguyên Khanh, trên tạp chí Thế Giới Nghệ Thuật, ấn hành tại Hoa Kỳ)

Hồ Thành Đức và Bé Ký đã trở lại cái thú được sáng tạo của mình. Đức có phần tích cực hơn. Anh hoàn tất được nhiều tác phẩm ưng ý, như: Thiếu Nữ Và Hoa (Young girl and flowers – mixed media, 48’’ x 48’’, 1992), Em, Trời và Mây (Lover, Sky and Cloud, collage, 32’’ x 48’’, 1993), Múa Quạt (Fan Dancing, mixed media, 42’’ x 42’’, 1993), Ấn Tượng (Impression, collage 20’’ x 20’’, 1994), Tình Yêu (Love, mixed media, 1994), Nước Mắt và Nụ Cười (Tears and Smiles – collage 32’’ x 32’’, 1995), Khỏa Thân (Nudes, mixed media 48’’ x 48’’, 1995), Models (collage 48’’ x 48’’, 1995), Trời Và Đất (Heaven and Earth, acrylic on wood, 40’’ x 40’’, 1996), Nỗi Buồn Còn Nguyên (The Sorrow Is Still There, mixed media 48’’ x 48’’, 1996), Bến Thuyền (Harbor, lacquer 72’’ x 36’’, 1997), Thiện và Ác (Good and Evil, collage, 16’’ x 16’’, 1997), Cuộc Hành Trình Của Đôi Ngựa (A Journey of Horses, acrylic on wood, 30’’ x 30’’, 1997), Tường Nước Mắt (Wall of Tears, mixed media 48’’ x 48’’, 1998), Mộng Tưởng (Imagination, mixed media, 24’’ x 48’’, 2000), Thung Lũng Đau Buồn (The Valley of Tears, collage, 2000), Trời Đất Nở Hoa (The Blossom of Heaven and Earth, mixed media, 2000), Trên Đồi Golgotha , (On The Golgotha Hill, collage, 2000), Bốn Cô Gái Việt Nam (Four Young Ladies, mixed media, 32’’ x 48’’, 2001), Mùa Xuân ở California (Spring in California, collage 36’’ x 36’’, 2001), Thạch Nhũ (Stalactites, 34’’ x 44’’, 2001), Tuổi Hoa (Sisters at Youth, mixed media 34’’ x 44’’, 2001) vv...

Sức làm việc của Hồ Thành Đức quả thật bền bỉ. Nhưng chị Bé Ký cũng không thua anh chồng họa sĩ của mình. Chị để lại cho đời: Mother and Child (acrylic on wood, 32 x 24’’, 1996), Mother and Child (acrylic 32x24’’, 1998), Combing Hair (acrylic on wood, 36x24’’, 2002), Cock Fightings (acrylic on wood, 24x36’’. 2003), Horse (acrylic on wood, 24x32’’, 2002), Nude (acrylic on wood, 32x24’’, 2001), Mother and Child (acrylic on wood, 36x24’’, 2004), Mid -Autumn Festival (acrylic on wood 34x48’’. 2004), Spring (acrylic on wood 32x24’’, 2004), Young Ladies and Lotus (acrylic on wood, 36x36’’,

2002), Enjoying Music (acrylic on wood 36x36'', 2004) và rất nhiều bức mẹ và con khác đã được vẽ vào mỗi năm.

Đối với tất cả họa sĩ, việc ấn hành một tuyển tập bao gồm những bản chụp các họa phẩm của mình là điều cần thiết và thích thú. Nhưng đề xuất bản được “cái tổng quát sự nghiệp” của mình không phải là dễ dàng về mặt tài chánh. Hồ Thành Đức, Bé Ký đã cố gắng thực hiện được việc này. Hai cuốn sách đã được ra đời: Hồ Thành Đức Ấn Tượng Trong Đời Tôi (Impressions In My Live), gồm 30 trang khổ 21,5cm x 28cm, giấy trắng tốt, 20 Mỹ Kim. Và Việt Nam Quê Hương Mến Yêu (My Beloved Vietnam) của Bé Ký 99 trang, cùng khổ sách như Đức. Đây là những tài liệu quý về hội họa, được in ấn mỹ thuật, công phu. Chị Bé Ký còn được cơ sở Viet Art Gallery in cho một tập The Art Of Be Ky, mỏng hơn, nhưng cũng rất mỹ thuật, trang trọng.



Tuy việc sáng tác chiếm nhiều thời gian, nhưng Đức và Ký vẫn không quên dành cho mình những giờ phút thông dong đây đó. Năm 1998 vợ chồng anh cùng cậu con trai Hồ Thành Cung ghé thăm thành phố Montréal. Đức đã nhờ một khách hàng mua tranh quen biết cũ, thuê cho gia đình anh phòng tạm trú trong khu ký túc xá học sinh, đang bỏ trống trong dịp hè. Địa điểm này nằm chênh chênh trước mặt ngôi nhà thờ nổi tiếng thiêng liêng Saint Joseph. Cả Đức lẫn Ký đều rất thích. Montréal đang ở vào

mùa hè, đất trời óng ả đẹp. Hoa và chim đầy thành phố. Tôi lại có nhiệm vụ làm tài xế mấy ngày cho Đức, Ký đi thăm một số bằng hữu cư ngụ tại đây.

Khi từ nhà bác sĩ Nguyễn Tấn Hồng, (nguyên bộ trưởng Bộ Thanh Niên VNCH) ra về, chúng tôi vừa chạy xe vừa nói chuyện trên đường Edouard Montpetit, bất ngờ một chiếc xe ngược chiều, lạc tay lái, ào ào tiến ngay vào đầu xe tôi. Hốt hoảng, nhưng không còn lẽ trống để tránh, tôi đạp thắng và chờ đợi một va chạm có thể chết người. Nhưng rất may, chiếc xe trước mặt kịp thời tinh ngủ, lách qua, cận kề trong năm ba *centimètre*. Thật hú hồn. Giá lần đó xảy ra tai nạn chắc bạn bè gần xa đã tốn ít trang chia buồn.

Tin Hồ Thành Đức, Bé Ký đến Montréal được anh em bạn văn biết mau lẹ. Nhà thơ Hoàng Xuân Sơn, cũng mở tiệc khoản đãi tại gia như hồi đón gia đình họa sĩ Nghiêu Đề. Đến bắt tay Bé Ký, nghe Hồ Thành Đức kể chuyện vui hôm đó có nhà văn Song Thao, nhà văn Trang Châu, nhà văn Hồ Đình Nghiêm, nhà thơ Lưu Nguyễn và đương nhiên có tôi cùng Lý. Hồ Thành Đức thành thật, cởi mở nhưng cũng phách lối rất mực. Chị Ký thay vì nói, chị cười nhiều hơn. Hệ thống thính giác của chị gặp một số trở ngại nên câu chuyện giữa các bà có phần hạn chế. Lý, vợ tôi có số được nhiều bà vợ của bè bạn tôi mến. Đã có nhà văn Minh Quân từ Việt Nam qua nhận làm chị nuôi, nay có thêm chị Bé Ký, hai bà rất quấn quít nhau. Ngoài bữa ăn tại nhà anh chị Hoàng Xuân Sơn, Kim Lân, Văn Bút Việt Nam tại Montréal cũng xuất quỹ đãi vợ chồng Hồ Thành Đức một bữa nhậu vui vẻ, như từng tiếp đón các họa sĩ Đinh Cường, Trịnh Cung, Nghiêu Đề,...Nhắc lại những bữa nhậu (đúng ra là ăn, uống), chỉ có mục đích nhắc lại những sự hợp mặt cởi mở, và cái tình giữa những người trong cùng một dòng sinh hoạt với nhau. Miếng ăn không thể nào là “miếng tồi tàn”, nên tôi nhắc thêm chút nữa. Như đã biết, chị Bé Ký là người đầu bếp thơm tay. Hồ Thành Đức khoe chị làm món nghêu hấp rất tới và khuyến khích vợ thực hành ngay. Tại nhà tôi, sau đó, chúng tôi thưởng thức được tài nghệ của chị.

Sau bữa ăn, cũng do Hồ Thành Đức đưa ý kiến rồi thúc hối chị Bé Ký phóng bút vẽ vài nét Luân Hoán. Tôi rất khoái chuyện này, nhưng ngại ngừng, được bạn vàng mở đường đầu để bỏ qua cơ hội. Tôi ngồi im, mặt nhìn nghiêng ra hướng đường Barclay.

Hai cánh cửa kính rộng đã được đẩy dòn về một phía. Nhà quay về hướng tây, nhưng dòng nắng không còn đủ sức chói. Thỉnh thoảng một cơn gió tạt ngang. Càng ngồi im tôi càng nghe khắp thân thể mình cử động. Vài sợi tóc như muốn sà xuống trán, tôi



se sẽ mím môi. Chị Bé Ký mắt quan sát, tay phác họa. Chị nhìn ngắm khuôn mặt già bụi đời của tôi từ những điếm nào ? Không rõ. Tôi chợt ngại chị bắt gặp hai cái quầng-mắt-dưới ú nụ những phong trần của mình. Tôi chợt lo hai má hóp quá, và rồi tự tin bởi hai hàng lông mi rất cong, đôi mắt liếc gái rất nhuần. Tôi trực nhớ đến các bàn tay của Trịnh Công Sơn, Trịnh Cung, La Toàn Vinh, Phạm Thế Trung, Vivi...những bạn đã trực tiếp “bắt” tôi bỏ lên mặt giấy. Bất chợt tôi

lại mím môi. Chị Bé Ký dán ngay cái nét tai hại ấy lên bản vẽ và chừng ít phút sau, chị cười, thả cây bút xuống mặt bàn. Tôi thở ra nhẹ nhõm quên cả cảm ơn chị. Nét phác họa về tôi được chị Ký mang về Mỹ, dùng bút nhà nghề, tu chỉnh lại, và gửi qua với khổ lớn 52cm x 65cm. Không riêng tôi, Lý cũng được vẽ, cũng được gửi qua một bản y như tôi. Chúng tôi sung sướng đóng khung treo ngay phòng khách. Cái chúng tôi trân quý ngoài chữ ký, nét vẽ còn có cái tình của chị, lẫn của Đức gửi cho. Tôi đã được nhiều họa sĩ thân quen, làm cho nét mặt không đẹp của mình trở thành đẹp sáng, có cốt cách hơn, làm sao quên gởi lời cảm ơn đến với: Đinh Cường, Thái Tuấn, Trịnh Cung, Khánh Trường, Võ Đình, Trịnh Công Sơn, Nguyễn Hạo, Bé Ký, Phạm Thế Trung, Nguyễn Quốc Tuấn, Vũ Uyên Giang, Vivi, La Toàn Vinh, Hoàng Trọng Bân, Hồ Đình Nghiêm, Nghiêu Đề...cùng các bạn lấy thân tình phác họa chân dung tôi bằng nét thơ như nhà văn Song Thao, nhà thơ Hoàng Xuân Sơn, nhà thơ Song Vinh, nhà thơ Chu Vương Miện...Thật ra, có lẽ, các bạn đã chỉ vẽ cái dễ thương ẩn khuất của tôi thôi. Mà tôi quả thật dễ thương ở chỗ ai thương cũng xin chấp nhận. Thế nhưng có một họa sĩ quen biết lâu ngày, cố tình lờ cái dễ thương của tôi đi đây, các bạn biết ai rồi chứ gì ! Vợ chồng Hồ Thành Đức ở chơi với Montréal độ một tuần, tôi đưa anh chị thăm viếng một vài nơi

như đã từng thực hiện với nhiều bạn khác. Hình như có đưa Bé Ký Hồ Thành Đức đi chợ trời, hay hái dâu, hái táo gì đó, để biết thêm một góc cạnh Montréal.

Kỷ niệm theo tôi là một tế bào. Khi mới được cấy vào cơ thể có ngay những cảm xúc bồi hồi chóng vánh. Sau đó là sự sống thắm, tương chừng như mất dạng. Nhưng khi được khơi lại, những tế bào có tuổi hơn lại hiện ra minh bạch, sắc sảo hơn những anh mới hội nhập, dù đôi khi thiếu thứ tự. Kỷ niệm có được với Hồ Thành Đức, Bé Ký cũng có phần lộn xộn. Sau ngày ông bà họa sĩ về lại Hoa Kỳ, chúng tôi lợi dân những liên lạc bằng điện thoại. Nhưng tôi vẫn theo dõi những sinh hoạt của bạn mình. Đức làm thơ khá nhiều trong những năm gần đây. Thơ anh viết đăng trên một số tạp chí, nhất là các đặc san, tuyển tập của quê hương Quảng Nam. Tôi muốn “mách có chứng” một chút, qua trích đoạn dưới đây:

*“Con phố nhỏ đưa ta vào nỗi nhớ/ bao mùa xuân trần trở
giác ly hương/ Hội An ơi, còn bãi với phố phường/ trông ngoảnh
lại, với muôn vàn thương tiếc*

*buổi ra đi, cánh bướm giăng biên biệt/ núi sông hờn !
luyến tiếc gót giày hoa / em ở lại, mẹ già chiều nắng xế/ anh ra
đi ngày tháng ánh trăng lu/ chiều cuối đông thành phố nhớ
sương mù/ em cửa sổ mây bay vòng tuế nguyệt*

*gót phong trần đã in màu sương tuyết/ ta lưu linh làm kẻ
ngóng thiên đường/ sáng mai nào thành phố nhỏ đầy sương/ em
áo tím đến trường qua ngõ hẹp/ thơ yêu em cả trăm lân sao
chép/ vẫn hát hieu ngói cũ với tường rêu/*

*ta ở đây sáng nắng với chiều mưa/ nơi xứ lạ, nhập nhòa
trăng cánh hạc/ năm mươi năm tan tành trong đổ nát/ chuyện ra
đi cứ canh cánh bên lòng/ hẹn ngày về sáng đợi với chiều mong/
tình thuở trước phai dần trong tường nhớ*

*trong yêu thương có điều gì tan vỡ/ buổi ra đi còn chút
nắng ngày về/ mùa xuân này gửi lại bức tình thơ/ em yêu dấu !
Hội An ngày trở lại/ ngựa yên cương, thành cao, đường quan ải*

*lớp lớp về ! nhìn lại dáng em xưa/ thời rong rêu ! cửa đóng
với then cài/ trăng cửa sổ, nhìn sâu đêm tình ái/ con nước về
cuối bãi gió vi vu/ ta về đây thành phố xám sương mù/ em thức
giác ! Hội An ngày trở lại”*

(Hội An Trong Nỗi Nhớ HTĐ tháng 12-1995 Hoa Kỳ, đặc san Quảng Đà, 1998)

Hồ Thành Đức có lẽ là niềm tự hào của cộng đồng Quảng Nam ở xứ người. Tôi thấy anh được đề cao tại nhiều tiểu bang ở Hoa Kỳ. Anh đã tham gia vào nhiều cuộc sinh hoạt của cộng đồng từ thuyết trình, triển lãm, ngâm thơ.... Một hôm tôi giật mình thấy chân dung anh đăng trên một đặc san. Vẫn cái mũ bê rê có vành chòm trước trán, vẫn dáng người dong dong cao, nhưng sao cái miệng lệch hẳn một bên. Khuôn mặt vì vậy trở nên giàu thêm tuổi đời. Tôi ngẫm nghĩ, hỏi thăm: “*sao cái miệng này già mau như vậy ?*” Rồi đâm lo lo. Dĩ nhiên không phải lo cho anh, mà lo cho chính mình. Trong dịp ghé thăm quận Cam, hè 2006, tôi mới vỡ lẽ cái miệng của Hồ Thành Đức chỉ nghiêng tạm thời trong một vài tháng vì nằm ngủ lún cần gì đó.



ngồi: HồThànhĐức, LuânHoán, NguyễnNamAn, ĐặngHiền
đứng: ĐạmThạch, TrầnVănNam, HàNguyễnDu, Trần YênHòa

quán Bisto Cali 2006

Dù có ý định sẽ thăm thủ đô người Việt tị nạn một cách âm thầm, trốn hết bạn bè. Nhưng cuối cùng tôi thấy ra cái vô lý của mình. Không đến nỗi ngàn năm một thuở. Nhưng cơ hội của ngày hôm nay chắc gì có được ở ngày mai. Nhất là với một người có tuổi đời bị trừ đến gần hết. Nhà thơ Thành Tôn bỏ trí cho tôi một buổi gặp mặt bạn bè tại quán cà phê Bisto. Nhà thơ

Đạm Thạch nhiệt tình thông báo cùng anh em. Quán cà phê Bistro, một địa điểm nổi tiếng, quen thuộc của giới sinh hoạt văn hóa tại quận Cam. Quán nằm khiêm nhường trong một bãi đậu xe khá rộng. Khi chúng tôi đến nơi, khách đã ngồi chật ngoài hành lang. Các bạn văn đã hiện diện. Tôi gặp lại Ái Cầm, Thái Tú Hạp sau 30 năm. Tôi gặp lại vợ chồng Thành Tôn sau 21 năm. Tôi gặp lại Hạ Quốc Huy sau 36 năm. Tôi gặp lại Phạm Phú Minh sau 7 năm. Tôi gặp lại Hồ Thành Đức, Bé Ký sau 8 năm. Và tôi được gặp những người bạn từng quen biết rất lâu qua thư từ, điện thoại như Đặng Hiền, Nguyễn Nam An, Nguyễn Mạnh Trinh, Trần Văn Nam, Rừng, Trần Yên Hòa, Đạm Thạch, Hà Nguyên Du... Chuyện tầm phào bao giờ cũng vui hơn chuyện nghiêm túc, giống như món ăn chơi ngon hơn ăn thiết. Hồ Thành Đức phát biểu trước đám đông, đây là lần đầu tiên chị Bé ký và phu nhân Thành Tôn ghé đến quán Bistro vì sự có mặt của người tình muôn đời của nhà thơ Luân Hoán. Cả Lý và tôi đều rất cảm động. Vợ vả đến tìm Lý còn có chị Nguyên Ngọc, người vợ của cố nhà văn Nguyễn Đông Ngạc. Khách đến, khách đi, dòng nắng lần dần vào mái hiên, vàng óng từng phần trên vai, trên ngực những người bạn đang vui vẻ tán dóc. Ngồi bên Hồ Thành Đức, anh nghiêng người nói nhỏ nhưng cũng đủ cho cả bàn nghe. Anh đang thực hiện một tác phẩm rất độc đáo. Tác phẩm của anh lần này không phải là một họa phẩm, mà là một cuốn sách. Sự đặc biệt của nó là từ một người nói đến nhiều người. Đức cũng giống tôi, ưa thích kéo bè bạn vào giang sơn riêng của mình. Tác phẩm của Đức là những bản chụp tranh màu của anh được đi kèm với vài câu thơ, vài dòng nhạc, dòng văn của bạn bè. Dĩ nhiên toàn những anh chị đã thành danh lâu ngày với cuộc đời văn học, nghệ thuật. Tôi được Hồ Thành Đức dành cho 2 trang. Sách sẽ được in trên giấy tuyệt hảo nhất, do một nhà xuất bản uy tín ở quốc nội ấn hành ngay sau khi Đức hoàn tất. Tôi chia sẻ niềm vui cùng Đức và cũng như anh, tôi mong mỗi những tác phẩm có giá trị chóng được ra mắt bạn đọc. Đức cũng không quên kể với tôi sự thành công về tài chánh từ một họa phẩm anh bán được gần đây. Mừng cho bạn nhưng tôi chợt cảm thấy băn khoăn, vì những mẩu chuyện ấy, anh thỉnh thoảng nhắc lại, kể lại như mới nói lần đầu tiên. Sự chợt quên chợt nhớ hình như đã đến với Đức. Nhà thơ Đặng Hiền thì nói nhỏ với tôi về sự ảo tưởng của Đức. Ảo tưởng cũng là một điều thú vị, nhiều khi chúng ta cũng

nên cần nó chút đỉnh. Trong bữa ăn trưa khá thịnh soạn thứ nhất do vợ chồng Thái Tú Hạp mời anh em, tôi ngồi giữa Đặng Hiền và Hồ Thành Đức. Tôi chọn món mì Quảng cho phần ăn của mình. Tuy không ngon miệng lắm nhưng tôi chợt nhớ đến nhà văn Trương Năng Tiến, một người bạn chưa gặp, đầy tình nghĩa của tôi. Trong phạm vi bè bạn văn thơ Quảng Nam, Trương Năng Tiến được xem như gắn liền với mì Quảng, dù anh không phải dân xứ hay cái, mà chỉ vì đã viết được một bài rất tới về món ăn dân dã này. Hồ Thành Đức nhắc chừng tôi cách trộn bát mì, cả việc chan thêm nước chấm. Anh tưởng rằng tôi đã quên cách thưởng thức một món ăn nguồn cội. Tôi chưa quên và còn nhớ rất rõ những lần ăn cùng với Nguyễn Nho Sa Mạc ở quán mì Lợi Ký Tam Kỳ, những lần ăn cùng với Nguyễn Thanh Ngân, Vĩnh Kha ở Nam Phước, dọc đường quốc lộ 1 và cả lần ăn với Hoàng Quy ở Ngã Năm Đà Nẵng... Những lần đó cũng tương tự như lần này, cái việc ăn của tôi bị câu chuyện từ bè bạn ảnh hưởng, không tìm ra được cái khoái khẩu tuyệt đối. Chỉ có những lần ngồi ăn cùng Lý bên hè đường Hoàng Diệu, tôi mới nhận được ra phần nào sự tinh túy, thâm trầm của một món ăn mình luôn luôn nhớ, sẵn sàng thêm khi được nhắc đến. Trong bữa ăn thứ hai, tiếp liền theo sau chặng đường chạy đôi quán, tôi bị mất tập trung vì cú điện thoại của một bạn cựu học sinh Phan Châu Trinh.

Tán dóc, uống, ăn, chụp hình... rồi cũng trôi qua chóng vánh. Tôi chia tay đám bạn cũ mới trong lòng luyến tiếc, buồn buồn. Chúng tôi không kịp giờ để ghé đến thăm nhà Bé Ký, Hồ Thành Đức, cho anh nợ tiếp một thời gian nữa họa phẩm mà anh định tặng tôi treo chơi từ mấy năm nay. Hội họa là một nghệ thuật tôi không am hiểu gì mấy, nhưng lại thích cận kề bên tranh, bên cả những người sinh ra chúng. Việc này có lẽ khởi đi từ lúc tôi tình cờ sở hữu một thời gian họa phẩm Thiếu Nữ của họa sĩ Cù Nguyễn. Tôi không chắc bức tranh đó có phải là bức giao vào tay Cù Nguyễn tám huy chương vàng mùa Xuân năm 1963? Có thể đây chỉ là một sáng tác khác của Cù Nguyễn. Bức tranh Thiếu Nữ này được đi vào nhà ông Thái Trữ, chánh sở tài chánh thành phố Đà Nẵng. Ông Thái Trữ còn là tác giả vài tập thơ dưới bút hiệu Việt Trữ. Có thể ông đã mua họa phẩm hoặc được Cù Nguyễn tặng (Cù Nguyễn cũng người Quảng Nam). Không hiểu vì lý do gì, một hôm con trai ông Trữ, Thái Anh mang sang nhà

tôi, hỏi “*anh có thích không, lấy treo đi*”. Tôi khoái tranh ngay sau đó. Bức Thiếu Nữ ở với tôi được vài năm cho đến khi tôi nhập ngũ, 1966. Khi ra trường, về thăm nhà, không rõ bức tranh bị ai đưa đi đâu mất, và tôi vì lo nghĩ đến chiến trận sẽ trực tiếp tham dự trước mặt không còn giờ truy tìm. Sau này tôi được Nghiêu Đề, rồi Đinh Cường khuyến khích lấy tranh về treo nhưng tôi đều không dám nhận. Với Hồ Thành Đức cũng vậy thôi. Hoạ phẩm nào cũng là một phần tâm tư, da thịt của họa sĩ, tôi phải để các anh xử dụng nó đúng chỗ hơn.

Có một lần, một bạn văn vui với những chuyện loanh quanh trong văn học nghệ thuật, đã hỏi tôi: “*Anh có thích tranh của Hồ Thành Đức không ?*”. Câu trả lời của tôi đương nhiên là “*Có*”. Sở dĩ trong những thi phẩm tôi đã in chưa có tập nào được Hồ Thành Đức trình bày bìa, vì trong những thời gian đó, tôi không liên lạc được với Đức. Tính tôi lại rất nôn nóng, không thích chờ đợi, nên tôi chỉ làm phiền những bạn họa sĩ thường liên lạc nhiều hơn. Xin trích một bài thơ tôi viết về người thiếu nữ trong tranh Hồ Thành Đức, minh chứng sự yêu thích của tôi:

*“Em chẳng chịt những sợi gân / thên thang như suối như
sông phiêu bồng/ khai sinh từ cõi chân tâm/ quý đời, kính Phật,
yêu nông nản yêu/ khai hoa giữa sáng hay chiều ?/ giữa thời
hưng thịnh ? tiêu điều ?, chả sao/ bởi hình tượng, sống – lúc
nào/ cũng đầy chân mỹ là bào thai em/ sắc nhan em chẳng là
em/ em là nhan sắc trái tim con người”*

(SNCNTNT)

Chúng ta thường nghe nói “ông tơ, bà nguyệt”. Hai nhân vật theo truyền thuyết này có nhiệm vụ kết hợp những người nam, người nữ giữa cõi đời thường thành đôi thành cặp, sống đời với nhau. Dù hai nhân vật dễ thương này có thật hay không, tôi cũng xin phép được bắt tay mỗi người một cái, để cảm ơn sự trời buộc giữa Bé Ký và Hồ Thành Đức. Từ hai người mồ côi nghèo khó, họ đã dìu nhau vượt qua mọi gian nan để thành công trong tình yêu, sự nghiệp và cả sự đào tạo những nhân vật tiếp nối. Nếu không phân biệt trường phái, thể loại... chỉ dùng hai chữ hội họa chung chung, thì Hồ Thành Đức, Bé Ký quả đúng là Song Kiếm Hợp Bích trong nghệ thuật cao quý này.



Phan Thị Trọng Tuyền ***Một Trang Đời vạn tâm lòng***

Tôi đang ở vào những ngày cuối cùng của cái tuổi 65. Nửa cái “sáu bó” của cuộc đời, và đã hưởng được năm lần *bonus* theo lượng hưởng dương, phỏng chừng của cô nhân. Định mức tuổi tác của người xưa quả đã lỗi thời. Nhưng, thập thò ở ngưỡng cửa 60, đã có không ít người ham chơi thơ văn, âm nhạc, hội họa... thường hay vướng vào một cái bệnh rất dễ ghét: ung thư. Làm như có cặp kè với người bạn họ Ung này, thì sẽ tăng phần nổi tiếng và bề dày của tiểu sử cá nhân sẽ tăng dòng.



Tôi là người cực kỳ háo danh, cũng đã một vài lần lơ mơ toan tính chọn một loại ung nào nhẹ, không giết nổi mình, để làm bạn cho nổi tiếng chơi. Nhưng cuối cùng yếu bóng vía, không dám. Đã lên đến cái hạng lão làng như vậy, tôi còn muốn nhiều người biết đến mình, hưởng chi thời phơi phới thanh xuân. Lúc đó, trẻ người non dạ, được nhật trình in cho một bài thơ cũn cớ là mừng vui không biết đề đâu cho hết. Ngon hơn nữa, nếu bài thơ có phúc, được in vào sách của một người khác, hoặc được ai đó mang vào bài viết của họ thì càng hạnh phúc, thú vị hơn nhiều. Trong cả hai cơ hội này, rất may, tôi đều được hưởng qua cái sung sướng, ngay trong thời còn sa đà mê gái. Khi đã đứng sau lưng cái tuổi “tứ thập nhi bất hoặc” đến bảy năm, tôi chợt tìm thấy lại cái vui mừng hết sức thơ ngây như ngày xưa.

Ngay sau khi đã có mặt tại Montréal Canada vào năm 1985, tôi được bạn bè cũ cũng như các ông bà làm báo, tiếp tục cho hưởng cái lộc đọc sách báo chùa. Trong một số Văn Học, chính xác là số 28 phát hành vào tháng 5-1988 tại Hoa Kỳ, tôi tìm thấy mấy câu thơ cũ của mình nằm trong một truyện ngắn,

16 trang chữ thật nhỏ. Tôi nhìn kỹ tên tác giả, tưởng chừng như đang đánh vần vậy: Phan Thị Trọng Tuyền. Một cái tên tôi nhớ ra ngay, vì có chữ “Thị” duyên dáng, minh chứng cho một giới tính yêu điệu thực nữ. Chính cái chữ ngát hương này, trước đó, đã cù rủ tôi ưu tiên đọc trước hai truyện Xóm Nhỏ Buổi Trưa và Bóng Đêm Cuối Cùng ngay sau khi nhận được tạp chí Văn Học Nghệ Thuật (số 3 tháng 7-85 và số 8 tháng 12 -1985). Dĩ nhiên tôi còn đọc nhiều truyện khác của Phan Thị Trọng Tuyền. Nhưng tôi nhắc đến Xóm Nhỏ Buổi Trưa và Bóng Đêm Cuối Cùng vì có một cận kề tình cờ, mà tôi cố ý lãng mạn hoá cho vui đời lưu lạc. Tôi vốn có quan niệm, những trang chữ trong cùng một tạp chí, có tình nghĩa và quan hệ mật thiết với nhau. Thơ của tôi có đến hai lần được làm láng giềng với truyện Phan Thị Trọng Tuyền. Thơ, truyện như là những nóc gia, và hình như tôi đã nhớ đến mấy câu của thi sĩ Nguyễn Bính: *“Nhà nàng ở cạnh nhà tôi / cách nhau cái giậu mồng toi xanh rờn...”*. Không chiêm bao *“thấy con bướm trắng”* như nhà thơ của đất Vụ Bản Nam Định, nhưng tôi, rõ ràng có những tò mò về cây bút nữ đang khởi sắc trong làng viết Việt ngữ tại hải ngoại này.

Thật ra tôi vốn không tin Phan Thị Trọng Tuyền đích thực là một bông hoa biết viết. Chữ “thị” đối với tôi không còn đáng tin. Nhưng sự tò mò của tôi gần như dậm chân tại chỗ, dù sau đó tôi bắt gặp cô tác giả, nhiều lần qua nhiều tạp chí khác nhau. Mãi đến năm 1987 khi tuyển tập thơ văn Trăng Đất Khách do tạp chí Làng Văn của nhà thơ Cung Vũ Nguyễn Hữu Nghĩa chủ trương, cho trình làng 18 người đẹp: Cao Bình Minh, Đặng Thị Quế Phương, Hoàng Dung, Huyền Châu, Lê Thị Huệ, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Phan Thị Trọng Tuyền, Thanh Phương, Thiếu Mai, Tuệ Nga, Túy Hồng, Trần Mộng Tú, Trần Diệu Hằng, Vi Khuê, Vũ Quỳnh Hương với ít dòng lý lịch trích ngang và chân dung những khuôn mặt nguyệt, tôi mới yên tâm chia tay với Ngụy Vương Tào Tháo.(một nhân vật nhỏ con nhưng thông minh và có chí lớn, xuất chúng trong Tam Quốc Chí, đã giúp chúng ta có ba câu thành ngữ: Đa nghi như Tào Tháo, Bị Tào Tháo đuổi (chỉ việc tiêu chảy), Nhắc Tào Tháo, Tào Tháo đến ngay).

Biết đích thực tác giả mình hay đọc là phái nữ cũng chỉ để bụng vậy thôi chứ đâu có manh tâm vọng tưởng gì. Trong không

gian mênh mông của sinh hoạt văn học hải ngoại, tôi càng ngày càng giàu có thêm những bạn văn, nhưng đa số là nam nhi hào kiệt. Phái đẹp may mắn chỉ biết qua loa là cùng. Mười ngón tay vẫn còn thừa ngón đém, nhưng không tiện kể ra đây. Năm 1991, nhân dự tính sưu tập “thân thể, sự nghiệp” của những người làm thơ, viết văn, tôi đã nhờ nhà văn Nguyễn Tấn Hưng, một người làm cha của những tác phẩm có tên sách khởi đầu bằng chữ “Một...” chuyên đến Phan Thị Trọng Tuyền một lá thư. Không còn nhớ lá thư đó thuộc dạng thảo gởi chung cho nhiều người hay viết riêng, gởi riêng. Chung riêng gì nhà văn Phan Thị Trọng Tuyền cũng đã hồi âm cho tôi, ngày 29 tháng 8 năm 1991. Thư chị Tuyền viết trên giấy trắng không kẻ dòng, khổ 21cm x 29,8cm. Nét chữ nghiêng nhưng không ngả lằm. Có lẽ cây bút nguyên tử còn mới, nên nét chữ sắc gọn với tầm vóc vừa phải, không lớn như con gà mái, cũng không nhỏ như con kiến, nên trang giấy sáng hẳn lên, dù hai mặt đầy chữ. Chính trong lá thư này, chị Tuyền bỏ trong ngoặc đơn câu sau đây: “*dĩ nhiên ai mà thích có thư riêng bị in lên mặt báo !?*”

Một tiên đoán, cảnh báo trước tôi chăng ? Dù vậy, bây giờ tôi đang cố tình vi phạm ngay cái điều không thích của chị, và li đòn trích tiếp:

“...Tình cờ hôm nọ đọc bài thơ anh (ở Làng Văn phải không ? Vì tôi ít thì giờ, báo tới có khi để cả năm sau mới đọc). Rất sung sướng được anh nhắc trong thơ, mấy mươi năm sau, anh tưởng tượng coi có mấy đứa nhỏ mê thơ, đọc được, sẽ mê tác giả mà còn tự hỏi cái mục PTTT là ai, thế là tôi được nổi tiếng ké...”

Hoá ra tôi đã từng làm thơ đề tặng, hay nhắc đến nữ tác giả có tác phẩm là láng giềng với thơ tôi ngày nào. Bài thơ đó ra sao ? Quý danh của nó thế nào ? Quên mất. Rất có thể là bài này chẳng, không chắc lằm.

*“Vâng, tôi đoán trật đường rày
trái thơ xin tạ lỗi này được không
Một Trang Đồi vạn tấm lòng
cảm ơn những nụ hoa hồng bên trong”*

(N.T.C.K.N.X)

Chị Tuyền kính,

Tôi thành thật tạ lỗi đã trích dẫn, trưng ra ít dòng thư của chị, rất mong chị thông cảm, không trừng phạt gì. Kỷ niệm đối

với tôi vô cùng quý báu và thiêng liêng. Từng nét chữ của tất cả bằng hữu tôi gìn giữ cẩn thận một đời. Tôi hình dung ra được, có thể chỉ là tưởng tượng, dáng người ngồi viết thư, bàn tay người thông dong qua từng dòng chữ. Cả mái tóc, ánh mắt, khuôn mặt... hình như tôi đều phảng phất thấy được, và cảm nhận được sự bình an trong tâm hồn từng người viết. Dĩ nhiên qua những dòng thư cũ của bạn bè, tôi cũng thấy lại chính tôi, từ lúc mở hộp thư, lúc cầm kéo cắt phong bì, đến lúc mở thư dưới con mắt an lạc, hạnh phúc. Những dòng thư cũ chính là những hình ảnh kỷ niệm tuyệt vời nhất, sống động nhất và chân thành nhất, nên việc khoe khoang những đối thoại bằng chữ viết cùng bè bạn, tôi cho là rất cần thiết. Tôi nghĩ rằng những chia sẻ này, cùng nhiều bạn đọc, không nhằm mục đích xúc phạm bạn mình, rất đáng được thông cảm. Tôi có vẻ lẩn thẩn như một người phạm tội thứ thiệt rồi chăng ?



Có lẽ tôi được trở thành bạn văn của nhà văn Phan Thị Trọng Tuyền sau lá thư chị cho phép và giới thiệu thêm một số cây bút khác để tôi gửi xin tiểu sử. Thời gian này gia đình chị Tuyền ở Nancy nước Pháp. Điện thoại viễn liên khá đắt. Điện thư chưa phổ biến, chỉ còn nhờ đường bưu điện, nhưng chúng tôi

đều là những người lười viết thư. Tuy vậy cũng thỉnh thoảng đôi ba lần dán tem. Chị Tuyên than phiền tôi khách sáo, ư rào đón trước sau cẩn thận quá. Nhận xét của chị rất đúng. Với bất cứ ai, qua thư từ, tôi đều cẩn trọng. Thật ra tôi rất chân tình, và khôn khéo đặt những thành thật của mình trong vòng đai lịch sự, tưởng như khách sáo. Ngay đến những lá thư xài đủ hai tiếng tao mày, mi tau cũng vậy. Chị Tuyên cũng nhắc lại việc trích dẫn thơ, ca dao, lời bài hát... trong các truyện chị viết. Và không quên đề cập đến hình ảnh thời cầm súng của tôi, qua mấy câu tôi đã viết thật tình:

*“Hai mươi tháng chạp đi lòng giặc
Mộ Đức, Nghĩa Hành lợi nhớn như
súng lạn lưng quân cho có chuyện
mắt đầy cỏ lá hồn đầy thơ...”*

Thời tham chiến tại Quảng Ngãi, tôi được phép sử dụng khẩu *colt 45*. Những lúc không đi hành quân, tôi mang súng xệ bên hông phải, băng bao da và giấy T.A.P. (trông cũng được mắt). Nhưng khi lội vào những mục tiêu, súng thường được cầm tay hoặc dặt vào thắt lưng bên trái, khuất trong vạt áo giáp. Tôi thực hiện đúng theo câu thơ của cụ Nguyễn Công Trứ: *“Tri nhàn, tiện nhàn, dãi nhàn, hà thời nhàn”*. Tại sao khi hành quân không nhàn được? Đợi cho nhàn biết bao giờ nhàn? Quả cụ Nguyễn chí lý. Nhà văn Phan Thị Trọng Tuyên bày tỏ:

“không hề trách các anh đánh đấm không nghiêm chỉnh để phải thua hồi 75. Mà tôi nói đã hiểu tại sao miền Nam thua. Lẽ ra nên thua sớm hơn (thì có lẽ đến nay cộng sản đã sụp đổ như đã sụp ở Nga, Đông Đức, Ba Lan v.v...). Và thua là điều tự nhiên, chúng ta ở miền Nam không bị tuyên truyền, nhồi sọ, nên mới đi đánh trận mà còn biết làm thơ tình, còn mơ tưởng hòa bình cùng vợ ‘dieu con tập bước’...”

Có lẽ trường hợp của tôi là một ngoại lệ trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa của chúng ta. Dù có xin lỗi quá khứ cũng đã muộn rồi.

Năm 1993, nhà văn Phan Thị Trọng Tuyên cùng chồng và cậu con trai lên ba ghé thăm thành phố Montréal. Tiện đường, anh chị ghé thăm ổ tình của tôi và Lý. Dù nhà thuê chật chội, một cuộc gặp mặt ít bạn văn cũng được tôi hủ bè bạn. Lần này có lẽ là lần đầu tiên “cô ba Bến Tre” (chữ của nhà văn Kiệt Tấn gọi

PTTT) thấy dung nhan mùa thu của những Song Thao, Luân Hoán, Đỗ Quý Toàn... và nhan sắc mùa hạ của những Hồ Đình Nghiêm, Lưu Nguyễn (người mà chị nhớ lắm tên là Từ Thức).

Với vóc dáng, nhỏ nhắn, thanh nhã cùng khuôn mặt rạng rỡ từ ánh mắt, làn môi, chị Tuyền dịu dàng như một cô nữ sinh trung học thập niên 60, 70. Tôi không tìm ra nét “Bà Già Giết Giặc” như một nhà văn nào đó đã mệnh danh cho chị, khi chị tranh luận thẳng thắn trong một vấn đề văn học.

Montréal là một thành phố văn hoá, có nét đẹp đủ quyến rũ những khách thơ văn đến thăm. Trọng cụm người Việt trên thành phố rộng lớn này, tuy từng có “con bão trong tách trà” nhưng bè bạn văn thơ xa gần vẫn tiếp tục ghé qua. Tôi hy vọng nhà văn Phan Thị Trọng Tuyền đã lượm được những giây phút an lành trong chuyến tháp tùng ông xã chu du Bắc Mỹ. Đến rồi đi, những tấm hình đã chụp, gởi qua gởi về ám áp kỷ niệm. Tôi vui vì được một nhà văn làm bạn đọc của mình, hoặc ít ra có liếc mắt theo dõi:

“...Anh vẫn khoẻ và vẫn làm thơ ? (còn phải hỏi, trong mấy tờ báo xuân thấy thơ anh. Vẫn tà tà. Nói theo người Lào là xừ xừ (?), nói theo Việt, Tà là Thiên, theo Anh, Mỹ là...cool ! Nào là ngắm mưa nào là đòi tòm tem v.v...”

Trong văn cũng như trong lúc trò chuyện, chị Tuyền tăng thêm nét duyên dáng nhờ những hóm hỉnh tế nhị. Không gặp nhau thường xuyên, không có sinh hoạt chung, hiểu biết của tôi về chị Tuyền thật ít ỏi. Những người tài giỏi, có khả năng viết lách vững vàng, chỉ cần một hình ảnh, một kỷ niệm đơn giản, họ có thể hoàn tất một bài viết về một người khác rất đạt chất lượng văn học. Tôi không được vậy, nên khi ý định dựa hơi chị, tôi đã *malin* gởi đến chị mấy câu hỏi, đại khái như hỏi cung. Chị không quở, mà vui vẻ trả lời, sau chừng một...tháng nhận câu hỏi:

“ Hỏi cung ư ? Bây giờ người ta nói " làm việc", rất thời thượng tuy nghe lạc đề và...vô duyên. Mình nói với nhau như hai người tâm sự. Bởi tôi cứ nghĩ mình đã là bạn trước rồi, từ lần gặp trong thơ văn, từ lần gặp trước ở Canada, sau nhiều gặp gỡ như vậy, mới thật là quen. Bạn (văn chương) thì không cần thân thể, gia phả. Nhưng quen lâu thì tự dưng muốn biết nhiều hơn, về đời sống riêng. Về anh thì tôi biết...quá rồi. Thành ra xin "đền đáp", gọi là cũng tiện cho vài việc nhỏ:

Thí dụ anh khỏi kêu tôi là cô Ba Bến Tre như anh Kiệt Tấn. Vì tôi là chị hai của một đàn em năm đứa. Ba má tôi sinh ra tôi khi cả nhà đang chạy máy bay Pháp, có cả ông bà ngoại và cậu, dì nữa thì phải, ẵm náu trong nhà người anh của bà ngoại, ở quận Giồng Trôm, thuộc Bến Tre. Vì tin dị đoan, ông cậu ngoại không cho để trong nhà, ba tôi và ông ngoại phải cất chòi cho má tôi để ngoài vườn. Để xong là hai ông phải làm cáng kiêng hai mẹ con chạy tiếp. Chắc là cuộc trốn chạy "hậu sản" này có lẽ cũng kéo dài năm bữa, nửa tháng, chắc không vui về gì lắm cho nên ba má tôi quên nhiều khoảng thời gian này. Kết quả là tôi được cha mẹ làm khai sanh ở Mỹ Tho. Tôi thì không ...nhớ được gì cả, cái kẹt bây giờ là không sao xin được một lá số tử vi để khỏi thắc mắc về tương lai !

Nói năm bữa nửa tháng, nhưng chắc cũng lâu hơn, chỉ biết tôi hồi đó rất "vô tư" : má kể một bữa, máy bay đầm già Pháp lụ(c) khụ(c) bay qua...Không cần biết bà ta đi thám thính hay toan tính ...liệng lựu đạn xuống, mọi người hè nhau chạy vào hầm trú. Ai đó vọt tới xót tôi đang (vừa mới biết) ngồi trên bộ ván. Con bé tưởng bất ngờ được tham gia trò chơi mới nên cười sằng sặc. Má tôi kể lại kì công giết giặc, không, cười giặc của một em bé Bến Tre thời đó, nhưng đó là hành xử duy nhất có vẻ anh hùng của tôi (mà thật sự nói tiếng Pháp thì là à mon insu ! Chứ nếu biết đi, chắc tôi cũng vắt giò lên cổ mà ca bài tẩu mã). So với tất cả người Bến Tre thứ thiệt thì chắc họ sẽ từ chối nhận tôi là đồng hương. Ba má tôi "về thành" trước trận Điện Biên Phủ, trước hiệp định Genève. Tôi nghĩ có lẽ mình đã góp phần giữ chân ông già khỏi tập kết ra Bắc. Má tôi kể người ta đi kiếm ba tôi lúc đó để rủ ông đi cùng. Nhiều khi nghĩ lại mà bâng khuâng, giá mà... nếu mà....Ít ra phải có một thời đồng vui, đồng (chia xẻ buồn) ...khổ mới xứng đáng là đồng hương”

Nhà văn Phan Thị Trọng Tuyền có trí nhớ khá tốt. Chị vẫn chưa quên lớp mẫu giáo đầu đời của mình nằm trên đường Trần Quang Khải, Tân Định. Ở cấp tiểu và trung học chị hoàn tất tại Gia Định. Con đường học vấn của chị không bị ồ gà. Và may mắn hơn, sau khi tốt nghiệp tú tài, chị xin được học bổng của chính phủ Pháp. Rồi cùng khoảng 40 bạn khác, chị lên đường du học từ ngày 26-10-1969. Quê hương Bến Tre chỉ dành cho chị những kỷ niệm trong các dịp nghỉ hè, nghỉ tết của thời trung, tiểu học, nhưng chị vẫn nhớ nhung, thương yêu. Xa nhà vừa hai năm,

chị đã về thăm, để rồi hai năm sau (1973) lại trở về một lần nữa. Bến Tre chắc hẳn rất đẹp. Một vẻ đẹp đã từng giúp tôi ba hoa: “*Ta may mắn được làm thi sĩ, nhờ đã phải lòng gái Bến Tre*”. Cô gái Bến Tre ở đây không phải là nhà văn Phan Thị Trọng Tuyền, xin quý bạn đừng hiểu lầm. Cô bé chỉ là một nhân vật hư cấu, dẫn dắt tôi qua 35 đoạn thơ (mỗi đoạn 4 câu) ngũ ngôn, trong Cầm Ôn Đất Đá Trở Thơ...Bạn có thể đọc chơi ít đoạn:

“...*Bậu qua phà Rạch Miễu/ ngoay ngoáy về Bến Tre/
“Qua” quyết lòng ở rể/ năn nỉ hoài, hồng nghe
hồng nghe mà ngoái lại/ hỏi ai cầm đầu lòng/ ngó ngán
qua chợ Giữa/ cầu Chệt Sậy, Mỹ Lòng...*

“*Qua” đi, đi theo bậu/ hát nhỏ nhỏ trong lòng/ thom
thom mùi măng cụt/ mùi sầu riêng, chôm chôm
bậu ơi trời đất rộng / nhưng đầu bằng nhớ mong / sông
rạch như gân máu / man man nổi mẩn nong...*

“*Qua” theo vào Bình Đại / “Qua” theo bậu đến cùng/ ghe
bầu, xuống ba lá / quanh quần nẻo thủy chung
ví dù bút không bén / như Nguyễn Thị Ngọc Nhung/ như
Phan Thị Trọng Tuyền/ cũng thắm thiết thom lừng
ngậm nghe trời đất nhớ/ cá bóng kèn kho tiêu/ hôn mênh
mang khép mở/ mùi ráng nắng lên chiều*

*Bến Tre, Bến Tre hồi/ có nhớ gã thương hồ/ khua dầm
loang nắng đục/ lẫn thẩn sầu bán thơ...”*

Phan Thị Trọng Tuyền, gái Bến Tre, du học tại Pháp, tốt nghiệp ngành dược khoa trong mùa hè 1975. Biên cố lịch sử tại Việt Nam đã giữ chân chị lại trên đất con gà trống *Gaulois*, để tiếp tục học về xét nghiệm Y khoa rồi hành nghề từ năm 1980 đến nay. Năm 1987 chị mới có dịp về thăm Sài Gòn, Gia Định, bước đi trên những con đường còn âm vang “...*guốc quau rưng tiếng lá / thoang thoang mùi hương bản*” của Bến Tre.

Nhà văn Phan Thị Trọng Tuyền lập gia đình với anh Nguyễn Quang Trọng, một thanh niên thuộc dạng “cao ráo bảnh trai”, ra đời sớm hơn chị Tuyền hai năm. Anh cũng được học bổng của Pháp và du học tại xứ này trước chị Tuyền một năm, đồng thời với những nhà văn Đỗ Quỳnh Dao, Mai Ninh. Anh Trọng sau khi tốt nghiệp, được bổ về dạy môn *Chimie Physique* tại đại học Khoa học tỉnh Rouen đến nay. Chị Tuyền dĩ dòm chồng mình là một *khoa học gia đăng trí*, chị viết:

“...Anh coi, chàng ta đi rút tiền ở máy tự động, rất hay quên lấy lại thẻ, khi nhớ lấy thẻ lại quên mất chẳng lấy tiền ! Cứ chạy ra chạy dzô nhà băng tìm thẻ, tìm tiền, kiện cáo. Mới cách đây vài tháng chứ đâu. Khởi nói tới các thứ thẻ khác, thẻ thư viện, thẻ làm photocopy, làm đi làm lại không biết bao lần. Về nhà vợ hỏi học trò có cô nào đẹp không, trả lời : không biết vì không nhìn ; vợ lừ mắt không tin thì lại nói : có nhìn cũng chỉ thấy lơ mờ ! May mà thánh nhân hay đãi kẻ khù khờ, chưa bị thiệt hại gì nhiều. Chỉ bị vợ rầy. Vì vợ sợ có ngày đến lượt mình cũng sẽ bị bỏ quên như thế. May mà tôi, tuy chậm chạp lếch thếch theo sau – nhưng nhờ cái nỗi sợ lạc đường to lắm nên- đi đâu cũng nắm mãi cái chéo áo chàng. Ấy thế nhưng cũng đã hơn đôi ba lần bị bỏ quên đâu đó rồi”.

Đời sống gia đình của nhà văn Phan Thị Trọng Tuyền càng âm áp hạnh phúc với sự ra đời của cô con gái đầu lòng vào năm 1974 và tuần tự theo sau là hai cậu con trai, nay đã ở vào các tuổi 26, 22. Cả ba cháu đều rất ngoan và lành như ông bố.

Phan Thị Trọng Tuyền bắt đầu con đường sinh hoạt văn học của mình từ năm 1984. Tính đến nay, những sáng tác của chị được giới thiệu trên các tạp chí: Văn Học Nghệ Thuật, Văn Học, Văn, Đồng Nai, Làng Văn, Phụ Nữ Diễn Đàn, Măng Non, Hợp Lưu, Thê Kỳ 21, Gió Văn, Phố Văn, Năng Mới, Đi Tới...Nhắc lại kỷ niệm vàng ngọc này, chị Tuyền cho biết:

“...Cũng may, lúc chưa đăng trí trầm trọng, bố sắp nhỏ xin đi làm nghiên cứu một năm ở UCLA, tôi cũng nghỉ việc 12 tháng, cả hai ôm đàn con ba đứa sang ở với gia đình ba má tôi tại nam California. Ông bà làm lại cuộc đời còn tôi thì cố tìm bắt khoảng thời gian đã mất. Chính trong khoảng thời gian này, tôi mới lớn khôn ra chút đỉnh. Lúc trước chỉ lẩn quẩn với bạn bè quanh mình, lo học hành và lo cho gia đình nhỏ bé của riêng mình trong một tỉnh nhỏ ở miền đông nước Pháp. Ngoài cái hạnh phúc gặp lại mẹ cha, các em, tôi còn có những khám phá, xúc động, bàng hoàng khác đã khiến tôi viết...viết và viết. Phần lớn các truyện ngắn tôi viết trong khoảng thời gian này. Hình như tôi gửi thư và cùng một lúc 2 truyện ngắn, một cho báo Văn của bác Mai Thảo và một cho Văn Học Nghệ Thuật của bác Võ Phiến. Bài được hai bác cho đăng ngay. Báo VHNT lúc đó vừa tục bản, chủ nhiệm Võ Phiến, chủ bút Lê Tất Điều, Nguyễn

Mộng Giác (mới vượt biên sang) là thư kí toà soạn Khoảng tháng 2 hay 3/1985 (?). Điều rất bất ngờ với tôi: Cả ba người đều khuyến khích tôi bằng lời lẽ thân tình, nồng nhiệt. Anh Lê Tất Điều cũng có viết thư thăm. Tôi xin báo cũ, ai cũng vui lòng cho. Anh Giác đem báo VHNT (bộ cũ) đến tận nhà tặng.

Đó là khoảng thời gian tôi cảm nhận được nhiều xúc động phức tạp, mạnh mẽ nhất. Đây là khoảng thời gian tốt đẹp nhất trong đời tôi : sống an lành bên cạnh mẹ cha, các em, chồng con, lại không phải ...đi làm, có lẽ vì sự chờ đợi, nhớ nhung kéo dài quá lâu chẳng (12 năm) ?. Thêm vào đó, tôi gặp lại nhiều bạn bè thân thiết từ hồi tiểu học và trung học. Anh có thể tưởng tượng không, tôi gặp luôn con bạn nói khó trong xóm thân nhau từ hồi học tiểu học, chia xẻ nhiều ngày vui thời bé và sau đó cùng tập tành viết văn, viết báo !. Gặp nhau thật là vui sau khi xa nhau cả một thời trung và đại học. Hai đứa cùng thực hiện được mộng viết lách nữa. Bạn viết văn mà còn làm báo nữa, với nghề tay trái là bác sĩ. Nó vừa đi làm vừa đi học lại. Ngày xưa, giận tôi nó viết thư nói học mau mau rồi về đề đầu đề cổ tui tao. Mỗi lần gặp nó là mỗi lần nhớ lời này mà cứ bất tức cười trong bụng.

Tôi không còn nhớ cảm tưởng khi bài được đăng báo, chắc là cũng sung sướng lắm, " rùi " một điều là nó bị đề lấp bởi cái hạnh phúc trùng phùng quá sức lớn lao nói trên. Tôi thật tình không nhớ nó ra sao. Chỉ nhớ được cái sung sướng lâng lâng mỗi khi đi lòng rông trên đường phố hay chợ búa, hàng quán vùng Bolsa thuở ấy. Mọi phiên nã, u sâu, thắc mắc, giận dữ .. đều tan biến. Queo vào con đường nào, khu nào, cũng có một cái gì để khám phá với kinh ngạc, để nghe quen thuộc, để nghe cuộc đời dễ dãi, dễ thương và đáng thương, đáng phục, đáng sống. Trong đầu tôi bây giờ vẫn còn in đậm hình ảnh đêm nghe Lê Uyên và Phương đàn hát nơi quán LUP, khoảng thời gian quán vừa mở. Lần đầu tiên tôi thấy và nghe họ hát in live. Trước đó thì thấy chị Lê Uyên duyên dáng trò chuyện với bạn bè, thấy anh Phương loay hoay trên sân khấu, gắn dây điện, sửa micro. Nghe lại những bài hát tuyệt vời của họ, đem tôi về thời đầu đại học nơi quê người. Nhưng cảm động nhất là tại đây cũng lần đầu tiên tôi nghe bài Đêm Chôn Dâu Vượt Biển, Việt Dzũng hát. Cũng là lần đầu tiên tôi thấy Việt Dzũng. Hát xuất thần. Như nhìn thấy được trong giọng Dzũng tất cả đau thương, tất cả

những thảm cảnh chia lìa, những hình ảnh gia đình kể lại, những phim, hình thấy trên truyền hình trên sách báo. Lúc đó trên báo chí Việt nam có rất nhiều hình ảnh, chứng từ về những cuộc vượt biên, về đời sống bên nhà, về chuyện tù cải tạo. Hôm ấy, dường như túi nước mắt ứ đọng mười năm nay bất ngờ bị chọc thủng. May mà quán đèn mờ...và có lẽ mọi người cũng chẳng để ý vì tất cả bị kéo về những kí ức, suy nghĩ riêng tư...Có lẽ nhờ những xúc động ấy mà tôi viết liền miên trong khoảng thời gian này. Ba má, người thân, bạn bè...ai cũng có chuyện vui buồn, chuyện khổ, chuyện chết chóc, chuyện trở trêu để kể. Một năm rảnh rang để sống những đời sống của mười mấy năm vắng mặt. Thì phải là đậm đặc và mạnh mẽ. Và hứng thú viết lúc nào cũng tràn đầy. Gặp ai tôi cũng bắt người ta kể ...sự tích chuyện vượt biên của mình”

(trả lời Lê Bảo Hoàng, trên Web Vương Chiêu LH)

Đoạn đường gần như phải đi của những người viết văn (làm thơ thì chưa chắc) đã có sự thành công là việc in tác phẩm. Nhà văn Phan Thị Trọng Tuyền không đi lệch qui định bất thành văn này. Chị kể lại trường hợp có mặt của các đứa con tinh thần của mình:

“ Năm 1985 anh Giác bảo tôi nên in quyển sách đầu tay, anh nói anh sẽ nhờ ông Võ Phiến viết tựa cho. Thế là quyển sách đầu tiên ra đời. Đó là :

Mùa Hè, Một Nơi Khác. Văn Nghệ, Calif. 1986 (ông Võ Thắng Tiết) Rõ ràng nhờ anh Nguyễn Mộng Giác "xúi biếu". Ông Tiết trả bản quyền hậu hĩ và cho tôi rất nhiều sách. Đến gần đây vì nhiều bạn hỏi xin, tôi có đến hỏi và ông vui lòng cho thêm, rất nhiều lần. Vâng, thưa anh Luân Hoán, sách in 1000 quyển, bán 20 năm, vừa cho vừa tặng mà vẫn còn !. Tôi rất ân hận khi nghĩ rằng mình đã góp phần khiến ông Tiết phải đình chỉ/chậm lại việc xuất bản sách. Nhưng đó là mãi về sau này. Chứ chỉ hai năm sau anh Châu Văn Thọ, nhà xb Thanh Văn, đề nghị in quyển thứ nhì, gồm những truyện đã in báo, y như quyển trước, tôi đồng ý lập tức. Đó là

Một Trang Đời, Thanh Văn Calif. 1988. Anh Thọ lo hết mọi ấn phí. Anh có hỏi chuyện bản quyền, tôi nhờ anh nếu lời được thì cho viện trẻ mồ côi nào đó mà anh Thọ đang giúp. Anh Thọ in ít hơn, nên đã bán hết. Còn :

Mùa Xuân Và Những Con Dã Trùng Lá Bối (anh Thanh Tuệ) Paris 1991, quyển này do anh Thanh Tuệ đề nghị và chủ bút. Quyển sách này hình như cũng đem nhiều lo lắng và thiệt thòi đến cho anh Thanh Tuệ. Tôi cũng rất ân hận. Có lẽ vì thế tôi chẳng muốn in ấn gì thêm nữa.

Ngoài những tác phẩm in thành sách, Phan Thị Trọng Tuyền còn góp bài trong các tuyển tập: Trăng Đất Khách (Làng Văn, 1987), 23 Người Việt Sau 1975 (Văn Nghệ, 1988), Truyện Hay Hải Ngoại 2 (Nguyễn Văn Ba sưu tập, 1991), 20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại (Khánh Trường, Cao Xuân Huy, Trương Đình Luân, Trương Đình Nho thực hiện, Đại Nam, 1995), Thơ Văn Việt Nam Hải Ngoại Năm 2000 (Việt Thường, Montréal, Canada 2000), Luân Hoán-Một Đồi Thơ (Lê Hân thực hiện, 2005).



Giá trị tác phẩm đầu tay, Mùa Hè Một Nơi Khác của Phan Thị Trọng Tuyền theo nhận xét của nhà văn Đào Trung Đạo:

“...Đứng về mặt thẩm mỹ học của tiểu thuyết tôi nhận thấy mỗi truyện ngắn của Phan Thị Trọng Tuyền là một lát bánh mì cắt ra từ một ổ bánh là đời sống hôm nay của Việt Nam ở trong và ngoài nước. Đường dao cắt bánh đã tỏ ra có lúc rất nhẹ nhàng chậm rãi nhưng cũng có khi mạnh mẽ nhanh vút.

Nhưng các lát bánh đều được cắt ra một cách khéo léo. Có điều tôi nhận thấy hơi lạ là khi cắt ổ bánh đời sống quê nhà hôm nay thì đường dao Phan Thị Trọng Tuyền luôn sắc gọn: Xóm Nhỏ Buổi Trưa, Bóng Đêm Cuối Cùng, Trái Chanh Tội Nghiệp,

Một Chuyến Đi. Đó là đường dao giải phẫu: cái xã hội ung thư đó cần phải được cắt nhanh, gọn, điêu nghệ như vậy thì mới không biến chất. Lát bánh đó được cắt ra và đưa người đọc ném thư, lát bánh sự thật. Phần phán đoán là ở người đọc. Tôi cho rằng Phan Thị Trọng Tuyền đã có thái độ rất nghệ thuật, rất nhà văn ở những truyện này.

Ở những truyện ngắn mà thế giới, khí hậu là những nơi đất khách, tôi thấy hơi văn Phan Thị Trọng Tuyền chân thành, tha thiết...

Nhân vật độc đáo nhất, có kích thước hàng đầu trong văn chương truyện ngắn, theo tôi là “đứa con tật nguyền” và cũng chính là người kể chuyện trong Bóng Đêm Cuối Cùng...đó là người hơn cả người, vì đã đem lại khả tính cho thảm kịch. Và đã tưởng như thoát ra khỏi thảm kịch. Và cũng là “hải đăng cho thuyền lạc trong đêm”, “hào quang cứu rỗi” và “sấm sét sau cùng”

Về nghệ thuật cấu thành truyện ngắn (composition) tôi yêu thích “Mùa hè một nơi khác”, và “Những kẻ đồng hành”: Truyện trước là chiếc chìa khóa mở vào thế giới và văn chương Phan Thị Trọng Tuyền. Những trang nhật ký tự truyện đã được chuyển hoá thành tấu khúc (fugue) khai mào cho vận hành chữ nghĩa ở sau. Truyện sau như một gấn liền hai bờ vực thẳm. Từ trong vực thẳm địa ngục đi ra ta đã hiểu được ý nghĩa của dấu vết nghệ thuật ghi lại cái khổ nạn thời đại ta đã trải qua.

Và đó cũng là sự thành tựu của văn chương”

(Đào Trung Đạo, Văn Học, số 14 tháng 3-1987)

Trong lời tựa tác phẩm Mùa Hè Một Nơi Khác, nhà văn Võ Phiến viết:

“...Đến đây không chừng một số độc giả mừng tượng Phan Thị Trọng Tuyền là một nhà văn ưu thời, hẳn thế lúc nào cũng rầu rầu xót thương. Nếu có vậy tôi đã hết sức ló bịch bởi vì một hình ảnh như thế, không có gì khác với chị Phan hơn. Và đây là điều ngộ nghĩnh nữa; người ta ưu tư mà không hề phải rầu rĩ. Trái lại, Phan Thị Trọng Tuyền gần như luôn luôn có một nụ cười

... Ở đây, ta bắt gặp người phụ nữ Việt Nam trong một không khí tinh thần mới: tự do, khoáng đạt, cởi mở

... mặc dù vậy, tôi vẫn cứ nói với thêm một câu chuyện nữa, Truyện của chị Phan thật nhiều vẻ. Chị viết về tâm lý người

già, về cuộc sống giới trẻ; chị viết về sinh hoạt xã hội bên nhà, về đời sinh viên du học hải ngoại; chị viết truyện tâm tình ái ân, lại viết về những vấn đề triết lý, chính trị; trong truyện của chị có nghệ sĩ, có trí thức, lại có những người nhà quê ngây ngô, lú lẫn, có trẻ con mũi dãi lòng thông nghèo đói óng ẻo; chị viết những chuyện thương tâm đứt ruột, lại viết những truyện khôi hài nhẹ nhõm...”

(Võ Phiến)

Ở tác phẩm thứ hai, Một Trang Đời, nhà xuất bản An Tiêm nhận xét:

“Trong truyện ngắn ‘Trèo Lên Trái Núi’, Phan Thị Trọng Tuyền nhận xét: ‘chuyện gì cũng vậy, đủ thời gian và khoảng cách để nói lại, đều có vẻ khôi hài, phù du’. Có lẽ đó là nét chung của tất cả truyện ngắn trong tập truyện Một Trang Đời.

Sống ở ngoài quê hương, hằng ngày nhận được những tin không vui từ bà con bằng hữu, đáng lẽ Phan Thị Trọng Tuyền phải ôm ấp nâng niu những kỷ niệm như món quà quý giá cho đời mình, thơ mộng hoá thời thơ ấu, trân trọng lật giở từng trang lưu bút. Tác giả không theo lối mòn nhiều người cầm bút hiện nay đã đi. Bằng cái nhìn thân ái, bằng óc châm biếm thông minh, tác giả viết về quê hương, bằng hữu với cái giọng khôi hài đôn hậu, say mê tận cùng mà cũng tỉnh táo sáng suốt tận cùng.

Nhờ say mê mà từng nhân vật, từng khung cảnh, từng câu chuyện đều hiển hiện sống động, đẹp đẽ, đa dạng, mỗi trang đời có một đặc sắc riêng.

Nhờ tỉnh táo, Phan Thị Trọng Tuyền truyền được vào từng “trang đời riêng” cái “chung” của cuộc nhân sinh: cái phù du đời đoạn, cái bất trắc xót xa...”

Dĩ nhiên còn nhiều nhận xét khác về văn tài của Phan Thị Trọng Tuyền, nhưng vấp phải vài trở ngại trong việc sưu tập, nên tôi không thể nêu ra đầy đủ. Qua câu chuyện bằng điện thoại viễn liên với nhà văn Võ Kỳ Điền, ông làm Kẻ Đưa Đường này, cho biết: trong những tay viết nữ gốc miền Nam, ông thú vị nhất khi được đọc tác phẩm của hai tác giả Phan Thị Trọng Tuyền và Cao Thị Bình Minh. Ngoài viết văn, Phan Thị Trọng Tuyền còn thử qua việc điếm sách. Trên tạp chí Văn Học, số 218, (2004), chị đã giới thiệu tập thơ duy nhất của nhà văn Võ Phiến dưới tựa bài: “Những Giọt Sương Hoa, Vài Cảm Nghĩ Khi Đọc Thơ Thân của Võ Phiến”. Tuy khởi đầu chị đã cảnh báo mình: “...nếu

ương ngành nói về thơ thì chẳng khác gì bữa củi hay găm xương gà. Hậu quả không hút được tui mà còn gãy răng” Nhưng có lẽ hàng răng ngọc của chị vẫn còn đầy đủ bởi chị viết rất chí tình, rất dài hơi, và không kém phần chính xác: “...*Thơ Thần là những giây phút riêng tư, là thời gian và đời sống riêng tư của chính Võ Phiến, là nỗi xúc động, khủng hoảng riêng tư. Những bài thơ hiếm khi phá bỏ tứ vận và nhịp điệu sáo cũ, nhưng vẫn cứ là những chữ những ý của một phong cách Võ Phiến...*”

Trên tạp chí Hợp Lưu, số 80, 81 (năm 1992-1993) Phan Thị Trọng Tuyền có bài điểm sách và phim Người Tình (L'Amour) của nhà văn nữ P. Marguerite Duras. Trên tạp chí Gió Văn số 5, tháng 5-2005 chị có bài “Vài Nét Về Điện Ảnh Trung Quốc”...Tôi còn bắt gặp trên trang web Nhân Văn bài điểm tập truyện dịch Người Trung Quốc Xấu Xí do nhà thơ Nguyễn Hồi Thủ chuyển ngữ. Tác giả cuốn sách gây tiếng vang không nhỏ này là ông Bo Yang (Bá Dương) sinh năm 1920. Ông đã có *30 năm sinh sống tại Đài Loan, 10 năm viết tiểu thuyết, 10 năm viết tạp văn, 10 năm ngồi tù* và hứa hẹn sẽ viết lịch sử trong 10 năm đang đến. Bài điểm sách của Phan Thị Trọng Tuyền giúp bạn đọc hiểu tác phẩm của Bá Dương một cách cụ thể, qua sự bố cục rõ ràng, tóm lược gọn nhẹ. Ngoài cái duyên dí dỏm trong dòng văn, người điểm sách còn đưa sự so sánh của mình về những hình ảnh trong sách cùng thực tại ngoài đời mà chính người điểm sách đã có dịp ghé qua trong hai thời điểm khác nhau. Cuối cùng, có lẽ cũng là ý chính khi chọn sách để giới thiệu, Phan Thị Trọng Tuyền đưa ra những so sánh giữa Trung Hoa và Việt Nam. Đoạn này khá dài, tôi, thú thật lười tóm lược, nên xin trích dẫn, tùy nghi bạn đọc hay bỏ qua:

“...Các nhà lãnh đạo Việt cũng toan tính, thử nghiệm ý đồ trên Lào, Kam pu chia mà không/ chưa thành công, chỉ mới giới ăn hiếp được những đồng bào thiểu số miệt rừng núi, cao nguyên. Chúng ta bắt đầu thấy những khác biệt với người hàng xóm TQ rồi đó !

Ngoài những món đã được Bá Dương kê ra, ngoài chuyện bách chiến bách thắng, chúng ta còn hơn người TQ ở điểm nào?

Một điểm nhỏ chút xíu, nhưng cam đoan món này thì quý vị phải công nhận bên ta thời có, bên Tàu thời không : bia ôm.

Và nào chỉ bia, còn karaôkê ôm, trà ôm, com ôm, cháo ôm, cà phê ôm, phở ôm v.v..Danh từ/túc từ không quan trọng :

com cháo phở ...ta (và Tàu) đã có từ nghìn năm hơn ; còn thức lạ : từ hai mươi lăm năm nay, ta đã đuổi kịp tất cả các nước khác : bao sơn hào, hải vị lan tràn trên đường phố nước Việt - via hè, khách sạn, cao lầu...-: chó, rắn, rùa, khi... nước ta cho đến của lạ nước người : vodka, saké, trứng cá caviar...và đỉnh cao là thịt người, nói rõ hơn là thịt phụ nữ (chính bản VN).

Ăn như người ta thì...xoàng quá, bắt chước nguyên mâm thì dễ quá, chúng ta bèn áp dụng có sáng tạo : ôm . Đó là đem theo cái tình (vốn thiếu từ thuở đất trời (Nam) nổi cơn gió bụi) vào cái lý (để sinh tồn, cho cuộc đời còn lại). Một bạn tôi đã nhầm khi tưởng rằng kể từ ngày Nguyễn Tuân, Chế Lan Viên rơi lệ , ngồi vào bàn ăn bánh vẽ, chúng ta thôi không luận, không nghĩ đến các kiểu/ cách ăn.

Mớ thịt người này thay thế cho bác sĩ phân tâm học, thay thế cho tấm gương, khỏi phải nhìn thẳng vào bộ mặt lờm chờm râu ria của những đêm mất ngủ. Ôm áp tại chỗ thì còn thiếu sáng tạo, ít lợi nhuận nên mới có chuyện xuất khẩu. Sang Thái Lan, Đài Loan, Đức...thịt này có thể dùng làm món khác. Dòm xa xa thấy như không cần cả vốn !

Không , không, thức vật cả, con người cả. Bạn tôi lại kêu : cái ông Bá Dương này thật ...bá láp, chỉ thổi phồng những điều vật vãnh. Thí dụ ông chỉ nói tới giả trá, lường gạt, cướp bóc xoàng xĩnh thôi, chúng ta còn hơn nữa : những bằng chứng về giả dối, phản bội, tàn ác ...ở phương diện rộng lớn, tổ chức qui mô.

Chúng ta không thiếu tài năng, không thiếu tình đoàn kết, biết thưởng thức nghệ thuật, phân biệt dân chủ với độc tài ?

Xin giải thích ra sao chuyện cây cầu chưa xây mà đã gãy? Tại khu Phước Lộc Thọ ở Bolsa (hay bất cứ nơi nào khác, để cho thấy ta là ta) thay vì ba cái tượng chình ình rất chẳng Việt Nam đó, ta phải để cái chi? Một cái trống đồng Đông Sơn (đang được chùi rửa đánh bóng)? Một chiếc thuyền tí hon đầy đặc người vẫy tay (gọi nhau làm người? cầu cứu?) giữa đại dương sóng gió? Một lá sớ gửi thiên đình với tên tuổi những người chết với những cái chết không tự nhiên ở đôi miền trong suốt mấy mươi năm? Chúng ta có ác với nhau, có thù hận nhau không? Nếu không sao từ xưa tổ tiên không ngừng khuyên dạy ăn hiền ở lành, chín bỏ làm mười, lá lành với lá rách và bây giờ nữa, chúng ta cứ kêu gọi nhau hoà giải hoà hợp mà lại cứ như điên lên vì thấy mình

đã vô cùng hoà giải, hoà hợp, còn kẻ trước mặt lúc nào cũng thiếu thiện chí và giả dối. BD trách dân mình không dùng lý trí mà chỉ hay dùng cảm tính. Còn dân Việt ta? Hành động la ó, cầm cán, thậm chí xô xát những người đi xem/điễn nhạc kịch đến từ Việt Nam là lý trí hay cảm tính?

Đành rằng xóa bỏ hận thù không phải là quên đi những tội ác. Hoà giải hoà hợp không phải là dùng bạo lực để áp đặt một chủ nghĩa hay đường lối. Quên không phải chỉ giản dị sửa đổi ngày tháng, sự kiện lịch sử, cảm đoán (không cho xem và truyền bá tài liệu không chính thống) là tiêu tan mọi bằng chứng và hậu quả. Không phải không nhắc nhở, cứ che dấu mọi chuyện là sẽ quên. Nói như BD, đó là thiếu tự trọng và không tôn trọng người khác.

Tôi tin rằng bạn sẽ tìm ra một nghìn thứ khác nhau và một nghìn lẽ một cái giống nhau với người TQ. Với những xấu xí và tốt đẹp của con người nói chung. Có phải người TQ đã nhìn ra những nhược điểm của mình và đang sửa đổi? Còn chúng ta?

Rõ ràng mấy nghìn năm nay, dù hời hợt hay nhiệt thành bất chước, dù hân hoan hay miễn cưỡng chấp nhận bất cứ áp đặt nào đến từ bên trong hay bên ngoài, dù là một nghìn năm với ...người TQ xấu xí, một trăm năm với..., năm mươi năm với...vv.. và vv .. (biết rồi..khổ lắm...) đến nay, thanh bình, chúng ta vẫn còn quốc gia chưa thành chủ hầu của ai, một đất nước để ở và để đi về, vẫn tiếp tục học, viết, nói tiếng nói của chúng ta,. Có phải nhờ cái bề mặt của chúng ta? Cái bề mặt sâu lắng của băng sơn, của đám đông ù lỳ, thâm lặng? Nhờ cái nội lực mà lãnh tụ nào cũng mơ ước vận dụng?

Chưa đủ để sung sướng tạ ơn đất trời tiên tổ ông bà, và tất cả những người đã nằm xuống trong và sau cuộc chiến vừa qua? Chưa đủ để cùng nhau ...dập tắt lửa thù hận? Chẳng lẽ đợi cho mấy người hàng xóm xấu xí này (nói phỉ phui ! phỉ phui !) sang cả khía đòi sát nhập hay đòi làm anh em hay đem đến văn minh, lúc đó chúng ta mới tỉnh mộng? Có khi hối hận không kịp ngáp!

Diện mạo nào là của chúng ta? Xấu xí hay tốt đẹp? Bỏ cái gì, giữ cái gì? Làm sao có thể quay lại nhìn mình và không chối bỏ sự thật? Làm sao ta có thể tiếp tục tồn tại độc lập, không kiêu căng lỗ bịch cũng chẳng phải cúi mặt đau đớn, xấu hổ? Tiếp tục tồn tại với bán mặt riêng (lai diện mục) của chính chúng ta? . Một bán mặt có trái có phải, có sâu xa, cạn cợt, có thắng bại, vui

buồn, có khổ sở, mắt mắt....mới dựng nên kích thước trong không gian và thời gian.

Tiếp tục tồn tại độc lập tự do với dân chủ hạnh phúc thật sự cho tất cả hay ít ra cho đại đa số chứ không phải chỉ cho một nhóm nhỏ và những kẻ đại diện cho đại đa số đó không cần phải tiêu diệt hay hành hạ những thiểu số kỳ cục luôn luôn có ở bất cứ thời đại nào, ở bất cứ đất nước nào.

Tôi nghi là ông Bá Dương vượt ve tạt ái những người Nam Dương, Mã Lai, người Việt Nam, người Mỹ, người Úc, dù khi người Đài Loan, Tân Gia Ba... Chính thực là ông kích động dân ông tiến chiếm lấy thế giới đầy thôi”.

Nhà văn Phan Thị Trọng Tuyền còn viết một loạt bài chính trị, về Cộng sản đệ tứ quốc tế, đăng nhiều kỳ liên tiếp trên tạp chí Thế Kỷ 21. Theo nhận xét của nhiều bạn, đây là một công trình hơi khô khan, khó đọc và kém sự thu hút, ngay trong giới cầm bút. Có thể tôi suy từ bụng mình ra bụng người chăng ? Đệ Tứ Quốc Tế vốn là một nhánh hoạt động chính trị trong toàn khối Cộng Sản. Nhánh được khởi xướng bởi cánh tay mặt của Vladimir Lenin, là Leon Trotsky, ra đời tại Yanovka Ukraine vào ngày 26-10-1879 (có tài liệu ghi ngày 7-11-1879). Ông bị nhóm đối nghịch do Staline cầm đầu truy đuổi và giết ngày 21-8-1940 tại nước Mexico. Tại Việt Nam, những môn đệ của Trotsky có thể kể: Tạ Thu Thâu, Hồ Hữu Tường, Phan Văn Hùm, Hồ Văn Ngà, Phan Văn Chánh, Lê Bá Cang, Huỳnh Văn Phương, Đoàn Văn Trương... Khi viết loạt bài này, có lẽ nhà văn Phan Thị Trọng Tuyền cho rằng lớp trẻ ở Việt Nam gần như không ai nhớ đến những người “Đệ Tứ Quốc Tế” này, và họ khó có cơ hội để tìm hiểu về một nhánh chính trị quan trọng. Với quan niệm: là một người dân bình thường đã nên biết về chính trị. Những người sinh hoạt văn chương càng cần phải tìm hiểu rõ hơn về chính trị, bởi đời sống của con người rất quan trọng, không thể giao khoán sự sinh tồn cũng như sự thăng trầm của mình cho những người mình không được rõ ràng lắm, nhất là giới sinh hoạt chính trị không thiếu những kẻ chực chờ sửa đổi hay giả mạo lịch sử. Như thế, loạt bài viết về chính trị của chị Tuyền đương nhiên có giá trị, và tạp chí Thế Kỷ 21, đã nhìn ra điều này, nên đã giới thiệu liên tiếp trong nhiều kỳ.

Đi lai rai bên văn xuôi, nhà văn Phan Thị Trọng Tuyền còn làm thơ. Con gái mà làm thơ thì tuyệt rồi còn gì nữa. Chỉ

tiếc chị Tuyền cho phổ biến thơ hơi ít. Nên tôi chưa “nắm” (chữ tôi học thuộc từ 10 năm được sống với CHXHCNVN) được tài nghệ này của chị.

Cứ ba hoa xen kẽ vài ba dòng, rồi trích dẫn một đoạn dài, tôi chơi cái trò này quả không phải. Rõ ràng là “*lấy của làng làm lĩnh*” rồi còn gì !. Nhưng nếu không, thì thiếu sót cũng không nên. Bài thơ chị Tuyền cho phổ biến qua bài “phỏng vấn” của Lê Bảo Hoàng, có hơi dài, nên tôi chạy tìm một bài khác. Nhớ mang máng thơ chị Tuyền có xuất hiện ở tạp chí Thơ của các kiện tướng trong làng thơ tân hình thức: Đỗ Kh, Khế Iêm... chủ trương, tôi đi lục kệ sách, quả nhiên có bài này: (chính là hình khuôn mặt)



Bài thơ thật tân kỳ, có lẽ nó thuộc loại siêu tân hình thức. Nhờ đã được quen biết với các bậc thượng thừa của thi ca hiện tại như Ngu Yên, Đỗ Kh, tôi không có chút bỡ ngỡ nào. Thời tôi vừa qua lỗ cái tuổi 20 một vài năm, một đôi khi được nhìn vài tấm ảnh ở tạp chí *Playboy*, tôi đã quả quyết đây là những bài thơ tuyệt tác. Xem ra tôi có khả năng thưởng ngoạn thi ca trước các nhà thơ tân hình thức một thời gian khá dài. Bài thơ của chị Tuyền vô tự, nhưng đã đẩy sự suy tưởng của tôi đi rất xa. Sự suy tưởng thi vị có thể viết mười trang, dài quá, nên thôi, tôi chẳng viết. Tôi tìm một bài khác hữu tự của chị, để các bạn cùng đọc. Thơ của chị Tuyền thiên về tư tưởng, không có bài nào ngăn cản cả nên tôi đành trích nguyên lại đã phổ biến trong bài chị trả lời nói trên. Bài thơ có tên: Tình Yêu Sa Mạc

***“Tình Yêu Mùa Hội Nghị
Mỗi năm đôi mùa hội nghị
Hội nghị trần gian hội nghị nhân quần
Mỗi năm đôi mùa hội nghị
Chỉ một mùa em hội nghị cho tôi***

**Ladies, gentlemen.*

Như đã hẹn nhau từ trước, xin trình bày cùng quý vị thành quả hai lục cá nguyệt vừa qua...

Mỗi năm một mùa tình ái. Tôi chờ em chờ quả vừa chín hái. Quả ngọt thơm ngon quả dòn chín tới. Hái em mùa hội nghị...Please... free me...

Ơi Karim, người tình sa mạc. Hai mươi lăm cái xuân sông chưa ai mặc khải. Tôi đến hẹn lại về, tròn vừa tay hái. Hái em mùa hội nghị.

Deposit a thin PDMS-like **khí hạc bay về ngang gác**
chuông

on a microporous **cộng rơm mỗ ngâm**
support by cold remote **tổ uyên ương**
tetramethyl disilane **nao nức cuộc hành trình**
tôi thịt da

ray rút. Ơi Karim ơi

Em Tarzan, tôi Jane mùa buông thả. Oh sorry! Ơi người tình sa mạc

Free me free me free me... **nhớ ử cho riêng tôi thật**
nhiều đôi cát ấm

**Ladies, gentlemen. Hai mươi sáu. Ơi Karim, hai mươi bảy.*

Mỗi năm tôi chỉ hai mùa tình ái. This chemical oxygen reaction... In one shot. In one shot. On me. Karim ơi, lần ấy. Chỉ một lần. Em mặc khải tình tôi. Mùa du lịch. Gọi tên em dài đêm jetlag.

Em khai sinh mở lối một mình. Ơi Karim ơi. Mỗi năm tôi chỉ đôi mùa tình ái. Mùa tái tạo nguyên sinh. Mùa cân bằng hạnh phúc. Ơi Karim ơi, my oxygen transport. You are strongly recommended to conclude. Oh sorry !. 'cause of my jetlag!

Tôi bỏ đời trốn chạy tìm em mùa ân ái. In one shot tình tôi sâu lún. Cát nhuộm sa lầy tôi mãi mãi.

Sóng đồng đưa. Điên cuồng tôi. Lưng cát chập chờn ru tôi say khướt. Bè bạn chồng con việc làm cuộc sống. Bỏ quên. Ơi Karim ơi. Còn cát chiều vàng em đưa tôi về lại chốn hồng hoang. Em khom mình trên thảm nhỏ thành khăn nguyên sơ tinh khiết ban đầu. Tiếng kinh cầu vọng rền sa mạc, chơi vui lăn tròn hạt cát. Quán quỵên chân tôi. Ơi Karim ơi, my oxygen carrier. Mùa hai mươi tám

cũng như mùa hai mươi chín
tóc em êm

**Ladies, gentlemen.*

Xin cảm ơn quý vị. Hẹn lần sau. Lại cùng chúng tôi lòng đam mê khoa học.

Mỗi năm tôi chỉ đôi mùa tình ái. Tôi chất đôn cát giữ nâng niu. Từng hạt đọt rơi rơi mùa hội nghị. Tròn căng chín tới. Rực rỡ phơi tròn sa mạc. Em - Tôi.

Ơi Karim ơi, em trung thành điếm hẹn. Ngát ngưỡng lạc đà khăn vành ôm tóc rồi. (Khăn buồn ôm trán tôi?) Mỏi mắt đậm đà tay chân thâm thì ngọt mật da nhưng nồng nàn cát nắng. Ơi Karim ơi, tôi đà lạc mất tôi rồi !

*Ba mươi năm mùa cát em vẫn là em
mượt mà ẩn khuất.*

Vẫn ngàn đời u uất trong tôi. Ơi Karim...

Hãy cất tiếng rên cầu khăn tình khô

Hãy lăn sóng về oà vỡ trong tôi

Hãy khom mình trên thâm nhô. Tạ ơn trời đưa tôi (em?) đến. Lời kinh em lại vọng rên sa mạc. Thịt da tôi mềm ẩm dẫu rằng em. Đừng nghĩ rồi hãy uốn tròn đường trông mái. Mỗi năm rông tôi có một mùa em. Hồi sinh tôi khi về vùng đất cũ. Bè bạn boulot chồng con sự nghiệp. Em mới nguyên tôi. Ôn em, đừng nghĩ rồi. Yêu em một đời tôi đảm thắm. Dù chỉ một mùa tình ái. Mùa tái sinh mùa tái tạo. Em – Tôi.

Hachouma. Không một ý nghĩa gì tại nơi tôi sống. Chỉ một đường đi tới. Đam mê, thành quả chỉ riêng tôi. Kiếm tìm. Khát khao khoa học.

Xin đừng nghĩ rồi. Chín đôn mầu sa mạc.

Hãy cho tôi vươn tay hái gặt. Đọt sóng tròn lượn mãi đời tôi”

(Phan Thị Trọng Tuyên 24-08-2005)

Loanh quanh tán dóc này giờ nhưng điếm quan trọng trong lý lịch, trong tiểu sử, lẽ ra phải trình diện từ đầu, tôi bỏ sót, xin nhắc lại:

Phan Thị Trọng Tuyên chỉ là một bút hiệu. Tên thật của nhà văn là Nguyễn Thị Phan Tuyên, sinh năm 1951, bằng tuổi “nhà tôi”, cô Lý. Chị Tuyên là con một người yêu nghệ thuật hội họa, gốc Sa Đéc, từng có chân trong ban hội họa của Đội Tuyên truyền Khu Năm. Vẽ tranh, làm bích báo, viết biểu ngữ, trình diễn ca nhạc kịch...đều là những nghề thân phụ của nhà văn

Phan Thị Trọng Tuyên làm qua. Thân mẫu chị người Bến Tre. Sau thời gian đầu sinh hoạt cho kháng chiến chống Pháp, ba má chị Tuyên về mở xưởng vẽ ở Cầu Bông gần Dakao. Xưởng vẽ này được dời qua đại lộ Bolsa, Westminster, USA năm 1984, sau khi gia đình lớn của chị Tuyên được người em trai du học tại San Francisco năm 1970, bảo lãnh.

Nhà văn Phan Thị Trọng Tuyên còn là chị ruột của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Nhung, một cây bút quen thuộc của nhiều tạp chí văn học tại hải ngoại và là tác giả của tập truyện ngắn *Đêm Rồi Cũng Qua Đi* (1986). Chính vì cô em đã mang họ bên nội bước vào làng văn, nên để cho công bình, như chị nói, họ của người mẹ hiền được chị chọn, và khéo léo ghép thêm tên người chồng thân yêu của mình vào để làm nên cái bút danh Phan Thị Trọng Tuyên. Một cái tên chóng thành danh trong văn nghiệp.

Liên lạc giữa tôi và nhà văn Phan Thị Trọng Tuyên được cải thiện tốt hơn nhờ sự phát triển của điện thư. Tuy vậy, vài ba tháng, lưng nửa năm mới có được đôi dòng thăm hỏi. Năm 1990, Chân Dung Thơ Luân Hoán được bằng hữu của tôi cho ra đời, thiếu nét vẽ của chị Tuyên vì phương tiện liên lạc. Năm 2005, Luân Hoán-Một Đồi Thơ, được chị Tuyên đóng góp cho 21 trang và phụ chú thêm hai câu thơ của chính chị, sau khi đã ký tên:

*“vài ý nghĩ muốn bạn thử coi chơi
nhớ người độ lượng trải phơi cõi lòng”*

Chị Tuyên là người quý tình bạn. Chị xem việc gặp gỡ, tán chuyện với bè bạn cũng là một thứ hạnh phúc. Chị đã từng được gặp các bạn sinh hoạt văn học nghệ thuật: Lê Hằng, Hoàng Nguyên Nhuận, Quán Như... (Úc châu), Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Trương Anh Thụy, Trương Vũ, Nguyễn Mộng Giác, Võ Phiến, Lê Tất Điều, Tường Năng Tiến, Phạm Việt Cường, Vũ Huy Quang...(Hoa Kỳ), Song Thao, Đỗ Quý Toàn, Lưu Nguyễn, Hồ Đình Nghiêm, Trần Sa, Tư Đồ Tuệ, Lê Quang Xuân...(Canada). Đất Pháp là quê hương thứ hai của chị, những người Việt gần gũi với chữ nghĩa, nghệ thuật, có lẽ đều là những người hàng xóm, nên những khuôn mặt: Thái Tuấn, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Thụy Khuê, Thụy Khanh, Miêng, Đỗ Quỳnh Dao, Mạch Nha, Mai Lan...đều không xa lạ. Tình bằng hữu quả thật cao quý. Nó không những quan trọng trong việc *“chia ngọt xẻ bùi”*, hay *“đắng cay chia đều”*, mà còn như cô nhân đã nói: *“chim có bạn cùng hót, tiếng hót mới hay. Ngựa có*

bạn cùng đua, nước đua mới mạnh”. Sự có bạn để tranh đua cầu tiến chắc chắn khác hẳn với khuynh hướng Dừa Hơi, thủ lợi một chiều. Nên khi tôi xin phép chị Tuyền để dưa hơi, hình như chị đã giật mình. Chị viết đại ý qua *email* : “*chị có bạn chứ không có bè !*”. Có lẽ cô văn sĩ của đất có cụ Nguyễn Đình Chiểu, Nam Phương Hoàng Hậu, ông Đạo Dừa...đã nghĩ ngay đến những danh từ: bè lũ, bè đảng, bè phái...kéo bè, kết cánh toan tính chi đây. Tôi không bắt chước chị giật mình nghĩ lại, bởi khi chọn chữ **bè bạn** tôi đã có dụng ý. Không làm thom đợc chữ “bè” thì gắng làm cho nó trở thành



một tiếng đèm có duyên, nói lên được sự trôi nổi của một nhóm bằng hữu như những đám bè xanh lênh đênh trên mặt sông, chẳng thể nào thiếu cái đẹp.

Nhà văn Phan Thị Trọng Tuyền, một người dùng một tấm lòng để mở ra Một Trang Đời. Trong trang đời này có vạn tấm lòng. Thì dù có lưỡng lự đôi chút, cuối cùng chị cũng mở cho tôi một lối thoát để thoát mái dưa hơi. Dĩ nhiên không có quyền dưa lưng hay dưa một chỗ nào khác. Từ Một Trang Đời, với tràn đầy cái đi dóm, đôn hậu, nhà văn Phan Thị Trọng Tuyền chắc chắn

sẽ từ tốn mở ra những trang đời mới, bè bạn bốn phương đang
mong đợi. Để đỡ sốt ruột, tôi đọc lại bài “Ta May Mắn Được
Làm Thi Sĩ...” của mình. Có những tình cờ rất dễ bị hiểu lầm.
Tưởng vậy mà không phải vậy hay hy vọng được vậy ?

*“...lòng em phơi dưới nắng/ lòng “qua” bẽn gót chân/
lòng “qua” nương hạt bụi/ được thờ được bâng khuâng/
thơ thơm thơm mùi nhớ/ mùi khép nép làm duyên/ mùi hơi
Nguyễn Đình Chiểu/ mùi tình Lục Vân Tiên
thơ bán hoài không hết/ nên cả đời phát phơ/ bậu ơi ta lỡ
dại ?/ hay vinh hiển ?...bây giờ...”*



Nguyễn Mộng Giác, dòng văn bên dòng sông Côn

Có một thời tôi từng tưởng làm và tưởng bỏ: bốn chữ Địa Linh Nhân Kiệt chỉ dành riêng để vinh danh quê hương nghèo khó của người Quảng Nam. Về sau tôi mới hiểu ra, bốn chữ cao quý này được dùng rất rộng rãi, và có thể nói bất cứ vùng đất nào trên lãnh thổ Việt Nam, đều có thể, đều xứng đáng mang trước ngực bốn chữ đã trở thành “phổ thông” này. Như vậy thật công bình. Bởi tính chất thiêng liêng của mỗi vùng đất (địa linh) là điều có thật, được từng vị thổ địa làm “công an khu vực”, “quản lý” một cách nghiêm ngặt. Về nhân kiệt, tuy có sự chênh lệch, nhưng ít nhiều gì mỗi vùng đều có. Quảng Nam và Bình Định là hai vùng sinh sản ra nhiều “anh kiệt”, đồng thời cũng sản xuất những con dân có óc địa phương, cục bộ vào bậc nhất. Nếu có sự ganh đua, so tài giữa hai vùng này, dù bất cứ ở lãnh vực nào, cũng thường xảy ra những căng thẳng, gay go. Ngày tôi còn đi học, những lần đội bóng của trường Phan Châu Trinh Đà Nẵng, đụng đội bóng của trường Cường Để Bình Định vẫn thường là những cuộc so gậy này lửa, nhiều lúc dẫn đến “thượng cẳng chân hạ cẳng tay”. Trong lãnh vực văn học, về nhân tài của Quảng Nam và Bình Định, chưa biết vùng nào lấn lướt hơn. Tôi có thể bị đồng hương quở là mất gốc, thiếu cận với nhận xét: vào cuối thế kỷ 20, đội ngũ những người sinh hoạt văn học xuất thân từ Bình Định có lẽ nặng cân hơn Quảng Nam một chút. Nhân kiệt góp phần làm cho cán cân chênh lệch, tôi nghĩ, có lẽ không ai khác hơn là nhà văn Nguyễn Mộng Giác.



Căn cứ vào những sinh hoạt, Nguyễn Mộng Giác còn có thể được gọi là nhà báo, nhà biên khảo, nhà phê bình...nhưng tôi tin rằng ông Nguyễn Mộng Giác, không phải người ham mang

trên mình quá nhiều loại “nhà”, như một số người đã làm, nên tôi chỉ gọi ông là nhà văn. Xét kỹ ra, hai tiếng “nhà văn” oai phong, lẫm liệt, được trọng vọng hơn hẳn nhà thơ, nhà báo, nhà biên khảo...rất nhiều.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác sinh năm 1940 tại Ngân Sơn, Phú Yên, Bình Định. Theo một bài viết của nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân, thời trung học, Nguyễn Mộng Giác là lứa học trò đầu tiên của trường trung học Cường Để, rồi lang thang đến trường Võ Tánh Nha Trang, làm sinh viên của Văn Khoa Sài Gòn. Cuối cùng con đường học vấn tại trường ốc của ông được kết thúc năm 1963 với mảnh bằng tốt nghiệp Đại học Sư phạm Huế, ban Việt Hán. Ông tân thủ khoa được bổ dụng giảng dạy tại trường Nữ Trung học Đồng Khánh Huế. Sau hai năm, ông xin chuyển về trường Cường Để. Có được với đất thần kinh trên dưới sáu năm, Nguyễn Mộng Giác có nhiều cơ hội “Xin Huế Một Người Tình” và cô nữ sinh áo trắng Nguyễn Khoa Diệu Chi của trường Đồng Khánh đã bắt dính anh chàng Bình Định, vốn là ông thầy đáng kính của mình. Chẳng rõ họ có đưa nhau “về dinh” ngay trong chuyến đổi vị trí công tác của ông Giác hay không ?

Về đến Bình Định, Nguyễn Mộng Giác được bổ nhiệm chức Giám Học ngay niên khóa sau, và đến năm 1971, ông lên làm Hiệu Trưởng trong hai niên khóa, rồi giữ chức Chánh Sở Học Chánh Bình Định Qui Nhơn. (Sở Học Chánh hình như được thành lập trong thời Đế nhị nền Cộng Hòa Việt Nam, và bành trướng mạnh trong giai đoạn đảng Dân Chủ của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu phát động. Sở có nhiệm vụ trông coi việc giáo dục của cả hai bậc trung và tiểu học). Ông thầy Nguyễn Mộng Giác quả đã không có duyên cận kề nhiều với hơi hám đám thư sinh, nên cuối năm 1974, được chuyển luôn vào Sài Gòn, làm chuyên viên nghiên cứu tại Bộ Giáo Dục. Đứng trên bục giảng hay ngồi điều nghiên, sưu tầm tại Nha sở, nơi nào chắc cũng có cái thú riêng. Và có lẽ cái nghề tay trái đang có mưu toan lấn lướt cái “nghề bán cháo phở”, nên tôi tin ông Nguyễn Mộng Giác bằng lòng với công việc mới của mình hơn. Nhưng cái nghĩa vụ công chức của thầy giáo Giác không kéo dài được lâu. Ông là người đầu tiên của Nha Nghiên Cứu Sưu Tầm Giáo

Dục Việt Nam Cộng Hòa được chế độ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa cho nghỉ việc. Và có lẽ ông cũng được mời tham dự nhiều lớp bồi túc chính trị. Những kinh nghiệm trong thời chống Pháp mà ông Nguyễn Khắc Phê nhắc trong bài “tản mạn nhân gặp lại nhà văn Nguyễn Mộng Giác” trên Talawas: “... *Tuy còn nhỏ tuổi học sinh, chúng tôi đều được tổ chức cho học tập kiểm điểm tự thú những hành vi tư tưởng hủ bại ‘mất lập trường giai cấp’*”, chắc chưa đủ để một ông ngụy quyền có văn bằng cấp Đại học thur thả trong cuộc đổi đời mới. Chính vì thế, ròng rã trong sáu năm, ông Nguyễn Mộng Giác xoay đời mình theo nhiều nghề lao động chân tay khác nhau. Ông đã vinh quang đi bán sách cũ ở chợ trời, rồi làm công nhân hãn hoi trong tổ hợp mì sợi Dân Sinh ở Chợ Lớn. Cuối cùng ông chọn lối thoát vượt biên và sau bốn lần giỡn mặt với tử thần, ông và cậu con trai mới qua đến đảo Kulu, Galang Nam Dương vào cuối năm 1981. Đến tháng 11 năm 1982 cha con ông được nhận vào Hoa Kỳ. Trước đó không lâu, trường nữ của ông đã định cư tại Houston, Texas. Họ gặp nhau. Nhưng ba cha con ông không ở với thành phố nắng âm này lâu. Họ dặt nhau về California, và bắt đầu cuộc sống mới từ năm 1983. Những năm đầu sống trên đất người được nhà văn Nguyễn Mộng Giác cho biết ngắn gọn:

“...Bốn năm đầu, tôi vừa học nghề thợ in vừa làm thuê cho báo Việt ngữ ở quận Cam. Công việc nhiều mà lương ít ỏi quá, không đủ gửi về cho nhà tôi và cháu út còn ở lại, nên từ năm 1987, tôi xin làm cho công ty ấn loát niên giám điện thoại GTE của Mỹ. Công việc ấy tôi giữ được lâu bền hơn mười năm qua, từ 1987 đến nay. Nhà tôi và cháu út qua Mỹ tháng 3 năm 1990 trong chương trình đoàn tụ gia đình (ODP)”

(Nguyễn Mộng Giác, trả lời phỏng vấn Đặc san Cường Đê-1998)

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác cho biết, ông khởi viết rất sớm, từ thời sinh viên. Nhưng khác với nhiều người, ông đã không gửi bài đến các tạp chí. Ông đã hủy bỏ khá nhiều bản thảo sau khi đọc những tác phẩm lỗi lạc của các văn hào thế giới. Sự thận trọng cảm chân ông khá lâu, cho đến dịp ông bén duyên cùng tạp chí Bách Khoa, năm 1971, lúc đó ông vừa vượt qua lứa tuổi “tam thập”.

Miền Nam, nhất là Sài Gòn, lúc bấy giờ truyện chương Kim Dung được đón nhận thành một phong trào rầm rộ. Truyện

của cây bút người Trung Hoa vẫn còn đang ở nước Tàu này được dịch đăng từng kỳ, tràn giang đại hải trên các nhật báo, tuần báo...in thành sách, thu hút mạnh mẽ bạn đọc từ bình dân đến trí thức. Thuở thiếu thời, tôi đã bị bội thực loại truyện kiếm hiệp cấp thấp hơn, nên thoát tiên không có nhiều thích thú đến với những Vi Tiểu Bảo, Vô Kỵ, Nhạc Bất Quần, Trương Tam Phong, Lão Ngoan Đồng, Kiều Phong, Lâm Bình Chi...Nhưng rồi *Nỗi Băn khoăn Của Kim Dung*, từ suy nghĩ, phân giải của một nhà giáo, sừng sững thành sách năm 1972, đã cù rú tôi trở lại với truyện chương và tức thì, tôi say mê những Triệu Minh, Doanh Doanh, Hoàng Dung, Chu Chỉ Nhược, Hân Tố Tố...Dù thật sự, tôi chưa được đọc trọn vẹn cuốn tiểu luận về Kim Dung của nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Tôi chỉ đọc loáng thoáng đầu đó từng đoạn rời. Giá trị đích thực của cuốn tiểu luận đối với cá nhân tôi chính là cái uy tín của tác giả ngày một nổi bật giữa làng viết Sài Gòn. Tôi biết danh Nguyễn Mộng Giác từ đạo ấy. Tạp chí Bách Khoa cũng là tờ báo tôi thường se sua làm dáng với bạn bè, nên cái tên Nguyễn Mộng Giác, trụ dưới truyện dài *Qua Cầu Gió Bay* làm tôi cảm thấy mỗi ngày một thân quen hơn.

Từ Bách Khoa, ông Nguyễn Mộng Giác đã tự tin, đã vượt qua cái khớp trước những đàn anh lỗi lạc, ông viết đều tay một cách vững vàng. Những tác phẩm đầy đủ giá trị văn học nghệ thuật của ông tuần tự ra mắt bạn đọc. Năm 1973 với tập truyện ngắn *Bão Rớt* và cuốn truyện dài *Tiếng Chim Vườn Cũ* được nhà xuất bản Trí Đăng phát hành. Qua năm 1974, hai cuốn truyện dài ra đời, *Qua Cầu Gió Bay* do Văn Mới in và *Đường Một Chiều*, được ra mắt bạn đọc bởi nhà xuất bản Nam Giao. Tác phẩm *Đường Một Chiều* đã mang đến cho tác giả giải thưởng của Trung tâm Văn bút Việt Nam năm 1974.

Đường Một Chiều là một cuốn tiểu thuyết tình cảm, phản ánh một góc nhỏ xã hội miền Nam trong thời chinh chiến. Nhân vật chính là một sĩ quan cấp tá của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Ông đồn trú xa nhà với chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng một tiểu đoàn tác chiến. Hành quân là “nghề của chàng”. Cho đến một hôm, tương tự như anh lính Hữu Loan, ông thiếu tá nhận được một điện tín với tin không vui: vợ ông qua đời. Gia đình ông gồm Thúy, vợ ông, bé Ly, 14 tuổi con riêng của bà Thúy. Ngoài ra, hạ sĩ Ninh, được vợ chồng ông xem như em, ở chung

nhà, vừa làm nhiệm vụ tài xế vừa làm quản gia cho gia đình. Chính Ninh là người mở ra thảm kịch gia đình cho thiếu tá Lộc. Xa vắng gia đình lâu ngày và thường trực cận kề với cái chết, những người lính hay tạo cho mình những cơ hội để tạm “lãng quên đời” đó là cái thú uống rượu. Hạ sĩ Ninh tốt số, được mang chữ thọ to tướng trên người, nhưng chàng thanh niên hai mươi tuổi này, có lẽ vì “lừa gần rơm” lâu ngày nên sinh tật. Gã mượn rượu để tỏ tình. Trong một lần “tới chi” với vài người bạn cùng đơn vị, gã bước thấp bước cao ra về và vô tình đi lạc vào tận phòng ngủ của bà Lộc. Chuyên gõ cửa tình dục của Ninh không nhằm giờ, gã bị Thiếu tá phu nhân chống cự. Trong giằng co, Ninh đã kết liễu cuộc đời người đàn bà xuất thân vũ nữ, bằng mười ngón tay thô bạo của gã. Tất cả hoạt cảnh này diễn ra trước mắt quan sát của Ly. Nhưng cô *lolita*, chẳng rõ lòng đã biết yêu, biết hận gì chưa mà đã không nói ra sự thật trước những viên điều tra của Quân cảnh tư pháp, cũng như trước phiên xử của Tòa án Quân sự. Án mạng có nhiều nghi vấn chưa được làm sáng tỏ. Giữa những tranh luận sôi nổi của Ủy viên chính phủ và Luật sư biện hộ, bỗng có thêm một nhân vật xuất hiện. Người đó là chồng cũ của Thúy, người mà bà Thiếu tá nói dối với chồng là đã chết. Và càng gay cấn, bất ngờ hơn, khi pháp luật chưa tìm được sự liên quan giữa cái chết của Thúy và người chồng cũ, thì Ninh đột ngột tự sát trong quân lao cùng sự bỏ nhà đi bụi của Ly.

Tôi ý thức được việc tóm lược một cốt truyện nặng tính cách văn học phải hoàn toàn chính xác và với giọng văn nghiêm chỉnh. Nhưng tôi đã không làm nổi điều đó, trí nhớ tôi đã quá cùn mòn. Nhưng không thuật đại khái lại tình tiết của câu chuyện thì tôi tự thấy thiếu thiếu một cái gì. Có lẽ vì tác phẩm trúng giải quan trọng của nhà văn Nguyễn Mộng Giác tôi không tìm thấy tại nơi tôi đang cư ngụ. Và trong nước, sau thời kỳ ông Tản Thủy Hoàng tái sinh lộn trên đất Việt Nam, chắc gì đã tìm ra được *Đường Một Chiều*. Tôi bạo gan vì vậy, dám mong tác giả và bạn đọc nhắc nhở, bổ sung. Đọc cốt truyện, dù chính xác trăm phần trăm cũng không tìm hiểu được văn phong, tư tưởng của tác giả. Chỉ biết đại khái về cốt truyện không thể lượng định được giá trị văn học của một tác phẩm. Hơn nữa, cùng một cốt truyện, nhưng nhiều người viết, hay dở khác nhau là chuyện thường. Cái tài của nhà văn, nằm trong suy nghĩ và diễn đạt riêng của mỗi người. Do đó, từ một cốt truyện có thể không có gì

mới lạ, chỉ là những mâu đời thường mà thể hiện thành tác phẩm có giá trị văn học, được nhiều người có uy tín công nhận, không phải là chuyện dễ. Tôi vẫn nghĩ, giải thưởng của Trung tâm Văn bút Việt Nam là một giải cao quý, và ban giám khảo là những người có cái tâm trong sáng với văn học. Có đến năm vị trong ban giám khảo: Nguyễn Thị Vinh, Tam Lang, Nhật Tiến, Sơn Nam, Phạm Việt Tuyên

Phát biểu về giá trị *Đường Một Chiều*, nhà văn Hoàng Ngọc Tuấn viết:

“ Theo tôi, đó là một tác phẩm được sáng tác rất công phu. Say sưa mà vẫn thận trọng, đầy cảm hứng mà vẫn tiết chế, có động bằng một kỹ thuật cao và khéo léo, nội dung chứa nhiều ý tưởng phong phú mà hình thức vẫn gọn gàng lôi cuốn. Những đặc điểm đó khiến Đường Một Chiều đích thực là một tác phẩm văn chương đúng nghĩa...Truyện của Nguyễn Mộng Giác thường đặt ra cho người đọc những câu hỏi, tác giả không trả lời, chính mỗi người chúng ta, nếu chúng ta là những độc giả không ngại phải băn khoăn suy nghĩ khi đọc sách thì chính mỗi người trong chúng ta sẽ tự tìm lấy câu trả lời riêng cho mình... Điểm đáng đề cao hơn nữa của truyện Đường Một Chiều, tác phẩm thứ năm của Nguyễn Mộng Giác, là thêm một lần nữa chứng tỏ cái ý hướng trách nhiệm của tác giả đối với xã hội. Truyện của Nguyễn Mộng Giác bao giờ cũng từ chối làm chiều lòng những kẻ trưởng giả giàu sang, ăn chơi phè phỡn, hưởng thụ chán chê rồi học đòi triết lý thời trang rằng cuộc đời là hư vô, phi lý, buồn nôn.”

(trích Văn Học 233 tháng 9&10-2006)

Ý kiến hội của đồng giám khảo do nhà nghiên cứu văn học, ông Phạm Việt Tuyên đại diện, tiên đoán và khen ngợi:

“...Phần đông độc giả sau này chắc sẽ phải đọc một hơi từ đầu đến cuối cuốn tiểu thuyết như một số vị trong Hội Đồng Tuyển Trạch, bởi vì tình tiết rất hấp dẫn...Khi đã xảy ra thành sự kiện thực tế rồi thì vẫn còn tạo băng khuâng triết lý như tách trà thơm, ly rượu ngon đượm thêm tình nghĩa nặng sâu...”

Đường Một Chiều bắt ngờ mở vào *Cul de Sac*. Dấu chấm hết là quà tặng của chính quyền đất nước thống nhất dành cho những người cầm bút đã từng nặng lòng với miền Nam. Rất

may những người có lòng với chữ nghĩa vẫn lặng lẽ sáng tác. Riêng nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã khởi hành trở lại vào năm 1977. Và lần này, có lẽ nhờ không bận tâm in ấn, phổ biến qua báo chí, chi phối thời gian, nên ông đi một đường thông dong. Bộ trường thiên tiểu thuyết đầu tiên mang tên *Sông Côn Mùa Lũ* được hoàn tất năm 1981. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã trình bày vấn đề về tác phẩm kỳ vĩ này với các bạn sinh viên đại học Berkeley:

“...Nói chung, bộ trường thiên lấy khung cảnh thời Tây Sơn, thế kỷ 18 và khởi đầu là sự nghiệp của anh em nhà Tây Sơn, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ và chấm dứt khi Nguyễn Huệ mất. Đây là thời gian có nhiều biến động. Quan trọng là qua những biến động đó, cái thử thách dành cho người đương thời, nhất là những nho sĩ, những người viết lách, những người có trình độ trí thức cao phong phú lắm. Mỗi người một thái độ phản ứng khác nhau. Từ thái độ bất hợp tác với triều mới như Lý Trần Quán, đến thái độ hợp tác như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, đến người thuộc loại cơ hội như Nguyễn Hữu Chính. Một thời đại mà tất cả biến động của lịch sử và cái phức tạp của đời sống hiện ra trọn vẹn, giống như những phức tạp hiện ra trong thời kỳ cộng sản ở Việt Nam vậy, giống nhau lắm. Và vì giống như vậy, thay vì trực tiếp viết về cộng sản, tôi chuyển qua hai thế kỷ trước viết về thời Tây Sơn. Có nhiều hoàn cảnh mà tôi suy từ thời mình bây giờ sang thời trước...”

Trước sự hứng thú lắng nghe của đám sinh viên, nhà văn Nguyễn Mộng Giác cũng đã hào hứng nhắc lại những kỷ niệm trong khi hoàn thành tác phẩm:

“...Hoàn cảnh viết bộ truyện này là hoàn cảnh vô cùng khó khăn. Sau năm 1975, tôi đang làm chuyên viên nghiên cứu tại Bộ Giáo dục Sài Gòn (BGDSG) thì bị cho nghỉ việc. Tôi bán sách cũ ngoài chợ trời hai năm, sau đó xin làm công cho một tổ hợp mì sợi. Các bạn có gia đình qua sau năm 1975 biết là cả nước Việt Nam trong giai đoạn thiếu gạo và phải ăn bọ bọ, nhập cảng bột mì rồi làm mì sợi để sống. Tôi làm công nhân cho một tổ hợp mì sợi từ năm 1978 đến năm 1981. Chương trình làm việc của tôi thời kỳ này là 6 giờ sáng đem một lon cơm, đạp xe từ Thị Nghè tới Phú Lâm làm việc. Làm việc từ 8 giờ sáng cho đến 12 giờ trưa. 12 giờ nghỉ ăn cơm, ăn cơm xong từ 12 giờ đến 2 giờ

thì ngồi viết. Xong rồi, làm việc từ 2 giờ đến 8 giờ. Sau đó 8 giờ thì ra khỏi xưởng, chở mì sợi đi bán, về tới nhà khoảng 10 giờ tối, và ngồi viết từ 10 giờ cho đến 12 giờ. Viết trong tình trạng làm việc và viết như vậy trong bốn năm thì hoàn tất bộ trường thiên tiểu thuyết này, dày 2000 trang. Nói như vậy, không có nghĩa là tôi có khả năng viết trọn vẹn cả bộ truyện. Trong thời gian viết, bộ truyện này bị ngưng lại vì hai lần tôi ở tù. Lần đầu viết xong cuốn ba thì tổ hợp mì sợi bị đóng cửa rồi ban điều hành tổ hợp bị bắt. Năm 1979, các bạn nhớ đó là thời gian Việt Nam và Trung Quốc đánh nhau. Tổ hợp tôi làm việc là một tổ hợp của người Hoa. Công an Sài Gòn nghi ngờ tổ hợp làm gián điệp cho Trung Cộng nên tất cả ban điều hành đều bị bắt. Tôi bị kẹt trong đó 4 tháng, đang làm ăn bình thường thì bị bắt như vậy. Bốn tháng sau, được thả ra, tôi tiếp tục viết, đến gần xong phần kết từ ở cuốn thứ tư thì có mối vượt biên ở Vũng Tàu. Vượt biên không thành công, tôi bị bắt lần nữa và lần này bị giam bốn tháng. Sau khi được thả ra, tôi về viết xong phần kết. Tháng 10 năm 1981 thì hoàn tất bộ này, tôi đóng và để lại cho nhà tôi giữ và đi vượt biên. May mắn vượt biên lần này thành công...”

Công sức đáng phục của nhà văn Nguyễn Mộng Giác sẽ chỉ còn trong trí nhớ và niềm hoài tưởng, buồn tiếc của riêng ông, nếu ông không có một người bạn đời tuyệt vời. Tôi vẫn tự cho rằng mình có nhiều khả năng “nịnh đầm”, biết ngợi ca những người đẹp tài hoa, nhưng sao chợt vụng về, tìm không được một từ nào khả dĩ thích hợp, để tán thưởng cái tài bảo quản tác phẩm và đưa chúng đến được nơi chốn, chúng có thể chào đời của chị Nguyễn Khoa Diệu Chi. Từ chỗ xé lẻ để cất giữ đến mưu mẹo qua mắt sự kiểm soát gắt gao của an ninh phi trường là cả một nghệ thuật, đòi hỏi sự bình tĩnh và khôn khéo tuyệt hảo. Với tư cách một độc giả, tôi xin được cảm ơn người đi bên đời nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Còn ông, xét ra không cần thiết, vì đó là chức phận thiêng liêng và tự nhiên của ông. Lẽ ra ông phải cảm ơn ngược những bạn đọc có lòng mới phải phép. Đùa vô duyên vậy thôi, xin đừng giận, ông nhà văn.

Vịn vào một thời đại đã qua để mô tả những biến động lịch sử cùng những diễn tiến hỗn tạp của xã hội đương thời là một dụng ý khá quan trọng của tác giả *Sông Côn Mùa Lũ*. Tôi không rõ những người điều hành, chỉ huy nền văn học nghệ thuật Xã

Hội Chủ Nghĩa có đánh hơi ra được điểm này ? Chắc là có. Có nhưng họ vẫn biểu quyết để thông qua việc in và phát hành rộng rãi tác phẩm này trong nước, chỉ vì một lý do: giá trị đích thực về mặt văn học và nghệ thuật của tác phẩm. Từ rất lâu, vấn đề giao lưu văn hóa giữa trong và ngoài Việt Nam vẫn chỉ thập thò một chiều. Bàn tay đưa ra trước vốn của người rộng lượng, cởi mở. Trên những khán đài quyền thuật, đa số những võ sĩ thắng trận thường đến bắt tay, thân thiện với kẻ chiến bại. Những người cộng sản Việt Nam kể như đã thắng trong việc thống nhất lãnh thổ, nhưng họ vẫn sợ, chưa dám chấp nhận giao lưu văn hóa. Chẳng lẽ họ đã thua ở một bình diện nào đó ? Trên những tạp chí dưới đất hay trên mạng điện toán của Việt Nam, gần như không bao giờ dám nhắc đến những sinh hoạt văn học tại hải ngoại, trừ một vài tin về âm nhạc không thuộc “thể lực chống phá chế độ”. Những tạp chí Hợp Lưu, Văn Học, Việt... thỉnh thoảng có về được trong nước, hoặc được nhắc tên đâu đó một đôi lần, chắc cũng do một vài cá nhân còn giàu lãng mạn hoặc “điếc không sợ súng”. Trường hợp *Sông Côn Mùa Lũ* do đó trở thành một hiện tượng lạ. Dù sao cũng là điều đáng mừng.

Nhờ phát hành trong nước, *Sông Côn Mùa Lũ* được đón đọc rộng rãi. Những câu chữ sau đây của Hoàng Linh trên báo điện tử Tiên Vệ, cho chúng ta biết ít nhiều về giá trị của những sáng tác từ hải ngoại và tiếng vang không nhỏ của *Sông Côn Mùa Lũ*:

“...Có thể nói không cường điệu rằng, nếu năm 1998 là năm văn chương hải ngoại chiếm lĩnh sự chú ý của công luận trong nước, thì nửa năm đầu thuộc về tạp chí Văn Học (Mỹ) và nửa năm sau thuộc về Sông Côn Mùa Lũ và tạp chí Việt (Australia)...”

Ông Trần Độ, một quan chức cấp cao của chế độ xã hội chủ nghĩa, đã hồi hưu, cũng rất ưng ý với *Sông Côn Mùa Lũ*, ông viết:

“Sau khi viết thiên bút ký “Một cái nhìn trở lại”, tôi vẫn tiếp tục suy nghĩ và thấy ra rằng còn phải nhìn lại nhiều vấn đề lắm. Trong khi thấy như vậy thì lại đọc thêm một số sách về sử và vài cuốn tiểu thuyết. Trong có một cuốn mà tôi gặp trong đó nhiều ý nghĩ, nhiều tư tưởng có thể gợi cho tôi nhiều suy nghĩ. Đó là một bộ tiểu thuyết lịch sử tên là “Sông Côn Mùa Lũ”, tác giả là Nguyễn Mộng Giác nói về giai đoạn lịch sử nửa sau thế kỷ

18 ở miền Trung nước ta, về phong trào Tây Sơn của anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ. Tiểu thuyết dựng lại chân dung nhiều nhân vật lịch sử và cũng hư cấu chân dung một số nhân vật của thời đại đó, một cách sinh động, để làm nổi thêm các nhân vật lịch sử có thật. Qua sự việc và lời lẽ của các nhân vật, tác giả nêu lên những tư tưởng và những vấn đề của thời kỳ lịch sử đó mà cũng có nhiều ý nghĩa thời sự. ...”



Chẳng thể nào lượm hết những bày tỏ về *Sông Côn Mùa Lũ*, tôi xin nhắc lại một kỷ niệm riêng: Nhớ đã lâu, sau khi mượn từ thư viện *Côte des Neiges* về, tôi tạm để bộ trường thiên này bên bàn nước phòng khách, cậu út của tôi đi ngang, chợt đứng nhìn cái bìa một chặp, rồi thích thú với khám phá:

“*Sách in trật lất chính tả rồi, sông “con” mà có ô, thật...*”

Cậu chưa nói hết câu, tôi đã mỉm cười sửa lưng:

“*Không phải sông con, sông cái đâu con. Đây là danh từ riêng, tên một dòng sông ở Bình Định như sông Hàn ngoài mình vậy...*”

Cậu út tôi đứng ngẩn mấy giây rồi bước đi, không quên lầu bầu phỏng đoán:

“Chắc con sông này qui tụ nhiều bọn côn đồ lắm!..”

Tôi, thật sự cũng chưa thấy dòng sông Côn dài ngắn ra sao, hay không chừng đã thấy qua rồi mà khi nhìn chưa biết tên. Quê hương mình chẳng rộng là bao mà đi chưa hết, biết chưa tường quả thật đáng xấu hổ. Một ngày nào có dịp về Việt Nam, tôi sẽ đi thăm cho tận quê ông Phiên, quê ông Giác... để có dịp so sánh với đất Ngũ Phụng Tề Phi của tôi một cách công bằng.

Tịch thu, hoả thiêu sách báo, băng nhạc, họa phẩm... văn học nghệ thuật miền Nam vẫn âm thầm tồn tại. Ngoài lớp bạn đọc cũ, những người từ phương Bắc vào cũng háo hức tìm đọc, tìm hiểu. Những người sáng tác ở miền Nam, giai đoạn đầu cuộc đời có khựng lại một thời gian ngắn, để rồi lặng lẽ viết, không kém hăng say như ngày trước. Những thay đổi, những qui định có tính cách ràng buộc, rào cản, vô tình trở thành cơ hội để thay đổi tư duy, đề tài. Cuộc chiến văn hoá, không “bày binh bố trận” nhưng dành từng phân chiến thắng lại ở trong tay những người vừa mất tự do. Điều này có thể nhìn vào lãnh vực âm nhạc mà suy ra. Nhạc tiền chiến, nhạc thời trang, qui chung vào một mối: nhạc vàng. Cầm. Nhạc đỏ hay nhạc phục vụ, ngợi ca chế độ, đương nhiên không phải bài nào cũng dưới trung bình, không thiếu những bài hay, những bài rất xuất sắc, nhưng theo thời gian những ca khúc đó nằm im trong một góc khuất. Không có nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ... nào chống đối việc thống nhất đất nước. Sự chấn chỉnh trong sáng tác đương nhiên cần có dưới một chính thể mới, nhưng sự vụng tay thô bạo đã đẩy những người làm công việc văn hóa nghệ thuật phải xa lánh chế độ. Đối với những người “nội công thâm hậu” như cố nhà văn Nguyễn Mộng Giác, thì việc cầm bút trở lại chỉ là vấn đề thời gian. Thời cơ thuận tiện đã đến với ông, ngay trong những ngày tị nạn khốn khổ trên những hòn đảo xứ người. Ông đã xác nhận:

“...Đây là thời kỳ độ viết lách sung mãn nhất trong đời viết của tôi”

Trong khung cảnh bao la màu xanh của biển của rừng, trên đầu mây che, chung quanh thú rừng, chim bướm, sâu bọ cùng thờ, Nguyễn Mộng Giác mỗi ngày hoàn tất một truyện ngắn. Cái thời tạm dung ở Nam Dương của ông coi vậy mà hạnh phúc vô cùng. Càng hạnh phúc hơn, những sáng tác viết ban ngày, ban

đêm đã có đám bạn đọc chuyện tay nhau san sẻ, thương thức. Những tác phẩm tốt số đó không bị tước đoạt, không bị đục bỏ một chữ nào. Chúng phụng phi trở thành cuốn thứ nhất của bộ trường thiên *Mùa Biển Động*, và là từng phần da thịt của tập *Ngựa Nán Chân Bon*. Sự thành công trong cuộc sống cũng như trong sự nghiệp đến với Nguyễn Mộng Giác khá dễ dàng, nhờ ông có một tâm lòng rộng mở, biết lắng nghe, biết nhìn và đánh giá chính xác những người chung quanh. Trong bài nói chuyện với sinh viên đại học Berkeley, ông đã đưa ra vài ví dụ, có thể như là những bài học quý:

“...Các kinh nghiệm vượt biên tôi cố gắng ghi một cách trung thực, không tô điểm, nếu là người bị quan thì sẽ cho đó là những kinh nghiệm xấu, nhưng nếu là người lạc quan thì cho là chuyện bình thường. Chẳng hạn như khi tàu vượt biên bị chết máy, lênh đênh trên biển, hết nước, thì may mắn có trời mưa. Khi những giọt nước mưa chảy xuống cái tấm bạt trên ghe thì máy ông già không chút do dự, đẩy bật những đứa trẻ ra để mà giành uống nước đó. Trong cảnh tranh tối tranh sáng, cảnh giành nhau để sống, con người rất tàn nhẫn. Nhưng cũng chính các cụ già này khi lên đến đảo thì lại hô hào mọi người làm vườn hoa cho các em chơi. Như vậy mình nói các cụ già giành nước với các em uống, và cụ già muốn làm vườn hoa cho các em chơi, cụ nào là thật? Khó trả lời lắm, rất khó trả lời. Một ví dụ nữa tôi lấy trong chuyến vượt biên: do hệ thống hút nước của ghe bị hư, ghe bị vô nước. Muốn cứu ghe thì phải tát nước ra, nhưng không ai chịu làm cả. Nước đó dơ dáy lắm, gồm cả phân và nước tiểu, nên không ai chịu xuống tát ra cả. Tôi thấy vậy thì xung phong. Tôi nói tao già rồi nhưng mà tao xung phong để bọn trẻ bắt chước, hy vọng là bọn trẻ thấy mình làm thì sẽ thấy lòng ân hận mà xuống giúp mình, nhưng không ai giúp cả. Sau đó tôi nghe bọn trẻ nói chuyện với nhau, "Tôi gì mình phải xuống làm. Phải giữ sức khỏe để lỡ ghe chìm còn sức mà bơi." Đại khái như vậy. Nếu mình bị quan thì cho là những con người rất xấu trong cảnh tồn tại nguy hiểm. Nhưng nếu mình lạc quan, nhìn một cách dung dị hơn, thì mình cho họ đáng thương. Qua những kinh nghiệm đó, tôi nghĩ là tôi có lý. Không có người xấu, chỉ có người đáng thương. Và tôi dùng cái nhìn đó để tạo những nhân vật của bộ SCML và bộ MBD. Qua hai bộ trường thiên và tập truyện ngắn Xuôi Dòng, các bạn sẽ thấy tôi nhìn đời không

tốt, không xấu, nó tự nhiên như vậy. Con người chỉ có hai loại, con người đáng yêu và con người đáng thương. Tôi không biết các bạn có đồng ý với tôi không...”

Ngựa Nán Chân Bon in đầu tiên vào năm 1984, năm tôi đang ở Sài Gòn.

Năm 1989, tôi gửi bản thảo một tập thơ, viết trong thời gian già ba năm sống tại thành phố Montréal cho nhà thơ Thái Tú Hạp, tìm cách in giúp. In truyện dễ dàng bao nhiêu thì in thơ khó khăn bấy nhiêu. “*Con đường vương giả tiến lên đài vinh quang*”, hình dung của nhà văn Võ Phiến dành cho thơ, cũng đã đúng như ông nhận xét tiếp... “*nhưng đến đây thì tiếng nói thanh tao đành bị tiếng đại bác át hẳn*”. Vậy mà tôi vẫn cố chơi cho kỳ được. Tập thơ của tôi có tên *Chùn Bước Đồi Ngựa Ô*. Nhận được bản thảo, Thái Tú Hạp gọi ngay, đề nghị sửa lại tên sách. Lý do: không khác với *Ngựa Nán Chân Bon* là bao nhiêu. Tôi thuận theo ý kiến của anh Thái Tú Hạp, sửa tên tập thơ thành *Ngựa Ngác Cối Người*.

Ngựa Nán Chân Bon đã tái bản lần thứ 4 vào năm 2003, đây là tập truyện ngắn thứ hai của tác giả. Sách dày 260 trang với 13 truyện và một bài “thay lời tựa” của nhà văn Võ Phiến, dài 14 trang. Không thể phủ nhận mức độ tiêu thụ nói nên một phần giá trị tác phẩm. Tôi không dám đề cập đến văn chương, tác phẩm Nguyễn Mộng Giác. Ông là một nhà văn thành danh đã lâu và có uy tín lớn trong lẫn ngoài lãnh thổ Việt Nam. Mỗi sáng tác của ông là một công trình nghệ thuật văn học nghiêm túc. Chính vì thế, mỗi bạn đọc nên tìm thẳng đến tác phẩm để hiểu theo những cảm nhận, đánh giá riêng của mình. Bài thay lời tựa của nhà văn Võ Phiến, viết rất kỹ và rất khách quan. Nhà văn Võ Phiến không những giới thiệu chu đáo về người bạn văn của mình mà còn trưng ra rất rõ những điểm đặc sắc trong văn phong cũng như con người của một cây bút chân tài của văn chương Việt Nam. Tôi định trích dẫn vài đoạn bài viết này, nhưng lại thôi, vì nét nào Võ Phiến vẽ Nguyễn Mộng Giác cũng đáng mách cùng bạn đọc cả. Không lẽ dám trích hết nguyên bài ?

Ngựa Nán Chân Bon, là một tác phẩm nhà văn Nguyễn Mộng Giác đặc ý. Sáng thứ bảy ngày 28 tháng 2 năm 1987 trên đài VOA cho phổ biến bài điểm sách *Ngựa Nán Chân Bon*. Bài viết được thực hiện bởi ký giả Bùi Bảo Trúc, dưới bút hiệu Bảo

Lâm, được in lại trên tạp chí Văn Học tại Hoa Kỳ số 16, phát hành trong tháng 5-1987.

Bài điểm sách được ông Bùi Bảo Trúc bố cục thành 4 phần, khá dài. Trong hai phần đầu ông khai triển những ý chính:

. Ngựa Nân Chân Bon (NNCB) cần nên đọc nhiều lần, vì “*mỗi lần đọc, dường như lại một khía cạnh mới của những câu truyện đó hiện ra*”

. giới thiệu bối cảnh, thời gian và lý do viết của NNCB.

. mục đích viết, được Bùi Bảo Trúc khẳng định: “*NNCB đã được viết cho chính tác giả*”, không bị những ràng buộc bởi kiểm duyệt, chế độ phải tuân thủ, và cả nhà xuất bản.

. cuốn sách là gạch nối giữa hai thời kỳ cầm bút của Nguyễn Mộng Giác (trước 1975 và sau này tại hải ngoại)

Tôi xin trích dẫn nguyên văn phần kể tiếp:

“*trong số 13 truyện ngắn của tập NNCB thì có 6 truyện lấy khung cảnh Việt Nam. 7 truyện kia có bối cảnh là hòn đảo nhỏ nơi tác giả ở tạm sau chuyến đi kéo dài một tuần lễ khởi từ Việt Nam.*”

Nguyễn Mộng Giác là con người chùng mực trong lời ăn tiếng nói ngoài đời, nhưng trong văn chương, ông là người có đôi mắt ‘*tinh tường không để thoát một chi tiết nhỏ nhặt nào*’ như nhà văn Võ Phiến đã có lần nhận xét về ông. Trong truyện Tô Chân, truyện tình duy nhất trong cuốn NNCB, Nguyễn Mộng Giác viết về một cuộc tình không kết thúc của một mối tình đầy hệ lụy và nghịch cảnh. Mối tình đi từ hoa bướm của tuổi mới lớn, của đôi gót cao gót đầu tiên đến một đoạn đời hắt hiu của một thiếu phụ không hạnh phúc trải dài ngang thời gian mười năm trời. Truyện Một Ngày Như Mọi Ngày, có lẽ độc giả thấy được con người thật nhất của Nguyễn Mộng Giác. Ẩn dưới khuôn mặt ít nói, ít nói đôi khi đến nỗi ta tưởng ông là người cả thẹn và bẽn lẽn đó, là một bậc óc hài hước rất khô, hài hước rất Áng Lê của ông. Một Ngày Như Mọi Ngày vẽ lại cảnh sống của một nhà văn gốc nhà giáo, mà người đọc ngờ đó chính là ông, mặc dù anh đã cẩn thận dùng ngôi thứ ba số ít. Nhân vật này trong những bản thảo, lo âu của cuộc sống đã xuất hiện với một khuôn mặt rất người, rất nhân bản, rất hài hước và rất triết lý, cho dù đó là lúc phân vân không biết bán món đồ nào trong nhà để lấy tiền, hay làm thế nào kiếm được cái áp-phe, hoặc đứng chen chân mua gạo ở một cửa hàng. Truyện Độc Nhân

Sinh là một truyện chỉ có thể xảy ra ở Việt Nam hay tại một quốc gia vừa tàn một trận nội chiến. Hai người phé binh của hai phe mà cũng là hai người bạn thời thơ ấu gặp nhau tại một quán nước. Một người cụt chân vì đạn AK, một người mù vì đường xá xôi, thiếu phương tiện tải thương cấp cứu. Hai cuộc đời tan nát ngời nói về những ngày cũ trong một cảnh sống vô cùng bi đát, Một người héo như cành cây bị gãy, một người quắt queo như một trái chanh đã vắt hết nước vừa bị quăng đi. Câu chuyện trao đổi giữa hai người không mang một lời thù oán nào.

Những truyện viết về đời sống trên đảo Kuru nơi ông viết cuốn NNCB đã là những truyện sống nhất. Từ bức thư nét chữ nắn nót của cậu bé gửi về cho mẹ, dặn dò đứa em, đến bản tạ ơn của bốn thanh niên chất phác viết để lại dưới chân Phật đài ở một Niệm Phật đường trên đảo, những lời lẽ chân thật một cách tội nghiệp của những đời sống sắp bơ vơ trên những vùng đất lạ. Nguyễn Mộng Giác khéo léo vẽ lại được bằng những nhận xét tỉ mỉ của ông những mâu thuẫn ông gặp trên đảo. Những nhân vật ấy trong những ngày chờ đợi dài đằng đẳng đã có dịp ngời xuống, duyệt lại, nhìn lại đoạn đời trước đó của mình. Đó là những con ngựa đã nắn chân bon mà chịu làm con ngựa gỗ. Đó là một ông già sống hồn nhiên như một em bé mà lại triết lý đầy người, nhân bản hết sức, một bà cụ chỉ lo con gái ở Việt Nam quên món nợ ở ngoài chợ...”

(BảoLâm, Voice of America)

Bài điểm sách NNCB của ông Bùi Bảo Trúc, quả thật quá đầy đủ. Nhưng tôi vẫn muốn viết vài dòng. Theo tôi, Ông Nguyễn Mộng Giác thành công trong tác phẩm truyện ngắn này qua các điểm sau:

. Thực hiện đúng câu “Phải viết cái gì trung thực” (trong Một Ngày Như Mọi Ngày)

. Sinh động trong những nét phác họa cuộc sống thường nhật chung quanh

. Tinh thần lạc quan và có tài trong việc biến một số câu chữ thành những hình ảnh hóm hỉnh, phát ra được tiếng cười ngay trong những trường hợp bi quan nhất.

. Có một tâm lòng trong sáng, không hận thù và hằn học với quá khứ. Sự vị tha làm cho ngòi bút trở nên thông dong, nhẹ nhàng.

. Những triết lý về sự sống, cuộc đời không quá xa vời. Nhờ đó trở thành những lời nhắn nhủ, gợi cảm chân tình, cũng như chia sẻ những vốn sống đã có của mình cùng mọi người.

. Dòng văn mang nhiều chất thơ,

Một tác phẩm quan trọng khác của nhà văn Nguyễn Mộng Giác là bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*. Toàn bộ dày 2000 trang viết đều đặn trong 7 năm, xen kẽ giữa thời gian đi làm thiết kế đồ hình (graphic designer) tại một công ty điện thoại Hoa Kỳ, ngày 8 tiếng. Để có kiên nhẫn và hứng thú cầm bút, nhà văn Nguyễn Mộng Giác cho biết đã vịn vào sự ngây thơ đi kèm với niềm đam mê. Thế nào là ngây thơ ? tác giả giải thích:

“...Nhưng để giải thích vì sao mình kiên nhẫn như vậy thì điều chính là thế này, mình chỉ bỏ công viết được những tác phẩm đòi hỏi sự kiên nhẫn khi nào mình ngây thơ. Cái đam mê đương nhiên là có rồi, nhưng phải ngây thơ nữa. Khi tôi viết bộ này, thì hoàn cảnh sống quá bi đát, cả phương diện vật chất và tinh thần. Tôi nghĩ rằng mình viết như viết di chúc vậy, viết xong chết cũng được. Nhưng may là viết xong... chưa chết. Hồi viết bộ này thì tôi cũng ngây thơ nữa, cứ cho là cái kinh nghiệm mình trải qua ở Việt Nam từ năm 1963 là năm Ngô Đình Diệm sụp đổ, cho đến năm 1981, qua nhiều chế độ, nhiều thăng trầm, nếu mình không viết thì sẽ không ai viết cả, và như vậy thì uổng lắm. Quá ngây thơ! Thật ra, nếu mình không viết thì sẽ có người viết và viết hay hơn mình. Do cái ngây thơ đó nên tôi ráng viết trong vòng bảy năm và hoàn tất bộ này”.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác cũng cho biết những khuyết điểm của công trình tâm huyết của ông:

“...Khi đọc lại, dĩ nhiên thấy không bằng lòng. Các bạn biết mình như người thợ hàn vậy thôi. Mình lấy miếng này mình hàn miếng kia, độc giả không thấy nhưng mình thấy. Tất cả các phần ghép nối, các phần giả tạo, phần tưởng tượng chưa tới, mình đều thấy cả. Đọc lại tôi thấy không bằng lòng. Nhưng may là, nếu hồi đó không viết thì bây giờ không viết nổi. Có người hỏi tôi, bây giờ anh rảnh, sao không viết cái gì đi. Tôi trả lời một cách triết lý là bây giờ mọi thứ không còn quan trọng nữa, viết làm gì. Mình biết mình không viết được thì cứ nói mình không viết được, đừng nói dối. Quả là khi mình không còn ngây thơ thì mình không thể viết được nữa. Chúc các bạn giữ được ngây thơ, nhờ ngây thơ đó mà các bạn làm được nhiều việc. Sau khi in bộ

này, tôi không còn viết được gì nhiều ngoài một số bài luận về văn học như cuốn “Nghĩ Về Văn Học Hải Ngoại”.

Dù tác giả chưa thật sự bằng lòng với công trình của mình, **Mùa Biển Động** vẫn được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt. Tác phẩm gây được tiếng vang lớn, tạo ra hai thành phần chê, khen. Bên phía những người chỉ trích, hầu hết là những người chưa kịp điều chỉnh cho phù hợp tình yêu nước của mình trước những diễn biến chung của hai khối Quốc, Cộng. Quá khích, cứng nhắc và đố kỵ đã tạo nên những người phê bình văn học mà không cần đọc tác phẩm. Họ chỉ dựa theo một vài tin thiếu xác thực trên báo, hoặc nghe kể lại bởi những đánh giá hạn hẹp, thiếu trung thực để có cơ hội bôi bẩn, hạ uy tín một người có lòng với văn chương, với quê hương. Dĩ nhiên trong nhóm này không thiếu những người thông minh, đánh hơi được sự nguy hiểm của một ngòi bút đối với chế độ họ đang ngấm ngấm phục vụ, buộc họ cần lấy điểm. Những gì thiếu trung thực thường sớm được lặt lẽ kết thúc. Thành phần tán dương *Mùa Biển Động* không ít, nhưng rất may không quá ồn ào. Giá trị của tác phẩm cứ theo thời gian mà tăng thêm độ bền vững.

Với 2000 trang, Nhà văn Nguyễn Mộng Giác viết những gì ? trình bày được những gì ? Câu trả lời xin dành cho bạn đọc tùy nghi dành cho chính mình. Nếu vui tay mời gõ thành chữ cho bốn phương cùng đọc. Cá nhân tôi, hiểu mình, biết người, nên xin áp dụng đúng về sau của câu này: “*biết thì thừa thốt...*”. Chi xin được giới thiệu bộ trường này gồm 5 tập:

1/ Những Đợt Sóng Ngâm, 392 trang, Văn Nghệ xuất bản năm 1984, tái bản 3 lần.

2/ Bão Nổi, 239 trang, Văn Nghệ xuất bản năm 1985, tái bản 6 lần.

3/ Mùa Biển Động, 332 trang, Văn Nghệ xuất bản năm 1986, tái bản 6 lần.

4/ Bèo Giạt, 433 trang, Văn Nghệ xuất bản năm 1988.

5/ Tha Hương, 644 trang, Văn Nghệ xuất bản năm 1989.

Một trong nhiều người, đã vui tay một cách tận tình khi gõ thành chữ những quan niệm và nhận xét của mình về *Mùa Biển Động*, là một vị thầy giáo trung học có bút danh rất yêu điệu thực nữ: Nguyễn Thị Sông Hương. Nếu tác giả *Mùa Biển Động* đã dùng 7 năm để hoàn tất bộ trường thiên hai ngàn trang, thì ông Nguyễn Thị Sông Hương, vừa đứng nghiệp chủ quán sách Trung

Việt ở thành phố Montréal, Canada, vừa bỏ ra hai năm rưỡi để thực hiện tươm tất cuốn *Phê Bình Mùa Biển Động*. Một công trình nghiên cứu, nhận xét, đánh giá dày đến 332 trang, chữ nhỏ.

Là một nhà giáo Việt văn kỳ cựu trong nghề, hành nghiệp tại trường trung học Võ Tánh, Nha Trang, ông Nguyễn Thị Sông Hương đã bỏ cục rất chặt chẽ trong cuốn sách phê bình văn học của mình. Hình như ông là người đầu tiên và chừa trở thành người cuối cùng, rộng tay với chỉ một tác giả như vậy. Nếu nêu lên những ưu khuyết về cuốn sách phê bình của ông Trung Việt (anh em bạn văn chúng tôi ở Montréal thường gọi như thế) một cách cặn kẽ, thì tôi sẽ lạc đề. Nếu tôi dựa vào sách ông để viết ít nhiều về *Mùa Biển Động*, ví dụ như tóm tắt sơ lược cốt truyện, đưa ra những hoàn cảnh lịch sử dùng làm bối cảnh cho tác phẩm, hoặc giới thiệu quan niệm và chủ đích của tác giả, thì tôi là người thiếu lương thiện. Tôi đã có đọc *Mùa Biển Động*, nhưng chưa đọc một cách nghiêm chỉnh, nghĩa là đọc rồi rạc làm nhiều lần, nhiều cơ hội khác nhau. Làm công việc điếm sách hay nhẹ nhàng hơn là giới thiệu sách, không những phải có kiến thức, khả năng trình bày những nhận xét khách quan của mình một cách rõ ràng, gọn nhẹ. Không thể nhờ bè bạn kể cho nghe về cốt truyện, giới thiệu nên đọc một số đoạn tiêu biểu, rồi bắt tay xuống bút, rồi tha vào bài viết những tư tưởng, những câu viết của những nhà văn thành danh nước ngoài để lờ bịp, gánh đỡ kiến thức của mình.

Giới thiệu *Mùa Biển Động* trong mớ chữ lạng quạng của tôi, không thể thiếu, nhưng chỉ có thể, dù những nhân vật, những biến động thời sự diễn tiến trong tác phẩm dài hơi của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, rất gần với tôi, ngó lại như thấy rõ một thời. Bởi cá nhân tôi có mặt trong đám nhân vật của ông Giác. Không đốt nhà nhưng cũng từng từ khu Thanh Bờ hơ hải chạy trở ra. Không diễn thuyết, kích động, nhưng từng đứng trên lan can Tòa Thị Chính nhìn ra sông Hàn, nhìn đám đông hoan hô đả đảo dưới lòng đường Bạch Đằng. Không mang Phật ra đường nhưng đã từng cùng bè bạn thu vén giúp một số bàn thờ ẩm hương khói trên đường Ông Ích Khiêm, Triệu Nữ Vương, Hoàng Diệu...ngâm ngùi trở vào hiên nhà. Hình như rất nhiều đoạn đời trong *Mùa Biển Động* đều phảng phất hình ảnh của chính tôi một thời. Tôi không lạ mặt với những tờ Lập Trường, Đứng Đầu Gió...Những tin nóng bỏng có máu, có nước mắt có cả sự giạt

giây, thổi phồng của những người anh em bên kia sông Bến Hải, của những bè bạn ăn cơm bên này thờ phụng bên nọ. *Mùa Biển Động* của Nguyễn Mộng Giác vật vã quá dài, đi từ nền Đệ Nhị Cộng Hòa với đầy đủ những biến cố lớn của lịch sử đến ngày hấp hối của một chế độ, một thời từng trung dụng một ít máu của chính tôi. Sống lại một thời từ *Mùa Biển Động*, dĩ nhiên tôi không chỉ tìm ra tôi mà còn thấy rất nhiều bằng hữu. Tôi cũng ít nhiều cảm được chính tác giả sống ké vào những nhân vật nào. Chính tác giả đã sống thật qua những gì ông hàn nôi, lắp ghép thành một công trình văn học để đời.

Ngoài Nguyễn Thị Sông Hương, không thiếu những người bút phê bình uy tín phân tích *Mùa Biển Động*. Những Thụy Khuê, Nguyễn Hưng Quốc ... đều dự phần chia vui cùng tác giả. Điều quan trọng, tuy dựa vào bối cảnh lịch sử, nhưng *Mùa Biển Động* không thuộc loại tiểu thuyết lịch sử, tác giả khẳng định trong "lời thưa trước với bạn đọc":

"Toàn bộ trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động không phải là một bộ tiểu thuyết lịch sử. Tác giả không có khả năng, mà cũng không có ý định ghi lại các biến chuyển lịch sử Việt Nam từ 1963 đến nay. Tác giả chỉ mong ước ghi lại những biến chuyển tâm trạng của một thế hệ thanh niên trong giai đoạn đó mà thôi.

Cho nên dù tác phẩm có mô phỏng một số mẫu sống, một số nhân vật, một số sự kiện lịch sử có thật, nhưng Mùa Biển Động chỉ là sản phẩm của tưởng tượng. Những người từng tham dự vào các biến động lịch sử trong giai đoạn này chắc chắn thấy rõ điều đó.

Sở dĩ tôi có lời thưa này, là vì cho đến nay, vẫn còn rất nhiều bạn đọc không muốn phân biệt giữa sự thực lịch sử và sự thực tiểu thuyết.

Đâu là sự thực của đời sống? Đó là điều tác giả quan tâm trước tiên khi dự định viết bộ trường thiên tiểu thuyết này"

(Nguyễn Mộng Giác)

Trước 1975, nhà văn Nguyễn Mộng Giác có bài trên các tạp chí Bách Khoa, Văn, Thời Tập, Ý Thức... nhưng ông chưa thật sự tham gia vào việc làm báo. Nhờ cũng có lai rai đôi ba bài thơ ở Bách Khoa, tôi làm quen với cái tên gọi Nguyễn Mộng Giác, bình thường như những bút danh khác Nguyễn Ngũ Í,

Xuân Hiến, Lê Ngọc Châu, Võ Phiến, Trần Huyền Ân, Vũ Quỳnh Bang, Minh Quân, Lữ Quỳnh, Trữ Vũ...Tôi là một anh “Hai Lúa” của miền Trung, nhưng đi đâu cũng sợ, đến đâu cũng ngại, phản ánh rất đúng câu: “...con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kinh” nên chuyện vào Sài Gòn trong thời kỳ tập viết của tôi rất xa vời. Chuyện ghé thăm các tòa soạn là một điều không tưởng. Tuy vậy tôi quen biết qua thư từ khá nhiều, nhưng trong đó không có nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Tôi nhớ lại thời thỉnh thoảng có vài ba nhà văn Sài Gòn có dịp tạt ngang Đà Nẵng, đã vui chân ghé thăm tôi tại sở làm, trong đó có nhà văn Ngô Thế Vinh, nhà văn Dzoãn Dân (qua đời ngay sau đó không lâu) nhà thơ Phan Trúơc Viên (cũng đã qua đời vì bom đạn ít lâu sau)... và một người, không chắc có phải là ông Nguyễn Mộng Giác không? Nhưng có điều lạ, đã từ lâu tôi hình dung trong đầu, tầm vóc của hai nhà văn Ngô Thế Vinh và Nguyễn Mộng Giác na ná như nhau. Vóc người không lùn, không cao. Tròn tròn, không ốm, không mập. Nước da không quá sáng cũng chẳng quá sẫm, đủ độ vàng của một người vừa trí thức vừa chân chất bình dân. Nói không nhiều, cười không lớn tiếng. Nhưng tặng ngay cho người đối diện sự thân mật, tự nhiên. Riêng Nguyễn Mộng Giác, nhà văn Võ Phiến tô đậm thêm:

“...Ở Giác, tôi chắc chắn tất cả bạn bè Giác và những ai quen biết Giác đều nhận thấy cái hiện ra bề ngoài rõ ràng nhất là sự nghiêm chỉnh: nghiêm chỉnh ở nét mặt, cái nhìn, phong thái. Đó là cái tính cách hiển hiện nổi bật từ toàn bộ trước-tác của Nguyễn Mộng Giác...”

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác không họa ra nhân dạng mình, nhưng ông cho biết con người nội tâm của ông:

“...Bản tính tôi nhút nhát, vụng về trước đám đông (điều này có lẽ ông khiêm nhường), không dễ tạo cảm tình nơi người khác lúc sơ giao. Những người có thiện cảm với tôi như nhà văn Võ Phiến thì rộng lượng cho rằng tôi ‘cẩn trọng từ tốn, không dàn trải mình ra bên ngoài, không bộc lộ náo nhiệt, cuộc sống thu lỏng cả vào bên trong’. Những người có thành kiến xấu chắc chắn sẽ nghĩ tôi lãnh đạm, khó khăn. Bản tính vui buồn, nhanh chậm thuộc về bẩm sinh, tôi không can thiệp vào được. Tôi chịu nhiều thua thiệt do bản tính đó, nhưng đôi lúc nhờ ít nói cũng tránh được những lầm lẫn ngớ ngẩn. Càng ít nói càng đỡ lời...”

(Tha Hương, MBD 5)

Năm 1985, tôi qua Montréal vào tháng giêng. Chừng bốn, năm tháng sau, nhà văn Nguyễn Mộng Giác tiếp nối công sức của nhà văn Võ Phiến, chăm sóc tạp chí Văn Học. Tôi có dịp quen với bút danh của tác giả *Sông Côn Mùa Lũ* nhiều hơn. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác chắc cũng biết qua bút hiệu tôi chút chút, vì tôi thỉnh thoảng gởi bài cho tòa soạn chờ được chọn đăng. Thơ thần càng ngày càng trở thành chuyện ruồi bu. Buồn chán, vất vả sinh ra thi sĩ. Sung túc, trường giả sinh ra thi sĩ. Cứ vậy ngày một nhiều, ngày một đông những người chí tình làm thơ. Họ có cái thơ ngậy lớn hơn tác giả *Mùa Biển Động* rất nhiều. Và vì thế tòa soạn bất cứ loại báo nào cũng thặng dư thi ca. Rất may cái thời “*làm thơ gởi chạy nhật trình, để tặng em để lừa mình để thôi*” (LH) của tôi đã đi qua. Tôi gởi thơ đăng báo để nuôi cảm chừng cái tên mình cũng có. Tôi gởi thơ đăng báo để tạ ơn các vị làm báo, nuôi báo, đã gởi cho mình báo đọc cũng có. Gởi bài nhưng gần như chẳng gởi thư, hoặc họa hoàn ghi vắn tắt bên dưới bài thơ vài dòng, cụ thể: “*Anh thấy được thì ‘đi’ không thì vút.*”. Có một lần tôi viết nhiều chữ hơn cho ông chủ bút Văn Học: “*bài thơ có nhắc đến tên nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, anh thấy ngại, thì bỏ*”

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác gởi ngay cho cái hồi âm, đại ý: “*sao lại ngại*” và một vài câu ngắn gọn nữa, chân tình, thâm thúy lắm. Nhưng tôi nhớ không ra. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng tôi có được một vài chữ viết của một người tôi ngưỡng mộ, nhưng nay, mẫu giấy ấy lạc đâu mất. Thật tiếc. Mỗi lần in thơ, hình như tôi có để tặng người cha đẻ của *Tiếng Chim Vườn Cũ* một tập, nhưng tôi chưa hân hạnh được ông cho một tác phẩm nào của ông để làm oai, khoe với đám con và cô vợ, cũng thỉnh thoảng đọc sách. Tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác nặng ký ở nhiều phương diện, giá trị nghệ thuật, lẫn chi phí in ấn, đâu có thể thành xôi chuối của nhà chùa. Nhắc điều này, tôi tuyệt nhiên bình thản, không có ý nhắc khéo hay trách nhẹ gì, chỉ để chứng minh tôi hiện không có một thủ bút nào của ông, để scan bỏ vào bài viết (như những người khác), cho ấm thêm những dòng ba hoa. Và từ nay cho tới ngày về làm thơ ở ngục A tỳ, tôi chắc chắn sẽ không có được cái đang thiếu, vì nếu có liên lạc cũng chỉ gõ vào *email*. Tiếc.

Giữa tháng 6 năm 1992, nhà văn Nguyễn Mộng Giác cùng một số bạn văn khắp nơi ghé về thành phố Montréal, tham dự buổi sinh hoạt “Kỷ niệm 35 năm văn học hội họa Võ Đình”, Nhà văn Nguyễn Mộng Giác đến Montréal, dĩ nhiên, tôi có được bắt tay ông, nói với ông vài câu xã giao. Ông vẫn như thời tôi đã tưởng tượng trên. Tê nhị, hòa nhã và đứng đắn với nụ cười chúm chím trên môi. Những năm tháng tiếp theo, giữa chúng tôi vẫn vậy. Tôi vẫn được tặng tạp chí Văn Học dù năm ba số chưa thấy cái tên Luân Hoán xuất hiện một lần. Tình hình tiêu thụ báo chí có phần sút giảm. Lệ phí gửi báo lại tăng, Văn Học lên tiếng than phiền, tôi hơi chột dạ, chẳng giúp được anh em điều gì. Tôi vội ghi mười chữ, kính gửi đảng hoàng, để xin thôi nhận báo biểu. Dĩ nhiên tôi được chấp thuận dễ dàng. Hết báo đọc, tôi rất ít biết tin sinh hoạt của văn thi sĩ bốn phương. Tin về nhà văn Nguyễn Mộng Giác cũng gần như mù luôn. Rất may, ở gần tôi có nhà văn Song Thao, anh cộng tác với Văn Học nên có báo tặng. Tôi siêng thì mượn đọc chơi. Chuyện lăm lăm làm thơ đăng báo của tôi, tuy không tuyên bố nhưng xem như chấm dứt, dù tôi vẫn mần thơ tùy hứng. Nhờ qua anh Song Thao, tôi biết nhà văn Nguyễn Mộng Giác có thêm một số tác phẩm nữa:

Tập tiểu luận *Nghĩ Về Văn Học Hải Ngoại*, xoay quanh các vấn đề như tên sách, với 19 tiểu mục, trong đó có ba bài Nguyễn Mộng Giác trả lời nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh, nhà văn Trần Doãn Nho và nhà văn Trần Long Hồ. Một bài thảo luận về tiểu thuyết lịch sử với nhà văn Nam Dao. Qua những câu trả lời phỏng vấn của Nguyễn Mộng Giác, tôi hiểu thêm được rất nhiều vấn đề. Nhà văn Trần Long Hồ đã mở ra cơ hội để nhà văn Nguyễn Mộng Giác nói về sự hình thành cùng diễn tiến sinh hoạt của tạp chí Văn Học tại Hoa Kỳ. Nhà văn Trần Doãn Nho nêu lên những câu hỏi có tính cách chuyên môn về vấn đề sáng tác. Nhờ thế, chúng ta có thể biết quan niệm văn chương, những yếu tố căn bản trong tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác. Ta cũng biết thêm cách gây dựng cốt truyện, cách sử dụng nhân vật và những điểm cần thiết, chuẩn bị trước khi bắt tay điều hành những con chữ. Nói chung, kỹ thuật viết văn được Nguyễn Mộng Giác trình bày trong những câu ông trả lời Trần Doãn Nho.

Một tác phẩm khác thuộc loại tạp luận, có tên **Bạn Văn, Một Thuở**... Mới nhìn cái đề, tôi có thêm một lần giật mình nữa. Tôi tự hỏi, hóa ra mình đang bắt chước? Rất may, nhà văn Nguyễn Mộng Giác không viết tầm phào như tôi. Tuy đề tài của ông cũng liên quan đến bạn bè, nhưng những gì ông viết toàn là



ngồi: Nguyễn Mộng Giác, Luân Hoán, Lữ Quỳnh
đứng: Thái Tú Hạp, Ái Cẩm, Lý, Thành Tôn, Diệu Chi

tại tư gia NMG 200

chuyện văn chương chữ nghĩa cả. Nó thể hiện đúng tầm vóc và tác phong của ông. Muốn biết ông đọc tác phẩm của Miêng ra sao, ông giới thiệu *Chân Mang Giày Số 6* của Song Thao thế nào, hoặc cùng ông “Đi Vào Cõi Thơ Khoa Hữu” v..v.. đều đọc thấy trong tác phẩm dày 260 trang này. Giá cũng chỉ 13 Mỹ kim. Người có khả năng viết cái gì cũng đạt. Câu này đem nghiệm với Nguyễn Mộng Giác rất chính xác.

Mùa hè năm 2006 tôi và gia đình bất ngờ đến thăm quận Cam California, nhưng không tình cờ khi ghé thăm nhà văn Võ Phiến và nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Hai ông văn sĩ này là những ngọn đing thu hút những người cầm bút dù mới, dù cũ,

nếu có cơ hội, đều muốn gặp qua cho biết. Vợ chồng Thái Tú Hạp và vợ chồng Thành Tôn là những kẻ đưa đường, giới thiệu. Trên đường đi, tôi được các bạn cho biết sự vui tính của chị Nguyễn Khoa Diệu Chi. Quả nhiên khi xe vừa ngừng ngoài lộ, chúng tôi đã bắt gặp được những tiếng cười nhẹ nhàng bên cạnh những tiếng reo vui của cậu cháu ngoại măng sữa của anh chị Giác.

Tổ ấm mới của gia đình nhà văn Nguyễn Mộng Giác, khang trang rộng rãi, nằm trong thành phố Westminster, quận Cam, không xa trung tâm Little Sài Gòn là bao nhiêu, chỉ năm phút, ba phút hay sáu phút... tùy hứng của mỗi người lái xe, là có thể có mặt tại nơi đô hội này. Căn nhà của nhà văn Nguyễn Mộng Giác không to lớn như một *villa* sang trọng, nhưng là một nóc gia có phong cách rất Việt Nam. Từ đường lộ, lối vào lát đá có đủ chiều dài, để vừa thả bước đi, vừa ngắm tổng quát khu nhà đầy đủ sân, hiên, vườn cây, giàn nuôi hoa lá. Phòng khách rộng, thật lý tưởng cho những cuộc hội ngộ năm, mười bẵng

hữu, lai rai tán dộc chuyện đời, chuyện sách vở. Cuối phòng khách, cánh cửa sổ đủ sức mời những đôi mắt vô tình, lơ đãng nhất phải nhìn, phải ngắm vườn cây xanh bên ngoài. Cạnh cửa sổ là những tủ sách đứng chạm vai nhau trong dáng vẻ trầm lặng quan sát. Nhìn tủ sách, bạn đến chơi cảm thấy được sự mời gọi thật ấm áp. Những tác phẩm đủ loại đứng chen nhau như chờ đợi, như thăm hỏi. Cùng với sách những khung ảnh đủ cỡ, lồng chân dung nhiều khuôn mặt sáng mát, thân tình. Bàn viết, ghế ngồi không xa những tủ sách bao nhiêu. Người viết văn hẳn nhiên phải có một chỗ ngồi đàng hoàng, không thể tùy tiện như mấy chàng làm thơ. Nhưng trong phòng khách của nhà văn Nguyễn Mộng Giác không phải chỉ có vậy. Nhiều loại máy móc cần dùng, nhiều món đồ chơi của trẻ con được bày đặt rải rác và nhất là tràn đầy những tiếng cười lạc quan của một người đàn bà, biết thế nào là yêu chồng, yêu cuộc sống.

Tuy không thân tình, nhưng anh chị Giác (tôi xin thay đổi cách xưng hô ở đoạn này cho đúng với thực tế) đã dành cho tôi chừng nửa tiếng đồng hồ, nói chuyện khá vui vẻ. Đây là bản tính hiếu khách của anh chị. Tôi rút được một bài học trong chuyến thăm viếng đáng nhớ này là sự lạc quan. Bài học giản dị nhưng tôi chưa chắc thực hiện nổi, nếu cũng gặp khá nhiều trực trực

trong sức khoẻ như anh Nguyễn Mộng Giác. Sự lạc quan của anh đang chiến thắng những cơn vi trùng ung thư. Và chị Diệu Chi chứng minh được câu nói rất nhà binh “tiếng cười át tiếng bom”. Câu chuyện trong tương kính xã giao dần dần cởi mở hơn, nhất là sau lúc anh Giác gọi *phone* rủ nhà thơ Lữ Quỳnh đến chơi, Lữ Quỳnh thành danh từ đầu thập niên 60. Tôi biết danh anh từ lâu nhưng cũng chưa được gặp bao giờ.

Cách đây chừng một tuần, nhà văn Song Thao cho tôi biết sức khoẻ của nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã vô cùng khả quan. Căn bệnh họ Ung của ông đã thật sự bị thất thế, trước sự bình tĩnh của ông cộng thêm sự vui vẻ lạc quan của chị Nguyễn Khoa Diệu Chi. Người đời thường nói: Sống chết là chuyện thường tình. Tôi thấy khó bình thường được. Nếu chẳng may ông Nguyễn Mộng Giác không có được chị Diệu Chi, tôi không có được Trần Thị Lý, Song Thao không có được chị Diệu Hương, Phan Ni Tấn không có Châu Khả Khiêm... thì chắc rất là phiền. Nhà thơ Du Tử Lê đã kết hợp với nhạc sĩ Từ Công Phụng để tạ ơn em một đời. Nhà văn Thê Uyên và tôi cũng từng được đồn là ca ngợi vợ. Nhà văn Song Thao, trong trang đầu của cuốn truyện thứ sáu của anh, cuốn “*Bên Lưng Những Con Chừ*”, cũng đã bỏ nhỏ: “*Cho em, ghi nhớ 30 năm bên nhau*”. Còn ông Nguyễn Mộng Giác đương nhiên đã viết một trang “*ghi ơn nhà tôi*” ở cuối bộ truyện Sông Côn Mùa Lũ. “*Sông Côn Mùa Lũ in được trọn vẹn và tới tay quý bạn đọc, phần lớn cũng nhờ công lao của nhà tôi, từ lúc phác thảo cho tới khi thành sách. Xin phép được chia sẻ những lời riêng tư này với quý bạn đọc, dù biết đối với nhà tôi, những dòng chữ này không cần thiết lắm.*” Chúng tôi là những người hít thở cùng chữ nghĩa, không có mấy bà hà hơi tiếp sức, cùng chia bớt khí lực thì ắt sẽ khó vượt đường dài.

Vui mừng trước tin Song Thao báo, tôi quên chuyện thân sơ, *email* thăm hỏi nhà văn Nguyễn Mộng Giác tức thì. Không phải nói thành lời, không phải đối diện, với đầu ngọn bút chì, tôi gõ thành chữ, đâu có chi ngại ngùng, nên luôn tiện tôi xin phép dựa hơi (mỗi lần muốn dựa hơi ai đều phải nhiều khê như vậy, chứ không hề tùy nghi). Dĩ nhiên với lịch sự, nhà văn phải cho phép. Tôi đã khéo léo đặt ông vào chỗ đã rồi. Thật ra tôi đã nông nổi bày một trò hơi liêu, để rồi viết một cách hơi hợ, nhạt nhẽo. Dù sao tôi cũng hy vọng, đây là cơ hội duy nhất để tôi mang tặng

ông bà Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Khoa Diệu Chi, mỗi người một món quà rất chân tình.

Xin tặng nhà văn cơ hội làm lại nhà giáo ngày nào, để thoải mái ghi lại những chữ đã từng phê trên bài học sinh một thời: Rườm rà, Lạc đề, Luộm thuộm và Vụng về vv...

Xin tặng cô cựu nữ sinh Đồng Khánh Diệu Chi cái cơ hội để cười quên dứt. Và tiếp tục làm thêm chục câu thơ xuất thân, thâm thúy, như thơ chị đã sáng tác tốc hành, dành cho một nữ sĩ nào đó, tôi được nghe hôm nào. Đọc bài viết này của tôi chị sẽ làm thơ dễ dàng thôi, nhớ gởi cho tôi xin vài câu, vài đoạn, để cùng cười cho vui.



Trần Hoài Thư ***một đời quý sách***

Thừa hưởng một cái tên đẹp do cha mẹ đặt cho, Trần Quý Sách chọn cho mình một bút danh thật thi vị: Trần Hoài Thư. Tên gọi như một sợi dây, trói buộc anh dính liền một đời với chữ nghĩa, sách báo. Ra đời tại Đà Lạt vào ngày 16 tháng 12 năm 1942, thất lạc cha ngay khi còn quá nhỏ, Trần Hoài Thư theo mẹ đến thành phố biển Nha Trang sống suốt thời thơ ấu rất đổi cơ cực và hăm hiu. Thời thơ ấu, anh từng bán hàng rong ở các bến xe ở Nha Trang, và từng đi bộ mỗi ngày khoảng 20 cây số để đi đến trường. Anh học trường Sinh Trung, Nam Tiểu học Nha Trang và cuối cùng là trường Cô Nhi Viện Bết Lê Hem, Hòn Chông, trước khi ra Huế gặp lại thân phụ anh từ Bắc di cư vào. Ở Huế, anh theo học tại Quốc Học, Đại Học Huế, rồi trở vào Nam với Đại Học Khoa Học Sài Gòn. Không tốt nghiệp sư phạm, nhưng có duyên với bảng đen, phấn trắng, Trần Hoài Thư trở thành ông thầy dạy trung học và hành nghề tại trường Trần Cao Vân của thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, trong các niên khóa từ 1964 đến 1966. Năm 1967, theo lệnh động viên, Trần Hoài Thư theo học khóa 24 Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức. Sau khi ra trường, anh chọn về binh chủng tác chiến. Đại đội 405 Thám kích thuộc sư đoàn 22 Bộ Binh, đồn trú tại vùng 2 chiến thuật, đã giữ chân Trần Hoài Thư suốt bốn năm. Hai năm trước khi Việt Nam Cộng Hòa tan rã, Trần Hoài Thư làm phóng viên chiến trường tại vùng IV chiến thuật.



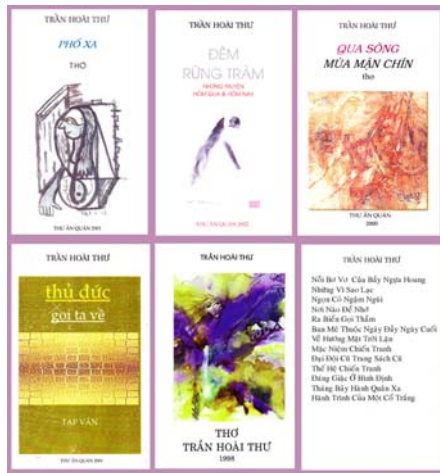
Thời gian cận kề giữa biên giới tử sinh, Trần Hoài Thư trúng đạn hai lần. Lần thứ nhất khi có mặt trong cuộc hành quân giải cứu Qui Nhơn trong dịp Tết Mậu Thân. Lần thứ hai, năm 1971, khi dẫn quân tiến chiếm mục tiêu đồi Kỳ Sơn tại Bình Định. Ngoài Chiến Thương và Anh Dũng Bội Tinh, Trần Hoài Thư đã có cơ hội làm giàu vốn sống của một người lính, của một

công dân sống trong giai đoạn tổ quốc bị chia cắt, dân tộc khốn khổ vì chiến tranh. Vốn sống của anh còn có thêm bốn năm “bồi dưỡng” bởi chính sách “cải tạo” do nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam dành cho, dân, quân, cán, chính miền Nam. Có được mảnh bằng của Xã Hội Chủ Nghĩa cấp, Trần Hoài Thu hành nghề bán cà rem dạo một thời gian trước khi vượt biển vào năm 1980.

Quyết tâm dựng lại cuộc sống mới trên xứ người một cách hoàn hảo, Trần Hoài Thu trở lại nhà trường năm 38 tuổi. Ít năm sau, anh tốt nghiệp Cử nhân Điện toán và Cao học Toán Ứng Dụng tại Đại Học Stevens Institute of Technology. Anh vào làm việc cho công ty điện thoại AT &T với chức vụ *Member of Technical Staff* về *Systems Engineering* rồi qua làm *Project Leader* về ngành tin học cho công ty IBM. Để chóng đạt được những kết quả khả quan này, chị Trần Hoài Thu, nữ danh Nguyễn Ngọc Yên, một cựu viên chức của Viện Đại học Cần Thơ trước 1975, đã phải lặn xả vào các nghề lao động chân tay, giữ vai trò chủ yếu trong kinh tế gia đình. Dĩ nhiên, ngoài giờ học, Trần Hoài Thu cũng dùng sức lực cơ bắp khiêm nhường của mình vào việc kiếm ra tiền đóng góp thêm. Từ những ổ nhà thuê tối tăm trong các khu thiếu an ninh, vợ chồng Trần Hoài Thu đã tiến đến việc mua nhà mới, kiện toàn tổ ấm hạnh phúc. Không phụ lòng cha mẹ, Trần Quý Thoại đã trở thành một y khoa bác sĩ, có tay nghề, có nhiệm sở vững chắc. Năm 2004 Trần Hoài Thu nghỉ hưu non và chính thức thực hiện giấc mơ làm báo, làm nhà xuất bản với lối in ấn, phát hành theo cung cách riêng của mình.

Tôi gặp Trần Hoài Thu tại quân trường Bộ Binh Thủ Đức, vào năm 1967. Lúc bấy giờ, quân trường đào tạo sĩ quan trừ bị, cho quân lực Việt Nam Cộng Hòa này, đang khai giảng khóa 24. Một công việc đã từ lâu được thực hiện bên cạnh chức năng huấn luyện của quân trường là sự hiện diện một nguyệt san, tiếp nối từ khóa này đến khóa khác. Nguyệt san Bộ Binh là nơi hội tụ những sinh viên sĩ quan có máu yêu thích thơ văn, ca nhạc, hội họa, điêu khắc... Khóa tôi theo học, qui tụ khá nhiều khuôn mặt đã được biết đến trong một số bộ môn nghệ thuật. Trần Hoài Thu là một trong những người này. Trước khi vào quân trường, anh đã có khá nhiều truyện ngắn được đăng trên các tạp chí Văn, Bách Khoa khởi từ năm 1964.

Tuy cũng như người bạn đồng khóa, nhà thơ Nguyễn Sa, lúc bấy giờ chúng tôi “mới biết” sức nặng của một “*khẩu garant*”, một “*khẩu trung liên bar*”...nhưng có lẽ thế hệ chúng tôi, những Lâm Chương, Phạm Văn Bình, Trần Hoài Thư, Cao Thoại Châu...đã nhìn thấy, đã cảm nhận những điều tàn, đổ nát của quê hương, những đau xót, tủi nhục của đồng bào, có phần rõ nét và đậm đà hơn ông thi sĩ đàn anh một đôi chút. Chính vì thế, đề tài của chúng tôi trong giai đoạn khởi đầu, đa số thiếu



vắng cái mượt mà lãng mạn của tình yêu nam nữ. Riêng trong sáng tác của Trần Hoài Thư, khuôn mặt chiến tranh, thân phận con người nhược tiểu càng ngày càng nổi bật. Những thao thức (nói theo chữ dùng thời thượng là suy tư cuộc chiến) của đa số tuổi trẻ được anh phơi bày tỉ mỉ, vén khéo. Quân trường Bộ Binh Thủ Đức không chỉ dạy

cho Trần Hoài Thư biết cách chỉ huy một trung đội tác chiến, mà đã chính thức rèn luyện anh trở thành một nhà văn quân đội ưu hạng, quý hơn nữa, anh giữ vững ngòi bút mình, đi gân suốt một đời với màu áo xanh *olive*. Có thể nói, anh là một người lính luôn luôn tại ngũ cho đến bây giờ. Cây súng đã không còn cần thiết, nhưng cây bút của anh vẫn không hao mòn ý chí chiến đấu cho một tương lai đất nước an lành hơn.

Đúng ra, thời ở “KBC Bốn Ngàn Một Trăm” (quân trường Thủ Đức), tôi không có nhiều cơ hội chuyện trò với Trần Hoài Thư. Hai chúng tôi ở hai đại đội khác nhau. Doanh trại quân trường nằm trên đồi Tăng Nhơn Phú, cách Chợ Nhỏ chừng 2000 mét. Đây là một khu vực rộng lớn. Phòng ốc khang trang, dọc ngang những con đường rợp bóng cây xanh, không khác gì một thị trấn thu hẹp. Những đại đội đồn trú riêng biệt, cách nhau khá xa. Việc đi lại trong giai đoạn chưa được gắn *alpha* rất đáng

ngại, lờ ngợ rất dễ bị hít đất, nhảy xôm, dù với khóa 24, sự dãi ngộ kỹ luật của khóa đàn anh dành cho đàn em đã giảm thiểu tối đa. Thêm vào những trở ngại này, mỗi chúng tôi có một ít bạn thân riêng. Trần Hoài Thu thường cặp kè với những Lâm Chương, Vương Trùng Dương...Tôi hay la cà cùng Cao Thoại Châu, Phạm Hoàng, Đỗ Toàn...Chúng tôi chỉ có cơ hội gặp nhau trong những buổi sinh hoạt tại văn phòng Khối Báo Chí. Những buổi hội tụ này khá nhiều, nhất là trong giai đoạn hai. Bên cạnh mục đích thực hiện, cải tiến tờ báo, các sĩ quan chủ trương còn muốn tạo cơ hội cho anh em đóng góp bài vở có thêm thì giờ nghỉ ngơi, trốn bớt tạp dịch ngay trong những “giờ tùy quyền”. Trong ban biên tập, sau khi khóa 23 ra trường, tôi và anh Trần Sơn Hà có nhiệm vụ phụ tá chủ bút. Tôi cũng là người góp ý để chọn thơ đăng trên nguyệt san. Trần Hoài Thu tiếp nối đàn anh Mê Kung (Phan Nhự Thức sau này) viết đều đặn những trang Nhật Ký Quân Trường. Rất có thể còn một vài người góp tay trong mục này, nhưng Trần Hoài Thu là “nỗ lực” chính. Chuyện đi bãi, chuyện “bia lên, bia xuống”, chuyện “cơm nhà bàn”, chuyện công ghé trên vai đến đại giảng đường, chuyện ở 301 vân vân và vân vân được Trần Hoài Thu ghi lại, dựng lại dưới văn phong nhẹ nhàng, lời cuốn. Tôi biết rất nhiều sinh viên sĩ quan rất khoái những bài viết này của Trần Hoài Thu. Ngoài những trang nhật ký, Trần Hoài Thu còn đóng góp theo truyện ngắn và thơ. Thể loại sáng tác nào của anh cũng có giá trị nghệ thuật, không mang tính cách tuyên truyền khô khan nhằm phục vụ chế độ.

Nếu lòng dạ của tôi dành cho tờ báo của quân trường thiếu tha thiết, thì ở Trần Hoài Thu khác hẳn. Anh nhiệt tình và say mê, trân quý tờ nguyệt san Bộ Binh một cách khó ai sánh được. Sự chân thành, tích cực của anh, ai cũng nhìn ra. Ban chủ biên tờ báo, cuối khóa đã tặng anh một danh hiệu xứng đáng: “Sinh viên sĩ quan báo chí xuất sắc”. Kèm theo phần thưởng tinh thần này là một quà tặng rất thích hợp cho một nhà văn: một cặp bút Pilot mới cấu trong hộp cứng. “Vật nhẹ nhưng tinh nghĩa nặng” có lẽ đã giúp Trần Hoài Thu nhớ đời về một thời “chín tháng quân trường”.

Tôi nghĩ, tất cả những ai từng làm thơ, viết văn, và từng là sinh viên Thủ Đức, không ít thì nhiều đều có những sáng tác về ngôi trường mẹ của mình, ngay trong thời kỳ đang theo học, hay

đã phiêu bạt trong chinh chiến sau này. Dĩ nhiên, tôi, Cao Thoại Châu, Đynh Hoàng Sa, Lâm Chương, Phùng Kim Chú, Vương Thanh, Thái Tú Hạp, Lê Vĩnh Thọ, Phan Xuân Sinh, Chu Tân... và người bạn thân sau này, Phan Ni Tấn, cũng đã nhờ vào kỷ niệm thời “thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu” để cho góc sáng tác riêng mình thêm phong phú. Nhưng nhắc nhớ về một quân trường vang danh một thời vẫn là tác phẩm của Trần Hoài Thư: ***Thủ Đức Gọi Ta Về***, xuất bản tại Hoa Kỳ năm 2001.

Với *Thủ Đức Gọi Ta Về*, Trần Hoài Thư dẫn những cựu sinh viên đầu đã hai màu tóc, trở lại thăm công số 1, công số 9, khu tiếp tân, những con đường xanh bóng mát, những doanh trại nối liền doanh trại, vũ đình trường, đại giảng đường, những phòng học, những nhà bàn, những vụng gác, những lối dẫn về bãi tập, những sân bắn, những đoạn đường chiến binh, những đường giấy tử thần, những giả sơn, cả khu trầm tư suy tưởng 301... Xin được trích đoạn vài khúc tình thơ mờ mờ của Trần Hoài Thư:

“...Ta đang nhớ về Thủ Đức như bạn ta đang nhớ. Có phải đêm qua gió quá dữ để bãi bắn rụng đầy lá cao su. Và quân trường những cơn mưa lá ngâu đã rụng xuống doanh trại. Gió lộng như từ tứ phương tụ hội về đồi. Gió mang suốt ngày khắp nơi vang vang lời ca Đường Trường Xa và nhịp đếm Một Hai Ba Bốn. Ô hay, ta gầy còm, trên dưới 40 ký, thế mà cũng chịu đựng được sao. Quân trường đổ mồ hôi. Chiến trường bớt đổ máu. Kinh nhật tụng cho giai đoạn một. Tay ta trói gà không chặt mà đòi đánh một hai. Hai chân ta đôi khi luống cuống, bước không đúng nhịp mà đòi đi diễn hành cuối khoá. Ta tập quay trái, quay phải, quay đằng sau. Chân trái phải xê dịch như thế nào, chân phải phải quay ra làm sao. 90 độ. Phải ráng tập trung trí óc. Chụm chân lại. Rồi quay 90 độ. Phải ráng nghĩ trong đầu. Khi đi phải bắt đầu bằng chân trái. Ráng mà nhớ. Ta chẳng khác một tên học trò lúc nào cũng bị ám ảnh bởi cái roi mây của thầy. Ngày nhỏ, ta tập lính bước một hai, khẩu súng là cuống chuổi hay khúc gỗ mang lên vai. Bây giờ, ta cũng vậy. Vẫn là một trò chơi bất tận. Nhưng thời nhỏ dại ấy lại quá dễ dàng, có sao bây giờ lại quá khó. Bằng chứng là ta bị phạt liên miên.

Bây giờ, quá xa, quá lâu để mà nhớ về những ngày tháng cũ, nhưng hình như bên tai ta vẫn còn văng vẳng tiếng hát vang

lùng từ một góc trời Tầng Nhon Phú. Cám ơn nó, bởi vì nó khiến lòng ta ấm lại giữa lúc tiếng gọi đò chiều đã đục. Không biết tới chuyến nào sẽ chờ đời ta qua bên sông cô tịch. May mà tiếng hát nào như gió bão đánh bạt cái ý nghĩ đen tối bi quan. Ta đã đứng dậy đến bên khung cửa. Dưới ánh điện đường trong một đêm về sáng, ta thấy lại một vũ đình trường, với những ống đạn pháo binh sơn trắng bao quanh, ta thấy lại những đại đội đang xuôi ngược diễn hành. Có khi hai đại đội cùng di chuyển đối đầu nhau, và một bên dậm chân tại chỗ, chờ bên kia vượt qua. Không ai bận tâm lấy ai. Phải nhìn thẳng. Phải ca phải hát. Lĩnh phải hùng. Gió làm lời ca bay bổng trên chín công, vang khắp bãi đồi. Khi hai chân ta bước nhịp, hai tay ta đánh theo, miệng ta cất lời, thì bạn ta cũng vậy. Tất cả sẽ tạo nên một tập thể đồng nhất, tiến về phía trước. Trời ơi, cả một rừng cờ sắc áo như thế, khoá này tiếp đến khoá khác, biết bao nhiêu bước chân tập tành để chuẩn bị cho một cuộc lên đường, để rồi, vũ đình trường giờ đây chỉ còn lại một bãi mô hoang phế. Tiếng ca hùng tráng ngày ấy đâu rồi. Tiếng hát đã một lần lỏng lẻo cùng lá cờ giữa sân ngôi trường lính ngày ấy đâu rồi. Cổ họng ta đã một thời gào to cùng tiếng ca lời hát...”

“...Bây giờ ta mới hiểu thế nào là tập thể. Ta biết thế nào là tiểu đội trung đội đại đội. Ta trần truồng như nhộng trong nhà tắm chung. Ta vừa đi một hai như chủ lính tò te vừa hát bài Lục Quân Việt Nam. Hai tay ta quỳ xuống, mông ta nằm rạp xuống tuyệt vọng khi ta bị phạt cả trăm lần hít đất nhảy xôm. Ta bị phạt chạy vòng vòng quanh sân đại đội, vừa chạy vừa gào. Ta bị đánh thức trong đêm, hoảng hốt cuống cuống, nghe tứ phương rầm rập bước chân, nghe tiếng còi ré lên trong đêm đen tối, để năm phút là phải sẵn sàng trình diện. Để ba lô nón sắt, súng trường, đạn dược được khám xét. Rồi sẽ có kẻ bị phạt dã chiến vì tội lơ quên... Trong bóng tối, ta mang kiếng nhìn ta, nhìn bạn bè. Những bóng người mờ mờ ần ần. Đêm đời Tầng Nhon Phú lạnh lạnh. Cái lạnh khiến ta thèm được nhấp hớp cà phê và đốt thuốc. Nhưng ở đây cái lạnh lại kèm theo cái lo. Lo cán bộ xét khám dây giày ta chưa buộc, cấp số đạn ta mang không đủ, thế bài ta bỏ quên... Ta mới sợ những cơn mưa và cái nắng nung người...”

“...Đêm alpha. Nó là một truyền thống. Nó là sự liên hệ giữa đàn anh và đàn em, giữa người sắp sửa giã từ và những người ở lại. Nó cũng là điểm mốc cho người được đi chuyên môn và người ở lại làm lính lợi bộ. Nó vang động cả trời đêm Tầng Nhon Phú với lời hô đứng dậy quì xuống như chuyển rung cả một vũ đình trường. Người đàn anh sẽ gắn alpha cho ta. Và anh sẽ đập vào vai ta để bày tỏ lời chúc mừng trong khi ta chào tay anh không dám động đậy. Rồi anh sẽ từ giã ta, anh đi đâu:

*hãy nắm chặt giây cương này, luân hoán
ra khỏi nơi này sẽ gặp nghĩa trang*

(Tình khúc cuối cùng ở K.B.C 4100, thơ Luân Hoán)

Ta đã quên anh, và anh cũng không bao giờ nhớ ta. Nếu có chỉ là cái bóng. Bóng đổ xuống sân vũ đình trường dưới những ngọn đèn nhiều nến. Ta lại bắt đầu thay anh, và cái bóng ta đã lấp vào bóng anh. Ta cũng nhường lại cho đàn em những gì mà đàn anh ta đã nhường cho ta. Rồi ta lại ra đi. Đi đâu. Ra khỏi nơi này sẽ gặp nghĩa trang. Nghĩa trang quân đội. Với Tiếc Thương của Nguyễn Thanh Thu. Với Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu của Luân Hoán. Với một Mậu Thân đại tang cho khóa 24 của ta và khóa 25 đàn em.

Đêm alpha, ta đang náo nức chờ ngày cuối tuần để về thăm Sài Gòn. Một đoạn đường chiến binh đã qua. Thêm một đoạn đường nữa bắt đầu. Bây giờ mới chính là những bài học vỡ lòng cho một trung đội trưởng bộ binh. Hỡi em yêu dấu...”

“...Nhờ có Tầng Nhon Phú, mà ta mới đỡ mờ hôi để còn có em đem cho ta cơn gió mát. Nhờ có Tầng Nhon Phú mà em đã tìm đến ta, vào ngày cuối tuần, mang theo những món đồ thăm nuôi rải theo nước thánh. Ta ăn dù chua, cũng thành ngọt, dù cứng cũng thành mềm... Em hỏi ta có cực không, khiến lòng ta tỏ mở: Thấm tháp gì. Ta bị phạt 50 lần hít đất nhảy xôm vì tội để giày bẩn, nhưng ta phóng đại bị phạt cả trăm lần... Làm như Thủ Đức như một lò luyện thép... Rồi em cứ bắt ta kể chuyện quân trường. Em nói là mỗi lần em đọc Nhật Ký Quân trường của ta trên nguyệt san Bộ Binh là mỗi lần em khóc. Em thương các anh sinh viên sĩ quan Thủ Đức quá. Em càng làm ta kiêu hãnh. Như vậy mà ông Đại đội trưởng lại cứ phạt ta dài dài. Như vậy mà đám sinh viên sĩ quan cứ nhìn ta nói bóng nói gió: Nguyệt san Bộ Binh không muốn mua cũng phải bị ép mua. Trời ơi, ta đâu

có cái thâm quyền mà nói hờn nói mát như vậy. Ta viết bài, chẳng những không có nhuận bút mà cũng bị trừ lương, 8 đồng một số. Trời ơi. Ta mang mồ hôi của ta của bạn bè để nhỏ lên trang giấy để các em gái hậu phương còn yêu tha thiết các người mà. Sao lại trách ta đồng lõa. Sao Đại úy S. cứ ghen tức vì ta được miễn ngày thứ tư đi bãi để lên họp ở Khối Chiến Tranh Chính Trị hay về Hội Quán nhìn em. Tim Đại úy là tim đồng tim sắt, làm sao còn biết cái hay của bài thơ Luân Hoán, Nguyễn Sa, Cao Thoại Châu, những người thơ cùng khóa của ta? Sao Đại úy cứ đi ta đến tá toi, toi tá...chỉ vì ta có cái tội là viết báo Bộ Binh?"

(Trần Hoài Thư -Thủ Đức Gọi Ta Về)

Đọc xong *Thủ Đức Gọi Ta Về*, không thể không điện thoại báo tin vui đến các đồng đội cũ. Không thể không ngậm ngùi nhớ lại những người bạn đã sớm chia tay cuộc đời bằng những loại vũ khí của con người chế tạo ra. Trích đoạn dù có cố tình tham lam đến mấy cũng không thể không bỏ sót những nụ tình xinh xắn khác của một tác phẩm. Mong rằng các bạn ta sẽ tìm đến với đầy đủ nguyên bản của tạp văn Trần Hoài Thư.

Sự thành danh nhà văn của chàng thanh niên gầy ốm, dong dong cao mang tên Trần Quý Sách, không phải khởi đi từ công số 1 Quân trường Bộ Binh Thủ Đức. Anh đã khởi hành từ năm 1964, năm trở thành một ông thầy dạy toán tại một miền đất xa lạ. Có thể nhờ khí thiêng của đất đá Tam Kỳ Quảng Nam mà một người gốc Đà Lạt sớm đánh thức cái tiềm năng sẵn có của mình ? Nguyên nhân, cơ hội nào không còn cần thiết, khi sáng tác của Trần Hoài Thư sớm đứng vững trong sự chọn đăng của báo chí văn học, trong sự chọn đọc của đông đảo bạn đọc. Tạp chí Văn của Sài Gòn đã thực hiện một số đặc biệt, ra ngày 01 tháng 3 năm 1972, nhằm giới thiệu “Sáu Nhà Văn Trẻ” gồm: Trần Hoài Thư, Mang Viên Long, Mùng Mán, Định Nguyên, Phan Cung Nghiệp, Phạm Văn Phước. Nhà văn Trần Hoài Thư được nhà Mai Thảo, chủ bút tạp chí Văn, ưu ái tán thưởng, nhận xét:

"... Phía tôi nhìn thấy cho Trần Hoài Thư là cái phía của những người trẻ tuổi đặt sống thành suy nghĩ, tự thành trong cô đơn một đời, xuôi chảy thuận dòng theo đồng hành và thế hệ,

nhưng vẫn bảo toàn nghiêm mật được cá nhân mình. Vì biết sống và viết cách nào cũng phải bắt nguồn từ đó."

(Mai Thảo (Văn số 197 ngày 1-3-1972))



trước: Hòa Bình, Thạch Bích, Hoàng Bách
sau: Trần Q.Thoại, NNYến, Lý, Trần Hoài Thư, LH, Quốc Bảo

Plainfield NJ 1993

Những đánh giá của Mai Thảo chắc chắn không phải chỉ vì cảm tình. Mà vịn vào giá trị những tác phẩm của Trần Hoài Thư đã phổ biến: *Nỗi Bơ Vơ Của Bảy Ngựa Hoang*, tập truyện ngắn, được nhà xuất bản Ý Thức ấn hành năm 1968, *Những Vì Sao Vĩnh Biệt*, tập truyện ngắn, với bìa Đỗ Quang Em do nhà xuất bản Ý Thức ấn hành năm 1970. Tập truyện ngắn thứ ba, in liền trong năm sau, 1971, có tên *Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi* do Tiếng Việt xuất bản theo khổ loại sách bỏ túi. Chấm dứt tác phẩm được phát hành trước tháng tư 1975 chừng 2 tháng là tập truyện ngắn *Một Nơi Nào Để Nhớ*. Lần này, Con Đuông đứng tên xuất bản.

Cũng như nhà xuất bản Thơ, Ngưỡng Cửa của chúng tôi ở Đà Nẵng, Ý Thức, Con Đuông là những nhà xuất bản ở tỉnh lẻ. Ý Thức lập ra từ Phan Rang và Con Đuông từ Cần Thơ. Gọi là nhà xuất bản cho hữu danh vậy thôi chứ không có cơ sở vật chất nào làm nền móng. Sinh hoạt không đặt ra mục tiêu thương mại. Nhưng Ý Thức, Con Đuông, cũng như Thơ, Ngưỡng Cửa... qui

tự những người chỉ có một cái vốn duy nhất là tấm lòng. Mọi cố gắng nằm trong tinh thần thuần túy văn học, nghệ thuật. Trần Hoài Thu dĩ nhiên đóng góp không nhỏ vào sự hình thành của hai nhà xuất bản này.

Sau khi đặt chân lên đất Hoa Kỳ, dù đời sống chưa ổn định, Trần Hoài Thu đã nhanh chóng viết lại. Theo thời gian, anh đã cộng tác với các tạp chí: Quê Mẹ (Pháp), Độc Lập (Đức), Dân Quyền (Canada), Sóng (Canada), Làng Văn (Canada), Lửa Việt (Canada), Năng Mới (Canada), Đi Tới, Nhân Văn (Hoa Kỳ), Văn (Hoa Kỳ), Văn Học (Hoa Kỳ), Đời Mới (Hoa Kỳ), Phụ Nữ Diễn Đàn (Hoa Kỳ), Sóng Văn (Hoa Kỳ), Gió Văn (Hoa Kỳ)... Trả lời phỏng vấn ngắn của Châu Hải Châu trên tạp chí Sóng, số 73 tháng 6 năm 1988, Trần Hoài Thu bày tỏ một số nhận xét của anh về nền văn học Việt Nam tại hải ngoại, đồng thời cho biết mục đích viết và chọn báo để phổ biến sáng tác của mình:

“ Tôi ở tại một vùng đất rất vắng hiem không khí và điều kiện sinh hoạt nghệ thuật. Chỉ biết qua nhờ những tạp chí được gửi về qua bưu điện. Dù vậy, tôi cũng có những cảm nghĩ rất chủ quan sau đây:

1. Nền văn học hải ngoại rất phong phú bởi sự đóng góp tích cực của những người viết mới và cũ. Năm 1975, khởi đầu cho một dòng văn học mới. Dòng văn học chất chứa những bi thảm, chia lìa, hờn căm, nhục nhân, phẫn nộ. Dòng văn học này đang lắng sâu vào con tim của những người còn sống trong bóng tối, nhưng đang nổ bùng ở những người may mắn vượt thoát khỏi địa ngục. Tôi đã bàng hoàng khi đọc truyện ngắn của Lê Thị Phi Lai (Bức Thăm, tạp chí Lửa Việt). Tôi đã xúc động trước những bài thơ của Thường Quán, Nguyễn Mậu Lâm, Bắc Phong, Hồ Công Tâm... và văn của Lê Đại Lãng, Thế Giang... và còn biết bao nhiêu người nữa trên các tạp chí văn học hải ngoại. Hơn thế nữa, còn có sự đóng góp tích cực của một số nhà văn, nhà thơ cũ, nhất là những người rời nước sau 1975. Họ hiểu rõ hơn bao giờ tại sao họ cần viết. Họ không cần đòi hỏi thù lao hay nhuận bút, dù họ vất vả khó khăn hơn ai hết trước cuộc sống mới.

2. Điều kiện sinh hoạt văn học nghệ thuật bị hạn chế. Miền đất tự do đã tạo những điều kiện dễ dàng cho ngành báo chí, xuất bản nhưng rất tiếc những điều kiện này lại nằm trong tay một số chủ báo, chủ chợ sở trường về thương mại. Người viết

cho tạp chí này đôi khi bị ngộ nhận bởi tạp chí khác vì những lý do không văn học nghệ thuật chút nào. Đó là chưa kể người viết bị lợi dụng như qua bài phỏng vấn của nhà thơ Chu Vương Miện trên Nhân Văn mới đây. Báo chí đôi khi trở thành công cụ cho một vài phần tử, dùng để tự do chửi bới, chỉ trích hay để tự đề cao mình hay nhóm của mình.

Một trở ngại nữa là do điều kiện địa dư, đồng bào hải ngoại sống rải rác khắp thế giới. Có nơi khó khăn lắm mới tìm được một sản phẩm tinh thần của người Việt. Ví dụ người viết cộng tác với tờ Quê Mẹ bên Pháp chẳng hạn; vì chủ trương của tờ báo là bản thảo không được gửi một lúc cho nhiều tờ báo, thì làm sao độc giả bên Mỹ, bên Gia Nã Đại vv... có thể tìm đọc truyện thơ của người viết, niềm áp ủ của người viết là truyền đạt đến đồng đảo độc giả như vậy đã có phần bị hạn chế ! Trong cuộc sống vật lộn cùng bill đòi nợ này, sự đóng góp là sự hy sinh không nhỏ.

Dù sao, chúng ta cũng không thể phủ nhận công sức của những người đã dám sống và chết cho văn chương chữ nghĩa. Bởi bên cạnh những tờ báo rao vặt, phát không, còn có những tạp chí đứng đắn, chọn lọc. Và những tạp chí này là kết quả của một sự cố gắng phi thường của những người chủ trương. Họ làm việc vất vả trong những hãng “mồ hôi” và thay vì bỏ tiền để dành trong saving, họ đã bỏ tiền, bỏ sức vào việc nuôi dưỡng tờ báo không mong “sống hùng sống mạnh” nhưng sống qua ngày.

(Về chọn nơi đăng bài, ghi chú của LH)... Ở quan điểm và ở chỗ thân tình ưu ái. Tôi vốn là người lính, tôi không thể không viết cho một tờ báo nặng chủ trương về ca ngợi người lính bị bỏ quên hay bị bôi nhọ. Đồng đội tôi đã gục xuống, đã đang bị dày ải trong tù ngục. Tôi cần phải có chỗ để viết về họ. Một tờ báo chỉ có giới hạn về địa phương và số độc giả. Tôi ước muốn tất cả những người bỏ nước ra đi này, đọc và hiểu lớp thế hệ sa cơ của tôi. Bội bạc họ là một tội ác.

... Tôi không có tham vọng trở thành một nhà văn. Tôi chỉ thật sự viết văn khi 20 tuổi và viết tùy hứng. Ngày tôi ở Thảm Kịch, tôi kê giấy trên gò má, viết dưới ánh trăng, hay trùm poncho viết trong ánh đèn pin quân đội. Đọc lại những bài viết của mình trước đây đôi khi tôi phải lạnh mình. Thú thật tôi không thể ngờ tôi là kẻ sống sót để viết những dòng trả lời này. Qua Mỹ, tôi vừa làm, vừa học, vừa viết. Cũng tùy hứng. Tuy

nhiên ngồi bút trở nên thận trọng hơn. Cái kinh nghiệm đón đầu của đất nước là một bài học cho người cầm bút phải không anh ?”

(Trần Hoài Thư trả lời Châu Hải Châu)

Như nhiều người nhận định, Trần Hoài Thư mãi mãi là một nhà văn mặc áo lính trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Hơi thở của văn anh hùng hực sự tranh đấu cho sự thật. Chính vì thế, hơn ai hết, anh không thể im lặng trước sự bội nhọ người lính Cộng Hòa của nhà văn Bảo Ninh qua tác phẩm *Nỗi Buồn Chiến Tranh*. Tác phẩm của ông nhà văn miền Bắc Việt Nam này được đánh giá có giá trị văn học, được dịch ra ngoại ngữ, được đón nhận ở trong và ngoài Việt Nam. Qua đó, nhà văn Bảo Ninh được xem như là một nhà văn lớn. Lớn ngay trong những am hiểu thiếu chính xác của ông. Chúng ta không nên nghi ngờ sự thù hận lẫn ảnh hưởng nhồi sọ khá lâu của nhà văn, khi dựng lên những hình ảnh không chân thật. Điều đáng tiếc là có một số người tự cho mình là trí thức, dù chưa hiểu trọng lượng của một khẩu súng, đã vô tình làm giảm bớt tài năng và giá trị thật sự của tác giả và tác phẩm bằng những nhận định nghiêng về những ưu điểm, bỏ lơ những khuyết điểm, dù rất trầm trọng như việc hạ nhân cách của kẻ cựu thù. Có lẽ bức xúc về điều này, Trần Hoài Thư đã viết một bài “Đối thoại với nhà văn Bảo Ninh”. Bài viết đầy ba trang, nhưng tôi xin được trích trọn vẹn, từ tác phẩm: *Đại Đội Cũ Và Trang Sách Cũ* của Trần Hoài Thư do Thư Ấn Quán phát hành năm 2002:

“ Từ lâu, người ta đã chờ đợi những tác phẩm viết về chiến tranh Việt Nam bằng ngòi bút trung thực, vượt khỏi định kiến, guồng máy, lập trường, từ những nhà văn miền Bắc. Tại sao là miền Bắc? Bởi vì, những người viết của miền Nam ít ra, đã thả dàn biểu lộ hầu hết những gì mà họ đã tham dự hay nhân chứng, mà không bị ràng buộc bởi bất cứ một ai, bất cứ một thể lực nào. Chính vì sự mong mỏi ấy, những tác phẩm của Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, vân vân... đã được đón nhận từ trong nước, đến ngoại quốc, và cả người Mỹ lưu tâm về Việt Nam và đã được xem là hiện tượng. Trong số những tác phẩm này, tôi được đọc hai truyện dài: Ly thân của Trần Mạnh Hảo, và Nỗi buồn chiến tranh của Bảo Ninh. Tôi xin được góp ý về Nỗi buồn chiến tranh (NBCT) vì truyện này đã nhắc thường trực về những người lính tham báo

VNCH, mà tôi là một thành viên. Hơn nữa NBCT hiện nay là một đề tài thảo luận sôi nổi trên internet, qua những Newsgroups và Usenet. Ngoài ra, truyện đã được dịch sang tiếng Anh (Bao Ninh, *The Sorrow of War*. Vietnamese original Hanoi, 1991; English translation London: Martin Secker & Warburg, 1993; New York: Pantheon), phổ biến trong các Đại học Mỹ, tác động nhiều trong tâm trí của những người tuổi trẻ hải ngoại không đủ khả năng đọc Việt ngữ. Nguyên bản bằng tiếng Việt đã được in ở Mỹ do Nam Việt xuất bản, Phạm Việt Cường viết tựa, với kết luận như sau: "Nỗi buồn chiến tranh là một thành tựu văn học vô cùng lớn lao, là một tác phẩm sâu sắc nhất về chiến tranh Việt Nam từ trước đến giờ, và chắc chắn sẽ tồn tại lâu dài trong kho tàng văn học Việt Nam".

Thưa nhà văn Bảo Ninh,

Trước hết tôi phải cảm ơn anh vì nhờ đọc *Nỗi Buồn Chiến Tranh* tôi mới hiểu rõ hơn về tâm tư của một thế hệ và giai đoạn mà tôi cũng như anh là những người trong cuộc. Anh viết về sự đổ vỡ và phá sản bi thảm của tuổi trẻ miền Bắc trong cuộc chiến đấu mà chế độ từng nói là cuộc chiến đấu thần thánh chống Mỹ cứu nước. Anh đã kể về những đôi ma chập chùng ở miền cao nguyên nồng nặc tử khí. Lính Mỹ. Lính miền Nam. Lính miền Bắc. Anh viết về những chiếc T54 nghiền trên những người lính Sư đoàn 18. Anh viết về những lưỡi dao găm thọc vào tim máu phụt thành tia vòi. Anh viết về nỗi tuyệt vọng của những người lính trinh sát qua Kiên, hay của những bè bạn của anh ta, đào ngũ, dao động, hoang mang cùng cực. Anh lại kể về trận đánh ở Ban Mê Thuột vào một trung tâm cảnh sát, cùng những người nữ cảnh sát viên thuộc hàng ngũ miền Nam, và nhất là sự có mặt hầu như ám ảnh suốt truyện về những toán thám báo. Anh đã tả lại một toán thám báo vào mật khu, bắt theo 3 cô gái, hãm hiếp và sau đó giết họ rồi vất xuống sông. Anh nêu đích danh tay chỉ huy là một Trung úy. Nói tóm lại anh đã lột tả trần trụi nỗi kinh hoàng của chiến tranh, không che đậy, giấu giếm. Ngoài ra anh cũng vén cái màn dối trá từ lâu đã bao trùm cả xã hội và tuổi trẻ miền Bắc. Đó là điều hiếm có cho nền văn học trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thưa nhà văn Bảo Ninh,

Tôi đã rưng rưng nước mắt trên những trang giấy về nỗi chán chường cùng cực của một thế hệ bị đẩy vào lò nung,

nhưng tôi không thể không phần nộ khi anh dùng nỗi buồn chiến tranh ấy để cố ý xuyên tạc bôi nhọ một hàng ngũ thất thế.

Xin đọc lại đoạn tả một Trung úy thám báo bị phe các anh bắt làm tù binh: "Tên nom to con nhất trong bọn, mắt trái bị báng súng động lò ra, máu hòa nước mưa nhuộm đỏ nửa mặt, đưa con mắt lành nhìn Kiên cười khẩy, và khàn khàn nói, nhe hàm răng trắng ớn. - Ba nhỏ đó trình quý anh, tội này làm thịt cũng hà bá rồi... Mấy nhỏ la khóc quá trời..." (NBCT, trang 51, 52). Rõ ràng anh có một trí óc sáng tạo có một không hai. Anh tốt nghiệp khóa 3 trường viết văn Nguyễn Du mà. Nhưng anh đã không hiểu gì về vai trò của thám báo. Nhiệm vụ của thám báo là dò thám, lấy tin. Trinh sát, viễn thám, thám báo, biệt kích, những danh xưng, dù có khác nhau, nhưng nhiệm vụ là phải tuyệt mật. Chúng tôi chỉ dùng tai và mắt để nghe ngóng và rình mò và báo cáo về Bộ Chỉ huy. Toán trưởng thường thường mang cấp bậc Thiếu úy hay Chuẩn úy. Riêng cấp bậc Trung úy chỉ dành cho Trung Đồi Trưởng mà cấp số thường trên hai mươi người. Như vậy, không tên lính thám báo nào lại ngu độn đến nỗi xâm nhập vào một mật khu, lại bắt mang theo ba cô chị nuôi, để cho các anh theo dõi bắt lại. Riêng anh cho người chỉ huy là Trung úy, thì rõ ràng anh có một chủ ý thấy rõ. Cứ tưởng tượng đến một nhóm bảy người dưới sự chỉ huy của một tên Trung úy vào mật khu để bắt ba con mồi, thúc súng đằng sau, hét hò, bần bệ để mang ra khỏi rừng, giữa lúc quân chính qui các anh thì đầy đặc, rõ ràng là một câu chuyện hoang tưởng và xuyên tạc có chủ ý. Trung úy ở hàng ngũ chúng tôi cũng học nhiều trường, từ trường học, đến trường lính. Tối thiểu họ cũng có tú tài. Họ có học thức. Với cấp bậc Trung úy, ít ra họ cũng có kinh nghiệm chiến trường. Họ không ngu độn như vậy đâu. Ngay lời nói của viên Trung úy tù binh kia cũng đủ cho biết cái đối trá, phóng đại. "Ba nhỏ đó tội này làm thịt cũng hà bá rồi. Mấy nhỏ la khóc quá trời". Nội câu trả lời kia cũng đủ cho thấy cái chủ ý, cái căm thù hằn học, mà chỉ có những cai tù trong trại học tập mới dành cho những con người thất thế. Hễ là thầy giáo thì phải hăm hiếp nữ sinh. Hễ là sĩ quan tác chiến là phải mổ mật mổ tim nhân dân cách mạng. Thì ra đầu óc anh vẫn còn bị nhồi sọ bởi cái luận điệu tuyên truyền của chế độ. Hay cũng vì nhờ những đoạn này mà nhà nước đã cho NBCT được xuất bản và được cho phổ biến rộng rãi?

Cái tàn bạo trong cuộc chiến là lẽ dĩ nhiên. Tôi không khẳng định ai ai trong hàng ngũ miền Nam cũng đều là anh hùng quân tử. Tuy nhiên sự tàn bạo ấy anh đã vẽ nên không phải lúc, phải chỗ, không phải vai trò, khiến bất cứ người nào đã từng tham dự vào cuộc chiến cũng phải phì cười.

Xin anh hãy công bằng khi viết. Hơn nữa chính anh đã kể về người tù binh thám báo mời lính trinh sát các anh hút thuốc Ruby. Nịnh hay là một bản tính đôn hậu, chân thật, thân ái của những người trẻ tuổi miền Nam chúng tôi?

Thưa nhà văn Bảo Ninh,

Trong bất cứ một tập thể nào cũng có kẻ xấu người tốt. Tuy nhiên, tôi xin nói với anh một điều, chúng tôi có học, học từ tình yêu thương của Chúa và Phật, chứ không phải học từ Ban Tuyên huấn, từ ông Tố Hữu hay Chế Lan Viên, chỉ biết ngợi ca sắt máu, căm thù người cùng màu da như anh và tôi. Họ còn đấu tố cả cha mẹ họ hướng hồ đối với những người khác hàng ngũ. Anh đã không can đảm để nói lên sự thật như Trần Mạnh Hảo đã nói trong Ly Thân. Tại sao, sau chiến tranh, một nhà thơ trẻ tài ba - một thương binh cũng nguyên gốc trinh sát là Trần Khuất Nguyên, lại tìm được một người bạn tri kỷ cuối đời là một người thương binh thuộc hàng ngũ chúng tôi? Tại sao anh ta không có một người bạn nào khác trong một tập thể thắng trận là các anh?

Thứ hai, khi đề cập đến nỗi chán nản cực độ, anh đã cho nhân vật Kiên đi như đi vào chỗ không người, khi đụng trận với thám báo (lại thám báo): "Kiên chẳng buồn khom người xuống, thong thả đi tới, vẻ khinh miệt đầy uể oải. Tên địch hấp tấp bắn. Hấn cuống. Đạn nổ đình tai. Song cả ba chục viên đạn quạt căng rát kỳ thay không một viên gài vào Kiên. Anh không bắn trả, chỉ còn cách con mồi vài bước nữa, vẫn không bắn. Tuồng như anh muốn ban cho tên địch cơ hội sống còn: kịp thay băng, nhắm kỹ mà bắn gục anh. Nhưng chính sự chán chường tào tợn của Kiên đã làm xiêu lạc hồn phách hắn. Run bần bật, hắn đánh rơi khẩu tiểu liên. - Đồ cứt đái! Kiên chửi gằn và khinh bỉ siết cổ. (NBCT, trang 31, 32).

Đúng là nhà văn Bảo Ninh lại mâu thuẫn với chính anh. Trong phần trên, anh đã vẽ nên toán thám báo tung hoành trong mật khu, dằng dằng sát khí, sau khi bị bắt, vẫn lạnh lùng, thách thức, gan dạ, tàn bạo thì bây giờ anh lại cho những người lính

thảm báo kia quá tội nghiệp, thỏ đế, con gà nuốt dây thun. Anh dựng nhân vật rất hay nhưng quá giả tạo như kiểu cao bồi cải lương. Có tên lính nào ngu đần khi hấn vào thảm báo. Có tên lính nào cách kẻ địch vài bước (nhắc lại: vài bước) quạt M16 mà sợ đến độ té đái trong quần. Và có tên lính nào vừa đi vừa đếm 30 viên đạn như Kiên. Thưa anh Bảo Ninh, hấn đã tha mạng Kiên đấy. Hấn đã tội nghiệp giùm cho một người tuổi trẻ miền Bắc đấy. Hấn đã tha như tôi và bè bạn tôi đã tha đồng đội các anh. Chúng tôi đã mời họ những điều thuốc. Chúng tôi đã băng vết thương họ, kêu trực thăng mang họ về bệnh xá. Anh nhớ lại xem, những tù binh phe các anh, sau khi các anh vào, người nào người nấy mập và trắng, tiêu chuẩn đầu người bốn, năm đô la mỗi ngày, và luôn luôn được chiếu cố bởi hội Hồng Thập Tự Quốc tế..

Vâng, những người lính mà anh rẻ rúng khinh miệt ấy, trong ấy có tôi, họ không hèn đâu. Chính trong NBCT, anh cũng đã thú nhận, năm Mậu Thân, hàng ngũ của anh đã toi tã, tã toi, có đơn vị thiệt hại đến 70, 80 phần trăm. Mắt tôi thấy các anh chạy như một lũ chuột thoát thân, mà chẳng cần xin pháo dập theo, hay đuổi tiếp. Ngay cả những người nữ cảnh sát viên (lại phóng đại nữa, trời ạ. Ban Mê Thuật tôi đã từng ở mấy năm, đi tìm nát nước, nào thấy một người nữ cảnh sát viên nào đâu. Nhưng cũng xem là thật đi.) mà anh viết, họ là đàn bà phụ nữ, nhưng họ vẫn chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Chiến đấu bằng súng lục (như anh kể trong truyện) trước quân đội chính qui của các anh. Đàn bà yếu đuối mà còn dũng cảm như beo hùm, hưởng hồ là đám thảm báo chúng tôi. Họ tha Kiên chết đấy. Và anh phải thay mặt Kiên để cảm ơn họ mới phải. Đó là lý do tại sao nhà thơ Trần Khuất Nguyên trong Ly thân đã tìm đến người thương binh của hàng ngũ chúng tôi mà kết bạn trong những ngày đen tối nhất của đời anh, mà không tìm đến các anh.

Đã hai mươi năm sau chiến tranh, những tên đồ tể buôn bán xương máu tuổi trẻ Việt Nam đã lộ dạng trước ánh sáng của lịch sử. Dù kẻ bại dù kẻ thắng, chúng ta cũng vẫn là nạn nhân từ những mỹ từ, nhân danh, mà những chuyên viên xúi giở đây đang uống sấm nhưng để chờ ngày thoi thóp. Lẽ ra chúng ta không nên khơi dậy những thâm kịch của quá khứ, nhất là gây thêm cái khoảng cách giữa những người thuộc hai phe, dù Bắc, dù Nam.

Tôi cũng viết lai rai, và có trăm ngàn chuyện để viết về mấy năm làm Trung đội trưởng thám kích. Nhưng mỗi lần đặt bút lên là lòng tôi lại quặn đau. Tôi không dám kể hết về những gì mà chiến tranh đã gây nên. Tôi không thể không quằn quại khi khui lại, mở lại những sợi gân đã buộc chặt vết thương. Tôi sợ mang nỗi buồn cho con cháu tôi. Bởi vậy tôi phục anh vì anh dám mở toác loác cái vết thương. Tôi đã đau từng dòng anh viết. Tôi yêu văn nông nản chất liêu trai của anh. Anh quả là một nhà văn tài hoa chữ nghĩa. Có điều, một nhà văn có tài, không phải là tài ở những chuyện bịa đặt, phóng tác có chủ ý, để lường gạt những người ngây thơ nhẹ dạ, hay không có kinh nghiệm. Ông ta phải biết thành thật, cho chính ông, và độc giả của ông và cả kẻ thù địch với ông nữa.

Xin đừng dùng nỗi buồn mà thóa mạ một cách cố ý những kẻ bị thất thế.”

(Trần Hoài Thư)



Không rõ những lời hòa nhã trên của Trần Hoài Thư có đến dưới mắt nhà văn Bảo Ninh hay không ? Một vài trang báo điện toán có cho đi bài viết này, nhà văn Bảo Ninh chắc không thiếu

Dựa Hơi Bè Bạn

Luân Hoán. 243

cơ hội để đọc. Sự tự do của một nhà văn dưới một chính thể đang cởi mở về kinh tế, hẳn nhiên đã được cải thiện khả quan. Điều không rõ ông có nhìn ra Trần Hoài Thu cũng là một người cầm bút như ông, hay chỉ thấy người viết bài “đôi thoại” là một cựu thù đã thất thế. Trong một tập thể đông đảo như quân đội, dù phục vụ dưới chính thể nào, có lẽ cũng không thiếu một ít phần tử không được bình thường. Nhà văn là người thể hiện những chân thật, tác giả Bảo Ninh một lần nữa phác họa những nhân dạng thù nghịch với chính thể ông phục vụ qua tác phẩm *Lan Man Trong Lúc Kẹt Xe*, một tác phẩm, mà một bạn đọc quý mến Bảo Ninh, ông Thịnh Không, nhận xét trên trang điện tử Đàn Chim Việt ngày 27-10-2006:

“...*Chuyện đã gượng ép, khó tin mà thêm vào đó, nhiều chi tiết phi lý, mâu thuẫn, phản sự thật một cách lộ liễu. Sau đây là một số ít (trong đây đây) thí dụ.*”

Khi trích dẫn bài “Đôi Thoại...” của Trần Hoài Thu, tôi chấp nhận một sự lạc đề hơi xa trong bài viết của mình, cũng chỉ để chứng minh Trần Hoài Thu luôn luôn là người lính. Sự trích dẫn còn có thể gây hiểu lầm, nhưng tôi cảm thấy nhẹ lòng ra rất nhiều.

Trần Hoài Thu tiếp tục viết báo không nhuận bút như hầu hết mọi người, rồi anh in tác phẩm. Sách của anh phát hành tại hải ngoại rất dồi dào: *Ra Biển Gọi Thảm*, truyện ngắn, 1995, *Ban Mê Thuật Ngày Đầu Ngày Cuối*, truyện ngắn, 1996, *Về Hướng Mặt Trời Lặn*, truyện ngắn, 1998, *Thơ Trần Hoài Thu*, 137 tranh bìa của Huỳnh Minh Chí, giới thiệu bởi Lê Ca Dao, ấn hành năm 1998, *Mặc Niệm Chiến Tranh*, truyện ngắn, 1999.

Sự tiêu thụ văn hoá phẩm tại hải ngoại mỗi ngày một sút giảm. Số đầu sách tăng, nhưng số lượng mỗi tác phẩm càng giảm, sinh ra chi phí ấn loát cao. Để giới thiệu được sách của mình và của bè bạn thiếu phương tiện, Trần Hoài Thu đã lặn vào làm báo trong tinh thần thủ công, nhưng những trang sách, báo anh thực hiện luôn đạt được chất lượng tốt, nhất là giá trị của từng tác phẩm được giới thiệu. Tờ báo của Trần Hoài Thu thực hiện mang tên *Thu Quán Bản Thảo*, bắt đầu xuất hiện vào tháng 10 năm 2001. Nhóm chủ trương gồm: Trần Hoài Thu (lo phần kỹ thuật in ấn và sưu tập) Phạm Văn Nhân (đặc trách bài vở), Cao Vị Khanh, Trần Bang Thạch và Trần Q. Thoại (tranh

bìa). Báo phổ biến hạn chế trong vòng thân hữu, phát hành mỗi tam cá nguyệt, nhưng sống còn đến hôm nay đã 6 năm và đã lên đến số 26. Bên cạnh tờ báo, Trần Hoài Thư và các bạn anh còn chủ trương nhà xuất bản Thư Ấn Quán để in các tác phẩm của bằng hữu. Việc làm vô vị lợi, đầy ý nghĩa của Trần Hoài Thư được đồng đạo bạn văn tán dương. Cho đến nay nhà xuất bản của anh đã phát hành được:

Về thơ:

Cao Vị Khanh (Lệ Từ Nét Ngang), Phạm Ngọc Lư (Đan Tâm), Vũ Hữu Định (tập 1, tập 2), Nguyễn Bắc Sơn (Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi), Hạc Thành Hoa (Một Minh Như Cánh Lá), Linh Phương (Kỷ Vật Cho Em), Khê Kinh Kha (Tỏ Tình), Lục Bát Hoàng Xuân Sơn, Từ Thế Mộng (Lèo Đèo Một Phương Qui), Thơ Nguyễn Tôn Nhan, Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến (sưu tập 263 tác giả), Nguyễn Nho Sa Mạc (Vàng Lạnh), Hoài Khanh (Thân Phận, Lục Bát, Em Bé Hoa Hồng và Dế)

Về văn:

Tuyên Truyền Ý Thức trước 1975, Tuyên Truyền Thời Chiến của Y Uyên, Nguyễn Lệ Uyên (Sông Chảy Về Núi), Mang Viên Long (Biển Cửa Hai Người), Tuyên tập 18 tác giả miền Nam trong và ngoài nước, Văn cũ (in lại tạp chí Văn số chủ đề Phương Trong Thành Nội, tuyển tập những cây bút trẻ), Văn cũ (in lại tạp chí Văn chủ đề Thanh Tâm Tuyên), Văn cũ (Đầu xuân Lộc Mới, tuyển tập những cây bút trẻ), Cao Vị Khanh (Nghề Thầy), Lữ Kiều (Trên Đồi Là Lô Cốt), tập truyện của Nguyễn Minh, Phạm văn Nhân (Vùng Đồi, Mâu Thời Gian)

Điểm đặc biệt: hầu hết những tác phẩm này chỉ để tặng khi có yêu cầu.

Nhờ có nhà in mà anh từng gọi là "nhà in không giống ai" trong tay, Trần Hoài Thư cho phổ biến thêm một số tác phẩm khác của anh: / *Qua Sông Mùa Mận Chín*, thơ Trần Hoài Thư, 116 trang, bìa của Lê Triều Điền, ấn hành năm 2000 (tái bản năm 2001) / *Đại Đội Cũ, Trang Sách Cũ*, tạp văn và truyện, 2000 / *Thế Hệ Chiến Tranh*, tập truyện, 2000 / *Thủ Đức Gọi Ta Về*, tạp văn, 144 trang, bìa Trần Hoài Thư, ấn hành năm 2001 / *Phố Xa* thơ Trần Hoài Thư, 110 trang, bìa Trần Q. Thoại, ấn hành năm 2001 / *Đêm Rừng Tràm*, truyện hôm qua và hôm nay, 138 trang, bìa Trần Q. Thoại, ấn hành năm 2002 / *Đánh Giặc Ở*

Bình Định, tập truyện, 2002/ *Hành Trình Của Một Cổ Trắng* (truyện, 136 trang), *Ô Cửa* (tuyển thơ toàn tập, 376 trang).

Với một cơ thể không phương phi, nhưng sức làm việc, sáng tác của Trần Hoài Thu thật đáng nể. Chi nghĩ đến việc “một mình một ngựa” trong vấn đề đánh máy, in, đóng, cắt, phát hành... là đủ giật mình, sợ anh rồi. Trần Hoài Thu viết cả một bài dài, kể về cái thú tiêu thời giờ cho sách báo của anh: Cụ thể, anh sắm 5 chiếc máy nướng và đóng sách, sản xuất từ Canada và Mỹ. Mỗi máy một phút in được một tập. Để tiết kiệm điện và đạt được số lượng in cao hơn, anh tự chế một chiếc máy khác với một chảo nhôm và tấm vỉ nướng thịt, chiếc máy thủ công này thực hiện được 8 tập mỗi phút. Trần Hoài Thu vui vẻ so sánh sản phẩm tự chế của anh với chiếc xe vận tải, phá kỷ lục trong ngành sản xuất phương tiện giao thông vận tải tại Việt Nam đầu thế kỷ 21, do một tác giả tên Nhỏ Thanh giới thiệu trên trang điện tử Talawas cùng bài viết Đợi Hết Thời Thổ Tả (ngày 24-3-2006). Trần Hoài Thu than thở việc khâu và cắt sách là vất vả nhất. Tôi nghĩ rằng, nhờ lòng yêu sách, lạc quan với công việc mình chọn, Trần Hoài Thu đã vượt qua những khó khăn, chán nản mà anh chạm mặt mỗi ngày. Có thể trong lúc chân tay làm việc, Trần Hoài Thu đã nghĩ đến thơ, đã làm thơ để có thêm nghị lực. Điều này rất có thể chính xác vì thời gian sau này Trần Hoài Thu in thơ nhiều hơn. Nhận định về thơ anh, ông Lê Ca Dao viết:

“Thơ của Trần Hoài Thu chính là một phần của đời sống anh. Có thơ của lính, thuở những ngày ở Bông Sơn, Đèo Cả, Đèo Nhông, An Lão, Phù Ly...nhưng cũng có thơ của ngày hôm nay, của những ngày anh làm anh học trò già tóc bạc, lúc đưa con vào học trường y khoa.

Thơ Trần Hoài Thu, có lúc làm người đọc nhớ đến thơ Quang Dũng:

*‘Quán sớm. Cô hàng nhãn nếp lưa / tóc còn vương vít
lòng chiếu chẵn/ nước sôi reo ấm gian nhà chật/ bếp lửa hồng
gió bặt. Mùa đông*

*Gọi cốc cà phê un khói gió/ Mây thẳng râu tóc chụm thanh
xuân/. Vách trống, sát vào nhau đỡ lạnh. / Trời ngoài kia, sương
phủ mênh mông...’*

*Và cũng có lúc cũng làm người yêu thơ nhớ đến Nguyễn
Bắc Sơn:*

*‘Mưa lũ, mưa cuồng. Đêm tối bùng/ Nhận lấy ba ngày
com gạo sậy/ Không buồn chỉ một chút băng khuâng/ Đòi ta là
con số không vô tận/ May trên đầu còn chiếc mũ rùng/ Mũ nhẹ
nên coi đời cũng nhẹ/ Chiến tranh thì cũng tựa phù vân...’*

*Trích đoạn như vậy, để làm nổi bật lên cái đa diện của thơ
Trần Hoài Thư. Chữ thực ra, thơ của anh có cái phong thái
riêng, qua đó dễ được thấy cá tính của anh, đời sống của anh....*

*...Thơ của Trần Hoài Thư là thi ca của người làm chủ
được ngôn ngữ và đã biết cách để nói lên được tâm cảm của
mình...”*

(Lê Ca Dao, Diễn Đàn Phụ Nữ, trang VHNT)

Để xem ông Lê Ca Dao có quá lời vì bạn bè hay không,
xin đọc ít bài thơ của Trần Hoài Thư:

Qua Sông Mùa Mận Chín

*“qua sông mùa mận chín/ thàng nắng ngại đường xa/ em
ra vườn sau nhà/ hái mời anh chùm mận/ bông mận rơi lấm tẩm/
vỏ mận hồng như môi/ Oi em mắt cò đuôi/ má đồng tiền ửng đỏ/
gặp em, người em nhỏ/ nên quên cả đường về/ trái mận nào dặng
thì/ anh giữ hoài không cần”*

(QSMMC – THT- trang 13, 14)

Đêm Giao Thừa Năm Giữ Đường Cho Thảm Thúy Hằng

*“dẫn một đàn con chiều xuống núi/ giao thừa. không ai
nhắc mà đau/ giao thừa hai tiếng đâm tâm não/ trừ tịch: poncho
gạch gói đầu*

*một đêm sao lại buồn như mếu/ muốn nổ tan thành cả cõi
đêm/ giao thừa giao thừa ta xuống núi/ làm hiệp sĩ mù giữa u
minh/*

*giao thừa. ai đó mời ta rượu/ một nhấp, mà hồn tê tái u/
anh bạn, nghe gì không tiếng nhạc/ người ta đang nhảy đầm, /
dụ vũ xuân*

*giao thừa mừng tuổi con heo bệnh/ xin của nhà dân làm cỗ
xuân/ trung đội lập bàn thờ giữa má/ ta khẩn âm hồn...bảo bọc
đàn con”*

(QSMMC- THT- trang 25, 26)

Người Em Kiên Lương

*“em thị thành chặn vịt/ tôi sĩ quan đào trùn/ gặp em lòng
muốn hỏi/ sao miệng đành lặng câm.*

*hồ xanh, bèo không thấy/ vịt đôi chẳng buồn bơi/ nước hồ
như bốc khói/ mây buồn không muốn trôi
đây phần trùn tôi đào/ hồ,com, trâu và đất /đây căn phần
người tù/ tôi xin làm tặng vật
lũ vịt trên hồ xanh/ chen nhau dành mâm cỗ/ em nhìn tôi, ô
hay/ cúi đầu đôi má đỏ
tôi không nghe em nói/ tôi chỉ nghe trái tim/ để đêm nằm
biệt giam/ tôi đau vì hạnh phúc”*

(Thơ Trần Hoài Thu trang 6)

Cuối Năm Trong Quán Cà Phê Mỹ

*“ghé lại Dunkin gọi cốc cà phê/ cô hàng mắt xanh nhìn ra
ngoài cửa/ ngày cuối năm bầu trời
thiếp ngủ/ những nhánh cây gầy gượng chờ mùa đông
cô hàng ơi, đôi mắt quá trong/ sao không thấy lòng tôi quay
quắt/ sao không thấy mắt tôi mờ trên chiếc cốc/ nhìn nỗi buồn đặc
sệt chưa tan*

*vắng người con gái nào cũng mắt tồ than/ cũng bí mật như
lòng kim tự tháp/ tôi cũng muốn đùa, con chim xir tuyết/ ngày cuối
năm, em lại buồn so/ bắt tôi tội tình lòng dạ để đâu*

*ghé lại Dunkin gọi cốc cà phê/ nhớ bạn, ra ngoài đường đốt
thuốc/ một chút cay cay xé nồng con mắt/ như khói mù buổi sớm
Việt Nam/ cốc xây chùng để lại Qui Nhơn/ chắc sẽ nguội và động
thành lệ đá/*

*trang giấy nợ ta có lần ghi số/còn chừa ta một kẻ chạy làng
thì xin cô hàng một cốc tang thương/ đời cũng đôi lần bồng
thèm chất đắng/ cũng có khi muốn hòa nước mắt/ nhấp theo từng
hớp nhỏ héo hon/ của một người thua trận lưu vong”*

(Thơ Trần Hoài Thu trang 103, 104)

Với chỉ bốn bài trích dẫn trên, đã có thể phản ánh được tình yêu, thân phận cuộc đời của một thế hệ thanh niên Việt Nam qua nhiều giai đoạn trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Thơ là sự cô đọng tuyệt vời những tâm thức, những hình ảnh. Thơ cũng là nền móng của sự nhớ nhung, hồi tưởng. Giá trị nghệ thuật một phần nằm trong sự chân tình và kỹ thuật. Trần Hoài Thu có đầy đủ cả hai nhu cầu này của thơ. Trong mục giới thiệu Sách Mới của hai tạp chí Văn Học và Hợp Lưu, nhà văn Hoàng Mai Đạt giới thiệu thi phẩm *Ô Cửa* của Trần Hoài Thu:

*“ Trần Hoài Thu là một nhà thơ, người lính. Tuyển tập thơ
Ô Cửa gồm 245 bài thơ về một người lính trong Trần Hoài Thu,*

cho dù đa số những thi phẩm đã được sáng tác ở hải ngoại sau năm 1975, tức là khi phát đạn cuối cùng đã nổ xong. Người lính trong ông không bao giờ mất. Đọc Ô Cửa người ta sẽ thấy điều này từ đầu cho đến cuối tuyển tập.

Thơ của Trần Hoài Thu buồn, ngậm ngùi như thân phận của kẻ chiến bại. Trong “Thế Hệ Chúng Tôi” ông viết về những người lính trở về sau một cuộc hành quân: “Khi trở lại trong lòng quán tối / Thuốc vàng tay, và văng trán đăm chiêu / Thế hệ chúng tôi những đứa đôi mươi / Hồn đã mọc những nụ buồn rất sớm /... Chiếc mũ rừng che nửa mặt âm u / Đôi giày trận bết bê bùn sinh tử.”

Người lính nào mà không âm u sau khi chứng kiến cảnh chiến tranh, như trong bài “Trung Đội”: “Con sông chia cắt bờ bi hận / Cột khói còn lưu luyến chiến trường / Có ai chạy loạn bơi xuồng kẻ / Một thước đi, xác ngập thước đường.”

Tàn cuộc chiến, người lính già đành chấp nhận một thực tại mới ở xứ người. Bài “Thất Nghiệp” đã có những câu sau, không bi hùng mà chỉ bi hài: “Bây giờ ta thất nghiệp / Nàng vẫn đổ mồ hôi / Ngày xưa thê chờ phu / Bây giờ phu chờ vợ / Ngày xưa thê tựa cửa / Ngày nay phu tựa song / Chờ thê về lập công / Giúp rửa giùm chén bát...” Cho dù tiếng súng đã chấm dứt từ lâu, những ngày quân ngũ vẫn theo sát đời Trần Hoài Thu như “chiếc áo nhà binh cũ mềm” mà ông đã viết trong bài “Người Lính Nhỏ” về con nay đã thành nhân: “Hãy chụp giùm tôi tấm hình với thằng con / Khi tôi mang chiếc áo nhà binh cũ mềm bạc phếch / Cho con tôi hiểu là trong dòng máu lính / Gian khổ nào cũng bắt chấp vượt qua.”

(Hoàng Mai Đạt)

Trần Hoài Thu đã in 5 thi phẩm, nhưng trong giới cầm bút cũng như độc giả tôn vinh anh là nhà văn hơn là nhà thơ. Đọc văn anh, nhà văn Lương Thu Trung tìm thấy “chất thơ trong văn phong” anh. Ông viết:

“...Trần Hoài Thu đã viết cho bạn, viết cho người tình, viết cho vợ, viết cho con, viết cho những thế hệ trẻ, viết cho người nằm xuống cũng như cho cả người còn sống bằng lương tâm của một người lính còn may mắn sống sót sau khi chiến tranh tàn lụi. Trần Hoài Thu viết mà như tha thiết kêu gào loài người nói chung và lịch sử Việt Nam cận đại nói riêng, hãy trả lại danh dự cho những người lính trận, những lao công đào binh, những

thương binh, những anh linh tử sĩ đã hơn một lần hiến dâng đời mình cho quê hương xứ sở. Những tiếng kêu gào ấy không phải là những tiếng la hét đình tai, nhức óc mà Trần Hoài Thu thì thâm, nói mãi, nói hoài bằng con tim thương yêu người lính một cách chân thật, bằng cả cái hồn thơ của một tâm hồn nghệ sĩ. Tiếng kêu gào ấy có lúc tưởng chừng như nổi giận nhưng cả cái hồn thơ giàu chất lãng mạn, tác giả đã mang lại cho những tác phẩm của ông trở thành một cái nơi chốn ấm êm của những mảnh hồn đồng điệu, của tâm tình, của thương xót, của cảm thông, của rộng lượng, của tình người ...

Xin mời bạn thử mở ra bất cứ truyện ngắn nào của Trần Hoài Thu trong số 94 truyện ngắn trong bốn tác phẩm vừa kể, ngoài những mẫu đối thoại, còn lại bạn có thể ngắt những câu và rồi xếp lại bằng cách xuống dòng ở những chỗ đáng xuống dòng, bạn sẽ không khỏi ngạc nhiên những đoạn văn xuôi này lại mang vào thân xác nó cái hồn thơ của Trần Hoài Thu tự lúc nào. Để nhận ra cái chất thơ trong văn phong của Trần Hoài Thu, chúng tôi xin nêu ra vài ví dụ. Chẳng hạn, để mở đầu truyện ngắn Bãi Chiến, Trần Hoài Thu viết về bãi chiến năm xưa qua hình bóng trở về của người goá phụ dẫn con kiếm tìm ngôi mộ của chồng, của cha, mà hồn chữ nghĩa của nhà văn đã làm bãi chiến năm xưa hoang vắng cũng ngậm ngùi như đang cùng với lòng người goá phụ hoà nhập vào cảnh vật để mà tưởng vọng, chiều hồn anh linh tử sĩ đang phảng phất đâu đây "đời đời, kiếp kiếp" :

"Người thiếu phụ ấy đã trở về chốn cũ,
Chốn cũ nào đây ?
Di tích năm xưa như những ngọn cỏ ngậm ngùi ...
Rừng vẫn ở cuối tầm nhìn,
Vẫn mệnh mông ngàn năm sương và khói ...
Và cỏ dại vẫn bạt trùng...
Và đất vẫn đậm đỏ cùng những vũng nước đọng như đời
đời kiếp kiếp..."

(RBGT trang 15)

Nhà văn Lương Thu Trung tiếp tục dẫn chứng nhiều ví dụ cụ thể khác để đi đến kết luận:

Tóm lại, người đọc đến với tác phẩm của Trần Hoài Thu ngoài những truyện ngắn của một nhà văn viết về chiến tranh để biết đến thân phận của những người lính trận giữa đạn bom,

chinh chiến với những bi thảm, hãi hùng của lần ranh sống chết của con người trong khói lửa, người đọc còn thưởng ngoạn một bút pháp đặc biệt của tác giả nữa . Một bút pháp rất giản dị, không nhằm làm dáng chữ nghĩa, không cầu kỳ gọt giũa mà tự nhiên phát tiết từ tâm hồn nghệ sĩ lãng mạn của mình . Đó là chất thơ trong văn phong Trần Hoài Thu . Có thể nói cái chất thơ trong văn phong của Trần Hoài Thu đã góp phần không nhỏ làm cho tác phẩm của tác giả đến với nhiều người đọc khắp nơi trong vòng hơn ba mươi năm qua . Và dĩ nhiên, cái văn phong đặc thù này đã cho phép người đọc nhận ra Trần Hoài Thu đã tạo được cho mình một lối viết mới mẻ, độc đáo trong ý hướng làm mới văn chương vậy !”

(Lương Thu Trung, Ngày 14-8-1999)

Tôi và Trần Hoài Thu gần như không liên lạc với nhau sau khi rời trường Bộ Binh. Nhưng tình bạn vẫn đúng thật là một thứ tình đặc biệt. Xa mà vẫn gần. Sơ mà vẫn thân. Chỉ cần gặp một đôi lần, thậm chí chỉ liên lạc qua thư từ đã có thể khó quên nhau. Ngày 10 tháng 02 năm 1986, tôi nhận được thư của Trần Hoài Thu gửi từ Philadelphia, Hoa Kỳ. Chữ Thư viết rất giống nét chữ của nhiều vị bác sĩ viết trên đơn thuốc, khá khó đọc. Thư không dài nhưng đủ để cho tôi có thêm một điểm trao đổi tâm sự. Ngoài những thông tin, tình cảm của người bạn cũ, trên mặt giấy còn có đôi dòng thăm hỏi của *Mme* Trần Hoài Thu, (ghi đúng lại chữ dùng trên thư) thật vô cùng ấm áp. Thời gian tiếp theo sau, chúng tôi liên lạc thư từ khá đều.

Lúc bấy giờ gia đình Trần Hoài Thu đang ở miền Bắc New Jersey, nơi anh than “*héo lánh, cô độc, thiếu báo chí đọc...*” Anh vẫn nhớ đến những Lâm Chương, Nguyên Sa, Lưu Trung Khảo, Trần Sơn Hà, Phan Nhự Thức... và không quên nhắc đến cây Pilot mà anh được tướng Lâm Quang Thi trao tặng trong quân trường. Trần Hoài Thu vẫn sống bằng rất nhiều kỷ niệm thời ở KBC 4100. Anh vẫn hình dung ra tôi: ... “*gầy ốm, đen đúa bên tay Mé Kung, mặt đỏ gay vì rượu*”. Có lẽ đây là hình ảnh Trần Hoài Thu bắt gặp khi tôi đi nhậu ở khu gia binh Thiết Giáp. Nhắc lại thời đã qua để nuôi mộng sinh hoạt cho những ngày sắp tới. Chúng tôi nghĩ đến việc dựng lại vóc dáng tờ nguyệt san Bộ Binh nơi xứ người. Dĩ nhiên sự việc chẳng đi đến đâu. Nhưng ít ra chúng tôi đã khích lệ lẫn nhau sáng tác. Năm 1987, gia đình

Trần Hoài Thu đến thăm thành phố Montréal. Tôi cùng Lý đưa đón và hướng dẫn anh chị thăm viếng quê hương thứ hai của chúng tôi. Sự eo hẹp tài chánh đã không thể giúp chúng tôi đưa gia đình anh thăm viếng một số nơi thu hút khách du lịch. Cùng với nhà thơ Lưu Nguyễn, chúng tôi và gia đình Trần Hoài Thu vẫn chỉ loanh quanh trong *Jardin Botanique*, lên đồi Mont Royal, đếm bước lên nhà thờ Saint Joseph, chạy vòng các ngã phố rất ư là Sài Gòn: Saint Denis, Sainte Catherine, Côte Des Neiges... Và ngắm những chú ngựa với yên cương sắc sỡ ở khu *Vieux Montréal*... Chị Nguyễn Ngọc Yến rất thích khu vực cây nhiệt đới trong vườn hoa thành phố. Chị trầm trồ từng nhánh bông. Chị ca ngợi từng dáng lá lạ mắt. Trần Hoài Thu ít khi bày tỏ những cảm nhận, thường ngoạn của anh. Đi đâu, đứng đâu, anh cũng đem chuyện thơ văn ra làm đề tài. Tôi gặp lại sự nhiệt tình kỳ lạ dành cho văn chương, chữ nghĩa trong người Trần Hoài Thu. Sau chuyến thăm viếng này, thư từ giữa chúng tôi càng đều đặn hơn. Điều đặc biệt là chị Yến viết cho Lý chiêm đa số. Chữ viết của chị Yến rất đẹp, thanh, thẳng vững chãi hơn chữ của ông chồng văn sĩ rất nhiều. Tuy gọi vợ tôi bằng chị theo xã giao, nhưng chị dành cho Lý những thăm hỏi, săn sóc như một người chị. Tuổi đời lẫn kinh nghiệm sống của chị vượt trội hơn Lý một chút. Trong thư, chị vẫn thường bắt tiếng mời chúng tôi sang chơi cùng những hứa hẹn: “...sẽ có dịp đưa anh chị, các cháu tới New York, Philadelphia và vùng New Jersey đầy màu xanh của cây cỏ ...”

Ngày 19 tháng 5 năm 1992, chị Nguyễn Ngọc Yến lái xe đưa anh Trần Hoài Thu sang Montréal tham dự buổi ra mắt tác phẩm *Chân Dung Thơ Luân Hoán*, mở đầu cho những lần hiện diện của Trần Hoài Thu trong các sinh hoạt ra mắt sách, diễn thuyết của anh em bạn văn Montréal sau này, và lần nào anh chị cũng ghé thăm người bạn chiến sĩ cụt chân cùng một quân trường cũ.

Hạ tuần tháng 7 năm 1993, gia đình chúng tôi cũng đưa đôi rú nhau đi tắm biển. Virginia Beach của Đại Tây Dương là bãi tắm chúng tôi chọn. Trên lộ trình đường bộ, chúng tôi có dịp ghé thăm gia đình Trần Hoài Thu. Lúc bấy giờ gia đình Thu Yến đã dọn về nhà mới trên đường Coolidge vùng Plainfield tiểu bang New Jersey. Chúng tôi đến nơi vào buổi chiều, còn kịp giờ nhận lời mời của chủ nhà đi dùng cơm tối tại một nhà hàng.

Trong cái nao nức gặp lại, anh chị Thu đã vội vã đưa chúng tôi chạy lang thang qua nhiều đường phố, giới thiệu vài nơi đặc biệt của nơi mình định cư. Chị Yến vẫn giữ tay lái như chuyển đi qua Montréal trước đây. Chị cùng ông chồng nhà văn, mang độ cận thị khá cao. Trên đường đi câu chuyện linh tinh rôm rả. Tiếng cười tiếng nói giúp chúng tôi hết mệt mỏi sau mấy ngày ê ẩm ngồi xe. Chị Yến không quên giới thiệu xa lộ Ma rốc và giải thích ngay danh xưng này, khi chúng tôi có thắc mắc. Hóa ra tên gọi này do chính anh chị đặt ra theo thuật nói lái của ngôn ngữ Việt Nam. “Ma Rốc” để gọi cái hình ảnh “móc ra” liên tục những đồng tiền kẽm phải bỏ vào nhiều trạm thu trên con đường đang đi qua. Chị Yến còn hứng thú rủ ghé thăm một sông bãi. Nhưng khi nghe khoảng cách và thấy vẻ mệt mỏi của Sách, chúng tôi đề nghị dời lại hôm khác.

Ngôi nhà của gia đình ba người Thu, Yến, Thoại thuộc dạng nhà riêng, một tầng lầu. Nơi thờ Phật và gia tiên an vị trên này. Đêm chúng tôi có mặt, cả gia đình Trần Hoài Thu đều rút lên ngủ cùng với linh vị ông bà, nhường phần trệt cho gia đình chúng tôi. Sáng hôm sau, theo thói quen, tôi thức dậy sớm, không có gì làm, lười đọc báo, tôi loanh quanh quan sát cái ồ hạnh phúc của bạn mình. Phòng khách lót thảm màu xám tro. Ghế *salon* mềm nhưng dày màu mỡ gà. Bàn nước mặt kính. Sát chỗ tiếp khách, một kệ gỗ khá rộng, vững chắc đỡ chiếc máy tivi màu, 27 inch hiệu Hitachi và cái *Vidéo cassette recorder Hi Fi Stereo* cùng hiệu. Đứng hai bên dàn máy trong cùng bộ kệ bóng màu gỗ này là những tác phẩm của nhiều tác giả khác quốc tịch nhau, được sắp xếp trang trọng. Trên đầu kệ, ngay ngăn chứa sách, một đồng hồ để bàn có một chùm bốn quả lắc đang đong đưa. Kế cận cái đồng hồ đang thờ là một lẵng hoa cúc vàng chen hồng đỏ, lá xanh. Hoa giả, không hương nhưng toát ra vẻ tươi mát. Một đĩa sứ hình *ovale* dựng đứng, phơi rõ bản vẽ hình người mẹ bồng con. Trên mặt kệ này còn có hai lá cờ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa, có trụ đàng hoàng, dựng sát nhau, gọi lại tình đồng minh một thuở. Trần Hoài Thu không treo họa phẩm của các họa sĩ Á đông. Anh treo một bức họa phong cảnh khá lớn. Trên một vách hẹp hơn, chân dung Trần Hoài Thu trong áo mũ tốt nghiệp đại học, đứng ôm cháu Trần Quý Thoại thời chưa quá 13. Văn bằng của Trần Hoài Thu cũng được đóng khung treo kề bên. Vách treo ảnh này tôi có đứng chụp chung với bạn tôi

một tấm ảnh. Thời này tôi chưa nuôi râu, 52 tuổi nhưng coi bộ rất thanh niên, xấu trai. Trần Hoài Thu tươi cười, tóc thưa thớt, có chiều cao nhưng vẫn thiếu mỡ và thịt. Tôi bắt gặp một bộ ấm trà màu gan gà xinh xắn. Bạn tôi thích cà phê hơn trà kia mà. Có lẽ đây là thú chơi dậm chắng ? Tôi lần ra hiên sau. Mái hiên hình chữ nhật khá rộng, đã được rào chắn để trở thành một cái phòng. Mặt tiếp giáp với khu vườn được chắn bởi tấm mắt cáo lớn, mang hình ảnh nhà quê Việt Nam. Khu vườn chỉ rộng vừa đủ thực hiện cái thú của các danh nho Nguyễn Khuyến, Dương Lâm ngày trước. Tôi vui mừng gặp lại cái vũng của một thời xa xưa, được Trần Hoài Thu mắc trong hiên. Tôi ngả lưng lên đó, chống chân đong đưa, mắt nhìn ra vườn. Tôi bắt gặp những bụi cây xanh đang nở hoa. Tôi không phân biệt được tên những loại hoa, chỉ thấy vui vui vì những màu rực rỡ của chúng. Một cặp sóc tinh nghịch đuổi nhau như muốn làm tình. Một con chim rất lạ ghé xuống bồn nước trang trí trong một góc vườn. Từ cánh chim bay, tôi bàng hoàng phát hiện một bụi trúc mảnh khảnh, nhỏ nhoi nhưng đậm đà thân tình. Tôi rời vũng, đến nâng niu từng lá trúc. Vóc dáng quân tử của dân tộc tôi đây, tôi tưởng chừng như mình rung rung nước mắt. Lý, vợ tôi cũng vừa thức dậy. Cô ra hiên và cũng lại ngả lưng lên vũng. Tôi trở vào hiên, nắm một đầu vũng đây. Lý vờ lim dim. Chung quanh im vắng mà tôi nghe ra ca khúc Ngâm Ngùi của Phạm Duy phở từ thơ Huy Cận. Trong suốt cuộc hành trình rong chơi của tôi, phút giây này có lẽ là linh hiển nhất. Cảm ơn anh chị Trần Hoài Thu, cảm ơn ngôi nhà xinh xinh trên xứ Mỹ, phảng phất nét Việt Nam.

Tại ngôi nhà của vợ chồng Trần Hoài Thu, tôi còn có dịp băng khuâng, nhớ nhưng lại một thời ấu thơ. Điểm gợi nhớ này nằm ở cái mặt tiền. Phía trước ngôi nhà của Thu có một khoảng không gian rộng rãi, thông thoáng. Những tấm ván lắp ghép bao bọc vách tường, những máng xối, cả những mái che cửa sổ khá mỹ thuật, được sơn trắng có viền xanh thanh nhã. Tiếp với cửa vào nhà là mái hiên có gắn đèn soi, lan can sắt. Những hình ảnh chung chung rất Mỹ này đâu có thể đẩy trí nhớ tôi lùi năm mươi năm, nếu không có cái tổ chim nằm nửa kín nửa hở trong mái hiên. Anh chị Trần Hoài Thu có lẽ cũng thích chim bướm. Cảm ơn anh chị đã không phá đi cái ổ tình nhỏ bé này. Những con chim con, không rõ thuộc giống gì, nhưng qua tiếng kêu khe khẽ của chúng, tôi đoán ra, chúng đang thời mọc lông cánh. Thu

cũng kể cho tôi nghe về tổ chim này. Theo anh đã có mấy lứa “ra ràng” bay vào cuộc đời. Nhìn tổ chim ở nhà Trần Hoài Thu, tôi không thể không bức rức vì đã một lần phá nát một gia đình bồ câu. Lần đó, chỉ mới qua vài ba năm.

Sau khu nhà tôi ở trên đường Barclay, Montréal có nhiều cây cao, bóng mát, ngăn cách giữa khu chung cư tôi ở với dãy nhà của người Do Thái. Trong đám cây có khá nhiều loại chim và sóc sinh sống. Tôi bắt gặp chào hỏi, nuôi ăn chúng mỗi ngày. Những loại chim tôi nuôi, như yến, manh manh, yến phụng...thình thoảng tôi cũng đưa chúng ra hiên sau cho tắm nắng. Hiên không rộng và có cầu thang xuống *sous sol*, phòng giặt chung. Trong gần một tuần lễ, tôi bắt gặp một cặp bồ câu thường ghé qua hàng chắn song mái hiên mình, nghiêng đầu, ngó chỗ này, nhìn nơi kia ngẫm nghĩ. Có chút ít kinh nghiệm nuôi chim, tôi biết ngay đôi chim đang tìm ổ đẻ. Tôi ra nhìn trần hiên, vách tường. Không chọn được điểm nào thích hợp. Cuối cùng tôi quyết định phình Lý đi mua một cái kệ sắt, gồm năm ngăn, không vách, loại kệ thường dùng ở *garage* để đựng phụ tùng linh tinh. Lý tin tôi dùng nó trong việc để những vật dụng ít khi xài tới mà không sợ hư hỏng, cùng những hộp nhựa đựng kẹp phơi áo quần. Kệ sơn xám, tuy bằng sắt nhưng khá nhẹ nhàng, tôi kê ngay ra hiên và cũng tìm ngay một thùng *carton* lớn vừa phải để làm tổ chim. Tôi dùng vài chiếc áo vải mỏng của vợ tôi lâu ngày không mặc, cắt ra thành sợi, lót thay những cọng rơm. Tôi cũng tìm thêm một ít lá cỏ khô, và bứt một ít cọng cỏ để lót chung. Tôi đặt tổ trên đầu kệ sắt, sát vách tường, cẩn thận cột giấy thép và nguy trang vải cục đá ở ba mặt cho có vẻ tự nhiên. Vết mát tay như lót ổ chim nuôi, đôi bồ câu chỉ mấy giờ sau là ghé lên thăm viếng, rồi rủ nhau sửa sang lại chút đỉnh. Tôi đặt máy *Handycam vidéo 8 sony* để theo dõi. Dĩ nhiên Lý đã biết ý đồ của tôi nhưng rất vui vẻ hưởng ứng. Tổ ấm này sau đó trở thành chỗ cư ngụ của gia đình cặp chim đến mấy năm. Nhiều lứa chim con ra đời. Đôi chim cha mẹ đã khá dạn dĩ. Vào một ngày mùa nắng, tôi bắc ghế quan sát, nhận thấy tổ chim đã bị hư hỏng nhiều vì tuyết, mưa tạt vào. Tôi dọn vệ sinh. Lúc dọn không vấn đề gì xảy ra, nhưng khi vào nhà rửa tay, tôi phát hiện trên da thịt, mặt mũi mình bám đầy những con mạt bé li ti (một loại bọ nhỏ ở lông vũ hoặc rơm rạ). Ngứa ngứa bắt đầu. Tôi tắm liên tục vẫn không thấy hết. Những ngày tiếp theo, Lý ra hiên phơi áo quần

cũng bị những con mắt tấn công vì đã động ồ. Lý căn nhắc mấy hôm dẫn đến việc tôi ngâm ngủ giữ đi ồ chim, đưa tạm ồ trứng chưa nở ra một cành cây thấp. Đôi chim câu lui tới cả tuần trên đầu kệ sắt, ngơ ngác, bàng hoàng. Để dẹp hy vọng của chúng, tôi dẹp luôn cái kệ, và kéo màn cửa sau đến mấy ngày, khi tôi xuống bếp.

Qua một đêm ngủ lấy hơi, chúng tôi được vợ chồng Trần Hoài Thư lái xe theo đến thủ đô thế giới, thành phố New York. Đây là lần đầu tiên chúng tôi đến thành phố lớn nhất trên mặt đất này. Thăm và chụp ảnh nhiều nơi tại khu phố Manhattan, trung tâm mậu dịch quốc tế World Trade Center New York... và khu



đứng: LH - Tô Thùy Yên - Phan Ni Tấn - Trần Hoài Thư - Song Thao
ngồi: Nguyễn Hữu Chung - Trang Châu

ngày hôn lễ Bích Dũng, 1996

phố Tàu. Anh chị Trần Hoài Thư hướng dẫn và giải thích cho tôi nhiều điều hiện diện tại Nữ Ước. Điểm đến tiếp theo của chúng tôi là thành phố Baltimore để thăm nhạc sĩ Vĩnh Điện. Sau một đêm tâm sự, tác giả ca khúc *Vết Thương Sỏi Đá* đưa chúng tôi qua thăm thủ đô Hoa Kỳ, Rồi từ Washington chúng tôi đến thành phố Burke của Virginia để thăm gia đình họa sĩ Đinh Cường. Tại đây chúng tôi tình cờ được tháp tùng nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc, ký giả Bùi Bảo Trúc tham dự chớp nhoáng một buổi ra mắt sách, trước khi đi đêm xuống vùng biển

Virginia Beach. Trên đường về chúng tôi ghé sông bạc Atlantic, rồi lang thang qua một số thị trấn khác dọc theo xa lộ trước khi về nơi có tổ chim bồ câu đã bị tháo bỏ.

Liên tiếp hai mùa hè kế chúng tôi thăm các sở thú, mùa hè năm 1995, chúng tôi đến bãi biển Wildwood Beach và trên đường về, chúng tôi ghé qua đêm tại nhà anh chị Trần Hoài Thu lần thứ hai. Giao tình tốt đẹp giữa chúng tôi suýt bị phá hỏng bởi chuyện ra mắt sách.

Năm 1996 Trần Hoài Thu phát hành cuốn truyện *Ra Biển Gọi Thâm*. Tuy không đề nghị, nhưng nếu có người tổ chức sách ra mắt tại Montréal Trần Hoài Thu sẽ rất vui. Điều đáng tiếc là các bạn văn Montréal gần như đuối sức sau buổi ra mắt tập thơ của anh Tô Thùy Yên, nên đành phải lặng lẽ trước tác phẩm mới của một người bạn đầy chân tình với Montréal. Cá nhân tôi, ngoài cái tên đứng kế với anh em trong những lần tổ chức, không làm nên trò trống gì. Tôi tự thẹn với Trần Hoài Thu vì những buổi ra mắt sách cho Thụy Khanh, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Tấn Hưng, Du Tử Lê, Dương Kiên, Mai Kim Ngọc... Rất may, Trần Hoài Thu được một người bạn khác đề nghị, dùng phòng khách của anh ta để ra mắt sách. Buổi Trần Hoài Thu ký sách tặng bạn bè, bạn đọc đó nhằm vào đêm 29 tháng 6 năm 1996. Buồn và có quan hệ không mấy tốt với người bạn tổ chức cho Thu, tôi đã không có mặt trong buổi sinh hoạt ấy. Nhưng với sự bao dung, anh chị Trần Hoài Thu vẫn vượt hàng trăm cây số để đến với gia đình chúng tôi trong cuộc vui nhân ngày vu qui của cô con gái Lê Ngọc Thạch Bích, hôm 15-7-1996.

Chúng tôi vẫn thường xuyên thăm hỏi nhau qua điện thoại, rồi điện thư. Trần Hoài Thu trở nên bận rộn suốt ngày vì vừa sáng tác vừa làm báo, in sách. Tôi có cảm tưởng như anh ăn ngủ cùng sách báo, mực in, máy nướng, máy cắt trong từng giây phút. Trong thời gian này, tôi cũng ham chơi *internet* nên chẳng đóng góp được gì cùng công việc đầy ý nghĩa của anh. Gần đây nhất, qua nhà thơ Uyên Hà, họa sĩ Nguyễn Nho Châu, em trai nhà thơ Nguyễn Nho Sa Mạc có cho phép tôi in thi phẩm Vàng Lạnh, gia tài của Nguyễn Nho Sa Mạc để lại. Đây là cơ hội ngàn vàng để tạ tình một người bạn thân mệnh yếu, nhưng vì nhiều điều kiện trở ngại, tôi đành bán cái cho anh Trần Hoài Thu cùng cơ sở Thư Ấn Quán của anh lo. Không ngờ, chỉ trong một thời gian rất ngắn, Trần Hoài Thu đã hoàn thành dự định thật tốt đẹp,

kip thời điểm phát hành trong ngày giỗ lần 43 của Bửu, bạn tôi. Sự thành công trong chủ trương làm giàu Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam của Trần Hoài Thư quả thật phụ thuộc vào tấm lòng yêu chữ nghĩa, yêu văn học nghệ thuật của anh.

Ngồi ghi lại những dòng kỷ niệm này, tôi như thấy ngay trên phím chữ trước mặt, hình dáng một người bạn biết nói, biết nghe, vừa phải chững chạc. Có nhiệt tình, có trầm tư chín chắn trong mỗi một sinh hoạt. Trần Hoài Thư không bốc đồng, ba phải như tôi. Có thể ảnh hưởng môn toán anh từng theo học, nên anh có những tính toán rất hợp lý. Là một sĩ quan chỉ huy đám khinh binh, nên anh khéo sắp xếp những vị trí công tác, và điều hành trôi chảy. Tôi suy ra điều này khi nhìn vào sự thành công nhíp nhàng của tờ báo Thư Quán Bản Thảo và cơ sở xuất bản Thư Án Quán mỗi ngày một phát triển, nhận được sự tin cậy từ các bạn văn trong và ngoài Việt Nam. Thư Quán Bản Thảo, Thư Án Án Quán, tên gọi nào cũng ám cái hình ảnh của Sách, của Trần Hoài Thư. Một người như vậy để gì suốt đời không biết quý sách ?

Tôi đã vài lần viết tặng Trần Hoài Thư đôi câu thơ. Dù vẫn không như ý, cũng xin chép lại ở đây, như một tài liệu:

*“Kéo quân qua quất bạn hiền/ xa lộ “ma rốc” đêm
nghiêng ngả cười/ đời vui nhờ cảm biết vui/ cảm ơn trời đất nuôi
người thành tâm”*

*“Thân khô ngay từ thuở/ Thủ Đức Gọi Ta Về/ tha thiết tình
sông núi/ nuôi thom lời nguyện thề/ trên từng vương trang chữ/
mặt trận vẫn cận kề/ chẳng phải vì hiếu chiên/ phải chăng hận
xa quê ?”*

*“ nấng sót một chùm trên tóc khô/ mà thom nguyện cả
thuở giang hồ/ dang tay ôm lại tình huynh đệ/ quý sách, nằm
quên nghĩ đến thơ...”*

*“ông thầy mỏng mảnh như lau sậy/ khói lửa oằn thêm sức
bật thoi/ đôi vết sẹo cuồn thêm thắm mặn/ gánh văn đi dạo dọc
theo đời/ sau lưng thấp thoáng nàng Thị Lộ/ thương chàng Quý
Sách ghé vai thom”*

22-01-2007



Trần Mộng Tú trong vườn hoa vàng

Năm thì mười họa, tôi vui vẻ nhận được một cuốn sách có chữ ký của tác giả. Nhưng trong ít trăm cuốn đã nhận, chưa có người sáng tác nào thuộc phái yếu. Năm 1991, tôi bất ngờ, sung sướng nhận được thi phẩm “Thơ Trần Mộng Tú” do chính tác giả ký, gởi tặng. Thú thật, nhờ được giới thiệu trước, nỗi vui sướng của tôi mới thật sự trọn vẹn, bởi quý danh của người có lòng, thiếu đi một chữ duyên dáng, xác định cần thiết của những người đẹp. Căn cứ vào chữ



“Mộng” đây yếu điệu thì chưa đủ. Nam nhi đâu thiếu những người dùng chữ xinh đẹp này. Việc tôi được tặng sách cũng không phải là sự tình cờ, và chắc chắn cũng không phát xuất từ tự nguyện. Tôi nhận được quà, nhờ nhà văn Nguyễn Đông Ngạc. Trong một lần đến nhà Ngạc chơi, theo thói quen, chúng tôi tán dóc về chuyện sách, báo. Lần đó, chúng tôi nhắc về những cuốn sách mới xuất bản. Tập “Thơ Trần Mộng Tú” được nhắc tới.

Đã có đọc thơ của tác giả này qua một số tạp chí Làng Văn, Văn Học, Văn, Thế Kỷ 21...tôi buột miệng khen: “*bà này làm thơ tới lắm*”. Nguyễn Đông Ngạc cười bảo: “*thơ hay, người đẹp nữa đấy, nếu Hoán thích, để tôi giới thiệu cho, chỗ bà con mà!*” Anh nói thêm, chắc như đinh đóng cột: “*Tôi sẽ nói cô ấy gởi cho Hoán một tập thơ*”. Thân mẫu của Ngạc là một bạn đọc của các nhà văn, nhà thơ Việt Nam từ thời còn trong nước kéo dài đến nay, tủ sách của bà gần như không thiếu một tác giả danh giá nào. Hôm đó bà có mặt, nói tiếp lời Ngạc “*cô ấy là con của một người làm sui với tôi, hỏi ở Bắc hai gia đình còn là láng giềng nữa*”.

Tiết lộ của thân mẫu Ngạc làm mất ngay chút xíu hy vọng của tôi. Con của một người sui gia thì sự thân tình hẳn xa vạn

dặm. Tôi nghĩ, việc Ngạc bảo sẽ nói cô ấy tặng sách chỉ là vui miệng, nói dóc chơi thôi. In sách, tặng sách, có thể nói như phim Tàu là chuyện “thiên kinh địa nghĩa”, nhưng người tặng sách ít ra phải biết đại khái về người sẽ nhận quà. Tôi thì chấp chờn vài bài thơ trên ít báo hải ngoại để gì được ai biết.

Nhưng tập thơ với chữ ký tác giả đã đến với tôi vào ngày 10 tháng 6 năm 1991, trong lưng bìa sau của tập thơ, tôi có ghi rõ ngày vui này. Tôi không còn nhớ hết nỗi khoan khoái của mình khi cầm tập thơ xinh xinh trong tay. Nổi xúc động khi nhìn hàng chữ đề tặng và cả chữ ký vô cùng giản dị của chị Tú: Chữ “t” không viết hoa dính liền với chữ “m”, chữ “m” dính liền với chữ “tú”, cũng không viết hoa và có dấu sắc đằng hoàng, nhìn chung như một chữ viết bình thường, ai cũng nhại tuồng chữ được. Chị Tú lại còn nâng tôi lên cấp “thi sĩ” nữa thật là thú vị. Chắc chắn trăm phần trăm tôi đã viết thư cảm ơn chị. Việc làm đương nhiên này, suốt đời tôi chưa quên thực hiện lần nào, khác với một số ít bạn “ngon lành” ngày nay, nhận sách rồi im lìm, không một hồi âm cho người gởi sách khỏi lo thất lạc, dù có đủ phương tiện thông tin không mất tiền như điện thư. Tôi và nhà văn Song Thao, thỉnh thoảng cũng gặp những vị “ngon lành” quên phép lịch sự này.

Tập *Thơ Trần Mộng Tú*, nền bìa trắng bóng. Họa sĩ Khánh Trường trình bày với chính bản vẽ của anh: Khuôn mặt thiếu nữ nhìn nghiêng, có tóc, có cổ nhưng thiếu vai, màu sắc đậm đà. Người Việt đứng tên xuất bản. Bìa sau để lưng trần, không chữ, không hình vẽ nào. Nhìn chung rất nghệ thuật, thanh thoát. Sách dày 120 trang, được xếp trang theo thứ tự: trang 3, ghi hai dòng, sát nhau; dòng trên chữ Thơ. Dòng dưới : chữ Trần Mộng Tú. Trang 5 là trang mặt của cuốn sách, trình bày chữ Thơ nhỏ phía trên, chữ Trần Mộng Tú khá lớn nằm cách xa dưới chữ thơ, gần cuối trang giấy tên nhà xuất bản Người Việt và năm xuất bản được in dòng dưới, tất cả dùng *font* chữ Monotype Corsiva. Ở trang 6, giới thiệu những sáng tác đã xuất bản của Trần Mộng Tú, kể từ 1990 về trước, gồm:

Tuyển Tập Thi Ca, in chung cùng nhiều người, thơ viết trong khoảng thời gian 1975-1977, do Bồ Cái tại Hoa Kỳ xuất bản.

Thơ Việt Nam, Chiến Tranh, Lưu Đày, in chung cùng nhiều người, do Gìn Vàng Giữ Ngọc, Hoa Kỳ xuất bản năm 1976.

Trăng Đất Khách, tuyển tập truyện ngắn của các cây bút nữ tại hải ngoại, do Làng Văn tại Canada xuất bản năm 1987.

Ở trang 7, giới thiệu những chi tiết thường lệ của một cuốn sách, trong đó ghi:

*“Bìa: Khánh Trường, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp
Phụ bản họa: Khánh Trường, Thái Tuấn, Nguyễn Khai,
Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp
Phụ bản nhạc: Hoàng Quốc Bảo, Vũ Thái Hòa, Tiến
Dũng, Trần Trung Ngọc”*

Trang 9: Lời tựa, do chính nhà thơ Trần Mộng Tú viết, nguyên văn:

*“ Những điều tôi muốn giữ kín cho riêng tôi thì tôi lại
bồng bột đem viết cả vào thơ. Tôi làm thơ nghĩa là tôi để tình túy
hồn tôi tuôn ra cùng mực. Tôi thu vào lòng tôi những yêu thương
hạnh phúc, những phiền muộn, ngang trái của cuộc đời, để dành
mãi trong một góc hồn, không chịu nổi phải viết ra thành thơ.*

*Tôi là con tằm ăn hết lá dâu non, dâu già thì tự động phải
nhả ra những sợi tơ.*

*Tôi làm thơ nghĩa là tôi chuyện trò cùng cây cỏ, tôi tự tình
cùng trăng sao, tôi khóc than cùng sông nước.*

*Tôi không thể bước thân nhiên lên một chiếc lá vàng mà
không nghe hồn mình rúng động.*

Tôi vỡ oà và tan thành trăm mảnh vào những đêm trăng sáng.

*Sông nước đã cuốn tôi theo không phải là để nhận chìm
mà là để cho lòng tôi run rẩy.*

*Mùa xuân đến thì hồn tôi đậm lộc xanh, nở hoa vàng, thơ tôi
cười, thơ tôi hát. Nhưng vào thu thì hồn tôi róm đỏ như những
chiếc lá phong, thơ tôi trôi vào một giòng sương đục.*

*Những đám mây trắng mùa hạ cũng cảm dỗ tôi và treo thơ
tôi lơ lửng trên những cánh ve sầu. Tôi úp mặt giữa hai bàn tay
bé bỏng vào những buổi sáng mở cửa nhìn ra một mảnh đất trời
trắng xóa. Tôi gầy vụn như những cánh bướm tuyết rơi vào
khuôn cửa kính. Tôi và mùa đông tan thành thơ.*

*Tôi làm thơ, nghĩa là tôi đọc 1000 trang sách rồi viết tiếp
chương 1001. Tôi soạn một bản nhạc mà không phải dùng đến
âm giai.*

Tôi làm thơ nghĩa là tôi hát một bài hát mà không cần giọng kim giọng thổ. Tôi vẽ một cây cầu vồng mà không cần đến những ống màu bảy sắc khác nhau.

Tôi làm thơ nghĩa là tôi chúc tụng hạnh phúc mà không phải đi dự tiệc tân hôn, ai điều lòng người mà không cần phải đến nghĩa trang.

Tôi dùng ngôn ngữ để cô đọng ngôn ngữ, và tôi rất hài lòng. Vì phải chăng thơ là tinh hoa của ngôn ngữ ?

Mời bạn hãy bước vào cánh đồng thơ tôi, tuy chưa được mệnh mông bát ngát, nhưng xin bạn hãy cẩn thận vì cánh đồng thơ tôi không có hàng rào”.

(Trần Mộng Tú, 4-90)

Có thể xem đây là một bản tuyên ngôn về sự việc làm thơ của tác giả một cách thú vị, tinh tế. Tiếp sau văn bản này là 58 bài thơ, như 58 luống hoa của Trần Mộng Tú. Khởi sự bùng nổ với Người Đàn Bà Thi Sĩ Việt Nam. Một chút cái tôi của chính nữ sĩ được giới thiệu, được tường trình bằng những hình ảnh thật đặc biệt, phát sinh từ hoàn cảnh đất nước, trong một giai đoạn đáng buồn của lịch sử.:

“Mẹ tôi chuyển dạ trên một chiếc xe rom

Có hai con bò kéo

Hai con bò nào hiểu

Đang chở một thi sĩ trên lưng

Và thi sĩ ra đời

Bài thơ đầu tiên là tiếng khóc...”

Dù chính xác hay chỉ thi vị, hư cấu, những dòng thơ trên thật là đẹp. Hình ảnh người thi sĩ này đến với cuộc sống có phần khác thường nhưng không bi thảm. Tôi nghĩ, không chỉ đôi bò mà cả chiếc xe, cả những cọng rơm lót ổ trên xe, đều linh cảm được sự có mặt của một nguồn sống tràn đầy văn hoá sau này. “*Bài thơ đầu tiên là tiếng khóc*” quả thật như vậy. Bởi tiếng khóc ở thời điểm nào, cho hoàn cảnh nào cũng rất gần với thơ, nếu ta lắng lòng cảm nhận. Những địa danh, những con đường, những khoảnh khắc hít thở, đến một cuộc tình lần lượt được sống lại, được gọi tên như từng mũi dao, có đủ đau thương, chua xót khắc sâu vào tim, vào não của một người giàu chân tình. Suốt cả chiều dài bài thơ là những gợi nhớ, gần như riêng tư với bao nhiêu vết tích đã và đang trở thành kỷ niệm. Nhưng thật linh

hiển, những nét riêng biệt bỗng trở thành hình ảnh chung của nhiều phụ nữ hiền thực Việt Nam: biết tạo dựng và nuôi dưỡng hạnh phúc gia đình:

*“Buổi sáng người bố đi làm
Các con đi học
Mẹ ở nhà nấu ăn, làm bánh, làm thơ
Bạn bè đến nhìn vào
Khen gia đình tôi hạnh phúc...”*

Người phụ nữ biết làm thơ có thật sự nhiều nước mắt hơn những người đàn bà bình thường, dù nàng là những danh nhân, công chúa như Chiêu Quân, Hạnh Nguyên... ? (...*Hỡi nàng công chúa Huyền Trân/ khi nhớ quê đã khóc được bao lần/ chắc khóc ít- vì không phải là thi sĩ*. - Thơ Trần Mộng Tú). Tôi nghĩ rằng, những người phái đẹp biết làm thơ, sẽ biết nhiều cách khóc tuyệt diệu. Làm thơ nhiều khi cũng là một cách khóc.

Trần Mộng Tú tiếp tục vẽ chân dung tâm hồn mình trong hầu hết những bài thơ của chị. Chị sử dụng nhiều thể loại. Bảy chữ, năm chữ, tám chữ, lục bát, tự do với câu ngắn tiếp câu dài... chỉ là những phương tiện để sắp đặt ngôn ngữ. Ngôn ngữ thi ca lâu nay vẫn chỉ loanh quanh quen thuộc, và là của chung nhiều người. Gần đây thêm được một số từ vốn không dùng cho thơ, nhưng chị Trần Mộng Tú không đụng đến. Thơ cũng như nhiều bộ môn nghệ thuật khác cần có sắc thái riêng. Cái căn cước của mỗi người chỉ có điểm khác nhau ở nội dung. Cách xếp chữ, trình bày hình ảnh, màu sắc xen lẫn việc biểu lộ chân tình cũng sẽ làm nên dáng vẻ riêng biệt. Chị Trần Mộng Tú thành danh thi sĩ vì có khả năng này trước tiên. Trong một điện thư cho phép tôi được Dừa Hơi, chị Tú căn dặn:

“...Anh cần hỏi tôi điều gì cứ hỏi. Nhưng chỉ xin một điều là đừng có khen quá. Tôi dễ bị ngược khi nghe khen, vì bạn bè nhiều khi hay khen nhau một cách quá đáng, làm độc giả bên ngoài khó chịu”

(Tue 14.Nov 2006-09.3718-0800)

Chị Tú đã tế nhị và cẩn thận. Nhân đây, tôi xin thú thật, tôi có vài thói quen khi phải trả lời những câu hỏi có tính cách nhận định, từ một số bạn có chút chút quen biết hoặc chưa. Nếu đã đọc được một bài không ưng ý. Tôi thường trả lời: *“có thấy bài anh, xin lỗi chưa kịp đọc...”*. Ngược lại, gặp một bài hay, tôi

luôn luôn ngắn gọn: “*đọc rồi, thú vị lắm*”. Ở câu trả lời đầu, tôi thiếu thật thà, nhưng với câu trả lời sau, tôi rất thật tình. Cơ hội tôi khen bè bạn rất hiếm. Một vài bạn văn in sách tìm không ra người giới thiệu cho tác phẩm mình đầy đủ lệ bộ, mới áp dụng câu tục ngữ “ không chó bắt mèo ăn c...”. Trong trường hợp bị ép ả này, tôi chỉ ba hoa, loanh quanh, với những câu đậm đà chất màu mè, nhưng sạch sẽ bên trong là xong. Dĩ nhiên không thiếu điều đáng đề cao, khen ngợi trong các tác phẩm của bằng hữu tôi. Ngay ở thơ, ở văn của chị Trần Mộng Tú cũng vậy. Nét đẹp của thơ văn chị, tôi không nói lên được, không phải vì lời dẫn của chị mà vì tôi thiếu khả năng để diễn đạt sự cảm nhận, thưởng ngoạn của mình. Cảm nhận cái tinh túy của một tác phẩm không khó, nhưng phân tích cái giá trị đó thành bài bản, thuyết phục người khác đồng quan điểm với mình không phải là chuyện dễ. Để có một vài cái nhìn về thơ chị Trần Mộng Tú, tôi xin trích một số nhận xét:

“Có thể nói Trần Mộng Tú là nhà thơ nữ được biết đến nhiều nhất ở hải ngoại. Ngôn ngữ thơ Trần Mộng Tú chuẩn mực, nghiêm túc, giống như ngôn ngữ của một nhà giáo, cân nhắc từng lời mình buông ra. Dù vậy, nhà thơ vẫn không giấu được một khối tình cảm đầy ắp ở bên trong. Đầy mà không tràn. Tình yêu cũng chuẩn mực như chính ngôn ngữ của cô; hay đúng hơn, ngôn ngữ đã được chuẩn mực hóa như tình yêu của cô: vừa phải, chừng mực, nhưng không kém về sâu sắc, ý vị.

Thơ Trần Mộng Tú là thơ tình. Thứ tình rất keo sơn, thủy chung. Thứ tình bất tận. Tình yêu quê hương. Tình yêu gia đình. Tình yêu đôi lứa và đặc biệt, tình yêu đối với cuộc đời, dù với bao cay đắng, phũ phàng. Trần Mộng Tú luôn ca tụng lẽ thiện và niềm hạnh phúc chung cho con người, nhưng không thù ghét cái ác, người ác. Thơ cô là biểu tượng lòng bao dung tha thứ của một người mẹ, một người chị, một người em gái, mở rộng vòng tay đối với những sai lầm, man trá, tàn ác...”

(Vinhhao.net/Doctho/tranmongtu.htm)

“...Trần Mộng Tú là nhà thơ tiếng tăm hải ngoại. Mọi thứ tình người tràn trề trong tâm chị, trào ra ngọn bút ngọt ngào tươi tắn, chị không trau chuốt mài dũa từng chữ nên thơ chị cực kỳ trong sáng gây xúc động. Bài thơ nào cũng có tình thương yêu như hạt kim cương lấp lánh đã tạo cho Trần Mộng Tú một giọng

thơ-văn riêng biệt. Thơ chị là món quà quý hiếm còn sót lại giữa thời buổi thơ hậu hiện đại bắt đầu mở màn cho kỷ nguyên mới khác.”

<http://amvc.free.fr/Damvc/GioiThieu/TranMongTu/GioithieuTMT.htm>



Thơ Trần Mộng Tú không chỉ được phổ biến, đón nhận tại nhiều quốc gia có người Việt cư ngụ. Những người có lòng với văn học tại Việt Nam cũng sớm giới thiệu thơ chị đến với bạn đọc trong nước. Có lẽ ngoài ba tuyển tập thơ: Vàng Trắng Lưu Lạc do Hội Nhà Văn Hà Nội xuất bản năm 1994, Thơ Việt Nam Hiện Đại do nhà xuất bản Hội Nhà Văn sưu tầm, xuất bản năm 1995 và Thơ Tình Việt Nam và Thế Giới do ông Nguyễn Hùng Trương (Khai Trí) sưu tập, nhà xuất bản Thanh Niên ấn hành, thơ Trần Mộng Tú còn được tuyển in trên nhiều tuyển tập khác tại Việt Nam.

Định cư tại Hoa Kỳ, nhưng nguồn cảm hứng của Trần Mộng Tú được lượm từ nhiều quốc gia. Những con ngỗng bay từ nước láng giềng Canada, đã may mắn được sống đời cùng thơ chị. Đây là bài thơ “Chàng Ngỗng Gia Nã Đại Trong Vườn Thú Issaquah” ở hai trang 288, 289 của tuyển tập Thơ Việt Nam Hiện Đại, gồm đầy đủ phần dẫn nhập và thơ:

“Hàng năm cứ vào đầu mùa thu, từng đàn ngỗng Gia Nã Đại (Canada Goose) rủ nhau kéo về Bắc Mỹ để tìm nắng ấm rồi từ đó lại xuôi dòng về Trung Mỹ để trốn mùa đông. Ngỗng cứ đi, đi mãi và dừng lại ở bất cứ dòng sông, mặt hồ nào ấm áp. Trên hồ Sammamish chảy qua thành phố Issaquah, nơi nàng cư ngụ có chàng ngỗng ngờ ngác đi lạc vào vườn thu hoa cúc nhà nàng.

Sau khi ăn hết những mẩu bánh hạnh phúc trong tay nàng, chàng lại lững thững ra đi, tìm một dòng sông khác. Nàng đứng nhìn theo, vài chiếc lông ngỗng bay bay trong gió, những vụn bánh rơi ở trong vườn, vết sước giữa lòng tay nàng. Tất cả như một giấc mơ...

Mùa thu vừa rẽ vào trong ngõ/ áo cúc vội khoe đầy khuy vàng/
từng đám ngỗng lạ theo nhau đến/ trên hồ đập cánh gọi vang vang.

Có chàng mơ mộng như thi sĩ/ ngơ ngác đi lạc vào vườn hoa/
nàng ôm một vốc đầy vụn bánh/ thấp tay mời đón khách phương xa.

Chàng khẽ nghiêng đầu không lên tiếng/ cả hai lặng lẽ đứng nhìn nhau/
gió thu rạo rục trên hoa cúc/ lông ngỗng bay bay trong mắt sầu.

Bên ấy bên này bao nhiêu dậm./ dậm thời, dậm nước, dậm tương tư/
mỗi lần thu đến chàng bỏ xứ/ mảnh hồn lãng tử vẫy xa mù.

Khi lá rừng phong thay sắc đỏ/ chàng sẽ theo đàn về chân mây/
mẩu bánh ân cần rồi cũng hết/ chỉ còn vết sước giữa lòng tay.

Chàng ngỗng nhâm nhi xong hạnh phúc/ lững thững quay lưng trở lại hồ/
nàng đứng giữa vàng thu hoa cúc/ mối tình lông ngỗng xoá như mơ”

(Trần Mộng Tú, 9-92)

Trần Mộng Tú là một thi sĩ khai thác trọn vẹn xúc cảm của mình. Những hình ảnh thường ngày trong cuộc sống, những sinh vật, thực vật chi bất gặp được thi vị hoá và san sẻ hồn thơ của chị. Thú vị nhất là những sáng tác chị viết tặng những người thân yêu trong gia đình và bằng hữu. Những bài viết này, có lẽ không chỉ gọi đến những người được nhớ tưởng, mà được gọi đến, dành riêng cho chính cá nhân tác giả. Bài “cho Cung đã mất” có tên Chuông Gọi Hồn Ai là một ví dụ:

“ Mai em về người tình xưa còn đợi/ mắt nâu trong em xin mượn làm gương/
em sẽ kiếm trong mảnh gương vỡ đó/ giải mây xanh thừa chưa mất Thiên Đường.

Mai em về Người có lòng rộng mở/ tay bao dung ôm nhẹ chút dư hương/
em bé nhỏ đời cuốn đi trong gió/ trái tim hồng sót lại một giọt sương.

*Mai em về hồi chuông xưa vẫn đổ/ Người có cùng em khóc
cuối giáo đường/ ôi lạy Chúa tình yêu lá trái đắng/ con cắn chia
nhau từng múi đau thương.*

*Mai em về tìm thăm ngôi nhà nhỏ/ bên thềm trăng Người
có đón em vào/ em sẽ úp mặt lên chăn gối cũ/ tìm hương xưa
trong tóc rối ngọt ngào.*

*Khi em về mắt nâu người khép kín/ gối chăn xưa bày bán
giữa chợ đời/ trăng thơ mộng vỡ tan trên thềm cũ/ chuông giáo
đường rộn rã gọi hồn ai”*

(Thơ Trần Mộng Tú, trang 78, 79)

Xin được ghi chú ngay ở đây: Nguồn gợi hứng, được nghĩ đến là Cung, nhưng bài thơ vẫn chỉ vì Trần Mộng Tú mà có. Riêng nhân vật Cung tên thật là Thái Hoàng Cung, người chồng đầu đời của nhà thơ. Anh Cung là một nhà giáo, tốt nghiệp Đại học Sư phạm ban Pháp văn. Sau một năm hành nghề, anh thi hành lệnh tổng động viên của Việt Nam Cộng Hòa. Giấy gọi nhập ngũ đã tạo cơ hội lập sớm hôn thú giữa Cung và Trần Mộng Tú, vào tháng 6 năm 1968. Hôn lễ của hai người chính thức thực hiện vào sau lễ Phục sinh, tháng 4-1969. Việc lập hôn thú trước giống như trường hợp của tôi và Lý, cốt yếu tránh những thủ tục xin phép, điều tra gia đình bên vợ, theo hệ thống quân giai sau này. Chỉ chừng ba tháng sau ngày cho nhau hơi ấm da thịt, anh Cung hy sinh tại mặt trận Rạch Giá tỉnh Kiên Giang vào ngày 30 tháng 7 năm 1969, trước thời hạn Bộ Quốc Gia Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa có nghị định cho phép giáo chức biệt phái về dạy tại nhiệm sở cũ, cũng chỉ chừng ba tháng ! Thảm kịch này không thiếu trong chiến tranh Việt Nam. Tôi mất một ống chân khi trong túi đã có lệnh nhưng chưa kịp về một đơn vị an toàn hơn.

Chuyển di cư sau cùng, ra đi khỏi cuộc đời của các nhà văn Mai Thảo, nhà báo Lê Đình Điểu, nhà hoạt động xã hội Đỗ Ngọc Yến, nhà thơ Thanh Tâm Tuyền... phải nói là thật hoành tráng với những dòng người tiễn đưa, những nghi lễ nghiêm trang, những chia buồn, tưởng niệm và càng ám áp hơn với những dòng thơ chân tình của Trần Mộng Tú dành cho những bạn thân của mình. Mỗi bài thơ là một vòng hoa sớ đời trên mộ người quá vãng. Vòng hoa của chị dành cho cố chủ nhiệm tạp chí Thế Kỷ 21, Đỗ Ngọc Yến:

“*Bạn bè gọi nhau báo/ xuyên qua những ngôi nhà/ xuyên qua những thành phố/ xuyên qua những vườn hoa.*

Xuyên qua nắng tháng tám/ ngưng lại giữa buổi chiều.

Anh ấy đã đi rồi !/ Yên đã đi thật rồi !.

Anh ấy đã đi rồi/ nghe như tiếng đá rơi/ tiếng rơi khô và gọn/ lăn về tận cuối trời.

Yên đã đi thật rồi !/ nghe như chim bỏ tổ/ tiếng cánh đập trên cao/ thả cọng rơm nào xuống.

bảy năm ôm lấy bệnh/ dấu kim đầy hai tay/ Yên như chim rã cánh/ vẫn không mỗi đường bay.

bảy năm Yên thân nhiên/ nhìn thân mình hư hoại/ trí óc vẫn tỉnh khô/ lửa đam mê cứ cháy.

bảy năm giữa tỉnh mê/ khi tỉnh làm chim Yên/ mang trái tìm đại bàng/ khi mê làm đại bàng/ vẫn mang hồn Yên nhỏ.

thôi Yên ơi Yên ơi/ bình an bay đi nhé/ đừng tiếc chi củi lửa/ rồi cũng tàn tro bay” .

(Yên Oi ! Yên Oi- TMT, ngày 17 tháng 8 năm 2006)

Vòng hoa dành cho nhà thơ Thanh Tâm Tuyên:

“*Anh*

Người thi sĩ đó vừa chết hôm qua

Em muốn gọi anh/ mà anh đã bỏ đi xa/ em hụt hẫng đứng nhìn buổi sáng/ trên mặt hồ lặng thinh/ và dãy núi thì trắng toát đến rùng mình.

Chao ôi lòng em buồn bã

những câu thơ tự do/ rồi lấp vào trong đất/ nó mọc cùng cỏ xanh/ gió thổi đi xa tấp.

thời gian rồi đi qua/ xóa mờ khuôn mặt/ những sợi tóc bỏ trần gian/ nằm trong đáy huyết/ và những ngón tay chàng/ sẽ mọc thành phân bón.

mặt trời đen/ mặt trời không mọc nữa/ và cả tên chàng/ chẳng còn ai bật lên thẳng thốt/ mặt trời không còn nữa.

chao ôi lòng em buồn bã !

buổi sáng kéo một vệt dài/ trên mặt hồ phẳng lặng/ câu thơ kéo dài/ một đường thẳng nằm ngang nghĩa trang mùa xuân.

Thi sĩ...

Củi xuống/ tình yêu và những cuộc biệt ly ở một nơi hư không.

Chao ôi lòng em buồn bã !

Khi anh trở về/ một thi sĩ đã đi qua biên biệt”

(Không Đề, nghĩ tới TTT, tháng 3-2006 Trần Mộng Tú)

Vòng hoa cho nhà văn Mai Thảo:

“ Anh đi à ? / ừ đi/ anh đi thật à ?/ ừ đi thật/ sao anh hay đi thế ?/ đâu có hay đi, từ năm 1982 đến nay anh vẫn ở đây/ không, em nói từ năm 1954 cơ, từ khi dọn vào trong Nam/ anh đời đời biết bao nhiêu chỗ khác nhau rồi/ lần này thì khác, chỗ này là chỗ cuối/ có xa không anh ?/cũng chưa biết rõ nữa/ chưa biết rõ sao lại đến ?/ thì cũng phải đến chứ, chỗ cuối mà/ xa gần gì mình cũng đến được/ em tiễn anh một quãng được không ?/ được, nhưng khi nào anh rẽ ở khúc quanh, thì em chỉ nên đứng nhìn theo thôi đừng gọi với, để anh đi khỏi bận lòng/ anh có chắc là về chỗ ở mới anh vui hơn ở đây không ?/ anh không biết rõ, sẽ hỏi những người bạn đã dọn đến trước anh/ thế liệu anh có nhớ những người bạn còn ở địa chỉ cũ không ?/ đến một lúc nào đó, có thể chúng ta quên hẳn nhau. Làm sao mà giữ mãi được một liên hệ không còn hiện hữu nữa/ anh nói nghe buồn quá/ em biết rồi mà, người ta chỉ giữ được những vật cồng kềnh ở trong Bảo tàng viện, chứ không giữ được tình cảm ở trong một cái hộp kín rồi đem cất vào đó/ Tình cảm như hơi nước, theo thời gian sẽ bốc hơi và bay đi/ thế người ta có cất văn chương vào bảo tàng viện không?/ có, sau khi đã gạn đục khơi trong. Người ta chỉ cất đi những viên ngọc, chứ không ai giữ những hòn sạn/ anh à, chỗ anh sắp đến ở có rộng hơn căn phố một buồng của anh bây giờ không ?/Có bao giờ anh cần một chỗ rộng hơn đâu/Có vườn cỏ non không anh/ Tháng giêng thì bao giờ cũng ở ngay trong tâm mình/ ở đó có chai rượu cho anh uống không ?/ bạn bè chắc thỉnh thoảng rủ lên anh/ anh à / Thôi em đừng hỏi nữa, anh đi đây,anh sẽ rẽ ở khúc quanh đằng kia/ Và em không được gọi anh quay lại phải không ?/ khá lắm ! thôi anh đi nghe/ vâng, anh đi em sẽ không gọi với, theo anh.

Người đàn ông quay lưng, đi về phía trước, dáng ông cao, thẳng, hai tay buông xuôi. Ông đi thung dung về một địa chỉ mới”

(Trần Mộng Tú, Jan 10-98)

Và vòng hoa cho nhà báo Lê Đình Điều, một chủ nhiệm khác của tạp chí Thế Kỷ 21 (từ 1991-1996):

“Năm ngoái đón anh về đây/ tháng chín không gian đầy
nắng/ Dung ra ngoài vườn hái hoa/ mang vào một ôm cúc trắng/
bàn tay Dung đầm hương thơm/ nụ cười buồn trong mắt.

Năm ngoái đón anh về đây/ chiếc xe thoảng mùi thuốc
bắc/ chúng mình đặt bao hy vọng/ sắc trong nắm lá phơi khô/ hy
vọng có bao nhiêu ngậm/ mình chia nhau mãi không đều/ có
ngậm mặn như nước mắt/ Dung dành uống lấy một mình

Năm ngoái đón anh về đây/ bữa ăn buổi chiều thanh đạm/
tôi chan cho anh muống canh/ mà lòng rung rung muốn khóc

Bây giờ là cuối tháng năm/ hoa cúc trong vườn chưa nở/
không còn đón được anh về/ tôi đứng chờ vợ cùng nắng.

Sáng nay lái xe đi qua/ con đường đón anh năm ngoái/
trong xe chiếc ghế bỏ không/ ngậm ngùi với tay tìm bạn...”

(Ghi chú lặp lại: Những dấu: / dùng trong các bài thơ, không có trong các bản chính, dùng “/” ở đây để thay những dấu chấm và xuống dòng có sẵn của bài thơ, với mục đích giảm bớt số trang mà thôi)

Đa số thơ của Trần Mộng Tú có nội dung buồn bã, ngậm ngùi, nhưng một đôi lúc người đọc bắt gặp được những hân hoan, lạc quan. Bài thơ Kiếp Sau của chị được nhạc sĩ Nhật Ngân phổ nhạc, thật tươi vui. Những anh chàng làm thơ như tôi, nghe xong mũi cứ như nở lớn mãi ra:

“Đêm qua em nằm mơ/ Mẹ đem em gả chồng/ Cho một
chàng thi sĩ/ Số chàng rất long đong..

Hai vợ chồng làm thơ/ Trong một gian lều nhỏ/ Mái dột,
mái cứ dột/ Làm thơ vẫn làm thơ.

Thơ chàng dán trên vách/ Thơ em che trời mưa/ Một đàn
con tám đĩa/ Lớn lên chỉ mê thơ/ Ngoài vườn đầy hoa nở

Trong hồn ngập mộng mơ/ Cửa lều thường bỏ ngõ/ Nên
xuân đến bốn mùa./ Thơ chàng làm em đọc/ Thơ em con đánh
vần

Chàng không biết trừ, cộng/ Em chẳng biết chia, nhân./
Mặc người đời mua bán/ Mặc cuộc đời hơn thua/ Cả nhà làm
thi sĩ

Nên nghèo xác nghèo xơ./ Em cầu cùng thương đế/ Kiếp
sau có lấy chồng/ Xin lấy chàng thi sĩ/ Dầu biết chàng tay
không”

Trần Mộng Tú cũng là nhà thơ thành công trong việc hội nhập cùng dòng văn học xứ sở mình cư ngụ. Sáng tác của chị được đăng trong sách giáo khoa Hoa Kỳ cho chương trình trung học (American Literature Glencoe 1999), đã cùng những truyện ngắn nhi đồng bằng Anh ngữ trên báo Los Angeles Times, giúp chị được bạn đọc người bản xứ biết đến nhiều, có lẽ thành công này dẫn đến việc đoạt giải bình luận (commentary) của The New California Media (NCM) “Ethnic Pulitzers” vào năm 2003. Thành công của chị được xem là nét “vẻ vang dân Việt” trên thế giới. Nhiều báo chí Việt ngữ, nhiều trang điện toán đưa tin, tán thưởng.

Với một thời gian chung sống cùng thi ca lâu dài, cũng như nhiều người làm thơ khác, Trần Mộng Tú luôn luôn có ý niệm làm mới thơ của chính mình. Tuy nhiên sự cách tân này, theo chị, phải luôn được đi kèm với những gì cần có để có thể gọi được là thơ. Trần Mộng Tú không chấp nhận dùng những từ quá đời thường cho thơ.

Cũng tương tự như thời của nhóm Sáng Tạo tại Sài Gòn, phong trào làm mới thi ca tại hải ngoại được phát động nghiêm túc và nhiệt tình. Chiêu thức làm lớn mạnh phong trào cũng được lớp đàn em lặp lại của đàn anh bằng hai phương án: một, tấn công, bồi nhỏ, triệt hạ thơ được xem là cũ. Hai, sản xuất những bài thơ đồng phục mới đối với thi ca Việt Nam. Rút kinh nghiệm từ thành công nửa vời, chưa đánh gục được thơ vẫn, về cũ của Sáng Tạo, những người tự cho có trách nhiệm làm mới thi ca Việt Nam có phần quyết liệt, cay cú và sắc bén hơn, điển hình là nhà thơ Chân Phương dùng chính thể loại lục bát để triệt hạ thể thơ mà nhiều người cho là rất dân tộc này. Trong tạp chí Thơ số mùa xuân 1995, anh Chân Phương dùng thể 6/8 viết bài Mừng Thọ Lục Bát với 29 câu, những câu đầu:

*“buồn tình lấy giấy bút ra/ điệu quen lục bát ngâm nga
giải sầu/sáo ngôn mai phục đầy đầu/chẳng cần động não đã ào
ào tuôn/ lối mòn sẵn trơn phóng luôn/ còn hơn nước lũ trên
nguồn chảy ra...”* Có lẽ anh Chân Phương quên lửng bên cạnh thơ lục bát còn có ca dao và thập hơn một chút nữa là vè. Sự lãng trí này có thể xem như là một đồng hóa cố ý. Thật tội cho lục bát. Anh Chân Phương dĩ nhiên còn viết nhiều bài miệt thị khác, thâm thúy hơn nữa. Về mặt tạo ra cái mới, có phần phong phú và đông đảo người góp tay hơn. Những gì bộ môn hội họa không

chấp nhận, bởi chưa đạt được tiêu chuẩn của nghệ thuật này, đều có thể chấp nhận là thơ tân hình thức. Những sáng tác này được phổ biến khá nhiều trên tạp chí Thơ và một ít ở Hợp Lưu. Làm phong phú chữ dùng cho thơ cũng là một việc quan trọng. Rất có thể những từ ngữ quen thuộc đã cùn mòn vì “bị hiếp” quá nhiều nên nhu cầu dùng những chữ thực tế của đời sống trong mọi sinh hoạt cuộc đời đều được anh chị em tân hình thức trung dụng. Một số từ vốn được dùng hạn chế nay xuất hiện một cách hiên ngang trong bài Linda Mặt Ngang của nhà thơ Đỗ Kh, đăng trên Hợp Lưu số 31 (tháng 10 & 11-1996) đã gây bất mãn cho một số người làm và đọc thơ. Chị Trần Mộng Tú, là một trong số này, dù chị là một nhà thơ tha thiết trong công việc làm mới thi ca, từng có bài đăng ở tạp chí Thơ và Hợp Lưu. Trong mục Hợp Lưu Với Văn Hữu Và Bạn Đọc, chị Tú có gần đây hai trang phàn nàn. Cụ thể:

“...Tôi cũng rất đồng ý với KT rằng: Thơ không có nghĩa là phải mông lung, mờ ảo, kể lể than van, chữ nghĩa phải lấp lánh, cao cả, sang trọng vv... Nhưng ngược lại đối mới thơ không có nghĩa là bôi bẩn vào văn chương. Nếu danh từ nào mà khi chúng ta mở miệng ra nói chúng ta thấy gương miệng, thấy đó là một tiếng thô tục thì nhất định cái tiếng đó không phải là “thơ” dù nó không lấp lánh mờ ảo gì cả. Tôi e rằng các ông Đỗ Kh, Nguyễn Hoàng Nam, Khê Iêm, Ngu Yên... đã nhầm lẫn giữa sáng tạo và văng tục...”

(Trần Mộng Tú)

Những phát biểu của chị Tú mở ra một cuộc sát phạt (chữ dùng của Kim Thi) ngăn ngày giữa hai phe. Trong những lời qua tiếng lại trên trang báo, tôi chỉ xin trích lại đoạn thứ 5 trong lá thư có đánh số 7 đoạn của ông Phạm Trọng Luật viết vào tháng 3 năm 1997:

“... 5) Tôi không hề muốn xâm phạm vào quyền tự do sáng tác của bất cứ ai. Tôi cũng không than phiền khi nhìn thấy Linda Mặt Ngang hoặc Bốn Sợi Lông của Cùng Một Người Đàn Bà trong Hợp Lưu. Song tôi thấy bất mãn trước câu trả lời trích thượng (?) của tác giả: «Tôi hoàn toàn ghi nhận hình ảnh tục tĩu của bài Linda Mặt Ngang trong tấm gương Trần Mộng Tú, cảm ơn bà đã cất công soi nó»... Có cái gì không ổn. Nếu Đỗ Kh. có thể tự biện bạch rằng đầu óc anh không thô tục khi dùng những

từ mà xã hội cho là «tục» để nói chuyện khác, thì có lẽ cũng nên chấp nhận rằng nghệ thuật hàm ý của anh chưa thành thực. Và nếu người đọc vẫn nhận định các từ ấy là tục tĩu, thì điều này cũng không nhất thiết có nghĩa là đầu óc của họ dơ bẩn mà chỉ đơn giản là họ hiểu tiếng Việt.

Cuối cùng, tôi cho là Hợp Lưu đã trốn tránh trách nhiệm khi chỉ nhường quyền đối đáp cho anh Đỗ Kh., mà không trả lời câu «Hợp Lưu một phần nào chịu trách nhiệm về sự coi thường độc giả đó» trong thư chị Trần Mộng Tú. Hay đây lại là một vẻ khác của «political correctness»? Nhà báo không trả lời vì nghĩ rằng mình chẳng nên chọn lựa bài vở để đăng: sự chọn lọc này thường vẫn bị đồng hoá với một hình thức kiểm duyệt ngầm”

(Phạm Trọng Luật)

Giữ mục Nhật Ký Ngày...Tháng...trên Hợp Lưu, Khánh Trường dưới bút hiệu Kim Thi, ở số 34 (tháng 4 7 5-1997), kín đáo bày tỏ:

“...Chính con người bằng khả năng ‘quỷ biện’ của mình, đã khai sinh ra trò chơi văn chương thơ phú, lý luận...Trong đó có cả trò ‘tục mà thanh’, hoặc ngược lại, ‘thanh mà tục’. Đọc những câu thơ: ‘Phành ra ba góc da còn thiếu/ khép lại đôi bên thịt vẫn thừa’ / ‘mát mặt anh hùng khi nắng cực..’/quân tử có thương xin đóng cọc, xin đừng mân mó nhựa ra tay’ Ai cũng biết bà Hồ Xuân Hương muốn ám chỉ cái gì, dù, xét, trên mặt ngữ vựng, rõ ràng bà Hồ Xuân Hương chỉ mô tả một cách rất thật thà những vật dụng hoa trái quen thuộc “cái quạt’ ‘trái mít’. Cách nào đó, độc giả đã ‘toa rập’ với tác giả, để ‘qua mặt’ đạo đức, hầu yên tâm tha hồ để trí tưởng tượng xa hơn vào những lãnh địa thần tiên của tính dục. Hơn thế, còn cho rằng ‘kín đáo’;, ‘tế nhị’, ‘mờ ảo’ như thế mới là cao nhã, mới là...thơ !

Nằm trong khuynh hướng này, nhưng nhẹ nhàng hơn, liều lượng được ‘cân đo đong đếm’ cẩn thận hơn, là những bài thơ, những đoạn văn sử dụng ‘tài tình’ (và ‘tài hoa’) những ẩn dụ rất xa xôi, bóng bẩy. Ví dụ vài đoạn thơ dưới đây của chị Trần Mộng Tú trong bài Giữa Bình Minh (thi tập Để Em Làm Gió, trang 48, nhà xuất bản Thế Kỷ 21, California, Hoa Kỳ 1996):

‘Em uốn cong hơi thở

...Duỗi thẳng rồi xoay ngang/ chân buông tay nơi
lóng/....Đầu gối co trong mình/ hai tay nâng sức nặng/ nghe âm

đương tỏ tình/...thân bóng chấp chờn nhau/ tưởng hai mà hóa một...'

Chị Tú đang tự thuật việc tập thể dục buổi sáng đầy. Té nhị, cao nhẽ, tài hoa và lành mạnh quá. Nhưng mà...nhưng mà...quái lạ, nó gọi hình làm sao, mời mọc trí tưởng của người đọc làm sao !”

Không rõ có bao nhiêu người đẩy sự tượng tượng đi xa ? Có một điều có thể tin nếu không có chuyện loanh quanh bên cô Linda Mặt Ngang, thì Kim Thi không bỏ công ghi những dòng trên.



Khánh Trường, Ngu Yên, Chân Phương từng ghé nhà tôi chơi. Đỗ Kh, Khế Iêm cũng là bạn văn của tôi dù chỉ liên lạc với nhau qua điện thư. Tôi quý trọng và thương thức sự nhiệt tình đối mới thi ca do các bạn có số tuổi đời ít hơn tôi này chủ trương. Nhưng như đã trình bày trong mục Văn Nghệ Sĩ Việt Nam (tiểu sử, tác phẩm, chân dung tự họa) được Hợp Lưu thực hiện, Tôi cho rằng Thơ cũng như Tình Yêu, tự nó cứ mới hoài trong cái hình thức cũ: “*Mở lòng định quét nước vôi/ ngặt tình yêu vẫn đời đời mới nguyên*”(LH). Có thể vì quá mê thơ, tôi sai lầm khi

đồng hóa thơ cùng tình yêu. Nhưng tôi vẫn giữ sự nhầm lẫn này cho riêng cá nhân tôi. Tình yêu luôn luôn mới không phải vì sự tiến bộ về quan niệm quan hệ nam nữ. Cũng không vì những cách tân trong các phong cách thực thi tình dục. Cái mới của tình yêu còn khó giải thích hơn nghệ thuật hội họa, thi ca. “*nhịp móng sắt từ ngàn xưa lóc cóc/ lối đi quen không phải lối đi buồn/ vẫn đường cũ mà mỗi lần qua lại/ hương trong lòng vẫn đổi mới luôn luôn*” (Cõi Ngựa-LH). Xem ra có phần nào “ngựa tìm ngựa, trâu tìm trâu”. Do đó cái nghĩ về thơ của tôi khá gần với chị Tú, khi chị trình bày quan niệm về thơ của mình trong phần góp ý về Thơ Vẫn được tạp chí Thơ thực hiện trong số mùa Xuân 1997:

“*Người làm thơ nào đặt bút viết bài thơ đầu tiên chắc cũng phải là một bài thơ có vần (không nói đến chuyện hay dở vội). Thơ vần tạo ra âm nhạc, dễ nhớ, dễ làm người đọc, người nghe rung động. Thơ vần nó đưa được tư tưởng liên tiếp nhau như tiếng sóng dội kéo theo cái âm. Thơ vần còn nói lên được cái trang trọng của chữ nghĩa, nó ép người làm thơ phải hiểu thấu luật bằng luật trắc. đọc một câu thơ có bằng, có trắc nghe đã êm tai mà cái âm của nó còn dội vào trong hồn mình. Người ta phải thật là nhuần nhuyễn về làm thơ vần rồi thì mới có thể làm một bài thơ không vần hay được. Vì theo tôi những bài thơ tự do mà mình cảm nhận được nó hay, mình nhớ được nó thì bài thơ đó khi đọc lên nó vẫn có bằng, có trắc và có nhạc trong thơ.*

Bài thơ lục bát Dặn Dò của Nguyễn Sa là một bài thơ vần, chỉ đọc một lần là nhớ :

‘Em đi mỗi nhánh một lần/ nhánh xa đi trước, nhánh gần đi sau/ gió làm nhánh tóc bay mau/ nhánh thơm em nhớ, nhánh sâu em thương /ngàn đêm ngàn nhánh keo sơn/ mai về nhớ hỏi anh còn giữ đây’

Âm nhạc tràn đầy trong bài thơ. Trong khi đó , tôi trích ra đây một đoạn thơ trong bài thơ tự do Hoa Tuyết của Đỗ Quý Toàn :

‘Khi em rơi đọng trên cành tùng nặng trĩu /em hiền hậu em nép mình nũng nịu /anh sẽ gọi em là mi mắt trẻ thơ /mi mắt êm êm/ mi mắt khép trên mặt đất muôn đời /phủ những cơn mơ’

Đoạn thơ này có thể đọc đến 2 hoặc 3 lần mới nhớ vì nó không theo cái vần ép buộc của lục bát nhưng nó cũng tràn đầy nhạc tính và ta thấy rất rõ bằng, trắc ở mỗi câu xuống giọng.

Có những người chưa hiểu gì về thơ vần cả mà hạ bút xuống làm một bài thơ tự do (bài thơ không có vần) đọc lên ta biết ngay. Đó chỉ là văn xuôi viết xuống hàng, cho chắm, phẩy tùy thích mà thôi., khác nào đứa bé chưa biết bò, chưa biết đi mà trèo lên xe đạp phóng xuống dốc.

Nhưng nếu chỉ vì chữ vần mà người làm thơ phải "ghép" chữ, "sắp" chữ để đọc lên cho xuôi tai thì cái đó sẽ biến thành vè, mất hết ý nghĩa của "Thơ Vần" đi.

Ở bất cứ thời đại nào chúng ta cũng có thể làm mới được thơ - nếu chúng ta có cái khả năng đó - nếu không có khả năng mà cứ nhắm mắt khen nhau thì chẳng bao giờ đi đến đâu cả. Mẫu tự Việt Nam từ A đến Y ai cũng biết cả (nếu được đi học hết tiểu học) nhưng sắp nhật để thặng hoa nó thành thơ không phải là ai cũng làm được. Niêm luật thì học từ Trung học đệ nhất cấp, nhưng không phải ai cũng thuộc bằng bằng, trắc trắc để đem áp dụng khi làm thơ.

Một bài thơ hay không bắt buộc phải là một bài thơ vần, cũng không nhất thiết phải là một bài thơ phá luật, phá cách. Bài thơ hay là một bài thơ khi đọc lên người nghe thấy bàng hoàng, xúc động, có khi nhìn rõ thấy cái hay của nó, có khi chỉ nghe thấy cái âm hay của nó, có khi chỉ cảm được cái tứ hay của nó. Tựu trung nó phải mang cái chất thơ ở trong câu, trong bài. Đối mới thơ - đừng nói đến kỹ thuật vội, hãy nói đến cách xử dụng ngôn ngữ. Có những ngôn ngữ rất hay, rất chái chuốt, rất bóng bẩy, rất thơ mà chúng ta không dùng nữa vì thấy nó không còn thích hợp ở thời buổi này :

'Niềm khát vọng ta ghi vào huyết sử / Dưới chân em, thơ lạc mất linh hồn /Ta đau xót trong mỗi giờ tình tự /Ta khóc nhiều cả những lúc trao hôn' (Đình Hùng)

Cũng nụ hôn, cũng là thơ vần, nhưng chữ nghĩa mới mẻ hơn, giản dị hơn vẫn mang đầy chất thơ :

'Em ngồi thơ thân nhìn đàn kiến/ Cùng đầu nhau giữa vách tường xanh /Chúng hôn nhau mãi mà không chán / Như những hôm nào em với anh' (Luân Hoán)

Du Tử Lê có tài làm mới thơ trong chữ không phải trong kỹ thuật, ông ta đang tìm tòi trong lãnh vực này :

*'Nhớ em kim chỉ khiêu tình /Trưa ngoan lớp học chiều lành
khóm tre'*

Chữ "khiêu" vừa quê mùa, vừa tầm thường chỉ có những người nhà quê mới dùng khi nói về việc vá quần, vá áo. Khi thi sĩ đem nó vào thơ để vá tình, chữ khiêu bỗng trở thành một viên ngọc.

Thơ vẫn hay không vẫn, mỗi thể thơ có một cái hay riêng của nó. Tuy nhiên nếu chưa làm được một bài thơ vẫn gọi là hay thì khó mà thành công trong thơ không vẫn. Khi nói đến thơ ta nói đến - chữ, đến ý, đến từ - Thú thực với vốn liếng hạn hẹp tôi vẫn chưa hiểu được những bài thơ Bàn Cờ Tướng, Budweiser nó thơ chỗ nào. Tôi vẫn còn đang suy nghĩ vì cái đầu óc thường thường bậc trung của tôi thì thơ không có chữ, không có từ không có ý thì tôi không gọi được cái tam không đó là thơ. Chắc tôi còn phải học hỏi nhiều nữa trong lãnh vực này”.

Trên tạp chí Văn Học số 114, tháng 10 năm 1995, chị Tú cho biết rõ hơn về chuyện sáng tác:

“...Chẳng có gì là quá vĩ đại cũng chẳng có gì là nhỏ bé trong văn chương cả. Cái lá phong cũng có một đời sống riêng của nó, cánh cửa của một ngôi chùa đổ cũng có linh hồn. Tôi ao ước viết được thật trung thực, thật hay những sự vật, những cảnh trí, những mảnh đời, những rung động ở chung quanh đời sống bình thường của tôi.

Viết truyện ngắn thì phải nghĩ đi nghĩ lại cái cốt truyện trong đầu, rồi mới ngồi xuống viết. Có khi viết xong lại đổi đoạn giữa, hoặc thêm vào hoặc bớt ra. Có khi thay cả cái đoạn kết. Tôi thường mất từ hai đến ba tuần cho một cái truyện ngắn.

Làm thơ thì dễ hơn và nhanh hơn. Đứng nấu ăn, rửa bát, làm vườn hay đi bộ, và ngay cả trong khi lái xe (một mình), tôi làm thơ ở trong đầu, đọc lên thành tiếng, rồi tối đi ngủ vào giường mới lấy giấy bút ra hí hoáy viết lại. Kẹt trên xa lộ là lúc thích nhất để làm thơ.

Thơ làm ra theo hứng. Không có hứng không ra thơ. Thơ mà phải suy nghĩ để tìm đề tài thì tôi không bao giờ làm. Có thể là khi làm xong mới suy nghĩ tìm cách thay một hai chữ cho đắc ý mà thôi.

Có lẽ tác giả nào cũng viết cho mình trước tiên. Thế cho nên khi đọc giả đọc mới có thể nhận ra ngay là : văn phong đóng một, không có chủ từ này là của ông Mai Thảo, cách chẻ sợi tóc

ra làm tám là của ông Võ Phiến...Tác giả nào cũng dùng thơ văn để nói lên cách suy nghĩ, diễn tả các xúc động riêng tư, biểu lộ cá tính của chính mình . Khi đã được một số độc giả quý mến và hợp với cách diễn tả của mình rồi thì lúc đó, độc giả với tác giả là một. Viết cho mình và viết cho người. Tôi không ra ngoài cái thông lệ đó.”

Những nhận xét cùng quan niệm về sáng tác này, nhà thơ Trần Mộng Tú một lần nữa xác định trên đài tiếng nói Á Châu Tự Do (RFA) qua chương trình phỏng vấn của phóng viên Mặc Lâm. Nhân đây chị cũng cho biết thêm:

“... Tôi thích làm thơ tình, trước đây là vậy, bây giờ cũng vậy. Mà thơ tình thì nội dung muôn đời giống nhau, nghĩa là phải là...tình. Mà tình thì không thể thô tháp được. Tôi luôn luôn muốn đổi mới trong thơ, trong cách dùng ngôn ngữ. Có lẽ anh nói đúng, thơ tôi bây giờ có vẻ cứng cỏi, không mấy chau chuốt, có mới hơn, khác hơn. Mà không khác sao được, một chục, mười lăm năm trôi qua rồi.

... Tôi thích đổi mới, luôn luôn đổi mới, và theo tôi đổi mới có nghĩa là chữ phải lạ, ý phải lạ, gây ngạc nhiên, NHỮNG VẤN PHẢI THƠ. Tôi không thích dùng những chữ thô tháp trong thơ rồi gọi là MỚI.

... Tôi không có ý dùng ẩn dụ này nọ đâu. Những hình ảnh mà anh nêu ra đó là những hình ảnh rất thân mật, rất gần gũi của đời sống hàng ngày. Tôi nhìn ngắm chúng hàng ngày. Tôi yêu mến chúng. Tôi thích dùng những hình ảnh rất thân mật của đời thường trong thơ.

Sẵn trước mắt tại sao mình không dùng lại đi tìm đâu xa, phải không anh? Chân tay, giấy dép, khăn áo, thân thể là những thứ mình chạm vào thường ngày, mình cho nó là thơ thì nó thành thơ. Năm 2002 hay 2006 hay năm 2050 chẳng nữa thì giấy hay áo vẫn thơ như thường.

... Tôi làm thơ như tôi thở, anh à. Nếu viết là một gánh nặng thì chắc chẳng bao giờ tôi muốn mang vác cả. Văn chương là một phần của đời tôi, giúp tôi sống nhẹ hẫng. Mỗi ngày tôi không viết, thì đọc. Theo tôi, nếu sống mà chỉ thuần nhất lo sinh kế, lo miếng cơm manh áo, lo công danh sự nghiệp không thôi thì chắc đời sống sẽ nặng hơn nhiều...”

(đăng lại trên trang web: <http://www.rfa.org/vietnamese>)

Đến với cuộc đời từ ngày 19 tháng 12 năm 1943 tại Hà Đông, nhưng gần mười năm ấu thơ, Trần Mộng Tú được thành phố Hà Nội nuôi dưỡng. Theo dòng t tản cư 1954, chị vào sống tại thủ đô miền Nam, làm thư ký cho hãng thông tấn Associated Press tại Sài Gòn. Suốt 7 năm (1968-1975) chị “*lo tất cả những việc linh tinh cho hãng: từ phát lương cho nhân viên, giữ sổ chi thu, mua bán hình ảnh, thư ký cho ông chánh văn phòng, đi nghe họp báo bỏ túi, v.v*” (Bình Thủy, 1969, Hợp Lưu) Và cuối cùng được di tản sang định cư tại thành phố Seattle, Washington vào cuối tháng 4 năm 1975. Hơn một năm sau chị thành hôn cùng anh...Frank và có con đầu lòng sau hai năm sống trên xứ người. Những đứa con tiếp theo làm giàu thêm hạnh phúc của chị. Trong đoàn văn viết cho nùm ruột đầu tiên của mình có nhiều dòng hân hoan nhưng cũng óng ánh chút ngậm ngùi:

“... Con đầu lòng, một mơ ước khôn nguôi trong tất cả mọi người đàn bà, một hạnh phúc tinh khôi nhưng thực muộn màng cho mẹ. Mẹ hơn ba mươi tuổi, hết nửa đời người mới có được con. Hết nửa đời người trên quê nhà mẹ chẳng làm được điều gì hữu ích cho quê hương đất nước. Mẹ chẳng gom góp được tài sản riêng tư nào cho chính mình ngoài mấy bài thơ dấu trong kệ sách và một mối tình chết tức tưởi trong bom đạn. Mới hai năm trên đất lạ mẹ đã tạo cho mình một tài sản riêng tư, mẹ đã trồng cho mình được cây hạnh phúc, mẹ thơm trong nắng gió quê người, mẹ có con.

... Mẹ không biết nói sao bây giờ. Con là niềm hạnh phúc nhưng cũng thật là nỗi hoang mang. Mẹ tự nói liệu mình có đủ khả năng để dạy dỗ con trong cái hay, cái tốt, trong sự hòa hợp văn hoá giữa hai dân tộc mà không làm cho chính con bị ngỡ ngàng vì những tư tưởng trái ngược của hai nước cách nhau hai đầu thế giới...

... Hãy lớn, sống đơn giản và lương thiện. Con yêu dấu đó là tất cả niềm mơ ước của mẹ nơi con, hạnh phúc tinh khôi muộn màng của mẹ.”

(Thơ Trần Mộng Tú, trang 104, 106)

Không rõ Trần Mộng Tú khởi sự viết truyện ngắn từ bao giờ. Có thể đoạn văn viết cho con vừa trích đã giúp chị bắt đầu chuyển sang một thể loại thông dụng hơn, được đón nhận nhiều hơn chẳng ?. Lần đầu tiên tôi đọc được truyện của chị trên tạp

chí Thế Kỷ 21, không nhớ rõ năm nào, nhưng những năm gần đây cả thơ lẫn truyện của chị xuất hiện đều đặn trên cùng một số, liên tục từ số này qua số khác của Thế Kỷ 21. Trên Hợp Lưu, Văn Học, Văn, Gió Văn, Phố Văn...đều có sáng tác của Trần Mộng Tú. Ngoài việc góp bài cho các tạp chí, nguyệt san... Trần Mộng Tú còn giữ chức chủ bút cho Nguyệt san Phụ Nữ Gia Đình Người Việt từ tháng 10-2002 đến tháng 10 năm 2005. Gia tài thơ, văn của chị tính đến hôm nay, cuối tháng giêng 2007, đã rất phong phú trong tủ sách của nhiều gia đình Việt Nam tại hải ngoại với các tác phẩm:

Thơ Trần Mộng Tú, do Người Việt xuất bản năm 1990.

Câu Chuyện Của Lá Phong, truyện ngắn, Người Việt xuất bản năm 1994.

Đề Em Làm Gió, thơ, Thế Kỷ xuất bản năm 1996.

Cô Rom Và Những Truyện Ngắn Khác, Văn Nghệ xuất bản năm 1999.

Ngọn Nén Muộn Màng, thơ, Thư Hương xuất bản năm 2005.

Mưa Sài Gòn Mưa Seattle, tạp văn, Văn Mới xuất bản năm 2006.

Tìm hiểu giá trị văn xuôi của Trần Mộng Tú, có thể đọc nhận xét của nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc:

“Văn chương của Trần Mộng Tú phản ánh thật sáng và rõ một tâm hồn rất nhạy cảm trước những nét đẹp đẽ, tha thiết cũng như xót xa, đau khổ của cuộc sống. Đặc biệt là khi những nét đời ấy được đặt trong khung cảnh của Việt Nam, trong mắt nhìn và trong tâm hồn sóng sánh đầy những thiết tha và nhân ái của người nhìn ngắm chúng. Có sự trộn lẫn của thực tại với hồi ức, của cuộc đời hằn xé với những mộng tưởng thanh xuân. Có nắng mưa, gió sóng, cùng những bụi bặm, náo động của cuộc đời. Nhưng cũng có, trong những dòng văn chân thật ấy, những khoảnh lặng thanh cần thiết và ấm áp của tình người”

(Bùi Vĩnh Phúc)

Nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh, một người từng thực hiện hàng trăm cuộc phỏng vấn, tìm hiểu về những người cầm bút, gần đây anh viết đều đặn những bài giới thiệu về tác phẩm lẫn tác giả. Với sự cảm nhận tinh tế và một lối hành văn giàu thi vị

của một nhà thơ, Nguyễn Mạnh Trinh giới thiệu tác phẩm mới của bạn văn với một cung cách riêng, rất thu hút người đọc. Anh luôn luôn trở thành một tác giả phụ của tác phẩm, để giải thích, trình bày nó tường tận và thân tình. Với Mưa Sài Gòn Mưa Seattle của Trần Mộng Tú, Nguyễn Mạnh Trinh viết:

“ Buổi sáng cuối tuần, mưa. Đọc “ Mưa Sài Gòn , Mưa Seattle “ hình như cũng thấy những hạt mưa rơi rơi trong lòng. Cái mơ mộng, cái bẽnh bồng dường cũng hay lây. Nghe mưa điểm giọt bên ngoài, tưởng âm vang trong tiềm thức những bước chân đi về.

Sài Gòn, thành phố của quá khứ. Seattle, nơi chốn của hiện tại. Đọc những trang sách, để thấy ngày đã qua và ngày đang tới như trộn lẫn vào nhau, để thời khắc là cuộn chỉ khi tới khi lui, để liên tưởng là những nhịp cầu nối liền những bước chân đi , về của đời người...

... Trần mộng Tú là một thi sĩ . Cho nên , khi viết những đoạn tạp văn, cái không khí thơ đã quyện vào từng câu từng chữ và nét lãng mạn thơ mộng đã thành một nét đặc thù cho tác phẩm của bà. Cuộc sống được nhìn ngắm và cảm nhận từ tâm hồn đôn hậu, cho nên dù ở quê nhà hay ở xứ người, hay phác họa bất cứ một khuôn dáng nhân vật nào cũng đều có nét trong sáng, hồn hậu...

Viết về đời sống bây giờ hay kể lại những ngày xưa cũ, hương kỷ niệm lúc nào băng bạc và thành men ủ cho chữ nghĩa. Khi tả tình hay lúc tả cảnh, cũng là dịp để tâm tư chuyên chở theo những nỗi niềm . Một chút ngoái lại quê hương, một chút nhìn vào cuộc đời hiện tại , là người tị nạn , hình như cũng chia sẻ chung những tâm tư, những cảm xúc.

Trong “ Mưa Sài Gòn , Mưa Seattle”, những đoạn văn nhẹ nhàng có âm điệu của những vần thơ đã dẫn người đọc vào một không gian bẽnh bồng của những suy tưởng. Đôi khi, là cảm giác phân vân vô định giữa không gian hiện hữu bây giờ hay cuối trời tưởng nhớ đã xa. Người và cảnh , man mác chung nỗi niềm. Thời gian , không gian xóa nhòa lẫn nhau, và thành những sương mù làm cho đôi mắt nhìn đời mơ màng hơn...

... Đọc “ Mưa Sài Gòn, Mưa Seattle” để những hạt mưa làm lạnh thêm cảm xúc. Đọc, để làm riêng cho mình những câu thơ đang tròn vắn. Đọc, để thấy một cơn mơ của một người vừa về lại quê xa. Đọc, để thấy còn một chút hơi ấm quê nhà, của

*những buổi chiều lướt lướt, của những buổi tối đèn đường vừa
bật để vàng những giọt mưa... Đọc, có phải tôi đi tìm lại kỷ niệm
chính mình.”*

(Nguyễn Mạnh Trinh)



ngồi: Trần Mộng Tú, thân mẫu Nguyễn Đông Ngạc
đứng: Đỗ Quý Toàn, LH, Lưu Nguyễn, Song Thao

Nhà thơ Đỗ Quý Toàn, tìm thấy ở tác phẩm Trần Mộng Tú:

*“Đọc những mẩu chuyện đời do Trần Mộng Tú kể, tôi nhớ
hồi nhỏ đọc cuốn Tâm Hồn Cao Thượng, dịch từ tiếng Ý, mỗi lần
đọc lại đều thấy mình phấn khởi cũng muốn trở thành một con
người cao thượng. Trần Mộng Tú chỉ kể ra những chuyện thật đã
gặp trong đời. Đọc xong mỗi đoạn chúng ta lại khám phá ra một
nhân loại thật dễ thương, những đức tốt, những tính xấu sống
chung với nhau ở trong mỗi người như anh em một gia đình.
Nghe xong một chuyện, ta lại cảm thấy mình đáng lẽ phải tử tế
với người chung quanh hơn, cho xứng đáng với tình yêu thương.
Lòng tử tế chứa sẵn ở trong loài người, lúc nào cũng chỉ chờ
gặp cơ duyên là thức dậy”*

(Đỗ Quý Toàn)

Cùng trong những trang giới thiệu tập tạp văn *Mưa Sài Gòn Mưa Seattle*, như Đỗ Quý Toàn, như Bùi Vĩnh Phúc, người đọc còn gặp được những lời viết vô tư và chân tình của các nhà văn Nguyễn Mộng Giác, Bùi Bích Hà, Trần Doãn Nho, Phạm Xuân Đài. Những dòng của nhà văn Trần Doãn Nho có chút ít thiên về kỹ thuật, xin được trích:

“Nếu thơ Trần Mộng Tú đưa ta vào không khí mộng ảo mênh mông của tình yêu, thì văn Trần Mộng Tú kéo ta xuống với cái ngón ngang, bề bộn của đời thường. Nhưng dù thơ hay văn, cách viết của chị luôn luôn giản dị, trong sáng và lém lức hồn nhiên đến bất ngờ ! Tôi có cảm tưởng chị viết dễ dàng như thở. Có lẽ vì thế, khi đọc chị, dù chuyện buồn hay vui, tôi thường cảm thấy tâm hồn nhẹ hẫng, tưởng như mình đã từng được đi dạo quanh hồ Sammamish thơ mộng, nơi tạo cảm hứng cho nhiều bài thơ và tùy bút rất hay của chị”

(Trần Doãn Nho)

Tôi không dám đưa ra những nhận định của mình về văn xuôi của nhà thơ Trần Mộng Tú. Bởi sẽ là sự lặp lại những gì các nhà thơ, nhà văn khác đã nêu ra. Những dòng ba hoa của tôi, nếu có, cũng chỉ mang một nội dung tán thưởng, đề cao. Điều này chỉ làm cho tác giả mắc cỡ thôi, như chị đã dặn. Nhiều người nghi ngờ, từ nhiều năm nay, văn chương hải ngoại thiếu những nhà phê bình văn học thật tình. Tôi không rõ sai, đúng thế nào. Với tôi, có nhiều người đọc cùng cảm nhận và đồng thuận với người viết về một đề tài, một nội dung là tác giả đã thành công. Chị Trần Mộng Tú hình như chưa bao giờ thất bại với những đứa con tinh thần của mình.

Sau lá thư cảm ơn nhận được tác phẩm Thơ Trần Mộng Tú, tôi không còn dịp nào liên lạc với tác giả, cho mãi đến năm chị Tú sang thăm thân mẫu nhà văn Nguyễn Đông Ngạc. Lúc này anh Ngạc đã ra người thiên cổ, chị Nguyên Ngọc, vợ của Ngạc cũng đã rời gia đình mẹ chồng. Không nhớ vì cơ duyên nào có cuộc gặp mặt bất ngờ và chớp nhoáng này. Buổi hội ngộ giữa chị Trần Mộng Tú và các bạn cầm bút tại Montréal được thực hiện vào một buổi tối mùa hè. Địa điểm gặp mặt, phòng ở cũ của Nguyễn Đông Ngạc, trong căn nhà của thân mẫu anh, trên đường Basile Routhier, số 9635, thành phố Montréal. Bạn văn

đến trình diện chị Tú gồm có nhà thơ Đỗ Quý Toàn, nhà văn Song Thao, nhà thơ Lưu Nguyễn và tôi. Vào thời điểm này, anh Toàn đi đi về về giữa Westminster, Hoa Kỳ và Montréal, Canada. Anh có mặt hôm ấy nhân chuyến về thăm nhà cũ và làng Cây Phong. Lưu Nguyễn lúc này đã thật sự lạc thiên thai, anh uống rượu thay làm thơ, nhưng chưa bao giờ đủ say để theo chân Lý Bạch. Tôi thì đã thất nghiệp lâu năm, làm thơ thay uống trà, nhờ vợ cung, sống thanh nhàn trong khu Do Thái, cuối đường Barclay. Chỗ cư ngụ của tôi khá gần nhà anh Đỗ Quý Toàn cũng như Lưu Nguyễn. Trái lại, nhà văn Song Thao ở khá xa. Giữa nhà tôi và anh cách nhau chừng hai mươi cây số đường siêu tốc. Vì sự cách xa này, chúng tôi chia làm hai cánh để đi diện kiến người xin phép “Để Em Làm Gió”. Anh Đỗ Quý Toàn không còn giữ lại xe để chạy ở Montréal. Lưu Nguyễn thì treo bằng lái đã nhiều năm, tài xế ăn lương chính phủ anh cho nghỉ phép. Tôi bắt buộc phải giữ tay lái đưa anh Toàn và Nguyễn lên đường. Nhà của thân mẫu Nguyễn Đông Ngạc, hay điếm chúng tôi đến nằm gần khoảng giữa. Thật chẳng lạ gì cái chỗ quen thuộc, tôi đã lui tới hằng trăm lần này. Nhưng thay vì chạy những lối quen. Lưu Nguyễn chỉ chạy một lối khác. Bỏ lái xe lâu năm anh hướng dẫn tôi chạy...lạc. Nhưng cuối cùng chúng tôi cũng gặp nhau.

Chị Tú là người thanh nhã, với giọng Bắc dịu dàng và đôi mắt có ít nhiều tinh nghịch. Những tấm ảnh tôi thấy đâu đó trên báo, trên bìa sách, không làm tròn chức năng của chúng. Chúng đã ăn gian một phần nhan sắc của chị. Người đẹp hơn ảnh rất nhiều. Có thể đêm hè ở Montréal làm chị tươi sáng thêm. Chắc không phải vậy. Tóc ngắn ôm gọn hai má và âu yếm đôi vai. Môi mắt cười cười. Nét đoan trang của người phụ nữ Việt Nam thật rạng rỡ, tự tin. Chúng tôi ngồi nói chuyện loanh quanh. Bây giờ, thật sự không còn nhớ được những gì đã nói, đã nghe. Trong mọi cuộc gặp gỡ bè bạn, theo thói quen, thực thi đúng chính sách tự đề ra lâu nay: tôi nghe nhiều hơn nói chừng 80 phần trăm. Lời nói chính của tôi vẫn là nụ cười, rất ư là mỉm mỉm. Đôi mắt của tôi cũng nói nữa, dù có thể người đối diện chẳng nghe gì. Không biết hôm đó chị Tú có nghe tôi nói gì không ? Hừ hừ không có bài thơ vắn vơ nào, sau đó. Buổi gặp mặt này cũng là buổi cuối cùng tôi được tác giả Ngọn Nền Muộn Màng...cho diện kiến. Đã không gặp mặt, chúng tôi cũng không hề thăm viếng nhau bằng

thư từ hay điện thoại. Rất may, qua báo chí, tôi mục kích thường xuyên sự hoạt động năng nổ trong lãnh vực văn học, báo chí của chị Tú. Được chị trích vài câu thơ trong một bài viết ngắn của chị, tôi thấy vui. Được biết quan điểm về thi ca của chị có phần giống như mình (chắc cùng thành phần có tuổi cao !), tôi cảm thấy có sự thân mật. Chính những cảm nhận này, tôi có được mười dòng chị viết về thơ tôi trong một cuốn sách, chỉ có mục đích kỷ niệm, một loại “lưu bút ngày xanh” mới. Năm, bảy điện thư ngắn ngắn đã qua lại, trong vụ “Luân Hoán, Một Đồi Thơ” giúp cho tôi thêm một cơ hội, dựa hơi một người danh giá, đặc biệt người này là phái đẹp, thật là quý.

Trong những bài viết về bè bạn đã thực hiện, bài nào tôi cũng gặp nhiều khó khăn, muốn bỏ ngang nửa chừng. Nguyên nhân chính vẫn là sự kém cỏi trong cách trình bày, hành văn. Bên cạnh đó là sự trung trực cần thiết phải tuyệt đối tuân theo. Kỷ niệm không thể hư cấu. Tôi làm thơ mãi mãi lết đệt ở phía sau lưng mọi người vì thiếu cái ngón nghề này. Đành vậy thôi. Chị Trần Mộng Tú là một nhà thơ, nhà văn, nhà báo, một nhà yêu cỏ cây, muông thú... Tôi chợt ao ước có ngày mình hoá thân thành một con *Canadian Goose* để lang thang trên đường trơn tuyết, ghé qua khu vườn vàng hoa cúc, bên cạnh hồ Sammamish, thông thả lượm hết những vụn bánh trong lòng hai bàn tay, biết trân quý thiên nhiên, vạn vật. Những vết sước chín hồng sẽ biến vào từng đường vân tay, như những đường máu chìm dưới da, vĩnh viễn về cùng tâm thất. Tôi quờ quạng muốn thấp sáng ngọn nến muôn màng, để ngồi đọc thật kỹ câu chuyện của lá phong, tìm cho ra những cội nguồn từng dòng tâm sự của người đàn bà thi sĩ Việt Nam. Để làm gì ? Không biết. Thơ văn vốn là cái ồ tình, dù bất cứ ai lột, tôi cũng muốn nằm quanh năm.

*“Nằm, rồi bắt chước làm thơ/ đâu cần phải biết làm thơ
làm gì/ đôi khi có một đôi khi/ ngồi không không biết làm gì làm
thơ/ từ ngu ngơ tới dật dờ/ từ vu vơ tới vẫn vơ tới ngày/ nhớ
người làm ngọn gió bay/ nhớ giọt mưa ướt ngón tay thành linh/
chưa yêu đã mộng thất tình/ chưa mơ đã thấy ánh hình giai
nhân/ tôi từ một gã cù lần/ học người làm một văn nhân không
chừng/ dẫu không được phép dựa lưng/ dựa hơi cũng đủ vui
mừng cả năm/ cảm ơn trời đất, cái tâm của người”*

Sự học đòi của tôi, rõ ràng có đến tám mươi phần trăm thất bại. Nhưng tôi không buồn khi nhớ ra ở thành phố Issaquah, không xa chỗ cư ngụ của tôi lắm, có một khu vườn đầy hoa vàng. Ở đó có một người biết làm thơ, viết văn, biết thương nhớ những con ngỗng trời bốn phương ghé qua cùng những loại chim khác. Ở đó còn có những vụn bánh ẩm hương tay, thơm nồng chất thơ. Tôi chẳng thể nào không là một con chim trời, dù thiếu đôi cánh. Thơ hay như môi ngon, như nắng ấm, như những giọng gọi tình, tôi tìm về vườn hoa vàng là một lẽ đương nhiên. *Về xem cho biết lá phong/ còn bao nhiêu chuyện trong lòng cần phơi/ về xem cho biết chỗ ngồi/ của dòng nắng lạc cuối trời nhớ ai/ về xem cho biết gót hài/ dạo quanh vườn có thỏ dài hay không/ về xem để học thuộc lòng/ những yêu thương tự nhánh bông trong vườn/ ngắt bớt một chút sắc hương/ làm thuốc để trị nỗi buồn vu vơ...*

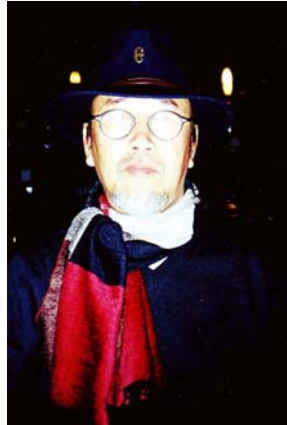
Mùa đông năm nay, cho đến giờ này, 31-01-2007, ở Montréal, ít tuyết, nhưng cái lạnh vẫn đây. Nói thì nói vậy, chứ tôi có biết chính xác đâu. Tôi đang ở trong một vườn hoa để trốn mùa đông.



Trịnh Cung ***âm vang tình yêu***

Chuông điện thoại reo. Năm chiếc *phone mate PM5820*, tôi nhìn vào ô giữ số người gọi đến. Hàng số 714-839.63...thật rõ nét, nhưng nhớ không ra. Số code 714 khá quen thuộc, nhắc tôi vùng quận Cam Hoa Kỳ. Dù có thể không phải một người bạn, chắc cũng là người Việt thôi, tôi nhấn nút *talk*, nhỏ nhẹ:

- A lô, xin lỗi...
- Có ông Luân Hoán ?...
- Tôi...a, anh Trịnh Cung phải không ?
- Trịnh Cung đâu mà Trịnh Cung, Trịnh Cung nào rảnh mà gọi cho ông...
- Tôi vừa được anh Lữ Quỳnh cho số điện thoại, đang định gọi thăm anh đây
- Gọi cho Việt Cộng không sợ bị đánh à ?
- Ồ, lúc này tìm ra được một tên Việt Cộng khó lắm anh ơi
- Mẹ kiếp, ông không thấy bọn chúng chơi bản với tôi sao
- Bản ? Chuyện gì
- Thì trên Gió O, gió A gì đó chơi tôi sát ván ông không biết à ?
- Ồ, tôi có biết, có nghe nói, nhưng chuyện đó thường thôi mà
- Sao lại thường, không quen không biết, không đụng chạm lại mang người ta ra phê phán thiếu căn cứ, hồ đồ không ra làm sao cả
- Thôi bỏ qua đi anh ơi, chuyện văn học nghệ thuật mà, có vậy mới phong phú. Tôi có đọc một vài bài viết về anh trên Talawas, về một vụ phỏng vấn, cụ thể ra sao ?
- À..



Cái giọng vừa Trung vừa Nam bỗng bị cắt ngang sau chữ “à”. Tôi nhìn lui nhìn tới cái điện thoại *sans fil*, không phát hiện có sự trục trặc nào, áp sát vào tai lần nữa, không hơi hám gì, tôi đành tắt máy. Chờ hơn một phút, tôi nhấn lại số điện thoại. Bên kia đầu giây chuông báo đang bị bận. Không làm gì hơn được, tôi ngồi chờ, quả nhiên chừng bốn phút sau chuông reo lại.

- Hoán hả, xin lỗi nghe, thằng con mình vừa gọi cho biết con chị nó bị ụng xe

- Đứa nào, có sao không anh ?

- Thì con Vương Hương chứ đứa nào nữa, nó đang chạy bị húc từ phía sau tới, hư xe nhưng người không sao, thằng Luân Vũ đã chạy đến đó rồi

- Như vậy cũng yên tâm, bên này ụng xe là chuyện thường mà, sao buổi văn nghệ tưởng niệm anh Sơn thành công không ?

- Thành công hơn mong đợi. Tôi không ngờ bọn trẻ tổ chức rất tốt.

- Nhóm tổ chức là con anh mà.

- Ồ đúng, thằng Luân Vũ con tôi và nhóm The Friends của nó khởi xướng, tổ chức. Bọn trẻ thật có lòng, có khả năng.

Câu chuyện giữa chúng tôi đi vào đêm Phúc Âm Buồn Của Trịnh. Một sinh hoạt văn nghệ được một nhóm trẻ tại quận Cam California tổ chức để vinh danh nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Những chỉ trích dành cho người nhạc sĩ tài hoa, đã gần như lắng dịu hoàn toàn trên vùng đất được mệnh danh là thủ đô người Việt tị nạn. Hơi muộn, nhưng chúng ta vẫn còn giữ đúng được vị trí cội nguồn của người nhạc sĩ. Đêm nhạc vinh danh, tưởng niệm được tổ chức lúc 7 giờ tối đến 10 giờ tối ngày 01 tháng 4 năm 2006 tại Santa Ana High School Auditorium, số 520 W. Walnut Street, Santa Ana California 92701 USA. Họa sĩ Trịnh Cung, thân phụ của nhạc sĩ dương cầm Vương Hương và nhạc sĩ vĩ cầm Luân Vũ, đều là thành viên của ban tổ chức, nên được mời dẫn chương trình cho buổi sinh hoạt. Đây là một chọn lựa thích hợp, dù Trịnh Cung vẫn còn ở tận Việt Nam, nhưng ông là một người bạn thân thiết và được xem là một trong hai người, biết và hiểu rõ về nhạc sĩ Trịnh Công Sơn hơn nhiều người khác.(người còn lại là họa sĩ Đinh Cường)

Trong các thập niên 60, 70... Trịnh Cung, Đinh Cường, Trịnh Công Sơn là ba nhân vật rất lầy lừng trong sinh hoạt nghệ

thuật tại miền nam Việt Nam. Họ là ba người bạn chí thân. Tuy được ra đời tại ba vùng đất khác nhau. Trịnh Công Sơn, trên đất Daklak (gốc Hương Trà Thừa Thiên), Đinh Cường trên đất Thủ Dầu Một (1939), Trịnh Cung trên đất Nha Trang. Cả ba đều ra đời xê xích nhau chừng mấy tháng. Họ gặp nhau trên đất Huế một thời gian và kề cận nhau ngay trong những tác phẩm riêng.



Trịnh Cung tên thật Nguyễn Văn Liễu, ra đời năm 1939, tại làng Trạch, cạnh bờ biển đẹp nhất Việt Nam. Cha gốc Quảng Nam, mẹ gốc Nha Trang. Anh theo học tại trung học Võ Tấn Nha Trang. Cùng một số bạn đồng trang lứa, Nguyễn Văn Liễu say mê đọc sách, thích thơ và vẽ vời. Anh dùng bút hiệu Duy Trung cho những sáng tác có hơi thở học trò của mình. Duy Trung biết mơ mộng và biết yêu khá sớm. Một trong những người đẹp của đất Nha Trang làm anh mê say là cô nữ sinh tên Nguyệt, chị họ của nhà thơ Từ Thế Mộng, (một bạn học trên Trung một năm). Yêu Nguyệt, Duy Trung không những mang “vàng trắng” óng ánh này vào thơ, mà anh còn dùng tên người đẹp để làm bút hiệu cho mình. Cái tên Thương Nguyệt từ đó xuất hiện khá nhiều trên một số báo, tạp chí của thủ đô Sài Gòn. Tôi hình dung ra cái thời khắc Nguyễn Văn Liễu ngồi nắn nót từng nét chữ Nguyệt trên rất nhiều trang giấy. Bàn tay anh hẳn vô cùng bay bướm và trang trọng. Chắc chắn anh phải nghĩ ra

nhiều chữ để ghép cùng tên người mình yêu. Có thể là Liễu Nguyệt, Nguyệt Liễu... Những gá nghĩa thông thường, hơi quê quê này, không thích hợp với một tay chơi thơ đã có trình độ chơi chữ mới lạ. Yêu Nguyệt nhưng trung dụng thẳng hai chữ này thì lộ liễu và làm giảm đi nhiều tính cách nghệ thuật. Liễu đã đã đổi từ Yêu thành từ Thương một cách duyên dáng, tài tình.

Vì mê thơ, đặc biệt thích những bài thơ viết về xứ Huế, Nguyễn Văn Liễu đến đất cố đô và vào học Cao Đẳng Mỹ Thuật từ năm 1957. Hội họa đã thổi lớn Nguyễn Văn Liễu từng ngày. Tuy vẫn còn lai rai làm thơ, nhưng anh đã đặt hết lòng cho sơn cọ. Bút danh Trịnh Cung được khai sinh, mỗi ngày một lớn mạnh. Cũng trong thời gian này, phong trào sinh hoạt văn học nghệ thuật tại thành phố Huế phát triển rất mạnh. Những bút hiệu thường xuất hiện trên các tạp chí ở Sài Gòn có thể kể: Lữ Quỳnh, Trần Quang Long, Nguyễn Đắc Xuân, Ngô Kha, Bửu Ý, Hoàng Phủ Ngọc Tường... và hai khuôn mặt nữ từ Nha Trang ra tạm trú: Cao Hoành Nhân, Thanh Nhung (tên thật Tôn Nữ Nha Trang)... Trịnh Cung chơi thân với Đinh Cường, Trịnh Công Sơn. Tình bạn sớm giúp họ tạo ra cái không khí sinh hoạt thật sinh động hào hứng, khởi sắc. Theo tiết lộ của nhà biên khảo Nguyễn Đắc Xuân, trong giai đoạn này, Trịnh Cung đề ý và si mê một cô sinh viên văn khoa Huế có tên là ...Nh.Hg và viết được bài thơ để đời “Cuối Cùng Cho Một Tình Yêu”. Ông Nguyễn Đắc Xuân viết tiếp:

“...Trịnh Cung thú nhận cho đến nay Nh.Hg đã có gia đình, có cháu nội, cháu ngoại mà vẫn chưa biết bài thơ phổ nhạc bất hủ ấy Trịnh Cung đã làm cho chính mình”

Nhưng trong một bài viết “Người Tình Cuối Cùng Của Trịnh Công Sơn Là Ai ?” phổ biến trên trang web Vietnam.net, vào ngày 28 tháng 02 năm 2005, Trịnh Cung cho biết:

“...Đánh dấu lớn nhất và dài lâu nhất cho tình bạn giữa tôi và Sơn chính là bài thơ “Cuối Cùng Cho Một Tình Yêu” tôi viết vào năm 1958 ở Huế và Sơn đã phổ nhạc vào khoảng giữa năm 1959, trước ca khúc Diễm Xưa và chỉ sau các ca khúc Ướt Mì, Thương Một Người và Nhìn Những Mùa Thu Đi. Nhiều người đã hỏi tôi viết ca khúc này cho ai ? Anh bạn, nhà nghiên cứu Huế học Nguyễn Đắc Xuân đã xác định bài thơ ấy viết cho Nh. Hg, một nữ sinh trường Đồng Khánh (Huế) nhưng thật ra không phải như vậy.

Tôi có nhắc đến cô ấy vì vẻ đẹp rất Huế của Nh. Hg. Nhưng bài thơ ấy là một hư cấu để nói về những năm tháng đầu tiên của một sinh viên tình lẻ từ say đắm đến thất vọng trên con đường tình của Huế. Ca khúc này, Sơn đã làm cho bài thơ tầm thường ấy trở nên bất tử trong nhiều thế hệ người Việt. Điều này tôi không chờ đợi khi chơi với Sơn. Có nhiều năm, gia đình Trịnh Công Sơn in sách nhạc và các nhà xuất bản băng đĩa đã không in tên tôi là tác giả của lời nhạc, vì thế có rất nhiều giới trẻ ngày nay và có lẽ cả mai sau không biết điều này. "Sống trong đời sống cần có một tấm lòng, để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi" (Trịnh Công Sơn). Tôi đang sống với khái niệm: *Để Gió Cuốn Đi...* "

(TC <http://www.vnn.vn/vanhhoa/vandekhac/2005/02/380186>)

Có lẽ rất dễ bắt gặp một chút chua chát ở đây. Việc Trịnh Công Sơn phổ thơ Trịnh Cung, còn sinh thêm một giai thoại, mà nhiều người cho là ca sĩ Khánh Ly kể lại, đại ý như sau:

Đề dứt khoát với thi ca, chú tâm vào hội họa, năm 1963, tại căn nhà trên đường Trương Minh Giảng Sài Gòn, Trịnh Cung đã đốt bản thảo tập thơ của mình. Anh vừa đốt vừa khóc. Tiếng khóc của anh đã làm nhạc sĩ Trịnh Công Sơn tỉnh ngủ, sau hành trình từ B' Lao về Sài Gòn. Sơn vội vã và chụp và giữ lại được bài thơ *Cuối Cùng Cho Một Tình Yêu*, sau đó đem phổ nhạc. Giai thoại này thiếu chính xác ở thời điểm ca khúc được hình thành theo lời kể của chính Trịnh Cung ở trên. Dù vậy, giai thoại này cũng có một điểm rất đẹp, ở chỗ Trịnh Cung vừa đốt thơ vừa khóc. Cử chỉ này rất dễ xảy ra với một người đa cảm, và trân quý những tác phẩm của mình như Trịnh Cung. Theo họa sĩ Đinh Cường, bài thơ của Trịnh Cung được Trịnh Công Sơn phổ nhạc tại Huế, trong giai đoạn cả ba cùng cư ngụ tại đất thần kinh. Bài thơ *Cuối Cùng Cho Một Tình Yêu* vì đối tượng nào mà thành hình cũng không là điều quan trọng. Điểm chính là tài nghệ làm thơ của Trịnh Cung với lối dùng từ rất mới của anh. Tôi rất thích những từ: *ừ, đói, rồi, đây...* trong bài thơ. Sự ly biệt vừa như một lẽ đương nhiên vừa như miễn cưỡng. Bối cảnh chung quanh cùng những hình ảnh góp phần làm giàu thêm nỗi ngậm ngùi của một cuộc tình tan vỡ:

" ừ thôi em về/ chiều mưa giông tôi/ bây giờ anh vui/ hai bàn tay đói/ bây giờ anh vui/ hai bàn chân mỏi/ thời gian nơi đây/ bây giờ anh vui/ một linh hồn rồi/ tình yêu xứ này/ một lần

*yêu thương/ một đời bão nổi/ già từ già từ/ chiều mưa giông tới/
em ơi, em ơi ! / sầu thôi xuống đây/ làm sao em nhớ/ mưa ngoài
song bay/ lời ca anh nhỏ/ nổi lòng anh đây”*

(1958, Trịnh Cung)

Trịnh Cung tạm ngưng làm thơ là một điều đáng tiếc có thật. Anh dành trái tim cho hội họa. Nhờ thế từ một tay vẽ “...*chỉ vài đường nét lót quót...*” như Từ Thế Mộng nhận xét, Trịnh Cung trở thành một họa sĩ thành danh mau chóng ngay sau khi tốt nghiệp và chọn địa bàn Sài Gòn để phát triển tài năng vào năm 1962. Cuộc triển lãm chính thức đầu tiên của Trịnh Cung khai mạc tại Sài Gòn năm 1962, cùng với hai họa sĩ Tôn Nữ Kim Phượng và Đinh Cường, tại Phòng Thông Tin Đô thành Sài Gòn. Tuy chỉ là một cuộc triển lãm chung nhưng đã mở màn cho nhiều cuộc triển lãm riêng và chung tại quốc nội lẫn hải ngoại: Paris (1963), Tunis (1964) Hoa Kỳ (1969). Trịnh Cung là hội viên sáng lập Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam, từng giữ chức vụ Tổng Thư Ký cho hội này. Từ 1966 đến 1974, anh liên tục đóng góp tranh cho phòng triển lãm hằng năm của hội. Anh được huy chương đồng trong cuộc triển lãm Hội họa Mùa Xuân năm 1963 và huy chương bạc trong năm 1964. Họa phẩm Mùa Thu Tuổi Nhỏ của Trịnh Cung là tác phẩm đầu tiên, được Việt Nam Cộng Hòa chọn gửi tham dự triển lãm quốc tế, và được trao bằng danh dự.

Giữa giai đoạn sự nghiệp hội họa đang phát triển tốt đẹp, Trịnh Cung nhận được lệnh nhập ngũ. Anh vui vẻ chấp hành đúng quan niệm của mình:

“...Tôi chấp nhận đi Thủ Đức bởi vì tôi không muốn sự bắt hợp pháp. Tôi là một công dân, tôi phải làm việc của người công dân, cho dù chính quyền đó có thối nát, có gì đi nữa. Tôi không chấp nhận sự bắt hợp pháp nên tôi đi lính. Tôi thi hành nghĩa vụ của mình...”

(Bi Kịch Trịnh Công Sơn

phuongvy.com/next/truyen/trinhcung/bikichTCS.hlm)

Trịnh Cung có một thời gian phục vụ tại quân trường Bộ Binh Thủ Đức. Từ năm 1970 đến năm 1973 anh dạy hội họa tại Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế và Quốc Gia Mỹ Thuật Sài Gòn.

Vào một ngày cuối tháng 4-1975, nhà sinh hoạt xã hội Đỗ Ngọc Yên cùng một nhà báo người Mỹ đến mời nhạc sĩ Trịnh Công Sơn cùng gia đình di tản sang Hoa Kỳ. Nhưng tác giả Diễm Xưa từ chối, trong lúc Trịnh Cung thú thật rất muốn ra đi, nhưng không được đề nghị cấp phương tiện. Nhờ đó, anh có ba năm thụ huấn chính trị cùng lao động trong một số trại tù của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Anh vẫn sống tại Sài Gòn bên cạnh chị Trịnh Cung, với cái tên ngoài đời rất đẹp: Xinh Xinh. Trịnh Cung viết về người vợ thân yêu của mình:

“...Bà xã tôi, lúc còn sống, là một người vợ hiền khó kiếm. Không bao giờ tiêu xài riêng cho mình (kể cả mỹ phẩm và đồ lót), tất cả tiền bạc có được đều dành chăm lo cho cuộc sống của chồng con. Ngoài ra, còn rất hiếu khách và lễ độ, nhất là dành cho tôi một chế độ tự do tuyệt đối trong sinh hoạt văn nghệ. Đó là những đức tính mà vợ tôi thể hiện suốt 25 năm chung sống trước khi vĩnh viễn ra đi vì bệnh ung thư (1997).

Như thế, tất nhiên, tôi không thể làm gì khác hơn là sống nghiêm túc và yêu thương bà ấy hết lòng mặc dù biết rằng việc sáng tác của tôi sẽ bị hạn chế phần lớn vì lẽ đó. Tôi đã nhiều lần quay lưng lại với các cơ hội mặc cho sự lãng mạn trong tôi thời ấy đang ở cao trào...”

(theo Mỹ Thuật)

Năm 1985, Trịnh Cung trở lại với hội họa. Cũng như Đinh Cường, kiến thức về hội họa của Trịnh Cung rất khả quan. Ông Huỳnh Hữu Ủy cho rằng: “*Trịnh Cung là một tài năng đặc biệt của nền hội họa Việt Nam...*” Trong câu chuyện “Về một số vấn đề chung quanh giá vẽ...”, Trịnh Cung đưa ra nhận xét và kinh nghiệm về hội họa trừu tượng:

“...Từ hữu hình đến trừu tượng là một chuyển động sáng tạo. Tôi làm theo nhu cầu của chính tôi. Đó là một phát triển tự nhiên trên con đường của thời đại. Hội họa Trừu Tượng đến hậu bán thế kỷ này đã giữ vai trò một nền tảng mới cho mọi cuộc xuất phát của nghệ thuật đương đại. Tuy nhiên vẫn có rất ít người hiểu được rằng hội họa trừu tượng không phải là chỗ để ném lên đó bất cứ thứ gì của sự thô lỗ và dối gạt, mặc dù chúng ta đang sống giữa thời đại của media. Vật chất chỉ trở nên nghệ thuật khi nó được chọn lựa để hóa thân cho sự gửi gắm của tinh thần. Từ người tiên phong Kandinsky cho đến Tapies là một tiến

trình rục rở, lâu dài và ảnh hưởng rộng nhất của hội họa trừu tượng so với các trường phái hiện đại khác xuất hiện trong gần một thế kỷ nay. Tôi tin rằng hội họa trừu tượng là nơi thống nhất tinh thần Đông Tây, trong đó sự đóng góp của nền triết lý phương Đông rất lớn. Vì thế chúng ta không khỏi hứng thú khi thấy rằng các họa sĩ châu Á đến với hội họa trừu tượng không có gì khó khăn. Sự có mặt của Zao Wou Ki trong hàng ngũ những danh họa trừu tượng của thế giới là một sự thừa nhận điều đó. Thư pháp của Trung Hoa và Thiền đạo của Phật giáo đã được Hartung, Soulage lãnh hội và giác ngộ để trở thành những bậc thầy lớn nhất của một thế kỷ Hội Họa Trừu Tượng.”

Theo gợi ý của Ông Huỳnh Hữu Ủy, Trịnh Cung nói về Hội Họa Trừu Tượng Việt Nam: “...Đã có một số ít họa sĩ Việt Nam vẽ tranh trừu tượng từ giữa thế kỷ này như Nguyễn Gia Trí và Bùi Xuân Phái chẳng hạn, nhưng phải đợi đến sau 1990 cao trào mới thật sự xuất hiện ở cả trong nước và hải ngoại. Kết quả này vẫn là một lô-gích của một quá trình chuyển động sáng tạo và một quá trình chuyển động lịch sử. Những nhân tố chính của cao trào này là những khuôn mặt của nhóm Họa Sĩ Trẻ Sài Gòn trước 1975, một phần còn lại trong nước và một phần kia đã ra khỏi Việt Nam. Trong cùng một hình thái trừu tượng, hội họa trừu tượng Việt Nam có một đặc thù của nó là tinh thần thi ca bao trùm lên toàn bộ các tác phẩm. Nó không mang sức mạnh của những phản ứng tích cực và tham vọng chinh phục những mục tiêu không dễ dàng như hội họa trừu tượng phương Tây và của khối Xã hội công nghiệp. Hội họa trừu tượng Việt Nam tiến vào con đường của sự giác ngộ, của tình yêu và lòng nhân ái. Đó là những cố gắng nhỏ nhoi của các họa sĩ Việt Nam muốn nói với thế giới họ đang có mặt, đang khám phá và đang xây dựng cho đất nước họ một nền hội họa hiện đại để sánh vai với bạn bè khắp nơi. Học hỏi và vay mượn để làm ăn lớn, để đi lên từ kinh nghiệm của các nền hội họa phương Tây, chúng ta còn rất trẻ, chúng ta còn tương lai”

(trích từ *Mấy Nẻo đường* của Nghệ thuật và chữ nghĩa- Huỳnh Hữu Ủy)

Dĩ nhiên cuộc nói chuyện giữa nhà nghiên cứu, phê bình hội họa Huỳnh Hữu Ủy và họa sĩ Trịnh Cung không chỉ ở vấn đề hội họa trừu tượng, hai ông còn đề cập đến nhiều chuyện khác liên quan đến hội họa. Với những câu hỏi có chọn lựa, cần nhắc

trước, Huỳnh Hữu Ủy giúp chúng ta biết nhiều ý kiến của Trịnh Cung về nền hội họa Việt Nam. Trong phần bàn về Ngôn Ngữ Tạo Hình Nghệ Thuật, ý kiến của Trịnh Cung có thể tóm lược:

- Ai cũng quan tâm đến vấn đề này (ngôn ngữ tạo hình nghệ thuật)

- Họa sĩ Việt Nam có tiềm năng phong phú

- Nhưng muốn phát triển, phải hội đủ ba điều kiện: họa sĩ giỏi (Trịnh Cung dùng chữ Nghệ sĩ), kinh tế quốc gia, trình độ thường ngoạn của công chúng.

- Trong lúc đó, tình trạng mỹ thuật Việt Nam hiện tại, thiếu chiến lược cho nền mỹ thuật, cơ sở vật chất nghèo nàn, lạc hậu trong đào tạo, thiếu phổ cập sự tiến bộ của mỹ thuật thế giới, thị trường mỹ thuật trong nước xô bồ, đã “*cản trở giấc mơ Mỹ thuật Việt Nam trở thành hiện thực*”

Về vị trí của nền Nghệ Thuật Việt Nam, Trịnh Cung đồng ý với những nhận xét của ông Huỳnh Hữu Ủy:

“...*Chúng ta cũng đang có nhiều cơ may, và cần nắm bắt để phát triển nhiều hơn nữa. Nghệ Thuật Việt Nam phải là một tiếng nói đặc thù giữa các nước Á Phi, rồi tiến lên chân trời nhân loại hơn: Nghệ Thuật Việt Nam giữa lòng nền Nghệ Thuật thế giới hiện đại...*”

Và Trịnh Cung bổ sung:

“*Việt Nam cần sớm có một cuộc khảo sát các hệ thống Mỹ thuật thuộc khu vực mình để có được một nhận định thích hợp*”

Cũng trong cuộc nói chuyện này, Huỳnh Hữu Ủy gợi ý để Trịnh Cung đưa ra những nhận xét tốt về các sinh hoạt hội họa của hai họa sĩ Nguyễn Khai, Khánh Trường. Trịnh Cung cũng nhận xét chung chung, vô thưởng vô phạt về những họa sĩ gốc Việt tốt nghiệp mỹ thuật tại nhiều quốc gia trên thế giới. Riêng tại quê nhà, nơi Trịnh Cung có cơ hội tiếp xúc, theo dõi nhiều hơn, anh nhận xét:

“*Các họa sĩ trong nước vẫn làm việc mạnh, nhưng những mục tiêu tìm kiếm thì không rõ ràng và thiếu đích đến, nhất là thiếu cá tính trong nghệ thuật.*”

Sáu chữ sau cùng của câu nhận xét trên có vẻ hơi nặng chặng ? Về phần mình, đối với tranh trừu tượng, Trịnh Cung cho biết:

“ Tôi vẫn tiếp tục tìm kiếm trên nền tảng của sự tiến bộ và tâm hồn Việt Nam ”

Trịnh Cung cũng được Huỳnh Hữu Ủy tạo cơ hội để nói qua một số sinh hoạt vừa qua của anh như việc cùng điêu khắc gia Điềm Phùng Thị lập ra dự án Làng Nghệ Thuật Việt Nam, cuộc triển lãm của anh tại Paris vào tháng 2-1995.

Như hầu hết các họa sĩ cùng thế hệ tại miền Nam Việt Nam, Trịnh Cung rất tâm đắc với nền hội họa của nước Pháp, điều này có lẽ đương nhiên vì ảnh hưởng bởi mái trường đào tạo. Trịnh Cung không những yêu thích những họa phẩm xuất xứ từ cái nôi Pháp, anh còn đặc biệt ưa thích phong cách của các họa sĩ mang quốc tịch của quốc gia Âu tây này. Phong cảnh nước Pháp qua sách báo cũng gây được ấn tượng tốt cho sự ngưỡng mộ chân thành của Trịnh Cung. Năm 1995, Trịnh Cung được đặt chân đến xứ sở mình yêu thích, anh ghi lại:

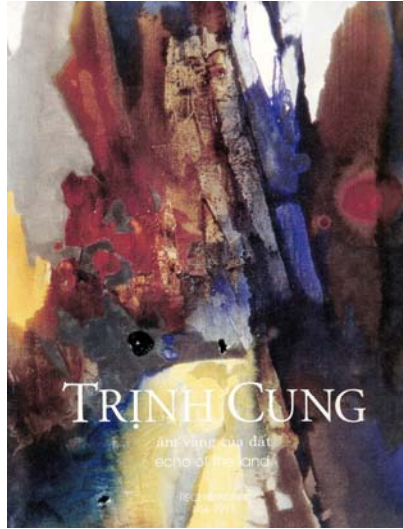
“...Khi nhìn thấy những gì ở Paris và một số trung tâm văn hoá khác ở Pháp, tôi như gặp lại ‘người thầy cũ’. Họ đã ngự trị gần 100 năm và chưa có những bậc thầy mới có tầm cỡ như Picasso, Dali, Matisse, Du Buffet, Soulage, Miro, Chagall, Kandinsky...”

Ngay từ những ngày khởi đầu đến với hội họa, Trịnh Cung đã sửa soạn cho mình một nhân dáng họa sĩ với những nét đặc thù riêng. Anh cho biết:

“Son (nhạc sĩ Trịnh Công Sơn) rất thích ăn mặc đẹp và rất ‘bon gout’. Tôi học được ở Sơn rất nhiều về điều này. Sơn mang kính, tôi cũng mua kính mang mặc dù cả hai chúng tôi lúc 18 - 20 chưa ai bị cận thị hoặc viễn thị. Chỉ vì đẹp mà thôi”.

Ngoài đôi mắt kính, Trịnh Cung còn để râu quai nón. Bộ râu rậm và đen giúp cho cái trán cao, cái cằm hơi nhọn có được sự hòa hợp cân đối, tạo được nét sắc sảo của nam nhi. Thời trai trẻ anh có vẻ không điển trai như Đinh Cường, Nguyễn Khai, Nghiêu Đề...nhưng sức thu hút mắt nhìn từ những người chung quanh chắc chắn lấn lướt hơn các bạn. Thay vì một điều đầu lọc, môi anh thả khói qua ống *pipe*, trong lòng một bàn tay thân mật ôm gọn ô lửa lập lòe. Đi, đứng, ngồi, nói...của Trịnh Cung rất chừng chặc, thông dong. Anh có thể là một *Saigonais* bậc nhất của những năm thập niên 60. Phong thái của anh càng rõ nét một *Parisien* khi anh trưởng thành cùng năm tháng và tay nghề. Nhìn

những ảnh ảnh động lại trên các con phố đất Pháp để nhận ra điều này.



Năm 1997, nhận lời mời của trường Đại học San Francisco Hoa Kỳ, Trịnh Cung hiện diện trên nước Mỹ với tư cách tham quan và thỉnh giảng về Mỹ thuật Việt Nam cho các sinh viên thuộc Trung tâm Học tập Việt Mỹ. Cơ hội ngàn vàng này cũng giúp cho Trịnh Cung có dịp thực hiện những buổi quan sát, tìm hiểu nền hội họa đương đại của Hoa Kỳ. Họa phẩm của Trịnh Cung cũng được giới thiệu đến giới thưởng ngoạn qua hai cuộc triển lãm tại

VAALA Galery, Garden Grove, California và tại YEU International Center Washington DC. Cùng lúc này Trịnh Cung cho ấn hành tuyển tập Âm Vang Của Đất (Echo Of The Land), một tập hợp bản chụp màu mười họa phẩm trừu tượng của Trịnh Cung. Giới thiệu về buổi triển lãm cùng tác phẩm Âm Vang Của Đất, nhà thơ Khế Iêm, chủ bút tạp chí Thơ tại Hoa Kỳ viết:

“... Tranh trừu tượng là loại tranh khó, và người xem không có cách gì khác hơn, ngoài bám víu vào những kinh nghiệm cá nhân của mình. Bởi vì, trừu tượng không đơn giản chỉ là cách phân bố màu sắc và làm cho vui mắt. Trừu tượng, nói cho cùng đi, là từ thế giới trừu tượng, người họa sĩ đưa người xem ngược trở về thế giới hình tượng và qua đó, tạo nên cảm xúc. Nhìn lại khoảng đầu thập niên 50, trường phái Trừu tượng Biểu hiện (Abstract Expressionism) mà chúng ta thường gọi là trường phái New York (New York School), với những tên tuổi đã đưa trừu tượng tới chỗ cực thịnh của nó và cũng chấm dứt luôn trường phái này. Họ được mệnh danh là những họa sĩ trí thức (Intellectual Painters), với Willem de Kooning, Arshile Gorky, Hans Hoffmann, Robert Motherwell, Mark Rothko, Mark Tobey, ... rút tỉa những kiến thức từ trường phái Lãng Mạn Pháp

thế kỷ 19 đến triết học và văn học của Bergson, Whitehead, Dewey, Siêu Thực, Hiện Sinh để tạo nên những lý thuyết và quan điểm về đường nét. Từ đó, vấn đề được nhìn ra, bề mặt của tác phẩm không còn quan trọng, mà quan trọng là ở phía đằng sau của tác phẩm, người thưởng ngoạn hiểu được tác phẩm khi nắm bắt được những rung động, cảm xúc phát xuất từ nguồn kiến thức vô biên, những tư duy nghệ thuật và đời sống nội tâm đầy biến động của người họa sĩ. Như vậy, trường phái Trừu tượng Biểu hiện đã để lại một thách đố nguy hiểm, đòi hỏi người họa sĩ phải có một bản lĩnh lớn lao mà ít người có được. Thời kì hậu hiện đại, hội họa có khuynh hướng thoát ly (nhưng không phải là quay mặt lại) khỏi những ảnh hưởng của những bộ môn khác, đặc biệt là văn học, nhưng lại tạo ra những thách đố mới: khả năng nắm bắt thực tại, và mỗi người nghệ sĩ phải là một thứ Avant-Garde. (Nhưng thế nào là Avant-Garde, tính chất và lý thuyết, thì lại là một khía cạnh khác cần tìm hiểu, chứ không phải chỉ được suy diễn trên nghĩa chữ).

Từ những kinh nghiệm căn bản ấy, chúng ta trở lại với tranh trừu tượng Trịnh Cung. Thời kì đầu, với duy nhất một bức Mùa Thu Tuổi Nhỏ đã ghi dấu vết tài hoa của người nghệ sĩ này. Khởi đi từ đây, tính chất lãng mạn đầy thơ mộng ấy đã được đẩy tới mức tuyệt đỉnh với những bức Hòa Nhạc Trên Sa Mạc, Chân Dung và Mùa Hè. Đặc biệt với bức Mùa Hè, hình thể như muốn tan ra, và rồi tụ lại, báo hiệu con đường đi tới của ông, tự nhiên nhập vào tinh thần mà từ thâm sâu đã là trừu tượng. Và Trừu tượng ở thời kì đầu, với bức Ngày Đầu Của Hòa Bình, mà mỗi người xem, qua hình tượng màu sắc, kinh nghiệm và tưởng tượng của riêng mình, sẽ nhìn ra được ngay nỗi niềm của một ngày đầu hòa bình. Đến đây, quay lại bức Mùa Thu Tuổi Nhỏ, được sáng tác trong chiến tranh, như mong ước một ngày hòa bình, cái không khí nhẹ nhàng và êm đềm biết mấy. Nhưng khi có hòa bình thực sự, thì thì sự mong ước ấy tưởng chừng như không có, thể hiện qua những vệt màu rũ xuống, muốn khép lại khoảng đời trước mặt.

Khi chưa có dịp ra khỏi nước, để nhìn tận mắt thế giới bên ngoài, chúng ta thấy, ông đã chứng tỏ là một họa sĩ tài năng. Rồi qua một hành trình dọc ngang nước Mỹ, đặt chân tới những Bảo tàng viện nổi tiếng, tiếp xúc với bạn bè, đã kích thích ông trở lại giá vẽ. Mười bức tranh được hoàn thành với cùng một tên gọi

Âm Vang Cửa Đất, đánh số từ 1 tới 10, là ngọc những cảm xúc của một nghệ sĩ trước một thế giới rộng lớn của đất nước người. Những bức số 1,3,4,5,10 làm chúng ta nhìn ra được nước Mỹ, qua những mảng màu lớn, nhấp nháy đèn đêm, cao ốc, con người, ẩn dấu những tâm tư, những rung động không nói thành lời của người nghệ sĩ đến từ phương Đông. Tinh thần phương Đông, tính lãng mạn và thơ mộng, có lẽ là những nét nổi bật qua cuộc triển lãm này. Kết thúc bài ghi nhận, chúng ta thật sự ngạc nhiên về những đóng góp của ông, trước kia và bây giờ, cho nền hội họa Việt Nam, một nền hội họa quá non trẻ so với bề dày lịch sử hội họa thế giới. Có thể đây cũng là một thông điệp ông gửi tới bạn bè, và những thế hệ sau ông cả ở trong lẫn ngoài nước: nếu chúng ta không dám đối mặt với những thách đố thì chúng ta sẽ không bao giờ vượt qua được những trở ngại, đôi lúc tưởng như không thể nào vượt nổi. Và những giây phút trải qua thử thách, chính lúc ấy, chúng ta mới thực sự là nghệ sĩ, bởi một điều, khi một nghệ sĩ đi tìm sự công nhận (hay đã được xã hội chấp nhận) thì hẳn thôi không còn là nghệ sĩ nữa...”

(Khê Iêm - Cuộc Thách Đố Thơ

Mộng - Tạp chí Thơ số mùa thu 1997)

Quỳnh Giao, một nữ ca sĩ nổi tiếng của âm nhạc Việt Nam, hiện sống tại Hoa Kỳ, ghé thăm phòng tranh Trịnh Cung. Rất tâm đắc với các họa phẩm của người họa sĩ mà bà đánh giá có sức “sáng tác trẻ”. với một “nghệ thuật già dặn”. Bà đã bỏ công ghi lại những cảm nhận của mình qua từng họa phẩm:

“... Bức Âm Vang Cửa Đất số 1 hay số 5 chẳng hạn làm tôi nghĩ đến các ca khúc về vẻ đẹp của chiều. Hình ảnh một buổi chiều của Lâm Tuyền đã trở lại trong tôi qua bức số 1, với màu xám xanh nổi trên sắc nâu cam và le lói khoảng sáng bằng bạc tắt dần. Ở Âm Vang số 5, cảnh chiều tà với màu hồng xám chuyển qua tím thẫm được điểm bằng vệt xanh rất ngọt làm tôi liên tưởng tới Ánh Mây Chiều của Dương Thiệu Tước. Trong sáng và mát mắt là bức số 10, tập trung hình thể cách giản và trừu tượng, nghe như nhạc của Mozart, nhẹ nhàng mà dễ thấm.

Họa phẩm gây ấn tượng về cảnh đêm ảo diệu là bức số 3, trên kích thước 1.2m x 1.5m. Màu xanh xám với nâu hồng im ắng như ngả vào đêm làm nổi vùng xanh lung linh trong một bài Nocturne của Chopin. Âm Vang số 4 có chất cân đối của tím pha xám trên khuôn nâu cam vuông vức, là nét rợn rùng chừng mực

của Schubert trong một bài Impromptu. Một bức được ưa thích ở màu vàng rực rỡ và nóng ấm là bức Âm Vang số 2, lại gợi nhớ nơi tôi buổi trưa chới chạng ở Hạ Trắng của Trịnh Công Sơn. Gần đó Âm Vang số 9 có vẻ cuộn chảy của phù sa bát ngát trên vùng đất tím, hòa quyện và nhạt nhòa như một nhạc khúc của Debussy. Lãng mạn và sắc mạnh, với hai vạt xanh tươi soi nhau ở vùng tím mù sương bên phải là đặc điểm của bức số 6, đặc điểm tôi nghĩ là có thể diễn tả bằng nét nhạc trữ tình của Tchaikovsky hay Rachmaninoff.

Âm Vang Cửa Đất số 7 được trưng bày lộng lẫy ở góc trong của phòng triển lãm đã gợi nơi tôi nét rực rỡ đa điệu của một bản hòa tấu vĩ đại của Beethoven. Cùng với bức số 8, đây là 2 tác phẩm có nhiều nhạc tính nhất. Bức số 8 tôi yêu hơn cả, có màu tím và màu xanh đua vẽ huyền ảo quanh một mảng kim nhũ như vàng chảy xuống vực sâu thẳm ở dưới. Ngắm bức tranh, tôi hân hoan liên tưởng đến một tấu khúc của Liszt viết cho dương cầm.

Trịnh Cung đã như một mình dựng lên, hay dựng lại, tất cả, để hoàn thành 10 tác phẩm và cuộc triển lãm. Buổi triển lãm còn giới thiệu điều tôi gọi là “Âm Vang thứ 11”, tuyển tập một số hình ảnh và tiểu luận mới về hội họa Trịnh Cung, trong đó có cả 10 tác phẩm được triển lãm. Ở ngoài này, ta hiếm có cơ hội thưởng ngoạn phong phú như vậy và phải cảm ơn Trịnh Cung ở cố gắng của ông, một cố gắng ông thường nói đùa không một chút châm biếm là “khá đơn độc”.

Tranh Trịnh Cung có thể được xếp loại “trừu tượng”, hoặc “hậu trừu tượng”, hoặc một tên gọi bác học nào khác để nói đến một cây cầu nghệ thuật diễn tả một tâm hồn và nhiều cảm xúc Á Đông bằng kỹ thuật và chất liệu Tây Phương. Riêng tôi, tôi tìm thấy trong tranh của ông một sức biểu cảm mãnh liệt ở lối cách giản hóa hay trừu tượng hóa sự diễn tả. Cái mới trong tranh Trịnh Cung là sức biểu cảm ngày càng phóng túng và độc đáo hơn, mà có lẽ là lạc quan hơn, khi so sánh với các họa phẩm trước đây của ông. ..”

(Quỳnh Giao, 6/1997)

Nhận định tổng quát về hội họa Trịnh Cung, trong bài viết về Nghệ Thuật Tạo Hình, nhà phê bình hội họa Huỳnh Hữu Ủy cho rằng “Trịnh Cung là một nét trữ tình mới của nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại”, Ông Ủy viết:

“...Khoảng những năm 1962-1965 là thời kỳ cực kỳ lãng mạn của Trịnh Cung với tính cách chủ yếu ở một không khí lãng mạn xanh pha lẫn giữa Chagall, Modigliani và P. Klee, tuy nhiên đã đi tới một tính cách riêng là biết tiết chế và chọn lọc màu sắc, đường nét, ánh sáng. Bức tranh Mùa Thu Tuổi Nhỏ của Trịnh Cung trong cuộc triển lãm quốc tế lần thứ nhất được tổ chức ở Sài Gòn năm 1962 đã gây được nhiều chú ý ngay từ đầu. Màu sắc, ánh sáng, bố cục, hình thể và đường nét ở đây đã hòa hợp rất chặt chẽ để tạo nên sự thuần nhất vững vàng cho bút pháp...

...Năm 1963, bức Những Người Bạn được huy chương đồng trong cuộc triển lãm hội họa Mùa Xuân và Người Ngồi được chọn để tham dự triển lãm lưỡng niên tại Paris. Năm 1964, bức Tình Vật Hoa Vàng được chọn tham dự triển lãm hội họa quốc tế ở Tunisie, và điển hình nhất là bức Trên Vùng An Nghi được tặng Huy chương bạc trong triển lãm hội họa mùa Xuân Giáp Thìn (1964). Hãy hồi tưởng lại đôi chút về tuyệt phẩm Trên Vùng An Nghi: Trùm lên toàn thể là một màu xanh xám, gợn lên đôi nơi màu nâu và hồng, đường nét rất tiết chế, giản lược, hòa hợp nhau trong một cảm thức thi ca siêu tuyệt. Đây là cảnh tượng trên một mảng đồi, một giáo đường, vài cây thông, một thiếu nữ tản bộ và một con ngựa trắng đang nghỉ ngơi, tất cả đều được lọc lựa thành những nét giản phác nhất, đã biểu lộ một không khí hết sức bình yên, thanh thản. Khoảng trống trên bức tranh càng tạo thêm vẻ tịch mịch trầm lắng, êm đềm của thế giới muốn đạt đến.

Trong chỉ một thời gian ngắn chưa đầy năm năm (1960-1964), Trịnh Cung đi tìm cho mình một màu sắc riêng và đã có nhiều chuyển biến như anh đã công nhận với chúng tôi trong nhiều buổi trao đổi riêng, từ những màu rực rỡ, nóng ấm, chói chang của hồi còn ở Huế (mang nhiều sức nóng của Van Gogh), dần dần đã dịu đi nhưng vẫn còn nóng (là lúc anh suy nghĩ nhiều về hòa sắc của Gauguin) và sau cùng anh đã dừng lại trên bảng màu hơi tối và lạnh của một thứ trữ tình xanh và sâu, bay bổng, nhẹ nhàng của Marc Chagall, rất thích hợp với đời sống tâm cảm của anh mà chúng ta thấy trên các tấm tranh vừa kể: Mùa thu tuổi nhỏ, Những người bạn, Trên vùng an nghỉ. Van Gogh, Gauguin, Chagall để lại nhiều dấu ấn trên suy nghĩ của Trịnh Cung nhưng trên tranh của anh thì lại tan biến thành một bút

pháp mới, chẳng còn chút dấu vết nào của các nhà danh họa lừng lẫy.

Trịnh Cung là một trong những người làm nghệ thuật rất khó tính, đôi lúc đến độ gần như gay gắt với chung quanh. Lời nói này của anh, trong cuộc triển lãm của Hội Họa Sĩ Trẻ năm 1969, do Trung Tâm Văn Hóa Đức bảo trợ, biểu lộ nhiều tính cách của anh: 'Mỗi lần vẽ xong, tôi như vừa bắt được một sự sung sướng tột đỉnh, và thấy đây kích thích để bước thêm trên con đường mà trong lúc bình thường tôi thấy thất kinh, vì mỗi ngày mỗi nhiều sâu bọ răn rết.' (in trong vựng tập triển lãm)

Những năm về sau, vẫn lối sử dụng màu cũ nhưng hình thể thì đi đến chỗ cực giản dị. Bày ra một thế giới lãng đãng của rêu phong và đất đá được chế ngự dưới cây cọ tài hoa. Một màu sắc trầm mặc, chìm ảm lắng xuống lạng lẽ rất phương Đông, rất Việt Nam với những tầng sơn màu xanh xám, xanh Trung Hoa (*Vert de Chine*), xanh lam từ dương hoa (*bleu d'hortensia*) để vẽ nên thế giới của Đứa Trẻ Hát Dao với một cánh chim nhỏ cũng đang ca hát trên mái tóc ngậy thơ và đôi mắt ngơ ngác, của Nguyệt Cầm, của Mẹ Con và Lòng Chim. (2) Trịnh Cung đã mang lại cho người thưởng ngoạn một thứ hoan lạc kỳ diệu, tiềm ẩn và chứa chan một tâm hồn Việt Nam mà không cần phải lớn lối gì cả, anh đưa chúng ta trở lại với cái đẹp, cái thơ mộng, cái sung sướng bởi thế giới anh đã phác dựng nên.

Mấy năm về sau nữa, dưới áp đảo gay gắt của đời sống, chiến tranh Việt Nam trở thành một điểm lửa dữ dội trên thế giới, tranh Trịnh Cung lại chuyển biến thêm với hình thể giản dị đến cùng cực, để dựng lại một thế giới của những con người trần trụi giữa một không khí của màu sắc xám ngắt, đanh lại, đầy khắc khoải, điển hình là bức Khung Người bày trong kỳ triển lãm chung của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam năm 1973.

Sau 1975, chuyển qua một giai đoạn mới của lịch sử, mặc dù bị vây bủa vì bao nhiêu sự khốn đốn, nhưng vẫn có một điểm thuận lợi vô cùng to lớn là đất nước đã hoàn toàn thống nhất, nghệ thuật của Trịnh Cung cũng bước vào một thời kỳ mới. Các lớp sóng phé hung không còn đập rợn rã, tất cả đã lắng xuống; người từng trải biết bước qua những khoảnh khắc phù phiếm để sống với cái vĩnh cửu trong chính lòng mình. Nghệ thuật của Trịnh Cung lúc này đượm nhiều màu sắc triết lý mới, dù là bằng

ngôn ngữ biểu tượng hay trừu tượng vẫn có một vẻ gì tịch lặng rất Lão Trang...

... Loạt tranh mới Trịnh Cung thực hiện vào thời kỳ sau này hầu hết đều có chuyển tải chất tinh thần trên. Dù đó là một đề tài rất mạnh, dữ dội đến độ khốc liệt, vẽ chân dung một nghệ sĩ đang bị đóng đinh trên thập giá, mà thập giá ấy chính là dàn giáo chevalet của sự sáng tạo. Hay trên những ghi chép tương như rất nhẹ nhàng, hư ảo, là những mảng trừu tượng Ngày Đầu Của Hòa Bình, Đường Về Mùa Thu, Hoa Lá và Nước, Trâm Tích Của Mùa Hè, Ánh Trăng của Debussy, Ngày Cuối Của Chiến Tranh. Sáu bức tranh là một góp mặt rất khởi sắc của Trịnh Cung sau nhiều ngày tháng bế tắc với đời sống và sáng tác. Sáu bức tranh họp mặt trong cuộc triển lãm có vẻ như muốn phục hưng một số giá trị cũ, tôi muốn nói đến cuộc triển lãm của các họa sĩ trong nhóm Hội Họa Sĩ Trẻ trước đây được tổ chức ở nhà Bảo Tàng Mỹ Thuật Sài Gòn đầu năm 1994 với Nguyễn Lâm, Đỗ Quang Em, Nguyễn Phước, Hồ Hữu Thủ, Nguyễn Trung. Khi các thành phần cũ của Hội Họa Sĩ Trẻ đang lang bạt tứ xứ thì những khuôn mặt còn lại ở Sài Gòn cũng đã làm được chuyện đầy thú vị và hào hứng..."

(Huỳnh Hữu Ủy, Quận Cam, tháng Mười Hai 1996)

Tôi bỏ qua vài cơ hội làm quen với họa sĩ Trịnh Cung trước 1975. Một cơ hội thuận tiện nhất là vào năm tôi theo theo học trường Bộ Binh Thủ Đức. Thời đó, 1967, họa sĩ Trịnh Cung là một ông thiếu úy làm việc ở Khối Tâm Lý Chiến của quân trường này. Hình như anh có bổn phận chăm sóc hình thức cho nguyệt san Bộ Binh. Tôi có sinh hoạt trong bộ môn báo chí, khá nhiều lần lên "văn phòng tòa soạn" để tránh tạp dịch, nhưng tôi chỉ thỉnh thoảng thấy Trịnh Cung từ xa xa. Rào cản giữ tôi không đến gần người họa sĩ tôi rất ngưỡng mộ là cái lon thiếu úy trên cổ áo anh. Thật ra, đây chỉ là lý do phụ. Những tiếng đồn về anh mới là điểm khiến tôi ngại ngùng. Với tin đồn: Trịnh Cung là một người tự phụ, phách lối và thiếu tế nhị trong giao thiệp. Tôi không có cơ hội kiểm chứng những lời phê phán có thể vì đó kị hay vì một lý do nào đó. Tôi không tin Trịnh Cung là người như vậy. Nhưng để giữ an toàn cho mình, tôi chọn cách "tránh voi chẳng xấu mặt nào". Thật tình tôi cũng không muốn phải "chào tay" anh theo lễ nghĩa quân đội. Tôi cũng ngại bị hít đất,

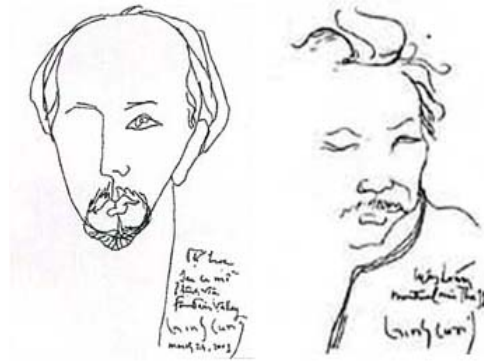
nhảy xôm bất ngờ bởi một người yêu và làm nghệ thuật có tiếng tăm. Tôi giữ cho mình sự mên phục anh được trọn vẹn. Tôi thực hiện lời nói của Đức Khổng Tử “kính nhi viễn chi” cho đến năm 1998. Dù trước đó, năm 1992, Trịnh Cung sang Pháp, ăn, ở và vẽ trong nhà của anh Đặng Tiến một thời gian ngắn. Ông anh phê bình gia này có thư tin tôi biết, gửi tặng tôi một bản chụp tranh mới nhất của Trịnh Cung cùng lời ông họa sĩ nhắm thắm. Tôi cũng không mượn cơ hội để viết thư làm quen hoặc xã giao cho đúng lễ nghĩa.



Luân Hoán, Trịnh Cung, 5110 Barclay Montréal Canada, 1998

Năm 1998 là thời điểm Trịnh Cung đang thông dong ở Mỹ. Anh có ý định qua thăm nước láng giềng của Hoa Kỳ. Thành phố Montréal ảnh hưởng văn hoá Pháp, Trịnh Cung chọn để dạo chơi là điều đương nhiên. Họa sĩ Đinh Cường gọi giới thiệu và dặn dò tôi đôi điều. Tôi và Lý đến nhà một người em của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn thăm Trịnh Cung ngay buổi chiều anh có mặt tại Montréal. Tôi hôm đó chúng tôi đã chờ anh đi dạo. Sự bỡ ngỡ hình như chỉ xảy ra chưa đầy vài phút. Trịnh Cung không có vẻ gì tự cao hay phách lối. Anh khá giản dị, cởi mở, tuy ăn mặc rất chải chuốt và có vẻ phong độ, rất đẹp...lão.

Những ngày tiếp theo, tôi tiếp tục làm tài xế cho anh, lang thang một vài nơi. Tôi cũng đưa anh về nhà, khoe mấy tập thơ. Trịnh Cung thẳng thắn chê mẫu bìa của tập “Cảm ơn đất đá trở thơ...” do họa sĩ Vivi thực hiện. Anh hỏi sao không dùng tranh của Đinh Cường, và không quên gợi ý có thể dùng tranh anh, cần thì nhấn qua Đinh Cường. Thật ra, mẫu bìa tập CỎĐDTT...do Vivi minh họa theo dẫn ý bắt buộc của tôi. Hình vẽ cũng theo ảnh chụp cháu Hòa Bình, trưởng nữ tôi. Vivi cũng là một họa sĩ có tài, tốt nghiệp Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật năm 1963, được biết đến một thời với các mẫu bìa Tuổi Hoa, Tuổi Hồng. Vivi cũng là người liên tiếp trong vòng 9 năm (1967-1975) chiếm giải nhất buru hoa do Tổng Nha Bưu Điện Sài Gòn tổ chức. Vivi rất chiều, nể bạn, chính vì vậy anh đã bị tôi hướng dẫn sai lầm chẳng ? Trịnh Cung hay bất cứ một họa sĩ nào khác, có lẽ không thích những mẫu bìa bằng bản vẽ minh họa. Tôi cho rằng những bản vẽ minh họa có thể không “sang”, không “trí thức” như những tác phẩm thiếu nữ, tĩnh vật, hay trừu tượng bằng sơn dầu. Nhưng chúng vẫn là một tác phẩm nghệ thuật. Sự phù hợp với nội dung ngay sau lưng nó, làm cho bản vẽ có một tiếng nói riêng. Tuy vậy tôi không tranh cãi gì với Trịnh Cung. Vui vẻ được anh cho sử dụng tranh của anh để làm bìa sách sau này.



Trong một lần hai đứa ngồi chờ ăn sáng trong quán phở Hòa trên đường Côte Des Neiges, Trịnh Cung, dùng giấy lót muông, đùa phác họa vài nét. Chừng năm phút sau, tôi thấy tôi thật rõ trên mặt giấy. Giá trị của

vuông giấy dùng ở bàn ăn trở thành quý giá với tôi. Trịnh Cung dặn tôi mang bản vẽ bỏ vào *computer* điều chỉnh một vài chi tiết gì đó, bản vẽ sẽ hoàn hảo hơn, sẽ đẹp ra. Tôi không có khả năng thực hiện được điều hướng dẫn này. Dù vậy cái tôi từ tay Trịnh

Cung vẫn rất là Luân Hoán, vừa nghệ thuật, vừa giống như ảnh chụp. Nhà văn Song Thao rất thích bản vẽ chớp nhoáng này.

Gần như thông lệ, bạn văn nghệ nào đến Montréal cũng được báo tin đến một số bạn văn của tôi. Gặp mặt ở nhà hàng, đầu hót ở quán cà phê, la cà phố xá... được thực hiện đầy đủ. Trịnh Cung là một khuôn mặt tầm cỡ lại còn mang hương vị quê nhà đậm đà, nên được Song Thao, Hồ Đình Nghiêm, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Minh Đức, Trang Châu, Lưu Nguyễn... dành cho nhiều quý mến, ân cần. Bác sĩ chuyên khoa tâm thần Nguyễn Minh Đức, vốn là một sĩ quan nhảy dù, thay nhà thơ Phạm Nhuận làm “tài lý” trong mục giải trí bất thường của chúng tôi. Anh mời cả bọn đi xem triển lãm tranh khóa thân. Khoản đãi đặc biệt này, dành chào đón một họa sĩ có những họa phẩm về thiếu nữ, được đồng đảo giới thưởng ngoạn yêu thích. Gallery Solid Gold nằm trên đường Saint Laurent Montréal là một nơi trưng bày rất nhiều tác phẩm nghệ thuật của tạo hóa. Tại đây, vẻ đẹp của cơ thể được các nghệ sĩ sử dụng ánh sáng, tạo ra những bố cục rất gần với nghệ thuật hội họa. Người thưởng ngoạn phải có trình độ cảm nhận, biết thăng tà tâm của chính mình, mới tìm thấy những nét đẹp, tự nó vốn hồn nhiên, thanh khiết. Họa sĩ Trịnh Cung lưỡng lưỡng đi lại trong phòng tranh. Anh có vẻ suy tư, ghi nhận những nét đẹp anh đọc thấy, qua từng động tác phối bày, dàn trải. Ngôn ngữ của nghệ thuật có thể là những “hố thẳm của im lặng”. Tiền nhân ta không thiếu những vị cung kính trước những vưu vật này. Trịnh Cung là một họa sĩ, có thể anh bất gặp, đánh giá cái đẹp có phần khác chúng tôi. Khỏi cạnh, đường nét là những điểm chính yếu. Trịnh Cung đã tận tình hướng dẫn chúng tôi cách đánh giá một đường lốm, một mô vụn tinh túy mà những thi hào, thi bá Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương... đã một thời ngợi ca. Chúng tôi không có lý do vớ vẩn gì từ chối thưởng ngoạn. Một ngum bia, một hơi thuốc hưởng ké từ những người đồng điệu chung quanh, chúng tôi sống thanh thoi cùng nghệ thuật. Không biện minh, nhưng đâu có phân trần cũng chỉ là một khéo léo khoe khoang cái chịu chơi bợt bèo nhất. Sự thành thật là căn bản trong mọi hình thức thông tin, kể cả hội ký kỷ niệm. Cuộc xem tranh của chúng tôi kéo dài không lâu, sau đó trở lại với thú vui đời thường: cà phê và bát phở. Ngày hôm sau, Trịnh Cung dùng tàu hỏa đến thăm thành phố Québec. Anh có chuyến đi thực tế cùng nhà văn Nam Dao, nghe kể rất đạt

chất lượng. Nhưng Trịnh Cung lại “xìu xìu, ền ền” thật đáng tiếc. Khi bị căng thẳng lo ngại thường xảy ra hiện tượng này. Khi Trịnh Cung trở lại Montréal, tôi tiếp tục là tài xế cho anh đi mua sắm một ít quà lưu niệm, đồ dùng. Anh có vẻ thích những chiếc áo, mũ đơm màu chinh chiến giàu ngấn bụi thời gian.,

Trịnh Cung trở lại nhà các con anh ở Hoa Kỳ. Ít lâu sau tôi được tin anh mắc phải một chứng bệnh ung thư. Không đủ khả năng chi trả bệnh viện phí ở xứ Mỹ, Trịnh Cung mang lời thối bên hông một ông nhựa tháo máu mù dư thừa về Việt Nam, đợi ngày lên đường đoàn tụ với người vợ thân yêu. Tin buồn của anh được chính thức hóa bởi một buổi chia tay được tổ chức tại quận Cam. Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng ghi trong sổ tay của tạp chí Văn:

“...Trịnh Cung là người cùng quê với tôi và cùng lứa tuổi tôi. Anh nói với tôi anh sẽ về Việt Nam gặp Trịnh Công Sơn ‘chia tay với nó, trước khi moa ra đi vĩnh viễn’. Trịnh Cung cho tôi biết anh mắc bệnh hiểm nghèo và sự ra đi của anh chỉ là vấn đề thời gian. ‘Moa hết nợ rồi, chớ thằng Sơn chưa hết nợ đâu. Và toa, toa còn nợ nhiều lắm’...”

Nhưng vào ngày 01 tháng 4 năm 2001, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã vĩnh viễn đi xa vào lúc 12 giờ 45 phút giờ Sài Gòn. Trịnh Cung vẫn còn ở Mỹ. Nguyễn Xuân Hoàng cho biết, buổi Trịnh Cung chia tay bằng hữu ở Hoa Kỳ cũng là buổi lễ vĩnh biệt Trịnh Công Sơn.

Có quen biết Trịnh Công Sơn chút chút, nên trước tin không vui của hai ông bạn mang họ Trịnh, tôi viết mấy câu lục bát, góp cho báo Văn của anh Nguyễn Xuân Hoàng. Bài thơ có tên “Thêm Một Tin Buồn” :

tặng hai bạn Trịnh, một bạn vừa ra đi và một bạn sắp ra đi

*“bạn vàng trong giới tóc phai
theo nhau rời khỏi khán đài nhân gian
chuyện tự nhiên, sao bàng hoàng
người đi như ngọn khói tan buồn buồn*

*làn tay sờ đám xương sườn
đếm thời gian, phỏng chừng đường còn qua*

*bạn vừa thành nốt nhạc hoa
bạn sắp thành tảng màu pha nắng trời
hoàn thành tốt đẹp cuộc chơi
còn thừa âm sắc để đời yêu thương
sá chi địa ngục, thiên đường
về đâu cũng một nguồn hương chân tình*

*lần tay nắm xương sống mình
biết đâu mai một thành linh gặp nhau*

*cái buồn xoáy rộng cái đau
nghe trong mỗi ngọn tóc râu thờ dài
bạn đi có lếp hình hài
tôi ngồi buồn phủ kín bài bi ca”*

Bài thơ chia buồn của tôi, may mắn vô duyên hết một nửa. Bởi khi về Việt Nam, Trịnh Cung thông dong sông những ngày cuối đời. Anh bình thân vui chơi gần như không có chuyện gì hệ trọng sắp xảy ra. Gặp nhà văn Song Thao trong chuyến về thăm nhà tại Sài Gòn, Trịnh Cung vẫn lạc quan thăm hỏi bạn bè, khoe cả cái ống nhựa còn đeo bên mình. Dĩ nhiên trong thời gian này anh cũng có ghé thăm, chữa trị cầu may tại bệnh viện, và ăn nhiều ỏ yến. Chúng ta thường nghe nói sự sống chết của con người thường do số mạng. Số mạng hình như phát sinh từ học thuyết An Mạng của đức Khổng Tử. An phận thủ thường cho qua một đời. Thật sự con người có số mạng hay không chúng ta vẫn chưa thể xác định một cách rõ ràng, khoa học. Theo nhà Phật, con người tồn tại, vinh nhục theo nhân quả của thiện ác. Tuổi thọ dài ngắn tùy thuộc vào cái nghiệp nhân đã trồng từ kiếp trước. Tóm lại ở hiền thì sống lâu. Trên thực tế điều này vẫn chưa có nhiều bằng chứng để xác thực. Nhưng chúng ta hãy tạm tin như vậy để có lý do luận giải về sự vượt qua căn bệnh hiểm nghèo của họa sĩ Trịnh Cung. Anh ăn ở hiền lành ắt được trường thọ. So về trình độ chuyên môn, khả năng kỹ thuật, các nhà thương Việt Nam khó qua mặt được các bệnh viện tại Hoa Kỳ. Trịnh Cung đã chẩn bệnh tại Mỹ, nhưng không được điều trị, có thể chỉ vì anh là một du khách. Nhưng ra một khuyến cáo gần như một bản án tử hình hẳn là điều không tốt. Nếu tinh thần không vững, Trịnh Cung sẽ không cho bệnh viện Việt Nam

có cơ hội chứng tỏ khả năng của mình. Dù sao, tin mừng cũng đã có, Trịnh Cung thoát nạn, khỏe mạnh bình thường. Anh lại thông dong qua Mỹ chơi rồi về Việt Nam làm thơ, vẽ, tham gia trong nhiều sinh hoạt văn học. Thơ và những bài viết của Trịnh Cung được giới thiệu trên nhiều trang báo điện toán.

Trong bài viết: **Lột Xác Mỹ Thuật Việt Nam - Chờ Đến Bao Giờ**, trên Talawas ngày 24 tháng 6 năm 2006, Trịnh cung chia ý tưởng của mình thành 3 phần:

- 1- Các sự kiện đã xảy ra, ảnh hưởng đến mỹ thuật:
 - a/ tọa đàm nhân chuyện phát giải thưởng cho một tác phẩm sao chép lại từ tranh cũ nước ngoài
 - b/ tọa đàm về thực trạng tranh giả và tranh sao chép
 - c/ buổi hội thảo ngoài trời về điêu khắc
- 2- Đổi mới hệ thống mỹ thuật
- 3- Cái nhìn mới cho mỹ thuật Việt Nam.

Về điểm thứ 3, theo Trịnh Cung nên:

- Thành lập nghiệp đoàn hội họa.
- Tổ chức lại hội Nghệ sĩ tọa hình.
- Giải tán những hội nghệ thuật có tính cách cung, cầu.
- Trả Nhiếp ảnh về vị trí đúng chỗ của nó trong mỹ thuật Việt Nam.
- Tách viện Mỹ thuật ra khỏi đại học Mỹ thuật Hà Nội và nâng cấp.
- Thành lập Ủy Ban Mỹ thuật Quốc Gia.

Những góp ý của Trịnh Cung cho thấy anh hết lòng với nền Mỹ thuật tại Việt Nam. Nhưng tiếng nói của anh có được lắng nghe phần nhỏ nào hay không lại là một vấn đề khác.

Gần đây, ngày 07 tháng 11 năm 2006, cũng trên Talawas, Trịnh Cung cho đi bài: **Từ Nhà Tiên Phong Đến Kẻ Bảo Thủ**. Trong bài này, Trịnh Cung tỏ ý không đồng tình với họa sĩ Lâm Triết (huy chương vàng, họa sĩ Trẻ Việt Nam, 1962) và họa sĩ Hồ Hữu Thủ. Trịnh Cung cho rằng nhận định “...*chẳng ra gì cả cái gọi là hội họa ngoài giá vẽ*” và phủ nhận những trường phái Sắp Đặt và Trình Diễn là hội họa của Lâm Triết là “*một lực cản rất lớn cho hội họa đương đại Việt Nam*”. Trịnh Cung không quên khắt khe đưa ra những nguyên do khởi từ những họa sĩ đã già hoặc đang già:

- Thiếu đọc sách.
- Không có thói quen cập nhật tin tức mỹ thuật thế giới.

- Thiếu căn bản về môn lịch sử mỹ thuật, mỹ học.
- Bị di căn bởi bệnh ăn trên ngồi trước, sợ mất ghế.

Bài viết của Trịnh Cung chưa thấy có những góp ý.

Cùng với những bài nhận định về hội họa, Trịnh Cung trở lại với thi ca. Anh làm thơ rất nhiều. Thơ anh vẫn giàu những ý tưởng, và ngôn từ gần như không nhường chân một nhà thơ trẻ tân hình thức nào. Xin dẫn chứng một ít bài có trên Web riêng của anh, địa chỉ: /www.trinhcungartist.multiply.com

CHỨC THU CON BỮA CỬ

*Sao em lại đến
Có còn gì để nhặt
Ngoài hoang phế thân xác và rác rưởi tâm hồn
Cái chết tâm giri đang hồi hả những giờ phút thềm muốn cuối cùng
Trong khu vườn hoan lạc lẩn chiếm sự lỗ lăm
Của những người đàn bà cầm tinh mèo cái hoang
Rồng rách màng đêm trên nóc nhà cháy mùa động tình*

*Sao em lại đến
Anh quên cấm biển báo vùng nguy hiểm phải dừng
Dù em có mang mặt nạ chống hơi độc và áo quần bảo hộ
Cũng xin đừng chạm đến anh
Sự chờ đợi đã bốc men tuyệt vọng
Chất độc sẽ vỡ tràn vung vãi bọt tinh trùng đói khát điên loạn
trước giờ tự sát tập thể*

*Sao em lại đến
Mọi người đàn bà đã di tản từ lâu
Mang đi tất cả tuổi thanh xuân và những giấc mơ hoang đường
anh
Bỏ lại khu vườn xum xuê ác mộng
Cây thập tự và những đỉnh hoen rỉ
Chưa kịp trồng phạt kẻ không thuộc dòng dõi chui ra từ quả trứng
Lưu vong đời đời trong cõi chết con người*

Dẫu sao em đã đến

*Hãy thả bình minh xuống thanh tấy vùng ô nhiễm
Cứu lấy một sự sống đang lẩn trốn
Trong khu vườn rong rêu thời gian
Ngón ngang tàn tích quá khứ và những ảo vọng ngày mai
Cái chết đội nám nguyệt trang cất giấu bản chúc thư con bừa củi
Chờ cuộc đầu thai thừa kế của em.
Em hãy kéo cờ xác tín chủ quyền và tưới đẫm rượu mừng lên
đỉnh linga
Con bừa củi hiện nguyên hình chờ em thống trị*

(Trịnh Cung)

GIA PHẢ TÊN VÔ LẠI

TỔ TIÊN TÔI

*Chắc chắn không thuộc nòi con rồng cháu tiên
Không chui ra từ quả trứng
Thứ huyền sử chứa đầy tai ương
Không Đinh Lê Lý Trần
Chẳng họ hàng Tôn Thất
Càng không Quang Trung Nguyễn Huệ*

*Họ
Suốt bao đời
lính lác thời chiến
mang tôi kéo cày thời bình
Theo đóm ăn tàn chống xâm lăng
dây máu ăn phần mở cõi*

*Họ
loại cùng đình vô học
trôi sông lạc chợ
không một miếng đất cắm dùi
lơ mơ quê hương
mù mờ tổ quốc*

VÀ TÔI

Dựa Hơi Bè Bạn

Luân Hoán. 311

Vọt ra từ một cơn nắng
chàng trai Quảng Nam nghèo kiết xác bỏ quê tha phương cầu
thực
cô gái gánh mắm làng Chọt - Khánh Hòa
Xăm nổi bất hạnh từ trong trứng nước
nói sứ mệnh cha truyền
nhân bản kẻ vô lại

Biết không thể tháo bỏ những cơn thèm muốn khỏi sự sống
loài di căn đeo bám từ thuở mới tinh trùng
khi mỗi sợi tóc rụng đều do ý Chúa
mù điên mê tín
xưng tụng hoan lạc ả đen vùng sâu thăm đàn bà
nơi những huyền thoại được cứu vớt
và hơn thế
linh hồn tôi cuối cùng tìm thấy chốn dung thân

RỦI RO TỒN TẠI

Những bước chân thú dữ loang lổ
đi qua thời gian
uốn éo đường sọ lừa đảo cướp của giết người
tôi uơn hèn sống sót qua khe hở chiến tranh
đón mặt đánh đĩ tự do đổi lấy khẩu phần hoà bình
biết không thể tổng khứ cái chết ra khỏi tâm hồn

Mang hội chứng thừa thiếu tự do
tôi thu hình khép bóng
sống đời thực vật

Rủi ro tồn tại
trên mỗi thành phố của quá khứ
không còn ai cư ngụ
những cơn nợ lịch sử đã bỏ trốn
chỉ oan hồn và chiếc bóng tôi ngậy ngó bại trận
vất vưởng
vía hè

*Mỗi con đường trôi qua
ngón ngang những giấc mơ lở loét
tôi lang thang tìm kiếm cuộc đời sau
gửi lại hơi thở và những dấu chân
chứng tích cuộc tháo chạy không kịp về phía le lói sự sống
tìm cơ hội thay hình đổi dạng
hôm nay và quá khứ
tôi thủ tiêu tôi.*

(Trịnh Cung)

Một bài thơ mới của Trịnh Cung có tên Thiên Sứ Băng Khuâng, chỉ với sáu câu lục bát nhưng nhờ đến giai nhân để hoàn thành. Bài thơ được viết khi Trịnh Cung sang Hoa Kỳ lần thứ hai. Cũng như Trịnh Công Sơn thích thú với những con chim trời của thành phố Montréal, khi anh sang thăm vào năm 1992, Trịnh Cung ngạc nhiên khi người và chim sống cùng ở Hoa Kỳ. Từ những con chim vừa ăn vừa đùa trên tay một người đẹp, vốn là bạn cũ của Trịnh Công Sơn, Trịnh Cung viết:

*“Con chim về đậu bên người
Là thiên sứ đó là tôi cũng chừng
Vô tình em thả băng khuâng
Tôi làm chim nhất để phân mai sau”*

Trịnh Cung trở về Việt Nam, rồi trở lại Mỹ, lần này anh có dịp kết tình với một cô ca sĩ ở quận Cam. Tình yêu giúp anh có thêm hai câu kết bài thơ:

*“mai sau thiên sứ về trời
Còn tôi ở lại bên người tôi yêu”*

Bài lục bát sáu câu này được Trịnh Công Sơn phổ thơ, trước khi anh qua đời, đã phổ biến qua giọng ca Trần Thu Hà và Tuấn Ngọc.

Một việc làm khác của Trịnh Cung gây sôi nổi trong làng sinh hoạt văn học nghệ thuật tại quốc nội là sự đỡ đầu cho năm nhà thơ nữ, còn rất trẻ: Lynh Bacardi, Nguyệt Phạm, Phương Lan, Thanh Xuân, Khương Hà thành lập nhóm Những Con Ngựa Trời. Ngoài việc vẽ *logo* cho nhóm, anh còn trực tiếp mang tuyển tập Dự Báo Phi Thời Tiết của nhóm này ra Hà Nội tìm nhà xuất bản để ấn hành. Tuyển tập thơ phát hành trong tháng 12 năm 2005, ngay sau đó bị thu hồi vì mẫu bìa và một số hình ảnh được cho là ký quái bên trong. Sự cấm đoán đã giúp tập thơ và

các tác giả của nó được biết đến nhiều hơn. Và tuy không được phát hành rộng rãi, một buổi ra mắt sách đã được tổ chức tại tư gia họa sĩ Trịnh Cung. Anh tường thuật buổi sinh hoạt này như sau:

“Hôm nay, ngày 28 tháng 8 năm 2005, tại thành phố Hà Nội, lễ cúng khai tử những con @ phải gió và lễ rửa tội khai sinh Những Con Ngựa Trời đã được lặng lẽ nhưng không kém phần hoành tráng tiến hành vào giờ hoàng đạo tại Họa Miếu Trịnh Tử, toạ lạc tại lầu 1 chung cư Đồn Điện Cạo Mù bên bờ bến Nghệ.

Nghi thức theo lễ giáo Hậu Hiện Đại nên không dùng nhang đèn, mâm quả, heo sữa quay, gà quế và USD âm phủ, chỉ rượu Tây, mấy con khô mực và vài gói lạc rang. Chủ lễ, Pháp sư Quốc Chính, râu hùm hàm én không để xanh như mọi ngày mà nhuộm đỏ bằng kinh huyết được nhập từ Vương quốc các loài hồ, đầu quấn áo ngực hiệu Triump, tay cầm phát trần bằng xi líp hiệu Vera có lót băng vệ sinh siêu thấm Diana, hàng Việt Nam chất lượng cao, ra hiệu cho Trịnh Tử, Lão Cái bang trụ trì Họa Miếu dâng sớ cầu khai tử thơ hiệu những con @ phải gió sành điệu và trình diện Những Con Ngựa Trời, hay còn có tên thân mật là Đĩ Ngựa, trước vị Chủ tế và Hội Đồng Nghệ Thuật. Ngoài sự vắng mặt của các vị hảo hán: Phan Bá, Vương Quân, Lý Chờ, Bùi Chúa vì lí do ngoài vùng phủ (dụ) sóng, số hiện diện ở hàng chiếu trên gồm có các Thi Thúc, Thi Huỳnh như: Nguyễn Zien, Tiến Zùng, Ngô Nhiên, Minh Có và Mê Tiến, để được cầu chứng.

Pháp sư Quốc Chính gọi tên từng con ngựa trời ra thọ lễ, lần lượt từ Lynh Bacardi, Nguyệt Phạm, Phương Lan, Thanh Xuân và Khương Hà. Sau một hồi khảo sát chân cẳng, giáo mác, nhan sắc và thơ thức của các kiều nữ Ngựa Trời, Hội Đồng Nghệ Thuật dâng lên vị Pháp sư chủ lễ phong thư báo cáo kết quả. Ngài Quốc Chính mở thư bằng chiếc lưỡi dài có khảm đầy hạt tiêu le rồi ngửa mặt lên trần nhà hét to 3 tiếng: “Chịu không nổi!”. Cả đoàn âm binh cũng đồng loạt hòa theo hô vang: “Chịu không nổi! Chịu không nổi! Chịu không nổi!”. Biết đã vượt qua cuộc sát hạch nín thở, 5 con Đĩ Ngựa vui mừng vung các cặp thanh long đao đầy khát vọng múa “điệu cuồng dâm sát thủ” được phụ họa bằng giàn nhạc một cây guitare thùng, chỉ huy bởi

Mê Tiến nhạc trưởng – người mà báo V&T cho rằng không biết lấy một nốt nhạc, vừa đoạt giải nhất Ca khúc An Nam.

Buổi lễ được kết thúc tuyệt vời bằng bản Tuyên Ngôn Những Con Ngựa Trời ngày 28 tháng 8 năm 2005 được truyền đạt qua bộ phim có tên “Anatomy of Hell” của Catherine Breillat. Mọi người hân hoan hô vang: “Quá đã những Con Đĩ Ngựa! Quá đã! Quá đã!” trước khi ra về lúc chiều đã tối.”

(SG, 28 / 8 / 005, Trịnh Cung tường trình tại thành phố Hòn Ngọc VD)

Đọc bài viết của Trịnh Cung, thú thật tôi không khỏi giật mình. Anh viết dí dỏm, dùng từ và hình ảnh táo bạo. Có lẽ hơi thờ thi ca “tân hình thức đương đại” giúp anh mới mẻ, trẻ trung đến như vậy. Lâu nay tôi vẫn tin mình còn khá trẻ trung, sung sức, đọc Trịnh Cung mới biết mình tụt lại phía sau anh khá xa. Nhờ trẻ trung, sôi nổi anh đã có thêm trong đời một cuộc tình. Hơn thế nữa, anh hoàn tất thêm được một tác phẩm để đời. Dĩ nhiên không tương tự như tập Âm Vang Của Đất, Echo of the land, mà là một tác phẩm sẽ biết nói cười, anh đã cộng tác sáng tác cùng phát hành với nữ sĩ Phương Lan, một thành viên của nhóm Ngựa Trời. Phương Lan tên đầy đủ Nguyễn Thị Phương Lan, ra đời tại Lâm Đồng năm 1981, tốt nghiệp báo chí tại Đại học Khoa Học và Xã Hội thành phố Sài Gòn. Trong một lần điện đàm với tôi, họa sĩ Trịnh Cung có đồ “có biết ai trong năm cô là người tình của *moi* không ? Tôi chịu. Trịnh Cung tiết lộ là một cô thông minh nhất, dịu dàng nhất, và ngôn ngữ mới mẻ nhất, nhiều từ chưa có người thứ hai sử dụng.

Chúng ta chắc không lạ với quan niệm “tình yêu không phân biệt tuổi tác”. Nhưng trước sự việc Trịnh Cung bước đi một bước nữa, không cần xe hoa, bị khá nhiều dư luận xâm xì. Người ta đổ ky anh từ những điểm nào ? Từ cái bê rề mà có người coi rất “đĩ” chăng ?, từ hàm râu đã trắng như tuyết ?... Có lẽ chỉ tại cái duyên ngầm còn thu hút phái nữ của anh. Sự tài hoa trong hội họa chắc chắn có dự phần. Từ ngày 22 tháng 11-2006, tôi được nhiều bạn văn gởi qua *email* một ca khúc của nhạc sĩ Phạm Duy trích từ CD có tên Dục Tính Ca. Lời bài hát quả thật có pho diễn một số hình ảnh, động tác đời thường. Âm điệu tuy không linh hiển như Cỏ Hồng, nhưng vẫn tha thiết sống thực. Nhà báo Trường Kỳ nhắc “*nghe chơi cho...sướng*”, nhà thơ Hoàng Lộc cho “*thế mới là tình yêu*” nhà thơ Phổ Đức thì ân cần mời “*nghe để giải cảm*”... Thế nhưng không thiếu những đòn roi gởi

theo gió về cho Phạm Duy. Dù những lần roi không chắc phát xuất từ những tấm lòng đạo đức chân thật. Người ta không muốn nghệ sĩ không biết già. Không muốn tình yêu nam nữ tồn tại khi tuổi đời đã cao. Phần ai xem ra cũng có lý. Tôi nói vu vơ rất dễ được phát hiện: có thêm một tên già mất nét, thiếu đạo đức. Nói về chặng đường chẵn gối mới của mình, Trịnh Cung trả lời một tờ báo tại quốc nội:

“...Đây thật sự là một áp lực đối với tôi và cả với cô ấy. Phía trước chúng tôi là cả một tương lai đầy thách thức và sau lưng là cả một làn sóng đổ kỵ. Nhưng chúng tôi sẽ làm tất cả những gì có thể làm được để tình yêu của chúng tôi được vinh danh và nhất là sự an bình cho đứa con của chúng tôi khi nó chào đời. Nếu đây là một cuộc hôn nhân lần nữa thì nó hoàn toàn được ý thức, phụ nữ nào cũng có khao khát một lần được mặc áo cưới. Cô ấy cũng không là ngoại lệ. Để cô ấy nghĩ rằng mình là một người không may mắn khi phải trở thành người vợ "không xe hoa" sẽ là một cái tội của tôi, mặc dù cô ấy không hề đòi hỏi.”

Tôi hy vọng Trịnh Cung đang nhận được nhiều lời chúc mừng. Anh không phải là “người vô trách nhiệm” như một nhà văn, quen biết anh, đang ở thành phố Québec than phiền. “Trời sinh voi sinh cỏ” huống gì đứa bé còn tình thương bao la của người mẹ. Người cha họa sĩ đâu có đi sớm trước sự trưởng thành cũng không là điều đáng lo. Sáng tác được tác phẩm tốt, vẫn nên thuận theo tự nhiên.

- Hello Anh Cung, khoẻ luôn chứ?
- Hoán hả, thường thôi.
- Anh đã nhận được mấy cuốn sách tôi gửi về chưa ?
- Có đến địa chỉ ông cho, nhưng chỉ gặp người giúp việc, không biết sách báo gì cả.
- Để tôi bảo đứa cháu mang đến cho anh nay mai
- ...
- Nghe nói anh sắp trở qua Mỹ chơi ?
- Ồ, có thể....
- Nếu đi, anh xem thử có con...đế mèn nào ngon com, mang sang cho tôi một con, để nghe nó gáy chơi



Đỗ Quý Toàn và cái cổ hạnh phúc

Trong 66 năm có mặt giữa cuộc đời. Tôi đã có 22 năm sinh sống ở xứ người. Con số này còn tiếp tục gia tăng, nếu không có những bất ngờ xấu về sức khỏe, bởi tôi vẫn giữ quyết định bén rễ trên đất Montréal Canada cho đến ngày lên đường về một cõi xa. Chẳng đời nào trong cuộc sống cũng đã cho tôi nhiều kỷ niệm. Trong hai mươi hai năm qua, tại xứ sở giàu cây phong và chim trời, gia tài kỷ niệm của tôi khá phong phú.



Một trong các lãnh vực sinh nở hình ảnh, tình cảm đáng lưu giữ nhất là tình bằng hữu. Tình bạn là một thứ tình gần như chỉ ngan ngát hương vị ngọt ngào.

Ngay sau khi chưa kịp quen với không khí âm thấp, ngọt ngào của một căn áp nồm lưng chừng nửa trên nửa dưới mặt đất, tôi đã có hai người bạn chưa từng gặp mặt đến thăm. Hai người bạn này rủ nhau đến cùng một lúc, vào buổi chiều Chủ nhật, mùa xuân. Tôi tiếp khách trong sự ngỡ ngàng nghịu. Không có cái thú uống trà, thêm vào đó cái thêm vị ngọt *coca-cola* vừa từ Việt Nam sang, tôi vô tình buộc khách ngồi ngắm mấy cái ly đồ ổi màu nước lạnh. Phòng khách ánh một dòng nắng chiều từ cửa sổ. Chưa có chậu cây, tranh ảnh nào góp hơi thở cho căn phòng âm áp hơn.

Người bạn ít vốn sống hơn tôi là một nhà thơ. Anh có bút danh Bắc Phong. Vào thời điểm bấy giờ, thơ anh đang trên đường đến gần với bạn đọc người Việt trên khắp thế giới. Ngoài tuyển tập “30 Bài Thơ - 12 Khuôn Mặt” do Dân Quyền ấn hành năm 1983, thơ Bắc Phong được giới thiệu thường xuyên trên các tạp chí Lửa Việt, Dân Quyền, Làng Văn, Độc Lập... Sinh năm 1953 tại Bắc Việt, một năm sau vào Nam, hai mươi hai năm sau rời tổ quốc, Bắc Phong đã thành một quản thủ thư viện nơi anh định cư. Sinh hoạt cộng đồng, góp thơ giữ lửa cho tinh thần

tưởng nhớ quê hương là những công việc Bắc Phong thực hiện nhiệt tình, thường xuyên. Những năm sau, thi phẩm đầu tay của anh, tập Chính Ca được cơ sở Đồng Tiến ở Hoa Kỳ gửi đến bạn đọc (năm 1986). Nhân Văn, Canh Tân, Văn Học...là những tạp chí liên tục phổ biến thơ Bắc Phong. Các tuyển tập: Hội Tuyển Thi Ca (do Thanh Niên Hành Động Xã Hội tại Pháp ấn hành, 1986), Tuyển Tập 23 Người Viết Sau 1975 (Văn Nghệ Hoa Kỳ, 1988), Thơ Văn Việt Nam Hải Ngoại Năm 2000 (Việt Thường chủ trương)...đều có sự đóng góp của nhà thơ khiêm tốn, chân tình này. Chính sự khiêm tốn của Bắc Phong, làm tôi mất bớt một điểm dựa hơi. Anh là một trong hai người không bật đèn xanh cho tôi ba hoa. Đây cũng là sự giải thích vì sao tôi viết dông dài cho cái nhập đề của bài này. Không dựa một chút hơi Bắc Phong, dường như tôi không yên tâm.

Người bạn cùng Bắc Phong đến thăm tôi là một người thật đặc biệt. Một mình anh đã chiêm đến bốn, năm chiếc ghế bệ thế trong lãnh vực văn hóa, văn học. Anh là thi sĩ Đỗ Quý Toàn. Anh là nhà bình luận chính trị Ngô Nhân Dụng. Anh là Toan Do, giáo sư kinh tế học của các đại học Concordia, McGill, Quebec tại Montréal (UQAM). Anh là nhà nhận định, phê bình văn học Đỗ Quý Toàn. Anh là ký giả Vương Hữu Bột. Anh là người viết “phim” với tên Đạo Cây...Có thể anh còn thể hiện khả năng qua nhiều vai trò khác nữa nhưng tôi chưa kịp biết hết.

Với tôi, Đỗ Quý Toàn là một bậc đàn anh. Ngoài việc giàu hơn tôi hai năm hít thở, anh còn nổi trội hơn tôi nhiều mặt. Ra đời vào ngày 15 tháng 6 năm 1939 tại Bắc Ninh, Đỗ Quý Toàn có một thời niên thiếu cùng gia đình chạy loạn, dọc theo các vùng thượng du Bắc Việt, để rồi có mặt trong dòng người di cư 1954, đến với đất Sài Gòn. Làng mạc nông thôn, đất rừng mạch suối, đã cùng nền giáo dục miền Nam đào tạo Đỗ Quý Toàn thành một nhà giáo của các trường trung học Chu Văn An, Nguyễn Du ngay tại thủ đô. Cùng thời điểm này, anh cũng sớm trở thành một huynh trưởng của tổ chức Hướng Đạo Việt Nam, hăng say trong những công tác xã hội. Cây bút trong tay anh từ thời mẫu giáo, đã chính thức đến với làng báo, làng văn năm 1955. Nhiều tạp chí, nguyệt san, tuần báo, nhật báo của miền Nam trước 1975, đón nhận sự cộng tác của anh, đặc biệt là các cơ sở Sống, Ngàn Khôi, Lửa Việt, Tân Dân, Văn Nghệ...

Tả xung hữu đột qua nhiều thể loại với mong ước cuộc sống quanh mình sẽ tươi vui hơn. Nhưng thi ca chắc vẫn là mục tiêu số một trong cuộc hành nghiệp của Đỗ Quý Toàn. Anh say mê làm thơ cùng những người bạn thơ của mình. Lúc bấy giờ, hình như anh chơi thân với các nhà thơ Vương Tân, Trần Dạ Từ, Trần Đức Uyển...Tôi nhớ đã đọc đâu đó, chuyện anh kể, thường lui tới nhà một người bạn thơ có một bà mẹ thật hiền. Anh đã có những buổi lót lòng tại đây, và không hiếm lần đọc cho bạn nghe những bài thơ mới viết, cũng như nghe những bài thơ vừa hoàn tất của bạn mình. Sự trao đổi nhận định lẫn xúc cảm thường tạo thêm hứng khởi sáng tác. Viết nhiều cũng thường dẫn đến cơ hội xuất bản. Nhắc lại diễn tiến sự hình thành thi phẩm *Nàng*, đầu tay, cùng thi phẩm kế tiếp *Đêm Đen Việt Nam*, nhà thơ Đỗ Quý Toàn đã kể với tôi, cùng bạn đọc tạp chí *Sóng* của nhà giáo kiêm nhà báo Nguyễn Tăng Chương tại Toronto, Canada:

“... ‘Nàng’ là một tập thơ in năm 1965. Tôi thực chưa bao giờ có ý định in thơ. Tập thơ thứ nhất này, do một số bạn bè góp tiền in tặng, nhân đám cưới của vợ chồng tôi. Tôi nhớ có Trần Dạ Từ, Tú Kếu, Lê Tất Điều, Vũ Dũng, Nguyễn Trung, Dương Nghiễm Mậu...và cả anh Phạm Duy nữa. Nguyễn Trung vẽ bìa và vẽ cái mặt tôi in bên trong. Hình như mỗi người góp hai trăm đồng thời đó, coi như đi mừng đám cưới.

Tập thơ viết về Nàng, nhưng không phải chỉ thơ tình. Có những thao thức tâm linh. Có những rung động siêu hình. Khi yêu mình hầu như thấy cả vũ trụ và mình trong vũ trụ.

*Tập thơ *Đêm Việt Nam* do nhóm sinh viên văn khoa in năm 1966. Những bài thơ này viết từ 1963. Khi tôi xúc động trước thời cuộc như biến cố: hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, đám tang Nhất Linh. Nhưng phần lớn các bài thơ đó viết sau khi tôi đã đi nhiều về miền quê từ vụ cứu lụt ở miền Trung năm 1964 và tiếp xúc với những đau khổ trên quê hương. Anh ruột tôi tử trận năm 1963. Những người bạn khác cũng lần lượt vào nghĩa trang Quân đội. Khoảng hè 1966, mấy bạn sinh viên tổ chức các buổi đọc thơ ở khu đất Khám Lớn cũ, tức Đại học Văn khoa, ở đường Gia Long, hình như đó là đêm đọc thơ đầu tiên trước công chúng. Tôi nhớ có Trần Dạ Từ, Tú Kếu và tôi cùng đọc thơ. Hình như có cả Trần Tuấn Kiệt. Những bài thơ nói về nỗi đau khổ không thể ngâm nga được, cho nên chúng tôi đọc, có lúc hét lên. Có một nhà văn đàn anh, sau đó đã viết rằng:*

“Nghe đọc thơ, anh thấy rùng mình” . Các bạn sinh viên đề nghị in. Tất nhiên Sở Kiểm duyệt không cho in, nên họ chỉ quay ronéo, Nguyễn Trung vẽ bìa và phụ bản rất đẹp.

Cả hai tập thơ trên, tôi đều không có ý định in. Cả hai đều do anh em họ làm giúp. Sau này là tôi cũng tiếc là mình hờ hững với thơ quá. Bây giờ muốn in lại làm tài liệu cũng khó tìm hết các bài thơ mình có thể vẫn còn thích. Tôi vốn coi chuyện làm thơ là chuyện rất riêng tư. Mình không nhận được thì phải làm thơ, chứ không phải để làm cái gì, để cho ai cả. Đăng báo thì dễ dàng. Người ta đọc báo xong thì quên ngay. Góp một bài thơ cũng như tới họp mặt với bạn bè, cho vui vậy thôi. Bây giờ ở nước ngoài thì khác. Lắm lúc muốn đọc lại thơ Tô Thùy Yên chẳng hạn, tôi lại trách thảm tại sao cái ông “Điền Thành Tinh” đó không in một tập thơ để mình dễ tìm. Anh chị em tận mác khắp nơi, tìm một tờ báo lắm lúc cũng khó. Như vậy tôi mong các bạn thi sĩ nên in thơ thành tập thì hơn”.

(Đỗ Quý Toàn trả lời CHC - Sóng số 71 tháng 4 năm 1988)

Như vậy, cả hai thi phẩm của anh Đỗ Quý Toàn trình làng trước năm 1975, đều do những tình cờ thú vị. Tình bạn cùng những trân quý thi ca của độc giả đã tạo cơ hội cho người làm thơ đến gần với đông đảo quần chúng hơn.

Nhà thơ Đỗ Quý Toàn, được xếp vào những người làm thơ tự do, theo nhận định của nhà phê bình Cao Thế Dung. Ông viết trong tác phẩm Văn Học Hiện Đại (356 trang, Quân Chúng xuất bản, năm 1969):

“... Thơ tự do còn thể hiện một sự biệt tích của lòng yêu dấu trong đó có một giai nhân nào không còn là nàng tình muôn thuở (như một Dương Quý Phi, hay Bao Tự hay Désirée...) Thơ tự do -trong thi điệu và ngôn ngữ- ví như đứa con tình nguyện đi hoang và tự ném tuổi thơ đốt cháy trong một ngọn lửa tình cờ phi lý và rất tàn bạo của thời đại.

Đỗ Quý Toàn với thi tập Nàng là một tiêu biểu. Thơ tự do của họ Đỗ như không là thơ (theo quan niệm cũ thông thường về thơ). Thơ ông là những ngôn ngữ như lá cành trên sa mạc hoặc sỏi đá trên vùng tuyết lạnh và tiếng thơ như tiếng huyết sáo theo giọng ca được sáng tác trong tình cờ và hợp tấu theo bước chân đi của một lãng tử tình nguyện xa nhà, xa cả thân thể. Bài Tự Tình là một thí dụ đơn giản về cách cấu tạo ngôn ngữ thơ cũng như thi điệu của thơ tự do: (các dấu / chỉ để sự xuống hàng)

*‘Hãy yêu chàng như núi/ núi nào có biết gì/ núi nằm đá yên
ngủ/ đã hàng muôn năm qua/ khi núi thức mùa xuân.*

*Hãy yêu chàng như cỏ/ cỏ ngậy ngát mọc đầy/ tràn lan
quanh mặt đất/ trên trái đất quay.*

*Hãy yêu chàng như biển/ đất quay biển quay theo/ nhịp
nhàng như luân vũ khúc/ muôn đời không thôi.*

*Hãy yêu chàng cho thật lâu/ yêu chàng mãi mãi/ quanh
năm suốt bốn mùa/ lấy mùa đông làm xương/ mùa xuân làm da
thịt/ mùa thu làm mắt xanh tóc biếc/ mùa hạ làm máu chảy ảm
tim.*

*Hãy yêu chàng bằng thân thể đỏ/ như màu tím màu vàng/
trên da trời chói chang/ mặt trời mọc rồi lặn/ trời da vàng da
đen/ yêu chàng như thể đó.*

*Hãy yêu chàng như thể/ như thể như thể/ yêu chàng liên
miên/như chim chiu chít/ vì cành lá xanh/ hay vì nắng sớm mai/
như thể như thể/ như biển dạt dào/ dâng theo ánh nắng/. Em có
thấy không/ em có thấy không/ trong những đêm rằm/ biển
phồng bóng căng.*

*Thôi hãy yêu chàng/ yêu không thể nói/ yêu quần yêu
quanh/ yêu hoài yêu mãi’ ”*

(Đan Hồ Cao Thế Dung, VHHĐ - thi ca và thi nhân)

Trong cuốn Thi Ca Việt Nam Hiện Đại, nhà thơ Trần Tuấn Kiệt nhận xét về người bạn thơ họ Đỗ của mình:

“... Ngoài thơ tự do, sở trường của Đỗ Quý Toàn, anh còn sáng tác thơ lục bát, tiếng thơ rất lạ, khi siêu thoát, khi mãnh liệt như những đợt thác nước đổ ầm ầm lôi cuốn mọi sinh vật theo về biển cả. Đó là điều khác biệt hơn những tâm hồn thơ tự do ở đây, nhất là những hình ảnh mênh mang, thăm thẳm và không gian rộng lớn gần với nguồn suy niệm siêu hình đồng tinh thần R.Tagor”

(Trần Tuấn Kiệt – Thi Ca VNGD trang 1003)

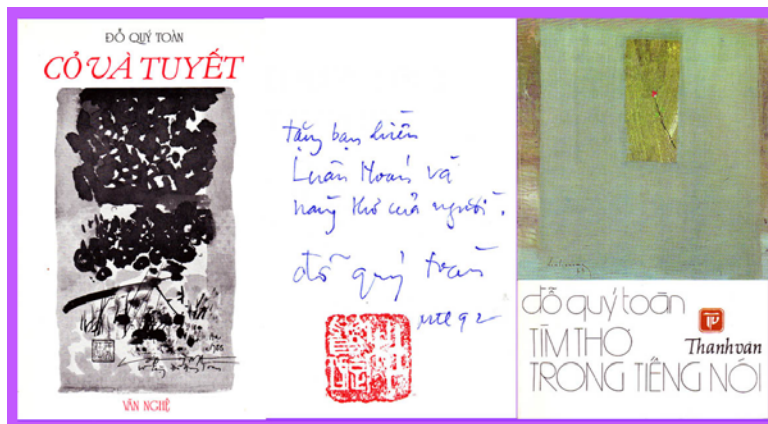
Nhận xét trên đây của nhà thơ Trần Tuấn Kiệt hình như đã có được khi ông bắt gặp cảm hứng trong lúc đọc một vài bài loại 6/ 8 xuất sắc của Đỗ Quý Toàn. Chính anh Toàn cho biết anh không sử dụng thể thơ này nhiều, và anh viết với đủ thể loại, không dành dành ưu tiên cho thể tự do. Trong bài trả lời Châu Hải Châu, anh nói rõ và giới thiệu thêm một khuôn mặt bình thơ khác thời bấy giờ:

“... Trần Tuấn Kiệt là một thi sĩ hơn là một người nghiên cứu về các thi sĩ. Tôi cũng giống Kiệt ở chỗ đó. Chúng tôi đều không đọc thơ của người đương thời cho đầy đủ. Chỉ đọc những bài mình thích mà thôi, bài nào không thích thì bỏ qua. Có lẽ vì vậy khi nói đến thơ, Kiệt chỉ nhớ đến hai loại. Thơ tự do và thơ lục bát. Tôi đã viết đủ các loại thơ. Nhưng thể lục bát viết ít nhất. Có lẽ vì mỗi lần viết tôi tự thấy trong thơ mình có ảnh hưởng của các thi sĩ trước. Những người cùng thời với tôi như Trần Dạ Từ, Viên Linh, Bùi Giáng vv... đã vượt thoát khỏi những ảnh hưởng của người xưa nên lục bát của họ mới lạ, kiểu điệu hơn nhiều. Tôi chắc Trần Tuấn Kiệt nhắc đến thơ lục bát, và trích mấy bài lục bát, vì đương khi viết cuốn sách, Kiệt có sẵn mấy bài lục bát trước mắt. Tôi biết Kiệt thích mấy bài thơ anh trích lắm, đã ngâm nga mấy lần cho tôi nghe. Uyên Thao khi viết về tôi trong cuốn sách của anh, không trích bài lục bát nào cả. Uyên Thao làm việc kỹ lưỡng cẩn thận hơn Trần Tuấn Kiệt. Nhưng tôi thấy anh cũng chỉ trích dẫn những bài thơ vừa đăng báo trong khoảng thời gian anh đang viết sách mà thôi. Thời gian đó tôi và Uyên Thao đang làm việc chung ở một số toà báo (Diễn Đàn, Đời...) gần như ngày nào cũng gặp nhau. Nhưng chúng tôi không mấy khi nói chuyện thơ. Anh không bảo tôi đưa các bài thơ cũ cho anh coi. Uyên Thao là một nhà báo, một chiến sĩ, anh không coi việc thảo luận văn chương là việc chính. Không thể bắt anh ấy sưu tầm hết thơ của mỗi tác giả trước khi viết về họ được. Lỗi của tôi là không in thơ thành sách, bà con biết thơ tôi nhờ đăng báo mà thôi. Nói vậy nhưng cũng phải công nhận, các anh Trần Tuấn Kiệt, Uyên Thao đã có công viết mấy cuốn sách về thi ca, giai đoạn sau 1954. Tôi nhớ có lần gặp Nguyên Vũ ở đại học Wisconsin, Nguyên Vũ dẫn tôi vào thư viện, tìm thấy cuốn sách của Trần Tuấn Kiệt. Mở ra đọc, tôi rất mừng, đi chụp ngay mấy bài thơ cũ của mình vì (tất nhiên có mấy bài hay) chính tôi cũng mất mấy bài thơ đó rồi. Đọc lại như gặp được người cũ! Nhưng dù sao cũng xin chú ý là anh em nhà in họ in sai nhiều quá, đọc lại thấy thơ mình méo xẹo cũng buồn lắm”.

(ĐQT trả lời CHC – Sóng 71 tháng 4-1988)

Một bài thơ trong thi phẩm *Nàng* được phổ biến rất rộng rãi. Ngày nay và mai sau có lẽ giới thưởng ngoạn vẫn còn nồng nhiệt đón nhận, đó là bài *Chuyện Tình*, được nhạc sĩ Phạm Duy

chọn phổ nhạc. Việc phổ nhạc một ca khúc trước 1975 chắc chắn tùy thuộc vào giá trị nghệ thuật của bài thơ. Người nhạc sĩ bắt gặp tâm hồn mình có những điểm tương đồng với người làm thơ. Từng chữ, từng câu, từng hình ảnh lẫn màu sắc, mở ra trong lòng người nhạc sĩ những thao thức, những giục giã mong muốn tiếp sức cho tác phẩm bay xa hơn, sống dài hơi hơn. Sự quyến rũ thêm kẻ đồng hành hoàn toàn tùy thuộc vào tính chất nghệ thuật diễm đạt của nguyên bản. Bài Chuyện Tình của Đỗ Quý Toàn đương nhiên là một bài thơ tình vừa băng quơ vừa có thực. Cái lãng mạn, nhí nhảnh của những người mới biết yêu thật dễ thương, được thể hiện bằng ngôn từ hiền hòa, tự nhiên pha chút dí dỏm. Câu thơ dễ dàng như một câu nói, thỏ thẻ thân mật. Thêm vào đó cảnh sắc, hình ảnh chung quanh đôi nhân tình thật giàu thi vị, vừa đơn giản vừa đẹp. Bài thơ tự nó đã là một tuyệt tác:



“Ôi anh yêu em vì em biết nói/ Em đã biết thưa em còn biết gọi / buổi sáng trời mưa khiến anh nhớ em/ bây giờ trời nắng anh nhớ em hơn.

ngồi xuống đây đi nghe chim đang hát/ đồng cỏ bàn tay trời cao mắt ướt/ khi ngó nhau thôi còn biết nói gì/ hai đứa ngồi đó như hai hòn bi.

có cánh hoa đẹp anh hái cho em/ em không thềm nhận anh chết cho xem/ và anh sẽ khóc miên man suốt ngày/ ôi chả bao giờ buồn như bữa nay.

*này em yêu quý em có biết nghe/ trên cánh đồng cỏ có con
bò kia/ nó kêu “bò” “bò” và nó ăn cỏ / trời hôm nay cao, yêu
em, hỡi gió.*

*và trên đỉnh đồi có cây to tương / ở một cành ngang có
một tổ kiến / có con đi ra có con đi vào / trời hôm nay nắng, yêu
em xiết bao.*

*này em yêu dấu em nào có hay/ hỡi này trên trời có con
chim bay/ có con chim nó bay qua trên trời/ trời xanh đến thế đôi
mình lúa đôi”*

(Đỗ Quý Toàn)

Có thể tiên đoán: không ít bạn đọc tìm thấy mình, tìm thấy nhân tình của mình và chính họ là đôi nhân tình trong thơ của Đỗ Quý Toàn. Chúng ta đã thiếu tài năng hoặc vô tình không giữ lại được hình ảnh thời dễ thương của chúng ta. Rất may, nhà thơ Đỗ Quý Toàn đã giúp chúng ta thấy lại một thời xuân sắc. Xin chân thành cảm ơn anh, cảm ơn người nhạc sĩ tài hoa Phạm Duy.

Trước năm 1975, tôi chưa có cơ hội làm quen với nhà thơ Đỗ Quý Toàn. Nhưng qua thơ, tôi biết đại khái về anh. Có lẽ anh cũng lơ mơ biết tên tôi. Nhất là thời kỳ anh làm việc tại tuần báo Ngàn Khơi. Thỉnh thoảng tôi có gởi thơ đăng tại tuần báo này. Những bài thơ vụng tay ở Thời Nay, Ngàn Khơi...không còn được tôi lưu giữ. Nhưng nhờ vào những say mê này, đưa tôi đến việc hình thành thi phẩm Về Trời và những tập thơ tiếp theo. Cũng nhờ những trang báo rất phổ thông, rất hợp thời trang này, bạn đọc thuộc dân mặt chữ bút danh tôi một cách độ lượng, thân mến. Tháng 2 năm 1975, tôi có một niềm vui bất ngờ, khi tạp chí Phổ Thông của cố thi sĩ Nguyễn Vũ, (một tạp chí tôi chưa hề có bài đăng) phổ biến cuộc thăm dò dư luận về các nhân vật của năm 1974. Anh Đỗ Quý Toàn và tôi có tên trong 16 người được quần chúng chọn lựa, qua cuộc thăm dò được thực hiện trong vòng 3 tháng của Phổ Thông. Tờ báo đang được điều hành bởi bà Phan Thị Thu Mai, tòa soạn đặt tại số 816 đường Phan Thanh Giản, quận 10 Sài Gòn, không giới thiệu anh Đỗ Quý Toàn trong sinh hoạt thi ca, mà giới thiệu anh dưới ngòi bút Vương Hữu Bột. Sau khi gọi tác giả Nàng là “nhà châm cứu xã hội”, Phổ Thông viết:

*“Xưa, bà huyện Thanh Quan đã trách “tạo hóa gây chi
cuộc hí trường” để cho các triều đại vua chúa bị vùi lấp trong
nền cũ lâu đài đổ nát. Nay, có triều đình cũng đang bị đẩy vào*

Cuộc Hi Trường, tang thương hơn, không do tạo hóa gây nên mà do Vương Hữu Bột, ký giả của nhật báo Đại Dân Tộc tạo ra, hàng ngày.

Mỗi ngày một chuyện, viết về nhân và vật đương thời. Nhân thì bất thành nhân dạng, vật thì đúng là vật côi dương. Vương Hữu Bột đã cho sống lại cái đời sống quái thai của cả một triều đại trên phần đất hạn hẹp mà tờ báo giành cho anh. Bao nhiêu người thấp cổ bé miệng, bị bóc lột đến xương tủy, hàng ngày say mê theo dõi bút châm cứu xã hội, Vương Hữu Bột.

Người mà các bạn thân cho rằng hiền hơn cục bột, lại tỏ ra bén nhọn và sắc sảo nhất trong các cây bút viết tiểu đàm. Gần như Vương Hữu Bột phối hợp được tính chất chua cay của Voltaire và sự tức cười của Lỗ Tấn, trên quan điểm “cười cợt để sửa đổi phong hoá”

...
Nếu coi sự giản dị là phân cao nhất của nghệ thuật thì Vương Hữu Bột đã tạo được một bút pháp hết sức giản dị, thấm vào lòng người. Đôi khi nhẹ nhàng như thơ xuôi, điều này, chúng ta không ngạc nhiên nếu biết Vương Hữu Bột là bút hiệu của thi sĩ Đỗ Quý Toàn, sinh năm 1939 tại Bắc Ninh.

Cách truyền thông hay nhất là làm cho mọi người mỉm cười, Vương Hữu Bột đã chứng tỏ được một khả năng vững vàng trên tiêu chuẩn đó...

...Để kết luận về Vương Hữu Bột, chúng tôi xin mạn phép kể một câu chuyện rất ngắn:

Được một độc giả hỏi:

Ông viết rất nhiều mà chúng chẳng sửa đổi chút nào thì phải làm sao ?

Nhà viết phim (ĐQT) trả lời:

Xin hãy phát âm chữ “viết”, theo giọng người miền Nam”

(Phổ Thông số 30, 20 tháng 2 năm 1975)

Việc thực hiện và phổ biến cuộc thăm dò quần chúng của tạp chí Phổ Thông, có thể chỉ nhằm mục đích hoàn tất một chủ đề, làm phong phú nội dung tờ báo. Nhưng màu sắc chính trị và quan điểm góp phần làm đẹp xã hội, không thiếu trong công việc đã thực hiện của những người chủ trương tạp chí Phổ Thông. Trước và sau khi Phổ Thông phát hành số 30, tôi tin anh Đỗ Quý Toàn cũng như mười bốn vị khác nhận được thư của Phổ Thông,

do chủ nhiệm Phan Thị Thu Mai ký, về việc xin phỏng vấn trực tiếp, tìm hiểu quan điểm trong lãnh vực sinh hoạt riêng của mỗi người, để đăng vào số báo phát hành ngày 5 tháng 3 năm 1975. Từ Đà Nẵng, tôi đã gửi đủ tư liệu cho Phổ Thông. Anh Đỗ Quý Toàn chắc cũng đã đáp ứng yêu cầu này. Tiếc rằng cái ngày 5 tháng 3 năm 1975 đã đi qua cùng những tin chiến sự đen tối, làm khựng hẳn những dự tính cho số báo đặc biệt, mà có lẽ đã gần hoàn tất tại tòa soạn.

29 tháng 3-1975, thành phố Đà Nẵng không có chính quyền. Trống đêm ngồi đợi tàu Việt Nam Thương Tín từ Sài Gòn ra bốc nhân viên di tản đã đi qua. Tôi cùng gia đình và đồng nghiệp rời cư xá Đống Đa, chỗ đợi cuối cùng của hy vọng. Chưa dám về nhà, tôi theo bạn cùng sở, Phan Minh Khóa, vào ẩn trong Thánh Thất Cao Đài, rồi theo anh bạn thiếu tá, thẩm phán Hồ Minh vào chùa Tinh Hội. Những người làm cách mạng 29 tháng 3 ngày một đông. Sân Tinh Hội nhón nháo như thời Hiến chương Vũng Tàu. Tôi chóng mặt, về nhà cha vợ. Ngồi chưa ấm ghế, lò dò đến nhà Châu Văn Tùng, rồi lần về nhà cha ruột. Con đường Hùng Vương như rộng hơn ra. Từng nóc nhà như đang cúi thấp đầu. Tôi ngậm ngùi, hoang mang khi đi ngang tổ ấm của mình. Cánh cửa sắt xanh vẫn níu cứng chiếc xe jeep lùn màu ô liu. Quân phục rằn ri, nón sắt, giày đạn, súng AR 15 nằm an nhiên, dọc theo chái hè bên hông nhà. Chẳng hiểu vì sao có sự dừng chân, trút bỏ quân phục, quân dụng tại một quán sách nhỏ, còn nghênh ngang bảng hiệu Ngôn Ngữ ? Tôi lặng lẽ đứng nhìn những người xa lạ mang đi những vật dụng trong ngôi nhà mình. Họ rất tự nhiên. Người đến trước khuôn trước, người đến sau mang, xách sau. Năm ba câu chưởi tục vu vơ chỉ vì quen miệng. Sách, nhạc bản rời, ngồn ngang dưới nền nhà, cuối cùng cũng có người cho vào ba lô, lệ khệ mang ra cửa. Tôi đã thấy tận mắt những đôi thủ từng lấy mắt của mình một ống chân. Họ hiền lành, ngây ngô thật dễ thương. Năm, bảy ngày sau thành phố bắt đầu nhận ra chủ mới. Tôi chạm mặt với hai chữ lý lịch ngày một nhiều. Và một tháng đi qua, tin Sài Gòn thay chính quyền, dập tắt mọi hy vọng cuối cùng của tôi cùng những người bạn thân, chưa ngưng tìm gặp nhau mỗi ngày.

Không rõ gia đình anh Toàn đã được “di tản chiến thuật” bằng cách nào. Khi một cổng vào dinh Độc Lập bị chiến xa húc

ngã, anh đã ra đi chưa? Anh có kịp nghe tin người sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa tự bắn vào đầu mình trước tượng đài Thủy quân Lục chiến, bên hông Quốc hội ? Nhà chị tôi nằm gần ở đó, trên đường Lê Lợi, bàng hoàng, thiêm thiếp. Chắc anh sớm hiểu ra ngón tay trở của đức Trần Hưng Đạo bên bờ sông Sài Gòn. Mọi cuộc vượt thoát đều tùy duyên. Gia đình anh Toàn thờ kính đức Thích Ca. Phật Quan Thế Âm hẳn có mặt trong hành trình của anh. Lần di cư thứ hai này, anh không còn là một cậu bé theo gia đình ngày nào. Anh đã trưởng thành. Sát vai anh đã có một người đẹp đi bên cạnh, cùng những Lu, Phóc, Kinh Coong, nhí nhảnh, xinh xắn. Có thể gia đình anh là những cư dân, chạm chân vào thành phố Montréal sớm nhất, kể từ một cuộc chiến bằng súng đạn vang dội nhất thế giới khép lại. Từ bục giảng các trường trung học Chu Văn An, Nguyễn Du Sài Gòn, anh Toàn có một đám học sinh mới, khác màu da, tại Võ Bị Hoàng Gia Saint Jean. Cuộc sống của anh giản dị, nhẹ nhàng như sự hít vào thở ra của chính anh.

Tôi đến vùng đất anh Toàn cư ngụ sau anh mười năm tròn (1985). Chuyên ghé thăm ổ tình Luân Hoán của Đỗ Quý Toàn và Bắc Phong mở ra cho chúng tôi những giao tình tốt đẹp. Thành phố Montréal là một trong 14 thành phố thương mại lớn nhất thế giới (Mỹ 6, Canada 3 còn lại của Anh, Pháp, Ý, Nhật). Có chừng 200 người Việt Nam sống ở thành phố này trước năm 1975. Sau tháng 4-1975, nhân khẩu Việt tăng lên 3000. Và chỉ một thời gian ngắn, theo tài liệu của ông Đỗ Quang, công bố trên tờ Liên Hội ngày 19 tháng 5 năm 1992, đồng bào của chúng ta đã có đến 40.000 người góp mặt trong số hơn 3 triệu thị dân, gồm 80 sắc tộc. Cộng đồng người Việt trưởng thành nhanh chóng qua việc thành lập đầy đủ những hội đoàn sinh hoạt, trong mọi lãnh vực chính trị, tôn giáo, văn hóa. Chỉ hơn mười người đã cầm bút trước 1975 (Trương Bảo Sơn, Đoàn Thêm, Đỗ Quý Toàn, Phạm Nhuận, Trang Châu, Luân Hoán, Song Thao, Nguyễn Đông Ngạc, Nguyễn Khắc Ngữ, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Hữu Chung, Vũ Tiến Phúc, Nguyễn Văn Trung) và chưa quá hai mươi người khởi sự viết lách sau 1975 (Võ Kỳ Điền, Bắc Phong, Hồ Đình Nghiêm, Lưu Nguyễn, Nguyễn Vy Khanh, Vạn Giả, Viễn Du, La Toàn Vinh, Lê Quỳnh Mai, Nguyễn Văn Lục, Nguyễn Thị Sông Hương, Tiểu Thu), nhưng sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt tại Montréal đã tạo được một số thành công khả quan trong việc: diễn thuyết,

hội luận, xuất bản sách, ra mắt tác phẩm, triển lãm hội họa... Không đề cử, không bình bầu, nhưng nhà thơ Đỗ Quý Toàn được hiểu ngầm là ông anh trong các sinh hoạt văn hoá này. Với nhiệt tình có sẵn của một huynh trưởng hướng đạo, của một thành viên sáng lập chương trình hè 1965 cho thanh niên sinh viên, Đỗ Quý Toàn luôn luôn hết mình trong công việc anh đảm nhiệm. Tôi vẫn đóng rất đẹp vai trò núp bóng hưởng tiếng thơm từ anh em. Nhưng cũng nhờ cái ma giáo này, tình bằng hữu trong tôi có phần cởi mở hơn, phát đạt hơn. Tôi có sự giao du với anh Toàn nhiều hơn.

Năm 1986, có thể vào mùa hè, cũng có thể vào mùa thu, không còn nhớ rõ. Nhưng đêm đó “trời quang mây tạnh”, không lạnh, không tuyết, có chăng là những làn gió tinh nghịch chút đỉnh trên đầu tóc. Tôi được Bắc Phong chở đến tư gia anh Đỗ Quý Toàn lần đầu tiên. Nhà anh chị Toàn Quyên nằm trong khu nhà giàu Mont Royal, số 2690 đường Glencoe. Ngôi nhà tọa lạc gần cuối đường, không lớn lắm, nhưng khá xinh. Có ba ngã vào nhà anh. Hai ngã từ đường lớn Jean Talon, và một ngã từ Côte Des Neiges nối dài. Trong khu phố anh ở, ngang dọc những con đường yên tĩnh với nhà cửa có diện mạo na ná nhau, nên về sau lắm lần tôi đi lạc. Bạn vẫn có mặt trong buổi gặp gỡ, ngồi giáp kín vòng phòng dành tọa thiền của gia chủ. Qua giới thiệu của anh Toàn, khách hiện diện không thiếu khách sáo chào nhau. Tôi được cơ hội thấy mặt các vị “trưởng lão” của Việt Nam Cộng Hòa: Bác sĩ, Tổng Trưởng Bộ Thanh Niên Nguyễn Tấn Hồng, Tổng trưởng, Giám Đốc Tổng Thuế Vụ, cha đẻ thuế kiểm ước Nguyễn Hải Bình, Giáo sư Đại học kiêm Tổng Trưởng Bộ Thông Tin Tôn Thất Thiện, Dân biểu Nguyễn Hữu Chung, Giáo sư Hoàng Chiêu Nhân, nhạc sĩ Hoàng Phúc, họa sĩ Nguyễn Tài, các nhà văn Võ Kỳ Điền, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Đông Ngạc, các nhà thơ Lưu Nguyễn, Bắc Phong, Hoàng Xuân Sơn, Bác sĩ Nguyễn Ngọc Lang... và những bông hoa đi kèm. Buổi gặp mặt được thành hình sau chuyến rong chơi Âu châu của anh Đỗ Quý Toàn. Anh đã nhận lời ủy thác của bằng hữu trời tây để lập nên Trung tâm Văn Bút tại Canada. Chuyện lập hội cơ bản như xong. Tôi có lẽ là người được và bị chú ý nhiều nhất, bởi vì nhân cơ hội khá đông vui, anh Đỗ Quý Toàn muốn giúp tôi có ít bà Queen Elizabeth lặn cho ấm túi. Anh trình diện tập thơ đầu tiên tôi in tại Hoa Kỳ vừa về đến Montréal, tập *Hơi Thở Việt Nam*.

Khách của anh Toàn ai cũng sẵn lòng, nhưng tôi vẫn giữ bệnh cũ: mắc cỡ, không thể nào ký tên lấy tiền, nhất là trong thời khắc đang mở lòng quen biết. Tôi ký tặng cho tất cả. Buổi ra mắt sách chớp nhoáng, đặc biệt này coi vậy mà khá vui. Tôi được anh Đỗ Quý Toàn nhận dạng ngay: một tên nhà quê hiền lành, một tay giàu hồ người thứ thiệt. Cũng từ đó tôi thường được anh Toàn gọi đến nhà chơi khi anh có những người bạn văn phương xa đến thăm. Tôi từng ngồi châu rìa hóng chuyện bên vợ chồng nhà văn Trần Dạ Từ, Nhã Ca; bên nhà văn Mai Kim Ngọc; bên danh họa Thái Tuấn; bên nhạc sĩ Phạm Duy; bên giáo sư nhạc sĩ Trần Văn Khê vân vân... Tôi và các bạn khác thỉnh thoảng cũng xách tới nhà anh một vài nhân vật đang múa bút đầu đó, ghé đến Montréal: Kiệt Tấn, Dương Kiên, Nghiêu Đề, Đinh Cường... Kỷ niệm khó quên rơi vào một đêm mùa hè trong vườn sau nhà anh. Đêm đó, chúng tôi, những Song Thao, Hồ Đình Nghiêm, Lưu Nguyễn, Nguyễn Đông Ngạc... đưa nhà văn trẻ Ngô Nguyên Dũng từ bên Đức ghé thăm Đỗ Quý Toàn. Cuộc gặp mặt muộn, nên cuộc rượu lần trà kéo dài quá khuya. Càng lần vào chiều sâu của đêm, da thịt của chúng tôi như tuồng thom ra, ngọt hơn nên đàn muỗi táo bạo trong vườn anh Toàn càng nhiệt tình. Vừa nói chuyện, vừa uống rượu, hớp trà chúng tôi vừa đập kẻ thù. Vị chủ nhà không thực hiện động tác sát sinh. Đã thế, hình như anh còn thắc thỏm không yên. Mấy câu thơ hiện ra trong đầu tôi ngay: *“uống trà tán gẫu dưới hoa/ vườn trăng tiếng muỗi la cà chung vui/ xòe tay, toan gỡ tình người/ thấy mắt thi sĩ ngậm ngùi, đành thôi”*

Dầu thiếu thoải mái như vậy, chuyện thơ văn vô cùng linh tinh cứ như là dòng sông bất tận. Từ ngày trao tặng một bàn chân trái cho đất, những sợi gân nổi trong phần chân còn lại hoàn toàn phản đối hương vị của các bậc Lưu Linh, Lý Bạch... Rượu vào, lời chưa ra, ống chân đã xốn nhưc lia lịa. Từ những kiêng cử dẫn đến thói quen, tôi đánh mất cái thú “lai rai ba sợi” từ lâu. Tôi uống cảm chừng cho phải phép cùng bè bạn, nhưng không ít lần thức trắng đêm, ôm cái chân sau đó. Sự nhạy cảm của ống chân thương phé của tôi thật xuất sắc vô cùng, đây cũng là một điều kỳ lạ, khác với nhiều bạn đồng cảnh ngộ, như hai nhà thơ Phan Xuân Sinh, Chu Tân chẳng hạn.

Theo thói quen, anh Toàn, khi nói chuyện thường tự xưng là “tôi” hay là “mình” và gọi tôi, gọn gàng một chữ Hoán. Không

anh, em, mi, mày gì khác. Lối xưng hô này tự nhiên và thân mật. Ông thân sinh tôi ở cõi âm, nếu chưa đi đầu thai, có nghe cũng sẽ cười xòa thôi, cụ quen rồi. Hồi trước, đã lâu, có một lần nhà văn Vương Thanh (tác giả tập truyện Khu Rừng Mùa Xuân- Văn Học, 1964), đến nhà tôi chơi. Anh dựng xe đầu công nhà, rồi rít gọi:

- Hoán ơi, Hoán có nhà không ? Mi....

Thân phụ tôi nghe gọi, lật đật bước ra hiên. Chắc chắn là ông ngỡ ngàng và bực bội trong câu hỏi, tôi nghe rất rõ:

- Cậu là ai ? Sao gọi tôi như vậy ?

Hồi đó tôi và Thanh đang gửi bài cho tạp chí Văn Học Sài Gòn, và bút danh tôi dùng chưa được người nhà biết. Cha tôi thuộc mẫu người cấp tiến, không phiền hà việc tôi trưng dụng tên ông và tên người vợ yêu của ông.

Tình cảm của anh Đỗ Quý Toàn dành cho tôi càng ngày càng ngọt ngào. Đánh hơi được điều này, tôi không ngần ngại nhờ anh đẩy mấy hơi sau lưng tập thơ thứ ba tôi in tại hải ngoại. tập *Đưa Nhau Về Đến Đâu*. Đây là một tập thơ tình với đầy đủ mọi thứ tình của con người: tình nhân, núi sông, bằng hữu...Tập thơ, có hơn nửa số bài được viết cùng lúc với tập *Hơi Thở Việt Nam*, trong khoảng thời gian 10 năm tôi sống cùng với một thể chế chính trị khác với chính phủ tôi phục vụ. Và một số bài viết tại vùng đất mới. Nhưng hơi hám thù hận không có trong tập thơ. Nét bi quan quá đà cũng không được thể hiện. Những hồn nhiên, tình nghịch của một thời trung học đậm đà có trong thi phẩm này. Có lẽ đây là yếu điểm rủ rờ nhà thơ Đỗ Quý Toàn viết cho *Đưa Nhau Về Đến Đâu* một bài bạt khá dài và rất chân tình. Anh khen tặng nhẹ nhàng, trích dẫn minh chứng hợp lý. Tôi rất vui. Thường những bài viết in kèm trong một tác phẩm, người viết bỏ qua những khuyết điểm của tác phẩm. Bởi đây không phải là những bài nhận định, phê bình. Điều sơ đẳng này tôi cũng biết, nhưng lại không làm được khi nhà văn Nguyễn Tấn Hưng nhờ viết một cái gì cho tập thơ thứ hai của ông. Tôi ba hoa quá lời sao đó, bị người bạn mới quen này sửa lưng, hất cẳng, nhờ nhà thơ Phan Ni Tấn viết lại. Buồn một phút, vui hai phút. Vẫn là bạn của nhau. Nguyễn Tấn Hưng vẫn gửi tặng tôi những tác phẩm, tên sách khởi đầu bằng chữ “Một...” của anh.

Sinh hoạt của bạn văn tại Montréal tuy được ghi nhận là thành công, nhưng nhìn chung, vẫn tập trung nhiều vào việc giới thiệu tác giả, tác phẩm. Đỗ Quý Toàn, Nguyễn Đông Ngạc, Trang Châu thay phiên nhau nói về Nguyễn Ngọc Ngạn, Vi Khuê, Cung Vũ, Du Tử Lê, Tô Thùy Yên, Mai Kim Ngọc, Nhã Ca, Nguyễn Văn Ba, Thụy Khanh... Về sau đội ngũ diễn giả tăng cường thêm Song Thao, Hồ Đình Nghiêm. Ra mắt sách tại Montréal hoàn toàn tránh được nạn ép người tham dự mua sách một cách bất ngờ, miễn cưỡng. Nhưng không khí cũng dần dần bớt vui. Thành phố có đông cây bút nhưng không có được một tạp chí thuần túy văn học nghệ thuật nào. Thời một mình một ngựa với kiểu báo thủ công của nhà sử học Nguyễn Khắc Ngữ đã qua. Tờ Năng Mới, hậu thân của Vượt Biển vẫn không đoạn tuyệt nổi với chính trị. Không làm báo được, chúng tôi bàn nhau làm nhà xuất bản chơi. Để có nhà xuất bản tài tử, chúng tôi rủ nhau cùng ngồi lại với nhau. Sự ngồi lại này không chính thức được nhìn nhận là nhóm, nhưng tựu trung cũng na ná như thế. Sau nhiều bàn thảo, cái tên Việt Thường được sử dụng. Thành viên gồm: Đỗ Quý Toàn, Luân Hoán, Phạm Nhuận, Bắc Phong, Hồ Đình Nghiêm, Lưu Nguyễn, Hoàng Xuân Sơn và nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân đảm nhiệm vai thủ quỹ. Chúng tôi thuê hộp thư (P.O Box 523, Station Place d'Armes Montréal, Québec, H2Y-3H3, Canada), vẽ logo (Hồ Đình Nghiêm thực hiện). Tác phẩm đầu tiên là tuyển tập thơ mới của thi sĩ Bùi Giáng, từ trong nước gởi ra. Sách nhanh chóng hoàn tất với mẫu bìa “Đôi Mắt Bùi Giáng” tranh sơn dầu, thật tuyệt vời của anh bạn chung, họa sĩ Đinh Cường. Phát hành năm 1990 (dépôt légal – 3e trimestre 1990 Bibliothèque Nationale de Québec ISBN 2-9802061-0-5). Sách đương nhiên bán rất chạy vì các lý do chính:

1/ thơ của ông “trung niên thi sĩ” vẫn được bạn đọc hết lòng thưởng thức và sùng kính.

2/ tác phẩm đầu tiên tại quốc nội, in và phổ biến tại hải ngoại. Nhà thơ Viên Linh cho đây là “*một biến cố văn học*”

3/ được giới thiệu rộng rãi và qui mô trong buổi ra mắt sách tại *Centre d'Essai* Đại học Montréal vào tối ngày 31 tháng 8 năm 1990 (Đỗ Quý Toàn đảm nhiệm phần giới thiệu tác giả và tác phẩm với lời mở đầu: “*có hát quốc ca, có chào cờ, có phút mặc niệm, có chân dung tác giả ở đây, tuy nhiên đêm thơ này*”

không phải là đê mê vinh danh và tưởng niệm Bùi Giáng, một nhà thơ tài hoa, lạ lùng còn ở Việt Nam”

4/ được nhà thơ Viên Linh ưu ái giới thiệu trang trọng trên tạp chí Thời Tập của anh bằng một dòng chữ lớn: “*Đặc Biệt Công Bố Thơ Bùi Giáng Tại Hải Ngoại*”

Nhưng Việt Thường nhận lại tiền bán sách không đủ ấn phí. Nhà sách nhận bán nhiều nhất tại Hoa Kỳ không cho anh em chúng tôi có cơ hội thực hiện những tác phẩm đáng xuất bản tiếp theo. Nhiệt tình của chúng tôi sút giảm. Những năm tiếp theo, anh Đỗ Quý Toàn chán nghề dạy, xin nghỉ việc đi làm báo tại Hoa Kỳ. Nhà thơ Bắc Phong cũng đổi nhiệm sở qua thành phố



Hoán, Nguyễn, Nguyễn, Đỗ Quý Toàn làng cây phong

Toronto. Cả nhà thơ Phạm Nhuận cũng sang Washington DC. Mãi đến năm 2000 nhà văn Song Thao mới đến cùng Việt Thường. Và chúng tôi thực hiện tuyển tập Văn Học Hải Ngoại Năm 2000. Việc sáng tác không quá khó, chuyện in ấn cũng vậy. Trở ngại lớn nhất của những người cầm bút là việc phổ biến, phát hành.

Năm 1987, anh Đỗ Quý Toàn cùng một số bạn của anh như giáo sư Hoàng Chiều Nhân, bác sĩ Nguyễn Tấn Hồng... quyết tâm xây dựng một trung tâm tu tập giáo lý Phật Giáo, vốn được

gợi ý từ Thích Nhất Hạnh, chủ Làng Mai bên Pháp. Một khu đất có diện tích 400.000 m² thuộc thị trấn Bolton Ouest, vùng Cantons de l'Est, cách thành phố Montreal 110 cây số, được các anh chung tiền mua. Một năm sau, ngày 30-7-1988 Hòa thượng Thích Tâm Châu, mở lễ cầu an, đặt tên An Tức Đình, nơi thầy dừng chân tụng niệm trong khuôn viên của làng. Và bắt đầu từ đó mở ra con đường mòn thứ nhất, đường được mang tên Hòa Thượng Thích Tâm Châu. Nhưng đến tháng 9 năm 1988 mới thực sự bắt tay vào việc kiến thiết xây dựng từ đường đá, đến phòng ốc. Hiện nay, Làng Cây Phong đã là một tòa nhà rộng lớn với phòng sinh hoạt ở tầng trệt, thiền đường trên lầu cao, cùng phòng ăn, phòng ngủ, dung nạp được 80 người về cúng Phật, ngồi thiền.

Trong thời kỳ xây dựng, những chương trình giáo hóa, thuyết giảng cũng được liên tục thực hiện bởi những bậc chân tu. Một số bạn văn tại Canada cũng như tại nhiều quốc gia khác đã đến “nghe kinh ngắm Phật ở làng Cây Phong”. Cá nhân tôi đã đến với làng tu thanh tịnh này vào bốn dịp khác nhau.

Đôi, rừng, suối cùng mây, trời tưởng như nắm tay nhau, nếu không có thân thể tôi đứng giữa. Tôi đã viết được đôi ba bài thơ ngay trên luống đất linh hiển này: *“...trâm mặc giữa rừng Bắc Mỹ xanh/ chùa làng Phong ấm khói hương thanh/ đàn mây tọc mạch nghiêng trên mái/ ngắm nắng vô chùa uổng tiếng kinh..”* Tôi cũng đã ngồi bên anh Toàn, bên Hoàng Phúc, Song Thao, Lưu Nguyễn, Hoàng Chiêu Nhân... trong một vài đêm đốt lửa. Một lần anh Đỗ Quý Toàn dẫn chúng tôi đi loanh quanh. Ai cũng đủ hai chân, một cái đầu minh mẫn, một trái tim đầy tình, và đôi mắt tinh anh. Còn tôi chỉ có một chân rưỡi, một cái đầu lơ mơ, một trái tim chột nứ nơi này, chột vịn nơi kia, một đôi mắt phát phơ qua từng tảng đá, qua từng dòng nước. Đi giữa Làng Cây Phong mà tôi thấy rõ cả một thời niên thiếu, trong những ngày tản cư sống cùng núi đồi Tiên Châu, Tiên Phước, vơi vơi xa. *“vịn vai bạn, lần theo chân đạo núi/ chiều theo người, nắng quán quít bên vai/ gót nhón gót, bờ ngại lòng để lại/ vết thương đời cho sỏi đá tàn phai...”*

Làng Cây Phong cảnh sắc hùng vĩ, trâm mặc. Từng có nhiều năm sống ở núi, nhưng tôi quả chưa đọc hết được những nét đẹp của thiên nhiên. Tôi nhận ra sự lặng lẽ, buồn bã ở nơi

này và bản khoán, thậm phục anh Toàn đã có nhiều ngày dài, ngồi xếp bằng, thiền tu ở đây. Sự quyên rũ, cảm chân một thi sĩ chắc không ở cái cầu ao rất nông thôn Việt Nam, chắc không ở những tảng đá to tướng nằm vạ từ bao giờ. Những con vật có răng nhọn, rỉ rả cắn đứt hẳn những gốc cây lớn, đang sống trong lòng suối chảy quanh làng cũng không là những níu kéo. Sự trở về, sự dừng chân tịnh tu có lẽ chỉ do ở lòng tin và sự tìm thấy thanh thản. Tôi tin rằng nhà thơ Đỗ Quý Toàn không quá vui khi có mặt ở nơi đậm đà hương Phật này, nhưng chắc chắn anh an tâm, hạnh phúc cùng cảnh sắc chung quanh.

Sinh vật, thực vật, nơi anh ngồi tập hít thở, đã được nghe chuông mõ, lời tụng niệm, đã được uống mùi trầm hương. Tất cả sẽ có một đời sống mới. Một hóa kiếp không đổi dạng, đang lặng lẽ xảy ra. Tôi chưa quì, chưa tụng kinh, nhưng từ ấu thơ đã ở bên cạnh một ngôi chùa lớn. Tôi mê những tiếng ngân, càng lúc càng xa của chuông mõ vô cùng. Vợ tôi, con tôi, hết thấy đều đã đến,



đều đã hưởng những xôi chè qua bữa tại Làng Cây Phong, thú thật chẳng phải vì tín ngưỡng, dù chúng tôi có thờ Phật tại nhà, mà vì trân quý người có lòng như anh Đỗ Quý Toàn. Tám phần mười bạn vẫn chắc cũng vậy thôi. Nhưng cũng phải nói rằng nếu

khoảng cách không là 110 cây số, mặt đường không là những dốc leo, tôi và nhiều bạn khác chắc sẽ thăm viếng Làng Cây Phong thường xuyên hơn. Lên đây để có cái cảm giác mình gần với đất trời hơn. Lên đây để nhận ra: “*Anh ngồi thiền dưới gốc phong/ bỏ quên thơ trốn chạy rong trong rừng/ tôi thăm làng, vấp gót chân/ Chân Văn thi sĩ trên lưng đá hồng*” (LH) cũng là một thích thú.

Chân Văn là pháp danh của anh Đỗ Quý Toàn. Chân Sinh là pháp danh của cố nhạc sĩ Hoàng Phúc. Chân Huyền là pháp danh của chị Quyên, mẹ của ba người con anh Toàn. Chị Quyên cũng là một cây bút, chuyên viết và dịch nhiều bài vở Phật học. Nhiều tác phẩm của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, được chị chuyển sang Việt ngữ, in thành sách như cuốn *Chuyển Hóa Tâm* do Làng Cây Phong xuất bản năm 2001. Ngoài pháp danh, chị Quyên còn dùng bút hiệu Tiểu Huyền, hoặc Tiểu Quyên trên một số tạp chí như *Nắng Mới*, *Thế Kỷ 21*... Pháp danh của các anh chị ở Làng Cây Phong, hình như phần nhiều khởi đầu bằng chữ Chân. Từ ngữ này có nghĩa thông thường là chân thật, thành thật, không ngụy tạo. Nghĩa trong Phật học không rõ ra sao. Học đòi cách dùng từ của các anh chị dân làng, tôi dùng ngay cái hiện thực của thân thể mình làm một bút danh, nghe rất le lói triết học: Chân Giả. Bút hiệu này làm tôi sống lại với cái xóm, ngay trước mặt đường phố Hùng Vương Đà Nẵng, thường gọi: “Ông Châu chân giả, ông Châu chân giả!”. Thật là nhớ.

Ngay từ thời tiểu học, cậu bé họ Đỗ đã nhập tâm bốn chữ “Tu, Tê, Trì, Bình” bởi mỗi ngày, gần như cậu phải đối những chữ nghĩa của thánh hiền trên đầu, khi đi lên cầu thang trường tiểu học Chu Văn An Hà Nội. Sự “tu tâm, dưỡng tánh” chắc hẳn đã ăn ở từ lâu trong tâm hồn, đời sống của một người ham học hỏi, giàu lạc quan. Việc góp tay lập chùa, dựng thiền đường có lẽ nằm trong mục đích chia sẻ cái phúc, cái đức đến với những người chưa tìm được cái duyên với Phật, với từ bi hi xả. Không rõ mỗi lần có cơ hội về Làng (tên gọi giản dị và thân mật được mọi người dùng, mọi người ở đây là dân làng; dân làng hình như là những tín hữu), anh Đỗ Quý Toàn ngồi thiền bao lâu ? Đã đánh mấy hồi chuông ? Gõ mấy tiếng mõ ? Và anh làm thơ vào những thời gian nào ? Tôi không thể biết. Tôi nhớ đã đọc một số thơ anh viết, lấy tên đại khái là “*Thơ Ở Làng Cây*”

Phong”, hoặc “Thơ viết từ làng Cây Phong”. Những bài thơ này tôi đã lưu giữ, nhưng vì bản tính thiếu ngăn nắp, nhất thời tôi tìm chưa ra để giới thiệu ở đây.

Đã yêu thơ, sống cùng thơ một thời gian, thì không thể bỏ làm thơ, ngưng làm thơ, dù công việc bề bộn thường ngày: dạy học, viết báo, đọc sách, trồng hoa, đưa vợ đi chợ, đi ăn, đưa con vào trường...Nhưng Đỗ Quý Toàn dường như luôn luôn chùng mực. Tôi có cảm tưởng anh vô cùng kính cẩn trong từng câu thơ anh viết. Có đến 26 năm sau, tập thơ thứ ba của anh mới được ra đời. Dĩ nhiên chỉ căn cứ theo sự thành hình cụ thể của tác phẩm. Cầm tập thơ *Cỏ Và Tuyết* trên tay như cầm một tặng phẩm vô giá. Với chỉ bảy mươi trang giấy thật đặc biệt từ màu sắc đến độ dày. Tập thơ hồng hào, phương phi như một tấm nhan sắc lộng lẫy, không phân biệt giới tính. Đẹp như đẹp trai rất đúng. Đẹp như đẹp gái cũng không sai. Họa sĩ Võ Đình góp tay trang điểm bằng màu bìa cùng phụ bản, với một lối vẽ khác hơn nhiều người. Cỏ và Tuyết là hai hình ảnh thân mến của thị dân Montréal. Cỏ thì chỗ nào trên thế giới không có. Nhiều người từng nói: có đất là có cỏ. Tuyết cũng chẳng hiếm quý. Không ít những quốc gia đầy tuyết như Nga, Na Uy...Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn...Cả miền bắc Việt Nam thỉnh thoảng còn có tuyết nữa là. Nhưng cả Cỏ lẫn Tuyết ở Montréal hẳn nhiên phải khác lạ, rục rờ, lộng lẫy hơn tất cả, bởi vì Cỏ Tuyết ở xứ này đang có một nhà thơ để tâm quan sát chúng, thưởng ngoạn chúng. Lấy lòng ra lót ổ cho chúng phơi phới như đầu, thông dong bay lượn. Ngắm, nghĩ và thương yêu đối tượng của mình, Đỗ Quý Toàn gói gọn trong 14 chữ:

*“Tuyết đã tan
cỏ cựa quậy vươn
lời réo gọi
mặt trời tình nhân”*

(Cỏ Và Tuyết, trang 38)

Không là thơ ngắn của Tàu, chẳng là thơ cụt của Nhật. Sức sống mãnh liệt của vạn vật qua giống thực vật nhỏ nhoi nhất được giới thiệu. Sự hoán đổi nhịp nhàng của thời tiết được mở ra và nỗi nhiệt tình mến yêu đang chào đón cuộc sống, hiện diện. Tôi không muốn trở về thời dạy giờ thay cho một người bạn năm nào, nên việc giới thiệu thơ không là một bài giảng văn, với tôi trích dẫn vẫn cụ thể, giản tiện hơn:

“Lúc đầu là những bông hyacinthe/ chúm chím trên mặt
đất ướt/ thủy tiên trắng, thủy tiên vàng theo gót/ rồi bùng lên
những uất kim hương.

ở đây hoa nở như tình yêu/mỗi ngày mỗi nôn nao rạo rục/
mùa xuân tuôn chảy như giòng sông/ hoa nối theo hoa sóng lớp
lớp.

hoa là lời tỏ tình của đất/ nói yêu anh, yêu em rất nhiều/
ánh đỏ bùng có giọt sương buổi sớm/ có mưa hân hoan vỗ về cỏ
ướt/ có gió thì thâm với nắng trong veo”

(Hoa, trang 10)

“Chàng tuổi trẻ một ngày mới lớn/ được em yêu sung
sướng chùng nào/ buổi sớm dậy thấy mình khờ khạo/ chiều trở
về còn ngỡ chiêm bao.

khi mùa xuân tới muốn làm nắng/ nắng ôm trên thành phố
em ngoan/ nắng mới mở tung trăm ngàn cửa sổ/ mở những ngọn
đôi, những chụm chồi non.

khi mùa xuân tới muốn làm nắng/ nắng trải hồn trên hè
phố em qua/ nắng đuổi theo hai bàn chân tung tủy/ hút mắt nhìn
lên cõi bao la.

khi mùa xuân tới muốn yêu dấu/ muốn ôm em hạnh phúc
hiền từ/ chàng tuổi trẻ thấy mình lớn dậy/ muốn ôm đời trong
nắng ngát ngư”

(Nắng, trang 11)

“Thuở ban sơ trên trái đất này/ hẳn nhiên núi đã cao vôi
vôi/ người từ ngàn dặm đứng trông lên/ đá dựng ngát ngư đầu
chới với.

vách thẳng đứng tuyết không chỗ đậu / đỉnh cao ngàn ngật
chim hoang mang / năm năm băng tuyết truồi xuống vực / đá bề
lăn lóc cây ngổn ngang.

sườn chênh vênh mọc đá hiểm hóc / đàn dê rừng leo đến
khụng chân / thác đổ quần quai thất lại mờ / lũng sâu từng bách
sống biệt tâm.

ở cõi bốn mùa là gió thổi / mây rà quanh quần đỉnh thiên
thu / đường cheo veo hồn hoa xiêu dạt / hồ xanh ngọc thạch rừng
âm u.

*trời mở đám mây nắng chan chứa / trường sơn sừng sừng
đá nguy nga / buổi sớm phơ phơ tóc bạc trắng / chiều chợt về đỏ
thấm ưu tư”*

(Trường Sơn miền tây Canada)

*“Mở cửa ra em, kìa ngày đã tới/ cây mơn man và gió ửng
hương xanh/ ngày rất điện, thấy không kìa áo mới/ bước hào hoa
vẫn dáng thênh thênh.*

*mở cửa ra em, này đừng khép mắt / nắng giăng tay chờ đỏ
để ôm ta/ cỏ lẳng nghe chim, cò thêm muốn hót/ thì ngón chân
em rên tiếng lú lờ.*

*tỉnh dậy đi em, kìa màn đã mở/ chiếc nôi êm trái đất vẫn
đều ru/ trăng đã mọc, phải rồi, trăng đã lặn/ biển dâng theo với
nhịp đồng đưa.*

*thở nữa đi em, ngực tròn hãy thở/ địa cầu xinh, dòng sử
dậy đăm mê/ mạch máu muốn căng, nụ hồng muốn vỡ/ lẳng tai,
em, có tiếng lạ vừa nghe”*

(Mở Cửa Ra Em, trang 9)

Tôi xin dùng hai chữ cho thơ Đỗ Quý Toàn: Thú vị !

Sau *Cỏ Và Tuyết*, trong các thư viện chưa thấy thi phẩm nào khác của cùng một tác giả, nhưng tôi vẫn đọc được thơ anh Đỗ Quý Toàn đâu đó trên các trang điện toán, trên các trang tạp chí trên mặt đất, ví dụ như bài này:

*“Có những hồi lòng ta ngẩn ngơ / Mộng thấy một cỏ
thành hoang phế/ Thành cao chiều cỏ lay hắt hiu / Ngựa trắng
lạc đàn đi trong gió hí !*

*Có những hồi lòng ta rất ngẩn ngơ/ Mộng thấy đàn thỏ
con chân riu rít / Thỏ đi tìm một người làm thơ/ Và bỗng dừng
thơ rất hiền dịu.*

*Có những hồi lòng ta ngẩn ngơ/ Mây cuộn trên thành cao
đá vỡ / Em bay ngang qua như một cánh diều / Ngựa hoang và
cỏ lau trắng xóa.*

*Có những hồi lòng ta thật ngẩn ngơ / Con gió lộng bỗng
quay lưng oằn oại / Trên thành cao ngọn lá chuối khô/ Thơ hắt
trong chiều hơi nắng quái.*

*Rồi lòng ta cũng vẫn ngẩn ngơ/ Khi gió thoảng đồng đưa
màu lá áo/ Áo đồng đưa phủ kín mắt nhìn/ Chân trời rộng thâu
vào, em nhỏ xíu.*

*Thôi hãy để lòng ta ngẩn ngơ / Theo cánh diều bay trên
ngôi thành cổ/ Bầy thỏ chân riu rít bước qua/ Rớt lại hương
chiều heo may cỏ gió.*

(Có Những Hồi Lòng Ta Ngẩn Ngơ)

Đọc thơ Đỗ Quý Toàn đã thú, nhưng nghe anh nói về thơ, đọc anh viết về thơ, càng thú hơn gấp bội. Cả nói lẫn viết, anh Toàn đều tạo được sự thu hút, lôi cuốn như nhau. Cái duyên của anh trong hai khả năng này thật lớn. Sau đêm Bùi Giáng, Đỗ Quý Toàn đã cho giới yêu thích văn chương tại Montréal có cơ hội đến với nhà thơ Du Tử Lê vào đêm 14 tháng 5 năm 1994. “*Trường hợp Du Tử Lê, một hiện tượng hiếm thấy*” là đề tài anh Toàn trình bày:

“... Với một bài thơ tầm thường, chúng ta có thể sẵn sàng mang ra để bình luận hay giải thích. Nhưng nếu là bài thơ hay thì, không có cách gì chúng ta có thể bình luận được. Bởi vì những bài thơ hay là những bài thơ vượt ra ngoài ngôn ngữ thông thường. Nếu chúng ta dùng ngôn ngữ thông thường để nói, tức thì chúng ta làm hỏng bài thơ đó. Cũng tương tự như khi chúng ta coi một bức tranh, hoặc ta thấy nó đẹp, hoặc không. Ta không thể nhờ một người nào đó chỉ hộ ta nó đẹp chỗ nào!

*Tôi đã thấy có vị coi tranh hỏi cái tranh này là cái gì? Và người hướng dẫn trả lời rằng: chỗ này là người đàn bà, đây là mái tóc, dưới là cái mũi, dưới nữa là cái miệng...Tôi nghĩ, người họa sĩ thấy người khác bình luận tranh của mình như vậy chắc chắn là không vui chút nào cả. Thi sĩ cũng vậy. Hôm nay có mặt Du Tử Lê ở đây, tốt nhất là tôi không bình luận gì về thơ Du Tử Lê. Vậy tôi chỉ xin nói kinh nghiệm của tôi trước đây độ mười, hai mươi năm, tôi không thích Du Tử Lê cho lắm. Cho đến những năm 1975-76, một bài thơ của Du Tử Lê, bài “*Khi Tôi Chết Hãy Đưa Tôi Ra Biển*” đã được rất nhiều người thích, và chính tôi cũng đã mang ra trong một cuộc hội thảo tại Boston để giảng cho một số văn sĩ, thi sĩ người Mỹ, hầu cho họ dịch sang tiếng Anh, xem họ có thích hay không. Đó là bài thơ rất tiêu biểu cho người Việt tỵ nạn từ Việt Nam sang Hoa Kỳ và nói rằng bao giờ tôi chết đi thì hãy đưa tôi ra biển để sóng đẩy tôi qua Thái Bình Dương, trở về Việt Nam. Đây là một bài thơ mà tôi rất cảm động. Ý thơ rất đẹp. Lập trường tốt nữa. Nhưng nếu bảo đó là bài thơ tuyệt diệu hay không thì tôi thành thật mà nói rằng nó*

cũng không có gì tuyệt diệu lắm. Đó là một bài thơ bình thường, ai cũng có thể làm được

Tôi nghĩ cái đó không khó. Trong thời gian năm ba năm gần đây, chúng tôi mới thấy là trong thơ Du Tử Lê có nhiều cái lạ...

...

Chiều nay khi nói chuyện với tôi, Du Tử Lê có hỏi tôi, tại sao phần lớn thi sĩ chúng ta, của thế giới, đến một tuổi nào đó họ bị cùn đi, họ không viết được nữa ? Chúng ta chưa có một cuộc nghiên cứu khoa học nào để trả lời câu hỏi đó. Nhưng theo tôi đoán thì, càng lớn tuổi, người ta thường sống theo qui ước nhiều quá. Chúng ta phải chịu đủ thứ áp lực của xã hội, luân lý môi trường quanh ta. Chúng ta càng ngày càng sống theo những qui ước chung. Chúng ta nói năng theo cách chung. Nói một cách long trọng. Ai cũng nghe được ! Đám ra chúng ta bỏ mất khả năng sáng tạo ngôn ngữ của chúng ta. Tôi thấy rất mừng là Du Tử Lê ở cái tuổi đó mà vẫn biết giữ lấy cho mình cái tự do, tự buông thả mình, để bước vào thế giới ngôn ngữ hết sức sáng tạo. Đó là điều tôi chắc khi quý vị đọc thơ Du Tử Lê, quý vị sẽ tìm thấy”

(Đỗ Quý Toàn- Bài phát biểu trong đêm DTL tại Đại học Montréal 14.5.1994, Trần Duy Đức ghi lại, đăng trên Năng Mới số 34 tháng 7-1994).

Đĩ nhiên thi sĩ Đỗ Quý Toàn của chúng ta không chỉ nói về hai nhà thơ danh tiếng trên. Anh còn dành nhiều nhận xét cho những cây bút khác. Không những vậy, trong lãnh vực hội họa, ý kiến, nhận định của anh cũng được đón nhận, hoan nghênh không kém. Anh từng phát biểu về tranh Thái Tuấn, Đinh Cường, Nghiêu Đề, Võ Đình, Nguyễn Trung...Viết về thơ, đúng là “nghề của chàng”, nên ngòi bút của Đỗ Quý Toàn càng ý nhị, lời cuốn. Anh đã từng cho tạp chí Làng Văn tại Canada phổ biến những bài nhận định của mình trong nhiều kỳ. Tôi, đôi lúc, cũng may mắn được anh nhắc nhở, lượm thơ dẫn chứng. Rất muốn khoe ra những ưu ái đó ở đây, nhưng lại ngại thiếu tế nhị. Dù thật ra lâu nay tôi hơi thiếu đức tính này. Những nhận định về thơ của anh Đỗ Quý Toàn được nhà xuất bản Thanh Văn ở Hoa Kỳ tập trung xuất bản năm 1992. Những bài viết được anh Toàn gọi là tệp bút này có cái tên thật tuyệt vời: **Tim Thơ Trong Tiếng Nói**. Mẫu bia của Đinh Cường cũng quá thơ, khó có điểm

phần này. (Theo nhà xuất bản Thanh Văn, **tiếp bút** là “*ghi chép nhanh trong lúc rảnh, không có mục đích khảo cứu theo lối giáo khoa*”). Cuốn sách dày 294 trang, chuyên chở 18 đề mục: *Nói chuyện thơ. Tiếng nói thành thơ. Mắt nhìn và tiếng nói hồn nhiên. Đọc thơ mình. Thần chú. Ngày mới ngày ngày mới. Về bình thường mới mẻ. Chất thơ trong văn. Thấy con voi biết là con voi. Lập lộ sau màn. Trò chơi mới bằng ngôn ngữ. Tiếng nói giữa mọi người. Sống chung trong tiếng nói. Làm thơ khi đọc thơ. Bài thơ một huyền nhiệm. Mỗi chữ đều có duyên số. Say-tĩnh-khéo-tự nhiên. Ngâm tâm hong phơi.*

Sở dĩ tôi ghi lại đầy đủ các đề mục, bởi tin rằng qua đó, ít nhiều chúng ta cũng có thể suy nghĩ được chút ít vấn đề tác giả viết. Và để cụ thể hơn, tôi xin trích một số đoạn:

“*Năm 1851, Cao Bá Quát đang thu xếp hành trang rời bỏ xứ Thần Kinh để trở về Sơn Tây nhận chức giáo thụ, Tùng Thiện Vương gởi ông tập thơ, nhờ viết tựa. Cao Chu Thân viết : ‘Phù, thi chi, nan ngôn dã’- ôi, cái chuyện thơ, nói thật là khó vậy.*

Thi sĩ họ Cao không phải là người nổi tiếng về đức khiêm tốn, nhất là trong lãnh vực thơ phú. Nếu ông thú nhận chuyện thơ khó nói, chắc là khó thật, chứ không phải ông chỉ nhún nhường giữ lễ với một người bạn bút mực - và một hoàng thân. Chuyện thơ quả khó nói thật. Tự nói cho mình nghe đã khó chứ đừng kể nói cho người khác nghe. Kẻ hậu sinh không phải không biết vâng lời dạy của người xưa, mà vẫn cứ viết về thơ như thế này. Chẳng qua là Thơ, cũng như sự sống, như hạnh phúc, mãi mãi cứ là một nỗi ám ảnh không thể nào quên người, đeo đẳng mãi không rời ...

... Thơ cũng giống như hạnh phúc, nói khó lắm, nhưng không nói thì trong lòng nó vẫn tấm tức làm sao ấy. Người đã làm thơ và đọc thơ mà lại bị cái trí tò mò tư lự nó ám, thế nào cũng ôm mỗi thắc mắc đó hoài. Thơ là cái gì nhi ? Đặt câu hỏi đó rồi, đã thấy sai ngay. Nếu chưa biết nó là cái gì thì tại sao biết cái này hay cái kia là thơ để hỏi thơ là cái gì ? Hay là hỏi cách khác : Cái gì là thơ nhi ? Cái gì gây ra thứ rung động mà mỗi chúng ta, mỗi người cảm thấy khi nghe một thứ để gọi nó là thơ ?

...

....Thánh Thán, suốt một đời bình luận thơ văn, đã giảng 600 bài thơ Đường, bị xử tử trước họ Cao gần hai trăm năm,

trước khi chết cũng không nói chuyện văn chương hay chính trị, chỉ dặn vợ con một điều tâm đắc trong đời, là ‘dưa muối ăn với đậu vàng thì có vị như hồ đào, nếu phép này được truyền lại thì ta chết cũng không ân hận’. (Theo Trần Trọng San). Thành ra, chúng ta cũng không biết nếu nói về thơ, thơ nói chung, thì Kim Thánh Thán sẽ dạy thế nào. Một vị sư tổ khác, Paul Valery, thì bảo ‘nói là đi, làm thơ là khiêu vũ’. Có người vịn vào đó để giải nghĩa rằng thơ là nói có nhịp điệu. Có thi sĩ bảo cái gì không thể dịch sang tiếng nước khác được thì đó là thơ (Frost). Có người bảo khi viết thể này rồi đổi sang thể khác không được, thì đó mới là thơ hay (Lê Quý Đôn). Lại có người triệt để hơn, nói thơ hay là khi nào ‘dịch’ sang cùng một thứ tiếng mà không được (Coleridge). Bùi Giáng nói thẳng : “Thơ là gì ? Không biết”. Nguyễn Tuân nhận xét ‘định nghĩa về chất thơ...cũng khó như định nghĩa cho chất uy-mua - humour’ Mà humour (u mặc) thì Lâm Ngữ Đường thấy nó cũng giống như là gãi lưng. Mình không biết đích xác ngứa ở chỗ nào, gãi nhẹ chỗ nào cũng thú, gãi tới đâu sướng tới đó. Hoàng Đức Lương lại ví thơ như nem gói, ăn vào sướng miệng. Đã bảo nói chuyện thơ là khó. Đã nói rồi là sẽ lan man nói đến chuyện nhảy, chuyện cười, chuyện ăn, chuyện gãi ngứa, bao nhiêu lạc thú khác của đời sống. Rất ít khi có người sành làm thơ và sành đọc thơ dám quả quyết: ‘Thơ là..’. Chỉ các học giả và các nhà viết giáo khoa, vì lý do nghề nghiệp mới phải làm thuyết giảng một định nghĩa của thơ , hay của ‘chất thơ’. Ediot viết về các thi sĩ, về các bài thơ, về nhạc trong thơ, về vai trò xã hội của thơ, nhưng cũng rụt rè khi phải nói về thơ như một thực thể riêng. Ezra Pound rất là ‘thánh phán’, thay vì viết về thơ thì ông viết về chữ Hán, về Thiên đường, về Vortex, tất cả các thứ đó sẽ giúp chúng ta biết thêm về thơ, từng chút một. Thơ, hóa ra như một con voi, mỗi lần sờ thấy một chỗ, thật khó tường thuật lại cho đầy đủ....

... Suy nghĩ về thơ chúng ta không thể không nghĩ về tiếng nói. Vì thơ lấy tiếng nói làm chất liệu ; cũng như hội họa dùng đường nét, màu sắc, nhạc dùng âm thanh.

... Mỗi nhà thơ mang đến cho chúng ta một người khách lạ, khách nhập vào hồn ta, bằng ngôn ngữ, vì chúng ta chia sẻ với nhau một hệ ngôn ngữ chung. Khách đã thành chủ, mà chủ cũng là khách, khi câu thần chú đọc lên. Như Rimbaud bảo ‘On

me pense..Je, est un autre' Tôi, nó là một thằng khác (thư, 13 mai 1871).

... Tiếp nhận một bài thơ là tiếp nhận cả hệ thống tiếng nói, trong đó có kinh nghiệm thẩm mỹ của người đọc về hệ thống tiếng nói đó. Nhà ngữ học Saussure đã thí dụ người nói như một người chơi cờ, trong mỗi nước cờ bao hàm cả một hệ thống các quy luật chơi cờ, cũng như cả chiến lược của kỳ thủ.

... Mỗi câu thơ, bài thơ là một toàn thể và chúng ta tiếp nhận chúng như một toàn thể.

... Giữa người làm thơ và người đọc thơ có một sự trao đổi, một diễn trình truyền thông. Cho nên đi tìm thơ chúng ta cũng phải suy ngẫm về vai trò của thơ trong công tác truyền thông, từ thi sĩ đến người đọc .

... Một bài thơ tự nó phải nói được. Những lời giải thích đi bên cạnh một bài thơ chỉ để giúp cho độc giả hiểu thêm tại sao lời thơ lại khiến mình rung động. Nếu độc giả không xúc động vì bài thơ, chỉ xúc cảm vì có lời giải thích, khi đó người giải thích là thi sĩ. Người đó đã dịch một hệ thống tín hiệu (tiếng nói của thi sĩ) sang một hệ thống khác.

... Làm mới ngôn ngữ là một tham vọng quá lớn. Người làm thơ chắc cũng yêu thơ, và do đó sẽ đọc rất nhiều thơ của các thế hệ trước, của các đàn anh, đàn chị. Thế hệ nào cũng vụng vầy cố thoát khỏi các nhà thơ đi trước. Cứ mở miệng ra đã lấy Kiều rồi thì khó vượt qua cửa Nguyễn Du. Thời Phan Khôi làm thơ (1932) , ông đã than: 'Cái ý nào mình muốn nói...thì đọc đi đọc lại nghe như họ đã nói rồi..Té ra mình cứ loanh quanh luẩn quẩn trong vòng bàn tay của họ hoài, thật là dễ tức' Thời Phan Khôi, nói 'họ' là nói đến Thanh Quan, Tiên Điền, Đỗ Phủ, Lý Bạch. Thời sau này bao nhiêu thi sĩ khác cố thoát mà không khỏi vòng tay của Huy Cận, Vũ Hoàng Chương vv...rồi sau này khi Bùi Giáng thoát khỏi Nguyễn Du, Huy Cận, rồi thì lại có người khác không thoát ra khỏi tay Bùi Giáng.

...Thơ thường biến đổi nhiều nhất khi cả cuộc sống xã hội thay đổi. Thơ mới, thơ tự do ra đời khi xã hội Việt Nam trải qua các xáo trộn. Tình cảm, tư tưởng đều đòi thêm tự do, thêm cởi mở...

... Một bài thơ là một cách nói duy nhất, không nói cách khác được, vì thi sĩ đã xử dụng ngôn ngữ theo một kiểu riêng. Làm thơ là thay đổi qui thức quen thuộc của ngôn ngữ. Mỗi bài

thơ lại là một cách thay đổi qui thức nói năng, bày trò chơi ngôn ngữ theo qui luật mới.

... Khi bàn tới ‘ cuộc chơi ngôn ngữ ’ quý vị đọc xong có thể có cảm tưởng thi sĩ chỉ ngồi chơi một mình với các tiếng, các hình ảnh. Một tiếng dùng theo cách mới tạo ra qui thức của một cuộc chơi ngôn ngữ mới. Một hình ảnh dùng theo cách mới cũng vậy. Nhưng các tiếng và các hình ảnh mới chỉ là phần tiếp giáp giữa thi sĩ với ngôn ngữ.

Ngôn ngữ còn một phần chìm sâu hơn, trải rộng hơn, đó là phần tiếp giáp giữa ngôn ngữ người nói với các người nghe, giữa thi sĩ và xã hội xung quanh, những người cùng chung một hệ tiếng nói. Trên mặt tiếp cận đó, ngoài các yếu tố thuần túy ngữ học (nghĩa, âm, cú pháp...) còn phải chú ý đến các yếu tố ngoài phạm vi của ngữ học. Trong cuộc tiếp cận giữa người nói và người nghe có những ý hiểu ngầm, những giá thiết được coi là tiền đề mà ai cũng lặng lẽ chấp nhận. Các ý ngầm các tiền đề đó nằm trong hệ thống giá trị, trong ý thức hệ tiềm tàng của một nền văn hoá, một thời đại. Các giá thiết tiền đề được hiểu ngầm là một phần rất quan trọng trong tất cả các câu nói mà chúng ta trao đổi với nhau.

... Tôi đề nghị chúng ta nên đọc thơ như thể mình đang sáng tạo. Vừa đọc vừa mở ra một thế giới, trong đó lời và cảm thọ do lời gây ra được tự do phát triển. Chúng ta có học thêm, sống thêm được chút nào, rồi ta đọc lại như đọc lần đầu, khám phá bài thơ một lần nữa. Lời và những cảm thọ, tình ý do lời tạo ra không thể cắt chia. Trong công việc xử dụng ngôn ngữ của loài người, lời và ý gắn chặt vào nhau nhất là khi chúng ta la hét, chửi thề, rên rỉ, và khi ta làm thơ, hay đọc thân chú.

... Nên người đọc thơ phải đóng vai thi sĩ, nghĩa là đóng vai nhân vật mà thi sĩ đang thủ vai. Trong một bài thơ, có khi ta đóng vai này; có khi đóng vai khác. Ta bỗng già, bỗng trẻ, bỗng là nam, là nữ, bỗng yêu, bỗng giận, sống với bài thơ.”

Tìm Thơ Trong Tiếng Nói của Đỗ Quý Toàn quả thật không nên tóm lược hoặc trích đoạn như trên. Thiếu và cắt mạch suy nghĩ, trình bày của tác giả. Dầu sao, hy vọng đây cũng là đầu cầu, mời gọi bạn đọc đi tìm “*Tìm Thơ Trong Tiếng Nói*”.

Tập tiếp bút quý giá này được tác giả mang từ Hoa Kỳ về Canada, tặng tôi với câu ghi ở trang đầu: “*tặng bạn hiền Luân Hoán và nàng thơ của người.*”. (Đỗ Quý Toàn, Mtl 92). Anh

Toàn cũng không quên dặn: “*Hoán đừng nói với mấy ông khác, moa chỉ còn bản này thôi*”. Nếu anh không dặn, tôi không dại gì không khoe với Song Thao, Lưu Nguyễn, Hồ Đình Nghiêm và nhiều bạn khác. Có một cuốn sách giá trị trong tủ sách gia đình là một hạnh phúc, không dễ kiếm được mỗi ngày. Trong 6 tác phẩm đã xuất bản của anh Đỗ Quý Toàn, tôi được anh ký tặng 3 cuốn. Ngoài cái duyên được bạn bè bỏ tiền in sách cho (trừ cuốn đầu tay), tôi còn được bè bạn thông cảm cho hoàn cảnh nghèo khó nên từ trong nước ra hải ngoại, tủ sách gia đình của tôi đều là của thập phương hảo tâm góp lại. Thời học sinh thì Châu Văn Tùng, Hoàng Trọng Bân chăm lo chuyện này. Ở hải ngoại, thường nhất là quà của Thành Tôn. Nhà văn Tường Năng Tiến cũng rất dễ thương, lâu lâu mua gởi qua vài ba cuốn với lời ghi tiết kiệm: “*Anh khỏe luôn ? gởi anh đọc để đỡ buồn*”. hoặc “*sợ anh buồn, gởi anh đọc chơi*”. Nhà văn Song Thao, với đôi chân mang giày số 6, ham đi, lâu lâu mang về “*biếu ông*” mấy cuốn không cần ký tên, vì sách mua ở hiệu sách. Cứ thế cộng với đông đảo tác giả nam, nữ có lòng, tủ sách gia đình của tôi ngày nay coi bộ khá phong phú. Nhưng mỗi ngày tôi vẫn mong chờ những bất ngờ khi mở hộp thư, và cứ đợi chuông cửa. Bạn nào, lạ quen không cần biết, nếu có quà tinh thần cho tôi, xin đừng ngại. Đa tạ thập phương bằng hữu..

Tài “*nói và viết về thơ*” của thi sĩ Đỗ Quý Toàn, được trích dẫn cùng tóm lược vụng về như trên, nhưng hy vọng bạn đọc có được cái nhìn khái quát về một người có lòng và yêu thơ vào bậc nhất. Vẫn với thơ, một vấn đề khác, Đỗ Quý Toàn suy nghĩ, đánh giá về những người làm thơ và giá trị nghệ thuật thi ca hôm nay, nhất là tại hải ngoại, như thế nào ? Đây cũng là một thắc mắc của tôi dành cho anh Toàn và đã được anh trả lời cách đây mười chín năm trên tạp chí Sóng:

“ Tôi không nghĩ là thơ ca hiện nay ở nước ngoài đang bế tắc, nhai lại. Phải nói ngược lại mới đúng. Những người làm thơ trẻ bây giờ dùng ngôn ngữ trác tuyệt, mới lạ vô cùng. Đọc Ngu Yên thử coi. Ngu Yên làm thơ tung búng sung sướng, thoải mái. Tôi vẫn muốn viết về Tựa Đề Bên Trong và Hóa Ra Nét Chữ Lên Đường Quán Quan mà chỉ sợ mình chưa thấm thía hết được những cái hay lạ trong ngôn ngữ Ngu Yên.

Thơ Nguyễn Bá Trạc thật vượt thoát, tự do đưa tiếng Việt vào miền đất lạ. Bắc Phong, Cao Đông Khánh vv... có tiếng nói độc đáo của họ. Chúng ta có bao nhiêu tiếng nói mới trong thơ ca. Nguyễn Mạnh Trinh, Lâm Hảo Dũng, Hoàng Xuân Sơn, Phan Ni Tấn chưa kể những người viết đã lâu như Chu Vương Miện, Thái Tú Hạp, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Nguyễn Tất Nhiên, Trần Nghi Hoàng vv và v. v. Trong lúc trả lời vội vàng cuộc phỏng vấn này không thể nhớ hết được. Kiệt Tấn làm thơ nghe cũng sướng quá trời.

Chính vì những thi sĩ đó mà tôi có ý nghĩ là dòng thơ văn hải ngoại cuối thế kỷ 20 này sẽ đóng góp vào lịch sử Văn Học Việt Nam nhiều hơn dòng văn học trong nước. Tôi mới đọc một tập thơ (của Thanh Thảo) và một tập ký (của Hoàng Phủ Ngọc Tường) xuất bản năm 1985 ở trong nước. Họ là những người có tài, đọc thì thấy rõ. Nhưng những tác phẩm của họ nghe tung tức như người vừa nói vừa bịt mũi, bịt miệng, vừa lo nhìn trước sau. Họ muốn làm mới tiếng nói, làm mới văn chương. Nhưng không có tự do thì văn nghệ không thể có khám phá và sáng tạo được. Đọc một bài thơ sang bài sau thấy lối mòn và ngô nghê.

Ở nước ngoài thì ngược lại. Không những mình tha hồ viết, tha hồ in, mà mình lại va chạm với văn thơ thế giới. Mình không còn phải trói mình trong qui thức của ngôn ngữ cũ nữa. Tất nhiên tự do cũng có nhược điểm, mình thấy báo lá cải, nhiều văn khiêu dâm, nhưng đó là cái giá phải trả để được tự do.

Còn sang thế kỷ 21 thì sao ? Tôi nghĩ đến lúc đó thì mình đã mang thơ văn ở hải ngoại về cho bà con trong nước đọc và nối tiếp dòng văn học Việt Nam chính thống từ thời Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, không đứt đoạn. Lớp đàn em sanh bây giờ ở nước ngoài có thể trong 20 năm nữa chỉ còn 10 đến 20 phần trăm đọc thông tiếng Việt. Nhưng bà con trong nước họ vẫn đọc tiếng Việt. Mình viết cho tất cả mọi người Việt Nam đọc, đâu phải chỉ cho người ở nước ngoài ? Anh biết ông thi sĩ Nga Brodsky mới được giải Nobel năm rồi ? Hai tháng trước ông mới đến nói chuyện ở trường tôi, Đại Học McGill. Khi người ta yêu cầu ông tự đọc thơ, ông nhất định đọc bằng tiếng Nga, tiếng mẹ đẻ của ông, chứ không đọc bản dịch tiếng Anh. Ông đọc xong, có người khác đọc bản dịch. Sách của Pasternak ba chục năm sau dân Nga mới được đọc. Sách của Soljenitsyn chắc còn đợi năm mươi năm nữa mới về đến Nga. Người Việt mình thì chắc lẹ

hơn...Cán bộ cộng sản ra nước ngoài có khi dầm dùi mang về một tập thơ Ngu Yên khoe bà con. Tôi luôn luôn nghĩ đến viễn tượng đó. Vì vậy tôi ước mong anh chị em ở nước ngoài không nên nghĩ mình chỉ viết cho bà con ở Montréal, Paris, Sydney hay Orange County đọc. Mình còn viết cho người Việt ở trong nước nữa. Bây giờ họ chưa được đọc thì mười năm nữa họ sẽ đọc. Khi họ đọc câu thơ: ... “Mưa theo chân bước tà tà / mưa bình yên nối tiếp ta với trời” (Luân Hoán) những giọt mưa đó đâu nhất thiết là mưa ở Montréal ? Ở Đà Nẵng, ở Bạc Liêu...cũng vậy thôi. Như thế nghĩa là mình ở đây nhưng mình vẫn đóng góp cho tiếng Việt, người Việt khắp nơi, thời nay và đời sau. Một ông bạn ở Sài Gòn viết thư nhắc nguyên văn một câu tôi đăng trên báo Văn Học ở California (một người nào ở Paris về đọc lại cho nghe). Nghe vậy khi tôi viết tôi tự thấy mình phải thận trọng hơn nhiều lắm”

Thú vị thật. Chẳng phải anh vì anh Toàn xã giao trích cho một câu thơ mà tôi khoan khoái, tôi sung sướng vì được nghe anh nói về một chút gì của văn học hải ngoại, được đọc những lời thật tình của anh về những bè bạn tôi, mấy anh chàng làm thơ, muôn đời ngâm thơ ấy. Thích thật, thích thật.

Người yêu thích thi ca có thể giàu có tình thương yêu hơn người bình thường. Người biết làm thơ của cái này chắc càng phong phú hơn. Có lẽ đây là nguyên nhân dặt tay anh Toàn đến với tâm huyết *Yêu Con Dạy Con Nên Người Việt*. Tìm hiểu quá trình thành hình tác phẩm có tính cách giáo dục này, không gì hơn nghe chính tác giả trình bày:

“Nhà Văn Nghệ mới in cuốn *Yêu Con, Dạy Con Nên Người Việt* gồm những bài tôi viết từ 1983-1984 đến 1987. Tôi không biết sách có vị thơ hay không, (dựa theo câu hỏi của CHC: sách ở thể văn xuôi nhưng cũng đầy thơ ? LH ghi chú) nhưng có lúc đọc lại những đoạn viết về mẹ tôi và cha tôi, tôi cũng rất cảm động. Đọc lại bài viết về bữa cơm gia đình cũng thấy lòng mình an hòa trở lại. Tôi nghĩ đó là đọc “văn mình” cho nên nó mới thấm thía như vậy.

Tôi khởi sự viết loạt bài trên khi đọc một bài báo ở California của anh Giao Chỉ năm 1983. Anh kể chuyện một đứa bé Việt Nam 13 tuổi phạm tội giết người. Tôi lo nghĩ hết sức. Tôi có ý mỗi bà con các nơi cùng thảo luận chuyện dạy chữ Việt hay

dạy văn học lịch sử Việt. Nhưng là chuyện tập nếp sống thuần hậu của người Việt mà từ bé mình vẫn tập theo gương tốt của ông bà cha mẹ. Khi suy nghĩ tiếp về chuyện trên tôi mới nhận ra văn hóa, truyền thống không thể học ở trong sách, mà ở chính mỗi người chúng mình. Khi có bạn hỏi thế nào là lối sống Việt Nam ? Tôi đề nghị mỗi người hãy nhớ lại hồi nhỏ của mình được ông bà cha mẹ dạy những gì. Từ hồi đó đến giờ mình vẫn bỏ ngoài tai, bây giờ thử nhớ lại và tập lại đi, tự nhiên các con nó sẽ học. Từ đó mới lại nhận ra rằng không thể giữ được truyền thống Việt nếu không có đời sống gia đình. Tôi viết ít bài về nếp sống gia đình. Điều rất cảm động là có nhiều vị đàn anh cũng như bạn bè đã khuyến khích tôi. Nhiều bài đã được các báo ở đâu đâu tự ý đăng lại mà không cho biết. Có bữa đến Tổ Đình Từ Quang gặp giáo sư Nguyễn Văn Phú, ông bảo ông vừa chụp một bài của tôi để gửi cho mấy người bạn ở Úc, ở Pháp. Có lần tôi nhận được thư của người bạn ở California anh nói: “Tòa báo chúng tôi đang đổi giờ làm việc, để anh chị em phải về nhà sớm ăn cơm tối với các con, theo đề nghị trong bài của ông” Tôi nghĩ chúng ta đều có nhu cầu củng cố gia đình. Ai cũng lo chuyện lớn như lập Viện văn hóa, chuyện đoàn kết cả triệu người Việt hải ngoại, nên ít có người lo chuyện nhỏ như làm sao cha mẹ bày tỏ tình yêu thương với con. Mà chuyện đó cũng quan trọng, mà hồi nào tới giờ mình không thấy mấy ai bàn đến chuyện đó.

Vì vậy tập tiểu luận của tôi thực sự là nói về tình yêu. Tôi không dám bàn về chuyện giáo dục nói chung. Tôi nhận thấy mình rất vụng về khi muốn tỏ cho các con thấy rằng mình yêu chúng. Mà nếu trẻ nó không yêu mình thì làm sao nó học nơi mình ?

Nói đến học, chúng ta thường nặng nề về phần lý trí. Chúng ta dùng nửa bên trái của khối óc để lý luận, phân tích. Nhưng dạy trẻ là tìm cách ảnh hưởng đến tác phong (behaviour) của chúng chứ không phải dạy cho chúng biết và hiểu mà thôi. Chúng ta chỉ dạy các con được nếu có thông cảm, có tình thương yêu. Vì vậy tôi nêu lên khẩu hiệu “ Gia Đình phải là một tổ ấm” . Tình cờ hồi 1984 bài “Tổ Ấm” được đăng ở báo Diễn Đàn, ở Paris, tôi được đọc cuốn tiểu thuyết từ trong nước gửi qua. Cuốn đó cũng mô tả sự tan rã của gia đình và đạo lý. Một nhân vật trong đó nói: ‘Phải biến gia đình thành một pháo đài cố thủ’. So sánh hai hình ảnh gia đình, một nghĩa là tổ ấm, một nghĩa là

“pháo đài”. Rõ ràng hai tâm trạng, hai hoàn cảnh, hai cách suy nghĩ khác nhau. Chỉ mừng là ở trong nước cũng có người đang thức mắc và lo lắng như mình. Từ đó mỗi lần tôi viết, tôi cũng nghĩ đến bà con trong nước nữa.

Tôi không dám nhận là cuốn sách mới in là hay lắm. Nếu có thì giờ đáng lẽ tôi sẽ viết lại hơn nữa. Vì khi viết để đăng báo tôi viết vội vàng. Trước khi nhà Văn Nghệ in tôi chỉ kịp cắt bớt một ít đoạn, sửa một ít câu. Nếu có ý định in sách thì tôi viết khác, có mạch lạc hơn và lời văn nhất quán hơn. Tôi chỉ hy vọng cuốn sách này có lợi vì nó gợi cho độc giả suy ngẫm, và chính khi suy ngẫm thêm quý vị sẽ tìm ra những dấu hiệu hữu dụng, thực tế mà tôi không hề nghĩ tới. Cũng có một vài bài tôi đang viết dở mà không kịp cho vào cuốn sách. Thí dụ về cái Tivi trong nhà, về cái đức cần kiệm. Tôi chỉ kịp viết thêm ít đoạn vào các bài đã có sẵn. Tôi muốn viết kỹ hơn về ngày giỗ, nói chuyện thêm về phúc đức ông bà, về liên lạc họ hàng, nhưng thật chưa có thời giờ bàn bạc với anh em nên chỉ nêu được một ít điều trong cuốn sách đó”.

(Đỗ Quý Toàn trả lời Châu Hải Châu, Sóng số 71 tháng 4-1988)

Tuy không chạm mặt lâu dài với những chuyện buồn có tầm vóc. Nhưng tôi cũng đã có những ngày không mấy vui, trong giai đoạn cậu út nhà tôi từ tuổi vị thành niên bước sang giai đoạn trưởng thành. Chuyện bắt đầu bằng một nghĩa cử học đòi anh hùng. Vào một dịp người Việt đón tết với một hội chợ xuân. Sau khi thưởng thức những màn cử hành lễ cổ truyền, nghe ca hát, múa võ, ảo thuật...cậu út nhà tôi phoi phới ra về. Ngay ở cổng ra đang có một cuộc đặng co giữa nhân viên cảnh sát và một thiếu niên Việt Nam chưa thông thạo Pháp ngữ. Không rõ diễn tiến ra sao, cậu út nhà tôi nhảy vào bên người đồng màu da. Kết quả dễ hiểu: cả hai cậu đều được ngồi xe có còi hú. Còn ở tuổi vị thành niên, cậu út nhà tôi được ra về, không ngờ sau đó phải ra tòa về tội danh “cản trở nhân viên công lực thi hành phận sự”. Rất may bà “luật sư công cộng” hiểu chuyện và có đủ tài giúp cậu út nhà tôi vô tội. Ít tuần sau thằng bé còn may mắn đậu được bằng lái xe ở tuổi 17. Thương con, cô Ba Lý đứng tên trả góp cho nó một chiếc Honda Civic, hai cửa, mới cầu. Có xe, việc học của con út cô Lý nhà tôi cứ như là xuống dốc. Anh Đỗ Quý Toàn hẳn không biết, trước một đêm tôi cùng các anh Nguyễn Hữu Chung, Tạ Trung Sơn, Nguyễn Ngọc Lang...ngồi lắng nghe

tiếng dương cầm của con gái anh, Bằng Lăng, biểu diễn trong dịp ra trường, tôi đã có một đêm thức trắng, chạy quanh thành phố để tìm cậu con, vì ngại nó có việc gì không lành. Chuyện buồn của tôi cứ thế tăng lên. Tôi thờ ra thờ vào không phải vì thể dục. Chưa biết hóa giải ra sao cái buồn chán trong lòng, bỗng một hôm tôi gặp anh Toàn, không rõ vì đâu anh biết tôi không vui vì con. Anh không khuyên, chỉ nói gọn: *“Đó là một tai nạn, rồi sẽ qua”*. Từ cái nhận xét của anh Toàn, tôi chợt thấy lòng yên tĩnh, và tai nạn đã qua thật. Tác phẩm *Yêu Con Dạy Con Nên Người Việt*, tôi đọc không kỹ, nhưng tôi học ở anh Toàn từ những nhận xét riêng của mình về anh. Đối với anh, tôi kính trọng như người anh thật sự. Tiếng gọi anh, dành cho anh không có tính cách xã giao. Một ông anh có da có thịt, hồng hào và luôn luôn biết cười đàng hoàng.

Không nhớ chính xác năm nào ông *“thi sĩ hai hòn bi”* tự tạo cho mình và gia đình cuộc *“di tản chiến thuật”* mới. Ông từ giã cái phòng dành cho ông ở một Đại học, nơi tôi và nhiều bạn hữu khác từng ghé qua uống trà, ngó xuống thành phố. Ông từ giã phở Hòa, phở Bắc, phở Bằng, phở Tàu Bay, Chez Liên, Tổ đình Từ Quang... từ giã cả cái pharmacie Do Quyên trên đường Peel ông từng thân thiết. Ông nhà thơ đi làm chủ bút tạp chí Thế Kỷ 21 (1989-2001), rồi ngồi trong ghế hội đồng và điều hành nhật báo Người Việt. Ông lơ làm thơ vì: *“Một là tuổi tác. Thơ phải bông bột, hứng khởi, bất ngờ. Ở tuổi tôi, với công việc hàng ngày giây phút đó hiếm lắm. Tôi viết nhưng con hứng ngẫu thì lại bỏ đi. Một lý do nữa là hàng ngày phải nói tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Việt nói không đều, không tiếp xúc với anh em văn nghệ Việt Nam thì làm sao có hứng khởi làm thơ luôn chứ?”* Và gần như nghiêng về bình luận chính trị, kinh tế. Ông đã xuất bản cuốn *Đổi Mới Kinh Tế* dưới bút hiệu Vương Hữu Bột. Ông cũng thật xuất sắc bên cạnh ký giả Vũ Chung trong mục Chuyện Bàn Tròn của của *Radiovncr.com* Nhắc chuyện bàn tròn, nhớ có lần Đỗ Quý Toàn bàn về việc xem phim “ba ít”. Nghe xong, vợ tôi cảnh cáo: *“nghe anh Toàn nói đó, liệu mà giữ”*. Giữ cái gì? Tại sao phải giữ? Năm thì mười họa mới lỡ tay bấm lạc vào đài có nhan sắc một chút đâu có gì quá đáng. Tôi chưa theo kịp cô văn sĩ xem phim tình để trợ hứng viết truyện, cũng chưa theo kịp anh

họa sĩ từ chối y trang để ngồi vẽ cho thoải mái. Được như họ thú biết mấy!

Anh Đỗ Quý Toàn, người của Montréal đã định cư ở Hoa Kỳ. Đi xa lâu ngày, cái tình của anh dành cho cỏ, tuyết... trên quê hương thứ hai của tôi chắc cũng có phần phai nhạt. Tôi có cảm tưởng nếu không có chuông mõ Làng Cây Phong, âm thầm kêu gọi trong lòng, chắc cũng không có lý do gì để anh phải về Montréal xem một trận hockey, bàn luận về tài điều binh khiển tướng của một *entraîner-chef*, như thời của *head coach* Jacques Demers. Anh cũng chẳng thể về để gọi thăm vài người quen biết khơi khơi. Cũng may trong những lần nói chuyện bàn tròn, thỉnh thoảng, anh nhắc nhở chút chút về đất nước Canada, đủ làm tôi ung bụng vô cùng, không hiểu tại sao. Vừa rồi, hôm 04 tháng 2-2007, hội chợ Tết của người Việt được tổ chức tại Olympic Stadium, tôi có cùng gia đình đi xem, sau hơn mười năm trốn đám đông. Tôi mừng gặp lại chị Hoàng Kim Tuấn, (vợ của cố nhạc sĩ Hoàng Phúc) trong một quầy nhỏ của Làng Cây Phong. Quầy được dựng vài giờ trong hội chợ, để phổ biến chương trình từ thiện *Hiếu Và Thương*, cùng lối sống “thảnh thơi, an vui”. Chị Tuấn rủ tôi đến ngồi thiền. Tôi từ chối ngay vì khoảng cách 110 cây số xa lộ đến ngay trong đầu. Trán an sự ngại khó của tôi, chị Tuấn cho biết thiền thất của làng còn được mở ngay trong thành phố. Chị không quên cho tôi địa chỉ, khi về đến nhà, xem lại mới biết đó là ngôi nhà cũ của anh Đỗ Quý Toàn, trên đường Glencoe. Thật ra khoảng cách gần cũng vô nghĩa với tôi. Tôi thiếu một cái đầu gối để ngồi xếp bằng, tôi thiếu cả niềm tin mãnh liệt để lắng lòng. Ngồi trong điện thờ, dưới bệ Phật mà cứ ngẫm nghĩ: “...*tôi sắp hết đời chưa đọc kinh/ mở kinh mà cứ ngấm tay mình/ lâng lâng lòng vụt theo chuông mõ/ rùng mình ngấm Phật, Phật làm thình*” thì làm sao mà thiền tọa, cho dầu “*Phật chẳng trách gì khách hành hương/ chỉ dưng lên được chút bụi đường/ với đôi tay chấp trong im lặng/ chịu đựng giữ gìn riêng vết thương*”. Dường như tôi đã viện ra nhiều lý do, có cả việc: “*muốn đẩy cửa vào thăm viếng Phật/ mượn trầm hương tẩy nỗi sầu riêng/ nhớ ra thân thể không toàn vẹn/ sợ Phật đau lòng, đành đứng yên*” để từ chối cơ hội tạo cho mình một phút bình an thật sự. Tôi chẳng những phải xin lỗi lòng tốt của chị Tuấn, mà còn phải xin lỗi chính tôi.

Anh Đỗ Quý Toàn, đương nhiên khác hẳn tôi. Đi đâu, ở đâu, anh cũng là người sung sướng, bởi vì trong lòng anh luôn luôn có thơ, có chùa, có chuông mõ, có cỏ cây. Hơn thế nữa, rất quan trọng, cái cổ hạnh phúc anh vẫn lặn lung. Cái cổ ấy chính là người đàn bà đã mang họ chồng, chị Đỗ Quyên. Anh Toàn không những học rất thuộc ca khúc Tạ Ôn Em, mà còn tung chường rất xuất sắc:

“Cổ em là nơi chứa hạnh phúc/ nơi chứa hơi thở ngọt như mật/ nơi có giọng nói như nhung êm/ tiếng nước reo như ngọc trang vắt.

cổ em là bình đựng tình yêu/ da thịt ấm dịu dàng như lụa/ trong hai bàn tay anh nâng niu/ run rẩy em là con ngan nhỏ.

cổ em run rẩy như con thỏ/ con thỏ trắng trong truyện thần tiên/ cổ em thẹn thò như cánh chim/ cánh chim non ra ràng muốn vỗ.

cổ em là nơi anh muốn hôn/ anh muốn uống tình yêu sữa ngọt/ anh muốn bơi vô tận thiên đường/ trong cổ nồn một trời ấm áp”

(Cò Và Tuyết - ĐQT trang 25)

Tuyệt diệu thay ông anh tôi.



trời có chút nắng, 09-2-2007

Phan Xuân Sinh ***hết đứng lại bơi, đời đổ trên dòng nước***

Không rõ đoàn quân *Grippe* rời tuyến xuất phát từ lúc nào mà rạng sáng ngày mừng một năm Đinh Hợi (2007) đã khai hỏa, tiến công thật mạnh mẽ vào cơ thể tôi. Cuộc tổng nổi dậy của địch quân vào mùa xuân này quả thật có tạo cho tôi chút bất ngờ. Bởi trước đây vài tuần lễ tôi đã tẩy trừ vài trận đánh lẻ tẻ của chúng. Thiếu đề phòng, mất cảnh giác, hơi chủ quan xem thường thể lực của địch, nên tôi nhận hậu quả tương đối nặng nề. Một số yếu điểm mau chóng bị địch quân không chế như cổ họng, hai cánh mũi...Ảnh hưởng từ những đợt pháo-hắt-hơi, bộ tổng tham mưu cứ hâm hấp nóng từ hai chân mây trở lên. Tôn trọng tục lệ kiêng cử của ba ngày Tết, không đi đập đất phòng mạch trong ngày mừng Một, tôi tạm thời điều động chủ lực quân *Tylenol Extra Fort* chống đỡ, và không quên tăng cường *Jus d'orange 100% Pur* yểm trợ. Theo kế hoạch của Ban Ba, đội binh Tổng trừ bị *Zithromax* sẽ được tung vào mặt trận nếu sau ba ngày cuộc tổng nổi dậy của địch quân chưa được hóa giải. Trong lúc thế trận còn nghiêng về phe địch, đúng vào thời khắc bàn giao giữa hai anh mừng Một, mừng Hai, cơ thể tôi nhận thêm một cuộc tấn công mới của một kẻ thù truyền kiếp, từ 38 năm nay. Kẻ thù này không có tên gọi chính xác, tạm dùng trạng thái để gọi nó là *douleur*. Bọn tiểu yêu này đã lợi dụng sự thay đổi thời tiết, từ ba độ âm xuống hai mươi mốt độ âm mà đánh phá. Rất may lần này, phát hiện kịp thời nên những khinh binh *Advil* tôi điều động, nhanh chóng loại địch quân ra khỏi vòng chiến. Trong những giờ giao tranh còn xảy ra, dờ khóc, dờ cười, hận đời, giận trời, tôi thường nhớ đến những người huynh đệ chi binh một thời đã cùng một cảnh ngộ và có sự quen biết với mình. Đàn anh Tôn Thất Chân Tu và cậu em Phan Xuân Sinh, do đó cứ chờ vờn trong đầu.



Tôn Thất Chân Tu là tên thật của nhà thơ Chu Tân. Anh đã nói lái tên cha mẹ chọn cho mình làm bút hiệu. Song thân nhà thơ đã lỗi hẹn với Đức Thích Ca, nên đành mang tâm nguyện của mình ủy thác cho người con trai ? Ông Bà muốn con mình trở thành một đảng chân tu ? Từ “tu” hình như còn có nghĩa là cắt bỏ. Nếu đúng, đây có phải điếm báo trước tương lai cho ông nhà thơ, khóa 23 Sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Chu Tân hiện còn ở quê nhà, tại An Hải, Đà Nẵng, và dù còn một chân, anh cũng trở thành một tài xế xe thô chuyên nghiệp từ mấy mươi năm nay, quên hẳn cái nghề “bán cháo phôi” có văn bằng.

Phan Xuân Sinh, so sánh vốn sống, quả đúng là cậu em của Chu Tân và tôi. Anh nhỏ hơn tôi bảy tuổi, ra đời ngày 02 tháng giêng năm 1948 tại xóm Nại Hiên Tây, thành phố Đà Nẵng. Vì anh là một sĩ quan Ngụy, nên lý lịch, dù không khai đủ ba đời theo chính quyền địa phương sau ngày 29 tháng 3 năm 1975, tương cũng nên rõ ràng thêm chút nữa:

Phan Xuân Sinh con ông Phan Xuân Tân và bà Ngô Thị Hương. Cuối năm 1948, thân mẫu Phan Xuân Sinh qua đời lúc anh vừa được mười một tháng tuổi. Ngay vào thời điếm đáng buồn đó, cha anh phải vào tù vì hoạt động chống Pháp. Thiếu mẹ lẫn cha, anh được bên ngoại dưỡng dục một thời gian rồi giao về bên nội tiếp tục chăm sóc. Phan Xuân Sinh lớn lên từ cái xóm có cái Giếng Bộng, từng nổi tiếng một thời của thành phố Đà Nẵng. Anh kể về vạt đất ầu thơ của mình:

“Tôi không biết cái làng Nại Hiên Tây có tự bao giờ. Hồi tôi còn nhỏ làng này còn thừa thớt dân chúng, phía trong có lũy tre, bờ ruộng. Trong ngõ vào nhà tôi hàng tre mát rượi, rấn rít thỉnh thoảng bò qua lại trên đường (người ngoài tôi thường gọi là đường kiệt). Nhà trong hẻm cũng chẳng có bao nhiêu cái. Phần đông nhà tranh vách đất, tối thấp những ngọn đèn dầu lù mù. Riêng nhà tôi là một trong những ngôi nhà ngói hiếm hoi trong con hẻm. Nhà này của ông nội tôi xây dựng từ lâu lắm mà nay trở thành nhà thờ của dòng họ tôi ở Đà Nẵng”

Như vậy, Phan Xuân Sinh thuộc gia tộc khá giả, không biết đã đủ để ghép vào thành phần ác ôn địa chủ chưa ? Năm Phan Xuân Sinh lên 5, bố anh ra tù, mở trường tư thực, đón anh về dựa hơi nhau. Ở vào cái tuổi 30, bố anh đành phải quên cô vợ chỉ hưởng dương 22 mùa xuân, để bước đi thêm một bước nữa.

Người đàn bà tên Thanh đã đem đến cho Phan Xuân Sinh sự yêu thương chăm sóc của người mẹ. Từ nguồn tình cảm gia đình, Phan Xuân Sinh theo thời gian đi qua các bậc tiểu học, trung học tại Đà Nẵng một cách bình thường. Mái trường Sao Mai là nơi cho Phan Xuân Sinh những kiến thức căn bản của học vấn cũng như những tình cảm kỳ diệu, tinh khiết giữa nam nữ. Cũng tại ngôi trường này, Phan Xuân Sinh làm thơ siêng tay hơn trong những năm Đệ tam, Đệ nhị. Dù vậy, kết quả gởi đến báo chí vẫn chưa có gì tiến triển. Nếu thời tiểu học (lớp nhất) anh đã có một bài trên báo Tuổi Xanh, thì thời trung học vẫn chỉ con số một đến với anh, sau rất nhiều lần gởi cho Phổ Thông của thi sĩ Nguyễn Vỹ. Ngán ngẫm cái kết quả mỏng mảnh, Phan Xuân Sinh tự ngừng cuộc chơi. Ấy vậy, anh vẫn không nỡ bỏ nàng thơ. Buồn tay, anh *“thỉnh thoảng cũng táy máy làm vài bài chơi, nhưng cất kỹ trong hộc tủ, không dám cho ai đọc kể cả người yêu của mình. Bạn bè thì Nguyễn Nho Nhươn, Vũ Đức Sao Biển, Lê Văn Trung, Hạ Đình Thao, Uyên Hà vv... người nào cũng có bài đăng trên những tờ báo lớn ở Sài Gòn, vì thế lại càng không dám gửi sợ chúng cười. Trong mục ‘bài nhận được’ thì có, mà bài đăng chờ dài cổ vẫn không thấy”*.

Một điều khá ngộ, có thể xem đây là cái duyên của thi ca đã níu kéo Phan Xuân Sinh. Tuy không mát tay với báo chí, Phan Xuân Sinh cũng đã từng được giải nhì cuộc thi thơ do Ty Thông Tin Đà Nẵng tổ chức, năm anh còn ngồi trong lớp Đệ ngũ. Giải thưởng năm đó không có giải nhất. Đây không phải là kết quả cho giấc mơ làm thi sĩ của Phan Xuân Sinh. Và rồi anh ôm hoài bão vào quân trường Bộ Binh Thủ Đức. Vừa học làm chỉ huy vừa làm thơ đăng báo Chiến Sĩ Cộng Hòa. Tôi nghĩ rằng nội dung thơ Phan Xuân Sinh trong giai đoạn này dù lấy bối cảnh chiến tranh với các nguyên liệu súng đạn, lẫn máu thịt, thơ anh vẫn lộng lẫy hình ảnh những người nữ đã có cơ hội ghé qua đời anh. Những người nữ này hình như không ít.

Thừa hưởng cái nhan sắc của người cha, Phan Xuân Sinh thanh xuân khôi ngô ở nét mặt, hùng dũng ở vóc dáng. Hai chữ “đẹp trai” anh dành được thật xứng đáng. Tôi vốn có phần rộng lượng, người nào mình để ý, ao ước, nhớ nhưng đã có thể liệt vào đội ngũ người yêu rồi. Mình yêu người là căn bản, người yêu lại mình, càng thêm hoàn hảo, nhưng người chẳng yêu mình cũng chẳng sao. Chính vì thế *“người tôi yêu ở tứ tung”*. Dùng quan

niệm này với Phan Xuân Sinh, thì nhà thơ có người yêu đầu đời từ quê nội. Cuộc tình đến nhân duyên anh về quê nghỉ hè.

Quê nội anh nằm bên bờ sông Thu Bồn. Con bé Hạnh lên lớp ba, đã nghe lời mẹ thôi học, chấm dứt việc đến trường lo việc làm nông. Tuy không trồng nhiều thì giờ, nhưng “... *Đi chơi đâu Hạnh cũng lẽ kè theo tôi. Mỗi buổi chiều, tôi và Hạnh hay ra ngòi ngoài bờ ruộng nhìn mây đưa chăn trâu thả diều...*”. Sự khăng khít của các cô cậu ở nông thôn có đủ thơ mộng, lãng mạn, một đôi khi còn nhanh chóng tiến xa hơn. Gò mả, miếu, đình, cây rơm, nương nước... tuy chưa được gọi là “bãi đắp”, nhưng cũng là những địa điểm có thể nắm tay, đặt đôi chân trần lên nhau... Con bé Hạnh này đã từng bị mẹ cho ăn đòn roi tre, từng kéo quần phơi mông cho Phan Xuân Sinh xem những lần roi tím đỏ. Và cũng từng cùng Phan Xuân Sinh tắm trong một dòng sông, trong một mảng xối nước mưa với đôi tay bụm hờ, để rồi “... *áp a áp ứng nói không mạch lạc*” vào những năm sau khi gặp lại. Kịch tính của cuộc tình còn tiếp tục bởi những chia xa rồi hạnh ngộ trong hoàn cảnh mỗi người một phía của cuộc chiến. Kết quả tất yếu dẫn đến “*Hạnh còn lại trong tôi chỉ là một chút kỷ niệm thoáng qua trong đời*”



Một cuộc tình khác nhà thơ Phan Xuân Sinh bắt được trên hành trình từ Đà Nẵng vào Sài Gòn. Nàng thơ của chàng là một cô giáo, quê xứ Mộ Đức Quảng Ngãi, đang hành nghề tại Quảng Nam. Phải nhắc nhớ: xe dò thời thập niên 60, 70 trên

nhiều tuyến đường tại miền Nam rất hay trở thành những đầu mối cho những tiếng gọi tình yêu, lẫn tình dục. Cái liếc mắt tình cờ, sự va chạm thịt da từ vô tình sinh hữu ý, có thánh thiện, có ma quỷ. Cá nhân tôi, nhờ chặng đường Huế - Đà Nẵng và xe ca An Lợi có được những khởi điểm cho vài cuộc tình đôi ngày. Như Trần của Phan Xuân Sinh không như vài cô bạn tôi may mắn được gặp. Cô là người có học, thùy mị. Khổ một điều, cô

giống Hạnh, có lý tưởng trái ngược với chàng sĩ quan. Cô chỉ có thể dành cho người bạn tình một ân huệ: vĩnh viễn ôm một hoài vọng: *“...Và một điều mong mỏi của tôi, một ngày nào tôi gặp lại Trân, không phải bên này, không phải một nơi nào bên kia. Mà phải là Mộ Đức, nơi mà đã bao lần tôi đã moi mắt trông tìm, dù bây giờ hai mái đầu chúng tôi đã bạc”*.

Gia tài nhân tình của Phan Xuân Sinh còn khá nhiều, như Hương như Liên... những nhân vật tưởng chỉ là hư cấu trong các bài anh viết, nhưng thật ra có da có thịt, có hơi thở... có cả những giây phút sống thật bên Phan Xuân Sinh. Điểm danh từng người một những “đầu gối tay ấp” của Phan Xuân Sinh, có thể hại anh bị đánh đòn, nằm phòng khách, nên xin được dừng ở đây, để theo chân anh qua chặng đời binh nghiệp.

Sau khi nhận cấp lon Chuẩn Ủy, Phan Xuân Sinh được chuyển về phục vụ tại đội Trinh Sát thuộc Trung đoàn 51 Biệt Lập, đóng tại Quảng Nam. Trung đoàn 51 thuộc quân chủng Bộ Binh. Bộ Binh được mệnh danh là Nữ Hoàng Chiến Trường, là quân chủ lực trong mọi mặt trận. Không có sự truy tìm, chạm súng, đeo bám, cầm chân... của Bộ Binh các lực lượng thiện chiến trừ bị khó thực hiện được những trận đánh phủ đầu mang lại thành công. Nhưng Bộ Binh vẫn thường nhận được những ưu đãi không tương xứng trong Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, ngay trong việc trang bị vũ khí, phương tiện. Bộ Binh là một đội quân có quân số đông đảo nhất. Có số tử vong, thương tật đứng đầu. Phan Xuân Sinh về với Bộ Binh, không có số “sông lâu lên lão làng”, chỉ ăn cơm gạo sậy chưa tròn một năm, anh đã ngã ngựa. Không biết anh đã được tham dự bao nhiêu cuộc hành quân? Đã có cơ hội bóp cò súng một lần nào chưa? Chắc chắn anh không là một Trinh Sát được nhà văn Bảo Ninh thần tượng hóa méo mó với màu mè chính trị, thù hận. Cái giờ khắc bi hận của Phan Xuân Sinh, hẳn anh chưa quên: Một giờ trưa ngày 01 tháng 6 năm 1972. Cái địa danh biến dạng từ người lành lặn bình thường ra người tàn phế, chắc Phan Xuân Sinh chưa quên: Cẩm Hải, Điện Bàn, Quảng Nam.

Hình như với những người cầm bút, dù chẳng chuyên nghiệp, viết là một công việc lấp bốt phần nào nỗi chán nản, bi quan trước sự bất hạnh của mình. Cũng như tôi, Chu Tân... Phan Xuân Sinh làm thơ rất nhiều trong giai đoạn anh điều trị và dưỡng thương. Nhưng anh vẫn: *“...không dám cho ai đọc, cất kỹ*.

Sau khi Đà Nẵng thất thủ năm 1975, thì tú sách bị tịch thu, còn cái gì thuộc về bút tích thì ông cụ thiêu hủy”.

Ngày Đà Nẵng thay chủ, Phan Xuân Sinh không có mặt tại Nại Hiên Tây. Anh đã vào Sài Gòn cuối năm 1974 với dự định trở lại ghé nhà trường. Hồ sơ giải ngũ của anh đã được chuyển vào Trung Tâm 3, đợi ngày trình diện hội đồng ước tính cấp độ tàn phế để phát số lương cấp dưỡng. Ngày đó đã không còn cơ hội đến với anh. Có thể nói: đến hôm nay, anh vẫn còn là một sĩ quan tại ngũ của Việt Nam Cộng Hòa. Chính lý do này, anh đã nghiêm chỉnh chấp hành lệnh gọi trình diện cải tạo của chính phủ mới. Anh cũng có chút *malin* tháo chân giả, dùng nạng để đi trình diện. Rất may anh bị chê, không được đón nhận.

Phan Xuân Sinh làm công dân nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam mười lăm năm. Suốt thời gian này, anh cùng với cả nước bước vào con đường Lao Động Vinh Quang. Thoạt đầu, Phan Xuân Sinh tổ chức làm bột ăn cho trẻ em. Nhà thơ đàn anh Tường Linh trở thành nhân công của anh. Tiếp theo anh sản xuất kem đánh răng. Địa điểm hành nghề nằm trên đường Mai Xuân Thưởng quận Bình Thạnh. Thực hiện công việc này, một phần nào Phan Xuân Sinh giúp được “công ăn việc làm” cho một số nhà thơ đồng hương: Hà Nguyên Thạch, Phan Nhự Thức, Đinh Trầm Ca... Không khí thơ vẫn ít nhiều được hâm nóng trong các giờ trồng, vui say bên những cốc rượu. Phan Xuân Sinh cho biết: *“Nói cho ngay, từ năm 1975 đến 1990 (15 năm), có những bất trắc trong cuộc sống. Nhưng rút cuộc, đời sống cũng khá khá, không giàu nhưng cũng không túng thiếu”*, có lẽ cũng tâm cỡ như nhà thơ Huy Tường (trong nghề bán cà phê), không từ từ đi xuống như nhà văn Cung Tích Biền kinh doanh nghệ thuật sơn mài, bị thu hồi đất sống.

Làm ăn được, nhưng thơ không biết có làm ra không, không thấy Phan Xuân Sinh đề cập. Năm 1976, Phan Xuân Sinh “giã từ cuộc sống độc thân”, anh theo về cùng chị Thiên Nga một cựu nữ sinh trường Tây ở Đà Nẵng. Ngày 15 tháng 6 năm 1990, anh cùng vợ sang Mỹ qua bảo lãnh của nhạc phụ, một cựu sĩ quan cấp tá của VNCH. Thời gian đầu, gia đình Phan Xuân Sinh sống tại thành phố Philadelphia, một năm sau chuyển về California. Tương vùng nắng ấm này là đất lý tưởng cho Phan Xuân Sinh trở lại mở hãng xưởng. Nhưng chỉ ba năm sau, gia đình anh chuyển đến thành phố Massachusetts, bỏ neo tại đây 13

năm, làm *nail*, mở chợ, phục hưng kinh tế gia đình một cách hiển hách. Chỉ một căng rưỡi nhưng nhờ tài năng của nội tướng, Phan Xuân Sinh cứ từ từ phát triển, tạo được uy tín trong cộng đồng, và từng đảng hoàng ngồi vào ghế Chủ Tịch cộng đồng vùng Massachusetts. Không hiểu vì khí hậu hay vì con đường phát triển kinh tế sáng sủa, gia đình Phan Xuân Sinh lại “mu” về Texas mở tiệm rượu.

Bar rượu là một kinh doanh rất dễ hái ra tiền, nếu biết tổ chức, quản lý. Tôi có ông bạn người Quảng Trị, ngâm thơ hết sẩy, Phạm Đình Cường, cũng mở tiệm rượu tại thành phố Toronto. Từ một tiệm sinh nở ra năm, bảy tiệm, lấn sang cả lãnh vực ăn, uống, quần áo... bành trướng về tuốt Việt Nam từ những năm đầu có hơi thở kinh tế thị trường, và chính sách thương mại cởi mở tại quê nhà. Một ông bạn khác của tôi, biết nhau từ hồi lớp nhì, lớp nhất cũng đi bán rượu, nhưng coi về thất bại dù cửa tiệm, cô tình đặt gần đồn cảnh sát cho chắc ăn. Ông này là nhà văn Nguyễn Chí Thiệp, thành danh từ cuốn hồi ký Trại Kiên Giam. Không biết Phan Xuân Sinh sẽ là một Phạm Đình Cường hay một Nguyễn Chí Thiệp thứ hai. Tôi tin với tài năng của chị Thiên Nga và sự chịu khó của anh Sinh, tiệm rượu mới của một người Á Đông nữa tại Texas chắc sẽ rất phát đạt.

Đời sống kinh tế gia đình Phan Xuân Sinh vững chắc, giúp làng viết cộng đồng Việt Nam hải ngoại có thêm một nhà thơ. Giúp tôi có thêm một người bạn văn. Thơ Phan Xuân Sinh đi từ Thời Báo của người em rể ở Philadelphia, đến đàn Làng Văn, Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21... Rồi từ thơ qua văn xuôi, một bước gần, nên Phan Xuân Sinh chơi luôn.

Tôi biết và quen Phan Xuân Sinh do cội nguồn Quảng Nam. Như tuồng dân Quảng Nam có máu ưa thích làm báo trong người. Ở đâu, nơi đâu, có một cụm mây anh chị có giọng nói cần người thông dịch nhất nước, tề tựa với nhau, trước sau gì ở đó cũng có ít nhất một đặc san. Nhiều, nhưng không phải làm lấy rồi, lấy có cho vui, Cũng bẽ thế, hoành tráng lắm như Đặc san Quảng Đà – Los Angeles của vợ chồng nhà thơ, dịch giả Thái Tú Hạp, Ai Cầm, Đất Quảng - Washington của Trần Thế Phong, Quảng Nam Đà Nẵng - Dallas-Fort Worth của Nguyễn Rô, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Hữu Lý..., Sông Thu - Georgia của Lê Văn Cứ, Xuyên Trà..., Xứ Quảng – Massachusetts của Du Mỹ, Phan Xuân Sinh, Trần Trung Đạo, Hoàng Huy Khánh...Còn

nhiều nữa như đất của bác sĩ Phùng Văn Hạnh (Montréal), của Trần Yên Hòa... Tờ nào, năm nào cũng từ 400 trang trở lên với đầy đủ thơ, truyện, biên khảo, nghiên cứu đề huề. Và một lực lượng góp bài gồm đủ mặt những đại danh trong làng viết hải ngoại, không sót một mảng nào, từng hiện diện trên những tạp chí văn học uy tín khác.

Phan Xuân Sinh rất năng động trong lãnh vực văn học. Anh góp bài cho các tạp chí Làng Văn, Văn, Phố Văn, Sóng Văn, Chủ Đề, Khởi Hành, Thế Kỷ 21, Văn Học..., tổ chức ra mắt sách, diễn thuyết cho bè bạn, một đôi lúc làm cả *layout* cho sách báo của cộng đồng. Anh giao thiệp rộng rãi, cởi mở và thân tình. Trong một buổi xế trưa mùa hè, anh đã cùng một đội ngũ đông đảo ghé thăm chỗ tôi cư ngụ. Thật xấu hổ phòng khách nhà tôi gần như không đủ ghế cho mọi người ngồi thoải mái. Đã thế bắt ngờ quá, nên không trà, không rượu cũng chả có thuốc lá, báo hại những khuôn mặt nhìn nhau cứ phải trao qua trao lại những lời xã giao khách sáo. Dù sao lần đó không những tôi có dịp bắt tay Phan Xuân Sinh, mà còn có dịp nắm trong tay mình hơi ấm của nhà văn Lâm Chương, họa sĩ Vũ Hối, nhà văn Lương Thu Trung, vợ chồng bác sĩ Nguyễn Văn Bình, vợ chồng nhà văn Trần Hoài Thư...Tôi mỗi ngày như trẻ ra vì những lần gặp gỡ thú như vậy.

Sau *Chén Rượu Mời Người* một thi tập in chung với nhà thơ Dur Mỹ (một sĩ quan Biệt Động Quân của VNCH cùng ở Boston) năm 1996, Phan Xuân Sinh gọi đến bạn đọc Việt Nam khắp thế giới, thi phẩm *Đứng Dưới Trời Đổ Nát* vào năm 2000. Tập thơ bìa cứng, (rất hiếm được thực hiện cho các nhà thơ gốc Việt khác tại hải ngoại) với bản vẽ và trình bày của họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi. Ngoài việc thực hiện bìa, Nguyễn Trọng Khôi còn góp cho *Đứng Dưới Trời Đổ Nát* phụ bản và những dòng nhạc do chính anh phổ. Các họa sĩ Đinh Cường, Nguyễn Đức Thanh và nhạc sĩ Nguyễn Tấn Vịnh cũng làm đẹp thêm cho tập thơ bằng những tài nghệ của họ. Tập thơ dày 156 trang, giấy mỡ gà, chứa giữ 52 sáng tác đủ thể loại của Phan Xuân Sinh. Khách yêu thơ chỉ cần tốn mười hai Mỹ kim để tú sách gia đình mình giàu thêm. Tạp chí Văn tại Hoa Kỳ đứng tên xuất bản (logo Văn có từ thời chưa chạy loạn). Lời giới thiệu của bạn văn được

in ở hai mặt gấp vào của bìa bọc, chữ khá nhỏ nhưng có thể đọc được những phát biểu từ:

Nhà văn Lương Thu Trung, Boston:

“ Thi phẩm ĐDTĐN chẳng những là nỗi niềm u sầu của riêng mình, nhà thơ Phan Xuân Sinh còn nói giùm anh, giùm tôi, nói giùm những người đồng thời những điều mà chúng ta luôn luôn trăn trở, băn khoăn cho một cuộc lữ hành mệt nhọc, mà đôi lúc mình cũng chẳng biết phải về đâu trên những chuyến xe đời thường lỡ hẹn ở một sân ga !!!”

Nhà thơ Hoàng Lộc, Tennessee:

“Thơ Phan Xuan Sinh mở ra một nơi chốn, cho tôi được tìm về. Nơi chốn ấy như đã mất hẳn trong đời - mà lại miên viễn trong lòng. Cảm ơn Phan Xuân Sinh. Xin cảm ơn nhà thơ”

Nhà văn Lâm Chương, Dorchester:

“Qua một thời tan nát điêu linh, anh như con diều đứt dây lạc xa ngàn dặm. Lòng trăn trở không yên. Nói với người xưa là cái cớ để anh tỏ rõ cái uất của mình”

Nhà thơ Quan Dương, New Orleans:

“Trong “ĐDTĐN” Phan Xuân Sinh đã dùng ngôn ngữ thơ để nhìn ngắm chính bản thân mình đang tận tuyệt trong sự bủa vây của cuộc sống nội tâm đầy trầm uất và hoài vọng”

Nhà văn Trần Doãn Nho, Worcester:

“Hơi thơ Phan Xuân Sinh lạ. Ngang tàng mà u uất. Cuồng ngạo với xót xa. Sâu mà chân chất. Trong cuộc rượu đọc lên, nghe nghèn nghẹn, tung tức, có cảm giác như muối xát vào lòng”

Nhà văn Trần Hoài Thư, New Jersey:

“Thơ của PXS đã chuyên chở nỗi lòng của một thế hệ bị mất mát quá nhiều. Mất mát tuổi trẻ. Mất mát tuổi già. Thơ anh ngậm ngùi như một dòng sông cứ mang theo những nỗi buồn của lịch sử và thân phận. Cứ đọc hai câu này mới thấy nỗi thấm thía, cay đắng này: ‘ta sống giữa trời đất mệnh mông/ mà tưởng như đứng trong vòng vây kín’ ”

Nhà thơ Lê Mai Lĩnh, Connecticut:

“Tôi biết tên anh là PXS, tôi biết mặt anh là PXS nhưng qua thơ PXS tôi còn biết anh là Tào Tháo của Tam Quốc Chí là Ngũ Tử Tư của Đông Châu Liệt Quốc. Ai đó nói rằng PXS mượn người xưa để giải bày tâm sự. Điều này đúng quá. Nhưng không phải ai cũng làm được điều đó. Phải bản lĩnh ngang tàng như

PXS mới đủ tâm. Nói gọn phải đọc thơ PXS mới biết tôi nói đúng hay sai”

Nhà thơ Trần Trung Đạo, Braintree:

“PXS nhà thơ và là người con trai xứ Quảng Nam gương mẫu, cương trực, ngang tàng nhưng cũng rất bao dung, độ lượng. Thơ anh là chiếc bóng của đời anh. Cuộc đời của một thanh niên Việt Nam. Sinh ra và lớn lên trên vùng đất Quảng Nam nghèo khó, bước đi trên một quê hương đổ nát. Thơ PXS qua thi phẩm rất khiêm cung nhưng tuyệt diệu này, đã trở thành dấu chứng cho một thời đại Việt Nam tang tóc, điêu linh và cũng là tiếng kêu thống thiết của một thế hệ Việt Nam dở dang, bất hạnh”

Đọc những lời hộ tống thi phẩm của Phan Xuân Sinh, bạn đọc hẳn cho đây là những bốc thơm giữa những người cầm bút, thường quây quần với nhau trong năm bảy cốc rượu. Thật ra không phải vậy. Nhậu thì có nhậu, hết những cũ ở Boston, thì đến những cũ ở Montréal, những cũ ở New Orleans, những cũ ở New Jersey...không kể hết. Và cũng không phải chỉ mình Phan Xuân Sinh có sẵn rượu. Khải Minh, Triều Hoa Đại, Phạm Nhã Dự...thậm chí đến các bóng hồng Thu Thuyền, Nhật Nguyễn cũng sẵn lòng có rượu. Tôi từng có nhiều bạn ngồi chầu rìa đàm lưu linh này, nhưng chưa bao giờ thấy có chuyện rượu vào lời ra với nội dung văn học nghệ thuật, tương tự như trên. Những lời các bạn viết về thơ của Phan Xuân Sinh đúng là những nhận xét thật tình. Mỗi người một cách, cùng diễn đạt sự nhìn nhận: thơ của Phan Xuân Sinh là thứ thơ thật, đọc được từ bài này sang bài khác, không phải bỏ ngang. Riêng tôi vẫn giữ phát biểu, theo thói quen dành cho những bài thơ hay: “Đọc thật thú vị”. Đúng, không thể không thú vị với những ý, những câu:

“... thằng lính nào mà không rét lúc ra quân/ khi xung trận mà không té đái.../ thôi hãy uống. Mọi chuyện bỏ lại sau/ nếu có thể ta gây thêm cuộc nhậu/ bày làm chi trò chơi xương máu/ để đôi bên nuôi mầm mống hận thù/ ta chán lắm rồi ba chuyện ruồi bu/ chỉ có bạn, có ta là người thua cuộc...”

hoặc:

“nhớ ngày xưa khi còn xung trận/ sống chết cận kề. nên cứ chơi/ địch cũng ón mấy thằng liều mạng/ đời cũng chê mấy đứa dở hơi...”

Chuyện vịn vào người xưa, vịn vào một nhân vật nổi tiếng bên Tàu, bên Tây hoặc một nhân vật chỉ có trong tác phẩm, để giải bày tâm sự, đại loại như “Giải oan cho Tào Tháo” hay “Hầu chuyện cùng Ngũ Tử Tư” của Phan Xuân Sinh, thật ra không có gì mới lạ trong thi ca Việt Nam. Nhà thơ Hoàng Lộc đã có “Nói Chuyện Đói Vói Nguyễn Công Trứ” hoặc đem mình ra so sánh: “*Quan Vân Trường mặt đỏ cũng thành danh/ ta đỏ mặt hơn ông, đời lại hồng/ ông cốt cách quỳnh tương, ta hồ đồ rượu dóm/ cuộc trăm năm đã đến thế-hoang tàn...*”. Nhà thơ Hà Nguyên Dũng (ở trong nước) cùng một liên tưởng hội ngộ như Hoàng Lộc, cũng viết “*...Ông sống xả thân, chết chẳng toàn thân/ do trời cảm tấm lòng ông trung hậu/ linh, làm Thánh có nơi nương náu/ thân, làm ma đi vất vương tìm đầu!/ tôi sinh trong thời phố giạt xa châu/ thiên hạ đứng núi này trông núi nọ/ tôi như ket giữa hai sườn núi đổ/ nào khác chi thân cá chấu chim lồng...*” Nhà thơ Hoa Thi, trong trang

(www.geoties.com/hoathi2002/ThoHoathi.html) hết ví mình như Chiêu Quân (*ta xưa vốn hương sắc/ hiển hách một Chiêu quân/ giờ đã qua mây kiếp/ vẫn chỉ là mỹ nhân...*) lại nhân danh Tây Thi (*vẫn ta là Tây Thi/ một đôi tay giặt lụa/ đầu nữ dễ giết tình/ trong hồn trắng biết nói*), để rồi thừa chuyện cùng Đạm Tiên: “*... đời tài sắc gắn liền cùng bạc phận/ thơ thay hoa nuôi sống mãi hồng nhan/ dù yên vui nơi tiên cảnh, thiên đàng/ vẫn sót lại hương đời trong lục bát/ tôi bất hạnh, buộc lòng đành để lạc/ Kim Vân Kiều từ thuở tuổi mười lăm/ yêu văn chương, đời không nở phụ lòng/ gặp hơi thở Nguyễn Du trong thư viện/ ... thừa mỹ nữ, xin thừa cùng thánh nữ/ lời muốn nói bỗng vô ngôn, vô tự*” cũng thật lý thú. Tôi có cảm tưởng hồn người xưa có linh hiển, phù trợ cho những người viết liên quan đến họ đều đạt thành công. Phan Xuân Sinh cũng vậy, ngoài chuyện nằm mộng gặp Úc Trai, anh tâm sự Với Ngũ Tử Tư:

“ta cũng bạc đầu sao chẳng ra chi/ ngài bạc đầu làm nên việc lớn/ thay dạng đổi hình như là chuyện giỡn/ mà danh ngài lưu mãi ngàn năm

ngài vượt qua cừu ải thoát thân/ ta cũng trốn chạy năm lần bảy lượt/ cái nguy của ta ngài không sánh được/ rừng thẳm bể sâu tan xác như chơi...”

hoặc Giải Oan Cho Tào Tháo, thật hết sức hào sảng, thông minh:

*“...cái chạy của ông, sau lập nên nghiệp cả/ thất thế sa cơ
là chuyện nhất thời/ nuôi chí lớn để tóm thâu thiên hạ/ thế cờ
Thục, Ngô, như một cuộc chơi*

*cái chạy của bọn ta, trùng trùng mù mịt/ chuyện áo cơm lo
tối mặt phờ râu/ hăm hăm ruột gan rói bởi trăm mối/ quang
phục quê hương ? coi như thú tâm phào...”*

Thơ của Phan Xuân Sinh chủ yếu là tình người, từ đó mỗi bài thơ có một trái tim riêng, sống một đời riêng trong cùng một căn nhà Tình. Căn nhà này chính là tâm hồn tác giả. Tủ sách gia đình của tôi hiện có gần 300 tập thơ. Tập nào tôi cũng đọc qua ít nhất một lần và nhận thấy: những người làm thơ gốc Quảng Nam, hầu hết đều có làm thơ tặng vợ mình, cho vợ mình. Tỷ lệ này vượt hẳn so với những người miền khác. Đây là sự thật, vì không muốn ăn gian trang, tôi không tiện trích dẫn, các bạn không tin có thể tìm đọc thơ của Tường Linh, Hoàng Quy, Hoàng Lộc, Nguyễn Đông Giang, Thái Tú Hạp, Đynh Hoàng Sa, Hà Nguyên Thạch, Tạ Ký, Trần Trung Đạo...(trường hợp Luân Hoán là ngoại lệ, vì thẳng cha mất nét này, không những nhìn ai cũng thấy ra vợ mình, mà còn vợ vẫn hơn, xem người đẹp nào cũng như vợ mình, đâm ra thơ cho vợ cứ cao mãi như núi). Điều này cho thấy những người làm thơ Quảng Nam rất mực chung tình, biết yêu thương và quý trọng người chung chăn gối với mình một cách tuyệt đối. Dĩ nhiên với bản chất này, các ông nhà thơ xứ Quảng Nam không phải là những con quạ (*thấy L lạ như quạ thấy gà con*). Họ đều là những người chân chất, cù lần không biết la cà bia ôm, không biết léng phéng liếc ngang nhìn dọc. Nhất cử nhất động đều thực hiện đúng câu danh ngôn: “*L vợ gần hơn má cha*” của tiền nhân. Mấy bạn thơ Quảng Nam nếu muốn xỉ vả, cần nhắc tôi, xin ngấm lại trước. Nhà thơ Phan Xuân Sinh của chúng ta không thể làm khác các ông anh lẫn bè bạn. Ông còn có vẻ lẫn hơn nữa khi trưng ngay đầu sách bài thơ viết tặng vợ của mình:

*“cảm ơn em, cảm ơn đời/ tình sau, nghĩa trước, một trời
bao dung/ giữa bấy nhiêu cái khôn cùng/ còn cho nhau chút thủy
chung giữ mình”.*

Cảm động, thậm thía hơn nữa anh còn “*Tạ Lỗi Với Vợ Hiền*” một cách thành kính:

“ Em tiếc gì không một đời con gái ?/ mười chín tuổi đời
quày quảy theo chồng/ ta thằng hư thân, sống đời bặt mạng/
cũng chẳng ra chi cái thứ cuồng ngồng.

*lỗi của ta thì ngập đầu ngập cổ/ bữa trước bữa sau, dối vợ
đợ con/ em cần răng, chịu đời khổ tận/ bao năm qua u uất trong
lòng.*

...
*thôi em ạ, đừng buồn lòng ta nữa/ chuyện vợ chồng ta tính
chuyện trăm năm/ có đâu nữ phải tính ngày tính bữa/ để rộng
đường ta sám hối ăn năn.*

*mỗi lần hôn em thấy mình sống lại/ em vẫn thơm, vẫn ngọt
như đường/ ta chết lạng, trách mình làm lỡ/ tạ lỗi em, em thiệt
dễ thương”*

Ở trên tôi có nêu ra hai câu tục ngữ với hình tượng cụ thể.
Xin được nói thêm, để khỏi rầy rà: những nhà thơ Quảng Nam
đương nhiên ai cũng biết trân trọng, thương mến cái vật cụ
thể của người nữ, nhưng những bài thơ viết cho vợ, hoặc thơ từ
vợ mà có, vốn xuất phát từ những tình cảm thương yêu chân tình
của đạo nghĩa vợ chồng, không vì một cái quý giá gì khác, đọc
đoạn thơ vừa trích của Phan Xuân Sinh là thấy ngay.

Năm 2000, bạn văn của Phan Xuân Sinh tổ chức cho anh
buổi ra mắt *Đứng Dưới Trời Đỏ Nát*. Nhà văn Song Thao và phu
nhân tạo cho tôi có cơ hội qua thăm trả lễ các bạn văn ở Boston,
nói chung, với nhà thơ Phan Xuân Sinh, nói riêng. Anh tài xế Tạ
Trung Sơn vốn rất ưa thích tốc độ, bên cạnh chị hướng dẫn viên
Diệu Hương giàu kinh nghiệm đường trường, tôi và cái
remorque của tôi đến ngay địa điểm ra mắt sách vừa đủ giờ thay
y phục, tham dự. Buổi ra mắt sách của Phan Xuân Sinh được tổ
chức đơn giản, gói ghém trong vòng thân hữu. Thật ra bạn văn
Boston muốn dành cho Phan Xuân Sinh một cuộc ra mắt đưa con
tinh thần riêng, đầu tay, tung búng hơn tại nhà hàng lớn, có ăn
uống, có phụ diễn văn nghệ. Nhưng anh không thích phô trương,
và quý cái dịp anh em văn nghệ gặp nhau là chính.

Chúng tôi rất bất ngờ trước sự thành công của đêm ra mắt
sách. Hội trường rộng lớn. Âm thanh ánh sáng hoàn hảo. Có phát
biểu, có ngâm thơ, có ca hát, tiết mục nào cũng sinh động vô
cùng. Nhất là số người tham dự đông đầy hội trường. Tôi được
dịp gặp, làm quen với những cây bút chưa bao giờ được hân

hạnh giao tiếp. Danh sách bạn văn có mặt trong đêm Phan Xuân Sinh *Đứng Dưới Trời Đổ Nát*, tôi kể dưới đây, chắc chắn thiếu sót, vì trí nhớ có hạn, mong lượng thứ: Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng và vợ nhà báo Trương Gia Vy, nhà thơ Quan Dương, nhà thơ Triều Hoa Đại và phu nhân, nhà thơ Hoàng Lộc, nhà văn Lâm Chương và phu nhân, nhà thơ Trần Trung Đạo, nhà thơ Sương Biên Thùy (Lê Mai Linh), nhà văn Phạm Ngũ Yên, nhà văn Nguyễn Vĩnh Long, nhà văn Hồ Đình Nghiêm (bạn từ Montréal), nhà thơ Đức Phổ, nhà thơ Tóc Dài (về sau ký tên Trịnh Thanh Thủy trên Talawas), nhà thơ Song Vinh và phu nhân, nhà văn Thu Thuyền cùng phu quân, nhà thơ Khải Minh, nhà văn Nhật Nguyễn cùng Hữu Việt, (nhà nhiếp ảnh tài tử), nhà văn Lương Thu Trung, nhà thơ Yên Sơn, nhà thơ Nguyễn Khánh Hòa, nhà văn Song Thao và phu nhân Diệu Hương, họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi (người trang trí, dẫn dắt chương trình và hát giúp vui), nhà thơ Du Mỹ...

Trong mọi diễn tiến của đêm ra mắt sách đều có ghi hình, chụp ảnh. Ngồi bên dưới, tôi cũng được đứng ké anh em qua nhiều người bấm máy. Vui vẻ quên cả mệt, cả đói. Tàn cuộc, anh chị Song Thao, tôi và Lý theo vợ chồng Triều Hoa Đại về tư gia nhà thơ Du Mỹ ngủ qua đêm. Đêm ngủ tại nhà anh chị Mỹ có cả Hồ Đình Nghiêm, Hoàng Lộc. Tuy vẫn chập chờn sáng nhưng không bơ phờ. Anh chị Triều Hoa Đại quen biết tôi đã lâu, nhưng gần 40 năm mới gặp lại. Cả hai anh chị đều nhiệt tình quý bạn. Căn nhà của anh chị Mỹ tạm thời được trưng dụng, chị Triều Hoa Đại trở tài làm điếm tâm. Hoàng Lộc bông đùa luôn miệng. Đây cũng là lần đầu tiên tôi biết nhà thơ tình này có khả năng trào lộng và ăn nói rất có duyên. Sau điếm tâm, chúng tôi đi gặp lại các bạn đã chia nhau ngủ tại nhà Phan Xuân Sinh, Trần Trung Đạo. Không còn nhớ tên quán cà phê chúng tôi chọn để bắt tay già từ. Quán đông, tôi và Song Thao được nhà thơ Lê Mai Linh ký tặng một tác phẩm mới của anh. Cũng tại quán này, tôi mới có dịp chụp chung với ông trang chủ Quán Cây Me Trần Trung Đạo một tấm ảnh. Trước khi trở về Montréal, chúng tôi ghé thăm tề xá của nhà văn Lâm Chương. Nhà văn giàu vì rượu sang vì sách chỉ có nước lọc đãi bạn. Thân thiết như những câu bông đùa. Nặng tạt vào một ô cửa, nhắc chúng tôi khởi hành. Xe Song Thao trên chuyến về có thêm nhà văn Hồ Đình Nghiêm, chạt hơn một chút nhưng vui thêm rất nhiều. Đồi nếu cứ có mãi

những cuộc rong chơi như thế này, thú biết bao nhiêu. Tôi bấm vào bàn tay vợ tôi một cái rỗ đau, không biết để làm gì. Tín hiệu hẹn hò cho đêm sắp đến chẳng. Vừa thiếu mất một đêm tôi không có hơi vợ !



Giao tình giữa tôi và Phan Xuân Sinh có phần thân thiết hơn. Thấy bước đi của tôi không được nghiêm chỉnh, anh điện thoại hỏi thăm về cái chân giả. Tôi tình thật cho anh biết. Với chỉ một cái chân bằng gỗ, sử dụng ròng rã suốt trên 30 mươi năm không thay đổi, làm sao có thể giữ bước đi vững vàng. Sinh hỏi sao không thay chân mới ? Đây cũng là thắc mắc của nhiều người. Với quan niệm: Mỹ, Canada là những nước giàu có, tân tiến, kỹ thuật chân tay giả hẳn siêu đẳng và thuận tiện. Siêu đẳng thì có thể có nhưng thuận tiện cho người bị nạn thì hình như không. Nhiều người còn lầm tưởng với qui chế y tế tuyệt vời của Canada, người bị tàn phế sẽ được chăm lo đầy đủ miễn phí. Điều này thực hư ra sao không rõ. Trong trường hợp tôi, một anh Điền gốc Mít, muốn làm một cái chân giả từ đầu gối trở xuống phải bỏ ra bảy ngàn Gia kim (thời giá của năm 1999). Mua một chiếc vớ còn phải tính tiền khá cao hơn vớ thường nữa là. Chính vì thế bàn chân gỗ của tôi cho đến nay vẫn mang tên “Vũ Như Cẩn”.

Còn nhớ có lần bạn thơ Phạm Nhuận đề nghị chi tiền cho tôi làm chân, nhưng không muốn nợ ơn nghĩa ai, tôi từ chối anh. Lần này Phan Xuân Sinh không đề nghị bảo trợ tài chánh nhưng cả hai anh chị đều tự nguyện, tích cực trong việc tìm tòi các cơ quan miễn phí hay giá nhẹ giúp tôi. Cuối cùng sự thật vẫn là sự thật. Đâu có cơ quan, tổ chức nào có bổn phận giúp đỡ này. Tuy không có kết quả nhưng dĩ nhiên tôi vô cùng biết ơn và ghi nhận nhiệt tình của vợ chồng người bạn cùng cảnh ngộ: *“Hai người cộng đủ hai chân/ trái thơ dán cái phong trần dãi nhau/ còn mua còn nấng đội đầu/ chân tình còn đỡ gốc sâu trở thơ”* (LH)

Tại Montréal, có một bạn trẻ sinh văn chương, làm thơ viết văn, mới hơn cả những bạn Tân Hình Thức. Ngoài tài năng này, anh còn có một tấm lòng quý bạn rất đáng ngưỡng mộ. Đó là Khải Minh, có vợ dân Quảng Nam. Tổ ấm của hai vợ chồng một con của Khải Minh thường là căn cứ cho các bạn văn phương xa, nhất là Boston, khi ghé đến Montréal. Rất nhiều cuộc rượu ở đây, có đủ mặt già trẻ trong giới chữ nghĩa, từ giáo sư Nguyễn Văn Trung, giáo sư Lê Hữu Mục đến các ông bà Nhìn Cây Thấy Rừng, Tác Giả Với Chúng Ta... Dĩ nhiên đám Phan Xuân Sinh, Lâm Chương, Lương Thu Trung vẫn ghé đây thường. Và mỗi lần các bạn đến, chúng tôi được mời ngồi vào ghế phái đoàn đón tiếp. Tình bè bạn giữa Montréal, Boston cứ thế tăng dần hương vị.

Phan Xuân Sinh có thêm một tác phẩm mới. Lần này không là thơ mà văn xuôi, Tác phẩm *Bơi Trên Dòng Nước Ngược*, cũng được tổ chức ra mắt thành công như lần trước, chỉ tiếc, Song Thao không chịu làm bác tài nữa, tôi mất cơ hội tham dự, để kể lể tỉ mỉ hơn. Chúng tôi vẫn thỉnh thoảng liên lạc với nhau qua điện thư. Một đôi lần Phan Xuân Sinh gọi thăm. Tôi tiếp tục cáo lỗi vì sự vắng mặt trong nhiều cuộc sinh hoạt văn học nghệ thuật của anh em Boston. Nhưng những người bạn sống trên vùng đất văn hóa này thật có lòng. Trong *Luân Hoán Một Đời Thơ*, tôi có đến 4 tay bút xuất sắc ở đây góp bài. Một phần lưu giữ kỷ niệm, một phần tạ ơn, tôi viết tặng nhanh mỗi người ít câu thơ. Chỉ là thơ thù tạc, nhưng không mặc áo thụng. Với Phan Xuân Sinh, nét vẽ của tôi:

*“Vừa chạm đời bình nghiệp
đã rụng mất một chân*

*Đứng Giữa Trời Đổ Nát
lòng thơ có băng khuâng ?
thôi thì đi bán rượu
cùng em làm hiền nhân
dẫu là chân thi sĩ
yêu em tạm cù lần”*

Năm 2005, Nhà thơ Triều Hoa Đại cho phát hành tác phẩm *Lên Rừng Đếm Lá*. Đây là một cuốn sách tập hợp những bài anh phỏng vấn cùng những bài trả lời của 17 cây bút tại hải ngoại (Hoàng Nga, Hoàng Thị Bích Ti, Hồ Minh Dũng, Lâm Chương, Lê Minh Hà, Luân Hoán, Miêng, Nguyễn Chí Thiệp, Nguyễn Trọng Khôi, Nguyễn Trung Hối, Nguyễn Xuân Thiệp, Phan Ni Tấn, Phan Xuân Sinh, Song Hồ, Trần Doãn Nho, Trần Nghi Hoàng, Trúc Chi), Triều Hoa Đại có mấy chục câu hỏi dành cho Phan Xuân Sinh, tôi xin chọn một:

*“Đứng Dưới Trời Đổ Nát là một tập thơ ông đã cho trình làng cách nay có lẽ trên bốn năm rồi, và mới đây ông lại gửi thêm đến người đọc tập truyện *Bơi Trên Dòng Nước Ngược*. Thế thì giữa Thơ và Văn ông đứng ở chỗ nào ?”*

Câu trả lời của Phan Xuân Sinh:

“ Ở ngoài đời tôi cũng hay đứng “chàng hăng”, nên trong thơ văn , tôi cũng đứng như vậy cho vững. Đùa với anh cho vui, chứ tôi cũng chẳng biết tôi thế nào mà trả lời đây. Chuyện thơ văn của tôi nó ồm ờ quá, viết cho vui vậy. Anh cũng biết rằng tôi rất bận, lúc nào rảnh công việc, tôi phải sống cho riêng mình một chút xíu. Vào computer hứng chí thì làm năm ba câu thơ, hay viết vài đoạn văn chơi thôi ấy mà. Ở Mỹ mà để đầu óc thành thơ thì hư ngay. Chuyện làm thơ viết văn theo quan niệm của tôi, nó như một sân chơi, thích thì ta ra sân, mệt thì ta bước vào nghỉ ngơi. Thế nhưng cuộc chơi này suốt đời ta gắn liền với nó, không bỏ được. Đọc của tôi để tìm một ý tưởng cao siêu hay văn chương lưu loát thì không có. Đúng hơn tôi chỉ có khả năng làm một người kể chuyện cho những độc giả dễ tính, tho thê chuyện trò với nhau nghe chơi. Còn những người thâm trầm đi sâu vào trí tuệ, vào đường hướng văn chương nặng phần triết lý sâu xa, thì tác phẩm của tôi không có khả năng đó. Xin quý độc giả khó tính lượng tình tha thứ”.

Phan Xuân Sinh đã rất thành thật, và chính xác trong câu trả lời của mình. Nhưng để có cái nhìn khái quát về tài viết tạp văn của Phan Xuân Sinh, xin đọc một đoạn trong lời tựa do nhà văn Lương Thu Trung viết:

“...Độc thơ ông tôi trân quý tấm lòng hào sảng bao nhiêu, đọc văn ông tôi càng quý trọng tâm hồn của ông bấy nhiêu. Cái đức khiêm cung và độ lượng từ những lời văn bình dị mà trong lành, bút pháp không trau chuốt mà hấp dẫn, chữ nghĩa không cầu kỳ mà vẫn làm mới được những trang đời...”

(Lương Thu Trung, Boston ngày 14-5-2004)

Vẫn mẫu bìa của họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi, kèm theo chân dung tác giả của Nguyễn Quốc Tuấn, nhà Sông Thu của Thái Tú Hạp đứng tên xuất bản, cuốn sách dày 210 trang này là quà tặng tôi nhận được trong tháng 8 -2004. Cảm ơn người bạn văn có lòng. Cảm ơn người đồng hương đã biết tôi từ thập niên 60 qua những bài thơ, qua phòng 1A Tổng Y Viện Duy Tân Đà Nẵng. Cảm ơn người cùng cảnh ngộ, có thể một đôi lúc cùng được nhức nhối thịt da trong một thời điểm đổi thay của thời tiết. Hôm nay, mừng một Tết Đinh Hợi, đội quân *Grippe* đang lần phần thắng trên thân thể tôi, cả bọn *Douleur* cũng về hòa nữa. Nhưng tôi chấp hết, vừa gõ vừa hỉ mũi, vừa gõ vừa xoa chân. Còn bạn, còn Chu Tân... gắng mà bắt chước ngài Lý Bạch nhé:

“Xử thế nhược đại mộng/ hồ vi lao kỳ sinh/ sở dĩ chung nhật tụy/ đời nhiên ngọa tiền doanh...” (đời vốn là mộng lớn/ làm chi mệt cái thân./ Suốt ngày ngâm ngấm rượu/ chông gọng ngủ, hiên, trần..LH tạm dịch.)

Ăn Tết ngon nhé, bạn hiền!



Lâm Chương, lỗi tại con chim

Thời ở KBC 4100 (khu bưu chính), nhà văn Lâm Chương làm thơ. Nhưng tôi không đọc được nhiều thơ anh trên nguyệt san Bộ Binh. Hình như Lâm Chương chỉ làm thơ cầm chừng, theo nhu cầu đổi ngày ra phép cuối tuần. Lâm Chương cũng rất ít khi xuất hiện ở văn phòng tâm lý chiến của quân trường. Tôi giống anh ở điểm này, dù “hữu danh” trong ban biên tập. Trong năm ba lần vui chân, tôi và anh không hẹn, đã cùng tạt vào chỗ ngồi của mấy anh lính làm báo, và chúng tôi có dịp thấy nhau, bắt tay nhau.



Lâm Chương dong dong, trên một thước bẩy, có da thịt vừa đủ của một thanh niên khoẻ mạnh. Khuôn mặt đủ làm mục tiêu cho các em “bò lạc”. Lâm Chương ít nói và cũng không mấy khi cười. Có thể vì giao thiệp với anh ít quá, tôi không có cơ hội bắt gặp đôi môi anh làm việc chăng. Môi, miệng có nhiều công tác, chức năng lắm, nhưng cái tôi đề cập ở đây là sự truyền phát âm thanh.

Trong suốt chín tháng quân trường, tôi gặp Lâm Chương nhiều lắm vài ba lần. Tình huynh đệ chi binh rất lỏng lẻo. Nhưng thơ của anh lại giữ trong tôi một ấn tượng rất tốt. Ngày nay tôi và chắc cả anh cũng không thể nhớ ra những bài thơ một thời bộ binh của anh. Dù vậy, tôi cũng có thể nói chắc, chúng (những bài thơ) không thuần túy là những bài thơ tình yêu, cũng không phải là những bài ngợi ca quê hương, hay những bài suy tư về thân phận, cuộc chiến. Trong những bài, hình như chỉ gói ghém trong chừng mười bốn đến mười tám câu, mọi nội dung trên đều có, và được pha trộn một cách khéo léo. Sức thu hút của thơ Lâm Chương thời Bộ Binh còn nằm trong phong thái diễn đạt thường được cho là hào sảng, phóng khoáng. Chính điều này đã giúp tôi nhớ nhà thơ Lâm Chương, quý nhà thơ Lâm Chương dù không

nhớ một câu, một chữ nào anh đã viết. Nghe thật vớ vẩn, nhưng lại thật “trăm phần trăm!”.

Lâm Chương là tên thật, đến với cuộc sống từ năm 1942, nhưng trước bạ khai sinh ghi ngày 28 tháng 10 năm 1945. Gò Dầu Hạ tỉnh Tây Ninh là đất anh chào đời. Mồ côi mẹ sớm, thân phụ mang về cho anh một người dì ghê như cái “bánh đúc không xương”. Thời tiểu học, Lâm Chương học giỏi, nhưng không chăm học lắm, thường bỏ lớp, la cà theo tiếng chim, tiếng dế, tiếng ếch nhái ve vãn nhau. Vạt ruộng xanh, gốc cây lớn cũng thường rủ rê Lâm Chương tiêu phí hàng giờ, ngồi hóng gió, nhìn mây. Hương thơm rom rạ, màu sắc cỏ hoa cũng níu kéo anh ngày này qua ngày khác. Anh trải tuổi thơ lên mỗi vương đường làng, lên cả những cuốn sách phiêu lưu mạo hiểm. Xong tiểu học, Lâm Chương thực hiện được giấc mộng ra khỏi cổng làng của mình. Anh được cho ra tỉnh ở trọ ăn học. Thân phụ anh không thiếu bốn phần làm cha. Không có gì thú vị hơn được đi xa trọ học. Nhất là thời “nhất qui, nhì ma...” chỉ còn quây lặt ở khúc đuôi. Tôi từng có chút phần thưởng này thời học Trần Cao Vân Tam Kỳ, và những tháng ngày ở khu Hồ Tịnh Tâm Huế.

Tình thương của người đàn ông nông thôn vốn khép kín, vụng về, đôi khi cục mịch. Lâm Chương không phải không nhìn ra tâm lòng của cha mình. Nhưng anh có chút ít bướng bỉnh, ít nhiều tinh thần tự lập, cộng thêm hoàn cảnh eo hẹp tình thương nhưng giàu mơ mộng, cuối cùng đã đẩy anh ra khỏi cánh cửa gia đình, năm lên mười sáu. Thoạt đầu Lâm Chương lên Sài Gòn, sống lẩn quẩn ở chợ Bến Thành và Ga xe lửa. Thành phố chật tiếng người, tiếng sinh hoạt chợt làm anh sợ. Sau vài đêm ngủ lén ở chái hiên, sạp hàng, Lâm Chương nhớ đến những cảnh sắc thanh lịch, những con người dịu dàng từng được nghe, được đọc về một cố đô tuyệt vời, Lâm Chương quyết định nhảy lên tàu hỏa ra xứ Huế. Bốn trăm bạc, tiền trọ học một tháng, ba anh gián tiếp cho lần cuối cùng, trước khi anh ra khỏi nhà đã voi đi ít nhiều nhưng anh không ngại vẫn khéo léo nhảy lên tàu. Lộ trình với vợ xa với bao nhiêu sân ga sẽ đến, Lâm Chương không để gì đến được cái đích trong mộng ước khi trong tay không có vé tàu. Người soát vé dù có chút tử tế cũng đã buộc anh phải xuống Nha Trang.

Đất trời thành phố biển chào đón gã giang hồ vị thành niên bằng một cơn mưa phùn li lợm, rả rích mãi quên thôi. Lâm Chương tạm nhét nỗi lo buồn mảnh khảnh vào bọc áo quần, anh lượm được một tấm nilon đủ rộng choàng lên người, bắt đầu đi trông những kỷ niệm. Tiếng gọi của biển dường như vang ngay trong lòng anh. Hàng quán, hiệu buôn, nhà ở cả đến con người hình như cũng trầm lặng. Tất cả từ từ lùi lại sau lưng Lâm Chương, Nha Trang đái anh bữa ăn sáng bằng sự bao la cuồng động của biển cả. Mưa vẫn nhẹ nhàng như thoa trên vai, trên lưng. Xúc động trước chào đón của thiên nhiên, Lâm Chương trao ra những giọt nước mắt cất đã lâu của mình.

Ngày theo ngày tiếp nhau, bao nhiêu chỗ ngã lưng đã tình cờ đến với Lâm Chương. Sân đình, lòng chợ, chòi gác, bãi tha ma... từng địa điểm vô danh của Nha Trang lần lượt được hấp âm dưới thân thể hao hụt thịt máu của Lâm Chương. Nhưng anh thật hạnh phúc, đã gặp được rất nhiều người còn một tấm lòng. Sự đùm bọc, thương mến của gia đình một người Huế, của một người tài xế xe chở đá, của một bà Ba mộ đạo Phật, của một Kỹ sư Kiều lộ làm Trưởng ty Hỏa Xa, của một vị sư và nhiều nữa. Họ đã thay nhau hóa giải những khó khăn cho anh một cách kịp thời. Lâm Chương cũng hưởng được tình gia đình từ những người em gái anh có nhiệm vụ dạy kèm. Hơn thế nữa, chưa có được mảnh bằng trung học phổ thông, anh đã có một cuộc tình, một người yêu thánh thiện. Và khi chưa nắm trong tay cái tú tài, anh đã hưởng được lạc thú của tình dục một cách no đủ trong sự yêu thương chân tình. Trong đoạn đời xa cách người cha già, Lâm Chương đã từng bước trưởng thành qua khá nhiều nghề lao động vất vả. Không có đứa con hư lưu lạc nào không canh cánh bên lòng sự trở về. Cơ hội đến với Lâm Chương từ một tai nạn nghề nghiệp của thân phụ anh.

Đã có chuyến giang hồ thứ nhất, không dễ bỏ những cuộc đi tiếp theo. Lâm Chương vào Nam sống trong khu lao động. Chẳng đời quan trọng của một thanh niên trong thời chiến không đời cũng đến. Lâm Chương gia nhập vào đại gia đình quân đội Việt Nam Cộng Hòa, qua cánh cửa trường Bộ Binh Thủ Đức, khóa 24. Sau đó anh về đơn vị Biệt Động Quân. Chẳng đời binh nghiệp của Lâm Chương không ngắn. Anh khôn khéo hay may mắn từ chối những chiến thương bội tinh, chỉ chọn vài chiếc anh

dũng bội tinh cất vào ba lô. Trong một bài nhắc nhớ kỷ niệm thời Thủ Đức, Lâm Chương “Tán Ngẫu Về Một Người Làm Thơ”:

“...Mười năm lãn lóc chiến trường, đạn không bén đến da tôi. Có thể tôi gặp thằng xạ thủ bắn tôi, cũng có thể tôi né đạn giỏi. Nhiều người bảo phần số tôi may mắn. Tôi bảo không phải vậy, và đọc thơ Nguyễn Du: ‘xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều’. Bởi không làm thi sĩ nên khi qua những làng mạc, tôi biết đề phòng du kích bắn sẻ. Bởi không làm thi sĩ nên khi vào những khu rừng hắc ám, tôi biết đặt mình trong tư thế sẵn sàng nổ súng vào bất cứ con gì nhúc nhích trước mặt (bắn chậm thì chết)

... Tóm lại, bởi không làm thi sĩ nên khi đi giữa làn tên mũi đạn, tôi không hề mơ mộng viễn vông...”

(LH Một Đồi Thơ)

Thật ra, Lâm Chương vẫn giữ con người thi sĩ của anh, nhưng biết đặt nặng vai trò chiến sĩ anh đang mang ngoài mặt trận lên trên trò chơi chữ nghĩa. Lâm Chương biết đề cao cảnh giác tối đa cho anh và cho đồng đội, cộng thêm sự may mắn không thể phủ nhận. “Đạn tránh người, người không tránh đạn” gần như một qui luật. Mừng cho Lâm Chương giữ được lành lặn để có mười năm tiếp theo ăn cơm tù, phá rừng trồng khoai, trồng sắn, có cơ hội mục kích tận mắt nhiều chuyện ngoài tưởng tượng xảy ra “trên cuộc đời ô trọc”. Không được “cải tạo”, Lâm Chương đâu có cơ hội để biết hành động “giải quyết cấp thời” của một cán binh (mời tìm đọc Đoạn Đường Hốt Tất Liệt) và nhiều chuyện động trời khác. Thời gian nào trong cuộc sống cũng có cái quý giá riêng của nó. Không có những vốn sống trong giai đoạn si nhục này chắc chắn những sáng tác Lâm Chương không là những tác phẩm giàu tình người anh đã tặng chúng ta. Cụ thể nhất, nếu không mất vùng đất tự do, chúng ta rất ít người bị lưu vong hoặc được lưu vong đến những vùng đất mới. Đây là một sự thật không nên vì tự ái, thể diện mà phủ nhận. Đảng hoàng xác nhận, cũng không có nghĩa chúng ta mang ơn những người tạo ra những cuộc vượt thoát đã phải đổi nhiều mạng sống. Dù có bị cấm đoán không cho bước lại trên vạt đất đầu đời của mình, của cha ông ông mình, chúng ta vẫn không hề, chưa hề mất quê hương. Tổ quốc vẫn ở trong từng hơi thở của mỗi người. Muốn gặp lại, muốn thấy lại, thật đơn giản, hãy chịu khó tĩnh lặng tưởng tượng, có một vài phút nhắm mắt càng tốt

hơn. Cảnh vật thật rõ ràng, linh động. Tiếng người, tiếng vật, tiếng cỏ lá đều linh hiển hiện ra. Hãy thử dành một phút thành tâm hồi tưởng. Đừng vội nóng vãng tục. Xin lỗi về sự cao hứng bất ngờ của tôi.

Con dân miền Nam liêu mạng sống chạy trốn một chế độ chính trị là một điều có thật, cả thể giới cảm thông, chào đón. Không ai nghĩ đến việc com áo khi hốt hải ra đi. Nhưng những chuyên vượt biên, vượt biên không dễ gì tiếp tục mãi. Những chương trình ra đi khỏi nước khác được thực hiện. Sau chương trình Ra Đi Có Trật Tự (ODP) một thời gian, chương trình Định Cư Nhân Đạo (H.O) dành cho những sĩ quan, viên chức bị cải tạo trên ba năm và những người phối ngẫu cải tạo viên chết trong tù hoặc mệnh chung sau khi ra tù một năm trở lại. Lâm Chương, sĩ quan Biệt Động Quân hội đủ điều kiện để trở thành một ông H.O. Nhưng anh không chờ được. Anh và gia đình vượt biên và may mắn đến Hoa Kỳ năm 1987. Hiện nay gia đình Lâm Chương định cư tại thành phố Boston, Hoa Kỳ.

Lâm Chương bắt đầu làm thơ nhiều từ những năm trung học tại Nha Trang. Cái vạt đất nông nàn gió biển này sinh sản, qui tụ khá nhiều người sinh hoạt văn học nghệ thuật: Quách Tấn, Trịnh Cung, Nguyễn Xuân Hoàng, Từ Thế Mộng... Tại đây, Lâm Chương được giao du, kết thân với những *“người học trò làm thơ in thành sách, như Thanh Nhung và Cao Hoàn Nhân với Tiếng Thơ Miền Trung, Sương Biên Thùy (là Lê Mai Linh bây giờ) với Nỗi Buồn Nhược Tiểu, Sao Trên Rừng (là Nguyễn Đức Sơn bây giờ) có bài đăng trên Sáng Tạo...”* (LRĐL). Anh cũng được tiếp xúc với thi sĩ Quách Tấn và có cơ hội nhìn thấy vết sẹo *“tròn to bằng đồng xu”* ở phía trái thái dương tác giả Đêm Thu Nghe Quạ Kêu. Lâm Chương được nghe kể: thi sĩ Hàn Mặc Tử bị dị ứng với vết sẹo này, nên mỗi lần gặp nhau, nhà thơ mệnh yếu thường yêu cầu bạn mình ngồi ở vị thế thích hợp, tránh cho ông khỏi nhìn thấy. Đây cũng là một chi tiết đặc biệt trong văn học.

Tuy có máu thi phú trong người, Lâm Chương vẫn khiêm nhường trả lời Triều Hoa Đại: *“...Và tôi bắt chước làm thơ. Những bài thơ đầu tiên đọc nghe rất ‘thê thảm’, chẳng báo nào chịu đăng, kể cả bích báo nhà trường cũng ché...”*. Nhưng rồi

trên tạp chí Văn tại Sài Gòn đã “đi” một bài thơ tán gái của anh trong một số Xuân dày cộm.

Thế nào là thơ tán gái ? Với tính cách hàn lâm và đạo đức, những nhà nghiên cứu, phê bình thi ca, cùng một số nhà thơ cho rằng những sáng tác có hơi hướm lãng lợ, mơn trớn đều nên liệt vào mục thơ huê tình. Giải thích hai chữ huê tình một cách cụ thể hơn, được giới trẻ cho là thơ tán gái, dù chưa chắc loại thơ này có đủ những ướt át. Trong vài dịp có cơ hội bày tỏ, tôi vẫn tự nhận thơ mình là thơ tán gái, bởi thực tế như vậy. Thơ tán gái đích thực là thơ tình và ngược lại. Làm thơ tỏ tình với một người, không có nghĩa là không tỏ tình với nhiều người đọc. Tỏ tình có khoảng cách bao xa với tán tỉnh, ve vãn, chiêu dụ, níu kéo ? Tính cách bác học và bình dân trong từng bài thơ là có thật. Nhưng mục đích, tôi nghĩ vẫn không khác nhau. Anh chàng Hàn Mặc Tử, anh chàng Xuân Diệu, anh chàng Nguyễn Bính, anh chàng Nguyễn Sa, anh chàng Du Tử Lê vân vân và vân vân...không có nhu cầu tán gái chẳng ? Thật ra đều như nhau, chỉ khác nhau ở tài nghệ, chiêu thức. Như vậy, Lâm Chương, tôi hay bất cứ bạn nào khác xài chữ “Thơ Tán Gái” không có nghĩa hạ thấp giá trị nghệ thuật của thơ. Giá trị nghệ thuật nằm trong nội dung tác phẩm. Thử đọc một bài thơ Lâm Chương:

*“ Em đâu phải Kiều nương/ mà nói chuyện bán trinh làm
đĩ/ mười lăm năm nhẵn mặt giang hồ/ trai tử chiến đêch thẳng
nào rở được/ bọn trọc phú hợm mình tương bở/ quăng một đêm
qua cửa sổ ngàn vàng/ chưa níu được lai quân chéo áo/ đám ong
bướm si tình ngậy đại/ con thiêu thân bi lụy ngọn đèn/ những
anh chàng công tử ruồi bu/ cũng ngập nghề trao lời ái mộ*

*em đâu phải cành vàng lá ngọc/ còn niêm phong kín cổng
cao tường/ chuyện trăng gió mù sương là tả / bông hoa em đâu
dễ lụy vì tình/ ta phát phơ đi giữa cõi người/ chẳng biết làm gì
ngoài chuyện làm thơ/ dẫu không thành thi sĩ /cũng được tiếng
văn chương/ ba mươi năm mài miết/ thơ chùa đăng báo chợ/ túi
rỗng không đời cũng nhẹ tênh/ cánh hạc vàng muốn tếch lên
mây/ đời ô trọc giữ chân người ở lại/ buổi gặp em đầu tiên ta
choáng váng/ chuyện tình cờ mà khôn đốn trăm năm*

*ai chiếu hoa trái đường dưới gót em đi/ ai lót tay em
nhung gắm lụa là/ ta chỉ có bài thơ/ rút ra từ xương tủy/ cuộc*

*trầm luân mấy ai ngờ được/ chón bông lai xa quá là xa/ ta và em
dắt tay vào địa ngục”*

(Lâm Chương - Dắt Tay Vào Địa Ngục)

Lột trần một chút thân phận của đối tượng, của cả chính mình, để đi đến một mục đích có tính cách rủ rê “vào địa ngục” Đây quả một bài thơ tán gái xuất sắc. Người đẹp của thi sĩ không bình thường. Thi sĩ không tầm thường. Nên chuyện tỏ tình cũng rất độc đáo khác lạ. Mời đọc thêm vài bài thơ tình khác của Lâm Chương:

*“Em hẹn tôi về thăm quê cũ/ sau mấy năm lầy lắt xư
người/ tôi cũng muốn (một lần thôi cũng đủ)/ về gặp em nhắc lại
chuyện lâu rồi.*

*Chuyện lâu rồi mà như mới hôm qua/ tôi còn nhớ bàn tay
em run nhẹ/ trong tay tôi lạnh buốt. Không ngờ/ em lí nhí nói
câu gì rất nhỏ/ như nói thầm với cái rét se da/ của một chiều
cuối đông năm ấy.*

*Rồi tôi đi. Sáu năm trời chưa trở lại/ dòng sông xưa vẫn
chảy trong hồn/ bông mĩa trắng cả một vùng thương nhớ/ gió
nồm Nam thổi suốt dọc quê mình/ nhà em ở cheo leo cuối xóm/
hàng rào thưa cây trái rợp sau vườn/ che bóng mát cho em ngày
nắng.*

*Tôi ở đây những mùa đông trắng/ lấy gì che đời vắng em
xa/ em đâu biết bao lần tôi muốn hỏi/ ngày chia tay em nói nhỏ
câu gì/ trong cái rét một chiều đông năm ấy?”*

(Câu Gì Em Nói Nhỏ)

*“Trời hay mưa miền tôi ướt sũng/ lá đằm đìa rơi rụng giọt
châu/ em qua tôi để dấu son đầu/ môi trái đỏ, tuổi em vừa chín*

*Nước châu thổ mang lòng dâu biển/ về bình nguyên cô
giáo sang sông/ bỏ tình tôi chết đuối giữa dòng/ nên mưa đổ làm
tôi ướt mặt*

*Từ em xa. Mưa. Trời suốt tưới/ miền tôi nhòa theo nước
mưa tuôn/ ú ề cây lá ngậm buồn/ tình đi. đời lẻ. Mưa luôn nhớ
tình”.*

(Mưa Miền Tôi)

*“Tình ơi, về lại tháng ba/ ghé thăm một chút cho ta đỡ
buồn/ lục trong ngăn kéo, thổi son/ tình đi ngày ấy hãy còn bỏ
quên/ biết ta vẫn giữ tình riêng/ tình cho về trọ một đêm với tình/
gừng cay muối mặn làm tin/ gương chung soi bóng ta mình có
đôi/ dấu mai đất lở sông bồi/ tình đi tình ở, thì thôi cũng đành/*

*lửa rom nếu lạnh tro tàn/ tình ơi nhớ nhé, mỗi lần điểm trang/
cái đầu dao cắt đầu bằng/ trăm năm nát đá phai vàng, đau hơn”*
(Tình Oì)

Làm thơ hay vậy, nhưng nếu có cơ hội, hình như Lâm Chương luôn luôn phàn nàn về cái tài làm thơ của mình:

*“... Tôi cũng có một thời mon men muốn ngồi vào chiếc
chiếu dành cho các nhà thơ. Hằng đêm mất ngủ, bóp trán làm
thơ. Có lúc gần đạt được danh hiệu thi sĩ, nhưng cuối cùng đành
bỏ cuộc. Làm thơ thật vô cùng vất vả, phải kiên trì mới được bài
thơ cho ra hồn. Tôi vốn ù lì cục mịch, thiếu tính kiên nhẫn, lại
không có năng khiếu đặc biệt về thơ, thì làm sao có thể ngồi
chung chiếu với những bậc thầy của chữ nghĩa mà tác phẩm của
họ là tinh túy của ngôn ngữ ?...”*

(Lâm Chương – LH-Một Đồi Thơ)

Lâm Chương có là thi sĩ, có là nhà thơ hay không, anh không thể tự phong. Những người thật sự có năng khiếu và thành danh trong một bộ môn nghệ thuật, hình như không mấy ai tự xưng này nọ. Bạn đọc sẽ nhìn thấy và gọi đúng danh. Lâm Chương đã cho trước bạ với làng văn một tập thơ. Thi phẩm Loài Cây Nhớ Gió được phát hành năm 1971. Trước đây tôi không được đọc thi phẩm này, ngày nay, tại hải ngoại khó tìm ra, và cũng không chắc cha đẻ của nó còn lưu giữ. Dù chưa đọc bài nào, nhưng qua tên sách, cũng có thể tạm hình dung ra những phiêu bổng, lãng mạn của những dòng thơ một thời đã giúp Lâm Chương thành danh.

Sau khi có mặt tại hải ngoại Lâm Chương có tiếp tục làm thơ không ?. Tôi biết chắc là có. Trong một lần ghé thăm nhà văn Trần Hoài Thư, người bạn cùng khóa 24 Thủ Đức, anh cho biết Lâm Chương đã đến Hoa Kỳ. Chưa kịp gọi thăm, tôi đã bắt gặp một bài thơ của Lâm Chương trên một tạp chí, hình như là Làng Văn. Bài thơ có tên *Điện Bích*, tôi rất thích. Tuy không còn nhớ câu nào nhưng nội dung diễn đạt tâm sự của một người thất thời, ngày ngày ngồi không, để tâm, dán mắt vào bức vách vô tri trước mặt. Mộng tưởng, chí khí, ngay cả những vật lộn áo cơm cần thiết cũng cùng đường . Cái Điện Bích của Lâm Chương trong những ngày tháng đầu nơi xứ người, không khác gì tâm trạng của những người cùng cảnh ngộ, trong đó có tôi. Nên bài

thơ của anh gây cho tôi một một xúc động đậm đà. Thích bài thơ, sau này, nhiều lần tôi hỏi xin anh cho đọc lại. Nhưng Lâm Chương bảo đã bỏ thất lạc. Điều này cho thấy, quả thật Lâm Chương đã có phần lơ là với thơ. Nguyên nhân của sự xao lãng này ra sao không rõ. Nhưng bạn đọc mừng thấy Lâm Chương trở lại với những trang văn xuôi, vốn anh đã thử tài từ những năm rời Nha Trang về Sài Gòn. Giai đoạn đầu với thể loại truyện ngắn, Lâm Chương kể:

“... Những năm về Sài Gòn, tôi tập viết văn xuôi. Ông Mai Thảo đăng trên Nghệ Thuật, trong mục ‘ Những Người Viết Mới ’ . Tôi mắc cỡ, không gửi cho Nghệ Thuật nữa. Tôi gửi bài cho báo khác, chẳng thấy đăng. Nghe thuật lại rằng, có một nhà văn lớn (đã mất rồi) đọc bài bản thảo của tôi, lần nào cũng kêu lên: ‘Thằng Phá Hoại. Thằng Phá Hoại’ và ném vào sọt rác. Từ ấy, tôi không viết văn xuôi. Sau này, nghĩ thương ông Mai Thảo. Ông cho ‘Thằng Phá Hoại’ vào mục ‘ Những Người Viết Mới ’ là nâng đỡ lắm rồi”

(Lên Rừng Đếm Lá - Triều Hoa Đại)

Lâm Chương đã nói thật tình. Thời mới viết đại đa số chúng tôi, tuy còn non yếu nhưng ai cũng ngại khi có bài trong mục “Những Người Viết Mới” hay “Trang Dành Riêng Cho Các Cây Bút Trẻ”. Những anh chị văn nghệ tinh lẻ chúng tôi non choẹt nhưng ai cũng muốn làm “mầm già” trong văn nghệ. Không ít người vướng mắc trong những trang này, nên đã có sự thay đổi liên tục nhiều bút hiệu. Đó là chưa kể hình thức bề ngoài với râu tóc khác đời, bia rượu, thuốc lá cứ y như là văn nhân, thi sĩ hạng cừ.

Về sự nghiệp viết văn của mình, Lâm Chương kể tiếp, đã có lần anh viết xong bài văn xuôi, nhờ ông thầy dạy Việt văn đọc và cho ý kiến. Cuộc đối thoại giữa hai thầy trò:

“Thầy nói:

- Văn em là văn bữa củi.*
 - Sao gọi là văn bữa củi ?*
 - Hành văn nhát gừng, lổn ngổn những đá sạn thô nhám.*
- Loại văn này chỉ thích hợp cho đề tài chửi lộn, hoặc đòi nợ.*
- Em chưa hiểu ý thầy.*
 - Nói đến thế mà vẫn chưa hiểu. Em không phải là người của văn chương...*

Nhận xét của thầy làm tôi thất vọng.

- *Xin thầy chỉ dẫn cho em*

Thầy cười: ‘Học hành, lấy vợ, đẻ con’ ”

Ngày nay, chắc chắn ông thầy của Lâm Chương không còn giữ được nhận xét của mình khi ông đọc các tác phẩm: Đoạn Đường Hốt Tất Liệt, Lò Cù, Đi Giữa Bầy Thú Dữ, Truyện Và Những Đoán Vần.

Có bè bạn làm thơ, viết văn thú vị ở chỗ được đọc sách khỏi mất tiền mua. Sách lại được tác giả ký tên hẳn hoi, trông càng sướng mắt, ấm lòng. Tôi có đủ những gì Lâm Chương trình làng tại hải ngoại:



Đoạn Đường Hốt Tất Liệt, tập truyện ngắn với mười bảy sáng tác, gồm một truyện lấy bối cảnh tại hải ngoại, 16 truyện dựng từ vóc dáng, hồn vía quê nhà. Nhà văn Trần Doãn Nho dọn đường và mớm ý nhận định cho bạn đọc. Anh bắt đầu vài dòng về tài nghệ làm thơ của Lâm Chương “*không nhiều, nhưng bài nào cũng nặng ký... Ngôn ngữ giản dị nhưng ví von độc đáo, ý tứ thâm trầm...*” để rồi giới thiệu: “*...Thế giới của Lâm Chương là thế giới của chiến tranh, trại tù và lưu lạc... Nỗi đắng cay đó thể hiện tất cả trong tập truyện của anh, dưới nhiều dạng khác nhau. Bằng một giọng văn tả chân trầm tĩnh, không màu mè làm dáng, anh kể cho chúng ta nghe nhiều chuyện. Chuyện nào cũng là những chuyện tréo căng ngông, cười ra nước mắt, mang đầy bi kịch tính...*” Nhà văn Trần Doãn Nho cũng nhìn nhận, văn thơ của Lâm Chương, của chính anh, của những người viết khác thuộc thế hệ của anh đa số “*có vẻ hần học, chua chát với đời... tác phẩm nào cũng chứa đựng cái không khí trầm uất, hần học,*

chưa chút khi đề cập đến những năm tháng nhiều nhương vừa qua ở quê nhà...” Đề đi đến kết thúc bài viết: “ *Quê nhà. Và lưu đây. Đó là nỗi ám ảnh không rời của nhà thơ, nhà văn Lâm Chương. Và tất cả chúng ta*” (Trần Doãn Nho – 9-1998)

Một nhà văn khác, anh Hồ Minh Dũng, nhận vinh hạnh thực hiện lời bạt cho *Đoạn Đường Hót Tất Liệt*. Anh đã rất tài tình khi chỉ dùng hai trang để nhắc lại những kỷ niệm gặp gỡ giữa hai người, từ thời đi học làm lính, đến thời đi học làm tù và rồi đến thời cùng lưu lạc xứ người, gặp nhau qua điện thoại. Bài viết của anh Dũng không đề cập gì đến nội dung tác phẩm, hay nói đúng hơn, anh chỉ khéo léo nhắc lại một số hoàn cảnh mà từ đó nảy mầm những truyện trong *Đoạn Đường Hót Tất Liệt*. Đây cũng là một đặc biệt, hiếm thấy.

Chỉ một thời gian ngắn sau khi phát hành, *Đoạn Đường Hót Tất Liệt* gây được tiếng vang tốt trong giới cầm bút tại hải ngoại. Nhiều tạp chí cho đi những bài nhận định, giới thiệu hoặc phỏng vấn tác giả. Tất cả đều xoay quanh giá trị nghệ thuật của tác phẩm văn xuôi đầu tay của Lâm Chương. Trong một bài viết công phu, sau khi giới thiệu một số thể loại văn xuôi, nhà nhận định văn học Nguyễn Vy Khanh đưa ra một số nhận xét qua từng truyện trong *Đoạn Đường Hót Tất Liệt*. Nguyễn Vy Khanh cho rằng Lâm Chương quan niệm chiến tranh là địa ngục, và lên tiếng phê phán cả mọi phía tham chiến. Lâm Chương cũng là một nhân vật từng trải, giàu kinh nghiệm, “*đã nhìn thẳng, nói thẳng về nhiều trục trặc khó nói*”. Tôi chọn trích hai đoạn:

“...*Mặt khác, truyện dị thường phúng thích và châm biếm chính trị và xã hội, Đoạn Đường Hót-Tất-Liệt có yếu tố khả dĩ "phiền" chế độ vốn nghi ngờ mọi trào phúng, hí họa ngoài những minh-họa-được-phép. Điểm-đến của Đoạn Đường Hót-Tất-Liệt theo chúng tôi là đã giống lên tiếng nói đích thực của con người hôm nay, cho bây giờ và mai sau, khi còn có thể lên tiếng và sau một thời gian đã không thể lên tiếng. Truyện của Lâm Chương như có sức mạnh giải thoát của tâm thức, tâm thức ông, tâm thức những người cùng cảnh ngộ và "kinh nghiệm" như ông. Thay vì tụng A-di-đà hay lạy-Chúa, Lâm Chương lên tiếng nói của ông qua nghệ thuật viết của con người từng sống trong bùn đen của những cơn kinh hoàng đất nước, của chiến tranh, của trại cải tạo, trở về nhà tù lớn và lạc lõng giữa một nước hợp*

chúng xa lạ! Tác giả đã sử dụng ngôn ngữ như hệ thống tín hiệu và sử dụng văn chương nghệ thuật như khả năng của cảm xúc. Lâm Chương nhận thức được bi hài kịch của cuộc đời và ông chia sẻ với người đọc, có người cùng hoàn cảnh, tâm cảnh, với một ngôn từ trực tiếp dù phải dùng dụ ngôn, hình ảnh, v.v. Chính cái dị thường đã đưa người đọc tìm lại, nhìn lại, nhận chân những thực tại của đời sống bình thường và của vũ trụ nhân sinh. Trong truyện dị thường, ngôn ngữ thường là một hệ thống tín hiệu cao độ với những ẩn dụ đa nghĩa. Đọc truyện của Lâm Chương không thể ngừng ở câu chuyện hay khúc kỳ ức đó. Người đọc phải hiểu cái tiềm ẩn sau những sự việc, hành động dù bình thường đến thế nào, hoặc cái nguyên nhân hoặc hậu quả không thể tả. Khi người đọc như bị bỏ rơi vì chuyện lửng lơ thì biết đâu đó là cái Vô ngôn, cái thông điệp, cái nhấn nhủ. Người đọc Đoàn Đường Hốt-Tát-Liệt bình thường sẽ thương cảm thân phận con người, người Việt Nam một thời, nhưng nếu tâm cảm sâu xa sẽ nhận ra cái tâm của tác giả, ông nói với mọi người mà như đồng thời ông tìm tri kỷ! Những truyện khác của Lâm Chương đăng trên các tạp chí gần đây như Gió Ngược, Những Ngày Mắc Cạn, Cận Kề Biên Giới Tử Sinh, ... cho thấy ông càng đi sâu vào ngõ kiếm tìm này, xét con người vì con người thay vì phân biệt nhị nguyên, bạn và địch !..."

"... Văn chương "giải mã" lịch sử sớm dù ít nhiều chủ quan và đầy cảm tính. Hoán chuyển dị thường của thực tại vào văn chương, nhiều dị thường của cuộc đời tương bình thường đã được Lâm Chương đưa ra trước công luận. Nói chung, ngòi bút ông cần trọng và nhạy bén, xuất từ kinh nghiệm sống. Giọng văn đơn giản, trong sáng, dĩ nhiên bên trong chất chứa nhiều phức tạp và tầng lớp tâm linh. Chính kinh nghiệm và tâm cảm chân thành của tác giả đã đưa đến sự tinh tế, cô đọng. Như đoạn tả sự việc "thân bị kiềm chế, mà ý chí thì phát phơ như chuyện đùa. Tưởng như hòn và xác chẳng dính dấp gì nhau". Một cai tù đã phê bình cách lao động khá "thiên" của tù cái tạo: "Giờ cuốc lên, cò ỉa. Hạ cuốc xuống, mối xông". Nhưng anh tù lại lấy làm lý thú vì câu nói ngộ nghĩnh mà quên cái hậu quả tai hại sau khi bị phê bình. Anh tù đã sừng sốt vì câu phê bình đó. "Diễn tả động tác chậm, không có cái chậm nào bằng. Từ từ giờ cuốc lên, chậm như ngừng lại, thời gian lâu đủ để con cò đậu trên cái cuốc và ỉa. Hạ xuống cũng chậm, đến nỗi trước khi nhấc cuốc

lên, thì mỗi đã xây thành tổ. Một lối diễn tả độc đáo. Rất bình dân mà cũng rất tuyệt vời." (tr. 188-189).

(Nguyễn Vy Khanh)

Tên gọi tập truyện ngắn của Lâm Chương, lấy từ tên truyện *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt*, một trong 17 truyện trong sách. Cái tên hấp dẫn này đã hướng dẫn tôi có chút suy nghĩ sai lầm khi nhận được sách tặng. Tôi đã thoáng nghĩ đến Đại hãn Hốt Tất Liệt (Kublai Khan – 1215-1294), cháu Thành Cát Tư Hãn (Thiết Mộc Chân, Genghis Khan 1162-1227), vị vua đã lập ra triều đại nhà Nguyên, năm 1271, thống nhất Trung Quốc, dời đô từ Karakorum về Khanbaliq tức Bắc Kinh ngày nay. Thời trị vì của ông rất hưng thịnh. Trong truyện này của Lâm Chương, không có ẩn dụ hay liên quan gì đến đại danh đã dùng. Nội dung chỉ ghi lại những sinh hoạt của một đơn vị Biệt Động Quân đội đầu với du kích thay vì lính chính qui tại một vùng được kể: “*Qua khỏi của AK chừng nửa cây số, là ngã ba Lộc Giang. Và hương lộ được phân làm hai ngã. Một ngã xuôi về Sò Đo, thuộc tỉnh lỵ Hậu Nghĩa. Một ngã chạy ra bên đò, anh em trong tiểu đoàn đặt tên là đoạn đường Hốt Tất Liệt*”. Tôi không xa lạ với địa hình, địa thế chung chung của các mặt trận nông thôn, cũng không ngỡ trước những mảnh khé ra đòn của du kích quân, nên cốt truyện của *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt* (chỉ riêng truyện này) đối với tôi không mới lạ. Ngay cả cái hướng kết thúc cũng đã có thể đoán được từ khi tác giả giới thiệu nhân vật Hon. Cái thành công trong truyện này của Lâm Chương là kỹ thuật viết. Với hình ảnh và một số từ ngữ đặc trưng trong quân đội khi hành quân, Lâm Chương làm sống lại trong lòng những cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa nhiều kỷ niệm đau thương nhưng thân thiết một thời.

Sau *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt*, trong vòng sáu năm, Lâm Chương cho in tiếp 3 tác phẩm: *Lò Cừ* với 14 truyện ngắn, 258 trang, bìa Khánh Trường, phụ bản Vũ Đức Thanh, Phan Thảo Trang, trình bày Anh Khoa và Sao Khuê, Văn Học tại Hoa Kỳ xuất bản, năm 2000. *Đi Giữa Bầy Thú Dữ*, gồm hai truyện vừa, 172 trang, bìa Khánh Trường, trình bày Sơn Ca, Văn Mới xuất bản, năm 2002. *Truyện Và Những Đoán Vắn*, bìa Khánh Trường, trình bày Sơn Ca, 220 trang, Văn Mới xuất bản, năm 2004. Cả ba tác phẩm này đều tiếp tục góp hơi thở, củng cố chiếc

ghế trong văn chương của Lâm Chương một cách vững chắc. Nhà văn Lương Thu Trung, một cư dân cùng vùng với Lâm Chương, từng sinh hoạt, thù tạc với nhau nhiều lần, đã nghĩ về văn tài và bản chất tác giả của bạn mình:

“ ... được văn giới biết đến như một luồng gió mới, một tác giả tạo được uy tín hiện nay trên văn đàn nhưng Lâm Chương vẫn giữ được cái đức tính khiêm cung đáng quý, luôn lắng nghe những nhận xét của người đọc. Trong các truyện của anh, cái cẩn trọng luôn luôn được anh quan tâm từng chữ dùng, từng dấu chấm, dấu phết, làm thế nào, dù người đọc khó tính vẫn khó mà bắt bẻ anh được. Câu văn của anh luôn ngắn gọn. Họ hoàn toàn lắng người đọc mới có dịp bắt gặp một câu tương đối dài, nhưng ở đó cũng có nhiều dấu phết ngắt đoạn. Độc đáo nhất, ở truyện của Lâm Chương là những câu đối thoại gần như những câu mà anh đối đáp, trao đổi với bằng hữu hằng ngày, tạo cho người đọc có ấn tượng mình phải theo hoài những mẩu đối thoại có duyên, hấp dẫn để tìm ra cá tính của mỗi nhân vật...”

Anh Lương Thu Trung cũng đề lộ một đôi chút đời thường của Lâm Chương:

“... Tôi biết Lâm Chương từ vài năm nay, nhưng có lẽ tôi quý mến anh vì anh có nhiều khí chất một người nhà quê mê ruộng vườn, đặc biệt hai ngón tay kẹp điếu thuốc rất người miền quê. Đời sống của Lâm Chương thanh đạm như cái dáng vẻ bình dân, mộc mạc hằng ngày. Gặp tôi bắt chọt nơi cái đằm bìn lầy này anh vui lắm. Anh hỏi tôi loại lục bình này, bụi có kia mà chùng như lâu lắm rồi anh mới được gặp lại...”

... Đường như với ai, trong những anh em quen biết với anh, anh đều gọi người đối diện bằng chữ "ông" vừa rồi như vừa quen thân vừa sơ ngộ, vừa gần gũi vừa xa lạ mà vẫn giữ được chỗ thân tình, tương kính lẫn nhau...”

Cũng qua những cuộc gặp gỡ, trao đổi với nhiều bạn văn, Lâm Chương có dịp trình bày nhiều điều trong chặng đời sinh hoạt thơ văn của anh. Với nhà thơ Triều Hoa Đại, anh chàng Ngựa Hồ Hí Gió Bắc tự sự:

“... Tôi không phải là người viết văn chuyên nghiệp, cũng không thích chiêu theo thị hiếu người đọc. Nói thế nghe dễ mát cảm tình, nhưng đây là sự thật. Xưa nay, tôi chưa từng được đồng xu các bạc nào từ bài viết của mình. Nhưng tôi vẫn viết, vì

tôi thích. Và chỉ viết những gì tôi muốn viết. Tôi không hề đắn đo xem phải viết thế nào, hành văn ra sao. Cứ nghĩ thế nào viết thế ấy...Tôi thường viết tự truyện, phần hư cấu rất ít...

... Tôi khó mà viết khác với lòng mình. Đang sống nơi thế tục, muốn vượt lên trên những điều thế tục, không dễ...Tôi nhớ kẻ hành xác tôi nhiều hơn nhớ người yêu. Nếu tôi viết khác đi, nghĩa là viết như người cao thượng là tôi viết láo. Ai mà cảm thông với kẻ giả dối bao giờ..

... Tôi chỉ là chứng nhân thời đại, và đang viết bản tường trình về những gì đã nghe thấy mà thôi”

Nhà thơ Triều Hoa Đại đã tra vấn Lâm Chương qua nhiều câu hỏi loanh quanh trong trách nhiệm của người cầm bút, nhận định chung về tình trạng thơ văn, xuất bản tại hải ngoại, đánh giá tác phẩm, tác giả trong nước, quan niệm về thương yêu, hận thù trong tác phẩm...Lâm Chương đã rất khôn khéo trong những bày tỏ của mình. Sự khôn khéo của anh được dẫn dắt bởi lòng chân thật và giản dị của chính anh. Nhờ đó đọc những câu trả lời của Lâm Chương rất thú vị. Tác giả *Lỗi Tại Tôi Mọi Đàng* cũng đã trả lời nhiều cuộc phỏng vấn khác. Nhưng để hiểu thật rõ Lâm Chương trong nghiệp cầm bút, chỉ cần đọc thêm mấy câu chân tình này:

“... Đối cách viết để tìm một hướng đi mới cho tương lai là điều quá tốt. Nhưng khổ nỗi, tôi chỉ có thể viết được những kinh nghiệm đã có trong quá khứ mà thôi. Ngay đến hiện tại, tôi cũng chẳng viết được gì về cái xã hội xa lạ này. Trong một đời sống bình yên đến nhàm chán, tôi không tìm thấy những giống bão trong tâm hồn để lấy đó làm chất liệu sáng tác...Những gì tôi viết đã thể hiện lòng tôi. Không hề làm dáng văn chương...”

Thời cùng thụ huấn ở quân trường Bộ Binh Thủ Đức, tôi đã lỡ bỏ qua cơ hội kết thân với Lâm Chương. Thời đó anh cũng chưa hiểu gì tôi bao nhiêu. Chuyện gặp gỡ giữa chúng tôi được anh nhắc: *“... Cao Thoại Châu giới thiệu một anh chàng rụt rè như con gái, bảo đây là nhà thơ Luân Hoán. Tôi hơi ngỡ ngàng trước một Luân Hoán hoàn toàn khác với tưởng tượng của tôi...”*. Anh không nói rõ anh đã tưởng tượng tôi ra sao, nhưng nếu không lầm, anh đã hình dung một người thật cao ráo, đẹp trai với đôi nét dị biệt nào đó để nói lên, hẳn ta biết làm thơ. Anh cũng có vẻ thất vọng khi gặp tôi lần thứ hai: *“...Thấy tôi anh chỉ*

mỉm cười thay thế một lời chào. Chỉ vậy thôi, không quán quít ba hoa chích chòè...”. Cho đến ngày chuẩn bị rời quân trường, chúng tôi vẫn chưa tạo được một chút gì khả dĩ trở thành một kỷ niệm sâu sắc, Chương viết: “...Ngày ra trường, anh em vẫn nghề ngồi lại uống cà phê trong hội quán sinh viên ở khu dân sinh trước khi chia tay. Thiếu Luân Hoán. Có người chạy đi tìm nhưng không gặp...”



Song Thao, Trang Châu, Luân Hoán, ông bà Lâm Chương, Khải Minh

Montréal

Hóa ra thời ấy tôi “rụt rè như con gái” thật và vụng về trong giao tế biết bao. Thật ra một đời tôi quý trọng và tha thiết với tình bạn. Sự hà tiện lời nói, cử chỉ trong những lần gặp gỡ với bất cứ ai chỉ do thói quen. Khuyết điểm này, về sau tôi sửa đổi có phần khả quan hơn. Riêng tình bạn giữa tôi và Lâm Chương, có vẻ như lơ là nhưng thật ra khá thân thiện. Bởi chúng tôi gặp nhau trong vài sở thích.

Bè bạn ai cũng biết Lâm Chương là người hảo rượu. Anh biết uống từ thời còn lang thang ở Nha Trang. Rượu theo anh vào Thủ Đức, ra mặt trận và đôi khi lén lút trong trại giam để rồi thật ngất ngưỡng tại hải ngoại. Đi đâu, ở đâu Lâm Chương cũng cần có rượu bên cạnh. Nhưng cơ hội để Lâm Chương cho “chó ăn chè” hay ngêu ngao thì gần như rất hiếm. Lâm Chương không phải là người nghiện rượu mà là người mê rượu và biết uống rượu. Tôi thì sao ? Ngày nay đa số bạn văn tại hải ngoại

đều chê tôi là loại “kỳ vô phong”. Tôi thấy không cần phải “thanh minh thanh nga” gì. Và vui vẻ chấp nhận sự thật rõ ràng, như một thành tích tôi đã vượt qua không phụ lòng bác sĩ Nguyễn Ngọc Lang, bạn tôi, nhắc nhở cảnh cáo. Rượu đã một thời suýt làm tôi lũng phôi vì uống thiếu phương pháp. Không tùy hứng. Nhưng thường bị kích động bởi một thách thức dẫn đến bốc đồng. Thời ở Thủ Đức, thời ở Sư đoàn 2, nếu các bạn văn gặp tôi ắt sẽ có một cái nhìn khác. Gọn lại, tôi vẫn còn khả năng tiếp nhận rượu như bạn tôi, Lâm Chương.

Một gặp gỡ khác giữa tôi và Lâm Chương là tình yêu mến thiên nhiên và các loài chim. Cũng như tôi, từ ấu thơ Lâm Chương đã đi theo từng giọng chim hót. Gần gũi với nóc gia nông thôn nhất là lũ Se Sè. Chỉ chíp chíp loạn xạ, không nhịp nhàng và đều đều mà rất thân tình. Tiếp đến là đàn Chột Dột trên những tàu cau đong đưa gió. Giọng kết lại với nhau thành từng chùm, có lúc như rôi lên như một cuộn chỉ. Rồi giọng Chào Mào tha thướt, lãng mạn, níu theo giọng hàn lâm, bài bản của Chích Chòe. Cao sang hơn nữa, lừng lừng treo giữa trời là tiếng Sơn Ca. Nhưng trầm âm đầy dân tộc tính vẫn là giọng các anh Cu Cườm, rung rinh từng mảng lá xanh. Không rõ thời đó Lâm Chương có từng cầm trên tay một con chim chưa đập bụng cút chưa ? Anh có từng mớm nước miếng cho chim ? Tôi thì những chuyện dễ thương này đều làm qua cả. Sau nhiều bận cụng ly cùng Lâm Chương và nhiều bạn khác ở Boston, Montréal...tôi phát hiện, nếu tôi đã từng dưỡng nuôi, chăm sóc rất nhiều loại có lông vũ trong nhiều thời kỳ khác nhau, thì Lâm Chương trước sau và liên tục chỉ cung phụng, chăm chút độc một loại chim quý, vừa hữu danh vừa vô danh. Hữu danh vì có tên gọi thật. Vô danh vì sợ kỵ húy, ít người dám gọi tên. Phải công nhận đây là một giống chim quý, chứ không hẳn hiếm. Có lẽ Lâm Chương mê và trì chí bảo dưỡng nó vì những ưu điểm:

*“... chẳng sớm mai nào quên ngỗng cổ
gật gù ca ngợi cuộc đời vui...
con chim chẳng biết làm thơ ấy
lại biết làm mưa thấm thịt da...”*

(Luân Hoán)

Cũng vì con chim này, Lâm Chương gần đây có nhiều chuyện về thăm quê hương. Lý do những chuyến đi của anh thật đơn giản. Anh muốn tạo cho con chim của mình nuôi có một

không gian tươi tốt để tiếp tục vui vẻ sinh tồn. Ở Mỹ, môi trường đang bị đe dọa bởi bụi bặm, khói xe và linh tinh những thứ khác. Hơn nữa chim anh nuôi giống Việt Nam nên thỉnh thoảng phải cho về Việt Nam xả hơi là một chuyện hợp lý, bình thường. Ấy thế, mà tôi thấy loáng thoáng có vài chiếc mũ, chực chờ che đầu bạn tôi, ý chừng họ sợ anh ăn nắng chăng ?

Thỉnh thoảng ghé về dòm lại vạt đất xưa, dẫm lại một đoạn đường cũ, đứng dưới một bóng cây ngó trời đất, lượm một câu thơ mọc bất ngờ trong bụng, ném cho đất trời là có lỗi chăng ? Với Lâm Chương, tôi hiểu, những chuyến tiêu tiền bất đắc dĩ của anh, cũng bởi lỗi tại con chim. Khổ thật.



Nguyễn Vy Khanh *học và viết*

Tại hải ngoại, những cây bút Việt Nam tham gia vào công việc nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học tương đối khá đông. Đội ngũ này, ở Pháp có Đặng Tiến, Thụy Khuê...; ở Úc có Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc Tuấn; ở Canada có những vị kỳ cựu Lê Hữu Mục, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Quốc Trụ và những tài năng mới Nguyễn Vy Khanh, Nguyễn Thị Sông Hương, Nguyễn Văn Lục...; ở Hoa Kỳ có Bùi Vĩnh



Phúc, Đoàn Nhã Văn, Trần Văn Nam...Ngoài những tay viết chuyên nghề này, còn có một số nhà văn, nhà thơ cũng rất thành công trong việc nhận định văn học như nhà văn Võ Phiến, nhà thơ Đỗ Quý Toàn, nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh, nhà văn Nguyễn Mộng Giác, nhà văn Trần Doãn Nho (dưới bút hiệu Trần Hữu Thực)... Tuy nóc gia mỗi người ở cách xa nhau, nhưng vẫn thường xuất hiện trên một số diễn đàn chung là các tạp chí, phần lớn phát xuất từ Hoa Kỳ. Điều đáng ghi nhận, tất cả những vị chuyên lẫn tài tử, hầu hết đều thành danh. Những công trình của họ đóng góp tích cực vào sự thành công chung của nền văn học Việt Nam Hải Ngoại. Danh tiếng của họ cũng được người trong nước biết đến. Căn cứ vào đâu để có nhận định này ? Thật đơn giản. Ngoại trừ những tác phẩm thành sách được bạn đọc trân quý đón đọc khi sách có cơ hội nhập nội, các bài viết của Đặng Tiến, Thụy Khuê...được in trong các tác phẩm quan trọng xuất bản từ trong nước. Ngay đến việc nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc bị cấm nhập cảnh Việt Nam trong lần ông dẫn sinh viên Úc về nghiên cứu văn học năm 2005 cũng minh chứng được điều này. Nhưng những bài nhận định về các tác phẩm biên khảo, nghiên cứu còn rất ít.

Bài viết của tôi về Nguyễn Vy Khanh không có tính chất văn học, gắng lắm cũng chỉ vài nét giới thiệu về cái tiêu sử cùng

vài kỷ niệm không lấy gì đậm đà giữa chúng tôi. Vậy viết làm gì ? Câu hỏi này không thể thừa tiếp: hỏi là đã trả lời như nhiều người vẫn xài. Nó có câu trả lời đàng hoàng: viết để tìm vui trong lúc viết, không vì quen biết, áo thụng áo vải gì cả, giản dị thể thôi.

Tôi biết Nguyễn Vy Khanh qua một số tạp chí, rồi gặp anh trong dịp họa sĩ Nguyễn Quốc Tuấn (tốt nghiệp Cao đẳng Mỹ thuật Gia Định, 1973) tiếp tân khi khai mạc phòng tranh *Ám Vang Từ Vạn Cổ* tại khu phố Saint Léonard, năm 1992. Anh bạn trẻ Khải Minh giới thiệu, tôi bắt tay Nguyễn Vy Khanh. Bàn tay mát của người bạn trung niên cao mập hơn tôi, tạo cho tôi cái cảm giác thân thiện. Anh có màu da trắng như một tiểu thư, một khuôn mặt đẹp theo mẫu nàng Thúy Vân của cụ Tiên Điền. Nguyễn Vy Khanh hoạt bát và cởi mở. Theo thói quen, tôi nghe nhiều hơn nói. Thỉnh thoảng cá mắt lần môi đều cười mỉm. Thói quen tai hại này làm nhiều người hiểu lầm, nhưng không bỏ được. Thật ra nụ cười của hai cơ quan trên khuôn mặt tôi không mang một ý nghĩa nào, không gởi đi một thông tin nào, nó thường tình như một động tác tự nhiên, và có lẽ không dễ gì ai cũng bắt gặp. Nguyễn Vy Khanh hôm đó chưa chắc đã nhận ra, anh đang bận với các mẫu chuyện anh kể.

Nguyễn Vy Khanh ra đời vào ngày 05 tháng 3 năm 1951, nhằm ngày 28 tháng giêng năm Tân Mão, cùng tuổi với vợ tôi, chỉ thiếu một năm là thua tôi đủ một con giáp. Vùng đất chào mừng Nguyễn Vy Khanh đến với cuộc sống là một làng quê nghèo, nằm sát bờ sông Gianh và chân núi Đâu Mâu, thuộc tỉnh Quảng Bình. Nơi đây từng là ranh giới giữa hai ông chúa Trịnh, Nguyễn. Ngay sau ngày Nguyễn Vy Khanh thôi nôi, làng quê anh trở thành địa bàn thí nghiệm những cuộc đấu tố của cách mạng vô sản. Cha mẹ anh phải đưa gia đình vào Huế. Bốn năm sau, cả gia đình tiếp tục Nam tiến, lập nghiệp tại Sài Gòn.

Nguyễn Vy Khanh chăm học. Xong trung học, anh vào đại học, lấy được chứng chỉ dự bị Văn khoa và qua năm thứ nhất Luật khoa. Anh dự định thi vào Quốc Gia Hành Chánh nhưng chợt bỏ ý định làm quan, chọn đi làm thầy nên thi vào Đại học Sư phạm. Cùng lúc học Sư phạm, Nguyễn Vy Khanh tiếp tục học Văn khoa và đậu Cử Nhân Giáo Khoa Triết Tây năm 1973

(22 tuổi). Được thụ giáo cùng giáo sư Nguyễn Văn Trung, năm 1975, anh có tiếp bằng Cao học môn này qua luận án “Đạo Đức Trong Văn Học Việt Nam Hiện Đại”. Năm 1974, Nguyễn Vy Khanh tốt nghiệp thủ khoa khóa 13 ban Việt Hán, đại học Sư phạm Sài Gòn. Cùng với đại đấng khoa, Nguyễn Vy Khanh có luôn tiểu đấng khoa trước khi chọn ra Ty học chánh miền Trung. Tại đây, Nguyễn Vy Khanh được bổ nhiệm về dạy tại trường trung học quận Vĩnh Xương, sát quốc lộ 1, gần tượng Thích Ca thật lớn, ở ngưỡng cửa vào Nha Trang. Nghề làm thầy của Nguyễn Vy Khanh thật ngắn ngủi, dạy chưa tròn niên khóa đầu, chiến trận nổ lớn anh cùng trường đi tản về Sài Gòn. Và vào một đêm, trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Vy Khanh may mắn được tiếp tục di tản ra hải ngoại.

Cuộc di tản của dân miền Nam trong biến cố 1975, đầu đầu cũng bi thảm, hãi hùng. Những con đường máu, những đại lộ kinh hoàng từng được nhiều người nhắc nhớ, kể lại. Nguyễn Vy Khanh kể lại chặng đường có sự hiện diện của anh, cùng đoạn đời đầu tiên trên vùng đất mới của mình cho báo điện tử Hồn Quê:

“ Nha Trang bỏ trống ngày 1 tháng 4-1975, sau khi đã chứng kiến những cái chết bi thảm trên những xà-lang từ Đà Nẵng vào neo ở Cầu Đá, chúng tôi đành chất đồ lên xe theo đường quốc lộ 1 xuôi Nam. Đi đến đâu thì ở đó tan hoang theo: Cam Ranh, Phan Rang, Phan Thiết. Chúng tôi suýt chết trên quốc lộ 1 gần Bình Tuy khi chính phủ Sài Gòn ra lệnh pháo kích vào đoàn xe và người di tản - người quốc gia giết người quốc gia, tin đồn là để bảo vệ thủ đô?! Những quân xa ép xe thường dân phải nhường đi trước nhưng đến đó mới thấy đa số đều bị chết hoặc bị thương nặng, khi chúng tôi đi qua thì mùi đạn và tử khí thật rùng rợn, nhiều người chưa chết giờ tay cầu cứu nhưng ai cũng sợ quá không ngừng lại. Tôi vẫn tin có số mạng vì sau đó khi theo chiến hạm số 1 ra Côn Đảo đêm 29, chúng tôi đã tính xuống thuyền nhỏ để vào bờ cũng như khi qua đến đảo Guam còn tính lên tàu Việt Nam Thương Tín để hồi hương. Chuyến tàu nhỏ do một ông Đại Tá Hải quân có vợ móc nối với bên kia, khi vào cửa Cần Giờ liền bị bắn chìm vì họ chờ đợi tàu lớn về, còn tất cả những người hồi hương trên chiếc tàu VNNT đều bị hốt vô trại tù Phú Khánh. Vào thời điểm đó tôi chán đồng

minh, xin đi Pháp thì Pháp phải nịnh chủ mới, Canada thì nhận hết những ai có bằng đại học.

Sang đến Canada vài tuần thì chúng tôi mới cảm nghiệm được thế nào cái buồn xa xứ không ngày về, nhất là bà xã tôi chưa quen sống xa gia đình, đã định đi New York với mấy bác lớn tuổi hơn xin Liên-hiệp quốc cho hồi hương, nhưng cuối cùng sự khôn ngoan đã cản mọi người! Canada là một quốc gia rất nhân đạo, chúng tôi đến Canada rồi mới xin thẻ chế di trú (landed immigrant), được cho ở hotel ngay trung tâm thành phố Montréal, bữa ăn có người tiếp y như nhà hàng vậy. Chính phủ Canada giúp người tị nạn hội nhập và tự lập rất sớm, so với Hoa-Kỳ, sau hai tuần là giúp kiếm thuê apartment, tìm việc làm hoặc đi học sinh ngữ 7 tháng có trả lương y như đi làm. Montréal lúc đó có chừng trăm sinh viên du học, với đoàn tị nạn nâng dân số Việt lên đến 4, 5 rồi 40, 50 ngàn người. Tôi đang làm thông dịch cho Sở di trú Canada giúp đợt boat people Hải-Hồng thì có việc ở Quebec City, khi đi nhận việc là chấp nhận một cuộc lưu vong thứ hai, vì ở đó dù là thủ đô tỉnh bang nhưng người Việt trước sau chỉ có vài trăm người. Với thời gian, ý nghĩa và cường độ sự lưu vong của tập thể lên xuống theo biến chuyển ở bên nhà, bên này, cũng như theo những người đến sau này!”

Trong một câu trả lời khác, Nguyễn Vy Khanh kể rõ về cá nhân và gia đình anh hơn:

“... Đến Montréal hôm trước(14-5-1975) thì hôm sau tôi được nhận học Cao học Quản trị Thư viện (Library Science) nhưng không một xu dính túi, và bà xã sắp sinh đứa con trai đầu lòng, nên tôi đi làm 12 giờ một ngày, một tuần ngày một tuần đêm, và năm sau mới đi học lại. Ra trường tôi nhập quốc tịch Gia Nã Đại hôm trước thì vài hôm sau có việc làm công chức (lại một nghề chắc ăn, dù ở xứ người!), 8 năm ở thư viện Quốc hội, phần còn lại ở bộ Giao Thông. Nghề gốc là thủ thư nhưng nay chức là chuyên viên về thông tin và liên hệ đến Technology Transfer cũng như Knowledge Management. Hình ảnh người làm quản thủ thư viện người ta hay nghĩ đến một bà tóc muối tiêu đeo gương cận nặng, ngồi một chỗ, nay cũng đang bị "tiệt giống", nhất là ở các thư viện nghiên cứu khoa học, computer, information management động não hàm bà lằng!”

Tôi biết danh tính Nguyễn Vy Khanh qua vài ba bài điểm sách của anh trên các báo. Những bài viết đó, thú thật, tôi không thấy thú vị lắm. Nó cứ na ná như một bài bình giảng. Hết trích rồi lại bình, hết bình rồi lại trích. Đây là chuyện bình thường, cái hay nằm ở sự khám phá và tài nghệ dẫn giải lời cuốn của người viết. Nó phải khác chút ít với những điều mọi người có thể thấy, có thể nói ra về một tác giả, một tác phẩm. Điều này, càng về sau, những bài viết của Nguyễn Vy Khanh dần dần đạt được một cách vững vàng. Có thể những bài nhận định của anh, tôi đọc đầu tiên, được thực hiện trong lúc anh còn say mê với thơ, với cả truyện nữa, nên không được tập trung trong nhận xét cần có của một người viết biên khảo. Nguyễn Vy Khanh hình như thành công xuất sắc hơn trong những công trình nghiên cứu, biên soạn dài hơi, đồ sộ như các tác phẩm Văn Học Miền Nam Thế Kỷ 20, Bốn Mươi Năm Văn Học Chiến Tranh 1957-1997 vv..Để biết thêm đời sinh hoạt văn học của Nguyễn Vy Khanh, mời nhìn lại từ bước khởi hành của anh.

Như nhiều người khác, Nguyễn Vy Khanh làm thơ. Anh đã dùng các bút hiệu: Nhật-Lệ Giang, Nhị Khuê, Nhị Khanh, Nguyễn Nhật-Lệ, Nguyễn Quảng-Bình, Nguyễn Núi Vua, v.v. Thơ hay hoặc ít hay, tùy theo cảm nhận của người đọc. Điều tiên quyết sáng tác có đích thực là thơ hay không. Theo chút kinh nghiệm của tôi, với nhận định rất trong sáng, những bài viết của Nguyễn Vy Khanh thuộc thể loại thơ. Thẩm định giá trị nghệ thuật, như đã nói, tùy rung cảm đón nhận của từng người, vì thế, tôi trích dẫn vài bài thơ của Nguyễn Vy Khanh ngay dưới đây:

“Có những hành trình / đi không mệt mỏi buồn phiền / Yêu em là cả đoạn đường ấy/ nhớ nhung, thờ thần, sống vì, nhưng vui !

Có những ngày công vụ chán nhàm / nếu tiếng hát em đuổi theo /đường xa thành hạnh phúc mãi mê / Đi hoài đi mãi, sẵn sàng đi.

Anh lên đường, hăng say mãi vì em/ xa những buồn phiền số phận / để gần thêm, ngày một gần thêm / em của anh, Tình Yêu làm sống lại người anh”

(Hành Trình Đời, 26-2-1998)

“Lên đồi thông cuối tuần /xanh màu tươi những niềm mong ước /tình lên ngôi, kỷ ức ắp đầy /lý tưởng, đời đang qua những chặng...”

*Giữa triền cao, hòn sỏi mộng trượt ngã / xuống, xuống
mãi / cuối thung lũng xa/ Anh bỗng thấy mây trôi tình ái / tóc
xõa theo gió ngàn, vương vấn / và đôi mắt, anh ngợp thờ, bơi
theo / dù trời biển, lặng yên*

*mới đó đã mới một đuôi đeo / những bình thường cuộc đời
/ giọt lệ từ bi / làm đôi mí trẻ trắng / những năm dài hoang mang,
hạnh phúc / tô phấn hồng dấu thời gian*

*những sợi tóc/ ngàn năm, thương hoài / có đang thoáng
đôi / hay như lòng anh / dại mềm nhưng hãy trơ như tháp đổ
bóng chiều!*

*sao đổi ngôi / em vẫn một ngai, trong tim này suy thoái
/ đáng em gầy, trên triền dốc / chiều vỡ dần và đôi mắt nhòa vui”*

(Triền Dốc, 12-12-1998)

Những bài thơ vừa trích dẫn trên, không phải là sáng tác đầu tay của Nguyễn Vy Khanh. Từ những năm trước 1975, tại Sài Gòn, anh đã làm thơ, đã in thơ, đó là thi phẩm Khung Cửa, được trình diện bè bạn năm 1972, Nguyễn Vy Khanh nói về nguyên nhân làm thơ cùng tập thơ duy nhất đã xuất bản của mình với ông Cát Biên của báo Hồn Quê:

“Tôi là người đô thị vì sống gần như cả đời thiếu rồi thanh niên ở Sài Gòn và thú viết văn làm thơ đến với tôi cũng trong khung cảnh đô thành đó. Năm Đệ Tam tôi đã viết một tiểu luận triết lý về kiếp người (bạn bè vẫn gọi tôi là "ông cụ non"), nhưng hai năm cuối trung học tôi làm thơ nhiều hơn vì trùng hợp với thời gian lãng-mạn, anh biết rồi, tức chạy theo mây bóng hồng áo trắng! Năm 1972 đánh dấu khúc ngoặt cuộc đời tôi, tôi làm số ... đời, đem hết những ngày thơ, lãng-mạn vào một tập thơ chừng hơn 50 bài, kết quả của những đam mê cho đến ngày đó, in hạn chế tặng bạn bè và đóng thùng, rồi bắt đầu một cuộc đời mới!

Từ năm đệ Tứ tôi đã sinh hoạt văn nghệ với một nhóm bạn, lạ là lúc đó còn non trẻ mà nhóm đã chỉ sáng tác truyện, thơ và viết tiểu luận pha triết lý. Hai năm cuối trung học, tôi lại sinh hoạt văn nghệ ở trong một nhóm bạn mới, sau có đưa chết trận Mậu Thân, đưa bỏ học đi lính trả thù cho bố Quận trưởng bị phục kích chết hoặc chán nản buông xuôi cho số mệnh. Lên đại học thì nhóm rã, nhưng hiện trong số mà tôi có tin tức hoặc liên lạc thì có đưa vẫn còn làm thơ gửi ra ngoài đăng tạp chí ở Mỹ, đưa từng chủ trương một tạp chí văn học ở Cali và đang viết

thường trực cho tờ Viet Mercury. Với chúng tôi lúc bấy giờ làm thơ là một phương tiện sống và giải tỏa tâm tư, và là một phương tiện dễ thương, hiền hoà nhưng ăn sâu vào con người nhiều nhất. Những bài tiểu luận triết lý, xã hội chúng tôi viết lúc đó chỉ gây thảo luận dăm ba lần, nhưng những bài thơ đạt, vẫn được bạn nhắc nhớ, ngâm nga lâu hơn !”

Sau này, tại hải ngoại, Nguyễn Vy Khanh vẫn không bỏ thơ, tuy không thấy anh in thành sách. Anh vẫn đọc nhiều thơ, viết không ít bài giới thiệu thơ của nhiều người, nên anh đã đưa ra một ít quan điểm về thi ca của riêng mình:



“... Chấp nhận cái mới hoặc canh tân là chuyện khó. Người làm thơ trẻ trong nước nay choáng ngợp trước nghệ thuật, tự do bùng mở dễ đi lùi hay bị rơi vào ... lãng mạn, trữ tình, hơi lỗi thời, "ông cụ non", v.v. Ngoài nước, trong tình cảnh lưu đày và trong một không gian văn

hóa ngộp thở Đông-Tây, hoàn cầu hóa, đa văn hóa, may thay vẫn có những hương thơm, bóng mát, hiền Tây,.. của một số người làm thơ, nghĩa là thơ có nhiều, thơ hôm nay cũng hiện diện! Đó rốt cùng mới thật là giá trị của thi ca, vì giá trị là khả năng tiếp nối lịch sử và đời sống trong cái hiện tại! Thi ca luôn là một khởi đầu chung thân, luân hồi, một hiện-đại làm lại liên lũy; cách tân là làm sống cái khả năng hiện đại đó vì hiện đại nói cho cùng không đối lập với quá khứ, hiện đại là phổ quát - nhưng nếu chỉ phổ quát là giết thi-ca vì thơ hôm nay cũng như thơ mỗi thời, phải có dấu ấn của thời đại! Nếu thi ca phải tham chiếu, thi ca không thể vươn cao và đi xa!”

"Người làm thơ trong và ngoài nước nhiều người có tài; nhưng có thể đời sống vật chất, tinh thần và không khí văn nghệ đã không tạo hoàn cảnh sáng tác thuận lợi chăng? Ngoài nước có vẻ ít cái sống, ngoài quá khứ có thừa, nhưng có cơ hội học hỏi cập nhật; trong khi trong nước có cái sống nhưng bị canh gác hơi kỹ bởi những người nhân danh tổ quốc (nào?), văn hóa truyền thống (nào?). Cái mới, cái khác của thơ cần phải có đáp

ứng liền, phải năng động thường trực, phải đi với thời đại. Có sự sáng tạo độc đáo với mỹ học riêng mới để dấu văn chương!"

Sau tập thơ Khung Cửa là những công trình nghiên cứu nhận định, được Nguyễn Vy Khanh cho xuất bản tại hải ngoại, như một xác định về khả năng chuyên môn trong văn học của anh:

- Ngô Đình Diệm Và Nỗ Lực Hoà Bình Dạng Dở / Ngo Dinh Diem En 1963. dịch phẩm, Los Alamitos CA: Xuân Thu, 1989),

- Lỗ Tấn Và Truyện Xưa Viết Lại (biên khảo cùng tuyển dịch, Xuân Thu, 1997),

- Bốn Mươi Năm Văn Học Chiến Tranh 1957-1997 (biên khảo, Đại Nam, 1997),

- Văn Học Và Thời Gian (biên khảo, Văn Nghệ, 2000),

- Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX : Một Số Hiện Tượng Và Thể Loại (biên khảo, Đại Nam, 2004).

- Một số thư mục phân tích về chính trị, xã hội do Thư viện Quốc hội Québec xuất bản.

Ngoài ra Nguyễn Vy Khanh còn góp mặt trong các tuyển tập:

- Đi Tìm Một Đồng Thuận Đấu Tranh Chính Trị Xây Dựng Một VN Tự Do Dân Chủ và Đa Nguyên (Montréal, Tổng Liên Hội Người Việt Tự Do Hải Ngoại, 1991);

- Vietnam et Culture (Montréal : Communauté Vietnamienne de Montreal, 1998);

- Nguyên Sa : Tác Giả và Tác Phẩm 2 (Westminster CA, 1998);

- Gom Lại Những Dòng Trăng (Tuyển tập thơ, nhiều tác giả; Garland TX: Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng, 1999).

- Đi Tìm Nguyễn Huy Thiệp (TpHCM: NXB Văn hóa Thông tin, 2001).

- Hiện Tượng Trương Vĩnh Ký (Hội Ái Hữu Petrus Trương Vĩnh Ký Nam Bắc California; nhóm Petrus Ký.org xb, 2005).

- Luân Hoán, Một Đồi Thơ. (Los Angeles: Sông Thu, 2005).

- Hồ Biểu Chánh, Người Mở Đường Cho Tiểu Thuyết Hiện Đại Việt Nam (NXB Văn Nghệ, 2006: Ngôn-ngữ của tiểu-thuyết Hồ Biểu-Chánh).

Chọn đi đường viết tiểu luận, có lẽ Nguyễn Vy Khanh đã chấp nhận hạn chế nghệ sĩ tính trong con người làm thơ của anh, đồng thời trở thành một người nghiêm túc, nguyên tắc. Nhưng chọn lựa này quả thật sáng suốt và thích hợp với anh, vì điều kiện nghề nghiệp đời thường. Nguyễn Vy Khanh không những có đủ phương tiện (cả kho sách của thư viện) mà còn có khá nhiều thời gian (cái an nhàn của một người quản thủ thư viện) để thực hiện tâm nguyện của mình. Học và viết nhờ vậy luôn luôn đi kèm bên đời Nguyễn Vy Khanh. Không thể nào không tiếp nhận những kiến thức, những tư tưởng mới, khi ngày này qua ngày khác chung đụng với sách báo, chữ nghĩa. Tại Montréal, tôi có quen và biết thêm hai vị có điều kiện lý tưởng này: nhà thơ Bắc Phong và ông Nguyễn Văn Bé. Bắc Phong nay đã chuyển ngành, nhưng ông Nguyễn Văn Bé vẫn còn tại chức với cái thư viện dồi dào sách Việt ngữ nhất tại Montréal, thư viện Mile End, trên đường Avenue du Parc (đ.t: 514-872.2879).

Nguyễn Vy Khanh hẳn rất thích thú với công việc đọc và biên soạn. Nhưng những điều không vui không thiếu đôi ba lần đến thăm. Anh cho biết đại khái một ít kỷ niệm như: bị phàn nàn và yêu cầu lấy ra những nhận xét xác thực anh đã viết sau khi nhận và đọc sách tặng. Bị đề nghị quyết liệt phải loại bỏ phần nói về quá trình làm việc trong quá khứ của tác giả. Tóm lại, nhiều lần Nguyễn Vy Khanh bị người được giới thiệu trực tiếp can thiệp vào bài viết của mình, tuy không hẳn bị chỉ đạo phải viết theo định hướng có sẵn như tại quốc nội. Nguyễn Vy Khanh cũng nêu một trường hợp cụ thể đã xảy ra sau bài viết Miền Nam Khai Phóng của anh được đưa lên *internet* vào năm 1996. Bài viết này có nội dung ghi công những người đầu tiên xây dựng nền văn học quốc ngữ. Đây là nguyên văn câu trả lời nhà báo Cát Biền của Nguyễn Vy Khanh:

“ Tôi muốn "của Caesar trả lại cho Caesar" khi viết bài nói trên, muốn nhắc nhở công trạng của những nhà tiên phong xây dựng nền văn học chữ quốc ngữ từ những năm 1865 ở trong Nam. Khi làm công việc đó tôi nhắc đến công của một nhà biên khảo văn học sử trong Nam, giáo sư Bùi Đức Tịnh, từ năm 1974 đã là người đầu tiên đánh giá lại nền văn học đó. Các ông Nguyễn Văn Trung và Thế Uyên (cũng như Bằng Giang) đều là những nhà nghiên cứu đến sau và một phần tình cờ vì hoàn cảnh

của biến cố 30-4-1975, nhưng hai ông vẫn khoe là người có công đầu trong việc đó. Mảng văn học đó từng bị các nhà văn học sử miền Bắc làm ngơ, nay người miền Nam có công nói đến đầu tiên lại bị ... tiếm công! Phần tôi, khi bài được in trong tuyển tập Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng 1 năm 1996 tôi mới biết giáo sư Nguyễn Văn Trung đã từng nghiên cứu Lục Châu Học và cư ngụ cùng thành phố ở Montréal. Trước đó tôi vẫn liên lạc với trưởng nam giáo sư có thời làm chung bộ với tôi và được cho xem nghiên cứu về Câu Đố của giáo sư. Nhân đây tôi cũng nêu thắc mắc không hiểu sao cuốn Đại Nam Việt Quốc Triều Sử Ký (1879) đã do nhóm Nghiên Cứu Sử Địa ở Sài Gòn xuất bản từ năm 1974 (và được giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ tái bản ở Montréal năm 1986) mà vẫn được xem là khám phá mới sau 1982?"

Về bài viết này, ký giả Phan Điền của đài Á Châu Tự Do (Radio Free Asia) có thực hiện một buổi nói chuyện trên đài để Nguyễn Vy Khanh nói về tác phẩm của mình. Tôi cũng có đọc qua một lá thư ngỏ trên *internet* trả lời Nguyễn Vy Khanh của ông Trần Minh Tiến gửi lên mạng ngày 7-7-1997. Theo tác giả lá thư phản bác đôi điều này, đây là một "*reply bình thường*", nên tôi chỉ nhắc đến, để chứng tỏ tiếng vang của bài anh Nguyễn Vy Khanh mà không trích dẫn. (bạn đọc có thể vào Yahoo để tìm, nếu tò mò). Viết nhận định, phê bình đương nhiên phải gặp ít nhiều rắc rối, xin tạm dứt chuyện này để nhìn khái quát sự đánh giá của Nguyễn Vy Khanh về nền văn học Việt Nam Hải Ngoại. Theo anh:

- Văn Học Việt Nam Hải Ngoại phát triển tốt, đa dạng, nhờ lợi thế tự do dân chủ, lẫn phương tiện ấn loát. (Anh quên nhắc đến cái khó khăn trong việc phát hành, lẫn lượng bạn đọc mỗi ngày một giảm)

- Tác giả mỗi ngày một tăng, nhưng thiếu những người có thể thành danh thật sự.

- Nạn lạm phát báo phi văn học là có thực.

- Người viết độc lập ít được các tạp chí văn học tôn trọng, nếu không ngầm tuân theo chủ trương của tờ báo và có thể bị tẩy chay, bôi bẩn nếu có ý đồ phê bình ngay thẳng.

Riêng về bộ môn biên khảo, Nguyễn Vy Khanh, trình bày:

"...Có một số bất cập hoặc yếu điểm: một mặt không hệ thống và lệ thuộc một số trùu sò làng văn nghệ, lệ thuộc các tạp

chí và nhà xuất bản, mặt khác không có điều kiện để phát huy một cách lành mạnh. Không khí trí thức, văn nghệ cũng không có, không có trao đổi và phê bình đúng đắn. Biên khảo văn học sử đang thu hẹp dần, nhường chỗ cho ký sự văn học, tản mạn và giới thiệu sách. Phê bình đối với một số người trở thành chụp mũ, bôi xấu, thí dụ những vụ xào xáo Văn Bút Hải Ngoại, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nhật Tiến, v.v. “

Nhìn qua, Nguyễn Vy Khanh có đôi chút bi quan, tuy nhiên anh sinh hoạt rất đều đặn, tích cực. Có thể ghi nhận quá trình đóng góp của anh xuyên qua sinh hoạt báo chí:

Chủ biên Hội Nhập (1986-89) và Chính Trị (1990-93) của tạp chí *Liên Hội*; chủ biên Canada của tạp chí *Nhân Quyền Droits de l'Homme* (Paris, 1990-1996); thành viên sáng lập và tổng thư ký Trung tâm Việt Nam Học và tạp chí *Vietnamologica* (Montréal, 1994-97). Hiện thuộc ban biên tập tạp chí *Định Hướng* (France), tạp chí web *Nhân Văn* (San Jose CA) và báo nguyệt san *Ngày Nay Newspaper* (Houston, TX).

Biên tập viên, cộng tác thường xuyên với một số báo và tạp chí, cũng như bị/được báo chí trong và ngoài nước cũng như Internet lấy bài mà không hỏi trước:

Trước 1975, ở Saigon : Thăng Tiến, Tiếng Chuông, Tuổi Hoa, Tuổi Ngọc, ...;

Từ 1985 đến 1995: Tân Văn, Văn Nghệ Tiền Phong, Quang Phục, Người Việt, Quốc Gia, Nhân Quyền Droits de l'Homme, Florida Việt Báo, Đất Lạnh, Liên Hội, Hành Trình, Focus Việt Nam, Gia Vàng, Diễn Đàn Hải Ngoại, Đông Phương Thời Báo, Văn, Làng Văn, Trăm Con, Năng Mới, ...,

Sau 1996 : Đi Tới, Dân Chủ Mới, Phương Đông, Thống Nhất, Ngày Nay (TX), Định Hướng, Quê Hương, Văn Tuyên, Sóng Văn, Văn, Hợp Lưu, Văn Học, Saigon Times, Văn Hóa Việt Nam, Vietnamologica, Văn Phong, Kinh Doanh, Chủ Đề, Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng, Quảng Đà LA, Quốc Gia, Nhà Magazine, Nguồn, Đồng Nai Cửu Long, Dòng Việt, Nhánh Nhỏ (Internet), Miệt Vườn (Internet), Hồn Quê (Internet), và nội san các trường Petrus Ký, Võ Trường Toản, Nguyễn Đình Chiểu, v.v.

Tuy bận rộn trong sinh hoạt văn học, Nguyễn Vy Khanh vẫn không thiếu mặt trong các công tác cộng đồng, xã hội: “*làm ông biện nhà thờ 3 lần, một lần ở Quebec City và hai lần ở*

Montréal, hiện tôi làm Tổng Thư Ký hội đồng Quản trị Cộng đồng Công giáo vùng Montréal". Một người có sức làm việc và đóng góp như Nguyễn Vy Khanh thật tuyệt vời cho cộng đồng, cho văn học. Tôi quý sự tha thiết của anh dành cho văn chương Việt Nam.



Vào một ngày, không còn nhớ năm nào, khoảng 10 giờ sáng, chuông điện thoại nhà tôi reo. Liếc nhìn số điện thoại người gọi hiện lên màn kính chiếc *Southwestern Bell*, lạ, tôi định không bắt, nhưng rồi kịp nắm lên. Nguyễn Vy Khanh lần đầu tiên gọi cho tôi. Anh cho biết tiện đường đi ngang nhà, sẽ tạt qua tặng một cuốn sách mới của anh. Vì không có nhiều giờ, anh sẽ đưa sách rồi đi ngay, dặn tôi chịu khó chờ sẵn. Đúng như đã hẹn, Nguyễn Vy Khanh đến giao cho tôi cuốn *Văn Học Và Thời Gian* rồi vội vã xuống thang gác. Đóng cửa trở lại phòng khách, tôi nhìn dung mạo của cuốn sách trước tiên. Mặt trước trang nhã. Màu vàng đất nhạt tổng quát. Một họa phẩm của Khánh Trường, nhưng tôi nhận không rõ chữ ký trên tranh. Họa phẩm được đặt trên một nền vàng nhạt hơn, phía trên. Nền vàng nhạt này có hình chữ nhật, nằm bên dưới hai hàng chữ Nguyễn Vy Khanh màu đen trong dạng chữ hoa và Văn Học Và Thời Gian màu

trắng trong dạng chữ thường, lối trình bày của nhà văn Cao Xuân Huy rất nghệ thuật, vừa đứng đắn vừa lạ. Nhà xuất bản Văn Nghệ đứng tên xuất bản với *logo* màu đỏ, cũng mẫu của họa sĩ Khánh Trường, ông bạn dzàng của tôi. Mặt sau in ba mẫu bìa sách của Trần Độ, Ngô Thế Vinh và Nguyễn Hưng Quốc. Về ngoài của cuốn sách rất đẹp. Lật vào trang trong, tôi gặp một chữ ký, không rõ mặt chữ của Nguyễn Vy Khanh. Anh không ghi dòng đề tặng như những tác giả khác. Tôi có chút ngạc nhiên, nghĩ, đây là sách anh ký sẵn để bán cho bạn đọc trong dịp ra mắt sách còn sót lại. Cuốn sách tự nhiên mất đi một chút xíu trân quý trong tôi. Như vẫn thường nhắc lui, nhắc tới, tủ sách gia đình tôi, đa số đều là sách được tặng. Các nguồn tặng từ tác giả, nhà xuất bản hoặc bằng hữu có lòng mua gởi cho, nhưng có đề tặng Luân Hoán hoặc Lê Ngọc Châu đáng hoàng. Cũng có một số ngoại lệ, rất quý. Đó là sách tôi được đề tặng lại từ một người được tác giả đề tặng cho họ trước đó. Như cuốn Kỳ Nữ Họ Tống tôi vừa mới nhận trong ngày giáp Tết Đinh Hợi. Nhà văn Nguyễn Văn Xuân, tác giả cuốn sách, đề tặng vợ chồng nhà phê bình Đặng Tiên, nhân chuyến anh chị về thăm Việt Nam. Dưới chữ ký tác giả, anh Đặng Tiên đã ghi lời mừng Tết rồi từ Pháp gởi qua tặng lại tôi. Còn một quà nào quý hơn ? Sách được tặng kiều này, tôi thường nhận từ các nhà thơ Thành Tôn, Chu Vương Miện... Tôi thỉnh thoảng cũng tặng bè bạn một số sách tương tự, khi nhận được hai lần tặng phẩm, hoặc tác giả hào phóng gởi cho vài cuốn một lúc. Sách thặng dư của tôi cũng vì lẽ này, đôi khi tôi phải chọn mặt gởi vàng. Xin lạc đề một chút, khoảng đầu thập niên 90, sách nhận tặng thừa gần hai chục cuốn (với nhiều đầu sách), tôi thêm vào hai tập thơ của mình, sai đứa con cùng bạn gái của nó mang tặng thư viện, nổi tiếng phong phú sách Việt ngữ như đã giới thiệu trên: *Bibliothèque du Mile End*. Một ngày tặng sách không đẹp trời. Quản thủ thư viện này lúc bấy giờ là ông Nguyễn Văn Bé, một người rất có lòng với chữ nghĩa Việt Nam. Chính ông là người chọn mọi đầu sách, quyết định nên mua những loại sách nào cho thư viện (sau này tôi được nhà văn Song Thao giới thiệu và ông đặt mua sách vài lần). Nhưng hôm đó ông Nguyễn Văn Bé từ chối nhận sách tặng, dù không liếc qua chồng sách. Tôi có chút thất vọng và hơi què trước thông tin của Thủy Tiên, bạn gái con tôi: “*Ở bên này, thư viện hình như không nhận sách tặng đâu bác ơi. Họ có khả năng đọc và chọn mua với ngân sách*

dồi dào có sẵn. Sách cũ ai mà nhận, biết nó có chứa virus gì trong đó hay không, Hơn nữa đã là sách tặng thì khác gì báo biếu, nội dung toàn nhằm nhĩ không à”. Thật quá đúng ! Tôi vỡ lẽ và vội tìm vài người khác, ít yêu chữ nghĩa hơn để tặng như một chia sẻ, mời mọc sự thưởng ngoạn. Nhắc lại kỷ niệm này chẳng phải tôi lắm cảm, nhưng nhân đây, tôi xin gửi đến những người yêu sách một lời cảm ơn chân tình.

Trở lại với tác phẩm của NguyễnVy Khanh, *Văn Học Và Thời Gian* dày 330 trang, với nội dung, được xếp vào mục lục, in ở những trang đầu:

Phần 1, Một Số Vấn Đề Văn Hóa và Văn Học gồm: Miền Nam Khai Phóng/ Tiếng Việt Qua Một Số Tác Phẩm/Về Nguyễn Đình Chiểu và Lý Luận Văn Học/ Văn Hóa Người Việt Qua Tên Họ.

Phần 2, Tưởng Niệm gồm: Mai Thảo-Hoài Niệm Của Người Viễn Xứ/ Nguyễn Sa-Nhà Báo, Nhà Thơ/ Xem Lá Hoa Côn Bùi Giáng.

Phần 3, Văn Học Hôm Nay gồm: Nguyễn Huy Thiệp Những Chuyện Huyền, Kỳ, Núi, Sông Và Nước/ Xã Hội Việt Nam Dưới Mắt Nhà Văn Phạm Thị Hoài/ Người Lính Trong Truyện Trần Hoài Thư/ Truyện Hồ Minh Dũng; Huế Một Thực Tại Hay Dĩ Vãng/ Thi Cảm Và Ngôn Ngữ Thơ Quan Dương/ Về Truyện Dị Thường Nhân Độc Đoạn Đường Hốt Tất Liệt Của Lâm Chương/ Bên Tây Hiên Xem Qua Mây Trời Suong Mưa Của Hoàng Lộc/ Đọc Khói Sóng Trên Sông Của Nguyễn Văn Sâm

Có lẽ chỉ cần đọc tên bài viết đã cảm thấy được sự nặng ký của chủ đề. Dù gì, tôi cũng chưa bỏ được bệnh xem nặng sự quen biết, nên trích một số câu nhận định về vài người bạn tôi trong Văn Học Và Thời Gian. Kết luận bài đọc thơ Hoàng Lộc, Nguyễn Vy Khanh viết:

“...Đọc thơ Hoàng Lộc người ta dễ cảm với thơ ông, dễ mở lòng ra với tâm sự ông, dễ bồi hồi và nao buồn theo dòng đời trôi nổi...

...Hoàng Lộc đã thành công giữ người khách thơ ở lại lâu bên Tây Suong, với tình với rượu, với những nhớ nhung, tâm sự lớn, nhỏ, nhiều suong, mưa, mây trời, sông nước, với tình và rượu ! Người xưa từng sống, từng hạnh phúc và chịu khổ nạn,

nhưng hôm nay chỉ có chúng ta. Hình như đó cũng là cái bi đát của kiếp người Việt ở nửa cuối thế kỷ XX!”

Về thơ Quan Dương:

“...Đọc xong thơ Quan Dương, Nha Trang, Ninh Hòa, Tháp Bà, những con đường và khu phố thân thương như chập chờn giữa còn mất, như trở về bắt chợt. Cái còn lại là thơ, là những chữ, những cái làm Nên-Thơ từ những chữ rời mà kỹ thuật, tình ý đã “ráp nối”, với âm thanh, nhịp, tiết tấu vv.. Và cái tâm của nhà thơ đã như chất xi măng thượng hạng!...

... Quan Dương càng làm thơ càng chứng tỏ đa dạng, ngày mỗi mới...”

Về truyện của Trần Hoài Thu, Nguyễn Vy Khanh nhận xét:

“... Trong các truyện của Trần Hoài Thu, người đọc thường gặp lại một số hình ảnh, địa danh và nhân vật quen thuộc vì thường là chuyện đời lính của chính tác giả...”

... Truyện Trần Hoài Thu được đón nhận nồng nhiệt bởi người đọc liên hệ xa gần đến người lính Cộng Hòa, đáp ứng nhu cầu tự nhiên tìm về quá khứ của người lính đã hy sinh đời mình cho lý tưởng, nhất là những người lính cô đơn chiến đấu và cô đơn chống trả những oái oăm của định mệnh sau đó. Đó là những truyện nói chung tiêu biểu vì chứng minh văn nghệ vị nhân sinh, thỏa đáng những đòi hỏi của nhân sinh ở một tình huống hôm nay!”

Nhìn chung, Nguyễn Vy Khanh đọc tác phẩm khá kỹ. Trích dẫn hợp lý và nhất là đưa ra những nhận định chính xác và khách quan dù những người ông viết, (trừ những tác giả đã qua đời), hầu hết ông đều có giao hảo thân mật, hiểu khá rõ về mỗi người. Những bài viết trong cuốn sách này quả thật vượt trội hơn những bài tôi đã từng đọc trước khi gặp gỡ Nguyễn Vy Khanh.

Năm 2004, Nguyễn Vy Khanh lại có dịp ghé tôi chơi. Lần này, tôi đã dời về phía Bắc thành phố Montréal, chỗ cư ngụ xa hơn khu người Việt ở *Côte Des Neiges* chừng 15 cây số, đường chạy không *stop*. Nguyễn Vy Khanh ngồi chơi được lâu hơn. Chúng tôi nói nhiều chuyện linh tinh nhưng cũng loanh quanh trong viết lách. Ở hải ngoại hoàn toàn tự do, tha hồ viết lung tung không ai kiểm duyệt, nhưng việc lách trong khi viết vẫn phải có, và tuy theo mỗi người. Không lách trong viết cũng rất

để bị lôi thôi bất ngờ. Nón cối, đặc sản của “*ba dòng thác cách mạng*” có thể đang thất sủng ở quê nhà, nhưng tại hải ngoại vẫn còn là một loại tặng phẩm đặc biệt, người ta vẫn sẵn sàng ưu ái tặng nhau. Chẳng đi đến đâu nhưng cũng nhưc đầu lắm. Giao hảo giữa tôi và Nguyễn Vy Khanh đã khá thân mật. Chúng tôi đã có những bữa ăn chung do bè bạn đãi. Cười, nói cụng ly coi bộ rất đề huề. Lần ghé thăm tôi vào ngày 18 tháng 3 năm 2004, Nguyễn Vy Khanh mang tặng tác phẩm *Văn Học Việt Nam Thế Kỷ 20*. Anh đề tặng tôi tại phòng khách: “*Bản quý tặng anh chị Luân Hoán*” rồi ký tên và có cả con dấu đỏ. Phải thế chứ. Cuốn sách tăng lên giá trị gấp bội. Đừng vội cho tôi chuộng hình thức, hư danh hay với bất cứ từ nào. Sách tặng mà không đề tặng, đâu giữ được chân tình của tác giả.

Cuốn *Văn Học Việt Nam Thế Kỷ 20* dày đến 668 trang, nhà xuất bản Đại Nam tại Hoa Kỳ ấn hành. Bìa trước chỉ trình bày chữ, giản dị. Bìa sau in ảnh vẽ Nguyễn Vy Khanh thực hiện bởi họa sĩ Nguyễn Quốc Tuấn. Sách nặng ký lô, nên cũng nặng tiền, hai mươi hai Mỹ kim, có lẽ cũng đáng với nội dung của nó. Mời đọc mục lục:

Hiện tượng và thể loại

1. Những hiện tượng văn học Việt-Nam thế kỷ XX

Thời xây dựng - Văn học tiền chiến - Văn học kháng chiến - Văn học miền Nam - Hiện tượng ấn phẩm xám và những người viết trẻ - Văn học hải ngoại

2. Các thể loại ngắn

Truyện ngắn - Tân truyện - Truyện vừa - Tập truyện - Hiện tượng truyện thật ngắn

3. Tiểu thuyết

Hình thành của thể loại tiểu thuyết - Tiểu thuyết Việt Nam - Các khuynh hướng chính: tả thực, lãng-mạn - Một số đặc điểm của tiểu thuyết - Kỹ thuật tiểu thuyết - Hiện tượng tự truyện - Tiểu thuyết hay truyện kể

4. Tiểu thuyết lịch sử

5. Thi ca

Hồi đầu thế kỷ - Thơ Mới - Thơ kháng chiến và cộng-sản - Thi-ca miền Nam - Thơ theo người ra khỏi nước - Thơ những năm cuối thế kỷ

6. Về phê bình
Phê bình và đời sống - Tác phẩm lớn nhỏ
Hiện tượng và tác giả
7. Văn học lục tỉnh 1954-1975 : Các nhà văn - Các nhà thơ
Nam tính
8. Nỗi nhớ qua một số tác giả: Xuân Vũ - Hồ Trường An -
 Kiệt Tấn - Nguyễn Tấn Hưng - Phùng Nhân
9. Văn chương lưu đày: Quá khứ - Kẻ lạ - Cái chết - Hội-
 nhập - Hội-nhập qua một số nhân-vật của Nguyễn Trung
 Hối
10. Về dục tính và nữ quyền
11. Thơ Vũ Hoàng Chương
12. Bùi Giáng : con đường ngã ba
13. Thơ Thanh Tâm Tuyền
14. Thơ Tô Thùy Yên, quán trọ hồn đông-phương
15. Thơ Du Tử Lê
16. Bình Nguyên Lộc
17. Võ Phiến những năm 60
18. Võ Hồng, nhà giáo
19. Duyên Anh
20. Nhật Tiến
21. Dương Nghiễm Mậu : cuộc đời tình cờ
22. Nhân vật tiểu thuyết Thanh Tâm Tuyền
23. Kết một thế kỷ văn học.
- Danh mục Tác giả

Đây quả là một công trình dài hơi, Nguyễn Vy Khanh đã vịn vào lòng say mê văn học của mình để hoàn thành. Có lẽ đã có những nhận định, đánh giá tác phẩm này đâu đó mà tôi chưa tìm thấy. Phần thưởng quý nhất của một tác giả là sự trưởng thành của tác phẩm. Khen, chê đều là những đánh dấu của sự trưởng thành.

Theo dự tính Nguyễn Vy Khanh cho biết, anh sẽ cho phát hành trong năm 2007, hai công trình biên khảo: *Văn Học Văn Hoá Miền Nam 1865-1975* và *Văn Học Việt Nam Hải Ngoại*, cả hai chủ đề đều rất hấp dẫn và cần thiết. Hy vọng Nguyễn Vy

Khanh sẽ thực hiện được trước khi “...chuẩn bị để trở lại với lãnh vực triết lý hoặc văn hóa thuần túy. Tôi đang sơ thảo viết về triết đạo và cũng đang nghiên cứu thêm về huyền thoại lập nước và dựng nước theo Kinh Dịch cũng như một số khám phá mới. Tôi muốn nghỉ viết văn học sử là để làm những công việc này mà tôi hy vọng thích thú và thoải mái hơn, ít ra cho tôi! ...”

Học và Viết vẫn là hai mục tiêu hàng đầu của Nguyễn Vy Khanh, một người có quan niệm minh bạch:



“... Tôi thì vẫn quan niệm làm gì thì mình vẫn luôn đi tìm sự thực. Trong thi-ca đó là cái đẹp thật, nguyên tuyền, là chân thật của nhà thơ khi diễn tả tâm tư, cái nhìn, thành lời, thành thi tính! Trong truyện cũng vậy, có cái thế-giới thật nội tại và có cái hiện thực nhân sinh. Theo dõi và nghiên cứu văn học sử với tôi cũng là một phương tiện tìm kiếm sự thật và chia sẻ với người đọc. Còn chính trị thì tôi vẫn chủ trương dấn thân dưới một số hình thức vì liên hệ đến an sinh con người kể cả những "cây sậy" biết suy nghĩ. Nhà văn phải biết sống với chính trị, nếu không dễ

tiêu tùng lắm. Làm văn học mà nịnh vua, nịnh lãnh tụ lộ liễu sẽ có ngày tự mình phản bội lấy mình và "tác phẩm" dễ rơi vào quên lãng, vì trước hết gây dị ứng với người đọc, sau nữa các lãnh tụ sống không thọ lắm, rồi nào tư cách, v.v.! Tôi từng gần

với nhiều giáo sư đại học, nhiều nhà nghiên cứu, lý thuyết, nên cũng biết được một số chuyện đau lòng (theo tôi) ! Vấn đề muôn đời của nghệ thuật vị nhân sinh mà không bị nhân sinh, chính trị biến nghệ thuật thành tôi đòi, vong thân, mất cá tính, bản thể!”

Trong một email, gởi cho tôi phần tiểu sử, Nguyễn Vy Khanh thông thêm câu quan niệm của anh:

“Kiến thức cũng như nghề nghiệp chính thức và nghiệp dư, sau nhiều thập niên hoạt động, cho chúng tôi tâm niệm và ý chí, trong khả năng khiêm tốn và khả thể, đi tìm sự thực và ghi lại cho các thế hệ sau, với hy vọng rằng chỉ có thống nhất nhân tâm và địa lý khi nào những khúc mắc và vấn nạn lịch sử đã được nhìn nhận và giải tỏa”

Nguyễn Vy Khanh, không phải là bạn văn của riêng tôi. Anh là bạn của mọi tác giả trước khi trở thành thân hữu của bạn đọc và ngược lại. Sách của Nguyễn Vy Khanh không rõ tiêu thụ như thế nào. Thị trường chữ nghĩa hải ngoại nghe ra vẫn còn khá quan. Bài viết của Nguyễn Vy Khanh từ sách, từ báo vẫn đều đều xuất hiện trên các trang web. Đây là điều đáng mừng, dù các trang chủ chẳng mấy khi gởi đến tác giả một tiếng cảm ơn. Đăng bài, còn giữ tên người viết đã là một nghĩa cử cao đẹp của người phổ biến giúp rồi. Có trang nằm ngoài khu vực hải ngoại, cắt vứt đi cái tên cũng huê thôi. Chẳng bạn văn nào muốn lời thôi làm gì.

Mùa thu năm 2006, tôi đang ngồi lên tiếp danh sách bạn bè để dựa hơi, thì Nguyễn Vy Khanh ghé qua. Lần này anh mang cho cuốn tiểu thuyết *Xứ Đạo* của tác giả Nguyễn Triết Văn. Một cái tên rất lạ. Nguyễn Vy Khanh cho biết cũng là một cư dân của Montréal. Tôi nhờ anh chuyển lời cảm ơn. Vì không phải sách của Khanh, nên anh không đề tặng. Tôi lật trang đầu, vui tay ghi: *“sách do Nguyễn Vy Khanh cho”*. Tác phẩm đến từ sách tôi đều phải có xuất xứ. Đây là cái bệnh, tôi mắc phải từ hồi xa xưa. Hồi đó, thỉnh thoảng có những dòng: *“mua trong lần núp mưa với H tại quán sách...”* hoặc *“kỷ niệm ngày đi chơi đầu tiên với L”*vv..., sau này, lâu lâu xem lại, hồi tưởng miên man, thú vô cùng. Không có nét-chữ-sống trong cuốn sách của tử sách gia đình, cuốn sách đó có vẻ thiếu duyên dáng, bạn có thấy vậy không ?

Bạn văn của tôi sống tại Montréal khá đông. Một số đã cho tôi dựa hơi. Một số tôi chưa có dịp bén tiếng xin phép. (không phải bén tiếng mời chung tiền, mỗi người vài ba trăm ân phí. Và nếu viết với nội dung thuần túy văn học, thì chẳng cần xin phép ai.) Nguyễn Vy Khanh đem lại cho tôi sự lo lắng ngay sau khi anh *ok*. Viết về một người bạn thơ, văn, họa, nhạc đã khó, viết về một bạn chuyên về biên khảo càng khó hơn. Đương nhiên tôi phải lách. Làm thế nào để không là phê bình một nhà phê bình với những tác phẩm mình chưa tiêu hóa kỹ. Rất cảm ơn ông Cát Biển qua những câu hỏi của ông dành cho Nguyễn Vy Khanh. Vịn vào đó, mà tôi vẫn còn quờ quạng y như hồi viết mấy câu: “*Anh chàng cao học triết/ coi bộ cũng bánh trai/ quản thủ một thư viện/ có dịp đọc dài dài/ buồn tay ngòi múa bút/ và in sách lai rai/ cuộc chơi trôi chảy miết/ nao nao gió hiên ngoài*”. Múa bút không biểu thị sự viết nhảm như một số bạn liên tưởng đến múa mỏ. Múa bút thường nói lên vẻ tài hoa của bàn tay, y như cụ đồ của nhà thơ Vũ Đình Liên. Tiếc là lúc này ít còn ai múa bút. Cái bàn phím chữ thật lợi hại. Người sinh hoạt chữ nghĩa chỉ có dịp múa bút khi đề tặng, ký tên. Các bạn của tôi làm ơn nhớ giùm, gởi sách của ai cho tôi đừng quên đề tặng. Nếu không dễ tạo cho tôi buồn tay viết bậy, như từng đề trong một cuốn kinh dịch: “*Sách ăn cắp ở chùa...*” với hai câu thơ phụ đề “*Tình cờ ăn cắp cuốn kinh/ trong hôm được phép đưa em đi chùa...*”.



Thái Tuấn ***thiếu nữ, nét thơ trong họa phẩm***

Tôi xóa tức thì hai chữ “danh họa” vừa gõ xuống bàn phím trước cái tên Thái Tuấn, bởi chợt nhớ, có một số người đã dễ dãi dành từ “danh” cho những đối tượng họ yêu thích hoặc quen thân trong bộ môn âm nhạc, làm cho chữ “danh” có phần nào giảm giá. Lý do thứ hai tôi không dùng hai từ rất xứng đáng với anh Thái Tuấn, vì tôi nghĩ, sẽ có ít cái cau mày trong những người cầm cọ Việt Nam. Trong làng họa của chúng ta, hình như lâu nay chưa ai công nhận ai là danh họa cả. Như vậy thật không nên “tán phong” một đẳng cấp mà có thể chính anh Thái Tuấn không thích. Dùng hai chữ đơn giản “họa sĩ” vẫn là tốt nhất.



Họa sĩ Thái Tuấn được ra đời trong một gia đình khá giả vào ngày 11 tháng 9 năm 1918 tại phố Hàng Bông - Thọ Nhuộm Hà Nội với tên thật là Nguyễn Xuân Công. Theo một vài tài liệu, Thái Tuấn đến với hội họa bằng tự học (self-taught). Nhưng trong một bài viết tại Orléans ngày 20 tháng 10 năm 2005, nhà phê bình văn học Đặng Tiến cho biết, họa sĩ Thái Tuấn đã có mặt tại trường Mỹ Thuật Gia Định cùng với người bạn đồng tuổi, họa sĩ Nguyễn Tử Nghiêm. Hơn thế nữa, anh đã có hai năm (1938-1940) với trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội, trong khóa học có cả cố nhạc sĩ Đặng Thế Phong. Có thể vì con đường đến với hội họa qua ngã trường ốc không dài thời gian bằng công sức tự tìm hiểu, trau dồi đến thành công, nên hai chữ “tự học” có phần chính xác. Nhưng dù dưới hình thức học tập, rèn luyện nào, Thái Tuấn cũng đã thành danh. Anh là một họa sĩ nổi tiếng trong làng họa Việt Nam, trước 1975 và còn vang danh trong hiện tại.

Trong thời gian kháng chiến chống Pháp, họa sĩ Thái Tuấn tản cư về Thanh Hoá, quê ngoại của anh. Tại đây, anh góp tay với phong trào kháng chiến bằng cách vẽ tranh cổ động, cùng

nhiều sinh hoạt văn hóa khác bên cạnh những nhà văn, nhà thơ Thanh Châu, Quang Dũng, Hồ Dzếnh, Nguyễn Tuân...Sau ngày 20 tháng 7 năm 1954, Thái Tuấn theo đoàn người tìm tự do, anh vào Nam sống trong một con hẻm trên đường Yên Đổ, Sài Gòn. Địa chỉ nhà anh được nhà văn Văn Quang chỉ dẫn rất hóm hỉnh:

“... Căn nhà anh nằm chen chúc giữa một “đống” ngả ba ngả tư trong con hẻm nhỏ xíu. Từ con hẻm 150 Lý Chính Thắng (tên mới sau 1975, LH ghi chú) thông sang con hẻm 152, đi đường nào cũng được và đi đường nào cũng có thể bị lạc giữa “rừng nhà” chật chội. Những số nhà “suyêc” lung tung chẳng còn ra hàng lối gì. Nhà của anh số 150/31/5, nhưng nếu không hỏi thăm những người quanh đó thì cũng chẳng biết đâu mà mò. Căn nhà đó anh ở từ rất lâu rồi, trước những năm 1975 đến nay. Bây giờ cũng vẫn vậy, thêm được cái hàng rào và cái cửa sắt bé tẹo trước cửa. Nếu tôi nhớ không lầm, xưa kia là cửa gỗ”

Những năm đầu tại thủ đô miền Nam, Thái Tuấn sống cùn cù với nghề vẽ bảng hiệu, trang trí cho một cửa hàng vẽ quảng cáo của một người Pháp, rồi làm thư ký cho nhà in Trương Vĩnh Ký. Đến giữa thập niên 50 anh mới bắt đầu dùng sơn dầu cho các họa phẩm của mình. Bút danh Thái Tuấn cũng được khai sinh vào khoảng 1956. Là một người có tài năng và yêu nghề, những sáng tác của Thái Tuấn sớm được giới cầm cộ cũng như những người thưởng ngoạn đón nhận. Anh trở thành một họa sĩ tên tuổi bên cạnh những Tạ Tỵ, Ngọc Dũng, Duy Thanh...những người có công đẩy mạnh nền hội họa hiện đại Sài Gòn sớm thành hình và trưởng thành. Cùng với vẽ, Thái Tuấn còn nghiên cứu, viết những bài tiểu luận về hội họa có giá trị, cho phổ biến trên các tạp chí Sáng Tạo, Văn, Bách Khoa...Anh cũng cho mở cuộc triển lãm cá nhân đầu tiên vào năm 1958 tại trụ sở *Aliance Francaise* Sài Gòn. Những cuộc bày tranh tiếp theo vào các năm: 1970 tại *Galerie Dolce Vita* Saigon, năm 1973 tại *Continental Palace* Saigon, càng làm giàu thêm danh tiếng của anh. Và với uy tín ngày một vững, anh thường có mặt trong Hội đồng Giám khảo của các cuộc triển lãm có giải thưởng.

Năm 1984, anh chị Thái Tuấn sang Pháp sống cùng cô con gái tại Orléans, một thành phố có tuổi thọ cao, xinh đẹp với các ngôi nhà cổ xưa, các bảo tàng viện, bên dòng sông Loire êm ả.

Anh vẫn tiếp tục sáng tác, lai rai viết tiểu luận và rong chơi qua nhiều quốc gia. Nămchị Thái Tuấn bắt ngờ, bỏ anh về nước Chúa trước một bước. Tinh thần người họa sĩ có phần suy sụp. Nhưng rồi con chuột của kỹ thuật điện toán giúp bàn tay sáng tạo đến với một lối vẽ mới. Cuộc chơi vừa nhàn tay, Thái Tuấn phải vào nhập viện tại Orléans ở tuổi 88. Với thân hình mảnh khảnh, cao như cây sào trên bến sông, nhưng sức khỏe của người yêu cái đẹp, yêu màu sắc sớm ổn định. Như đề dọn sẵn cho mình những ngày còn lại tốt đẹp, Thái Tuấn hồi hương. Người con trai của anh vẫn giữ vững tổ ấm cũ. Anh lại về đây, nằm trên gác cao, trong căn phòng nhỏ. Anh ít khi ra ngoài, một đôi khi mới tiếp vài người bạn thân cũ. Anh đọc sách, nghỉ ngơi và vẽ ngay tại chỗ nằm, chỗ tiếp giáp với nắng gió mỗi ngày. Họa phẩm của anh vẫn thông dong thành hình, không nhiều lắm nhưng cũng vừa đủ cho anh bày ra cho thị dân Sài Gòn thưởng ngoạn.

Cuộc triển lãm 13 họa phẩm, có tên Về Nguồn, của Thái Tuấn, khai mạc từ 10 giờ sáng ngày 09, tháng 12 năm 2006, kéo dài đến 12 ngày sau, là một tặng phẩm, anh dành riêng cho giới thưởng lãm hội họa trên đất nước thân yêu của mình. Tiếng vang của cuộc triển lãm thật đáng vui mừng. Nhiều bài viết tán thưởng được phổ biến. Nhiều vụn tin có vẻ thật tình được đăng tải. Trong đó có tin từ trang báo điện tử VNExpress, ngày 8-12-2006 dưới tiêu đề *“Hà Nội thanh lịch, mơ mộng trong tranh Thái Tuấn”*. Bản tin có những câu:

“Họa sĩ Thái Tuấn là khuôn mặt tiêu biểu cho nền văn học nghệ thuật miền Nam trước 1975...Triển lãm lần này của họa sĩ Thái Tuấn là một niềm vui cho người yêu tranh Việt Nam....”

Ở mặt nội dung, Về nguồn không thay đổi so với triển lãm của Thái Tuấn cách đây gần 5 năm cũng tại TP HCM. Nhưng về màu sắc, nét vẽ đường như lại càng trẻ trung, tươi tắn, say mê hơn. Trong số 13 bức tranh, chỉ có 1 bức vẽ phong cảnh thôn quê, 12 bức còn lại diễn tả vẻ đẹp duyên dáng, tao nhã của thiếu nữ miền Bắc thuộc nhiều thành phần khác nhau...”

(Anh Vân)

Trong một bài viết khác, có tên *“Thái Tuấn - đời như tranh vẽ”*, cũng được đi trên mục Mỹ Thuật của báo VNExpress, Anh Vân viết tỉ mỉ, thân tình hơn. Ông cho biết đã đến thăm chỗ ở, chỗ làm việc của Thái Tuấn. Theo Anh Vân, Thái Tuấn vẫn như xưa: *“...mái tóc bông, vóc người gày gò, nhanh nhẹn không*

đôi” Và người yêu thích tranh Thái Tuấn nhận xét: “dường như Thái Tuấn chung thủy với những nề nếp của riêng mình với những gì xưa cũ”. Anh Vân cũng tiết lộ, người họa sĩ tóc bạc nhưng lòng vẫn trẻ ấy đã nói đùa với ông: “Tôi 88 tuổi rồi mà chưa có cái nhà, nhà đang ở là của thằng con. Đến bây giờ vẫn không có nghề”. Và chân thành hơn là khiêm nhường khi nói về cái nghiệp của mình: “Họa sĩ hay không thì nằm ở trong tranh. Nghệ sĩ hay không là ở tính tình. Người ta gọi thì tôi nghe, không bao giờ dám tự nhận”. Trong bài viết, Anh Vân còn cho chúng ta một số thông tin quý về họa sĩ Thái Tuấn, mà có lẽ Anh Vân được chính người mình đến thăm tâm sự, đề ghi lại “ Khi rời quê hương ra đi, ông chỉ đem theo vốn vẹn 2 bức tranh do ông vẽ. Đó là hai bức tranh cuối cùng mà ông đã bán cho người bạn ở Sài Gòn. Bạn ông xuất ngoại nhưng không có điều kiện mang theo, nay mang qua trả khổ chủ. Ở Pháp, mỗi năm ông vẽ trung bình 10 bức, phần nhiều là tranh về phụ nữ Việt Nam. Ông vẽ vì hình ảnh quê hương day dứt trong tâm tưởng. Vẽ vì người vợ tảo tần luôn sát cánh bên ông trên những bước thăng trầm của cuộc đời. Vẽ vì trong những giấc mơ ngày đông giá buốt, hình ảnh con sông Lô cuộn cuộn chảy về. Con sông đó một thời gắn với tuổi thơ Thái Tuấn: mỗi ngày ông phải đi đò từ đồn điền nơi cha làm việc sang bờ bên kia để đi học.

Vì công việc của bố mình, tuổi thơ và thời niên thiếu của Thái Tuấn không sống cố định một nơi. Từ khi sinh ra đến khi 5 tuổi, bố của ông giữ nhiệm vụ trông coi cả vườn Bách Thảo Hà Nội ngày ấy nên ông được sống giữa thiên nhiên xanh mát. Rồi sau đó, ông lại theo gia đình đến sống ở Thanh Hóa, Tuyên Quang, Nam Định ... những cảnh đẹp, nếp sống, tính tình của người dân quê miền Bắc đã đi vào tâm thức của cậu bé mộng mơ Thái Tuấn . Dĩ nhiên, nhà báo Anh Vân cũng tinh thoảng đưa ra vài nhận xét về nghệ thuật hội họa của Thái Tuấn: “... tranh ông tiêu biểu cho nét văn hóa, tính cách Việt Nam: dịu dàng, tinh tế.”, “... Tranh chỉ vẽ chân dung, nhưng trong từng vóc dáng, màu sắc còn thấp thoáng cả dòng sông, cánh đồng ngọn đồi miền Bắc”. Xin được cảm ơn ông Anh Vân và VNExpress.

Một người thành danh trong văn chương từ thời Việt Nam Cộng Hòa, nhà văn Văn Quang, vốn đã có nhiều thân tình với Thái Tuấn, đã vén khéo tường thuật cho chúng ta biết những ngày tháng sinh hoạt tại quê nhà của tác giả Câu Chuyện Hội

Họa (Cảo Thơm xuất bản trước 1975, nxb Văn Nghệ và công ty văn hóa Phương Nam tái bản lần thứ 3, năm 2006), cùng những nhận xét của ông về nghệ thuật tạo hình Thái Tuấn:

“... Anh đưa tôi lên lầu. Căn lầu cũng chỉ có hai phòng. Căn phòng của anh ở kê vừa đủ một cái giường, một cái ghế dựa dây nilon và một cái bàn nhỏ. Tất cả chưa được 4m2. Trên tường, chỗ nào cũng là tranh của anh mới vẽ. Tôi không hiểu anh vẽ ở chỗ nào. Hiểu ý tôi, anh cười:

– Tôi vẽ ngay ở đây, trong trái tim này, chẳng cần nhìn đi đâu cả. Từ ngày về Việt Nam đến nay vẽ được 8 bức rồi đấy.

Có một bức tranh, có lẽ anh cho là thú vị nhất treo ngay ở đầu giường. Những bức khác cũng “toàn con gái”. Vâng, theo tôi, toàn là thiếu nữ, chứ... không phải “đàn bà”. Tất cả đều trẻ trung, nhưng mỗi người một vẻ, mỗi khuôn mặt một nét riêng, có một tiếng nói âm thầm nào đó cũng rất riêng. Mỗi dáng điệu cho người xem một cái nhìn khác. Cái huyền bí của thế giới thiếu nữ chẳng bao giờ nói hết được và chẳng ai giống ai. Có con gái bên song cửa đợi chờ cái gì, không ai biết. Người kịch sĩ suy tư sau ánh đèn sân khấu, khác với những cô gái nhón nhơ vô tư như những bông hoa giữa phố phường... Tranh của Thái Tuấn là như thế. Đôi khi anh cũng vẽ Paris và những người đàn ông, thân hoặc đôi lúc cũng có những bàn tay nồn nà với khói thuốc. Cũng có khi là một “tĩnh vật” rất đời thường. Song tranh Thái Tuấn rất ít đường nét phức tạp. Mọi hình thể đều được giản dị đến mức tối đa, không có những chi tiết nhỏ nhặt, vậy mà người xem vẫn cảm thấy được. Xem tranh Thái Tuấn để cảm nhận ngay từ khi vừa bắt đầu nhìn thấy và sau đó mới là sự đi tìm những nét tinh tế ẩn chứa phía sau.

Với cái tuổi của anh, tất cả những họa phẩm đều rất trẻ và tươi mát qua vài đường nét và đặc biệt là màu sắc. Ngay cả khi bắt gặp một dáng vẽ trầm mặc của một cô gái “mơ về cội nguồn”. Tám bức tranh mới vẽ từ khi về Việt Nam của anh không đủ chỗ treo trên tường. Người con trai anh phải mang thêm vài bức ở phòng ngoài vào phòng trong. Khách đến chơi ngồi ngay trên giường ngủ của anh. Nhà anh không có chỗ trưng bày tranh như những họa sĩ khác. Muốn xem hoặc mua tranh của anh phải đến triển lãm...”

(Văn Quang – Thái Tuấn Ở Sài Gòn)

Họa sĩ Trịnh Cung, hiện đang sống tại Sài Gòn thuật lại cuộc triển lãm của Thái Tuấn cho đài BBC Luân Đôn, trong đó có đoạn:

“...Rõ ràng, Thái Tuấn từ những năm 30 cho đến Thái Tuấn 89, ngoài một số ít tranh vẽ về nhân vật đàn ông như những bức tự họa; chân dung cổ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn (“Hoá thân”); nhạc sĩ Phạm Duy cùng cây đàn guitar (“Rừng thông”) và một ít tranh tĩnh vật, phong cảnh, Thái Tuấn vẫn chỉ vẽ gần như có mỗi một nhân vật: người đàn bà của vùng quê ông, nói đúng hơn là vùng quê Thanh Hoá của người vợ đã quá cố của ông, cho dù ông sống ở Sài Gòn, Paris hay Hoa Thịnh Đốn.

Tất nhiên, không phải ông không vẽ những phụ nữ Việt thuộc các vùng khác, nhưng hầu như tất cả họ đều trở thành “nhân bản” của người đàn bà nào đó mãi sống trong tâm tưởng ông như nàng Jeanne Hébuterne đối với nhà danh họa Modigliani.

Thực ra, ai đó là mẫu người cho bức tranh, không chỉ là trường hợp của Thái Tuấn, các họa sĩ khác cũng vậy, chỉ là cái nguồn cho sự tuôn trào hội họa và nhờ vào sự tuôn trào ấy mà nhân loại đã có được những tác phẩm tuyệt vời về phụ nữ. Đối với một bức tranh, chỉ có cái đẹp hội họa là ở lại.

Người xem tranh sẽ nhớ mãi về cách vẽ, về bảng màu, về nghệ thuật tạo hình, về vấn đề cuộc sống mà người họa sĩ đã tạo ra, (và cũng chính những điều này làm nên phong cách của người họa sĩ), mọi sự thực khác về đề tài rồi cũng đều mất đi, cùng lắm là còn lại sự tiếp tục bàn luận người trong tranh là gì đối với tác giả, cuộc tình đầy bão tố giữa họ xảy ra như thế nào, ... chẳng hạn như sự rất tầm phào vẫn còn tiếp tục xảy ra khi có những ai đó vừa khám phá ra thêm sự bí hiểm của nụ cười nàng Mona Lisa.”

(Trịnh Cung viết cho đài BBC, 09-12-2006)

Từ những họa phẩm giản dị nhưng giàu nghệ thuật của Thái Tuấn, giới cầm cọ cũng như những người thưởng ngoạn có khá nhiều nhận định. Mời đọc một số phát biểu:

“Thái Tuấn đến với sơn dầu ở tuổi bốn mươi, nên tranh anh ít sắc cạnh, khai phá, mà giàu chất hoài niệm và tính văn học, tạo không gian thoáng rộng, u hoài, thi vị. Đề tài, ưu tiên là phụ nữ trong nhan sắc, dáng dấp, cử chỉ, y phục thuần túy Việt Nam trên nền màu sắc dịu nhẹ, dung dị mà tế nhị. Nhan sắc

ở đây chủ yếu không phải chỉ là nữ sắc mà là một thoáng đẹp giữa trần gian. Thái Tuấn vẽ nét đẹp của phụ nữ hơn là phụ nữ đẹp, người đàn bà hóa thân làm vẻ đẹp trong tranh, diễm ảo mà hư ảo, một thoáng hồng nhan, như một lời thơ. Họa sĩ Đinh Cường, tâm giao và thâm giao với anh từ non nửa thế kỷ, đã có lần nhận xét Thái Tuấn biến bức tranh thành một cấu trúc tiềm ẩn. Anh chỉ vẽ tiếng hát chứ không vẽ người mẫu, mà vẫn nhìn ra (ca sĩ) ; anh thường tâm sự : vẽ người mà không vẽ người. Vẽ như không vẽ mới đã....

... Tiếng Pháp gọi họa sĩ là *artiste-peintre*; ở Thái Tuấn, chất *artiste* nhiều hơn chất *peintre*, anh là nghệ sĩ hơn là họa nhân, anh là thi sĩ vẽ tranh, gọi anh là họa sĩ-thi nhân, như một Vương Duy thời Đường, có lẽ đúng. Trong mỗi họa sĩ, có một nghệ sĩ và một nghệ nhân : nghệ nhân lấy bức tranh làm đối tượng, nghệ sĩ lấy Cái đẹp làm cứu cánh. Mà chữ đẹp viết hoa là cõi Vô Cùng. Từ đó mỗi bức tranh Thái Tuấn dù đã hoàn tất và toàn bích, vẫn còn, vẫn là nỗi chờ mong - thiếu vắng. Đó là cách đọc những khoảng mông mênh trong tranh Thái Tuấn, những trời thu xanh ngắt, quanh vắng chiều sông, nắng chia nửa bãi, để mông tàn lầy, nhớ nhà châm điếu thuốc. Một không gian tư lự, u hoài và mơ ước trong mùa xuân chưa đi, mùa thu chưa đến. Đời Thái Tuấn là một bức tranh duy nhất và dở dang. Vẽ hoài mãi vẫn chưa xong một vạt trắng tơ, một tà nắng lụa.

Giới phê bình thường nhận xét: tranh hiện đại, tây phương của Thái Tuấn vẫn giàu chất Á đông và dân tộc. Thật ra anh không mấy chú tâm vào truyền thống, trường phái hay dân tộc tính, thậm chí trong thời kỳ sáng tác dồi dào nhất, những năm 1960-1970, anh còn hờ hững với dân tộc, định hình trong biên giới và lịch sử. Sau này, 1984, ra nước ngoài, ở tuổi xế chiều, anh mới hoài vọng về cảnh nông thôn và nông dân Bắc Bộ hồi đầu thế kỷ trước. Và đề tài quê hương mới rõ nét như một ám ảnh..."

(Thái Tuấn - Đặng Tiến)

Nhà phê bình văn học Đặng Tiến có những nhận xét về hội họa của Thái Tuấn thật thi vị nhưng cũng vô cùng chính xác. Thật khó mà không thấy những nét thơ trên từng họa phẩm của Thái Tuấn. Quan sát tỉ mỉ tất cả những người đẹp xuất hiện trong tranh Thái Tuấn, những người con gái được bản chất nghệ sĩ nhưng đôn hậu của anh cho ra đời, chúng ta gần như không bắt

gặp được khuôn mặt nào xinh đẹp, lộng lẫy. Sự quyến rũ, thu hút của những người nữ Thái Tuấn nằm vào cái dáng, cái yêu điệu cốt cách của tổng thể cơ thể. Những đường nét thanh tú tỉ mỉ chi tiết không được đặc biệt chú trọng, ngay cái sống mũi thanh nhã cũng gần như bị xóa nhòa trong họa phẩm Thái Tuấn. Nhưng cũng từ cái nét đặc biệt, không ai giống này, những nhan sắc thực nữ của Thái Tuấn luôn luôn gợi sự chú ý và tạo ra một nỗi băn khoăn một cách lạ lùng. Tôi nhớ đã từng nghe lời khuyên của ai đó, đại ý : muốn làm một họa sĩ an toàn, không nên vẽ người, chỉ nên vẽ cỏ, cây, hoa, lá, sông, núi, trời, mây, con chim, con cá, con cọp, con chồn...gì gì cũng được. Bởi những động và thực vật không có miệng để ta thán, khen chê, trách hờn. Thái Tuấn dĩ nhiên không bao giờ ngại phê phán. Nhân vật của anh có đủ miệng, môi. Như vậy việc anh loại bỏ cái mũi ra khỏi khuôn mặt chỉ thuần túy là một nét nghệ thuật riêng. Tôi bàn về hội họa với một kiến thức bình dân và nông cạn, chỉ nhìn thấy cái trước mắt, và có chút lập dị, làm dáng cho ra cái điều cũng yêu thích hội họa vậy thôi, xin lượng thứ. Để chuộc lỗi, tôi xin trích nhận xét của nhà phê bình hội họa thứ thiệt Huỳnh Hữu Ủy, viết về Thái Tuấn:

“... Anh luôn luôn ao ước vẽ một bức họa tinh giản, ít màu, ít nét và để nhìn khoảng trống rộng rãi. Những chi tiết như nếp nhăn trên khuôn mặt hay trên một tà áo thường bị loại bỏ, anh không ưa vẽ từng ngọn cỏ, đếm từng cái lá. Ở đây, chúng ta thấy rất rõ là Thái Tuấn đã tổng hợp tinh túy của nghệ thuật Á Đông và kỹ thuật hội họa Âu Châu để vẽ nên những tác phẩm của mình, là sự khoáng đạt của những chấm phá giản dị nơi nghệ thuật thủy mặc cộng với nghệ thuật sơn dầu của phương Tây. Anh thường xuyên suy nghĩ, chiêm nghiệm về những khoảng trống để tạo nên không gian mênh mông, hài hòa trong sắc màu trầm mặc...”

(Huỳnh Hữu Ủy, Garden Grove, California tháng XII, 1996)

Họa sĩ Nguyễn Đồng, phu quân của họa sĩ Nguyễn Thị Hợp, thế hệ trẻ hơn Thái Tuấn ghi nhận:

“...Cũng như vẻ đẹp tranh Thái Tuấn sẽ được nhìn ngắm vượt ngoài những giải pháp kỹ thuật mà ông có khuynh hướng giản lược trong số ít màu sắc và ánh sáng quen thuộc cùng với nét vẽ của riêng ông. Tôi bỗng nghĩ tới bức “hóa thân”, cách đây đã lâu rồi, mà tôi đã thích hồi đó: ở phòng tranh của Thái

Tuấn ngày nay, trong từng bức tranh, tôi cũng có cảm tưởng như bắt gặp được sự hoá thân hay nhập thể của cảm thức mỹ thuật, trong mỗi trường hợp riêng lẻ”

(Nguyễn Đồng – Xem tranh Thái Tuấn)



Nhà văn Võ Phiến, với mấy dòng dưới hình thức thơ “Gửi Thái Tuấn”:

*“Thế cuộc bao lần thay đổi/ chiến tranh mấy lượt tiếp
nhau,/ anh vẽ,/ từ bắc vào nam, từ đông sang tây/ từ lục địa này
qua lục địa khác,/ mãi mê anh vẽ/ vẽ cái chân dung nghìn mặt/
của một tâm hồn nhân hậu, giản đơn mà phong phú biết bao/
tranh anh đậm nhạt muôn màu/ tóc anh còn lại một màu trắng
phơ/ yêu anh từ bấy đến giờ”*

(Los Angeles, tháng 2-1996, Võ Phiến)

Linh mục Dũng Lạc Trần Cao Tường, một người yêu thích văn học nghệ thuật, đã giới thiệu trong trang nhà quý mô của ông:

“... Xem tranh Thái Tuấn, người thường ngoạn như đang thấy cân hòa nhập vào cuộc chuyển biến từ cái tối nhỏ nhen từ tưng mù tối mà hòa vào được cái Ta đại thể vô biên tràn trề ánh sáng. Đó là cuộc hành trình “tìm về quê nhà đã mất”. Đây mới là cuộc giải phóng đích thật, giải phóng con mắt mù tối che vít bởi

tham sân si tự đây ái mình, tự giam nhốt giới hạn mình lại thành nhỏ nhen tù túng. Người vẽ tranh và người xem tranh cùng đang linh thao, đang chiêm niệm hay thiền, nói lại được vào cuống nhau từ bụng "mẹ" đã một lần từ già. Quê mẹ đây có thể là chính người mẹ sinh ra mình, mà cũng có thể là quê hương hằng thể, vượt không gian và thời gian, vượt bờ hữu hạn sinh tử. Niềm khao khát tìm về này như phảng phát tâm tình đầy chất đạo trong ca dao Việt: 'Chiều chiều ra đứng ngõ sau/ Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều'."

Đặc biệt hơn nữa, cố nhạc sĩ Lê Uyên Phương, đã xúc động khi xem tranh Thái Tuấn, anh đã tìm thấy cảm hứng để ghi lại thành nốt nhạc. Ca từ của ca khúc dành tặng cho người họa sĩ có tên " Về Những Ấn Tượng" :

"Anh chưa bao giờ, chưa bao giờ nói với tôi về niềm khát vọng của đời anh/Nhưng bầu trời trong bức tranh màu xanh đã bày tỏ cùng tôi niềm khao khát đó. / Ôi! sự tự do/ tuyệt đối và những giới hạn của con người./ Anh chưa bao giờ, chưa bao giờ nói với tôi về sự hòa điệu của cuộc sống. / Nhưng màu nâu trên bức tranh thiếu nữ đã bày tỏ cùng tôi điều bí ẩn đó/ Một trong tất cả và tất cả trong mỗi người./ Anh chưa bao giờ, chưa bao giờ nói với tôi về sự vĩ đại và sự nhỏ nhen trong đời sống. / Nhưng dòng sông trên bức tranh màu tím đã bày tỏ cùng tôi sự phân biệt đó. / Ôi! giọt nước trong giòng sông hay giòng sông trong giọt nước./ Anh chưa bao giờ, chưa bao giờ nói với tôi về sự giản dị trong cuộc sống hỗn mang. / Nhưng hàng cây trong bức tranh màu xám đã bày tỏ cùng tôi sự trong suốt đó. / Ôi! Những ảo tưởng và quá khứ của đời người. / Anh chưa bao giờ nói với tôi về những điều mà chỉ nói với anh trong thâm lặng./ Bằng màu sắc, anh đã bày tỏ cùng tôi nhịp thở nhẹ nhàng của cuộc sống hồn nhiên. / Bằng màu sắc, anh đã bày tỏ cùng tôi sự dịu dàng của một con tim giản dị"

(Lê Uyên Phương, Sg, 10-3-1978)

Chúng ta còn có thể tìm thấy nhiều bài viết khác tán thưởng Thái Tuấn trong giới sinh hoạt văn học nghệ thuật, như bài của nhà báo Vũ Thị Thơ (Từ cây cọ đến con chuột - tạp chí Văn, Hoa Kỳ, mùa hè 2001), của nhà phê bình Thụy Khuê (nói chuyện với họa sĩ Thái Tuấn, Văn Học, Hoa Kỳ, số 66, 1991), nhà báo Đông Dương (Giao Điểm online)...vv...Người thường ngoạn tranh Thái Tuấn gần như có chung một nhận xét: Thái

Tuấn đã vịn vai những người thiếu nữ Việt Nam để bày tỏ cái hồn Việt cư ngụ đời đời trong tâm hồn và đường nét mỹ thuật ông ghi lại.



ảnh chị Thái Tuấn, cùng chị Thơ, pm Nguyễn Tấn Hồng, pm LH và pm bác sĩ Nguyễn Minh Đức; / họa phẩm TT tại nhà thi sĩ Đỗ Quý Toàn

Nói về chuyện vẽ vời của mình, họa sĩ viết:

“Đã từ lâu, tôi được nghe câu chuyện, có vị thiền sư chín năm ngồi yên lặng nhìn bức vách đá. Câu chuyện giản dị có thể; song những lời bàn luận giải thích kể hàng trăm pho sách chưa hết ý.

Trong công việc sáng tạo, người họa sĩ không sử dụng hình sắc như nhà văn sử dụng chữ nghĩa. Không hề là những dấu hiệu quy ước, hình sắc không có khả năng diễn đạt chính xác mình bạch như chữ nghĩa. Hơn nữa vai trò của nghệ thuật không là sự "minh hoạt" cho tư tưởng, nó không chú trọng đến công việc "tải đạo" như văn chương.

Đối diện khung vải trắng, người làm nghệ thuật cố vượt khỏi thế giới của chữ nghĩa. Hẳn tạm tước bỏ danh tính sự vật để bước vào cõi giới của hình sắc đơn thuần; ở đó sự vật chẳng còn hình tượng ý nghĩa như trong cuộc sống bình thường. Mọi bận tâm duy nhất của hẳn là làm thế nào tìm được thế hòa hợp quân bình cho sắc màu hình nét do sự hướng dẫn của cảm quan

thấm mỹ. Vì đầu trong cơn sáng tạo, giây phút ấy không còn vấn đề nội dung và hình thức.

Đó là khía cạnh tích cực của công việc sáng tạo. Song dù muốn dù không, trong quá trình sáng tạo sắc màu đường nét sẽ khai mở, đánh thức những suy tư, những tâm sự cùng mọi ảnh hưởng mà nghệ sĩ đã thu nhận từ cuộc sống. Hết thấy những điều đó, có thể để lại những dấu ấn qua sắc màu hình nét, bút pháp trên tác phẩm thì cũng chỉ là sự phản ứng tự động; đôi khi vượt ra ngoài "ý muốn" nghệ thuật của tác giả. Có thể qua những vết tích ấy người ta sẽ tìm thấy những giá trị khác nhau giá trị về lịch sử, về tài liệu, về đạo đức, về chính trị vân vân...

*Đó là khía cạnh tiêu cực của công việc sáng tạo đối với nghệ sĩ. " Trong thế kỷ hai mươi này, tôi có nghe nói về nhà danh họa Malevitch; ông đã vẽ một bức họa nhan đề : "Carré blanc sur fond blanc" * Tranh ông không vẽ gì cả chỉ một khoảng trắng vô biên. Có thể là ông đã mong tự xóa bỏ hết dấu vết của mình. Các nhà phê bình nghệ thuật khôn ngoan đều hết lời ca ngợi vẻ đẹp của bức họa. Riêng quần chúng thường ngoạn khi đứng trước họa phẩm đều yên lặng kính cẩn, như vị thiên sư nhìn ngắm bức vách trên ngọn núi cao.*

Trong chốn luận bàn nghệ thuật, thường ý sinh ra lời, song cũng đôi lần lời để ra ý" .

(Thái Tuấn – Sáng Tạo Nghệ Thuật - Orleans 1991)

Trong Tuyển tập Thái Tuấn , do cơ sở VAALA, 11022 Acacia Parkway #A Garden Grove CA 92840 USA ấn hành năm 1996, có đến 18 bài tiểu luận về hội họa do Thái Tuấn, một số trong những bài này được chuyển sang Anh ngữ bởi giáo sư Nguyễn Ngọc Bích. Cũng như tranh vẽ, bài viết của anh thường ngắn, gọn, đi thẳng vào vấn đề anh muốn đề cập với lối văn trong sáng, dễ hiểu, dù những điều anh nói đến không dễ gặp trong cuộc sống bình thường: "Tín hiệu gửi đến khoảng không gian vô tận", "Hình sắc và tư tưởng trong hành động sáng tạo"vv...

Tôi liên lạc lại được với anh Thái Tuấn, kể từ lá thư hồi âm, anh viết vào ngày 01 tháng 6 năm 1991. Trong lá thư này, có nhiều câu đem lại cho tôi niềm vui không nhỏ: "...*Thi sĩ muốn là trời muốn, anh cần gì tôi sẵn sàng ra tay với chút tài mọn. Trên trái đất này còn một nhà thơ, cũng còn không khí trong*

lành...” Sự khiêm nhường và lạc quan của anh, đã là một động viên rất lớn cho những sinh hoạt của tôi từ năm 1991 đến sau này. Tôi cận kề thêm một người anh, một người bạn với thân tình tuyệt vời, qua những thăm hỏi, chia sẻ chớ đầy trong những lá thư: “... Không được thư anh thường, song vẫn được thơ trên báo chí. Thật ra cuộc đời, mình chẳng có gì để mà mất. Và chẳng cái mất đi và cái còn lại cũng vẫn là cuộc sống. Mong mọi sự mệt mỏi và chán nản anh gói vào trong thơ, trả lại cho cuộc đời, để còn lại chút thanh thản...” (18-4-1993), “... Đồng bệnh tương lân, cùng mắc phải cái bệnh lười biếng, nên tôi cũng ngại việc cầm bút, nay đến cây cọ cũng vậy. Còn chân phải lại mới bị đau ở khớp đầu gối, đi lại khó khăn, nên cũng ít khi dờn khỏi nhà...”(8-2-1995). Đọc những lời anh gửi, dù vui vẻ lạc quan, dù phảng phất buồn buồn, tôi cũng thấy rất rõ những cảm động trong lòng. Được quen biết với anh đã là một vinh hạnh lớn, còn được anh quý mến quả là tôi có phúc, có số được bạn vàng.



Thái Tuấn

TUYỂN TẬP TRANH VÀ TIỂU LUẬN
SELECTED ESSAYS AND RECENT PAINTINGS



Năm 1993, anh chị Thái Tuấn đến thăm thành phố Montréal, thăm người bạn cũ thân tình của anh, bác sĩ Nguyễn Tấn Hồng. Ông thầy thuốc này vốn từng giữ chức Tổng trưởng Thanh niên của Việt Nam Cộng Hòa, yêu hội họa, trọng tài năng, từng bảo trợ nhiều cuộc triển lãm, nên bạn bè ông thuộc giới cầm cọ khá đông. Anh Thái Tuấn đến thăm ông, chúng tôi, những người lém phếng với văn học, nghệ thuật, cũng được dịp may

gặp lại anh. Bàn tay múa chữ, gieo vần vè của tôi được bàn tay thơm sơn cọ tài hoa của anh Thái Tuấn nắm chặt, ấm áp. Anh vẫn cao và gầy nhưng rất khoẻ mạnh. Tôi bỏ thuốc lá đã lâu, nhưng không dị ứng khói thuốc. Ngọn *pipe* anh ngậm không là một làm duyên, nhưng cần thiết như một người bạn. Chị Thái Tuấn, hiền lành, phúc hậu, hình như ít can thiệp vào công việc vè vời của chồng. Vì tôi vẫn là tài xế cho bằng hữu, nên anh chị phải ghé đến căn hộ của chúng tôi nhiều lần. Được hướng dẫn anh chị đi thăm nơi này, viếng nơi kia, những cảnh quan của thành phố, chúng tôi rất vui thích. Vợ tôi hiền lành nhưng cũng ma giảo lắm, thấy sang bắt quàng làm họ ngay. May mà cô ả chỉ nói với riêng tôi “ *trông chị Thái Tuấn, giống mẹ em quá chừng*”. Dĩ nhiên tôi chỉ nhận ra nét tương đồng giữa những người đàn bà Việt Nam: đoan trang, hiền hậu, tình thương để lộ hẳn trong cử chỉ, ngôn ngữ lẫn ánh mắt. Ở chị Thái Tuấn và nhạc mẫu tôi còn có một điểm chung là sự phương phi, hồng hào của những người không chịu nhiều vất vả.

Anh chị Thái Tuấn đến thăm Montréal không chỉ có “hai vợ chồng già son trẻ”. Anh còn mang theo trên mười đũa con tinh thần, đó là những họa phẩm sơn dầu. Chiều theo ý anh, những họa phẩm mới nhất của Thái Tuấn không ra mắt giới yêu hội họa của thành phố văn hoá Montréal, trong không khí một phòng triển lãm. Tranh của anh được đóng khung nghiêm chỉnh và trưng bày tại phòng khách của nhà thơ Đỗ Quý Toàn. Tại đây, hầu hết các bạn văn nghệ, cũng như giới chơi tranh tại Montréal đều ghé đến thưởng ngoạn. Mặc dù không có cắt băng, không có diển văn khai mạc, không có bài giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhưng “phòng tranh bỏ túi” của Thái Tuấn đầy chất lượng nghệ thuật và chan chứa thân tình.

Anh Thái Tuấn hình như có chút ngán ngẩm không khí của đám đông. Cuộc triển lãm thành công trọn vẹn của họa sĩ Đinh Cường vào tháng 9 năm 1991 tại *Les Jardins du Bois*, Montréal, cộng thêm những ngày thông dong, vẽ tranh treo chơi ở nhà một người em của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, mùa hè 1992, không đủ xóa hết dư âm không vui từ cuộc triển lãm của họa sĩ Võ Đình (tháng 6-1992). Chính điều này đã làm chúng tôi, nhất là thi sĩ Đỗ Quý Toàn, một người có lòng với hội họa, có tình thân thiết lâu năm với Thái Tuấn, đã hơi dễ dàng chấp thuận ý muốn treo

tranh tại nhà của người họa sĩ, ở tận bên Pháp sang chơi. Rất may, tuy hạn chế phổ biến, khách yêu tranh cũng đã tìm đến, và một số con tinh thần của anh Thái Tuấn đã có những người chăm sóc, thương quý mới. Nhưng nếu tổng kết, tôi có thể tin: anh Thái Tuấn chỉ có thể thu về cho mình một niềm vui nho nhỏ: gặp lại bằng hữu. Bởi trong số tác phẩm anh mang theo, có một số được dành riêng, không trưng bày, chỉ để làm tặng phẩm. Tôi là một trong ít người sung sướng nhận tặng phẩm bất ngờ của anh. Điều tôi hơi buồn là không kịp đóng góp phí tổn làm khung cho bức tranh mình nhận. Phí tổn này khá lớn, về sau họa sĩ Nguyễn Tài (tốt nghiệp hội họa tại Montréal) cũng là người thực hiện khung mới cho tôi biết.

Tác phẩm anh Thái Tuấn dành cho tôi là một bức sơn dầu, bát ngát màu xanh quen thuộc của anh. Trong tranh có cây cỏ thụ giàu tiếng gió, có trụ đèn chợ vờ, có ghế bàn của quán cóc, có cô hàng, có người sửa xe bắt đắc dĩ, có những người chơi cờ, lai rai ba sợi, trong đó theo anh nói, có cả anh và tôi của một thời thông dong trong những bức tường. Đây là kỷ niệm. Tôi chẳng thể nào giải thích cặn kẽ nội dung họa phẩm mình đang lưu giữ. Cũng chẳng thể nào nói lên lòng trân quý của mình. Tình bạn không nuôi tôi lớn, nhưng quả thật đã giúp tôi có tuổi thọ cao hơn, có niềm tin với cuộc sống mãnh liệt hơn.

Trong các bức tranh anh Thái Tuấn cho treo tại nhà anh Đỗ Quý Toàn, có hai bức anh em đến xem rất thích. Bức thứ nhất, vẽ một người đàn ông đội nón lá, cổ vạt khăn trắng, vai mang đàn, với áo bà ba nâu, quần cháo lòng đang dùng chân bên một con đường đất, bỏ chân trời ửng mây sau lưng. Người đàn ông hơi nghiêng nhìn xuống đóm lửa lóe lên từ que diêm. Chúng tôi đều nhận ra hình ảnh nhạc sĩ Phạm Duy trên con đường cái quan và được anh Thái Tuấn xác nhận. Bức thứ hai, vẽ một thiếu nữ, một tay đang cầm *micro*, một tay lấp sau một chậu hoa vàng, đầu hơi nghiêng trong tư thế đang hát. Cô là một ca sĩ. Chúng tôi nhận ra phảng phất nét ca sĩ Ý Lan. Anh Thái Tuấn mỉm cười không giải thích, nhưng chị Thái Tuấn cho biết “anh rất mê tiếng hát Ý Lan”. Điều này thật trùng hợp với tôi. Nhân nhắc chi tiết này, tôi xin lạc đề một chút.

Ý Lan, ái nữ của ca sĩ Thái Thanh, là một giọng ca bắt đầu sự nghiệp ca hát khá muộn tại hải ngoại, nhưng cô đã sớm đến mức cuối cùng của người ca sĩ. Được đánh giá là một trong

những tiếng hát hàng đầu, Ý Lan tiếp tục giữ được ưu thế, vị trí của mình cho đến hôm nay. Tôi thích tiếng hát Ý Lan cùng nhiều tiếng hát khác như Khánh Ly, Khánh Hà, Ánh Tuyết... từng vợ vẫn làm một số câu lục bát ngọt ca. Anh Thái Tuấn cũng rất thích giọng ca của Ý Lan. Anh vẽ hình dáng Ý Lan là một điều bình thường. Chuyện ưa thích chất giọng, lời trình diễn tùy theo sở thích riêng của mỗi người nghe. Anh chị Song Thao thì chỉ thích giọng Khánh Hà, Lưu Bích, Diễm Liên...vợ tôi thích Ngọc Lan, Ngọc Hạ, Trần Thu Hà...mỗi người đều tùy những cảm nhận riêng. Nhưng bày tỏ sự ưa thích có một đôi khi xảy ra điều không tốt mà mình không hay biết. Chuyện tôi kể sau đây, thật trăm phần trăm, nhưng bối cảnh đã không tồn tại:Trong một quán phở nọ, một hôm có một nhóm thực khách, ngẫu hứng tán dóc về chuyện ca sĩ. Một thực khách hào hứng chê Ý Lan hết lời. Sự phê bình của ông, dĩ nhiên không đến tai ca sĩ, nhưng người chủ quán tự xem mình bị xúc phạm. Và cái giá phải trả của người vui miệng bình phẩm là bãi nước bọt của người chủ quán hòa vào bát phở trước khi bung ra cho khách. Đây là một chuyện hy hữu, nhưng đã xảy ra. Khen, chê nhiều lúc thật tai hại. Ở thi ca, ở hội họa không biết có trường hợp tương tự này không ?

Ngày anh chị Thái Tuấn trở về St.Mesmin, France, gia đình chúng tôi tiễn chân anh chị hơi trễ. Dù vậy, chúng tôi cũng lên đường. Từ thành phố Montréal đến phi trường quốc tế Mirabel, 53 cây số, giữa xa lộ 40, chúng tôi gặp một trận mưa quá lớn. Hai cái quạt nước ở tốc độ mạnh nhất cũng không đẩy lui được những dòng nước mù mịt. Gần như tất cả xe đang chạy trên xa lộ đều phải tấp vào lề, nháy đèn nằm đợi cơn thịnh nộ của đất trời đi qua. Đã trễ, càng trễ hơn. Khi chúng tôi có mặt trên lầu tiễn khách của phi trường, cũng là lúc anh chị Thái Tuấn đang bịn rịn thả bước vào cửa lên phi cơ. Chúng tôi chỉ còn kịp vẫy tay nhau từ biệt. Không có giọt nước mắt vô duyên nào, nhưng sự man mác, buồn buồn bao giờ cũng có trong một cuộc tiễn đưa. Nhớ lại trận mưa bất ngờ, nhớ về một người anh, người bạn, tôi viết mấy dòng:

*“gạt nước chém không ngã/ những quân mưa cản đàng/ xe
dồn giữa xa lộ/ ai đốt lòng lửa than.*

*mắt dính vào vách kính/ làm diễn viên kịch câm/ Mirabel
chạng vạng/ tâm tìm có đến tâm ?*

*khoảng cách xích ra mãi/ vênh tai nghe giọng khàn/ chỉ
thoảng hương khói pipe/ trong lòng trong không gian”*

(Mời Em Lên Ngựa)

*thui anh. Sao mà lối kể quá trình trong
chức anh đã quên tôi rồi chăng? Hóa si?
"nguy" đã từng gặp thi sĩ "nguy" bao nhiêu lần*

*Trời tôi đã từ về nhà bình yên, viết đi anh chi
ai đâu. Hôm ở phi trường Mirabelle nhìn lên
thấy anh đứng trên cao mà bóng lâu sao rời
tức lối đi của anh chi.*

*-Hiên ai
[Signature]*

Chúng tôi vẫn giữ liên lạc với nhau qua thư từ, dù chỉ thỉnh thoảng. Trước sự ra đi bất ngờ của chị Thái Tuấn, tôi và bạn văn ở Montréal cũng chỉ biết xin bè bạn có thẩm quyền tại một vài tạp chí, cho đứng kể tên trong những ô chia buồn. Cuộc sống hình như mỗi ngày một gia tăng tốc độ. Chợt sáng đã đến trưa, chợt trưa đã đến tối. Giấc ngủ ngắn nhưng đêm chẳng dài. Những người đồng tuế bốn phương cứ tuần tự bỏ cuộc. Tôi trở thành có thói quen, mỗi sáng mở vào các trang Người Việt, Việt Báo, VNExpress, Cali Today, Take 2 Tango...lướt nhanh xem thử đã có những ai ra đi. Sự tìm kiếm như một chờ đợi vô ý thức. Cũng có lúc tôi hoang hốt nghĩ mình là một người bán quan tài chờ khách, xấu hổ, lo sợ. Tôi cũng phát hiện có nhiều sự ra đi không được thông tin, như tai nạn của nhà thơ Phùng Kim Chú tại Hoa Kỳ, như cái chết của nhà thơ Diễm Châu bên Pháp...và tôi ngậm ngùi viết vài dòng tin trên trang nhà riêng nhỏ nhoi của mình. Trò chơi này không vui, nên đến nay tôi gần như bỏ cuộc. Mới đây thôi, ngày 8-2-2007, tại thành phố nơi tôi cư ngụ, Dược sĩ Trần Văn Hích, người cảm tình tuổi Canh Thìn như tôi, không thoát được bệnh ung thư máu. Tôi không thân nhưng có quen

biết và gặp gỡ anh nhiều lần. Chỉ hơn một tuần trước, tôi mừng mái tóc của anh đã khả quan. Thật bất ngờ, không ngờ. Anh Hích cũng là một nghệ nhân, có vẽ tranh, có làm thơ, tuy không được phổ biến nhiều. Trước sự việc này, đâu dễ không bâng khuâng. Thật ra nỗi lo tôi dành cho tôi ít hơn dành cho người nằm ngủ bên mình mỗi đêm. Nói đại, nếu điều này xảy ra, tôi không biết mình sẽ như thế nào. Chắc tôi sẽ buông xuôi tất cả. Họa sĩ Thái Tuấn mất người thân yêu nhất của anh, một thời gian sau, nhờ cô con gái, nhờ hội họa, anh bình tâm trở lại. Chúng tôi vui mừng được biết anh trở về Việt Nam. Một sự trở về không ồn ào, không tham vọng gì ngoài việc dành cho mình những ngày bình an nơi quê cha đất tổ. Đất trời nào cũng giống nhau. Khí hậu bốn mùa có chênh lệch chút ít nóng lạnh cũng là chuyện bình thường. Hồn thiêng của sông núi tưởng viễn vông mà có thật. Nó thật từ giọng nói chung quanh, thật từ hình ảnh và chạm hằng ngày, thật từ hương vị bữa ăn, thật từ một lọn khói vươn, một giọt mưa tạt.

Anh Thái Tuấn thân kính, chắc hôm nay anh đã nhận được thư của Song Thao và của tôi. Thư Song Thao báo tin và xin phép anh dùng một tranh vẽ của anh cho cuốn Phiếm thứ 4 của anh ấy. Song Thao bảo rất ngại cầm bút viết thẳng lên giấy, chữ cứ y như không còn thẳng dòng. Nhưng anh ấy nói, viết cho anh phải tự tay viết mới ấm chân tình. Tôi thua Song Thao, vì cái lười mà anh từng nhắc, nên chỉ gõ lên bàn phím những nhớ thương lộn xộn trong đầu. Mong anh hiểu và chắc anh hiểu. Đâu ai biết được “*thi sĩ nguy*” không gặp hay sẽ gặp “*họa sĩ nguy*” trong những ngày sắp tới. Rất mong sẽ có mặt trong cuộc triển lãm tới của anh tại Sài Gòn. Ghi chú: những họa phẩm anh vẽ bằng con chuột gửi tặng tôi và Song Thao, chúng tôi đã làm khung treo phòng khách. Tranh cỡ nhỏ, nhưng tình và chân dung anh trước mặt, thấy mỗi ngày. Phải tình thiết, tôi hơi phân bì một chút: Bức o thiếu nữ bụng thúng hoa thật tuyệt vời nhưng bức Vịnh Hạ Long chưa dẫn dắt tôi lang thang mơ mộng như hai bức có hai o anh tặng Song Thao. Tôi vốn khoái thiếu nữ hơn, anh quên rồi sao?



Trường-Kỳ-Nhạc-Trẻ, viết theo từng dặm đường

Trong lần mang sách qua tỉnh bạn ra mắt ngày 05-11-2006, trên xe ông vua Phiếm Việt Nam, ngoài tôi còn có thêm một ông bạn rất nặng ký. Trọng lượng danh tiếng lẫn cơ thể của ông, giúp chiếc *Honda Accord* óng ánh màu nước biển lướt thật êm trên xa lộ. Khởi hành dự trù sớm vẫn tiếp tục thực hiện muộn. Có một điều rất kỳ lạ, tôi thường ngã bệnh thật tình vào những ngày sắp đi xa, hoặc chuẩn bị tham dự một sinh hoạt nào đó. Lần này không ngoại lệ. Nhưng cuối cùng tôi cũng lên xe. Đường tốt, xe tốt, tài xế giỏi hóa ra là những viên thuốc thần kỳ, giúp tôi càng lúc càng khỏe ra theo từng chặng đường. Vừa giữ tay lái, ông chủ xe Tạ Trung Sơn vừa hướng dẫn câu chuyện giữa ba người đi vào nhiều nhánh khác nhau. Từ chuyện đời-xưa-chưa-cũ đến chuyện đời-nay-đã-qua. Đang sôi nổi cùng những kỷ niệm, hình ảnh được phả vào hơi thở như vậy, tôi bỗng nghe nặng nặng “một nỗi buồn riêng” vội nói:



- Đến trạm dừng tới, anh ghé vào cho “tè” một cái.
- Sao mau vậy ?
- Tôi bị tiểu đường mà.

Tiểu đường ? Song Thao nhắc lại, như tuồng ngạc nhiên.

Cái tiểu đường tôi nói đúng ra là “đái đường” một bệnh rất hay lây, nhất là thời còn lang thang ở quê nhà với đám bạn than xuân. Khó có thể nín khi trong bọn có thằng dừng lại bên đường, “tháo nước ra”. Song Thao hiểu ra cái tiểu đường của tôi không do thiếu chất *Insulin*. Nhưng thú thật, đôi lúc tôi cũng lo lo, nghĩ vu vơ về cái “tên giết người thầm lặng” này. Câu chuyện tay ba đang vui, tôi bỗng bỏ cuộc, dù vẫn lắng nghe Trường Kỳ và

Song Thao nhắc nhau về những người bạn của họ thời xa xưa. Đây là lần đầu tiên tôi đi chơi xa với Trường Kỳ. Một người có danh tính không xa lạ với cộng đồng Việt Nam tại nhiều quốc gia. Tôi quen với anh từ mười năm nay và hạnh diện có người bạn giàu một đời sinh hoạt.

Ra đời ngày 29 tháng 3 năm 1946 tại Hà Nội, con của ông Vũ Ngọc Trân và bà Phạm Thị Trọng Yên, được người bác vốn là soạn giả nhiều bộ sách giáo khoa Pháp văn, không tức cảnh sinh tình, mà vịn vào chữ nghĩa phổ biến của thời đại “trường kỳ kháng chiến” đặt cho cái tên có tuổi thọ đáng nể: Trường Kỳ.

Cậu bé họ Vũ dễ nuôi, nhưng sớm mất tình mẫu tử. Ngay trong ngày ngấp nghé ba tháng tuổi, cuộc tình giữa cha mẹ đã đổ vỡ, Trường Kỳ được đưa về làng Đồng Nghĩa tỉnh Nam Định cho ông bà nội nuôi dưỡng. Sáu năm ấu thơ đi qua, thằng cháu đích tôn, chưa hề dám đuổi một con ruồi, sống trong tình thương yêu của bố, của ông bà nội thật âm áp, tuyệt vời. Vườn rau, chái hiên, vuông sân, bờ ao, gốc đa...thay nhau rủ rê, diu dặt cậu đi khắp thôn, khắp làng, đi dần đến những ước mơ chập chờn, chưa định hình trong đầu óc. Cậu bé Kỳ cứ thế lớn lên cho đến ngày được trở về Hà Nội, được đưa vào trường Puginier và ở đây cùng văn hoá Pháp cho đến lớp 11è, năm 1954.

Thực hiện hiệp định Genève, đoàn quân kháng chiến chống Pháp tiếp thu thủ đô Hà Nội. Lúc bấy giờ gia đình Trường Kỳ ở trọ gần Nhà Thờ Lớn. Chủ nhà là một người mê âm nhạc, đã sắm được một cái máy chạy đĩa, quay tay. Chính cái sản phẩm kỳ diệu này đã làm cho Trường Kỳ nhập tâm những ca khúc mà ngày ấy anh chưa biết tên. Chưa đủ trí khôn và lòng đam mê để tiếp nhận đầy đủ cái đẹp, cái tuyệt vời của Thiên Thai, Trương Chi, Sông Lô...Nhưng trong tận cùng tâm thức của một cậu bé đã có sự huyền nhiệm của âm nhạc bén mầm. Những trò chơi tinh nghịch đốt dấm, đánh kiếm trong nhà Chung... vốn là những thực phẩm cần thiết cho tuổi thơ thập niên 50 chóng lớn, Trường Kỳ có đủ. Anh còn có cả thời gian tập sắp hàng, để ca hát, để nhảy múa cùng Chiến Thắng Điện Biên, Qua Miền Tây Bắc, Kết Đoàn, Hồ Kéo Núi...

Dù văn phòng luật sư Bonnard và Đỗ Mạnh Quát ở Hải Phòng có làm chậm chân, ông Luật sư, bố Trường Kỳ, cũng về kịp, đưa cả gia đình lên chuyến tàu cuối cùng “Ville De Hải

Phòng” vào Nha Trang. Chưa kịp đi hết một góc “*bãi cát trắng phau*”, vừa thoát khỏi đám đông “*xém bị đê bẹp dúm*” khi bám tay một người cô, tên Liễu, lẫn vào xem mặt Tổng thống Ngô Đình Diệm khi ông kinh lý Nha Trang, Trường Kỳ đã thoát được cái nóng của mái nhà tôn tại trại gia binh, để theo gia đình vào Sài Gòn. Sáu tháng hữu duyên cùng thành phố biển đã đi qua. Năm 1956, anh được tiếp tục theo học lớp 10è (lớp Tư) chương trình Pháp tại trường Aurore (Rạng Đông sau này) trên đường Phan Đình Phùng, gần ngã tư Cao Thắng. Niên khóa 1958-1959, Trường Kỳ vào trường nhà dòng Taberd. (Anh có đạo Công Giáo, chịu phép Rửa Lễ Đầu tại Nhà Thờ Lớn Hà Nội). Có trong tay tấm bằng Brevet (B.E.P.C, Trung Học Đệ Nhất Cấp) năm 1963, Trường Kỳ đương nhiên đi tiếp con đường học vấn. Khi đang chuẩn bị lấy *Baccalauréat 1ère partie*, thì đại sứ quán Pháp tại Sài Gòn có thông cáo (niên khóa 1964-1965) huỷ bỏ kỳ thi này, thay bằng một cuộc sát hạch nhẹ nhàng hơn để lấy Chứng Chỉ Tốt Nghiệp Trung Học (Certificat de Fin d'études Secondaires). Trường Kỳ rất khoái bởi anh đã biết ham chơi hơn ham học. Nhưng cuối cùng, ông cháu đích tôn nhà họ Vũ cũng phải qua cái Bacc 2è, (1966) để ghi danh vào đại học Luật Khoa. Đang nhức đầu vì các môn Dân Luật, Hình Luật, Công Pháp Quốc Tế, Kinh Tế Học... thì vừa đến lúc phải biết thế nào làm bốn phần của người thanh niên trong cuộc chiến. Không biết may hay rủi, cái kính cận mang từ thời lên tám, mỗi năm mỗi dày ra, đã giúp Trường Kỳ chỉ vui chơi ở Trung Tâm 3 Tuyển Mộ Nhập Ngũ sau ba bốn bận vào ra, thì có giấy miễn dịch vĩnh viễn. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa trả cho anh trở về môi trường thích hợp hơn: sinh hoạt âm nhạc.

Song song với các trò chơi suu tầm tem thư, sưu tập truyện bằng hình mua từ hội quán Coeur Vaillant, Trường Kỳ chơi âm nhạc bằng cách mở radio nghe đều đặn các chương trình Tuyển Lựa Ca Sĩ của đài Phát Thanh Sài Gòn. Âm nhạc từ đó, từng bước đi vào cuộc sống Trường Kỳ. Anh đã được các ông chú, bà cô đưa vào phòng trà Anh Vũ, đến rạp Kim Chung và không bỏ sót những chương trình Đại Nhạc Hội. Trường Kỳ sớm biết mê những tiếng đàn, tiếng trống của Khánh Băng, Phùng Trọng, ban nhạc The Blue Jean Boys...Cuối cùng, thời kỳ trực tiếp chạm tay vào âm nhạc cũng đến. Trường Kỳ theo học đàn *accordéon* từ nhạc sĩ Vũ Lung. Với cái đàn khá nặng trước lồng ngực hẹp

của thân thể nhỏ con, nhưng Trường Kỳ đã cùng người bạn mới này, lần lượt đi qua các ca khúc Thôi Tơ, Dừng Bước Giang Hồ, *Cumparsita*, *La Paloma*, *Come Back To Sorrento*, *Blue Danube*... Những tên tuổi trong giới nghệ sĩ chưa hề gặp cũng cảm thấy gần gũi hơn, nào là Phạm Duy, Văn Phụng, La Hối,



Nguyễn Hiền, Canh Thân, nào là Thái Thanh, Thái Hằng, Mộc Lan, Hà Thanh, Châu Hà, Kim Tước... Giữa giai đoạn chăm chỉ rèn luyện, Trường Kỳ bỗng tình cờ có cơ hội biểu diễn lần đầu tiên trong đời. Bục diễn của anh nằm trong sân trường Lạc Hồng. Khán giả của anh là vô số học sinh cấp tiểu học cùng đầy đủ mẹ cha của họ. Trường Kỳ đã trở tài cùng với giọng ca Phương Lan, Quốc Thắng, Kim Chi... Cuộc biểu diễn được chính Trường Kỳ cho là non tay, nhưng phần thưởng anh nhận khá lớn, đó là sự quen biết giữa anh và thần đồng Phương Lan, sau mấy lời ngợi khen của cô ca sĩ tí hon này. (Phương Lan tên thật Võ Thị Nhi).

Nhớ lại một lần biểu diễn đầu đời khác của mình trước đám đông tại số nhà 55 trên đường Cao Thắng, Trường Kỳ viết:

"... Thiên hạ tự nhiên đùa giỡn thân mật bao nhiêu thì tôi mang một đồng mặc cảm và rụt rè bấy nhiêu. Có mấy lạnh hân hoi nhưng mồ hôi tôi cứ tuôn ra đầm đề như đang phải làm một

công việc nặng nề và vất vả. Quả thật lúc đó tôi đang vất vả để tìm được sự yên tĩnh. Biết thế đểch thêm nhận lời cho xong, có quê mặt với ‘cô láng giềng’ cũng thấy kệ, còn hơn ngồi một đống ù lì ở đây, quê không chịu được. Rồi cũng đến màn trình diễn của Phước Vân, và tôi bị nàng kéo lên sân khấu phụ họa. Đến nước này phải lấy hết can đảm bước lên theo nàng, mặt vẫn cúi gằm ra về dăm chiêu về những bài hát sắp phải đệm cho nàng, nhưng thật sự không dám ngẩng lên nhìn vào đám khán giả đang chăm chú theo dõi. Phước Vân nhí nhảnh, cười toe toét tự nhiên, trong khi tôi thuộc hàng thứ yếu đứng lùi hẳn phía sau nàng kéo đàn phụ họa...

...Phần kéo đàn của tôi được diễn ra ngay sau đó, tim tôi đập thình thịch trong khi được giới thiệu là một tay kéo accordéon nhiều triển vọng ! Tôi nhủ thầm, bố khí !

... Sao thiên hạ lại im phăng phắc như thế này, mọi tiếng cười đùa ngưng bật khi tôi dạo những notes nhạc đầu tiên của bài Dừng Bước Giang Hồ sau một vài giây luống cuống. Chẳng phải thiên hạ chờ đón màn trình diễn của tôi, thật ra lấy làm ngạc nhiên khi thấy xuất hiện giữa khung cảnh ‘văn minh’ này một cây đàn thuộc loại cổ điển, không hợp thời trang chút nào với một tay nhạc sĩ cũng thuộc loại... ‘bán cổ điển’ qua bộ y phục, mặc dù rất ‘kềng’ nhưng không thuộc loại của ‘dân chơi’...”

Từ một cậu bé nhút nhát, thường “*cúi gằm mặt khi đối diện với người lạ*” thăng “*Kỳ Đen*” rú thăng “*Kỳ Lùn*” tiến đến những biệt danh “*Vua Nhạc Trẻ*”, “*Lãnh Tụ Hippy*” không phải là những tình cờ ngẫu nhiên. Đó là cả một quá trình sinh hoạt văn nghệ với nhiều bộ môn, thơ, truyện, âm nhạc... rất phong phú của Trường Kỳ. Nhưng âm nhạc, tài nghệ tổ chức, lẫn ký giả văn nghệ mới chính là những trọng điểm giúp cho cậu thanh niên không lớn con, không xấu trai này thành danh.

“*Với bản tính hiền hòa, cởi mở, năng động, Trường Kỳ biết cách kết nối thành công những tài năng có chung một chí hướng, một sự yêu mê nghệ thuật lại với nhau. Trong gần suốt hai thập niên 60, 70 anh cùng một số bạn trong giới nghệ sĩ như Jo Marcel, Tùng Giang, Nam Lộc, vv... đã đứng ra tổ chức thành công nhiều cuộc trình diễn ca nhạc qui mô tại những địa điểm rộng lớn ở thủ đô Sài Gòn. Bước khởi đầu vào sân chơi âm nhạc rộng lớn của Trường Kỳ và các bạn chính thức mở màn trong*

năm 1964. Thị dân Sài Gòn, nhất là lớp trẻ của một thời tự do hẳn khó quên những: Đại Nhạc Hội Nhạc Trẻ Taberd liên tiếp từ năm 64 đến năm 1973 (trừ năm 68), Đại hội Nhạc Trẻ Quốc Tế Ngoài Trời 1971 (tại sân Hoa Lư), Đại Hội Nhạc Trẻ Thảo Cầm Viên từ 71 đến 74,...Ngoài ra còn các chương trình nhạc trẻ hàng tuần “*Hippies A Go Go*” được tổ chức tại những vũ trường ở Sài Gòn từ năm 67 đến 71 như : Chez Jo Marcel , Queen Bee và Ritz”

Gia tài ca khúc nhạc trẻ thời bấy giờ tại Việt Nam còn khá nghèo nàn so với sự ra đời thật náo nhiệt của những ban, nhóm chơi nhạc kích động như: (danh xưng này được đổi thành Nhạc Trẻ do chính Trường Kỳ nêu ra và được dùng từ năm 1965): *Les Fanatiques, Les Vampires, The Teddy Bears, The Daltons, Les Faucons Noirs, Les Tridents, The Rockin' Stars, The Black Caps, The Hard Stones, The Dreamers, The Spotlights, Phương Hoàng, The Strawberry Four, The Bee Gees, The Apple Three, The Cats' Trio, The Hammers, The Dreamers, The Crazy Dogs, The Teen Sound, The Peanuts Company, The Enterprise, The New Flintstones Corporation, The Hard Stones, The Fighters, The Starling Show, The Blue Stars, The Free Ones, vv...* Vì lẽ này, Trường Kỳ liền xắn tay áo chuyển ca khúc ngoại quốc thành lời Việt, đồng thời cho phát hành những bộ sưu tập *Tinh Ca Nhạc Trẻ* đánh số từ 1 đến 7 trong khoảng thời gian 1972-1973. Những ca khúc Trường Kỳ viết lời Việt được in thành từng bản rời phát hành rộng rãi và thu thanh trên các băng nhạc *Tinh Hồng* (thực hiện cùng Nam Lộc 1973), *Tinh Ca Nhạc Trẻ*, *Thế Giới Nhạc Trẻ* (ca sĩ trình bày gồm: Elvis Phương, Duy Quang, Minh Xuân, Minh Phúc, Thanh Lan, Julie, Thanh Mai, Paolo...) Được đón nhận nhiều nhất là các bản: *Tình Yêu Trong Đời (Sealed With A Kiss)*, *Rồi Mai Đây (Lo Mucho Te Quiero)*, *Thú Yêu Thương (The Godfather)*, *Khi Ta Hai Mươi (All I Have To Do Is Dream)*, *Thương Nhớ Trong Mưa (The Rhythm Of The Rain)*, *Mùa Tình Yêu (Le Temps De L'Amour)*, *Mùa Đông Em Đi (I Started A Joke)*, *Điện Thoại Tới Anh (Téléphone-moi)*... Kể từ *Tinh Ca Nhạc Trẻ 2*, còn có thêm những nhạc phẩm được gọi là Việt Hóa của nhiều nhạc sĩ khác như : Phạm Duy, Lê Hựu Hà, Nguyễn Trung Cang, Nam Lộc, Tuấn Dũng, Trung Hành, Cao Giảng, vv...Ngoài ra anh còn viết lời cho một số sáng tác của

Tùng Giang như : Biết Đến Thuở Nào, Cuộc Tình Xưa, Ta Hôn Nhau Trong Công Viên, vv...

Danh tiếng của Trường Kỳ mỗi ngày một nổi, bởi cùng với âm nhạc, anh biết chen vào lãnh vực báo chí. Nghề làm ký giả, tưởng chỉ đóng vai trò phụ nhưng chính cái viết lách tùy hứng này đã giúp tên tuổi Trường Kỳ đứng vững đến hôm nay. Cũng như nhiều bạn trẻ sinh văn nghệ, Trường Kỳ làm thơ và thành lập thi văn đoàn lấy tên Hội Hoa Cương. Không rõ anh chơi thơ được bao lâu. Bài Xuân Nhớ Em của anh đăng trên nhật báo Ngôn Luận, có thể nói lên được tuổi thọ của thi văn đoàn do anh lập

“Giữa buổi xuân về tôi nhớ em/ bóng ai nhạt lá chắp bên thềm/ mối sầu hiu quạnh buồn xa vắng/ gửi én đem về xuân nhớ em/ gió chiều rung nhẹ hạt sương xuân/ rũ áo thời gian lấm bụi trần/ đừng gót phiêu lưu bên quán vắng/ xuân về dâng lệ mắt giai nhân”

Nghề thơ không thành công nhưng nghề viết phóng sự của Trường Kỳ sớm có đất dụng võ. Anh dùng tên Johnny Kỳ cho một số bài phóng sự âm nhạc của mình trên báo Kịch Ảnh từ năm 1964. Bài viết đương nhiên được ông chủ nhiệm Quốc Phong trả nhuận bút hẳn hoi. Về sau Trường Kỳ còn được mời viết ở tuần báo Mãn Ảnh, rồi phụ trách trang nhạc trẻ trên nhật báo Sống của nhà văn Chu Tử. Phóng sự hoặc những bài viết có liên quan đến âm nhạc của Trường Kỳ còn xuất hiện trên nhiều tuần báo, nhật báo tại thủ đô như Tinh Hoa, Chính Luận, Tiền Tuyến...Phóng sự ăn khách của Trường Kỳ lúc bấy giờ có tên “36 Kiểu Cua Đào” đi trên tạp chí Thứ Tư.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của nhạc trẻ, những trang báo của người khác chủ trương có phần không đủ chỗ cho Trường Kỳ múa bút, nên anh đã bàn với một số bạn chí thân để khai sinh một vùng đất mới, chuyên đề về âm nhạc. Báo của Trường Kỳ mang tên Nhạc Trẻ, khổ nhỏ như tạp chí, 100 trang, phát hành 300 số. Báo có tòa soạn hẳn hoi trên đường Trương Công Định. Nhưng rất tiếc, tiền rửa hình, tiền đánh máy, tiền đóng gáy, dán bìa...chỉ cho phép Nhạc Trẻ trình diện một lần duy nhất. Trong nghiệp viết của Trường Kỳ, ngoài phóng sự anh còn viết tiểu thuyết. Cuốn *Tuổi Choai Choai* của anh được Jo Marcel và chính anh cùng Nam Lộc góp tay thực hiện thành phim *Vết Chân Hoang*, một phim màu *scope* khá thành công. Trước phim

này, Trường Kỳ và Jo Marcel cũng thực hiện được phim *Thế Giới Nhạc Trẻ*.

Đời sinh hoạt nghệ thuật của Trường Kỳ quả thật sôi động, phong phú, nhờ đó anh tiếp xúc, quen biết với nhiều nhân vật trong nhiều lãnh vực văn học, nghệ thuật, quân sự, chính trị như Mai Thảo, Duyên Anh, Chu Tử, Phạm Duy, Viên Linh, Lê



Hoàng Hoa, Phạm Huân, Đỗ Kiến Nhiều, Nguyễn Cao Kỳ... Nhưng tuyệt vời nhất, đây là cơ hội ngàn vàng tạo cho gia tài tình nhân của anh trở nên vô cùng giàu có. Khởi từ tuổi mười ba, Trường Kỳ đã biết cái thú của nhà thơ Nguyễn Bính dù không có hàng đậu mừng toi nào nơi anh cư ngụ. Anh cũng sớm nhận ra mùi hương của một

thịt da, được cấu tạo có chút khác biệt với phái nam, khi anh được một cô giáo ôm tiển chân sang trường khác. Tình yêu nằm trong khoảnh khắc dậy thì thật là tuyệt vời. Trường Kỳ đã ghi lại giúp chúng ta những náo nức, rạo rức một thời, rất tinh tế, thành thật:

“ Tôi và Phước thường rủ nhau đi xem ‘xi la ma’ ở rạp Khải Hoàn, đối diện chợ Thái Bình. Dĩ nhiên không có màn đi riêng mà phải rủ thêm chị và em gái nàng đi cùng mới được phép. Nói vậy chứ, cho đi ‘xi la ma’ riêng một mình với nàng chưa chắc tôi đã dám vì tưởng tượng ra cảnh hai cô cậu 13, 14 tuổi dặt nhau vào rạp sao nó kỳ cục quá. Dù có đi chung với chị em của nàng, nhưng tôi vẫn có dịp được ‘đụng chạm’ chút đỉnh nên lấy làm khoái chí vô cùng. Chạm vào tay nàng cũng cảm

thấy ‘đã’, có lần chơi bạo nắm tay nàng một phút và được nàng không chống cự lại càng thấy ‘đã’ vô cùng tận. Tiền quà sáng của tôi do đó thường xuyên bị cắt giảm để dành dụm đưa nàng vào bóng tối của rạp ‘xi la ma’...”

(Một Thời Nhạc Trẻ, trang 26)

Rồi những Loan, Uyên, Mai...những mối tình “mini” dẫn dắt anh chàng ham tổ chức, ham thành lập hội, nhóm (Kỳ’s Cine Club, Teenager’s Club...) ham ăn, chóng lớn trong tình trường. Nhưng không ảnh hưởng bởi Cô Giáo Thảo, *Sept Nuits Merveilleuses*. Trường Kỳ vẫn luôn luôn thánh thiện và anh có được nghĩa cử tốt đẹp để không thực hiện “một cuộc tình một đêm” với một nữ độc giả, cũng là một người tập tễnh làm thơ, từ Bình Dương trốn nhà, lặn lội tìm thăm anh. Đạo đức của Trường Kỳ cuối cùng giúp anh nhận được phần thưởng: gặp và yêu Thu Huyền. Ông vua nhạc trẻ đã làm kinh ngạc gia đình và bè bạn khi quyết định khép lại cuộc sống độc thân vào ngày 26 tháng 10 năm 1973. Thu Huyền vừa đủ thời gian để phát hành tác phẩm đẹp nhất của Trường Kỳ trước khi Cộng Hòa Việt Nam cáo chung. Cô bé gái ra đời ngày 31 tháng 3 năm 1975, được ông nội đặt tên Vũ Ngọc Tú Uyên.

Năm 1979, Trường Kỳ tạm để vợ con lại quê nhà, anh cùng 47 người khác lên chiếc tàu dài chừng 12m lặn lẽ ra khơi. Trong mười hai ngày, đụng đầu với ba trận bão lớn, anh và bạn đồng hành vẫn nuôi hy vọng. Họ thay nhau vẫy gọi, cầu cứu những con tàu đi ngang. Mãi cho đến chiếc tàu thứ 35 của *Scotland* mới chịu vớt đưa đến Tokyo. Trường Kỳ có tròn một năm sống ở thành phố Omiya, sát cạnh Tokyo. Anh đã được một cô người Nhật tên Hamada Tazudo, vợ của ca sĩ Jo Marcel, đến viếng thăm và đưa đi ngoạn cảnh đó đây. Trong thời gian này, anh dạy Anh Văn cho trẻ em tại một trường tư đồng thời làm gia sư cho người lớn tuổi. Trường Kỳ cũng đảm nhận luôn việc giảng dạy Pháp ngữ cho một số quân nhân Hoa Kỳ đồn trú tại Nhật. Việc định cư ở nước thứ ba là nỗi lo của Trường Kỳ. Thoạt đầu anh được các nghệ sĩ ở Mỹ: Jo Marcel, Nam Lộc, Phạm Duy, Khánh Ly....đứng ra bảo lãnh để sang Hoa Kỳ. Hồ sơ của anh được chấp nhận, nhưng sau một đêm suy nghĩ, anh quyết định xin qua Canada. Anh dự liệu sẽ có thể bảo lãnh vợ con sau ba năm ở xứ lạnh, hơn là kéo dài đến bảy, tám năm ở Hoa Kỳ. Một lý do khác, anh tiết lộ: “*Lúc đó tôi còn trẻ, sợ không tránh*

khỏi những ‘cám dỗ’ ở Mỹ nên quyết định qua xứ lạnh ‘tu’ chờ vợ con cho trọn tình trọn nghĩa!”

Tháng 11 năm 1980, Trường Kỳ đến định cư tại thành phố Montréal Canada. Sau đó bảo lãnh vợ con qua được vào năm 1983. Thờ lại không khí tự do và sau một năm ổn định cuộc sống, Trường Kỳ bắt đầu viết trở lại. Anh cộng tác với hầu hết các báo Việt ngữ tại nhiều quốc gia trên thế giới, cụ thể như Thời Báo (Toronto, Canada), Thâm Mỹ, Nghệ Thuật (Montréal, Canada) Trẻ (Nam California), Trẻ (Bắc Cali), Văn Nghệ Thời Báo, Kỷ Nguyên Mới, Việt Mercury... (Hoa Kỳ), Tivi Tuần san (Australia)... Trường Kỳ cũng cùng Tùng Giang thực hiện một tạp chí nghiêng về âm nhạc, mang tên *Chào*, vào năm 1982 tại Hoa Kỳ. Số thứ nhất tạp chí *Chào*, bìa thực hiện bởi họa sĩ Vivi, in *offset* 4 màu lộng lẫy. Và để giảm giá ấn phí, *Chào* cho thực hiện một lúc 4 mẫu bìa cho bốn số. Số 1 phát hành thuận lợi, được bạn đọc đón nhận. Nhưng sự xa cách giữa gia đình và tòa soạn (Montréal- California) đã cắm chân *Chào* số 2 năm mãi trong giai đoạn thu nhận bài vở. Số tiền tương tiết kiệm cho ba mẫu bìa với hàng nghìn bản thành ra chi phí vô ích. Trường Kỳ cho rằng mình không có số làm chủ báo, chỉ có phận viết mướn, viết chùa cho thiên hạ. Thật ra cây bút đã giúp anh có thu nhập lợi tức khá khả quan.

Trước năm 1975, Trường Kỳ ngoài việc phát hành nhạc bản, tuyển tập nhạc trẻ, anh còn cho in các tập phóng sự: *Mặt Trái Của Nữ Sinh Sài Gòn* (1968), *36 Kiểu Của Đào* (1969), *Tuổi Chơai Chơai* (phóng sự tiểu thuyết, 1971). Chỉ cần đọc tên sách, chúng ta đã có thể biết những cuốn sách của Trường Kỳ rất ăn khách. Anh đánh hơi thật rõ thị hiếu của lớp trẻ thành phố, đánh những phát trúng ngay mục tiêu. Tuổi nữ sinh là thời kỳ tinh hoa nhất của mọi người thiếu nữ, ở đó còn đủ e lệ, thẹn thùng, còn đủ những ngây thơ dễ thương và cũng có cả những ranh mãnh lẫn những táo bạo khi bắt đầu biết nhớ nhưng biết yêu thương. Đó là lúc mọi người thiếu nữ đều xinh đẹp, lộng lẫy bởi vì:

“em từ lục bát bước ra/ bốn bề hơi thở Nguyên Sa dịu dàng/ giường đầy hoa đã ngấm sang/ thịt da khi đôi y trang mỗi ngày/ trái tim đồng lõa ngón tay/ nở thơm trên thối sấp bầy bên hông/ máu không trở lại chính tâm/ mà bên ngực trái bênh bồng

*mùi hoa/ em từ lục bát bước ra/ công ông Bùi Giáng xuề xòa ngã
nghiêng...”*

(thơ Lê Hân – Tình Thơm Mấy Nhánh , trang 28)

Đã là nữ sinh mà còn vang danh nữ sinh Sài Gòn nữa thì biết bao nhiêu hấp dẫn, gọi mời. Sự bạo dạn đến táo bạo của họ học được từ lối sống văn minh Âu Mỹ qua sách báo, qua tiếp cận cùng những người nữ ngoại nhân có mặt tại thành phố, mỗi ngày một được cập nhật. Ai không thích muốn ghé mắt vào những tảng màu, những ánh nắng nóng âm đó ? Nếu có những bạn thanh niên:

*“...Vịn Cung Trâm Tưởng dạo chơi/ theo Huy Cận ghé vào
môi nắng sâu/ cùng Hoài Khanh ngồi bên cầu/ nhìn mây vuốt tóc
lắc đầu trốn em/ cùng Luân Hoán nằm trùm mền/ sợ rơi giắc
nhớ mắt em bất ngờ...”*

(thơ Lê Hân – Tình Thơm Mấy Nhánh, trang 29)

Thì cũng không thiếu những anh chàng thực tế hơn, ngộ ngáo hơn, muốn nhìn thật rõ cái Mặt Trái Của Nữ Sinh Sài Gòn, mà tìm ở đâu dễ dàng nhất, ngoài những trang phóng sự của Trường Kỳ ? Đọc những trang chữ sống động của một thanh niên ham chơi, biết chơi để xem “*ở trong lòng cặp hiền lành/ sách vở nằm với hương chanh, me, nhài.../lòng em thêm nhánh tóc mai/ xâu bao nhiêu gót con trai theo cùng...”* (Lê Hân. TTMN, trang 72) là hữu hiệu, thuận tiện nhất. Đã tìm hiểu xong, đương nhiên muốn đến tay, phải theo tán tỉnh, không thể ngồi chờ sung rụng. Trường Kỳ dễ dàng nhận ra, đa số thanh niên Sài Gòn nói chung, nam sinh nói riêng, phần đông chỉ là thứ chết nhát, hoặc giả bộ hiền lành, lý tưởng như bạn anh, nhà thơ Lê Hân (sinh sau Trường Kỳ một năm, nội trú ở Đắc Lộ Sài Gòn) “*yêu em, đích thực thế nào ?/chẳng lẽ chỉ biết đi vào đi ra/ yêu em, quả thực ba hoa/ nói xuôi nói ngược vẫn là có duyên/ yêu em quả thực thành tiên/ không cánh mà vẫn an nhiên phiêu bồng/ cái tâm cái trí mênh mông/ chung quanh đời một màu hồng bao la...”* (TTMN-27). Lắm lắm như thế không biết đến bao giờ mới có một tấm tình yêu thật sự bỏ bụng. Nên Trường Kỳ cần phải viết sách huấn luyện. *36 Kiểu Cua Đào* do đó đất như tôm tươi. Sau khi đã hướng dẫn những mảnh khoe chuyên nghiệp, Trường Kỳ còn thấy cần phải phơi bày tường tận cái đẹp, cái hay, cái rắc rối phức tạp của lứa tuổi mới lớn, thêm yêu. *Tuổi Choai Choai* từ đó ra đời trong sự chào đón nồng nhiệt của bạn đọc.

Năm 2002 tại hải ngoại, Trường Kỳ cho xuất bản tập bút ký ưng ý nhất của anh, cuốn *Một Thời Nhạc Trẻ*. Sách dày 384 trang bìa màu được trình bày bởi Lê Phan Lân, một giọng ca tài tử rất được mến mộ tại Montréal. *Một Thời Nhạc Trẻ* được chia làm 4 chương. Mỗi chương mang một tên riêng. Chương 1: Một Thuở Ham Vui. Chương hai: Một Thời Nhạc Trẻ. Chương ba: Những Ngày Tháng Hippy. Chương kết: Một Chỗ Bồng Lai.

Như tên gọi của nó, cuốn sách đề cập đến một thời âm nhạc, đặc biệt chỉ loại nhạc mà đa số người thường ngoạn đều còn trẻ tuổi, hoặc những người còn giữ được sự thanh xuân. Tác phẩm *Một Thời Nhạc Trẻ* cho chúng ta biết khái quát về những trào lưu âm nhạc hiện đại trên thế giới. Từ sự phát triển, gây ảnh hưởng đến những tên tuổi nổi bật của ca sĩ, nhạc sĩ, ban nhạc trên nhiều quốc gia. Những tên tuổi một thời đã nghe qua, được nhắc lại như: Dalida, Sylvie Vartan, Francoise Hardy, Johnny Halliday, Les Chaussettes Noirs, Charles Aznavour, Yves Montand, Elvis Presley, Sandra Dee, Ricky Nelson, Frankie Avalon... Những điệu nhạc Twist, Rock “N” Roll, Let’s Twist Again... cùng những phong trào Yéyés, Hippy... gia nhập Hòn Ngọc Viễn Đông như thế nào cũng được Trường Kỳ ghi lại khá rõ ràng. Nhưng chủ yếu của cuốn sách, là những ghi nhận về sự hội nhập cùng phát triển các hình thái âm nhạc kích động, từng được gọi là “nhạc giựt” tại Việt Nam. Chỉ trong một thời gian ngắn, trên một vùng đất nhỏ, đông dân, ngay trong thời buổi chiến tranh đã sinh nở quá nhiều ban nhạc, ca sĩ mà giá trị nghệ thuật chưa có một đánh giá nào rõ rệt.

Danh từ Nhạc Trẻ cũng do chính Trường Kỳ đề nghị đưa ra dùng thay cho tên gọi Nhạc Kích Động, hơi gần với bạo động. Nhạc Trẻ đem lại không khí tươi vui, hoạt náo, năng động. Nhưng với mắt nhìn của xã hội, nhất là trong giai đoạn có máu thịt đổ ra, tan nát từng giây phút tại các mặt trận không xa Sài Gòn bao nhiêu, không thể không có những phê phán. Phong trào nhạc trẻ Sài Gòn, theo tôi, là một hình thức phản chiến cao cấp nhất, và đã có kết quả khả quan. Cũng là thú đồ trong thời chiến, nhưng Hà Nội khác hẳn. Cái hơn của miền Nam là tự do. Nhưng những bước chân quá đà của những người thụ hưởng tự do nhiều khi rất tai hại, và tai hại đã xảy ra thật. Sự thất thủ của Sài Gòn một phần do giới lãnh đạo, nhưng quân chúng không thể hoàn toàn phủ nhận sự góp tay gián tiếp của mình. Trường Kỳ một

thanh niên yêu âm nhạc, yêu tự do và đương nhiên rất cần thiết hòa bình, anh theo đuổi, thực hiện tận tình nguyện vọng, sở thích của anh đó là một ưu điểm. Nhưng không thể hoàn toàn biện minh cho anh trước những nghi ngờ, chỉ trích của một số nhân vật chính quyền lẫn báo giới. Trong *Một Thời Nhạc Trẻ*, Trường Kỳ đã nhắc lại đủ những điều này, thật đáng quý. Cũng phải cảm ơn Trường Kỳ cho chúng ta biết tường tận những khởi đầu của những tên tuổi trong làng nhạc Việt Nam, khởi đi từ thập niên 60, 70 như Thanh Lan, Trung Hành, Duy Quang, Ngọc Bích, Tuấn Ngọc, Đức Huy, Nam Lộc, Tùng Giang vv...



Amy, Song Thao, Luân Hoán, Lâm Quỳnh Như, Trường Kỳ, Minh Luân

Mississauga 2006

Một Thời Nhạc Trẻ là một bút ký nhưng có lẽ đúng hơn là hồi ký của một giai đoạn. Tính chất hồi ký giúp Trường Kỳ vịn vào tháng năm của cuộc đời anh để ghi lại từng diễn tiến có liên quan đến âm nhạc. *Một Thời Nhạc Trẻ* còn là một tập tài liệu quý giá để tìm hiểu sinh hoạt âm nhạc miền Nam trong giai đoạn chiến tranh. Tài liệu này chắc chắn sẽ hoàn hảo hơn nếu Trường Kỳ viết dưới dạng nghiên cứu hoặc nhận định có bố cục chặt chẽ, rõ ràng hơn.

Ưu điểm dễ nhìn thấy nhất ở *Một Thời Nhạc Trẻ* là nghệ thuật viết của Trường Kỳ: giản dị, nhẹ nhàng, trong sáng xen lẫn

với nét duyên dáng, hóm hình. Đọc *Một Thời Nhạc Trẻ* chúng ta gặp lại vô số những tiếng lóng đã được sử dụng rộng rãi một thời như: khứa lão, ghé mầu, chịu đèn, bắt địa, bẻ hội đồng, bò lạc, lầy le, ngồi đồng, đi tàu suốt, áo mưa, v.v... Trường Kỳ cũng thường linh động dùng những câu thơ nổi tiếng, châm chế chút ít để hỗ trợ cho câu chữ của mình thêm duyên dáng:

“...Nhưng những lúc đi qua mà tôi đứng khuất phía sau cửa sổ là y như rằng mắt nàng liếc vào phía trong đảo tới đảo lui như có vẻ kiếm tìm. Đúng là ‘ai bảo em là giai nhân, cho lòng anh đau khổ. Ai bảo em...tà tà qua cửa sổ, cho vương nợ thi nhân’ Hề, hề, bảo đảm chịu quá đi rồi mà còn làm bộ làm tịch...”

Lối chơi dùng từng mẩu tự từ tên gọi một số thuốc lá để đọc thành câu, xuôi ngược, có ý nghĩa trào lộng trước đây, cũng được Trường Kỳ nhắc lại, để nhìn ra một vài nét tinh nghịch của tuổi trẻ (SALEM: sao anh làm em mệt, mà em làm anh sướng/ CAPSTAN: cho anh phát súng tim anh nát, nhưng anh tin số phận anh còn/ PALL MALL: phải anh là lính, mời anh lên lầu)..Tóm lại hơi thở tươi vui chạy suốt trong mạch văn của Trường Kỳ bất cứ anh thuật lại một khía cạnh nào trong sinh hoạt của anh. Đoạn văn trích sau đây vừa mô tả thực trạng nhạc trẻ Việt Nam, vừa là tiêu biểu cho lối hành văn của Trường Kỳ:

“... Tại Việt Nam, thật sự không có một nền nhạc trẻ thuần túy mà chỉ là một sự chạy theo phong trào, phát xuất từ những quốc gia Âu Mỹ. Trong thời kỳ đầu tiên, hoàn toàn là một sự thụ động, bắt chước những ca sĩ và ban nhạc của các quốc gia này bằng cách trình bày những nhạc phẩm lời Pháp, Mỹ và Anh. Giới trẻ cũng như ban nhạc thời đó còn chạy theo thời trang của các ban nhạc ngoại quốc với quần ống túm, giày ‘bốt’ đế cao (gọi là ‘bottine’) cùng với áo chemise bó sát người, đeo giày lưng bản bự và mặc quần để xệ dưới rốn (thường gọi là ‘taille basse’) và để tóc dài, khiến nhìn từ sau khó lòng phân biệt nam hay nữ như nhận xét của các ‘ông bố, bà via’. Còn phái nữ thì thi nhau mặc sản phẩm của tay ‘designer’ nổi tiếng Anh quốc Mary Quant là chiếc ‘mini-jupe’ ngắn cũn cỡn, trông rất bắt mắt. Các cô cũng như các cậu phải sắm cho bằng được chiếc velo solex mới được gọi là hợp thời trang. Riêng các cậu bánh hơn thì sắm xế Honda, Yamaha hay Suzuki, thường là 50cc, bánh

hơn thì 75cc hay 150 cc. Càng nhiều phân khối bao nhiêu càng chứng tỏ là một tay chơi bấy nhiêu. Nếu có 'ống bó' chống lên trời thì càng hách xì xằng hơn. Phía các cô, bảnh hơn thì chạy Cady hoặc PC50. Các nhà buôn xe gắn máy trên đường Gia Long trong những năm giữa thập niên 60 đúng là ở trong một thời kỳ vàng son, tha hồ hốt bạc của dân choai choai. Cũng như tại các quốc gia khác, thời trang luôn luôn đi kèm với ca nhạc nơi lớp trẻ để tạo nên một màn 'phối hợp nghệ thuật' rất hay ho"
(trang 98)

Trước và sau sự có mặt của Một Thời Nhạc Trẻ, Trường Kỳ còn cho phát hành bộ biên soạn về đời sống, sinh hoạt của giới làm nghệ thuật Việt Nam, anh đặt tên là *Tuyển Tập Nghệ Sĩ*. Năm 1995 tuyển tập đầu tiên ra đời. Năm 1996 một tuyển tập tương tự. Hai tuyển tập này không mang số thứ tự, nhưng bắt đầu năm 1999, anh cho *Tuyển Tập Nghệ Sĩ* mang kèm số 3. Và tuyển tập mang số 4 cho năm 2000, Đến năm 2001 thì không thấy xuất hiện số 5. Rồi số 7 lại có trong năm 2004. Năm nay, 2007 Trường Kỳ chuẩn bị cho in tiếp tập thứ 8 bởi một nhà in tại Đài Loan, cơ sở vừa in tập Phiếm thứ tư của nhà văn Song Thao. Sự thiếu thống nhất trong đánh số cũng là một đáng tiếc.

Với *Tuyển Tập Nghệ Sĩ*, Trường Kỳ lần lượt giới thiệu với chúng ta tiểu sử cùng cuộc đời ca hát của nam nữ ca sĩ Việt Nam. Những chân dung, hình ảnh sinh hoạt cũng được in kèm. Sự tìm hiểu, giới thiệu của Trường Kỳ được thực hiện qua dạng phỏng vấn hoặc anh viết những bài nhận xét khá đầy đủ. Ở Tuyển tập 1, Trường Kỳ giới thiệu những người thường dẫn chương trình ca nhạc như: Công Thành, Nam Lộc, Nguyễn Cao Kỳ Duyên, Nguyễn Ngọc Ngạn, Trần Quốc Bảo, Việt Thảo. Phần nhạc sĩ sáng tác được giới thiệu tiếp theo gồm: Nguyễn Dũng, Lữ Liên, Nguyễn Đức, Việt Dzũng, Trần Quang Nam, Phạm Duy, Trúc Hồ, Từ Công Phụng. Rồi đến các phần ca sĩ: Ái Vân, Don Ho, Duy Quang, Elvis Phương, Hương Lan, Kenny Thái, Khánh Hà, Khánh Ly, Kiều Nga, Linda Trang Đài, Ngọc Bích, Ngọc Lan, Sơn Tuyền, Thanh Lan, Trizzie Phương Trinh, Tuấn Anh, Tuấn Ngọc, Tuấn Vũ, Vũ Khanh, Ý Lan, Anh Khoa, Anh Sơn, Bạch Yến, Bảo Hân, Billy Shane, Cao Lâm, Chung Tử Lưu, Công Thành, Diệu Hoàng, Giao Linh, Hạ Vy, Họa Mi, Hoàng Liêm, Hoàng Nam, Hùng Cường, Hương Thơ, Jo Marcel, Julie, Khả Tú, Kim Anh, Lê Thu, Lê Uyên, Lucia Kim Chi, Lưu Hồng,

Mai Lệ Huyền, Minh Đức, Mỹ Huyền, Mỹ Lan, Ngọc Anh, Nhật Hạ, Như Mai, Nini, Nhật Trường, Phi Khanh, Phượng Khanh, Candie Phi Phi, Phương Hồng Quế, Quang Bình, Quốc Anh, Quốc Sỹ, Quỳnh Hương, Sĩ Phú, Tuấn Đạt, Thanh Thúy, Thái Tài, Thanh Hà, Thảo My, Thiên Nga, Thiên Phượng, Thúy Vy, Trang Thanh Lan, Trung Hành, Uyên Mi, Ý Nhi, Diễm Liên, Đài Trang, Lâm Thúy Vân, Lưu Bích, Mạnh Đình, cùng một số ban nhạc, một số ca sĩ, nhạc sĩ ở nhiều quốc gia ngoài Hoa Kỳ. Tôi có cảm tưởng: Trường Kỳ dự trù chỉ thực hiện một tập là chấm dứt, bởi anh tập trung gần đây đủ những giọng ca cùng những người có liên quan đến âm nhạc tại hải ngoại. Khuyết điểm lớn của cuốn sách là có khá nhiều trang quảng cáo biến giá trị nghệ thuật thành giá trị tài liệu. Thêm vào đó sự sắp xếp, tuy có phân chia, nhưng cũng còn khá lộn xộn.

Ở các tập kế tiếp cũng tương tự như thế. Có những nhân vật mới (có người còn trong nước) nhưng cũng không ít những khuôn mặt cũ được giới thiệu lại qua những bài viết mới. Nhìn chung, đây là một tài liệu về ca nhạc sĩ Việt Nam rất đầy đủ cho những ai muốn tìm hiểu sơ lược về một giọng ca mình ưa thích. Sự tò mò có thể được đáp ứng một phần, nếu những tâm sự của các ca sĩ với Trường Kỳ không thiếu thành thật. Vì tính cách đại chúng, bộ tuyển tập này của Trường Kỳ đóng góp nặng tay vào quỹ phong lưu của anh.

Tôi ra đời trước Trường Kỳ 5 năm, nhưng cũng có thể gọi cùng thế hệ. Tôi cũng biết yêu nhạc chút chút, vì thế tên tuổi Trường Kỳ không xa lạ với tôi. Sự khác biệt ở chỗ anh nghiêng hẳn về sinh hoạt âm nhạc, còn tôi vì hoàn cảnh địa lý, ảnh hưởng xã hội đã có suy tư về cuộc chiến nhiều hơn. Do đó những sinh hoạt của Trường Kỳ tôi không được hiểu một cách thấu đáo. Lòng ngưỡng mộ anh vì vậy cũng không nhiều. Sau khi định cư tại Montréal, cùng thành phố với Kỳ, những năm đầu, tôi chỉ thỉnh thoảng nghe giọng anh nói, đọc trên một số đài phát thanh anh cộng tác như đài Tiếng Nói Hoa Kỳ, chương trình phát thanh năm ba tiếng đồng hồ tại Montréal. Tôi ít được đọc bài anh viết, vì các nhạc sĩ Phạm Mạnh Cương, Lê Dinh không gọi cho Thẩm Mỹ, Nghệ Thuật. Tôi cũng gần như không có cơ hội gặp anh. Trong một mùa hè, tôi theo vợ cùng cô bạn của vợ dạo chơi trong dip *vent trottoir* trên đường Saint Hubert, chợt Liên thúc

tay vợ tôi bảo: “*Vợ Trường Kỳ*”. Giọng Liên nhỏ nhưng tôi cũng nghe thấy và cũng kịp nhận ra một vóc dáng uyển chuyển, hấp dẫn, một khuôn mặt xinh xắn, duyên dáng. Liên nói tiếp với vợ tôi: “*Hấp dẫn vậy nhưng ông chồng thì nhỏ xíu hà*”. Câu nói của Liên không giúp tôi hình dung về một nhân vật mà tôi lơ mơ biết từng nổi tiếng một thời. Năm tháng tiếp theo Trường Kỳ không phảng phất trong tôi cho đến một sáng mùa thu, nhà văn Song Thao rủ tôi đến Trường Kỳ chơi. Dù rất lười đi, nhưng Song Thao hứa đến đón và cái tên Trường Kỳ quả còn nhiều kỳ bí đối với tôi, nên tôi nhận lời. Thời gian này tôi ở đường Barclay, Trường Kỳ cũng ở nhà thuê trên đường Chateaubriand, số 7487.



Tôi vui vẻ bắt tay một ông trung niên xuề xòa cười mở. Khuôn mặt bảnh hơn trong ảnh thời thanh xuân rất nhiều. Trường Kỳ thuộc loại đẹp trai với những nét rắn rỏi của đàn ông. Lòng kính cận có phần hơi dày, nhưng vẻ trí thức nhờ vậy cũng tăng lên. Tôi bắt gặp sự tinh nghịch lẫn tinh quái trên khuôn mặt hiếu khách của người bạn mới. Cuộc hội ngộ của chúng tôi hôm đó đáng tiếc quá ngắn, bởi Trường Kỳ đang có một người khách, ông Lê Thái, cựu Giám đốc Chương trình đài Phát thanh Sài Gòn (hiện nay giữ chức Giám đốc đài Tiếng Nói Việt Nam của cơ sở

Thời Báo tại Canada). Ông Thái rủ Trường Kỳ và cả chúng tôi đi ăn sáng. Nhưng tôi và Song Thao từ chối.

Sau lần gặp ấy, sự quen biết giữa Trường Kỳ và tôi phát triển như thế nào tôi cũng không nhớ rõ, chỉ biết tôi được Trường Kỳ ký tặng cho các tác phẩm của anh đã in tại hải ngoại, đủ bộ. Năm 1999, khi tôi thực hiện trang Vương Chiêu Luân Hoán trên *internet*, có mục giới thiệu những người sáng tác Việt Nam, không phân biệt bộ môn nghệ thuật. Tôi chợt nhớ đến những chồng báo thật hấp dẫn ở nhà Trường Kỳ, mà tôi nghĩ sẽ có nhiều tài liệu về các nhạc sĩ. Trường Kỳ cho tôi một cái hẹn qua điện thoại. Trường Kỳ đã dọn về số 7019 đường Drolet. Tôi đến nhà anh vào một buổi xế trưa mùa đông. Trời nắng đẹp, khá lạnh nhưng không có tuyết. Con đường trước nhà Trường Kỳ đang còn trống một khoản đủ để đậu hai chiếc xe. Tôi mừng trong bụng không phải tìm chỗ đậu và vất vả đi trong gió lạnh. Trường Kỳ ở nhà một mình. Chỉ có ba nhân khẩu nhưng Trường Kỳ thuê một căn nhà quá rộng. Không khoái ở phòng khách, tôi vào thăm phòng làm việc của Kỳ. Bểng nhạc, sách báo cao như núi nhưng được cái thứ tự hơn tôi rất nhiều. Trên màn ảnh *computer* đầy nhóc những *logo* các chương trình Trường Kỳ sử dụng. Anh cũng có một chỗ ngả lưng ngay bên một kệ sách vừa rộng vừa cao. Phòng âm có đầy đủ dàn nhạc, đóng cửa lại là biệt lập hẳn bên ngoài. Thật thích thú nếu có một người đẹp đến thăm. Trường Kỳ cho tôi xem hàng ngàn tấm ảnh chụp các ca sĩ. Nhìn ảnh chụp, phải công nhận ca sĩ nào của chúng ta cũng đẹp cả và nhất là thật đáng yêu, nhưng chắc khó yêu. Trong căn phòng này còn có một chiếc giường vợ chồng Trường Kỳ đặt tên là giường “nghệ sĩ”. Hầu như trên thành giường có đầy đủ chữ ký của các nghệ sĩ khắp nơi tới trình diễn hoặc du ngoạn Montreal đã từng ngủ trên chiếc giường này. Đâu cũng chừng hơn trăm chữ ký! Tôi hỏi mượn Trường Kỳ chừng năm, bảy số *Thế Giới Nghệ Thuật*. Tạp chí này phát hành tại Hoa Kỳ. Chủ nhiệm Lê Quốc Tuấn, Giám đốc điều hành Đặng Nguyên Pháp. Phối hợp nội dung Lâm Tường Dũ. Tổng thư ký Vương Trùng Dương. Trình bày ấn loát Westminster Press. Ban biên tập chừng ba mươi người, tôi chỉ quen biết nhà thơ Du Tử Lê (bút hiệu khác Hồ Huân Cao) và họa sĩ Hồ Thành Đức. Bài vở được in trên giấy trắng thật dày, hình ảnh những nhân vật được giới thiệu trong tạp chí đều là màu rất rõ nét. Chỉ dưới 10 tập, đã khá nặng

tay. Tôi cẩn thận từ giã cái thang gác khá cao của tổ ấm Trường Kỳ. Trước khi mở cửa xe, tôi giật mình thấy cái gạt nước đang giữ chặt một vuông giấy hình chữ nhật. Đã biết là cái gì rồi, nhưng không cam lòng, tôi đứng nhìn mặt tờ *Constat D'Infraction (statement of offence)* thật kỹ. Thì ra chỗ tôi đậu xe dành riêng cho cư dân tại đây. Xe không có *permis de station* dán trong kính sau, lãnh giấy phạt là điều đương nhiên. Tôi đã ăn trên mười tô phở một lúc chớ chẳng chơi ! Bài học ngày lên thăm bác sĩ Đường Minh Hoàng và bác sĩ Tôn Nữ Liên Chi tôi đã quên, bao tạp chí trên tay đã nặng chùng như nặng hơn, tôi vút vào ghế sau. Không có đồng tiền nào chi ra vô duyên bằng tiền nạp phạt vì đậu xe nhầm chỗ cấm. Những bảng cấm một đoạn đường dành riêng cho cư dân đã mua chỗ trước, thường chỉ treo ở đầu ngã tư hoặc ngã ba, nên tôi đã sơ ý đáng tiếc.

Những ngày tiếp theo tôi còn gọi xin tin của Trường Kỳ nhiều lần. Trường Kỳ vui vẻ cho tôi rõ những gì anh biết trong lãnh vực âm nhạc. Anh là người ưa thích và luôn luôn có dịp đi đây đi đó. Mỗi chuyến đi của anh thu về rất nhiều bút ký, anh từ từ cho đi trên *Thâm Mỹ*, trên *Thời Báo* hoặc đọc trên các đài phát thanh. Những bài viết của Trường Kỳ không phổ biến một kiến thức cao xa nào, nhưng mang lại cho độc giả, thính giả một góc cạnh nào đó về đời thường của một nhân vật đã hữu danh, cũng rất lý thú. Câu “Đi một ngày đàng học một sàng khôn” của tiền nhân, trong trường hợp Trường Kỳ chắc phải sửa lại: “Đi một ngày đàng viết mười trang bút ký” mới thích hợp. Trước 1975, Trường Kỳ gắn liền với phong trào nhạc trẻ, nên có thể gọi anh là Trường-Kỳ-Nhạc-Trẻ. Sau 1975, tại hải ngoại, Trường Kỳ cũng dính liền với những gì liên quan đến âm nhạc, cụ thể hơn là giới ca sĩ. Mỗi chuyến đi đây đi đó của anh hầu như đều được tài trợ phí tổn di chuyển. Việc ăn ở đương nhiên khỏi lo. Thông dong như vậy nên qua từng dặm đường, anh đều thu giữ những vui buồn, những hình ảnh của người anh tiếp xúc, để rồi sau đó anh nhả nha, nhớ đâu ghi lại đó thật sinh động. Từ những câu chuyện có thể hơi lảm cẩm để nhìn rõ hơn về một người, nhiều khi cũng rất thú vị.

Qua một lần cùng Trường Kỳ đến Toronto, tôi càng rõ cái lý thú trong những chuyến đi của anh. Không có những tiếp đón quá long trọng nhưng sự đãi ngộ của bè bạn dành cho anh thật đáng ngưỡng mộ. Có lẽ đến đâu anh cũng được những người

hành nghề ca hát thương mến. Không hẳn sự o bế xuất phát từ chờ đợi được viết bài lăng xê, giới thiệu. Qua tình kính mến của cô ca sớm chớm thành danh Lâm Quỳnh Như dành cho Trường Kỳ, tôi hiểu ra, anh có được sự thương mến của nhiều người do sự chân tình, cởi mở của anh. Khả năng nhận định, đánh giá khá trung thực về một giọng ca cũng tạo cho anh thêm uy tín. Nghe cô ca sĩ Lâm Quỳnh Như của Toronto, một tuổi trẻ tài cao trong tình yêu lẫn âm nhạc, vừa vui, vừa cung kính gọi anh bằng bố thật là thích. Sự chân tình của cô bé đã trưởng thành, lòng thanh thản của một người giàu tuổi đời vẫn một say mê âm nhạc, đúng là một hạnh phúc. Những đôi thoại quanh tôi đêm hôm ấy tại một quán cà phê, chưa đến giờ đầy khách, nhớ lại, như có những nốt nhạc không lời vang bên tai. Cuộc sống sẽ thêm vui từ những ca khúc, dù đa số bài ca của chúng ta chuyên chở những nỗi buồn.

Nhiều người cho rằng thời gian ở xứ người có tốc độ cao hơn tại quốc nội. *“Đời lưu lạc mỗi ngày là một tuổi”* chắc không quá như tôi đã viết. Nhưng nhìn qua ngó lại, thoáng một cái, ngày vui ngồi cụng ly cùng Hoàng Xuân Sơn, Song Thao, Từ Công Phụng, Lưu Nguyễn... trong tiệc cưới cháu Tú Uyên chưa qua khỏi trí nhớ, mà cháu đã có hai cậu ấm, Caillou lên năm, Chou lên ba, mau thật. Bất kể mặt trời mọc mặt trời lặn, Trường Kỳ vẫn đi và vẫn viết, có khác chăng là cơ thể anh có phần nặng ra. Trong lúc cái kính ngừng gia tăng độ dày, và tình yêu dành cho Thu Huyền đậm đà thêm. Đẹp như hình chụp trong ngày sinh nhật 60 tuổi của anh. Xin tặng mượn cho “đôi trẻ” giàu hạnh phúc một bông hồng trong những dòng chữ này. Tình thân.



Mục Lục

Ghi chú.....	9
Nguyễn Văn Xuân , từ Bão Rừng đến bão Con Voi.....	11
Võ Phiến , cuối cùng tôi được gặp.....	37
Vĩnh Điện , dấu lặng giữa dòng tình ca.....	53
Hoàng Xuân Sơn , con đò kháng nặng tình ni nớ.....	71
Châu Văn Tùng , độc giả thứ hai.....	93
Nguyễn Sao Mai , cùng hẹn cùng chờ đợi.....	109
Nhật Ngân , người đưa em sang sông.....	127
Bé Ký, Hồ Thành Đức , song kiếm hợp bích.....	149
Phan Thị Trọng Tuyền , một trang đời vụn tấm lòng.....	177
Nguyễn Mộng Giác , dòng văn bên dòng sông.....	201
Trần Hoài Thư , một đời quí sách.....	227
Trần Mộng Tú , trong vườn hoa vàng.....	259
Trịnh Cung , âm vang tình yêu.....	287
Đỗ Quý Toàn và cái cổ hạnh phúc.....	317
Phan Xuân Sinh , hết đứng rồi lại bơi đời đổ trên dòng nước.....	353
Lâm Chương , lỗi tại con chim.....	371
Nguyễn Vy Khanh , học và viết.....	387
Thái Tuấn , thiếu nữ nét thơ trong họa phẩm.....	409
Trường Kỳ nhạc trẻ, viết theo từng dặm đường.....	427
mục lục.....	447

Nhà xuất bản NHÂN ẢNH

chủ trương Lê Hân

email: lehan3359ca@yahoo.com

Đã xuất bản:

Tình Thơm Mấy Nhánh thơ Lê Hân

Quá Khứ Trước Mặt, hồi ký rời Luân Hoán

Phiếm 1 Song Thao (tái bản)

Phiếm 2 Song Thao (tái bản)

Phiếm 3 Song Thao

Dựa Hơi Bè Bạn, hồi ký rời, Luân Hoán

Tác Giả Việt Nam sưu tập văn học Lê Bảo Hoàng (tái bản)

Một Đoạn Trong Thánh Kinh, truyện ngắn Hoàng Chính

Chốn Cũ, truyện ngắn Song Thao

Ở Tình Lận Lung, tập hợp thơ Luân Hoán

Dựa Hơi Bè Bạn 2 hồi ký rời Luân Hoán

Phiếm 4 Song Thao

